

NHỮNG TRUYỆN NGẮN KINH ĐIỂN BA LAN - TẬP I

GIẤC MƠ CỒI XAY GIÓ



ELIZA ORZESZKOWA
BOLESŁAW PRUS
STEFAN ŻEROMSKI

NGUYỄN VĂN THÁI dịch

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG



TRUYỆN NGẮN BA LAN

Nhiều tác giả

Dịch giả: Nguyễn Văn Thái

Nhà xuất bản Kim Đồng - 2017



VCTVEGROUP



Scan & PDF: Nhantinh, VC

OCR: quandeptrai, Caruri

Soát lỗi: quang3456, Caruri



ebook@vctvegroup

29/07/2019

ELIZA ORZESZKOWA

(1841 - 1910)

Eliza Orzeszkowa là nhà văn, nhà báo nổi tiếng Ba Lan những năm cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, hai lần được đề cử giải Nobel Văn học (năm 1904 và 1909). Bà tốt nghiệp phổ thông trung học ở Warszawa, hai mươi hai tuổi đã tham gia cuộc Khởi nghĩa tháng Giêng chống ách thống trị của Nga hoàng (1863), từ năm 1879 là một trong những người tổ chức đời sống văn học ở Wilno, năm 1882 bị giam lỏng tại thành phố Grodno.

Sáng tác của Eliza Orzeszkowa phần lớn đề cập đến vấn đề xã hội đương đại nói chung, thí dụ như: *Vài lời về phụ nữ* (1870), *Chủ nghĩa ái quốc và chủ nghĩa thế giới* (1880), *Về những người Do Thái và vấn đề Do Thái* (1882). Trong các sáng tác văn học của bà, chỉ có một số nhỏ là tác phẩm phê bình văn học: *Một số điều cần chú ý đối với tiểu thuyết* (1886), *Những bức thư về văn học* (1873), còn phần lớn là tiểu thuyết: *Bức tranh nhỏ từ những năm đói*, *Tình yêu cuối cùng*, *Cuộc sống của một người theo chủ nghĩa hiện thực*, *Ở tỉnh lẻ*, *Hồi kí của Wacław*, *Marta...* Giai đoạn đỉnh cao sáng tạo của nhà văn là thời kì 1877 - 1891. Hàng loạt tiểu thuyết thuộc trường phái hiện thực đã ra đời trong giai đoạn này: *Bóng ma* (1881), *Vùng đồng bằng* (1885), *Những kẻ rách rưới* (1886), *Trên sông Niemen* (1888), *Kẻ thô lỗ* (1888) và các tập truyện ngắn: *Từ những tầng lớp khác nhau* (1879 - 1882), *Cô gái trẻ Antonina* (1888) và *Vào một đêm đông* (1888). Tác phẩm cuối cùng của Orzeszkowa là những câu chuyện kể dưới nhan đề *Vinh quang thay những kẻ chiến bại* (*Gloria victis*) viết về cuộc Khởi nghĩa tháng Giêng (1910).

Bà mất tại Grodno ngày 23 tháng 5 năm 1910 do bị bệnh tim nặng.

A... B... C...

Trong một thành phố lớn của nước Đức vĩ đại, hằng ngày Joanna Lipska đi ngang qua tòa nhà mà giờ đây người ta đang mở rộng mặt tiền và trang hoàng thêm, nhưng cô không mảy may để ý đến điều đó. Nhà nước ấy là một nhà nước vĩ đại và trụ sở Tòa án được nhà nước đó xây dựng là một tòa nhà đường bộ. Cô có gì liên quan đến những thứ lớn lao kì vĩ ấy cơ chứ? Cô biết rằng bên trong những bức tường rộng rãi được trổ hàng loạt ô cửa sổ cực lớn và sáng sủa kia, số phận của những kẻ dính líu đến các vụ tranh chấp quyền thừa kế hoặc phạm vào các tội nặng nhẹ khác nhau đã được định đoạt. Khi hoàn toàn không có bất cứ tài sản gì thì các tranh chấp thừa kế với cô là không thể, còn nếu như một lúc nào đó, chợt nảy ra trong đầu ý nghĩ là mình có thể bị dính líu đến việc phạm tội thì lập tức cô phải phì cười. Nhưng ý nghĩ ấy chưa bao giờ nảy sinh trong cô và ngôi nhà trụ sở Tòa án kì vĩ ấy chưa bao giờ gây cho cô sự chú ý đặc biệt nào. Tòa nhà quá lớn lao đường bộ, còn cô lại là một con người quá nhỏ bé, xuất thân từ một dòng họ khiêm nhường với cái nghèo xơ xác và cái eo lưng thon thả trình nguyên! Cô lúc nào cũng mặc váy len đen và đội mũ đen, không trang điểm, cũng không hợp mốt, song lại để lộ ra mớ tóc dày đẹp tuyệt vời màu vàng nhạt gần giống như lạnh, mượt mà và tỏa sáng long lanh phía trước trán, với bím tóc dày bên ngay sau gáy. Da mặt cô trắng xanh nhợt nhạt và lộ rõ vẻ thường xuyên mệt mỏi, đôi môi nhỏ màu hồng và đôi mắt màu tro cực lớn, trong suốt đến mức đôi khi khiến người ta liên tưởng đến đôi mắt trẻ thơ. Cô còn trẻ tuổi và chắc chắn là xinh đẹp, nhưng bất cứ kẻ nào biết nhìn người cũng nhận thấy ngay rằng cô thuộc vào loại các cô gái có thể bắt gặp hàng loạt trong mỗi thành phố, họ không chơi bời và chưng diện, họ ăn ít, thở bằng không khí của những con phố nhỏ và những căn nhà chật chội. Cách sống như thế cản trở sự phát triển của sắc đẹp và đồng thời cũng che đậy nó trước mắt mọi

người. Không được chăm chút và làm nổi bật, sắc đẹp ấy chỉ nảy nở yếu ớt và tỏa hương kín đáo, giống như những loài hoa cứ nhỏ dần đi và chỉ khoe màu nhợt nhạt trong bóng tối; bất cứ loài ngưu bàng* nào cũng có thể làm nó lu mờ và thường che khuất nó, nhưng nó sẽ dễ dàng và nhanh chóng lớn lên dưới ánh nắng mặt trời. Cô gái với mái tóc sáng như lạnh và cái eo thon thả trinh nguyên có lẽ sẽ trở nên xinh đẹp hơn, giá như có nước da tươi ròn hơn, cử chỉ linh hoạt hơn, trang phục đẹp đẽ hơn, giá như thêm vào đó, cô còn biết mạnh dạn hơn, biết làm duyên hơn trước mắt mọi người. Tuy vậy, có thể thấy rõ rằng cô không muốn và không biết làm việc đó. Cô nhợt nhạt và tàn tạ, cô pha chất dân thường đường phố, mòn mỏi trong bộ váy áo màu đen truyền kiếp, luôn sai chân bước trên các con phố của thành phố một cách vội vã, với thân hình hơi nhô về phía trước, với cái trán hơi cúi xuống, còn hai bàn chân nhỏ nhắn và cân đối bó gọn giữa đôi giày thô kệch xấu xí luôn bước nhanh, rất nhanh trên vỉa hè đá lát gập ghềnh, không để ý gì đến vẻ duyên dáng của các động tác cơ thể. Bây giờ, hằng ngày, cô buộc phải nhảy từ trên vỉa hè xuống và đi vòng qua giàn giáo của cánh thợ nề dựng tạm cạnh bức tường trụ sở Tòa án. Chỉ một lần cô ngẩng đầu nhìn lên những người công nhân đang làm việc trên đỉnh giàn giáo và chỉ nhìn trong giây lát rồi tiếp tục chạy về phía trước. Giữa cô và tòa nhà lớn đầy ắp những âm thanh ầm ĩ của các cuộc tranh chấp và tội ác kia có cái gì có thể liên quan đến nhau?

Tuyệt nhiên không một ai quan tâm đến điều đó, nhưng có một điều chắc chắn là mới cách đây không lâu, gương mặt cô thường tỏ ra vô cùng buồn bã, lo lắng và bộ váy áo màu đen được khâu thêm ở phía dưới một dải viền trắng. Cô để tang người cha và lúc nào cũng nghĩ mình nhất thiết phải tìm được phương thức kiếm sống để bản thân không trở thành gánh nặng cho cuộc sống vốn đã vất vả nặng nề của người anh trai. Đó là một ý nghĩ bình thường và phàm tục, nhưng cũng thường xuyên vẽ hằn lên vầng trán non trẻ của cô nếp nhăn sâu đậm. Lúc bấy giờ, cô rất đau đớn và suy nghĩ nhiều lắm, không chỉ nghĩ về

bản thân, đôi lúc, cô nghĩ cả đến toàn thế giới và những cơ chế khác nhau của thế giới ấy. Đôi khi, cô như cảm thấy hổ thẹn vì chuyện gì đó và lúc ấy, đôi mắt cô như nhún nhường muốn nói với mọi người: “Hãy thứ lỗi cho tôi vì tôi đang tồn tại trên đời!”

Khi người cha già còn sống, cô biết mình sống vì ông và cô cũng chưa nếm trải cảnh nghèo. Giờ đây, cô bước đi trên thế gian này với ý nghĩ thường trực là: “Ta có thể trở nên hữu ích cho ai và cho cái gì trên đời này?”

Cô thường xuyên bị đói và bước thất thểu với đôi giày rách bươm, vẫn nghĩ về mẩu bánh mì hoặc chiếc bánh tròn hay đôi giày lành lặn, nhưng đồng thời lại nghĩ: “Thì anh Mieczek khổn khổ có phải lúc nào cũng có miếng thịt để ăn đâu, áo sơ mi của anh ấy cũng rách bươm ra từng mảnh đấy thôi!... Thế mà mình còn ngồi trên gáy anh ấy!”

Đó là nỗi lo lắng rất đời thường phạm tục, ẩn nấp trong đầu cô gái dưới dạng những lời dung tục; nhưng chẳng ai nhìn thấy đã bao nhiêu lần cô bóp nát đôi bàn tay nhỏ nhắn của mình vì thất vọng, những giọt nước mắt trẻ, tức là rất đậm đặc, chảy dài trên má, còn đôi môi run rẩy vì buồn đau vẫn thầm thì câu hỏi: “Ta có thể trở nên hữu ích cho ai và cho cái gì trên đời này?”

Cô có những người quen và bạn bè cùng trang lứa, những kẻ có hoàn cảnh giống như cô, nhưng vẫn sống bình thản, thậm chí đôi khi còn vui vẻ nữa. Họ khôn khéo và tham lam chộp giật lấy những thú vui của cuộc sống hằng ngày, tự nuôi mình bằng những thứ đó, chờ đợi tương lai tốt đẹp hơn, không nhìn ngó ra thế giới xung quanh và không ngoái đầu nhìn lại bất cứ người nào - họ đã sống không tồi. Cô không thể làm như vậy. Tại sao? Có lẽ tạo hóa đã tạo ra cô hơi khác, và hỗ trợ thêm vào đó là các câu chuyện cô đã nghe được, các cuốn sách đã cô đọc qua, hình ảnh khác nhau của những vật thể tồn tại xung quanh cô đã nhìn thấy, chút ít kiến thức đã tuôn chảy vào đầu óc cô từ miệng ông bố, người trước khi rời xa thế giới này đã bị mất việc, không được làm giáo viên trường nam sinh của địa phương. Giá như ông giữ được vị trí làm việc đó lâu hơn nữa... Ôi! Tình cảnh của hai đứa con ông giờ đã

khác hẳn rồi. Tuy nhiên, ông không thể giữ được nó. Tại sao? Có thể tương lai sau này, mọi người sẽ vô cùng ngạc nhiên vì điều đó; nhưng hiện thời thì mọi người đều có thể dễ dàng đoán được. Ở tuổi xế chiều, ông được thông báo rằng ông không có quyền làm việc như mình muốn và mình biết, đồng thời cũng không được hưởng thành quả công việc của mình. Có lẽ trước đó, ông đã chịu đựng đau khổ và lao lực quá nhiều. Ở nghĩa trang thành phố, ngôi mộ sẽ không bao giờ được mở nắp ra và không ai còn nhìn thấy mái đầu sớm bạc của nhà giáo dục với đôi mắt đỏ ngầu vì công việc và những nếp nhăn lớn hẳn trên vầng trán không phải vì tuổi tác mà chỉ vì một khoảnh khắc, khoảnh khắc mà giữa các bức tường của ngôi trường, người ta đã quát lên với ông: “Người hãy cút ngay khỏi đây!”. Ông đã ra đi và khi mới vừa khuất bóng, ngay trước mặt con gái ông, những câu hỏi lập tức đã xuất hiện: Làm gì? Ở lại với anh trai? Nấu bữa trưa cho anh, khâu vá quần áo, tối tối đọc những cuốn sách để anh tiêu khiển sau giờ làm việc ở văn phòng xưởng mộc? Tất cả những việc đó cô muốn làm và biết làm, không việc gì trong số đó cô chán ghét cả, nhưng cái công việc văn phòng của anh... chỉ vừa đủ để nuôi sống và sắm sửa quần áo thơm mát cho anh thôi. Thêm vào đó, mặc dù nấu bữa ăn trưa, dọn dẹp nhà cửa, khâu vá quần áo chẳng phải là công việc khó nhọc đối với cô và cũng chẳng làm giảm nhân phẩm cô, song tâm hồn cô không được thỏa mãn vì những công việc ấy, giống như ngọn lửa nhỏ, tâm hồn cô quẩn quại trong lồng ngực, bùng cháy thành ngọn lửa, dâng mãi lên cao... Mặc dù những âu lo và nỗi nhọc nhằn ấy thật bình lặng, cô - tâm hồn trẻ ấy, vẫn mộng mơ và tham vọng. Cô muốn làm một cái gì đó và trở thành một người nào đó.

Joanna phải đắn đo khá lâu với những ý nghĩ và dự định khác nhau, cho đến một hôm, cô chạy vào căn bếp nhỏ của mình với vẻ xúc động lộ rõ trên nét mặt. Trong tay cô là chiếc sọt đựng quần áo vừa mang theo để là cho phẳng. Mặc dù chiếc sọt khá nặng, cô chạy rất nhanh dọc theo các bậc cầu thang hẹp dựng đứng và dễ dàng đặt nó lên mặt bàn. Người thon thả và nhợt nhạt, nhưng cô lại nóng nảy và hăng hái. Sau

khi đã đặt chiếc sọt lên mặt bàn, cô đứng im không nhúc nhích và lặng người suy nghĩ. Cô đứng trên sàn lắp bằng những tấm gỗ dày, lờm chờm những mũ đỉnh đen ngòm nổi lên chi chút; trên đầu cô là trần nhà thấp, làm bằng những thanh dầm phủ khói và bụi đen kịt; giữa bốn bức tường dán bằng lớp giấy màu sắc sặc sỡ tồi tàn có thể nhìn thấy vài chiếc bàn và ghế dài, một chiếc tủ nhỏ đựng thức ăn và nồi niêu bát đĩa, chiếc giường trên đó phủ tấm vải trái nhỏ nhắn và trắng như tuyết. Cô ngủ ở đó; căn phòng nhỏ nằm kề bên được dùng làm phòng ngủ cùng phòng làm việc của anh trai cô và đó là toàn bộ căn hộ của họ, nằm ở gian áp mái, tức là tầng trên cùng của ngôi nhà. Ngôi nhà ấy trông hết như kiểu nhà mà nguyên mẫu lấy từ bản vẽ của một kiến trúc sư năm tuổi chơi trò xếp bảy tờ giấy lên bàn, trong đó, hai hình tam giác đặt phía dưới, còn một hình tam giác đặt bên trên. Hình tam giác tầng trên của các ngôi nhà ở thành phố chính là những căn hộ rẻ tiền nhất, vì thế, anh em nhà Lipski đã chọn thuê sau khi ông bố qua đời. Phía dưới nhà họ là quán rượu với cửa hàng nhỏ nhìn ra đường phố, các cánh cửa hẹp thông với sân trong và gia đình chủ quán rượu ở đó. Sân trong có rất nhiều người ở, cả nam và nữ với lứa tuổi khác nhau.

Tia nắng mặt trời lọt qua cửa sổ nhỏ đổ ánh vàng lên mái tóc người con gái đang đứng bất động phía trong và làm lộ ra không thương tiếc những chỗ rách đã được vá lại rất cẩn thận trên chiếc váy màu đen của cô. Đôi bàn tay đan chéo vào nhau đặt trên tấm váy, mí mắt cô khép lại và trên đôi môi, một nụ cười mơ mộng hé nở. Cô đang mơ mộng điều gì mà cảm thấy hứng khởi như vậy? Mơ về một tối khiêu vũ nào đó? Hay chiếc váy mới có màu sắc vui tươi sáng sủa? Hay thầm ước về một lời nói ngọt ngào tình tứ hoặc ánh mắt rực lửa của người yêu?

Chợt bừng tỉnh từ những suy nghĩ thầm kín của mình, cô ngẩng mặt nhìn lên và vỗ mạnh hai bàn tay vào nhau. Đó là cử chỉ biểu thị sự vui mừng. Với niềm vui gần như thơ dại đó, cô nhảy khỏi chỗ và đẩy hé cánh cửa phòng bên cạnh. Nhưng cô lại đặt một ngón tay lên môi và tự nhắc nhở mình: “Hãy im lặng!” Sau đó, cô lên tiếng hỏi chính mình: “Anh ấy đang ngủ hay thức?”

Trong căn phòng nhỏ được xếp đặt khá nhiều đồ đạc, phần lớn là cổ lỗ và rẻ tiền, một chàng trai trẻ tầm thước trung bình đang nằm trên chiếc đi văng nhỏ. Đây là một thanh niên gầy gò, khuôn mặt ưa nhìn, khá đẹp trai, nhưng màu da trắng như giấy của khuôn mặt đó lại làm cho người ta có cảm giác về sức khỏe yếu ớt và è ợt của anh, hơn nữa, nó lại tương phản với những chùm ria mép ngắn ngùn màu đen và cặp kính đen ngòm đeo trên mắt. Trước đây, Mieczyslaw Lipski là đứa trẻ khỏe mạnh, mặc dù lúc nào cũng chậm chạp và không mạnh dạn, nhưng tình trạng ấy diễn ra trong thời gian không lâu. Lúc anh mười sáu tuổi và kết thúc khóa học năm năm ở bậc trung học, nước da của anh bắt đầu trắng bột ra, nhợt nhạt như màu giấy, đôi tay teo lại gầy gò khẳng khiu, cử động một cách lười nhác; đôi mắt đau bệnh được bác sĩ khuyên phải mang kính đen giống như ông bố; kể từ đó, không lúc nào anh tháo cặp kính khỏi mắt. Bỏ học, quá yếu không thể làm thợ thủ công, anh bắt đầu làm việc trong văn phòng xưởng mộc. Con đường thăng tiến của anh đã thất bại vĩnh viễn. Tại sao? Không một ai có thể giải thích cặn kẽ được điều đó. Đơn giản là anh phải gánh chịu một sức ép gì đó không thể nhìn thấy được, nhưng rõ ràng nó đang tồn tại - ở đâu? Trong trường học? Trong căn nhà sâu nảo vì người cha bị mất việc làm? Hay trong cách thức sinh hoạt của một gia đình nghèo? Hay do bầu không khí tinh thần mà thành phố này đang thở? Có thể tìm hiểu sâu thêm, nhưng khó mà có được lời giải...

- Mieczyslaw ơi, anh đang ngủ đấy ư? Mieczyslaw ơi, anh đang ngủ à?

Nghe thấy tiếng gọi khê của đứa em gái, anh không còn ngủ nữa, và vì còn chưa đẩy giấc sau buổi làm mệt mỏi, chàng thư kí xưởng mộc khốn khổ vừa uể oải duỗi thẳng chân trên chiếc đi văng nhỏ vừa cố bật ra khỏi cuống họng một câu hỏi tỏ vẻ khó chịu:

- Gì thế?

Sau đó, khi người anh vừa ngẩng đầu lên, vươn thẳng đôi vai và ngáp thật to, khi miệng anh còn đang há ra chưa kịp khép lại thì một

trận mưa những nụ hôn đã tới tấp ập xuống. Joanna vừa cười to và hôn rất mạnh vào miệng, vào má, vào trán người anh trai vừa nói:

- Em có rồi, Mieczek ơi, có rồi! Em có cái mình muốn rồi! Em tìm thấy rồi!

Với thái độ lười nhác dừng dừng, nhưng cũng rất nhẹ nhàng, anh vùng người thoát ra khỏi vòng tay đang ôm choàng của em gái và bằng giọng mũi ngập ngừng, anh hỏi:

- Nào, cái gì thế hả? Cô phát điên rồi phải không? Cô đã tìm thấy cái gì rồi? Tìm được tiền hay sao?

Bất chợt tỏ ra nghiêm nghị, cô đáp:

- Việc làm.

Anh chàng thư kí đột ngột đuổi thẳng người, tháo cặp kính ra lấy khăn mùi xoa lau, đeo nó trở lại và vừa nhìn vào người em gái bằng đôi mắt hấp háy đỏ lôm, vừa hỏi:

- Công việc gì? Có kiếm được tiền từ đó hay không?

Joanna đứng cách người anh trai vài bước và lần đầu tiên, cô kể cho anh nghe tất cả những lo lắng băn khoăn của mình, những điều mà trước đây cô không muốn nói ra làm cho anh buồn chán. Cách đây không lâu, cô đã quyết định đi khỏi nhà để đến nơi khác làm gia sư, nhũ mẫu, quản gia cho một gia đình nào đó ở thôn quê... ở đâu cũng được và làm gì cũng được, chỉ cần bắt mình làm một cái gì đó, bắt đầu một cái gì đó... Nhưng cô còn lưỡng lự đắn đo. Bản thân cô không biết rõ mình có thể làm được cái gì, do cô chỉ mới học ở nhà và học không nhiều... Cái mà cô biết thì biết thành thạo, chính ông bố đã dạy cô mà... song ông dạy không nhiều... Thêm vào đó, cô cảm thấy tiếc nuối khi phải chia tay với anh trai! Họ chỉ còn hai anh em trên thế gian này, mà anh thì thường không được khỏe và cần đến sự hỗ trợ nỗ lực của cô... Đến đây, từ đôi mắt màu tro của người kể chuyện, những giọt nước mắt bỗng dâng lên lấp lánh, nhưng biến mất ngay sau đó. Hôm nay, cô đã gặp niềm hạnh phúc lớn lao. Bà chủ tiệm là ủa Roznowska, người đàn bà sung túc và biết rõ tình cảnh của cô, đã hỏi liệu cô có muốn dạy

cháu nội bà- hai bé gái còn chưa cần đến một cô giáo quá thông minh hay không. Lẽ tự nhiên là cô đã nhận lời đề nghị ấy với lòng biết ơn. Các bé gái nhà Roznowska sẽ đến học ở đây, vì ở nhà họ, bên tiếng kêu cọt két và phả hơi phì phì của máy ép ủi quần áo không thể nào học được. Tuy nhiên, đó mới chỉ là khởi đầu. Bà Roznowska hứa sẽ tiến cử cô cho một bà bạn thân, người có hai căn nhà ngay trên phố này và cũng có đứa cháu trai đang chuẩn bị đi học. Cậu bé chơi thân với hai đứa cháu gái nhà bà Roznowska và sẽ đến học cùng với chúng. Nhưng đấy cũng chỉ mới là khởi đầu. Chỉ cần bắt đầu thôi! Còn cái thằng Kostus nữa chẳng hạn, nó là con trai ông thợ nguội, kẻ chỉ ngồi trong quán rượu và uống liên miên, còn mẹ nó thì suốt ngày tối tăm mặt mũi với việc giặt giũ quần áo, đã mười hai tuổi nhưng nó chưa biết đọc và bắt đầu tập tọe theo bố vào quán rượu. Bà mẹ đành bó tay không biết làm gì với thằng bé, giá như có người nào đó dạy nó học và tách nó ra khỏi những việc làm xấu xa, thì dù không khá giả gì, mụ sẵn sàng trả công theo khả năng của mình... Trong tương lai còn có thêm một bé gái con ông thợ xây nữa, ông ta vừa mới sửa cho hai anh em họ chiếc lò sưởi trong năm nay và đôi khi phải đưa cả con gái theo. Còn cô bé Manka, con gái người gác nhà nữa chứ, con nhỏ ấy cũng sắp đến lúc phải học một thứ gì đó rồi. Cô đã biết khá rõ về những đứa trẻ ấy. Đã nhiều lần, cô dẫn thằng Kostus lớn xác vào nhà bếp của mình, ấn cái đầu rồi bù của nó vào nước và kì cọ bằng xà phòng, nói chính xác là chà xát cả người thằng bé giống như mẹ nó giặt giũ quần áo ấy. Cái thằng Kostus bằng nhặng ấy, một đứa bé phổng phao, vai rộng như vậy, đầu to tướng, bước đi lúc nào cũng khom lưng, nện gót xuống nặng nề đến nỗi sàn nhà rung lên bần bật cũng là đứa trẻ nghịch ngợm, du côn, bắt đầu thích rượu, nhưng đối với cô, nó lại tỏ ra hiền lành như chú cừ non, cho phép cô tắm rửa, chải đầu, massage... Cô tin chắc rằng có thể cứu vớt thằng bé ấy khỏi thói hư đường phố và quán rượu; còn với cô bé Manka nhỏ xíu kia thì từ lâu, hai chị em đã tỏ ra quyến luyến nhau rồi...

- Hơn nữa anh cũng biết đấy, anh Mieczek ạ, nói chung là em rất yêu trẻ con... Em không hiểu tại sao, nhưng đúng là như vậy... Có lẽ do bố truyền lại... Em đã nghĩ như thế và vậy là bây giờ đã tìm được công việc. Bà Roznowska đã giúp em... Nhưng đó mới chỉ là khởi đầu. Cóp nhặt từng hạt một rồi sẽ tích thành đống, còn về sau... về sau...

Tất cả những điều đó cô đã nói với sự phấn chấn càng lúc càng lớn hơn; trong căn phòng mờ mờ tối, cửa sổ hướng ra phía bắc, không một tia sáng mặt trời nào rọi vào người, thế mà trên vầng trán cô lấp lánh ánh hào quang và màu hồng cuộc sống ửng lên đôi má.

Mieczyslaw vừa uốn thẳng người ngồi lại cứng đơ vừa chăm chú nhìn cô không chớp mắt từ sau cặp kính của mình. Các đường nét trên bộ mặt tiêu tụy và ngái ngủ của anh cũng bất động và thật khó mà đoán được liệu điều mà cô vừa nói có gây ra cho anh cảm giác gì hay tuyệt nhiên không. Chỉ có điều, đôi mắt của anh không dời khỏi khuôn mặt sống động của em gái và những ngón tay gầy gò của đôi tay dài, trắng muốt của anh đang đặt trên đầu gối càng lúc càng gõ nhanh hơn vào bộ quần áo đã sờn rách. Khi Joanna thôi không nói nữa, bằng giọng mũi chậm rãi của mình, anh nhắc lại câu cô vừa nói:

- Còn về sau!... về sau!...

Còn sau đó, bằng động tác đặc biệt, không hiểu là để biểu thị sự lo lắng hay bông đùa, vừa rút đầu xuống dưới cổ áo sơ mi hồ cứng của mình, anh vừa do dự lên tiếng hỏi:

- Ôi... gì thế?... Em lập kế hoạch xa vời như vậy ư?... Thế em không nghĩ đến chuyện đi lấy chồng à?

Cô nhún vai.

- Em ngờ rằng chuyện đó chẳng bao giờ xảy ra. Anh biết là hầu như chúng ta không quen biết một ai cả, chúng ta không đi đến đâu... Vậy thì sao đây? Bằng cách nào? Kể ra thì cũng có thể... nhưng em không thể hạ mình làm việc đó.

Vẫn co ro trong chiếc cổ áo, nhưng đã ngẩng cao đầu hơn một chút, người anh trai vẫn tiếp tục nhìn chăm chăm vào cô, chỉ có điều trên đôi

môi mỏng dính viền dài ria mép đen đã dường như xuất hiện một nụ cười đùa cợt:

- Thế... - Anh lên tiếng - Cái anh chàng bác sĩ kia đâu?

Lần này thì mặt Joanna đỏ bừng và cô ngạc nhiên nhìn lên anh trai. Sao lại như vậy được? Có nghĩa là anh ấy đã đọc được trong ý nghĩ của cô điều mà cô chưa hề mở miệng nói ra với bất kì ai! Anh, con người thờ ơ và lúc nào cũng buồn ngủ như vậy, chắc phải quan sát cô tỉ mỉ lắm mới có thể đoán được, không hiểu từ đâu, có lẽ từ đôi mắt, từ sự co giãn trên nét mặt... Nhưng ở đây chẳng có gì để nói. Ở đây, hoàn toàn không có bất kì một mối tình lãng mạn nào, thậm chí một giả thiết nào về chuyện đó. Chỉ có điều là không hiểu sao trái tim đập sôi động hơn thôi. Khi người ta còn trẻ, phải có lúc nào đó trái tim buộc phải đập loạn nhịp, song ngay sau đó, nó đã lặng im, bởi không hi vọng.

Ánh hồng đã tắt trên khuôn mặt Joanna, đôi mắt và cặp môi cô biểu thị vẻ nghiêm trang đặc biệt. Sau giây lát im lặng, cô nói với giọng còn nhỏ hơn trước đây:

- Mieczek của em ơi, anh thừa biết rằng điều đó đối với em là ước mơ quá lớn... Bác sĩ Adam đối xử với chúng ta vô cùng tốt trong suốt quãng thời gian dài đau ốm của bố... Và em thành thực nói với anh rằng trong suy nghĩ của em, anh ấy là mẫu người lí tưởng. Nhưng cũng chính vì thế, đúng là như vậy, em biết rõ rằng anh ấy không nghĩ đến em và sẽ không bao giờ nghĩ đến đâu...

Cô cúi đầu xuống và tiếp tục nói nhỏ:

- Chỉ có điều anh biết đấy... thành phố của chúng ta thật chật chội... mọi người ở đây, người nọ biết về mọi thứ người kia và đôi lúc buộc phải gặp mặt nhau... vì vậy, em muốn anh ấy biết... là em... em biết rõ giữa chúng em sẽ không bao giờ xảy ra chuyện gì, nhưng em muốn... anh ấy biết là ít nhất em cũng đáng được hưởng sự tôn trọng của anh ấy...

Cô ngẩng mặt và ngược nhìn lên cao qua lớp kính cửa sổ, rất cao, như thể ở nơi xa xăm vô cùng tận trên kia, cô nhìn thấy ánh sáng của

vàng cầu vồng lí tưởng đang treo lơ lửng trên cuộc sống ảm đạm của cô. Mieczyslaw ngẩng đầu lên từ chiếc cổ áo là cứng rồi lại cúi xuống. Các ngón tay của anh vẫn gõ nhịp trên đầu gối đầy xương xẩu, khoe miệng hé rộng ra đôi chút. Thật khó đoán được là anh đang cảm thấy buồn rầu, chán nản hay vẫn còn buồn ngủ. Đột nhiên, anh hỏi:

- Nào, thế thì họ sẽ trả em bao nhiêu?

Câu hỏi ấy lập tức đánh thức Joanna khỏi trạng thái trầm ngâm suy nghĩ hay mơ mộng. Cô liền hạ vàng cầu vồng lấp lánh trên cao của mình xuống để giải quyết những công việc của đời sống thường nhật, những thứ có ý nghĩa lớn lao đối với cô. Cô lại vui vẻ nói cho người anh trai nghe rằng thu nhập của cô chưa cao, nhưng sẽ có giá trị lớn trong cuộc sống chung của họ. Hơn nữa, đó chỉ mới là khởi đầu... Cóp nhặt từng hạt một rồi sẽ tích thành đống, còn về sau... về sau...

Mieczyslaw đứng lên. Anh cứng đờ người, bước vài bước về phía trước, đôi tay gầy co ro trong hai ống tay áo rách bươm dang ra ôm ngang eo lưng em gái và anh hôn trán cô vài lần. Cô nhảy lên ôm cổ anh. Cô hết sức vui mừng và ngạc nhiên. Những biểu hiện tình cảm như vậy thật hiếm hoi mới xuất hiện ở người anh trai, sự trìu mến như thế này cô gần như không nhớ đã bao giờ được hưởng. Mỗi đến khi người anh nhắc chiếc mũ lên, bước ra khỏi nhà đến văn phòng, cô còn ngồi một mình trong bếp với những ý nghĩ ngổn ngang trong đầu:

“Có phải anh ấy tỏ ra âu yếm đối với mình như vậy vì khoản thu nhập sắp tới không nhỉ? Có nghĩa là

trước đây anh không nghĩ về chuyện gì khác, chỉ nghĩ đến tiền!...”

Nhưng buổi tối hôm ấy, những ý nghĩ buồn rầu nhanh chóng rời khỏi cô. Khi màn đêm buông xuống, từ phía dưới sàn nhà bắt đầu ập đến chỗ cô những giọng nói đùa giỡn, tiếng gõ đập, tiếng hò hét mỗi lúc một to. Đó là giây phút khi ánh sáng ban ngày vừa tắt, quán rượu bừng thức và bắt đầu cuộc sống của mình. Có vẻ như tiếng vọng của cuộc sống ngầm ban đêm đó đã lập tức chiếm lĩnh cô. Joanna bật người dậy khỏi ghế dài và nhanh chóng chạy thẳng xuống sân trong của ngôi nhà. Cô chạy về

phía căn hộ của gã thợ nguội suốt ngày say xỉn và vợ hằn, mụ thợ giặt. Dọc đường, váy của cô phe phẩy chạm cả vào bé gái nhỏ xíu, chân đất, má phình, mặt đỏ bừng, với động tác nhảy như vẹt chạy bên và cùng với cô khuất bóng sau cánh cửa căn phòng nhỏ tối tăm. Sau khoảng thời gian tương đối lâu, khi hai người bước ra sân thì sau lưng họ xuất hiện gã thợ nguội, kẻ có đôi vai rộng, mặt sưng phù vì rượu, đôi mắt to mọng nước, tóc rối bù trùm kín vầng trán thấp. Từ bộ quần áo và toàn bộ con người hằn toát ra vẻ lộn xộn quen thuộc, song ngày hôm ấy, hằn không say mà chỉ tỏ ra hân hoan và xúc động vì một điều gì đó. Hằn cúi người khi bước ra sau ngưỡng cửa căn hộ nhà mình và sau khi nắm lấy bàn tay Joanna, hằn mang hết sức căng môi ra hôn cô. Cùng lúc đó, thằng Kostus to xác, vai rộng, nặng cân, toàn thân phủ kín trong bộ quần áo vải thô dày cộm, chân trần gõ thành thịch trên nền đá, vừa ôm bình nước đầy vừa chạy dọc theo bậc thang gác dẫn đến căn hộ của anh em nhà Lipski. Đã từ khá lâu, nó thỉnh thoảng lại làm những công việc khác nhau phục vụ cho Joanna. Chuyện lạ kì! Đứa bé trai ấy mới mười hai tuổi đã có vầng trán nhiều nếp nhăn và thường nheo mắt nhìn mọi người tỏ vẻ hoài nghi, đôi lúc còn giảo quyệt và hằn học. Người mẹ vất vả, làm lụng quần quật và suốt đời buồn khổ thường xuyên la mắng nó, thậm chí đánh nó; người cha, kẻ thường lén theo sau nó, mang từ quầy rượu những mẫu xì gà chưa hút hết và những mẫu bánh bích quy đầy mùi rượu về cho nó; nguồn vui sướng, niềm khoái cảm và mùi vị cuộc sống đối với nó là quầy rượu. Từ cách đây không lâu, trong trái tim trẻ thơ sớm già nua ấy, lần đầu tiên có thể nảy nở một tình cảm khác, không còn là sự tổn thương, sợ hãi, trần tục và những ấn tượng thô bỉ. Chưa bao giờ trong đời, nó nhìn thấy cô gái nào tuyệt vời như Joanna hiện lên trong mắt nó, và chưa bao giờ nó được nghe giọng nói êm dịu như thế, cả những câu chuyện thú vị như những chuyện mà cô đã kể cho nó mỗi lần cô nấu bữa ăn trưa hoặc khâu vá quần áo, còn nó làm giúp cô những việc có thể, hoặc khi nó ngồi bệt trên nền đất bên cạnh bức tường gian bếp, vừa lấy tay ôm hai đầu gối nhô cao vừa ngược nhìn lên cô không phải với đôi mắt nheo lại một cách hoang dã, mà

bằng ánh mắt mạnh dạn và thận trọng. Kể từ lúc cô bảo nó phải đối xử tốt với bé Manka nhỏ xíu, nó không bao giờ đánh con bé, không trêu ghẹo, không dọa nạt và người ta thường thấy hai đứa nắm tay nhau thận trọng cùng bước từng bước qua mảnh sân trong của ngôi nhà. Chúng cũng cùng tỏ ra thận trọng như vậy khi leo lên các bậc thang gác và bước vào gian bếp nhà anh em Lipski.

Sau đó, hằng ngày trong gian bếp thường vang lên những âm thanh hết sức ồn ào, ầm ĩ. Từ sau bức tường mỏng của tầng trên vọng ra ngoài giọng trẻ con bập bõm đánh vần:

- A... b... c... A... b... c...

Giọng khác của những đứa lớn hơn một chút tập đọc:

- Con ong, dù nhỏ bé, cũng là loài côn trùng có ích. Nó có bốn cánh, sáu chân, hai râu và một ngòi châm...

Hoặc:

- Năm lần sáu bằng ba mươi..., mười trừ bốn bằng sáu v.v...

Thằng Kostus lớn đầu tỏ ra là người đặc biệt yêu thích môn Tập viết. Nó không thích gì hơn là đưa ngòi bút trên mặt tờ giấy, lúc ấn nhẹ lúc nặng tay, và khi bắt đầu tập viết chữ cái, nó có vẻ thực sự khoái trá với những kiệt tác của mình. Joanna tự mình viết những dòng chữ mẫu cho nó. Cô có dụng ý trong việc làm đó. Cậu bé sau khi đã viết kín trang giấy liền cầm quyển vở bằng cả hai tay, cúi gập đôi vai rộng trên bàn và với niềm vui chiến thắng cùng sự say mê thích thú, cậu đọc to những chữ mình vừa viết:

- Đừng bắt người khác phải chịu cái mà mình không thích... Dù nghèo, nhưng vẫn sạch... Bỏ câu răn không tự rơi xuống bàn ăn...

Trong những lúc như vậy, Joanna chẳng cảm thấy buồn nữa. Thậm chí, khi cô bước trên các con phố của thành phố, có thể nhìn thấy trong nhịp đi của cô và trên nét mặt cô những sự thay đổi đáng kể. Trông cô nhanh nhẹn khỏe mạnh và dịu dàng hơn. Giày của cô không còn bị rách, cả váy áo cũng không tàn tạ nữa. Cô nở hoa. Thành quả cô đạt được tuy còn nhỏ bé, nhưng rõ ràng, khái niệm lớn nhỏ trên đời này chỉ

là thứ hết sức tương đối. Đối với cô, những thứ bé nhỏ kia hầu như đã là sự cứu rỗi. Người này cho cô chút ít tiền, kẻ khác trả công cô theo cách mà họ có thể. Mụ thợ giặt đã giặt miễn phí quần áo cho anh em cò;

ông thợ xây có mảnh vườn rộng đã mang đến cho họ rau xanh và hoa quả; gia đình người thợ làm bánh mì ở đối diện ngoài tiền công mỗi tháng một rúp còn gửi cho họ mỗi ngày một ổ bánh mì tròn; người gác nhà chặt củi cho họ không lấy tiền công, thỉnh thoảng còn mua cái nọ cái kia ngoài chợ mang về làm quà tặng cô vì cô đã đối xử thật tốt đối với con gái nhỏ của ông... Cô thực sự ngạc nhiên khi thấy ngay cả gã thợ nguội suốt ngày say xỉn trả công cô bằng một đồng tiền, kể ra cũng không giống đồng tiền bình thường, song đối với cô cũng có giá trị không hề thua kém. Biết bao nhiêu lần khi từ thành phố trở về, bước vào sân trong của ngôi nhà, con người ấy, không biết từ đâu cũng đồng thời xuất hiện. Hoặc sau khi nhìn thấy cô qua cửa sổ, gã chạy ra từ quầy rượu hoặc lên ra từ góc nhà mà gã đã lười biếng ngồi hàng tiếng đồng hồ, hoặc vào những ngày khá hơn, gã tạm dừng công việc đe búa và bước ra từ căn hộ của mình, chỉ biết rằng lúc nào cũng vậy, không bao giờ thay đổi, với mức độ đều đặn, chính xác như đồng hồ, đầu tóc rối bù, cái trán thấp tẹt và tấm tối luôn cúi thấp trước cô, còn đôi môi vàng khè sưng phù đặt lên tay cô một nụ hôn kéo dài và kêu to chùn chụt. Đó thực ra là nụ hôn kinh tởm của một gã say, mà dấu vết của nó cô đã nhanh chóng chùi cho sạch khỏi tay mình hầu như vô thức, nhưng nó lại giống như viên kim cương rơi sâu vào trái tim cô. Như những viên kim cương, niềm vui ngồi sáng long lanh trong mắt cô, khi cô mang về khoe với anh trai nửa tá áo sơ mi mới toanh trắng như tuyết thay cho những chiếc áo khi giặt đã bị rách ra từng mảnh. Cũng trong ngày hôm ấy, cô đã đánh vào chiếc mũ đen muôn thuở của mình một nhánh hoa giả...

Bây giờ, cô nhìn mọi người với thái độ bạo dạn và bình thản; nhưng trong thành phố có một người đặc biệt mà cái nhìn của anh, hễ cứ bắt gặp là cô lại thêm khát, mặc dù cô đã cố không nghĩ đến điều đó. Với

cha cô, anh là người đối xử vô cùng tốt trong thời gian dài ông bệnh tật. Lúc bấy giờ, cô thường xuyên nhìn thấy anh, nghe các cuộc nói chuyện lễ độ của anh với nhà giáo lâu năm trong nghề, sau đó, anh có đến dự tang lễ và khi thấy cô run rẩy bước xiêu vẹo sau quan tài, anh đã chìa vai mình ra để cô vịn tay vào. Và không có gì xảy ra giữa họ thêm nữa, nhưng không bao giờ cô quên điều đó. Bây giờ, cô chỉ nhìn thấy anh ngoài đường phố từ xa, khi anh ngồi trên chiếc xe nhỏ nhả thẳng một ngựa đi vòng qua các ngôi nhà bệnh nhân của mình. Mỗi lần phát hiện ra cô, anh đều cúi chào lễ độ. Không có gì thêm. Nhưng trong tim cô, một sợi dây đàn nào đó đã ngoan cố rung lên mỗi lần gặp anh và cất tiếng hát để cô nghe về anh trong những giờ phút im lặng sau đó. Cô nói với mình: “Mi là người không giống như vậy!”. Song không một ai có thể mang đến cho cô cảm giác nhẹ nhàng thanh thoát đến thế. Thịnh thoảng, trong những đêm trăng sáng, được nghỉ ngơi sau ngày làm việc, vẫn còn chưa ngủ, qua lớp kính cửa sổ nhỏ, cô ngược nhìn lên cao, thật cao... Đó là niềm hạnh phúc lớn lao mà cô không dám mơ với tới, cô mừng rỡ tưởng đó là vầng cầu vồng lí tưởng treo lơ lửng ở miền xa vô tận trên mặt đất xám xịt...

Thịnh thoảng, cô cũng tưởng tượng mình là con sâu bé nhỏ, nhảy loăng quăng cho đến khi kiệt sức trên nền tảng một công trình xây dựng cao chọc trời. Từ nền tảng*. Cụm từ ấy cô đã nghe thấy, đọc được ở đâu đó rồi. Bây giờ thì chính cô cũng đã đến đó. Ở trên cao thật sáng sủa và dễ chịu. Mọi người ở đó mang vác và đục đẽo những viên cẩm thạch, kéo tia nắng từ trên trời xuống, đi tìm ngọc ngà châu báu, cả thế giới và bản thân họ cũng biến thành ánh hào quang. Cô cùng với vô số những bản thể nhỏ bé giống hệt mình đang cóp nhặt những hạt bụi nhỏ xíu trong bóng râm, nhưng cô cảm thấy hoàn toàn thỏa mãn vì trong thế giới tưởng tượng của mình, tương lai trở nên dịu dàng viên mãn và thậm chí, từ trên dải cầu vồng của cảm giác lạ lẫm và mãi mãi cam lặng ấy không rơi xuống môi cô bất cứ giọt đắng cay nào, chỉ đôi lúc chảy đến chút nhớ thương và u buồn...

Thường thường trong đêm khuya, những tiếng hát hèn hạ, tiếng cười khả ố, tiếng gót giày trên người và tiếng gõ đập từ quầy rượu ở phía dưới qua sàn nhà phun ra ngập tràn gian bếp đen ngòm hoặc lơ mờ ánh trắng. Lúc bấy giờ, âm thanh hoang dã đó bay bổng bên trên tấm chăn đệm trắng, bay trên các ý nghĩ, các ước mơ và trên giấc ngủ êm đềm trong sáng trẻ thơ của Joanna.

...

Mặc dù đã dạy khá nhiều trẻ nhỏ, cô vẫn không sao nhãng công việc nội trợ vất vả của gia đình mình và anh trai. Vì thế ngày nào cũng vậy, mỗi ngày một hoặc hai lần, cô ra thành phố để mua thực phẩm và giải quyết các công việc khác nhau. Trong những cuộc du ngoạn ấy, cô thường hay phải đi ngang qua ngôi nhà trụ sở Tòa án đường bệ nọ, nhưng không bao giờ cô để ý dù chỉ là thoáng qua đến nó. Tòa nhà lớn lao đến thế, còn cô thì bé nhỏ chùng này! Không gian rộng lớn bên trong tòa nhà đó luôn đầy ắp tiếng vang của các cuộc tranh cãi và tội lỗi, vì vậy cô thì có cái gì có thể liên quan đến nó cơ chứ? Tuy vậy, chuyện đã xảy ra - tại sao, thật khó mà hiểu nổi - một ngày kia, cô đã bước vào một trong những sảnh lớn của tòa nhà ấy và ngay sau đó, người ta chỉ cho cô chỗ mà cô phải đứng. Đó là hàng ghế dành cho những kẻ bị buộc tội. Mãi về sau, cô cũng không bao giờ hiểu nổi bằng cách nào cô đã vượt qua được đám đông và đi đến chỗ đó. Lúc bấy giờ, cô có cảm giác rằng toàn bộ lượng máu của mình đều dồn cả lên đầu, nó sôi lên sùng sục, nó réo gào kêu thét, cháy rừng rực ở má và trán giống như thanh sắt nung đỏ. Trong mắt cô, những con người, tường nhà, đồ đạc cứ nhật nhòa như sương khói và rồi ren đến mức cô chỉ nhìn thấy quanh mình một đám hỗn độn đầy màu sắc lấp lánh. Cuối cùng, khi đã nhận biết được rằng trong đám hỗn độn kia có vài trăm con mắt đang hết sức tò mò nhìn chòng chọc vào mình, cô có cảm giác giống như bỗng nhiên người ta xé rách toàn bộ quần áo che thân rồi mang cô ra đặt giữa quảng trường thành phố. Cô muốn ngay lập tức

vùng thoát ra và chạy trốn, nhưng con người mệt mỏi đến tột cùng của cô mách bảo rằng điều đó không thể thực hiện được. Những kẻ giờ phút ấy nhìn cô đã trông thấy trước mắt họ một cô gái mảnh khảnh, dịu dàng trong bộ quần áo đen khiêm nhường run rẩy sợ hãi, toàn thân cháy đỏ đến tận chân tóc.

Đó chính là sảnh lớn nhất của tòa nhà lớn. Bề cao gần như bằng nhà thờ mang đến cho nó dáng vẻ oai nghiêm, đường bệ; còn những tấm thảm và tấm khăn đỏ thắm phủ chiếc bàn dài mà phía sau nó, các vị quan tòa ngồi tạo ra cảm giác long trọng. Đám đông người đủ mọi tầng lớp đã lấp kín các hàng ghế đặt ở gần lối vào. Bốn ô cửa sổ lớn trổ cao tít trên các bức tường ngang hắt tia sáng trắng đơn điệu mệt mỏi lên các bức tường cao cũng trắng nhờn một màu đơn điệu, hắt lên vóc dáng oai phong của các vị quan tòa, lên đám đông đầy màu sắc không ngừng di động, đang thắm thì trò chuyện trong im lặng và trề nải chiếm lĩnh nửa sảnh đường. Đây đó một bông hoa sắc sỡ đung đưa trên đầu phụ nữ, một câu nói to vang vọng ở trên cao. Người chạy giấy của tòa lớn tiếng nói vài lời hết sức đĩnh đạc và bầu không khí tĩnh lặng bao trùm, giây lát sau nghe rõ giọng nói của vị chánh án:

- Vụ Joanna Lipska bị kết tội duy trì trường học không có giấy phép của chính quyền...

Những lời nói đó đã thức tỉnh Joanna. Cô đứng lên và trả lời mấy câu hỏi của chánh án bằng giọng nhỏ nhẹ nhưng rõ ràng. Sau đó, cô lại ngồi xuống. Những tia lửa đỏ không còn xuất hiện trên mặt cô nữa, nước da trắng nhợt của cô được phơi bày. Ngay lúc đó, có thể nhận thấy cô đang bị những dòng suy nghĩ dồn dập tấn công mạnh mẽ đến mức thị giác và thính giác đã hoàn toàn tách khỏi cảnh tượng đang diễn ra trước mắt và bao bọc ngay sát quanh cô. Trong đôi mắt mở to của cô hiện ra nỗi kinh ngạc lớn lao. Cô nâng nó lên cao về phía vòm mái đúc cổ lỗ trang trí phía trên bức tường đối diện; đôi lúc, cô lúc lắc đầu như thể từ bên trong con người mình, cô đang cố gắng cắt nghĩa một điều gì đó vô cùng khó hiểu và cô đã không tài nào hiểu nổi. Thật khó nói là liệu cô có để ý gì đến lời khai của những người làm chứng hay không. Nhưng

những lời khai đó thật sự được nói rất to và diễn ra khá lâu. Bà già to béo tóc hoa râm Roznowska trong chiếc áo choàng đan kiểu cổ, chiếc mũ có bông hoa đỏ thêu chìm, lấy khăn mùi xoa lau mồ hôi nhỏ giọt trên khuôn mặt khá bự và độ lượng của mình, mấy lần nhắc đi nhắc lại lời khai rằng bà chính là người có lỗi trong mọi chuyện. Lương tâm bà không cho phép nói khác. Bà thề rằng sẽ nói sự thật và bà đang nói đúng sự thật. Bà là người đầu tiên gợi ý Lipska làm việc đó. Cô bé nghèo và mồ côi cần có thu nhập, còn bà có các cháu gái. Nếu như biết chuyện này có cái gì xấu xa, chắc chắn bà đã không gợi ý, nhưng bà thề trước Chúa Jesus rằng bà không hề nghĩ là đã xúi giục cô làm điều xấu. Tóc bà đã bạc, cả cuộc đời bà trải qua trong thành phố này và mọi người đều có thể đứng ra làm chứng rằng bà chưa xúi giục ai làm điều gì không lương thiện bao giờ. Bà sụt sịt khóc, một lần nữa nhắc lại rằng chính bà đã gợi ý..., thậm chí đề nghị... song người ta ra hiệu cho bà đừng nói nữa và ngồi xuống. Người bạn thân của chủ tiệm là ùi, người sở hữu hai căn nhà, một người đàn bà bé nhỏ, khô khốc, nổi bật trong đám đông vì bộ váy áo dệt bằng len tuyệt đẹp, với kiểu cách trang nhã, bằng giọng nói hạ thấp, nụ cười vô cùng duyên dáng, đã tuyên bố rằng những quyển sách được dùng làm corpus delicti* đang nằm trước tòa thực ra là do bà mua tặng Lipska, người đã chuẩn bị cho con trai bà vào học lớp vỡ lòng tốt đến mức, giờ đây, nếu như không vì còn quá nhỏ, người ta đã có thể nhận thẳng nó vào seksta*. Cô ta đã dạy học rất tận tâm... tận tâm đến mức bà cảm thấy có trách nhiệm phải nâng mức tiền công trả cho cô. Nếu như biết chuyện này có cái gì xấu xa thì chắc chắn bà đã không làm điều đó, nhưng bà lấy danh dự ra thề rằng bà không biết. Biết làm sao đây? Kẻ nào có con trẻ, kẻ đó buộc phải chăm lo giáo dục nó, trong khi ở đây, ngay bên cạnh có một gia sư tử tế tận tâm và lấy tiền công rẻ hơn người khác, vì vốn là cô gái mồ côi... Đến đây, bà làm động tác cúi đầu lịch thiệp và hết sức kính trọng trước quan tòa, sau động tác đó, bà nở nụ cười duyên dáng, nhưng với đôi môi hơi run rẩy và mí mắt chớp chớp, ngồi xuống cạnh Roznowska.

Với người bị thẩm vấn tiếp theo, mục thợ giặt, vợ gã thợ nguội suốt ngày say xỉn, hầu như chẳng khai thác được gì, vì người đàn bà cao gầy với khuôn mặt nhìn theo cả chiều ngang lẫn chiều dọc đều hằn rõ nỗi đau buồn lo lắng, trong chiếc váy dày cộm ngăn cùn, với tấm khăn lớn buộc ngang đầu, đã tỏ ra sợ hãi và đáng thương đến mức ngoài mấy tiếng phát ra lí nhí chỉ vừa đủ nghe thấy, không thể nói được gì. Vai mục run lẩy bẩy dưới tấm khăn quàng lớn, từ đôi mắt lúc nào cũng bị làn hơi nước sôi sục mịt mù thiêu đốt, những giọt nước mắt nóng bỏng như sắt nung cứ rơi lã chã lên đôi tay to dày, bỏng rát đặt chéo ngang ngực. Tất cả lời khai của mục người ta chỉ có thể nghe thấy những cụm từ như: “đưa con trai mười hai tuổi”, “người cha say”, “quán rượu ngay dưới nhà”, “việc học hành”, “cô gái tốt”... Người ta nhanh chóng tổng khứ mục khỏi đó nhường chỗ cho ông thợ xây. Thay cả cho mình lẫn người đàn bà trước đó, ông nói nhiều, nhanh và to đến mức đã vài lần, người ta đề nghị ông hạ thấp giọng, lệnh ấy lập tức được tuân thủ, nhưng bàn tay đầy mạch máu chắc nịch vừa sờ vào sợi dây làm bằng đồng của chiếc đồng hồ đeo tay hoặc vò lên mớ tóc rậm rạp cứng đờ trên đầu, ngay sau đó, ông lại tỏ ra sốt sắng nhiệt tình và lên giọng to hơn mức cần thiết. Ông chứng minh rằng vì sự dạy dỗ con gái mình, ông đã trả công cho cô gái bằng khoai tây và rau quả, điều đó cho thấy ông mong muốn con gái mình tiếp thu được một điều gì đó. Nếu gửi con vào trường có kí túc xá thì đối với ông là quá đắt. Do vậy biết làm gì đây? Và ông đã gây ra điều gì? Hoặc cô gái kia, cô ta đã gây nên điều gì?... Sau khi đặt câu hỏi, ông chìa hai tay ra và giương mắt lên nhìn như để biểu lộ rằng trước mắt mình, thế giới đang bị đảo lộn và ông không tài nào hiểu nổi tại sao chuyện đó lại xảy đến với mình? Sau ông thợ xây, lần lượt cho khẩu cung và đứng ra làm chứng là ông thợ làm bánh mì, người gác nhà, người đánh xe ngựa và bà góa có chồng trước đây là công chức và cuối cùng, đứng khai lâu nhất, chính là kẻ đã có công phát hiện ra rằng trên tầng gác nhỏ của căn nhà, mà phía dưới là quầy rượu, nhóm trẻ em nhỏ tuổi đã biết được rằng con ông có bốn cánh, sáu

chân, hai râu và một ngòai châm, rằng mười trừ bốn bằng sáu, rằng không nên bắt người khác làm điều mình không muốn v.v...

Trong giây phút im lặng tạm thời vừa được tạo nên, khi giọng nói của người làm chứng cuối cùng câm lặng, ánh mắt Joanna chậm rãi phóng từ phía trên xuống đám đông đang tập trung ở nửa sảnh. Tất cả mọi người đều ngòai trên các hàng ghế dài im lặng, chăm chú theo dõi diễn biến của phiên tòa. Phía bên trên đám đông đầy màu sắc và bất động đó nổi bật lên một người, kẻ không ngòai mà đứng. Để có thể nhìn rõ mọi thứ, anh đứng phía sau mọi hàng ghế, trên một gò cao, hai bả vai dựa hẳn vào tường cứ như mọc từ đó ra. Đôi mắt Joanna ghim vào mặt anh và bộc lộ vẻ sợ hãi đến khiếp đảm.

Đó chính là anh trai cô, nhưng anh ăn mặc khác hẳn mọi ngày! Hai cánh tay gầy khô khốc trong chiếc áo rách bươm đặt chéo sát trước ngực; trên đôi má nhợt nhạt như tờ giấy của anh xuất hiện những vết đỏ kéo dài đến tận gọng mắt kính đen. Anh thở gấp gấp và môi hơi hé mở, tình trạng đó cũng thường xảy ra với anh, chỉ có điều trong giây phút đó, nét đặc trưng của khuôn mặt anh không gây cho cô cảm giác đó là biểu hiện của sự ngó ngẩn hoặc thờ ơ, mà là sự đớn đau không thể nào diễn tả nổi. Với sự chăm chú tốt độ, anh lắng nghe lời buộc tội ngắn nhưng rất quyết liệt mà vị công tố viên tuyên và những lời bào chữa thiếu mạch lạc của vị trạng sư. Sau đó, chánh án hướng đến Joanna tuyên bố cho cô biết cô có quyền phát biểu lời cuối cùng về vụ án trên và hỏi liệu có điều gì cô có thể nói và muốn nói để tự bào chữa cho mình.

Sau hàng lan can cao và nặng nề của ghế bị cáo, cô gái mảnh khảnh, tóc vàng sáng, mặc bộ quần áo đen một lần nữa lại đứng lên. Với hai mí mắt cúp xuống, dáng vẻ bình thản, chỉ có giọng hơi run run, cô nói:

- Tôi đã dạy bọn trẻ con học, tôi nghĩ rằng mình làm điều tốt...

Đến đây, trong giây lát, trên khuôn mặt cô bỗng có sự đổi thay đập vào mắt mọi người. Giống như có một cảm giác nào đó bỗng sôi sục dâng trào trong cô, cô ngẩng cao vầng trán, đôi mắt cháy sáng, miệng

run run và vừa sửa lại câu cuối cùng của mình, cô vừa cất tiếng rất to và đồng dục:

- Tôi nghĩ rằng mình đã làm đúng.

Cô là người có tội một trăm phần trăm. Nhưng một điều thật lạ lùng xảy ra là tại sao chánh án không đứng ngay dậy cùng đi với các vị quan tòa khác vào phòng luận tội mà lại ngồi thừ ra vài phút với cái đầu hơi ngẩng cao nhìn chăm chăm vào bị cáo như nhìn vào vầng cầu vồng - với nét mặt biểu lộ cái gì? - Điều đó vì ở xa nên không một ai trong đám đông nhận biết được. Các vị quan tòa khác cũng nhìn lên cô, trong đó có một vị mí mắt vội vàng sụp xuống. Khoảnh khắc đó diễn ra ngắn ngủi, cùng lắm chỉ một hoặc hai phút, sau đó, họ đứng lên và rời đi. Hồi lâu sau chưa thấy họ trở lại. Vụ việc đơn giản và rõ ràng. Tại sao cuộc thảo luận lại kéo dài lâu như vậy?

Bằng giọng âm vang như kèn đồng, người chạy giấy tòa án tuyên bố các vị quan tòa đang trở lại sảnh đường.

Tất cả mọi người như hàng cây rì rầm xào xạc cùng đứng cả lên. Phía sau dãy bàn phủ nỉ, chánh án đứng cùng với các vị quan tòa khác và bắt đầu tuyên án. Người ta để ý thấy rằng ông ta đọc bằng giọng nhỏ hơn so với giọng trước đây thường nói:

- Joanna Lipska buộc phải nộp hai trăm quan tiền phạt, còn trong trường hợp không trả được sẽ bị phạt tù ba tháng.

Phiên tòa kết thúc; công chúng rời khỏi sảnh, ở chỗ nọ chỗ kia, các vị luật sư thì thầm to nhỏ với nhau rằng cô gái ấy đúng là gặp may, vì có thể chuộc tội bằng khoản tiền chi phí nhỏ.

Nhưng cái lớn và cái nhỏ chỉ là khái niệm hết sức tương đối. Mieczyslaw Lipski chắc cũng nghĩ như vậy, vì sau khi nghe bản án, anh không để lộ ra bất kì cảm xúc nào và vẫn chỉ đứng cạnh tường như lúc trước, hai tay đặt chéo ép sát ngực. Một công chức nào đó trong chiếc cổ áo sơ mi thêu vàng hiếm thấy đi ngang qua đó và sau khi phát hiện ra anh, ông ta liền dừng lại trước mặt. Rõ ràng là ông ta biết anh và đã lên tiếng với nụ cười thân thiện:

- Ôi, anh Lipski đấy à? Mọi chuyện kết thúc thật may mắn. Song sẽ ra sao đây? Nộp tiền phạt hay vào tù? Sáng mai, tôi sẽ đến chỗ anh sớm. Nhưng tốt hơn hết là anh hãy trả tiền phạt... Hai trăm quan không phải là cái gì to tát, cô gái thật đáng thương...

Và ông ta vội vã chạy ra ngoài. Mieczyslaw cũng lập tức bứt người ra khỏi bức tường và nhảy về phía cửa ra vào. Vài người bạn cùng văn phòng định giữ anh lại nói gì đó, có lẽ định khuyên răn... Nhưng đôi mắt anh bỗng ngời lên chói sáng đến mức sau cặp kính đen vẫn nhìn thấy những tia sáng vọt ra, còn hai cùi tay nhọn hoắt thì vung ra đẩy lùi tất cả mọi người và mọi thứ ở xung quanh. Cứ như vậy, anh lao vào một phòng dài và sáng với những ô cửa sổ rất lớn, công chúng cũng đang lũ lượt chảy tràn qua đó rồi chậm rãi mất hút trên những bậc cầu thang ở phía dưới. Đến đây, anh ngoái đầu nhìn lại và ở phía sau

một ô cửa sổ đã trông thấy Joanna, người vẫn đang đứng ở đó, có thể là để chờ anh, cũng có thể vì không còn sức lực hoặc lòng dũng cảm tự mình mở một lối đi giữa đám đông. Trong lúc đó, cô đang đưa mắt nhìn về phía nhóm người đứng ở cuối phòng. Đây là hai người phụ nữ và một người đàn ông mà hầu như cả thành phố đều biết, tuần tú, được nhiều người hâm mộ, đặc biệt được các cô gái quý mến, đó chính là bác sĩ Adam. Cũng giống như rất nhiều người khác, anh ta đến đây để nghe về một vụ án thú vị và dễ dàng nhận thấy là anh đang đi ra với những xúc cảm hết sức nghiêm túc và buồn rầu. Tuy vậy, khi một trong hai cô bạn, cô gái cao ráo và ăn mặc chải chuốt cười nói gì đó với anh, anh cũng cười đáp lại và đến đầu cầu thang liền vội vã đưa vai cho cô vịn. Trong giây phút ấy, Joanna cảm thấy có ai đó nắm lấy tay mình và cô nhìn thấy Mieczyslaw, kẻ đang cúi ngay trước mặt cô và vội vã nói khẽ:

- Em hãy về nhà một mình. Bây giờ anh không thể đi cùng em. Anh có việc cần giải quyết trong thành phố. Vài tiếng nữa anh về. Cứ đi một mình về nhà đi.

Anh nhìn cô vẫn với ánh mắt chói bóng và vừa bóp chặt bàn tay cô vừa nói thêm:

- Đừng sợ... Em đừng sợ gì hết... Đừng sợ!

...

Vài tiếng đồng hồ sau, Mieczyslaw Lipski bằng những bước đi chán nản lần mò bước lên bậc cầu thang căn hộ nhà mình, chậm rãi đi qua gian bếp và khi đến căn phòng bên cạnh thì rên lên một tiếng rất lớn rồi ngồi xuống bộ đi văng cứng cổ lổ của mình. Rõ ràng là anh tỏ ra vô cùng chán nản, khuôn mặt trở lại tình trạng trắng bợt như tờ giấy; với điệu bộ trầm ngâm suy nghĩ và lo lắng, anh đưa bàn tay trắng thon dài của mình di di trên vầng trán đầy nếp nhăn. Anh hoàn toàn không ngạc nhiên khi không nhìn thấy Joanna trong bếp. Có lẽ cô đã đi xuống sân trong của ngôi nhà đến chỗ mục thợ giặt hoặc có thể bà già tốt bụng Roznowska hôm ấy đã đón cô về nhà mình.

Nhưng Joanna đang có mặt trong gian bếp, chỉ có điều cô ngồi ở một góc tối, giấu mình phía sau thành cao của chiếc giường. Khi nhìn thấy người anh trai bước vào, cô không đứng ngay dậy giống như thường làm để chào đón và hỏi xem anh có cần gì không. Có lẽ cô không thể ngay lập tức dứt mình ra khỏi trạng thái đắm chiêu suy nghĩ hay đang cảm thấy hơi buồn vì anh về nhà chậm như vậy. Song vài phút sau, cô đã đứng lên và từ tốn nhẹ nhàng bước vào phòng bên cạnh.

- Thế là em đã về! Em vừa ở đâu về?... - Mieczyslaw hỏi.

- Em vẫn ngồi ở nhà, chỉ có điều anh không nhìn thấy thôi. Bà Roznowska có cho người đến mời em đến nhà bà ấy hôm nay, nhưng em không muốn... Em nghĩ anh sẽ về ngay... Sao anh về muộn thế?...

- Ủ, muộn rồi. - Chàng thư kí càu nhàu.

Sự thờ ơ ấy của người anh trai trước số phận của cô đã khiến tim cô nhói đau. Cô đứng cách anh vài bước với đôi tay đặt chéo trên váy, đôi mắt sụp xuống buồn rầu và sáng long lanh trên khuôn mặt vô cùng ảm đạm.

- Em nghĩ là anh sẽ muốn nói chuyện với em trong ngày cuối cùng... trước khi rời xa nhau...

- Ngày cuối cùng nào? Rời xa cái gì? - Người anh lại tiếp tục lầu bầu.

- Anh không nhớ là ngày mai người ta sẽ bắt em vào tù ư?

Trên gương mặt cô thoáng hiện lên những co giật bất bình. Ngay sau đó, cô nói tiếp:

- Ba tháng là khoảng thời gian khá dài... và sau đó chắc chắn em sẽ không về ở với anh nữa, em sẽ đi đâu đó làm công việc phục vụ nào đó... Vì vậy cần phải nghĩ đến công việc gia đình của anh. Tối nay, em sẽ ghi chép lại toàn bộ số quần áo của anh để anh biết anh có cái gì và đừng để bị người ta lấy cắp mất. Em sẽ hẹn bà mẹ thẳng Kostus để mỗi ngày, ngay từ sáng sớm bà ấy đến nhà dọn dẹp và đặt ấm đun trà lên bếp cho anh. Anh sẽ không ăn ở nhà, vì ai là người sẽ nấu cho anh đây? Nhưng em sẽ đến nhà bà Roznowska để hỏi xem liệu bà ấy có cho anh trả tiền để được ăn bữa trưa hay không. Anh sẽ được ăn ở chỗ bà ấy sạch sẽ và bổ dưỡng hơn ngoài quán ăn... Anh cũng nên nhớ rằng khi ngồi viết buổi tối phải thấp đèn cẩn thận, do anh thường hay làm căn phòng sặc sụa đầy khói và mùi khét, điều đó rất có hại cho mắt anh... Trong chạn để thực phẩm ở gian bếp có một ít bơ, tấm và bột, còn ở dưới hầm có khoai tây và khá nhiều rau quả... anh nên đưa cho bà Roznowska thì tốt hơn nếu như anh ăn trưa ở đó. Như vậy sẽ tiết kiệm được một khoản tiền...

Khi cô nói như vậy thì Mieczyslaw nhìn lên cô với ánh mắt ngạc nhiên. Trong đôi mắt sớm bị hủy hoại và bệnh tật ấy chứa đựng bao nhiêu niềm hân hoan vui sướng và cả nỗi buồn đau, đến mức thật khó nói

liệu ngay giờ đây, anh sẽ bật ra tiếng cười hay tiếng khóc. Khi Joanna ngừng lời, anh hỏi:

- Em nói xong rồi phải không?

- Vâng, - cô đáp - cũng có thể sẽ tiếp tục nếu tối nay và sáng mai em nhớ thêm được điều gì nữa...

Không dời ánh mắt khỏi cô, qua mấy giây lúc lắc đầu như tỏ ý ngạc nhiên vì điều gì đó hoặc tiếc nuối cái gì đó, bằng giọng mũi chậm rãi, anh lên tiếng:

- Thực tình em có thể nghĩ rằng anh chấp nhận để em bị bắt vào tù và sẽ ngồi ba tháng trời cùng bọn trộm cướp và đám đàn bà hư hỏng trong những chỗ bẩn thỉu nhơ nhớp ấy ư?...

Bây giờ thì Joanna vô cùng ngạc nhiên.

- Sao có thể khác được? Bản án của tòa... như đinh đóng cột...

- Thế em không nghe thấy sao? Hai trăm quan tiền nộp phạt hoặc ngồi tù!... Hai trăm quan... rõ ràng: hai trăm! Em không nghe thấy sao?

Cô mỉm cười và nhún vai.

- Vâng, em đã nghe thấy. Thế nhưng mọi thứ đều dẫn đến một kết cục. Đối với em, để có được số tiền đó cũng giống như hái ngôi sao trên trời xuống! Em không hề nghĩ đến chuyện đó.

- A ha, em không nghĩ đến!

Chàng thư kí văn phòng hét to và lần này sau khi bật dậy khỏi đi văng, anh liền đứng thẳng người khoe tấm thân cao ngẩng gầy gò, dang rộng đôi tay xương xẩu, khiến giờ đây trông anh giống hệt một chiếc cối xay gió. Trong tư thế ấy, vừa quơ tay trong không khí như những cánh quạt gió, anh vừa nói lớn:

- Bọn cai ngục sẽ nhìn em như nhìn đôi tai của chúng mà không cần gương soi! Anh nhổ toẹt vào đồng tiền khi ở đây là vấn đề danh dự, thậm chí có thể cả tính mạng em gái mình! Chuyện nhỏ mọn! Có ba tháng trời nằm trong bốn bức tường ẩm ướt, trên bùn lầy nhơ nhớp cùng với lũ trộm cướp và bọn người đều giả thối mà! Em không phải là thứ được sinh ra từ dưới đuôi chim ác là! Em là con gái một vị giáo sư, được giáo dục đến nơi đến chốn và là một cô gái tế nhị... Vì bị lâm vào cảnh nghèo khó mà chúng ta phải đắm mình trong tù ngục cùng với bọn trộm cướp và nghiện rượu! Ha, ha, ha! Ha, ha, ha!

Anh không bước từng bước mà chạy quanh căn phòng, vừa thở hổn hển vừa cười hô hố tỏ vẻ vô cùng kích động.

Joanna mở to mắt với thái độ hết sức ngạc nhiên.

- Ôi, xin Chúa đoái thương! Mieczek ơi! Anh nói cái gì thế? Chừng ấy tiền anh kiếm đâu ra? Không thể có được!

Anh đứng lại và lấy tay dấm xuống mặt bàn.

- Thế mà anh đã mang tiền về đây! Anh đã kiếm được rồi đây! Em thấy anh không phải là kẻ lấm cấm đến mức như nhìn vẻ bề ngoài và em không phải sống cô đơn trên thế gian này!

Cô nhảy đến và sau khi vỗ lấy hai bàn tay anh trai liền xiết chặt nó trong lòng bàn tay mình. Vô số cảm xúc dâng trào trong cô, đó là niềm hi vọng bất ngờ được bứt mình ra khỏi một cái gì đó, cái mà trong sâu thẳm tâm hồn cô vẫn cảm thấy khiếp đảm đến tột cùng, đó là niềm vui do sự bùng nổ của tình cảm anh em mang đến cho cô, và đặc biệt hơn cả chính là nỗi sợ hãi...

- Anh lấy tiền ấy ở đâu ra, Mieczek ơi? Bằng cách nào anh có được số tiền ấy? Anh yêu quý, anh đã làm cái gì rồi?

Anh cố tìm cách rút tay ra khỏi bàn tay cô, nhưng cô mang hết sức lực ra xiết chặt hơn.

- Anh lấy từ đâu ư? Anh không ăn cắp. Em thừa biết là anh không ăn cắp. Anh đã vay chúng và -chấm hết!

Joanna chột rùng cả mình từ bàn chân đến đỉnh đầu.

- Anh đã đi vay! - Cô hét to - Đó chính là trò ngu xuẩn cuối cùng của anh! Số tiền lớn như vậy anh lấy gì mà trả? Có lẽ sẽ chỉ sống bằng bánh mì khô thôi! Mà ai cho anh vay nhỉ? Chúng ta có quen người nào giàu có đâu cơ chứ. Bà Roznowska có lẽ là người đầu tiên có thể cho vay nếu như có, nhưng bà ấy không có. Và không ai trong số những người nghèo khó kia có số tiền lớn như vậy! Vậy thì ai đã cho anh vay tiền? Ai? Ai? Ai?

Cô liên tục tấn công dồn dập bằng câu hỏi ấy, dán ánh mắt nảy lửa và đầy lo âu vào mắt anh, anh lưỡng lự và gần như tức giận nhưng cũng phải nói ra họ tên của một trong những kẻ cho vay nặng lãi nổi tiếng ở

thành phố. Joanna nắm mạnh vào bàn tay, sau đó dùng hai tay che ngang mặt.

- Chúa ơi! - Cô nói - Chúa ơi! Chúa ơi!

Mấy phút sau, ngoài cụm từ duy nhất đó ra, cô không thể nói được lời nào. Người anh trai khốn khổ của cô vì cô mà phải sống cuộc đời đau đớn, giờ lại vì cô mà hiến mình vào tay một kẻ cho vay nặng lãi, rơi vào vực thăm nợ nần ưu phiền nghèo khổ... Cô bỏ tay ra khỏi mắt và vừa ôm ngang người anh trai vừa lên tiếng van xin anh cho phép cô đi tù. Cô nói với anh rằng mình không ốm đau, mình còn trẻ, có sức khỏe và có thể chịu đựng được mọi thứ, rằng việc cô phải chịu trách nhiệm về hành vi mà mình đã làm là điều đúng đắn; rằng món nợ mà anh vay làm cho cô đau đớn và áy náy gấp hàng trăm lần so với ba tháng... ở nơi đó!... Người anh vẫn tiếp tục lắc đầu không chấp nhận và mặc dù tỏ ra vô cùng xúc động vẫn kiên quyết lặp lại:

- Không, không, không! Anh không thể chấp nhận điều đó!

Cô quỳ hẳn xuống, dang hai tay ôm ngang đầu gối người anh và cầu xin bằng những lời hết sức thương tâm:

- Mieczek! Anh yêu quý nhất đời em! Hãy cho phép, hãy cho phép, hãy cho phép em đi đến đó, còn tiền thì hãy mang trả cho kẻ đã đưa cho anh... Ngay bây giờ, ngay bây giờ, ngay bây giờ mang đi! Anh trai ơi, hãy cho phép! Anh vàng ngọc của em! Hãy cho phép em đi đến chỗ đó!

Cô khóc như mưa. Bím tóc vàng sáng rất lớn bật khỏi đầu và xoả tung ra tạo nên những tia sáng màu vàng nhạt trùm cả lên đôi giày của chàng thư kí. Thế nhưng sau khi nhanh chóng đỡ cô đứng dậy, anh liền dang đôi tay dài mảnh khảnh của mình ra ôm chặt cô em xiết vào ngực mình.

- Xong rồi, em yêu ơi, chuyện ấy sẽ không diễn ra. Tiền đó anh không thể mang trả. Nó đã nằm ở chỗ nhà chức trách, kẻ sáng sớm mai đến đây dẫn em vào tù... Bây giờ thì chẳng còn phải đến bắt ai nữa! Ha, ha, ha, ha!

Anh cười hơi lẫn độn, hơi mất bình tĩnh, pha trộn giữa chiến thắng và đắng cay. Cô lặng lẽ chúi đầu sâu vào ngực anh khóc. Chuyện đã

xảy ra. Mấy tiếng đồng hồ anh không về nhà chính là để chạy tiền và mang nó đến đưa cho người cần nộp. Sự biết ơn vô bờ bến, niềm vui được tự do, nỗi thương xót cho anh trai và lo âu về tương lai của anh đã làm cô lún sâu vào những cảm giác sợ hãi. Cô không thể nói, chỉ mang hết sức ra xiết chặt vào ngực mình người thanh niên kì lạ kia, kẻ nhìn bề ngoài giống như một người cam phận, giá lạnh, lúc nào cũng thờ ơ vô cảm, thế mà giờ đây...

Cô áp đôi môi hôn lên tay anh và cất tiếng nhỏ nhẹ:

- Thôi cứ để mọi việc diễn ra như ý anh muốn.

Mieczyslaw mệt mỏi đặt mình nằm xuống đi vắng kê khuất sau chiếc bàn đầy giấy tờ sổ sách văn phòng. Joanna quay trở về gian bếp và chuẩn bị lo việc đặt ấm đun trà. Cô lấy nước đổ vào ấm và cứ cầm bình nước trên tay đứng bất động trong giây lát. Sau đó, chắc là cố tự bắt mình hoạt động chân tay, cô cời than từ trong bếp lò ra rồi ném chúng vào dưới ấm đun trà, cô lại buông hai tay đặt trên váy và đứng thẳng đuốn, cứng đờ người, ánh mắt vô hồn nhìn vào chiếc tủ nhỏ đặt cạnh tường. Chắc là chiếc tủ ấy gợi cho cô về một điều gì đó, vì cô đã bước đến chỗ ấy và bắt đầu lôi từ trong đó ra những chiếc cốc thủy tinh và thìa nhỏ. Nhưng mấy cái thìa đã rơi khỏi tay cô xuống nền, lẽ ra phải nhặt chúng lên thì cô lại vội lôi tiếp ra con dao và ổ bánh mì. Các động tác của cô diễn ra nhanh và hấp tấp, thỉnh thoảng cô dừng lại trầm ngâm suy nghĩ. Cuối cùng, cô vứt con dao và ổ bánh mì lên bàn, lấy hai tay che ngang mặt và áp trán vào cánh cửa tủ, bật khóc nức nở. Cô biết làm gì với mình bây giờ? Tương lai của anh cô rồi sẽ ra sao? Ôi, rồi cuộc đời cô sẽ trống rỗng khủng khiếp, còn những nỗi lo âu ưu phiền suy sụp của anh cô còn khủng khiếp hơn nhiều! Cô nén tiếng khóc lại và thôi không nức nở nữa. Cô sợ tiếng khóc của mình sẽ bị nghe thấy ở phòng bên và cô đã nín không khóc nữa. Nhưng cô không thể làm gì được, đúng là không thể. Lẽ ra cô phải suy nghĩ, suy nghĩ, suy nghĩ và bằng những ý nghĩ ấy, cô sẽ bóp nghẹt trái tim mình. Cô ngồi xuống chiếc ghế dài đặt cạnh cửa sổ và nghĩ ngợi. Qua lớp kính cửa sổ, ánh mắt ngây dại của cô lác lõng chơi vơi không nhận ra được cái gì ngoài

mấy mái nhà đen ngòm bắn thiu và mảnh trời tối tăm đầy khói bụi từ các ống khói thải ra dày đặc. Trong khung cảnh đó, không có bất kì trò giải trí và niềm vui thú nào, vì vậy khuôn mặt Joanna càng lúc càng đượm vẻ ủ rũ. Nước mắt cô đã khô, song nước da thông thường vẫn có màu trắng nhợt của cô lại trở nên vàng vọt một cách khó chịu, còn trên cặp môi nhợt nhạt của cô lần đầu tiên trong đời xuất hiện nụ cười gượng hờn chua chát.

Ngay sau đó, cánh cửa gian bếp kêu lên cọt kẹt và hai vóc dáng trẻ con xuất hiện. Đó là thằng Kostus to xác trong bộ quần áo may bằng vải thô dày cộm, chân trần, nặng ục ịch, đang cúi gù lưng và đặt trong tay bé Manka má phính, cũng chân trần, đôi chân thoăn thoắt lộ ra đến đầu gối trong chiếc váy rộng đã phai màu. Sau đó vài giây, thằng bé sợ sệt ngược ánh mắt đượm vẻ u sầu bên lên lên nhìn, rồi quỳ gối trước Joanna, còn con bé thì lò dò bằng cả hai chân và hai tay bò đến, rồi nhảy ngay lên đùi cô cười khúc khích. Dưới chân Joanna là chum hoa anh đào bây giờ vừa mới nhú hoa. Cậu con trai người thợ nguội chắc đã ngắt nó từ vườn cây của ai đó và lặng lẽ mang về đặt dưới nền nhà. Mùi thơm rất đậm của loài hoa đó dâng đầy gian bếp. Còn Kostus, vẫn bằng ánh mắt của một con thú nhút nhát quyến luyến ngược nhìn lên cô, rút từ trong túi áo ra quyển vở khá lớn và sau khi vuốt thẳng ra, nó liền chậm rãi lên tiếng đọc:

- Việc ăn không ngồi rồi là cha đẻ của mọi tội lỗi. Ai thức dậy sáng sớm, kẻ đó sẽ được Chúa ban thưởng...

Còn bé Manka cũng lúi từ dưới váy ra một quyển sách vỡ lòng đã cũ, bắn thiu, nhàu nát và vừa mở trang có bảng chữ cái ra vừa cất tiếng:

- A... b... c...

Joanna bật cười nho nhỏ, hôn lên vầng trán nhiều nếp nhăn của thằng bé và lên đôi má phính đỏ ửng của con bé. Chúng tỏ ra vô cùng vui sướng vì điều đó. Từ đó bắt đầu nổi lên tiếng ồn ào nho nhỏ. Ở phòng bên, một giọng mũi ngái ngủ lên tiếng hỏi:

- Ai ở đó, Joasia* ời? Em đang nói chuyện với ai đấy?

Joanna đỏ mặt cười và quay đầu về phía cửa sổ đáp:

- Với bọn trẻ...

- Bọn trẻ! - Mieczyslaw kêu to và ngay lập tức đứng ở bậc cửa.

Trên má anh lại xuất hiện những vết đỏ và mắt lại cháy sáng, nhưng lần này là ngọn lửa giận hờn. Đúng ra đó là sự giận hờn bắt nguồn từ nỗi sợ hãi đang hằn rõ trên khuôn mặt, trên dáng điệu và mọi động tác của chàng thư kí.

- Lại là bọn trẻ! - Anh nhắc lại với giọng cao hơn - Có lẽ anh phải chết hoàn toàn vì những của nợ này chắc? Nghèo khổ như vậy còn chưa đủ hay sao? Chỗ làm trong văn phòng và mẫu bánh mì cuối cùng cũng phải mất thì mới xong ư?

Anh tỏ ra bị kích động mạnh và lấy chân giậm xuống nền nhà. Sự sợ hãi đã làm giọng anh bật lên khùng khiếp. Anh gần như hét lên một cách kinh hoàng:

- Cút ngay khỏi đây, lũ nhóc! Từ ngày hôm nay chúng mày đừng bước chân vào nhà này nữa, nếu tao còn nhìn thấy chúng mày thì tao sẽ nện cho tan xác. Cút đi! Cút đi!

Thằng bé và con bé biến mất trong nháy mắt.

Joanna đốt đèn, pha nước chè và lấy chiếc bánh mì tròn cắt lát mỏng đặt trên đĩa mang đến cho anh trai, người đang cặm cụi viết lách bên ngọn đèn mới thắp. Mỗi ngày, anh đều phải viết như vậy vài tiếng đồng hồ cả ở văn phòng lẫn ở nhà. Sau khi đặt cốc nước và chiếc đĩa lên bàn, cô cúi xuống và hôn lên mái đầu đang cúi gằm trên đồng giấy tờ của người anh trai. Ôi! Cô không cảm thấy bất cứ một sự mất lòng nào đối với anh dù là nhỏ nhất. Chỉ có điều cô cảm thấy, cô nghĩ, rằng nhất thiết phải bắt đầu làm một cái gì đó với mình, làm ngay tức thì, làm ngay tức thì!

Lúc bấy giờ, cô ngồi trong gian bếp và bắt đầu thêu trên chiếc khăn mùi xoa dòng chữ Mieczyslaw. Chùm hoa anh đào mà thằng Kostus to xác mang đến đang tỏa hương ngào ngạt đầy gian bếp; chiếc ấm đun trà

đặt cạnh bếp lò sôi sùng sục và bốc hơi nghi ngút; từ phía dưới, từ dưới sàn nhà vang đến những âm thanh rầm rì, thỉnh thoảng lại nghe cả tiếng một đồ vật bị đổ hoặc tiếng cãi nhau hay tiếng kêu thét của ai đó. Quán rượu ở dưới đó bắt đầu cuộc sống ngầm ban đêm của mình.

Nhưng có cái gì đó đang kêu sột soạt phía sau thành giường cao và từ trong bóng tối lơ mờ, ngay trên mặt đất bỗng hiện lên những hình thù kì dị... Đó là một con thú? Hay một đứa trẻ? Có hai cánh tay nhỏ xíu đang chống trên nền nhà... Có mớ tóc màu sáng ánh lên vàng nhợt trên nền bức tường bẩn thỉu, đôi mắt tỏa sáng long lanh màu da trời trong vắt... Đó là một đứa trẻ đang bò lồm cồm bằng hai chân hai tay trên mặt đất, rồi nó bỗng bật cười và nhảy lên đầu gối cô gái đang thần thờ chìm ngập trong nỗi buồn của mình.

Thằng Kostus to xác đã chuồn mất, còn con bé Manka thì nấp phía sau thành giường và chờ đến khi ông chủ thôi không còn cáu giận và la mắng nữa. Con bé sẽ ngủ lại đây đêm nay, giống như đã từng ngủ lại nhiều lần, còn giờ đây nó muốn đọc quyển sách vỡ lòng một tí, muốn khoe đã biết những gì... khoe đã biết mọi thứ... mọi thứ, từ chữ a đến chữ p... từ chữ p trở đi còn chưa biết, song *ngày hôm qua* nó nhất định sẽ học được...

Chắc hẳn nó muốn nói *ngày mai*, nhưng lại nói *ngày hôm qua*, nhưng điều đó đâu có hề gì! Joanna lại hôn nó và hỏi liệu bố mẹ nó có biết là nó có ý định ngủ lại đây hay không.

Từ phòng bên có tiếng hỏi vọng sang:

- Ai lại đến đó? Em nói chuyện với ai đấy, Joasia?

Với vẻ vô cùng lúng túng, Joanna đáp khẽ:

- Đó là bé Manka... Em có phải bảo nó cút về hay không?

Ở phòng bên chỉ thấy im lặng một lúc lâu, cuối cùng, giọng mũi đàn ông lên tiếng:

- Em cho con bé ít nước chè.

Ở dưới sàn nhà lại vang lên tiếng gõ đập rất to và tiếng ồn ào náo loạn. Có phải một gã say nào đó ngã và đập đầu vào góc ghế hay không

nhỉ? Hay có lẽ người này đấm người kia mạnh đến mức quật hấn ngã quay trên nền đất đầy rác rưởi và lênh láng rượu? Hay có lẽ ở đó trò chơi hèn hạ vô bổ đã khép lại bằng tiếng gõ đập và kêu thét như vậy?

Phía trên tiếng ồn ào càn dỡ của quầy rượu, trong gian bếp được ánh đèn nhỏ chiếu sáng và tràn ngập hương hoa anh đào, cô gái nhột nhạt với khuôn mặt mỗi một và đôi mắt còn mọng nước đang bế trên đầu gối một đứa trẻ chân trần má phính mím cười. Một bàn tay mũm mĩm hồng hào non nớt lại rút ra từ sau chiếc váy bạc màu ngấn cùn quyến vỡ lòng nhỏ bắn thiu nhàu nát và bằng giọng thánh thót, nó cất lên tiếng cười dài nghịch ngợm.

Từ phòng bên vang lên tiếng kêu phì phì kéo dài:

- Im lạ...ặng!

- Im lạ...ặng! - Cúi người trên đứa bé, Joanna cũng lặp lại.

Đứa bé cố hạ thấp cái giọng trong như bạc của mình và bằng ngón tay béo mũm ngấn ngùn vừa chỉ theo từng con chữ vừa gần như thầm thì lên tiếng đọc:

- A... b... c...

BÀ CHỦ TỐT BỤNG

Một đứa bé được mẹ Janowa, vợ người thợ xây cầm tay dắt vào căn phòng khách rất đẹp của bà Ewelina Krzycka và vừa sợ hãi vừa thích thú, bằng những bước ngắn, nó chạy lon ton trên tấm lát sàn trơn, chuẩn bị sẵn tinh thần sẽ bật khóc hoặc cười tùy hoàn cảnh. Đôi môi nhỏ xinh đẹp như san hô run rẩy và méo xệch sắp bật khóc, con người mắt rất to màu xanh ngọc sáng long lanh vì ngạc nhiên và tò mò, còn cái trán đẹp được phủ kín bởi mớ tóc dày, rất dày, đầy màu sắc và ánh lên vàng đậm. Đó là một bé gái năm tuổi rất xinh. Bên cạnh người đàn bà vai rộng khỏe mạnh đang dắt nó, trong bộ váy áo sáng màu may bằng loại vải bông dài chấm đất, trông nó giống như con bướm trắng với đôi cánh cụp. Cách bậc cửa vài bước, chân nó run rẩy vì sợ hãi và chắc hẳn nó sắp thét lên vág trời, nhưng bỗng nhiên, cảm giác lo âu biến mất, có lẽ bởi tình cảm vui tươi, nó giật mạnh tay mình ra khỏi bàn tay to đùng của mẹ Janowa và ngồi thụp xuống tấm lát sàn rồi nhoẻn miệng cười và lên tiếng gọi vô cùng trù mến:

- Dì ơi! Dì ơi!

Cuộc gặp gỡ lần đầu tưởng như sẽ hết sức khủng khiếp bỗng trở nên hoàn toàn thân thiện. Con chó nhỏ giống Đức thuần chủng định nhảy ngay lên tấn công những kẻ bước vào với tiếng sủa gay gắt đầy đe dọa bỗng đứng khựng lại trước đứa bé đang ngồi trên mặt đất và nhìn chòng chọc vào nó bằng cặp mắt đen láy, lóng lánh, tinh ranh. Đứa bé nhúnghật đôi bàn tay nhỏ xíu hồng hào vào bộ lông ngực to lớn trắng như tuyết của con chó. Nhưng ngay lúc ấy, một người đàn bà khoảng bốn mươi tuổi, tóc đen, còn khá trẻ và xinh, dáng cao, mặc bộ đồ đen bỗng bước đến đứng bên trên hai sinh vật đang làm quen với nhau ấy. Vợ người thợ xây cúi thấp xuống gần sát hai sinh vật nhỏ và hôn vào bàn tay trắng muốt của người đàn bà kia.

- Helka ơi! Sao cháu không hôn tay bà chủ quyền quý? Mọi người hãy nhìn xem kìa! Nó còn đùa giỡn với con chó! Xin bà chủ quyền quý đừng giận con bé! Nó vẫn còn là một đứa bé ngu ngốc!

Nhưng bà Ewelina đâu có ý định cúi giận. Ngược lại, đôi mắt đen của bà tràn ngập ngọn lửa triu mến và đắm say cứ găm vào khuôn mặt đứa bé mà mẹ Janowa đang kéo đứng lên bằng bàn tay béo mập của mình. Bây giờ, nước mắt dâng đầy con người màu xanh ngọc của Helka và nó đưa cả hai tay ra nắm chặt mép váy mẹ Janowa.

- Thưa bà chủ quyền quý, vì đứa bé này chúng tôi đã làm mọi thứ mà chúng tôi có thể, song lẽ thường tình là ở với người nghèo thì nó chưa thể học được những điều lễ độ... Ôi, giờ đây chỉ có Chúa mới biến đổi được số phận của nó... đứa trẻ mồ côi!

- Đứa trẻ mồ côi! - Bà Ewelina xúc động nhắc lại mấy tiếng đó và cúi xuống đứa bé với ý định bế nó lên tay. Nhưng bỗng nhiên bà lùi lại. Tình cảm xót thương biểu lộ rõ trên khuôn mặt bà.

- Ôi! Khốn khổ! Nó ăn mặc thế này ư? - Bà kêu to - Váy dài chấm đất...- Bà bật cười- Còn áo thì dày cộm và tóc nữa!... Con bé có mái tóc đẹp tuyệt vời, nhưng ai lại đi tết thành bím cho đứa bé như thế này nhỉ!... Đôi giày sao thô kệch thế và lại không đi bít tất dài bên trong nữa...

Bà đứng thẳng dậy, đưa ngón tay nhấn vào chiếc chuông bạc và một tiếng chuông dài vang lên. Tiếng chuông chói tai khiến Helka bật cười, còn mẹ Janowa thì tròn tròn đôi mắt.

- Gọi cô Czernicka! - Bà ra lệnh cho gã người hầu vừa xuất hiện ở cửa.

Trong nháy mắt, một phụ nữ khoảng ba mươi tuổi, váy đen bó sát, cao, gầy, nước da ngăm ngăm đen, vẻ khô héo tàn tạ, mái tóc đen kết thành búi ở phía sau gáy bằng chiếc lược đồi mồi vôi vãi bước vào. Ngay từ ngưỡng cửa, ánh mắt nhanh nhạy của chị ta đã lướt qua vợ gã thợ xây và đứa bé do mẹ dẫn tới bằng cái nhìn u ám, nhưng khi đi đến cách bà chủ của mình vài bước thì ánh mắt chị bỗng sáng lên long lanh

vô cùng hiền dịu, còn đôi môi mỏng khô khốc nở nụ cười nhún nhường đầy thiện cảm. Với vẻ mặt vô cùng tươi tỉnh, bà Ewelina ngay lập tức quay sang nói với chị ta:

- Cô Czernisia* này, cô có nhìn thấy không, đây chính là đứa bé mà hôm qua tôi kể với cô. Cô hãy nhìn kĩ mà xem! Những đường nét tuyệt vời làm sao... Làn da thật mịn màng... còn đôi mắt... mái tóc... giá như nó mập hơn một chút và đôi má hồng hào hơn thì có thể dẫn đến cho danh họa Rafael* làm người mẫu để vẽ các thiên thần đấy... Nó lại là trẻ mồ côi!... Cô biết không, may mắn làm sao tôi lại tìm được nó ở nhà những con người lương thiện này... trong một gia đình thật buồn thảm... ẩm ướt tối tăm... Nó hiện lên trước mắt tôi chẳng khác gì viên ngọc sáng long lanh giữa đồng rác. Chúa đã gửi nó đến cho tôi... Nhưng, cô Czernisia ơi! Phải tắm rửa, chải đầu, may mặc cho nó... Cô hãy thương tình! Một tiếng đồng hồ nữa, cùng lắm là hai tiếng, cô hãy làm cho hình dạng đứa bé này thay đổi hoàn toàn cho tôi...

Czernicka cười thích thú, hai tay chắp lên ngực để biểu thị sự thán phục, rồi gật đầu lia lịa tỏ vẻ tán dương tất cả những điều bà chủ vừa nói với chị. Bà Ewelina đang cực kì vui vẻ. Chị người hầu khi bước vào với vẻ mặt ảm đạm và buồn ngủ giờ cũng tỏ ra cực kì vui vẻ. Giống như lúc trước, Helka ngồi trước con chó nhỏ, bây giờ chị ta cũng ngồi xuống trên mặt đất trước Helka và bắt chước đứa bé với vẻ hết sức trẻ con, bắt đầu nói líu la líu lo. Sau đó, với khó khăn cực lớn nhưng khéo léo che đậy, chị đưa hai bàn tay khô khốc nhanh nhẹn của mình ra kéo Helka từ dưới đất lên, ép sát vào ngực mình và vừa hôn chút chút vào mặt nó vừa bế nó ra khỏi phòng khách. Bà Ewelina mặt đỏ bừng, cố gắng lắm mới kìm được những giọt nước mắt thương xót, tiếp tục đứng lại nói gì đó trong giây lát với mẹ Janowa, kẻ đứng trước lòng độ lượng vô song của bà đã tỏ ra mạnh dạn và mũi lòng bật khóc, rồi kể lại câu chuyện xảy ra với Helka, đứa bé mồ côi con ông anh họ bà, cũng làm thợ xây như chồng bà, đã ngã từ trên giàn giáo xuống và chết, sau đó không lâu, vợ ông ta, tức là mẹ Helka, cũng bị bệnh thổ tả chết. Mồ côi

cả cha lẫn mẹ! Hai người đàn bà, một quả phụ sau đời chồng giàu có và một mẹ vợ thợ xây đều ứa nước mắt mũi lòng khi nghe những lời đó. Bà Ewelina hết lời ca ngợi mẹ Janowa và chồng mẹ vì tấm lòng từ thiện của một giáo dân đạo Thiên Chúa đã thương yêu đùm bọc đứa trẻ nghèo nhưng tuyệt vời đến như vậy; còn mẹ Janowa ca tụng lòng tốt và tính nhân từ của bà Ewelina, người đã nhận đứa trẻ về chăm sóc nuôi nấng, rồi lấy ống tay áo đỏ như máu của mình đưa đi đưa lại chà xát hai má vốn cũng đỏ lựng của mẹ. Sự thể kết thúc ở chỗ vợ người thợ xây định quỳ gối trước mặt bà Ewelina và nâng gấu váy của bà, coi như một vị thánh lên để hôn, nhưng bà Ewelina can ngăn mẹ rằng người ta chỉ quỳ gối trước Chúa mà thôi, sau đó bà bảo mẹ vợ thợ xây hãy nhận vài rúp của bà để mua kẹo cho bọn trẻ con nhà mẹ. Bây giờ thì mẹ Janowa bật cười qua nước mắt với vẻ khiếm nhã và vui vẻ.

- Tôi mà lại mua kẹo cho chúng! - Mẹ kêu to - Có phải là con cái nhà giàu đâu mà cần đến kẹo. Nếu bà chủ quyền quý có lòng độ lượng như vậy thì tôi sẽ dùng số tiền đó mua cho thằng Vicek đôi giày, còn con Marylka và Kaska chiếc khăn đội đầu...

Cuối cùng, họ từ giã nhau. Mẹ Janowa trên đường quay trở về căn nhà rách nát của mình có đến hai chục lần dừng chân trên đường phố và kể cho khoảng hai chục người mình gặp nghe về sự tử tế thánh thiện và lòng nhân từ của bà Ewelina. Còn bà Ewelina sau khi mẹ Janowa đi khỏi liền ngả người trên đi văng và áp đôi bàn tay trắng ngà của mình lên cái trán trĩu nặng niềm tự hào thích thú đầy trù mẫn. Bà đang nghĩ về điều gì? Chắc hẳn bà nghĩ rằng Chúa vô cùng nhân từ đã phái đến cho bà tia nắng mặt trời ấm áp sáng ngời để bà vượt tiếp con đường tối tăm ảm đạm của đời mình... Tia nắng ấy đối với bà từ nay sẽ là đứa bé côi cút tuyệt vời kia, đứa bé may mắn được tìm thấy ngày hôm qua, còn hôm nay là đứa con gái nuôi... Ôi, bà yêu mến đứa bé ấy biết nhường nào! Bà cảm nhận được điều đó qua nhịp thở gấp gáp của lồng ngực, qua làn sóng dạt dào của cuộc sống và tuổi thanh xuân, thứ hình như bỗng nhiên lấp kín toàn bộ cơ thể bà và thậm chí làm trái tim bà nở ra. Bà đã cảm thấy trống trải và tẻ nhạt trên thế gian này, cảm thấy cô đơn

đến cùng cực, một cảm giác lạnh lẽo đầy chết chóc bao bọc xung quanh bà. Bà đã ngộp ngất, đã già cỗi, đã rơi vào trạng thái lãnh đạm vô hồn hoặc u sầu tăm tối, thế mà Thượng đế một lần nữa đã chứng minh cho bà thấy rằng Người quan tâm đến bà, rằng ngay trong lúc gặp rủi ro lớn nhất thì cũng không nên đánh mất lòng tin trước sự chăm lo ấy... Chỉ mong Czernicka nhanh chóng tắm rửa và mặc quần áo cho thiên thần tí hon kia...

Cơ mớ màng của bà Ewelina bị ngắt quãng bởi hai bàn chân lông lá xồm xoàm đang cố sức leo lên đầu gối bà và bị mắc kẹt ở viền đăng ten thêu ren trên váy bà, còn móng vuốt của nó đã chạm vào tay bà. Bị đánh thức, giật nảy mình, bà bức tức đẩy phắt con chó ghê tởm ra. Con chó coi cơn tức giận của bà như cử chỉ đùa giỡn vui vẻ. Có lẽ do lâu nay nó vốn được yêu quý, vì thế khó có thể tin nay lại bị hắt hủi. Nó sủa lên vui vẻ và lại lấy đôi chân lông lá xồm xoàm móc móc vào viền đăng ten thêu ren ở váy và cào cào vào bàn tay mềm như nhung của bà chủ mình. Lần này thì bà bật người nhảy ra khỏi đi văng và lên tiếng:

- Gọi cô Czernicka! - Bà nói với gã người hầu vừa ló mặt.

Czernicka thở hổn hển chạy vào, hai má ngăm ngăm đen vẫn đang đỏ bừng, hai ống tay áo của bộ váy áo màu đen vẫn còn xắn cao lên đến tận khuỷu.

- Cô Czernicka ơi, cô hãy dắt con Elf này đi và từ nay về sau hãy giữ nó ở căn phòng gửi áo ấy nhé. Nó làm rách viền đăng ten thêu ren của tôi làm tôi chán lắm rồi...

Khi chị hầu gái cúi xuống để nhắc con chó lên, trên đôi môi mỏng dính của chị ta thoáng xuất hiện một nụ cười đặc biệt. Trong nụ cười ấy có cả một chút chế giễu, một chút u buồn. Con Elf sủa, lùi lại và định chạy trốn khỏi đôi tay đầy xương xẩu đang giơ ra bắt nó để nhảy đến đầu gối bà chủ của mình. Nhưng bà Ewelina nhẹ nhàng đẩy nó ra và đôi tay xương xẩu đã chộp ngay lấy nó mạnh đến mức nó sủa lên ầm ĩ. Czernicka nhanh chóng phóng ánh mắt lướt nhìn lên mặt bà chủ của mình.

- Cái con Elf này thật khó chịu... - Chị ta thầm thì với thái độ hơi đắn đo.

- Thật khó chịu! - Bà Ewelina nhắc lại và tỏ ý ác cảm nói thêm - Tôi không thể hiểu tại sao trước đây mình lại yêu thích cái con vật tẻ nhạt ấy đến như vậy cơ chứ...

- Ôi! Ngày trước nó hoàn toàn khác cơ!

- Đúng như vậy, cô Czernicka nhỉ, trước đây nó hoàn toàn khác cơ. Trước đây nó thật tuyệt vời... Nhưng bây giờ...

- Bây giờ nó trở nên tẻ nhạt...

- Vô cùng tẻ nhạt... Cô giam nó ở căn phòng gửi áo ấy và đừng bao giờ để nó xuất hiện trong các phòng ở nữa...

Czernicka đã bước ra đến ngưỡng cửa lại nghe tiếng gọi:

- Cô Czernicka!

Chị ta quay lại với vẻ vội vã nhún nhường và nụ cười lễ độ.

- À, cô bé của chúng ta thế nào rồi?

- Mọi thứ được thực hiện đúng theo lệnh của bà chủ. Trong nhà tắm, bồn nước đã chuẩn bị xong, Paulina sẽ tắm cho Helka...

- Tắm cho cô chủ nhỏ! - Bà Ewelina miễn cưỡng cắt ngang.

- Tắm cho cô chủ nhỏ... Còn tôi đang cắt may váy áo từ tấm vải len lông cừu vẫn cất ở chiếc tủ thấp ạ...

- Tôi biết, tôi biết...

- Kazimiera đã chạy ra cửa hàng mua giày, tôi cũng bảo Janka đi mua quần áo lót may sẵn... Tạm thời tôi sẽ khâu lược một chiếc váy... chỉ xin bà chủ cho đăng ten thêu ren, mấy dải nơ và tiền mua mọi thứ...

Đăng ten thêu ren, dải nơ, vải tuyen, vải băng, len, sa tanh thì đã được chất đầy những chiếc tủ đứng và tủ thấp kê la liệt trong các căn phòng của lâu đài to rộng và đẹp đẽ của bà Ewelina. Czernicka cứ mở ra đóng vào rất lâu những chiếc tủ đứng và ngăn kéo, nhưng vẫn nắm chặt trong lòng bàn tay không phút nào ngưng tờ bạc mệnh giá khá lớn. Sau đó, trong phòng gửi áo nổi lên tiếng ồn ào mặc cả mua bán; rồi một đồng

khá lớn các đồ vật được lôi từ trong các tủ đứng và tủ thấp ra, coi như là giá trị tờ giấy bạc được quy đổi thành những thứ đã biến mất khỏi chiếc rương sâu lòng đựng tài sản riêng của chị hầu phòng. Cuối cùng, với bộ mặt tươi tỉnh, rõ ràng là thỏa mãn vì khoản lợi thu được từ việc đưa bé mồ côi đến nhà, chị ta bắt đầu khâu lược và vùi vàng dùng kim găm đính chiếc váy vừa được cắt. Ngày mai, mấy bác thợ cắt may, thợ đóng giày và các bà thợ khâu mới chính thức bắt đầu công việc ở phòng quần áo của cô chủ nhỏ. Lúc bấy giờ, cô chủ nhỏ ấy, người vừa được tắm gội và chải đầu, song vẫn mặc chiếc áo dày cộm của mình với đôi chân trần ngồi trên nền đất cùng con Elf trong phòng của Czernicka và lọt giữa những cử chỉ vuốt ve vô cùng trìu mến có lẽ đã quên hết mọi thứ trên thế gian.

Bà Ewelina chìm ngập trong cơn mơ màng sâu thẳm cũng đã quên hết mọi thứ trên thế gian. Giờ đây, không gì có thể cắt đứt được cơn mơ màng ấy. Trong căn phòng khách rộng lớn sáng choang với những tấm gương với các bức tranh và tấm màn đỏ tía trang hoàng bên trong, sự im lặng sâu thẳm cũng đang ngự trị. Qua tấm màn che cửa hé mở đến lưng chừng có thể nhìn thấy mấy căn phòng cả lớn lẫn nhỏ đang ngập chìm trong âm lặng và không gian nửa tối nửa sáng. Những tia nắng hè của buổi hoàng hôn chiếu chéo xuyên qua khe hở của những cánh cửa chớp, bò trườn đây đó dọc theo các bức tường, các tấm thảm và khung tranh mạ vàng. Từ bên ngoài cửa sổ bay đến hương thơm của những bông hồng nở rộ và tiếng chim hót líu lo, phía sâu trong căn nhà, nơi phòng ăn vắng đến tiếng lách cách leng keng sắp đặt đĩa chén thìa đĩa chuẩn bị cho bữa ăn tối.

Bà Ewelina đang nghĩ về sự xấu số của mình. Bà không hề phóng đại khi nghĩ rằng mình là người vô cùng bất hạnh. Quả là như vậy, một người đàn bà góa đã nhiều năm, không con cái, với trái tim nóng bỏng và cô đơn, không giàu đến mức lúc nào cũng có thể đi đến những nơi mà ở đó cuộc sống mang lại cho bà nhiều thi vị nhất, ít nỗi buồn chán nhất. Gia tài của bà đúng là rất lớn, nhưng chưa đến mức những nỗi lo âu và trăn trở khác nhau không buộc bà đôi khi vẫn phải giam hãm

mình trong một thời gian vào một nơi xấu xa, buồn bã, chán ngán như cái thành phố

Ongrod* này. Đặc biệt là giờ đây, với những lợi ích đẹp đẽ và lớn lao mà bà sở hữu ở vùng Ongrod thì một chuyện gì đó khác thường đã xảy ra. Có những bản hợp đồng cần kí kết, những khoản nợ cần thanh toán, những khoản tiền trong việc làm ăn không thể thoái thác được phải chi trả - và tất cả những việc đó đã khiến bà Ewelina không thể ra nước ngoài hoặc chí ít là được sống ở một trong những thành phố lớn nhất nước. Vậy là bà đã sống ở đây gần hai năm, những năm tháng nặng nề buồn chán. Xa lạ với mọi thứ và mọi người, lọt thỏm giữa những cảnh sắc tầm thường của một thành phố nhỏ, mơ tưởng về những niềm vui nghệ thuật kì vĩ bay bổng, những thứ từ trước đến nay vốn là thi vị cuộc sống của bà, những thứ mà ở đây dĩ nhiên bà hoàn toàn bị tước bỏ, bà đã sống giống như một tu sĩ khép kín, giam mình trong tòa lâu đài với những bức tranh, chiếc đàn phong cầm, cô Czernicka và con chó Elf của mình. Ở đây, cuộc sống của bà trong sạch bao nhiêu thì buồn thảm cũng bấy nhiêu, nhưng sự thanh thản của lương tâm thì không được trọn vẹn. Bà không làm được bất cứ một điều gì gọi là tốt đẹp cả và bà thường rất hay tự trách mình về điều đó một cách đắng cay. Sự thèm khát thực hiện điều tốt đẹp là một trong những sợi dây đàn tinh thần rung động mãnh liệt nhất. Lòng từ thiện trong bà đã đạt đến mức độ đam mê và nhiều lần, rất nhiều lần trong đời đã mang đến cho bà những niềm vui tinh thần thay thế cho hạnh phúc, cái mà bà chưa bao giờ được hưởng. Nhưng... việc như vậy thường chỉ diễn ra ở nơi khác. Ở đây, thậm chí bà không biết mình phải làm gì và làm như thế nào để có thể thỏa mãn nhu cầu sâu thẳm nhất của trái tim cao thượng. Đúng ra thì đôi lúc bà đã mang những của bố thí hào phóng ban phát cho kẻ này kẻ khác, nhưng điều đó không làm thỏa mãn trái tim bà, không khóa lấp được thời gian, cũng không thể làm lương tâm mãn nguyện. Ở những thành phố lớn, bà đã quen với công việc từ thiện cần mẫn thường xuyên, được tiến hành dưới sự dẫn dắt của những người lãnh đạo tinh thần có học vấn, và do những người trung thành

với bà thực hiện trên tầng áp mái của những nhà chung cư cao tầng hoặc ở tầng dưới mặt đất tối tăm, hay mang đến những nơi trú ngụ tạm thời, bày trong khay bạc đặt trên những chiếc bàn kê ở gian tiền sảnh của các giáo đường v.v... Sự thiếu hụt các phương thức thực hiện công việc từ thiện đúng theo kiểu như vậy vừa giầy vò bà, vừa đổ thêm giọt đắng cay làm đầy ly đau đớn của bà. Bỗng nhiên, ở Ongrod người ta lại lập ra cái gọi là Hội Các quý bà từ tâm. Bà Ewelina, với tư cách chắc hẳn là người giàu có nhất thành phố đã được mời tham gia vào các hoạt động của Hội này. Đó là niềm vui sướng đầu tiên mà bà có được trong suốt hai năm qua. Như vậy là bà sẽ có thể làm điều tốt! Mãnh lực của trái tim, thứ mà bà cảm thấy trào sôi trong mình giờ đây thế là sẽ tìm được một lối thoát nào đó! Mất bà sẽ còn được tuôn trào những giọt nước mắt nhân ái xót xa thông thường vẫn không thể kiềm chế nổi khi nhìn thấy cảnh nghèo đói của con người! Tại bà sẽ được nghe những lời cảm ơn và chúc phúc của những kẻ mà với họ, bà xuất hiện chẳng khác nào thiên thần mang đến sự trợ giúp và niềm an ủi!

Ngay lập tức, bà đã đến theo lời mời đó. Người ta chỉ cho bà ra khu phố mà ở đó bà phải tìm những người nghèo khổ. Khi đi tìm, bà tình cờ ghé vào ngôi nhà mà gia đình người thợ xây đang cư ngụ và đã nhìn thấy Helka. Đứa trẻ hiện ra trước mắt bà với vẻ ngoài đẹp mê hồn. Hình như nó đang chơi đùa với một con chó hay con mèo gì đó, hay có thể là đang ngồi trước thềm nhà tắm nắng và những tia nắng kia chiếu xuyên qua tóc nó rực lên như những ánh lửa hồng, hay cũng có thể quá ngạc nhiên vì cỗ xe, con ngựa và người đàn bà kiêu diễm ăn mặc sang trọng, nó đứng chôn chân trên ngưỡng cửa và hướng đôi tròng mắt nhìn thẳng vào bà mà qua đó, bà nhận được ngay ra màu ngọc bích giống hệt nền trời nước Ý - không hiểu vì đâu, chỉ biết rằng ngay lập tức, bà cảm thấy nó là một đứa trẻ khác thường, thật tuyệt vời. Và khi bà kề môi vào má đứa trẻ, trên đó vẫn còn nhìn thấy dấu vết của món xúp lúa mạch nấu với mỡ lợn nó vừa mới ăn xong. Bất chấp những dấu vết đó, trái tim bà càng đập rộn rã hơn và khi nghe câu “Đứa bé mồ côi!” mà

mụ Janowa thốt ra thì những giọt nước mắt nhân ái và thương cảm đã dâng đầy tròn mắt bà. Bà thèm khát đứa bé đó, thèm khát nó cho riêng mình bằng sự nhiệt tình và sức mạnh của tâm hồn cuồng nhiệt như núi lửa và cô đơn như con thuyền lạc lõng trên biển cả đầy giông tố...

Bây giờ thì đối tượng của sự thèm khát ấy đã hiện ra ngay dưới mái nhà bà. Người ta trao nó cho bà vĩnh viễn và quả thật chẳng gặp phải khó khăn nào! Giờ đây, khi yêu thương đứa bé đó, bà sẽ vỗ về được cả con tim sâu nảo của mình, còn khi bao bọc nó bằng đôi cánh của tình mẫu tử, bà sẽ làm thỏa mãn cả lương tâm mình, cái vẫn thường ra lệnh cho bà làm điều tốt!... Nhưng giờ nó đang ở đâu nhỉ, đứa trẻ tuyệt vời kia? Đang ở đâu thiên thần an ủi và làm dịu nỗi đau mà Thượng đế đã phái xuống cho bà? Tại sao cho đến bây giờ Czernisia vẫn không dẫn nó đến cho bà? Ôi đứa bé khốn khổ! Chắc hẳn vẫn còn chưa mặc xong quần áo! Nhưng vì nó đã được tắm rửa sạch sẽ, thế thì chắc mình phải đi đến phòng Czernicka ôm nó vào lòng, hôn nó, ấp ủ nó vào trái tim mình...

Bà bật dậy khỏi đi văng, chạy qua phòng khách và đến giữa đường thì dừng lại, hai tay đặt chéo trước ngực. Ở cửa phòng đối diện đã thấy Czernicka dẫn Helka xuất hiện, nhưng sao mà nó thay đổi đến như vậy cơ chứ! Sao lại có sự biến dạng đến như vậy! Một con bướm trắng nhợt nhạt với đôi cánh cụp đã biến thành con chim ruồi tuyệt đẹp. Những dải trang điểm màu hồng trông giống như những chiếc lông vũ hoặc đôi cánh nhỏ vẫy vùng trong tấm váy xanh da trời. Qua những sợi tơ của tấm ren hiện rõ đôi chân nhỏ tròn trịa được bó sát với đôi tất dài mặc bên trong mỏng dính như mạng nhện, hai bàn chân lọt thỏm trong đôi giày nhỏ xinh màu da trời; mái tóc sáng chói uốn quăn thơm phức được một dải băng dùng để quấn tóc làm bằng đồi mồi giữ ngăn nắp. Trang phục đó khiến bà thích thú và lo sợ, mùi thơm tỏa ra từ mái tóc con bé và từ tấm ren làm bà say sưa. Helka đứng ở bậc thềm phòng khách với đôi môi lại méo xệch như sắp khóc, với đôi vai gầy bạnh ra, cứng đờ do lo sợ chiếc váy bị nhàu, với đôi mắt e thẹn và long lanh đầm nước, lúc thì cụp xuống nhìn đôi giày tuyệt diệu, lúc lại ngẩng lên nhìn thẳng vào

mặt bà Ewelina. Bà Ewelina nhảy đến và sau khi ôm chặt nó vào lòng liền phủ lên nó những nụ hôn nồng ấm.

Sau đó, bà dẫn đứa bé đến phòng ăn, nơi bà cùng ngồi với nó bên cạnh bàn đặt đồ sứ và những thứ cao lương mỹ vị tuyệt vời. Nửa giờ sau, khi Czernicka bước vào phòng ăn đã nhìn thấy Helka đang ngồi trên đầu gối người bảo trợ mới của mình và không còn chút gì tỏ ra cách biệt. Lòng hảo tâm vô cùng tận và sự gần gũi thân mật của bà Ewelina đã rất nhanh chóng gieo vào tim đứa bé sự mạnh dạn và lòng tin. Với đôi má lùn này không phải bốc mùi cháo tấm nấu với mỡ lợn nữa, mà bóng nhảy bánh ga tô và mứt kẹo, con bé đưa ngón tay nhỏ nhắn của mình chỉ vào những đồ vật khác nhau mà từ trước đến nay nó chưa bao giờ biết đến để hỏi tên gọi của chúng.

- Cái gì đây, bà chủ ơi, cái gì?
- Cái tách, - bà Ewelina đáp.
- Cái ta-ách... - Với một chút khó khăn, Helka lặp lại.
- Còn tiếng Pháp gọi là: la tasse!
- Tas, tass, tas-tas-tas!- Helka nói bập bẹ.

Người đàn bà và đứa trẻ tỏ ra vô cùng hạnh phúc. Czernicka với cốc nước chè trên tay vừa rời phòng ăn vừa nở nụ cười đúng theo cách của mình, nghĩa là nửa chế nhạo, nửa buồn rầu.

Ngày cư trú đầu tiên của Helka ở nhà bà Ewelina đã diễn ra như vậy, còn tiếp sau đó là một chuỗi dài, rất dài những ngày giống như thế hoặc thậm chí còn hạnh phúc hơn thế nữa đối với người đàn bà cũng như với đứa trẻ. Họ chơi đùa với nhau hết sức tâm đầu ý hợp. Vào những tháng hè, trên khắp khu vườn cây xinh đẹp bao quanh lâu đài từ sáng sớm đến chiều tối, cô bé gần như vỗ cánh tung bay giống như chú chim ruồi đầy màu sắc. Đôi bàn chân nhỏ xíu xỏ giày vừa khít của cô bé chạy vòng quanh những chiếc bồn đầy hoa đặt dọc các con đường mòn lát sỏi; cái đầu phủ mớ tóc vàng óng và cài hoa ẩn hiện bên trên những khóm cây xanh thấp lùn tũn trông như thiên thần bé nhỏ bay lượn trong không trung. Tiếng nói líu lo và tiếng cười trẻ thơ vang xa vượt cả ra ngoài

hàng rào sắt ngăn cách khu vườn cây của lâu đài với đường phố bên ngoài. Bà Ewelina ngồi hàng giờ trên gian tiền sảnh rộng trang hoàng đẹp để quên cả quyển sách cầm trên tay, chăm chú dõi ánh mắt nhìn vào nhân vật tí hon được trang điểm lộng lẫy kia, lắng tai đón nhận từng âm thanh cười nói líu la líu lô của nó. Thỉnh thoảng, sau khi chạy xuống cầu thang gian tiền sảnh, bà lại rượt đuổi nó dọc theo các con đường mòn của vườn cây. Lúc đó, qua trò chơi con trẻ mà có lẽ bà đã hưởng ứng nhiệt thành bằng cả trái tim mình, có thể nhận ra rõ nhất bao nhiêu sức lực và sự sống còn đọng lại bên trong người đàn bà không còn trẻ kia. Hai má bà đỏ ửng lên, đôi mắt đen bốc cháy, thân hình lấy lại được sự nhanh nhẹn và dẻo dai thời con gái. Cuộc rượt đuổi thường kết thúc bằng việc Helka lao người ôm cổ bà Ewelina, bằng những cử chỉ vuốt ve âu yếm và những giây phút dài ngồi bệt trên thảm cỏ, giữa những đóa hoa mà cả hai cùng tết thành bó và giữa các vòng hoa. Đằng sau hàng rào sắt trên vỉa hè đường phố, những người dân thành phố đi ngang qua rất hay dừng lại ngắm nghía nhóm người tuyệt vời qua lỗ hồng hàng rào, có cảm giác rằng nhóm người ấy càng trở nên lộng lẫy hơn trên bức phong là lâu đài nhỏ xinh đẹp quét vôi trắng nằm giữa vườn cây, và cảnh ấy càng làm mùi lòng họ hơn khi mọi người đều biết người đàn bà họ không phải là mẹ đẻ của đứa bé. Hai sinh linh đó khác nhau về dòng máu, nhưng lại hòa quyện với nhau chặt chẽ đến như vậy.

Cảm giác mạnh nhất thường được tạo ra vào những ngày mùa đông tuyết trắng, khi họ cùng bước vào ngôi nhà thờ của thành phố chen chúc đầy người. Lúc bấy giờ, mấy ngàn con mắt của mọi người đều nhìn vào đứa con gái nhỏ nhắn toàn thân ngập trong sa tanh và lông thiên nga trắng muốt cùng người đàn bà trong bộ đồ nhung đen tuyền. Đứa con gái giờ đây đang đỏ ửng và mãi mãi tươi cười ấy được người ta ví với đóa hoa hồng đang phất phơ trên tuyết, song đối với người bảo hộ nó thì biết tìm sự so sánh nào đây? Người ta gọi một cách giản đơn: thần thánh! Dành sự bảo hộ và tình yêu như vậy cho một đứa bé xa lạ, thân phận thấp hèn, mồ côi mồ cút! Sử dụng tài sản của mình như vậy đó! Điều ấy thực sự xứng đáng được miễn phục. Mọi người nhìn chung

đều mến phục bà Ewelina. Biết bao lần khuôn mặt hiền dịu và đăm chiêu của bà quay về khoảng trống bên cạnh giáo đường tuyệt vời. Còn ở ngay cạnh cửa nhà thờ, mẹ Janowa đang đứng, hết sức hăng hái, bằng sức mạnh của cả hai khuỷu tay ra sức chen lấn trong đám đông vây quanh, vội vàng quỳ gối và đôi mắt xanh da trời ngay thẳng của mẹ hướng về phía đỉnh bàn thờ lớn, lấy ống tay áo khoác ngoài dài vừa lau nước mắt trên khuôn mặt đỏ bừng vừa gần như hét to:

- Cầu mong hạnh phúc muôn đời sẽ đến với bà mãi mãi, Amen.

Họ không tách ra khỏi nhau ban ngày, cũng không rời xa nhau cả vào ban đêm. Chiếc giường nhỏ của Helka làm từ gỗ bồ đào được chạm khắc tỉ mỉ, một kiệt tác nghệ thuật của nghề mộc, được đặt ngay bên cạnh giường của bà Ewelina. Bằng chính đôi tay người bảo trợ của mình, bé được cởi áo ngoài ra và khoác lên mình tấm áo ngủ may bằng vải phin nỉ. Trên tấm vải trải giường được thêu thùa, hằng đêm Helka ngủ say sưa với giấc mơ đẹp và nở nụ cười kín đáo của một cá thể hạnh phúc. Bà Ewelina vừa đặt bé xuống giường vừa làm dấu thánh giá trên không trung phía trên người bé. Sau đó, khi Czernicka đắp cho bé tấm chăn bông được trang trí bằng những hình vẽ đẹp mắt, bà nói:

- Con bé thật tuyệt vời làm sao, Czernisia nhỉ!

- Giống như một thiên thần. - Cô hầu đáp.

Đôi lúc, còn chưa ngủ, Helka nghe thấy những lời nói ấy. Từ dưới tấm chăn lông trắng muốt vang lên tiếng cười trẻ thơ rất lớn, ngắt quãng bởi tiếng nói:

- Bà chủ đẹp hơn nhiều! Đẹp hơn nhiều! Đẹp hơn nhiều!

- Con bé làm nhảm cái gì thế, Czernisia ơi? - Bà Ewelina vô cùng hài lòng nở nụ cười.

- Con bé mới thông minh làm sao! Nó yêu bà chủ nhường nào! - Czernicka ca ngợi.

Trong lúc đó, suốt cả ngày và các buổi tối, trong phòng khách, trong vườn cây và trong phòng ngủ hầu như lúc nào cũng dành cho việc giáo dục Helka. Bà Ewelina dạy bé học nói tiếng Pháp, dạy cách đi lại uyển

chuyển, cách ngồi và ăn uống, cách trang hoàng búp bê cho đẹp mắt, cách chọn màu sắc cho đúng gu, cách nằm ngủ ở tư thế đẹp mắt, cách đan chéo đôi bàn tay và ngược cặp mắt nhìn lên trên khi cầu kinh. Tất cả các bài học đó được giảng giải và hấp thụ trong sự hài hòa và tình cảm gần gũi tương đồng đầy mãn nguyện. Giữa các trò chơi và những câu nói vui nhộn, đứa trẻ được đào tạo rất nhanh chóng và vui vẻ. Sau một năm sống trong nhà người bảo trợ của mình, Helka đã nói lú lo một cách trôi chảy tiếng Pháp, đã học thuộc lòng rất nhiều bài kinh và đoạn thơ bằng tiếng Pháp. Và khi cô bé đi đứng, chạy nhảy hay ăn uống, Czernicka vừa nhìn ngắm bé với vẻ khâm phục vừa nói với bà chủ của mình:

- Các động tác mới đẹp làm sao! Duyên dáng làm sao! Thật tình có thể nghĩ rằng cô chủ nhỏ được sinh ra ở trong lâu đài...

- Đúng là Chúa đã ban cho con bé điều đó, Czernisia thân yêu ạ. - Bà Ewelina đáp.

Điều mà bà Ewelina mê say nhất ở đứa bé này đó là giác quan đặc biệt về cái đẹp, thứ mà mỗi ngày lại thể hiện thêm rõ rệt trong con bé. Rõ ràng là Helka đã có được tình yêu vô bờ bến đối với những vật thể tao nhã, thanh lịch và cái đẹp. Bất cứ một sự không hài hòa nào dù là nhỏ nhất trong việc sắp xếp sắc màu cô bé cũng lập tức nhận ra, bất cứ một lớp bụi mỏng nào trên nền nhà cũng làm cho cô bé ghê tởm. Cô bé đã đánh giá được mức độ xấu đẹp của mỗi đồ vật. Khi mệt mỏi và muốn nghỉ ngơi, cô biết tự chọn cho mình hoặc chỉ cho chủ nhà món đồ thích hợp nhất. Vài lần bé đã nhỏ những giọt nước mắt đắng cay khóc khi người ta mang đến cho bé đôi giày không đẹp như bé mơ ước. Bà Ewelina vô cùng hài lòng quan sát sự phát triển nhanh chóng thị hiếu về cái đẹp ở đứa bé.

- Czernisia của tôi ơi! - Bà nói-Cô bé có ham muốn đối với tất cả những cái đẹp như thế nào, sự tế nhị tự nhiên và sự nhạy cảm khi có bất cứ va chạm nào với thế giới bên ngoài ở cô bé ra làm sao! Chúa ơi! Giá như có thể mang con bé sang Ý thì hay biết mấy! Bằng cách nào để đứa bé này được hạnh phúc dưới bầu trời tuyệt vời của nước Ý, trong khí

hậu đầy khoái lạc ở đó, giữa những khung cảnh huyền ảo của thiên nhiên Ý?...

Ước mơ mang Helka đến Ý càng tăng lên trong bà Ewelina khi vào một ngày, bà bỗng phát hiện ra tài năng của cô bé, một tài năng lớn và rõ ràng đối với ca hát. Lúc bấy giờ, Helka đã tròn tám tuổi và sống ở nhà bà Ewelina được gần ba năm. Vào một ngày mùa thu đẹp trời, trong lúc bị bỏ lại một mình, cô bé ngồi ở gian tiền sảnh giữa đồng gối tích tụ dành cho bé và vừa mặc chiếc váy đẹp hơn cả váy của bé mặc cho búp bê, con búp bê to gần bằng bé, cô bé đã bật lên tiếng hát nho nhỏ. Đó là một trong những bài hát tiếng Pháp mà bé thuộc lòng. Dần dần giọng ê a nhỏ của bé chuyển thành tiếng hát; con búp bê từ tay bé rơi xuống gối, còn Helka với đôi mắt ngược nhìn lên bầu trời, với đôi bàn tay đặt chéo trên ngực, cất tiếng hát vừa vang dội vừa buồn rầu:

Le papillon s'envola,

*La rose blanche s'effeuilla,**

La la la la la la la...

Giọng hát của cô bé thật trong sáng và khỏe khoắn. Cũng thật rõ ràng là trong đứa bé được yêu mến nồng nàn và chiều chuộng kia đã nảy sinh một thứ tình cảm nồng hậu và ngọt ngào, vì khi nhắc về số phận buồn rầu của những cánh hoa hồng trắng, cô bé đã hát lên với sự xúc động và tình cảm chân thành đến mức lồng ngực nhỏ nhắn của bé cũng nâng lên cao, còn trên cặp mí mắt màu vàng pha đen đã lấp lánh giọt nước mắt. Qua cửa sổ phòng khách, bà Ewelina vừa kín đáo dõi nhìn cô bé vừa ngập chìm trong cảm giác thán phục và bắt đầu từ hôm ấy, tối tối bà dạy nhạc cho cô bé.

Tối tối, trong căn phòng nhỏ của Czernicka có ngọn đèn thấp sáng đặt trên bàn, chiếc đồng hồ treo tường đều đặn phát tiếng kêu tích tắc bên trên chiếc rương lớn, đằng sau tấm màn che cửa là chiếc giường trải nệm thô sơ. Ở đây im lặng. Ba người đàn bà phụ trách trang điểm vừa làm việc vừa thiu thiu ngủ hoặc thầm thì to nhỏ trong căn phòng

bên cạnh; phía sâu trong căn nhà, từ phòng khách vang lên tiếng đàn dương cầm trầm bổng. Thỉnh thoảng vang lên tiếng phát âm oang oang của bà Ewelina những âm f, g, h...; thỉnh thoảng, giữa tiếng cười rúc rích trẻ thơ phát ra những nốt nhạc cao hoặc nghe được tiếng hát nhỏ nhỏ của đứa trẻ từ xa vắng đến:

La rose blanche s'effeuilla,

La la la la la la la...

Trên nền ánh sáng đầy ắp của ngọn đèn, bóng người hầu gái cao lêu lêu, mảnh mai, lọt thỏm trong bộ váy áo bó sát người, với chiếc lược vênh cao phía sau gáy hằn lên rõ rệt những đường nét đen thẫm và nhọn hoắt. Dưới chân cô, trên tấm thảm chùi chân mềm mại và khá đẹp, con Elf nằm trong tư thế vo tròn buồn bã. Vai cô nhô ra héo hon, tay áo cắt ngắn, đôi tay gầy xương xẩu co lại và di chuyển nhẹ nhàng bên cạnh tấm vải phủ đến đầu gối. Cô đang chăm chú ngồi may, nhưng mỗi lần tiếng hát từ phòng học nhạc vang đến tai cô là một lần mắt cô tối sầm lại nhìn xuống con chó nhỏ nằm dưới chân mình. Cô lấy ngón chân chạm nhẹ vào nó và với giọng cười đặc trưng của mình, cô lên tiếng:

- Mà nghe thấy không? Mà nhớ không? Chính mà cũng có lúc đã có mặt ở đó đấy!

Sau đó không lâu, nguyện vọng của bà Ewelina đã được thực hiện; công việc làm ăn cho phép bà ra nước ngoài vài tháng, bà đã mang Helka của mình theo sang Ý. Helka xin được mang theo mình con chó Elf. Czernicka cũng được đi theo.

...

Vài tháng trôi qua, vào một ngày hè đẹp trời, lâu đài của bà Ewelina, sau một thời gian vắng chủ héo mòn, bây giờ lại nhộn nhịp trở lại. Trong vườn cây, những đóa cúc và cẩm chướng nở hoa rực rỡ. Phòng khách sáng bừng lên với những tấm gương và tấm khăn trải bàn đỏ tía, trong phòng ăn vang lên tiếng kêu nhỏ nhẹ của cốc tách và đồ sứ. Bà

Ewelina ngồi ở phòng khách đắm chiêu suy nghĩ, hơi buồn và nhớ. Helka không ở bên cạnh bà, nhưng ở phía sâu bên trong căn nhà, từ phía phòng quần áo đôi lúc vẫn vang lên giọng nói vui tươi và tiếng cười rất lớn của cô bé. Lúc đó, cô bé đang chơi đùa vô cùng thích thú. Czernicka vừa ngồi trên nền phòng gửi quần áo vừa mở những chiếc hòm đựng đồ du lịch, lôi từ đó ra hàng loạt đồ vật được dành cho nhiều công dụng khác nhau, còn ba người đàn bà may vá và mẹ vợ người thợ xây Janowa thì vừa đứng xung quanh với dáng vẻ tò mò và ngạc nhiên, vừa ngắm nghía lần lượt hết cô chủ nhỏ lại đến những thứ đồ đặc sản phẩm của nền thủ công châu Âu được lôi ra trưng bày. Mọi người đều nhất loạt khẳng định rằng cô chủ nhỏ đã lớn lên trông thấy. Đúng như vậy, Helka đã bước vào độ tuổi mà một cô gái mới lớn đạt được cả về đặc thù lẫn hình dáng cân đối của đôi chân thon thả. Đôi chân dài, nhỏ nhắn bó sát trong chiếc váy ngắn đến đầu gối tạo cho cô bé dáng người khá mảnh dẻ. Khuôn mặt cân đối hình trái xoan của cô hơi nhăn lại do bị ảnh hưởng của chuyến đi dài ngày; đôi vai gầy nhỏ nhắn của cô bé để hở trông đồ ầu. Đứa bé tuyệt vời bắt đầu thay đổi trở thành một thiếu nữ mảnh mai, với những đường nét của một cô gái trẻ xinh đẹp trong tương lai.

Vợ người thợ xây được báo trước về ngày trở về của bà chủ và cô chủ nhỏ qua một người đàn bà may vá mà mẹ đã thỉnh cầu, trước tiên thán phục đứa cháu họ nhỏ bé của mình, sau đó là những món đồ được lôi ra từ hai chiếc hòm riêng rẽ. Mẹ ngồi xuống bên cạnh Helka, người chỉ cho mẹ từng món đồ và giảng giải mọi thứ.

- Đây là chiếc mũ thứ hai... - mẹ kêu to - chiếc thứ ba... thứ tư... Ôi! Chúa ơi! Này Helka, cháu có bao nhiêu cái mũ cả thấy?

- Dì ơi, cháu có số mũ bằng với số váy. - Helka giải thích - Với mỗi chiếc váy phải có một cái mũ thích hợp...

- Đây là hòm gì vậy?

- Hòm đựng đồ dùng du lịch...

- Dùng để làm gì hả?

- Còn làm gì nữa ư? Dì có thấy không, ở đây có các ngăn khác nhau, trong đó đựng mọi thứ cần để rửa ráy, chải đầu và mặc quần áo... Đây là lược, xà phòng, bàn chải, kim găm, nước hoa...

- Jesus, Maria! Và mọi thứ này đều là của cháu cả ư?

- Của cháu mọi thứ! Bà chủ cũng có hòm vật dụng giống như thế này nhưng to hơn, còn cháu hòm nhỏ hơn...

Trong lúc đó, Czernicka lôi ra từ trong hòm những con búp bê to nhỏ khác nhau, cũng như các đồ chơi muôn hình vạn trạng dành cho trẻ con. Ở đó có những con chim tuyệt đẹp, giống như sống thật, các con vật đặc biệt, các đồ gia dụng bằng bạc và mạ vàng lóng lánh... Mụ Janowa há hốc mồm, đồng thời đôi mắt mụ dưng đầy nỗi buồn.

- Chúa ơi! - Mụ vừa nín thở vừa thì thầm - Giá mà những đứa trẻ nhà mình được nhìn ngắm những thứ này...

Helka ngược nhìn lên mụ trong giây lát, nghĩ ngợi gì đó, sau đó hồ hởi lao tới những món đồ chơi và quần áo của mình, và với lòng nhiệt tình thực sự, cô bé mang một số món đồ đó tặng cho mụ Janowa.

- Dì ơi, dì hãy cầm về cho Marylka con cú này, còn con cá này cho Kaska..., cho Wicek có lẽ cái kèn harmonica này... chỉ cần chạm môi vào nó là nó sẽ kêu lên rất hay... Dì hãy cầm lấy, cầm lấy đi! Bà chủ sẽ không giận đâu, bà chủ tốt lắm và bà rất yêu cháu... Dì hãy mang cả cái khăn màu hồng này về cho Marylka, còn cái khăn màu da trời này cho Kaska... cháu có nhiều khăn như vậy lắm... nhiều lắm...

Mụ Janowa với đôi mắt đầy nước mắt muốn ôm chầm đứa cháu họ vào đôi vai to lớn của mình, nhưng sợ làm nhàu quần áo đã là phẳng phiu và cầu kì của nó, chỉ đưa bàn tay béo mập của mình ra vuốt ve khuôn mặt mịn màng của đứa bé. Những món quà ấy mụ cương quyết không nhận, mụ vừa nhòm người lên khỏi mặt đất vừa nói:

- Cháu là đứa trẻ tốt! Mặc dù sẽ lớn lên thành bà chủ lớn, nhưng cháu không khinh rẻ những người họ hàng nghèo khổ của mình đã từng ôm ấp cháu trong lòng...

Khi mẹ Janowa nói điều đó thì Czernicka đang khom lưng trên chiếc hòm liền đứng thẳng dậy, không phải nói mà là thốt lên một câu than vãn rất to:

- Ôi, bà Janowa của tôi ơi! Ai biết trước được nó sẽ là người như thế nào sau này, sẽ là bà chủ lớn hay nhỏ?

Mẹ Janowa không đáp lại, chỉ phá lên cười và nhìn Helka. Cô bé vừa cười khúc khích vừa nhảy tâng tâng trên đôi chân nhỏ và dài của mình một cách vui vẻ và nhanh nhẹn như một chú mèo chạy đến bên mẹ rồi nhét những chiếc kẹo vào tất cả các túi áo của mẹ.

- Đây là dành cho Marylka, - cô bé hét to - đây là cho Kaska, còn đây là cho Wicek... còn đây, dì ơi, dành cho chú Jan này...

Đột nhiên, nó giật nảy mình và thoáng buồn.

- Ở đây lạnh quá! - Cô bé mím môi lại buồn rầu nói - ở nước Ý xa xôi kia đẹp hơn và đáng yêu hơn nhiều... ở đó lúc nào cũng đầy nắng... thời tiết tốt... những cánh rừng màu da cam xinh đẹp đến nhường ấy... Cháu cùng bà chủ chẳng thể chịu đựng lâu hơn ở đây được... chắc chắn sẽ lại đi đến đó, nơi ấm áp như vậy.

Czernicka đã khoác lên người cô bé chiếc áo bành tô nhỏ mềm mại và ấm áp nhưng Helka xoay người ra khỏi tay chị ta.

- Ái chà!- Cô bé kêu to - Đã quá lâu rồi cháu chưa nhìn thấy bà chủ, cháu phải đến chỗ bà chủ bây giờ đây! *Adieu**, dì ơi!

Và sau khi đưa bàn tay ra làm động tác hôn mẹ Janowa, cô bé nhảy từng bước, vừa chạy vừa cất tiếng hát rõ to:

- Cháu đi đến chỗ bà chủ... đến chỗ bà chủ quý yêu của cháu... đến chỗ bà chủ vàng ngọc... đến chỗ người yêu quý nhất đời của cháu...

- Ôi nó yêu quý ân nhân của mình như vậy đấy! - Mẹ Janowa quay lại nói với Czernicka.

Buổi tối hôm ấy, bà Ewelina cuộn tròn trong chiếc áo len cao cổ màu trắng ngời buồn rầu và đầy tâm trạng nhớ nhung trước phòng bếp. Helka nằm trên chiếc giường nhỏ chạm trổ của mình, lọt nửa người

trong tấm chăn bông có lớp vỏ may bằng vải phin nồn với những hình thêu bên trên đã ngủ ngon giấc. Trong phòng bếp, hai ngọn nến cháy lung linh trên đế cắm nến cao. Phía sau ghế bành của bà Ewelina, Czernicka vừa đứng chải tóc vừa cuộn những lọn tóc còn khá dài của bà chủ lại để bà chuẩn bị đi ngủ. Sau giây phút im lặng, bà Ewelina lên tiếng:

- Cô biết không, Czernisia, tôi đang có nỗi lo...

- Nỗi lo gì thế ạ? - Bằng giọng đầy lo lắng, cô hầu hỏi.

Sau giây lát do dự, bà Ewelina đáp bằng giọng yếu ớt:

- Nỗi lo với Helka!

Sau đó, cả hai người im lặng khá lâu. Czernicka từ từ đưa lược chải trên mái tóc đen mềm như tơ. Khuôn mặt cô phản chiếu trên tấm gương phòng bếp đượm vẻ nghĩ ngợi. Sau đó giây lát, cô lên tiếng:

- Cô chủ nhỏ... đang lớn.

- Đang lớn rồi, Czernisia của tôi ạ... Và phải nghĩ đến chuyện học hành của nó. Bằng mọi giá, tôi sẽ không đưa về nhà một cô gia sư nào, bởi tôi không thể chịu đựng được khi có người ngoài ở trong nhà... Tôi không hiểu mình sẽ phải làm gì đây.

Czernicka lại im lặng giây lát. Sau đó, cô thở dài nói:

- Thật đáng tiếc là cô chủ không còn là đứa trẻ giống như khi đến đây với chúng ta.

Bà Ewelina cũng thở dài.

- Đúng như vậy, Czernisia của tôi ạ, chỉ có những đứa trẻ nhỏ như vậy mới thực sự đáng yêu và tạo ra niềm khoái lạc vô bờ bến. Helka đã hết cái tuổi trẻ con đáng yêu nhất. Phải dạy học cho nó, phải quở mắng nó...

- Tôi để ý thấy rằng gần đây bà chủ buộc phải thường xuyên la mắng cô chủ nhỏ...

- Dĩ nhiên rồi. Tính cách của nó đã thay đổi khá nhiều. Nó trở nên đỏng đảnh... nó hờn dỗi với tôi vì những việc không đâu...

- Bà chủ đã làm cho cô chủ nhỏ quen với tính cách quá nhân từ của mình rồi...

- Đúng như vậy đấy. Tôi đã chiều chuộng nó quá. Nhưng không nên chiều chuộng một cô gái đã lớn giống như khi nó còn nhỏ xiu, mảnh khảnh... đáng yêu như trước...

- Khó mà chiều theo cô chủ nhỏ... Hôm nay cô chủ rất giận tôi chỉ vì khi chải đầu cho cô tôi đã hơi mạnh tay kéo tóc cô...

- Thật thế ư? Nó dám giận cô ư? Tôi nhớ là từ ngày trước nó đã khóc và nằm lăn trên ghế khi cô chải đầu cho nó, nhưng khi nó còn bé thì chuyện đó chỉ gây cười và làm cho nó đáng yêu hơn... Còn giờ đây điều đó trở nên không thể chịu đựng nổi... Tôi mong rằng mình đã lầm, nhưng có lẽ là nó sẽ là đứa hay thù oán...

- Bà chủ làm cho cô chủ quen với tính cách quá nhân từ của mình rồi.-Czernicka nhắc lại.

Cả hai đều im lặng. Việc chải tóc để chuẩn bị đi ngủ sắp kết thúc. Với khuôn mặt cúi xuống sát đầu bà chủ của mình, trên đó cô đội chiếc mũ ngủ nhẹ, Czernicka bằng giọng nói thật nhỏ nhẹ và đầy do dự hỏi thêm:

- Có lẽ bà chủ trong những ngày tới sắp có khách...

- Khách nào thế? Ai vậy nhỉ, Czernisia của tôi ời? Ai vậy?

- Có lẽ ông ấy sẽ đến, cái ông mà bà chủ đã đến nghe hòa nhạc hôm ở Florence và vài buổi tối sau đó, ông ấy đã chơi nhạc ở nhà bà chủ...

Làn mây hồng chợt ửng cháy trên khuôn mặt bà Ewelina. Chuyển đi dài ngày và giờ khắc muộn màng của đêm đã làm cho khuôn mặt đó trông giống như đóa hoa tàn héo.

- Czernisia ời, đúng là ông ấy chơi đàn tuyệt vời phải không? Đấy đúng là một nghệ sĩ thực thụ và thiên tài!

Bà sôi nổi hẳn lên, giọng nói trở nên khỏe mạnh hơn, đôi mắt tàn tạ trước đây bỗng tỏa sáng lấp lánh.

- Và ông ta mới đẹp làm sao! - Czernicka thầm thì.

- Đúng không? Ôi, những người đàn ông Ý! Nếu như ai đó trong họ đẹp thì đúng là đẹp tuyệt vời, giống như trong mơ...

Bằng bước đi đầy mơ mộng, bà đã vượt qua quãng đường từ phòng bếp đến giường ngủ và khi đã cởi quần áo ngoài để Czernicka đắp tấm chăn bông có những đường hoa văn đẹp vẽ trên đó, bằng giọng đầy mơ mộng bà nói:

- Czernisia của tôi ơi! Cô làm ơn trông nom giúp để mọi thứ trong nhà diễn ra thật tốt đẹp và giữ gìn thật ngăn nắp... Phòng khách phải bóng lộn... làm mọi thứ tốt nhất vào nhé... Cô có con mắt thẩm mỹ tinh tế và vốn là người khéo léo... Có thể, biết đâu đấy... ai đó sẽ đến chỗ chúng ta...

Nhiều buổi tối sau đó, trong lúc nấu ăn, giữa bà Ewelina và Czernicka đã diễn ra những cuộc nói chuyện ngắn và ngắt quãng.

- Czernisia ơi, cô có để ý thấy là Helka ngày càng trở nên xấu xí hay không?

- Tôi có cảm tưởng là cô chủ không còn là cô gái có hình dáng đẹp như trước đây nữa...

- Nó trở nên hoàn toàn mất cân đối... Tôi không hiểu từ đâu nó có đôi chân dài ngoẵng ra như thế... cảm nó cũng nhọn ra một cách lạ lùng...

- Nhưng cô chủ luôn luôn là một cô gái rất đẹp...

- Nó sẽ không đẹp như mấy năm trước chúng ta trông chờ... Chúa của tôi ơi! Thời gian trôi nhanh thật, nó cứ trôi đi, trôi đi và mang theo mọi hi vọng của chúng ta dâng lên cao...

Tuy nhiên, ngày hôm sau, khuôn mặt của bà chợt sáng lên niềm hi vọng đẹp tuyệt vời. Trong phòng bếp, bà đọc bức thư nhỏ từ nước Ý gửi đến đang tỏa mùi thơm dịu.

- Czernisia của tôi ơi! Chúng ta sẽ có khách...

- Ổn Chúa! Bà chủ sẽ vui hơn. Từ hôm ở nước ngoài về đến nay, bà chủ lúc nào cũng buồn bã thế nào ấy...

- Ôi! Czernisia của tôi, làm sao mà tôi vui vẻ được cơ chứ! Thế giới này thật buồn thảm! Đặc biệt là những tâm hồn hướng tới lí tưởng cao đẹp, hướng tới sự tuyệt mỹ, những tâm hồn ấy vĩnh viễn phải chịu nỗi thất vọng...

Sau giây lát im lặng, bà nói:

- Helka là một ví dụ... Trước đây nó là một đứa trẻ tuyệt vời, đáng yêu, vui nhộn biết bao... còn giờ đây...

- Từ hôm ở nước ngoài trở về, cô chủ lúc nào cũng nhăn nhó... hay là vì buồn bã...

- Đâu ra mà buồn! Có gì mà nó phải buồn? Nó tỏ vẻ không bằng lòng với tôi vì tôi không quan tâm đến nó thường xuyên giống như trước đây... Chúa ơi! Có phải suốt đời tôi không được quan tâm đến cái gì khác ngoài đứa bé này hay không...

- Bà chủ làm cho cô chủ quen với tính cách quá nhân từ của mình rồi. -Czernicka lại nhắc lại câu nói của mình.

Thực tế Helka buồn, nhưng cô bé cũng tỏ ra vô cùng giận dữ. Được chiều chuộng và từ lâu, thần kinh của cô bé chỉ quen nhận được những biểu hiện ngọt ngào, giờ đây bị làm lạc điệu do ảnh hưởng của nỗi đau mà nguyên nhân và thực chất của nó cô không hiểu nổi một cách rõ ràng, song chính nó đã làm cho cô bé thường xuyên phải bật khóc hoặc tức giận. Giờ đây, khi chải đầu hoặc mặc quần áo cô hét toáng lên, giậm chân đành đạch, nắm chặt bàn tay lại, chỉ thiếu điều còn chưa dấm Czernicka thôi. Khi bà Ewelina im lặng hoặc bằng giọng nói dấm dăng trả lời lại những lời nói líu lo của cô bé hay khi bà đóng cửa phòng ngủ của mình không cho cô vào, cô bé chỉ ngồi ở góc phòng khách trên chiếc bàn nhỏ và co rúm lại, với bộ mặt méo xệch, nói với chính mình những lời giận hờn, nước mắt giàn giụa. Sau đó, cặp mắt dầm nước và mọng đỏ của cô đã khiến bà Ewelina đi đến nhận xét cuối cùng là Helka đúng là một đứa con gái không ra gì và rõ ràng đang trở nên xấu xí. Đôi khi, cô bé chột nghĩ hay là làm một cái gì đó chọc tức người bảo trợ dưng dưng của mình; biết đâu đấy, bằng cách ấy cô sẽ

tìm lại được sự quan tâm của bà đối với mình cũng nên. Khi bà Ewelina đang chăm chú dán mắt vào quyển sách và đắm mình vào những suy nghĩ mông lung, bằng những bước chân nhỏ nhẹ như mèo, với cái nhìn vụng trộm, cô bé lên đến cây đàn dương cầm và mang hết sức lực của mình, bằng cả hai bàn tay đập mạnh vào phím đàn. Ngày xưa, hành động ấy của cô nhiều lúc gây ra những trận cười vui vẻ của bà Ewelina và dẫn đến những cơn mưa nụ hôn trên má đứa bé. Bây giờ đây, rõ ràng là Helka còn lâu mới trở nên một đứa trẻ gây cười, còn bà Ewelina thì thường xuyên đắm mình vào những giây phút buồn rầu và nhung nhớ. Bà nhồm ngay người dậy, chạy đến chỗ đứa bé và quở trách nó bằng những lời mắng mỏ nghiêm khắc, đôi lúc còn đánh nhẹ vào đôi tay tinh nghịch của nó. Lúc đó, Helka bật khóc và run rẩy quỳ gối trước mặt bà, hôn từ đầu gối đến cả đôi bàn chân bà, thốt lên những lời nói tràn trề tình cảm yêu thương triu mến.

Với những lời nói ấy, chị người hầu chỉ cúi đầu xuống đứa bé, trên đôi môi hé nở một nụ cười chỉ riêng chị mới hiểu, nụ cười vừa hơi châm biếm vừa hơi buồn bã; bộ ngực bó chặt trong chiếc nịt vú đen phập phồng vừa như cố kìm hãm tiếng cười, vừa như cố nén cơn giận dữ. Sau khi chị ta lôi Helka dậy, con bé với bộ mặt trắng nhợt đứng bất động như cây cột, ngược nhìn trong giây lát vào khuôn mặt bà chủ của mình.

- Cô chủ đã thay đổi... - Chị người hầu chậm rãi lên tiếng.
- Nó đã thay đổi. - Bà Ewelina nhắc lại và vừa thở dài vừa bổ sung với cử chỉ vô cùng chán nản - Giờ đây tôi thật không thể hiểu nổi tại sao mình lại có thể yêu thích một đứa trẻ tẻ nhạt đến như vậy cơ chứ!...
- Ôi, trước đây nó là đứa trẻ hoàn toàn khác cơ!
- Đúng như vậy, Czernisia nhỉ! Nó hoàn toàn khác cơ. Trước đây nó là một đứa con gái tuyệt vời..., còn bây giờ thì...
- Bây giờ thì trở nên tẻ nhạt...
- Cực kì tẻ nhạt. Cô hãy đưa nó đi và luôn phải giữ nó ở bên mình...

Czernicka cầm tay dắt Helka vẫn còn đang chờ dẫn với khuôn mặt trắng bệch giống như mảnh vải thô, đến bậc cửa còn nghe tiếng gọi:

- Czernisia ơi!

Cô vội vã quay đầu lại với nụ cười nhũn nhặn và lấy lòng.

- Con chó bẩn thỉu của tôi sao rồi? Cô hãy trông nom cẩn thận đấy, sao cho buổi tối hôm nay họ bày bàn ăn đẹp mắt vào... Cô cũng phải để mắt cả đến món tráng miệng đấy nhé... Cánh đàn ông Ý, cô biết đấy, hầu như họ chẳng ăn cái gì khác ngoài hoa quả và kem đâu...

- Tất cả mọi thứ đều được thực hiện đúng theo lệnh của bà chủ... Chỉ xin bà đưa chìa khóa hòm đồ dùng và đăng ten thêu ren cũng như xin bà cho tiền mua mọi thứ...

Trong phòng Czernicka giờ này im lặng. Chiếc đồng hồ treo phía trên chiếc rương lớn điểm tiếng chuông báo nửa đêm. Ở gần tấm màn cửa che giường cô người hầu, sát chân bức tường trắng như tuyết có thêm chiếc giường làm bằng gỗ bồ đào được khắc chạm của trẻ con. Trên bàn bên cạnh chiếc máy khâu có ngọn đèn cháy leo lét, trên nền sáng trắng của nó nổi lên hình dáng người đàn bà đang làm việc chăm chỉ cần mẫn. Dưới chân chị ta, trên tấm vải chùi chân khá đẹp, Helka vừa ngồi vừa chăm sóc con Elf đang thiu thiu ngủ trên đầu gối mình. Czernicka vừa cẩn thận gấp vừa chăm chú khâu những chiếc nơ từ tấm vải đen gọn sóng lóng lánh, nhưng khi từ bên trong ngôi nhà, phía phòng khách vẳng đến tai cô tiếng đàn dương cầm và tiếng violoncello trầm bổng ai oán như tiếng khóc, ánh mắt buồn rầu của cô ghim thẳng về phía con chó và cái đầu của Helka đang cúi xuống. Cô lấy ngón tay còn đeo bao bằng bạc đụng nhẹ vào cô bé và nói:

- Mà có nghe thấy không? Có nhớ không? Trước đây mà cũng đã từng có mặt ở đó đấy!

Đứa bé ngẩng khuôn mặt đã mấy ngày nay trắng nhợt lên và nhìn người bạn đồng hành lớn tuổi của mình trong im lặng với ánh mắt đầy ngạc nhiên.

- Sao mày trợn mắt nhìn tao như thế? Mà y ngạc nhiên gì thế? Ôi, tốt hơn hết là mà y đi ngủ đi... Không muốn ngủ à? Mà y nghĩ rằng bà chủ sẽ gọi mà y ư? Không có chuyện đó đâu. Tao hơi buồn cho mà y. Mà y có muốn không? Tao sẽ kể cho mà y nghe một câu chuyện cổ tích thật hay và dài...

Helka nhảy đến bên bàn nhanh đến mức con Elf chột thức. Chuyện cổ tích! Trước đây nó thường xuyên được nghe những câu chuyện cổ tích do bà chủ Ewelina kể cho nó.

- Im lặng đi nào, Elf ơi, im lặng đi nào! Ôi, mà y lại không ngủ nữa rồi! Hãy nghe nào! Chuyện cổ tích sẽ rất dài và hay.

Czernicka đã kết thúc cái nơ thứ mười, vút nó lên mặt bàn, và vừa bắt đầu xếp cái thứ mười một, vừa ngược cặp lông mà y lên nhìn đứa trẻ đang tỏ ra khá vui vẻ. Những ngón tay cô hơi run run và cặp mắt tối sầm lại. Sau đó, bằng giọng nhỏ nhỏ, vừa miệt mài may cô vừa bắt đầu kể:

- Một lần, một cô gái trẻ xinh đẹp đến ở tại khu vực quý tộc*. Cô sống rất hạnh phúc bên cạnh cha mẹ mình, giữa những người anh em và họ hàng ruột thịt của mình, dưới bầu trời trong xanh của Chúa và giữa cây cỏ xanh tươi trên Đất Mẹ đáng yêu. Tuy phải làm việc vất vả, nhưng cô rất khỏe mạnh, xinh đẹp, đở đảm và vui tươi. Cô mới mười lăm tuổi và chàng trai hàng xóm đã để ý muốn cưới cô về làm vợ. Tình cờ có một bà chủ rất giàu có và tốt bụng nhìn thấy cô bé. Bà ấy nhìn thấy cô gái trẻ một lần vào ngày Chủ nhật, khi trong bộ váy áo lễ hội, cô gái mang từ trong rừng ra một bình quả dâu rừng. Nhìn thấy cô, ngay lập tức bà đem lòng yêu mến cô. Vì sao? Không biết. Hình như cô gái có đôi mắt đẹp, cũng có thể gương mặt cô trông càng nổi bật hơn trên bờ ruộng xanh, giữa cánh đồng lúa mì chín vàng, với chiếc nơ đỏ thắm bên chiếc áo nẹp xinh xắn và với bình dâu rừng trên tay. Chỉ biết rằng bà chủ tốt bụng ấy đã đi bằng cỗ xe rất đẹp đến trước nhà cô gái - và mang cô gái theo mình. Bà nói sẽ cho cô học hành, sẽ dẫn dắt cô ra với thế giới, đảm bảo cho số phận và hạnh phúc của cô... số phận... và ha...anh phúc!

Những từ ngữ cuối cùng được cô người hầu thốt lên với giọng nói kéo dài kèm theo tiếng rít, và sau khi ném chiếc nơ thứ mười một xuống bàn, cô bắt đầu xếp chiếc thứ mười hai.

- Chuyện gì diễn ra sau đó? Cái gì xảy ra tiếp theo? Chị Czernicka của em ơi, chuyện gì tiếp theo?- Cô bé ngồi trên chiếc ghế nhỏ thì thào. Con Elf cũng không ngủ nữa và vừa ngồi trên đùi đưa bé vừa giương cặp mắt đen tròn nhanh nhẹn nhìn vào mặt người kể chuyện.

- Tiếp theo - diễn ra thế này. Hai năm đầu, bà chủ tốt bụng vô cùng yêu mến cô bé, yêu lắm lắm. Bà lúc nào cũng giữ cô bé bên cạnh mình, thường xuyên hôn nó, dạy nó nói tiếng Pháp, dạy nó đi đứng, ăn nói duyên dáng, dạy nó thêu chuỗi hạt trên vải để vẽ... Sau đó...

- Sau đó cái gì xảy ra? Tiếp theo sau đó là cái gì?

- Sau đó bắt đầu giảm mức yêu mến nó, và cuối cùng một hôm, tình cờ bà gặp một công tước. Lúc bấy giờ, cô gái trẻ trở nên vô cùng tệ nhạt và cô phải đi xuống phòng giữ quần áo... Cũng may là cô gái có khiếu thẩm mỹ rất tinh tế và khéo tay nữa, vì vậy bà chủ tốt ra lệnh cho cô phải học nghề may và những công việc khác nhau rồi biến cô thành người hầu gái của mình. Nếu như không có lòng tốt tuyệt vời của bà chủ thì cô gái giờ đây đã có thể có căn nhà riêng của mình ở khu quý tộc, có chồng con, có sức khỏe và khuôn mặt hồng thắm. Nhưng bà chủ ấy hứa đảm bảo cho cô số phận và ha...ạnh phúc. Đã mười hai năm, cô gái may cho bà những bộ quần áo suốt những đêm dài, ăn uống cùng với những người thợ may và người hầu của bà, mỗi buổi sáng mặc vào chân bà những đôi tất dài chấm ben và những đôi giày vải, mỗi buổi tối xếp cho bà những mảnh chăn bông màu sắc sỡ... Mới có ba mươi tuổi mà trông cô như một bà già... Gầy còm, đen đui và bắt đầu thấy tối sầm trước mắt... Sự già nua nhanh chóng đến với cô và cô phải luôn ghi nhớ điều đó... Ôi! Cô phải luôn nhớ về tuổi già của mình, vì nếu như cô không tự mình nhớ về điều đó, không hôm nay thì ngày mai, khi bà chủ tốt muốn đưa ai đó vào thế chỗ cô trong gian giữ quần áo, có lẽ cô sẽ

phải quay về khu quý tộc của mình để nhờ lòng ân huệ của những người anh em, sống trên sự cười nhạo chế giễu của người đời, sống trong... nghèo khổ! Đó, đó là khúc mở đầu của câu chuyện cổ tích!

Trên bàn xếp một đồng mười mấy chiếc nơ đã may xong. Czernicka cầm một mảnh vải dài màu đen, sáng lóng lánh lên tay và bắt đầu xếp nó thành những đường gợn sóng đẹp mắt và những cuộn tròn. Những ngón tay cô run rẩy mạnh hơn trước, và cặp mí mắt màu vàng chớp lia lia, chớp rất nhanh, có lẽ là để nén những giọt nước mắt đang hiện ra lấp lánh trên lông mi. Cô nhìn Helka và cười rất to.

- Chao ơi! - Cô kêu lên - Mà y cứ giương mắt lên nhìn như muốn ăn tươi nuốt sống tao. Và cả con chó nữa cũng chăm chăm nhìn vào tao với cặp mắt long lanh như cũng hiểu chuyện cổ tích ấy. Chuyện cổ tích này là... Mà y có muốn nghe tiếp không?

- Sau đó thế nào? - Đứa trẻ thì thầm.

- Sau đó, có ông công tước...

- Ông ta thế nào, cái ông công tước ấy?

- Ông công tước ấy đã có vợ. Cha xưng tội giảng giải cho bà chủ tốt rằng không nên yêu người đã có vợ, vì điều đó có thể bị đày xuống địa ngục và bản thân cha cũng gặp công tước nói như vậy.

- Thế ông cha xưng tội ấy ở đâu?

- Ông cha xưng tội ấy ở Paris, nhưng không lâu sau đó, bà chủ rời Paris và tại một thành phố nào đó, tình

cờ bà nhìn thấy một con vẹt tuyệt đẹp, con vẹt màu hồng nhạt, với chiếc mỏ đỏ thắm...

Helka hoạt bát hẳn lên.

- Ở thành Vienna... - Nó kêu to - Trong một vườn bách thú ở đó có rất nhiều vẹt... đẹp tuyệt vời... tuyệt vời...

- Đúng như vậy đấy, con vẹt kia còn đẹp hơn những con ở Vienna... Bà chủ mua nó và vô cùng yêu quý nó. Hơn một năm, bà không hề rời xa nó bao giờ. Ban đêm, bà cho mang lồng chim từ phòng khách vào

phòng ngủ. Bà dạy nó nói tiếng Pháp, cho nó ăn những món chọn lọc kĩ càng nhất, vuốt ve bộ lông nó, hôn vào mỏ nó...

Đến đây, cô gấp xong đường gờ gợn sóng của mảnh vải. Czernicka treo mảnh vải đẹp mắt trên tay nắm của chiếc ghế và bắt đầu đưa kim chạy đều đặn trên mép tấm băng vải rộng. Dưới mũi kim chạy đều đặn, tấm vải kêu lên sột soạt, chiếc đồng hồ trên rương điểm chuông báo 1 giờ sáng, từ phòng khách trước đây lắng lại khoảng mười lăm phút bây giờ lại vắng đến tiếng đàn violoncello và tiếng dương cầm da diết.

- Sau đó thế nào? Sau đó thế nào? - Tiếng thầm thì sốt ruột và lo lắng của đứa bé vang lên.

Con Elf không tỏ ra quan tâm đến đoạn kết của chuyện cổ tích. Nó ngủ thiếp đi trong vòng tay Helka.

- Sau đó... tao không nhớ vì sao và bằng cách nào con vệt trở nên vô cùng tệ nhạt... và đã phải xuống phòng giữ quần áo. Trong phòng giữ quần áo, nó buồn rầu, bỏ ăn, bị đau yếu và tắt thở. Nhưng bà chủ không hề thương tiếc nó, vì đã có con chó tuyệt vời...

- Em biết! Em đã biết rồi. - Bỗng nhiên Helka lên tiếng.

- Mà biết cái gì?

- Đoạn kết câu chuyện cổ tích.

- Thế thì mà nói đi.

- Và con chó phải đi xuống phòng giữ quần áo...

- Còn về sau?

- Về sau có một đứa bé gái...

- Và cái gì xảy ra?

- Bà chủ yêu đứa bé gái...

- Còn sau đó, - Czernicka chêm vào - bà chủ gặp một nhạc sĩ nổi tiếng...

- Và cô bé đã phải xuống phòng giữ quần áo!

Những từ cuối cùng Helka thốt ra chỉ thì thầm vừa đủ nghe được. Czernicka ngược cặp mắt khỏi mảnh vải đang may và nhìn vào khuôn

mặt trông khác thường của đứa bé. Đó là khuôn mặt nhỏ nhắn có những đường nét rất xinh đẹp, trong giây phút đó nó trở nên trắng như chiếc bánh thánh, với hai giọt nước mắt tràn đầy từ từ lăn xuống má, hai con mắt màu xanh lam rất to đang giương lên sau làn nước mắt nhìn cô với sự ngạc nhiên câm lặng vô bờ bến. Nó hiểu câu chuyện cổ tích... nhưng vẫn không khỏi ngạc nhiên.

Czernicka lại chớp chớp mí mắt vài lần nữa. Cô đứng dậy và bế đứa bé lên khỏi tấm thảm chùi chân.

- Thôi nào. - Cô nói - Chuyện cổ tích và nước mắt như vậy đủ rồi, và cả việc ngồi đêm cũng đủ rồi. Mày có thể bị ốm... Đi ngủ đi.

Con bé không hề phản ứng lại, nhẹ nhàng như trong mơ, nhưng đôi mắt nhắm lệ vẫn ngược nhìn cô chăm chăm như muốn hỏi, cô cởi áo ngoài và đặt nó xuống giường nằm. Sau đó, cô bế con Elf đã nằm ngủ dưới tấm thảm chùi chân lên và để an ủi con chó, cô đặt nó nằm lên tấm chăn của cô bé. Cô cúi xuống và chạm đôi môi khô khốc, nhỏ hẹp của mình vào trán con bé.

- Nào,- cô nói - biết làm gì đây? Tao không giận gì con vẹt, không giận gì con Elf, và tao cũng sẽ không giận gì mày... cho đến lúc mày vẫn ở đây. Hãy ngủ đi!

Kéo tấm bình phong cho chiếc giường con bé khỏi bị ánh sáng của ngọn đèn chiếu vào, cô lại ngồi xuống cạnh bàn và bắt đầu may trên máy khâu những mảnh vải mỏng trắng. Cánh tay khô khốc và nhanh nhẹn của cô quay đều đặn tay quay của máy khâu, còn bánh xe của máy vẫn vang lên cọt kẹt cho đến lúc người hầu đang ngái ngủ ở phòng ngoài chạy ra đóng cửa tiễn khách ra về. Trên tường lúc đó đã lấp lánh ánh bình minh của một ngày thu. Phía phòng ngủ của bà Ewelina vang lên tiếng chuông. Czernicka đứng phắt dậy và vừa lau cặp mắt mệt mỏi sau một đêm làm việc vất vả vừa vội vã chạy ra khỏi phòng.

...

Đã nửa năm trôi qua kể từ chuyến đi nước ngoài tiếp theo của bà Ewelina sau khi vị nhạc sĩ nổi tiếng rời khỏi Ongrod. Những cơn mưa nhỏ tháng Ba không gây ra tiếng sột soạt nào dù nhỏ nhất, cứ rơi từ trên bầu trời màu tro xuống đều đều dày đặc, và mặc dù vẫn còn hơn một tiếng đồng hồ nữa mới đến hoàng hôn, nhưng trong căn nhà nhỏ xú, thấp lè tè của người thợ xây tên là Jan đã tối mịt.

Trong một ngày mùa xuân xám xịt đầy mưa, hai ô cửa sổ nhỏ nằm ngay sát mặt đất tỏa ánh sáng mờ nhạt vào căn nhà khá rộng, với trần nhà thấp làm bằng dầm gỗ, tường nhà đen ngòm và phủ lớp vữa trát xù xì, với nền đất sét và một bếp lò to dùng dùng để nướng bánh mì và nấu nướng chiếm gần nửa căn phòng. Bếp lò rất lớn, nhưng bên trong những bức tường cũ kĩ, thấp và mỏng ấy vẫn nhận thấy mùi hôi hám và ẩm ướt tích tụ qua mùa đông. Chỗ còn lại ở chân tường dành cho các ghế dài, bàn, vài chiếc ghế tựa làm từ gỗ vàng, chiếc tủ thấp có các bức tranh thánh, hai chiếc tràng kỉ thấp để ngủ, một thùng phi đựng nước và một chum để đựng dưa bắp cải, còn ở gần bếp lò có cánh cửa nhỏ dẫn đến căn phòng dành làm phòng ngủ cho chủ nhân ngôi nhà.

Bây giờ trong căn phòng lớn, cả nhà người thợ xây đang tập trung ăn bữa tối. Ông Jan, một người vạm vỡ, khỏe mạnh, với bộ mặt gân guốc, mái tóc rậm như rừng, vừa mới từ chỗ làm trở về, rửa tay và mặt trong một bình nước và sau khi cởi chiếc tạp dề thợ xây đầy bụi bặm và đất sét của mình ra, ông mặc chiếc áo khoác dài tay và dày dặn vào người, ngồi xuống bên cạnh tường phía sau bàn. Mụ Janowa, chân đất, váy ngắn và tấm khăn quàng chéo trên ngực, với bím tóc dày rối mù vắt ra sau lưng, đứng bên bếp lò đang nổi ngọn lửa lớn nấu nồi xúp trên đó. Dưới chân tường, trên chiếc ghế dài, bọn trẻ con đang tụ tập nói chuyện ầm ĩ. Ở đó có ba đứa: một đứa con trai mười hai tuổi, vạm vỡ khỏe mạnh, với bộ tóc giống như người cha, dày cộm và bù xù, cùng hai đứa con gái, từ tám đến mười tuổi, chân trần, váy dài chấm đất, khăn khiu, nhưng má đỏ thắm và cười vang khắp căn phòng. Thằng Wicek đang nằm nghiêng trên ghế dài, đôi chân trần khua khoắng gì đó làm cho bọn con gái bật cười, nó kể cho bọn kia nghe về những cuộc phiêu

lưu của mình tại lớp vỡ lòng mà nó vừa đến học một năm nay. Cho đến khi mụ Janowa chưa nhóm lên ngọn lửa lớn ở bếp lò thì người ta có cảm tưởng rằng trong căn nhà đó, ngoài ông bố, bà mẹ và ba anh em đứa trẻ ra không còn có ai nữa cả. Tuy nhiên, khi ánh lửa phát ra chiếu sáng đến tận góc bên kia của căn phòng vốn tắm tối trước đây thì hiện ra một sinh linh nữa đang ngồi trên tấm ghế dài thứ hai. Đó cũng là một bé gái, khoảng mười tuổi, nhưng khuôn mặt và quần áo do ánh lửa lung linh chiếu vào quá yếu ớt chỉ nhìn thấy thấp thoáng chập chờn. Chỉ thấy rằng cô bé ngồi trên ghế dài với đôi chân co lại, ép sát người vào góc khuất, trong bộ dạng co quắp và lạnh giá. Bên cạnh cô bé lóng lánh màu đồng của hàng khuy đính vào chiếc rương nhỏ, trông khá thanh nhã, từ đó hai bàn tay nhỏ nhắn trắng như bánh thánh thỉnh thoảng lại lòi ra những đồ vật linh tinh khác nhau. Từ chuyển động của đôi tay đó có thể dễ dàng đoán ra là sinh linh nhỏ bé đang co quắp và lạnh lẽo kia dùng chiếc lược ngà voi chải mớ tóc của mình một cách kĩ càng và cẩn thận, nhờ ánh sáng lung linh của ngọn lửa, thỉnh thoảng mái tóc lại ánh lên màu vàng thẫm. Có lần từ chiếc rương nhỏ ánh lên màu bạc của chiếc gương soi...

- Mẹ ơi! Mẹ ơi! - Đứa con gái nhỏ đang chơi đùa trên ghế dài lên tiếng gọi - Helka lại chải đầu và soi mình trong gương...

- Hôm nay nó đã chải đầu ba lần, rửa móng tay hai lần rồi đấy. - Đứa con gái lớn nhận xét với thái độ dè bủ.

- Một người thanh lịch! Sang trọng! - Thằng bé thêm vào - Liệu nó có tắm rửa trong bình nước giống như chúng ta không nhỉ... Lấy khăn tắm nước lau lên mặt... Ôi, nếu mình đập vỡ gương của nó liệu nó sẽ làm gì nhỉ?

Và cả ba đứa bé chân trần liền hăm hở chạy ủa đến phía góc nhà tối tăm đó.

- Đưa gương đây! Đưa đây! Đưa đây!

Hai bàn tay trắng như bánh thánh lặng lẽ không phản ứng gì xòe từ trong bóng tối ra và đưa chiếc gương viền trong khung bạc cho đám trẻ.

Bọn trẻ vồ lấy nó, nhưng chúng tỏ ra chưa hài lòng vì chiến lợi phẩm đó, vội lôi chiếc rương bọc trong lớp da Anh đặt ở chiếc ghế dài lên và sau khi ngồi vây xung quanh nó trên mặt đất, chúng bắt đầu ngắm nghía có lẽ đến lần thứ một trăm chiếc lược ngà, bàn chải to, bàn chải nhỏ, lọ nước hoa và hộp xà phòng đặt trong đó.

Trong khi đó, mẹ Janowa hoàn toàn không để ý gì đến những tiếng kêu thét và cười đùa của lũ trẻ, hoặc thậm chí còn tỏ ra vui mừng vì chúng, đang nói chuyện với chồng về công việc ngày hôm nay của ông ta, về những thiệt hại mà mẹ lảng giềng gây ra, về việc Wicek hôm nay lười biếng đi học muộn. Sau đó, vừa mang một đĩa thức ăn lớn bốc khói nghi ngút đến bàn ăn, mẹ vừa lên tiếng gọi bọn trẻ đến ăn tối.

Lời gọi đó không cần nhắc lại đến lần thứ hai. Wicek và Marylka nhảy một bước đã đến bên cạnh ghế của người cha và mỗi đứa nhảy đến ôm ngang một bên vai ông. Kaska chạy đến bàn ăn bị mắc vào váy của người mẹ đang đứng cắt bánh mì thành từng lát từ ổ bánh lớn. Mẹ Janowa nhìn xung quanh.

- Helka! - Mẹ lên tiếng gọi - Còn cháu nữa? Sao cháu không đến ăn?

Chuyển chỗ khỏi chiếc ghế dài và đi đến bàn ăn của gia đình, bóng dáng nhỏ nhắn của cô bé phủ đầy ánh sáng khác biệt hẳn so với đám người xung quanh.

Cô bé mảnh khảnh và cao hơn hẳn so với tuổi mình, khoác chiếc áo may bằng vải sa tanh màu xanh da trời viền quanh bằng lông chim bồ câu. Tấm vải sa tanh còn mới và tỏa sáng lấp lánh, nhưng đường viền trắng như tuyết ngày xưa giờ trông như tro tàn. Bây giờ cô bé đã lớn, bộ áo váy đó chỉ chạm tới đầu gối, ở phía dưới đôi chân dài mảnh khảnh của cô phủ lớp tất rách mỏng như mạng nhện và đôi giày cao gót có dây khuy dài sáng lấp lánh, nhưng qua lỗ thùng của nó có thể nhìn thấy bàn chân gầy như trần trụi của cô bé. Khuôn mặt dài gầy còm của cô với đôi mắt to sụp xuống được mớ tóc sáng ngời bao phủ, chải cẩn thận và mới thắt một chiếc nơ quý giá. Trong những bức tường thấp lè tè và đen thui kia, giữa những đứa trẻ chân trần và quần áo dày cộm, bộ

váy áo đỏ cũng như làn da trắng mịn màng của cô bé, sự tế nhị của đôi tay và những cử động đã bao phủ lên cô dấu hiệu nửa tức cười, nửa đau đớn của sự cách biệt sâu sắc so với môi trường xung quanh. Trong giây lát chỉ nghe thấy tiếng động của thìa vào âu canh, tiếng húp sột soạt của năm miệng ăn đang háo hức thưởng thức món xúp nấu với mỡ lợn ăn cùng bánh mì đen đã cắt lát. Helka cũng ăn nhưng ăn chậm chạp, yếu ớt và rất ít. Vài lần cô bé nâng lát bánh mì cùng món xúp lên môi và sau khi đặt thìa xuống bàn, cô ngồi im lặng, hai tay đặt chéo trên đầu gối, ngồi thẳng lưng trên chiếc ghế của mình, chiếc ghế cao nên hai bàn chân trong đôi giày Paris đã rách bướm của cô không chạm được tới mặt đất.

- Sao cháu không ăn thêm đi? - Mụ Janowa quay về phía cô hỏi.

- Cháu cảm ơn, cháu không muốn ăn nữa. - Cô trả lời và vừa run cầm cập vì lạnh, vừa cố co rúm người lại trong tấm áo sa tanh ngắn cũn cỡn của mình.

- Đứa bé này sống bằng cái gì, thực tình tôi không tài nào hiểu nổi nữa! - Mụ Janowa lên tiếng - Nếu như mỗi ngày tôi không rán cho nó một miếng thịt nhỏ thì chắc là đến giờ nó đã chết đói rồi. Mà ngay cả miếng nhỏ như vậy nó cũng không bao giờ, không bao giờ ăn hết...

- Ôi, - ông Jan lạnh lùng lên tiếng - rồi sẽ đến lúc nó quen thôi, nó sẽ quen thôi...

- Và lúc nào nó cũng thấy lạnh và lạnh... Con cái mình chạy nhảy khắp sân, chân trần, áo ngắn, còn con bé ngồi bên bếp lò trong phòng, gần như ủ mình trong áo lông mà sốt rét vẫn làm nó run lên cầm cập...

- Ôi chao, - ông Jan nhắc lại - rồi sẽ đến lúc nó quen thôi...

- Chắc chắn rồi! - Mụ Janowa khẳng định lại - Nhưng trước mắt thì thật xót thương khi nhìn thấy con bé... Tôi sẽ thường xuyên đặt ấm nước lên đun và bắt nó uống thêm chè...

- Phải làm như vậy thôi, - người thợ xây khẳng định - bởi lẽ người ta trả cho mình tiền công trông nom nó...

- Trả công, đúng là có trả... nhưng không nhiều đến mức vì con bé, chúng ta có thể biến đổi sự nghèo túng của mình thành sự giàu có được...

- Bởi vì cũng chẳng cần làm như vậy, rồi nó sẽ quen thôi.

Wicek và Marylka còn tiếp tục nhồi nhét thêm vào bụng mình bánh mì và xúp. Kaska trêu chọc bằng cách cản trở chúng ăn. Lấy ống tay áo lau miệng xong, ông Jan bắt đầu hỏi han cậu con trai về việc học hành và phẩm cách của nó ở trường. Ở phòng bên, đứa trẻ vài tháng tuổi khóc âm ỉ. Mụ Janowa vừa mang đĩa thức ăn, thìa và một nửa chiếc bánh mì gối đi về phía bếp lò vừa nhìn lên Helka nói:

- Cháu đến chỗ thằng Kazio và hãy hát cho nó nghe bài nào cháu biết ấy...

Mệnh lệnh đó được phát ra bằng giọng dịu dàng khác hẳn giọng mà mụ thường nói với bọn trẻ nhà mình.

Helka lặng lẽ và ngoan ngoãn nghe lời. Bằng bước chân nhẹ nhàng và đầy vẻ duyên dáng, hoàn toàn không giống với bước đi nặng nề và hấp tấp của bọn trẻ con nhà thợ xây, cô bé từ tốn lách người vào căn phòng gần như hoàn toàn mờ昧, và sau giây phút gõ nhịp nhàng vào hai đầu nôi, bắt đầu vang lên tiếng hát nho nhỏ nhưng trong sáng và hết sức ngọt ngào của đứa bé. Nó không biết bài nào khác ngoài những bài hát tiếng Pháp và những bài hát như vậy thì nó thuộc vô khối. Còn việc hát những bài tiếng Pháp thì luôn luôn gây cho gia đình nhà thợ xây sự khâm phục vô cùng lớn lao, có lẽ trước hết bởi vì họ chẳng hiểu chút gì. Và bây giờ, cả bọn trẻ con cũng im tiếng. Ông Jan, hai khuỷu tay tì lên bàn, mụ Janowa rửa nôi niêu cạnh bếp lò, cả hai đều im lặng. Trong căn phòng tối, tiếng nôi đung đưa nhịp nhàng, bằng giọng trẻ con trong sáng và buồn rầu, những nốt nhạc đa sầu của một bài hát yêu thích được cất lên:

Le papillon s'envola,

La rose blanche s'effeuilla,

La la la la la la la...

Mụ Janowa đi đến bên bàn. Ông Jan ngẩng đầu lên. Hai người nhìn nhau, lắc đầu và nở nụ cười vừa với vẻ chế nhạo, vừa đượm buồn.

Ông Jan thò tay vào túi áo ngoài lôi ra một phong bì có dấu bưu điện ném lên bàn.

- Đây này! Hôm nay tôi gặp ở ngoài thành phố gã tá điền của bà Krzycka. Hắn định đến nhà mình, nhưng nhìn thấy tôi liền gọi và đưa cho tôi cái này...

Mụ Janowa bằng những ngón tay mập mạp của mình, với thái độ trân trọng rõ ràng rút từ trong phong bì ra tờ giấy bạc hai mươi lăm rúp, là một nửa số tiền hằng năm mà bà Ewelina hứa sẽ trả công nuôi nấng và dạy dỗ Helka cho đến khi con bé hoàn toàn trưởng thành.

- Ôi - Mụ Janowa nói- Cuối cùng bà ấy cũng gửi đến... ờn Chúa... Tôi đã nghĩ là...

Mụ ngắt lời, vì Helka đang đứng ngay cạnh mụ. Từ trong căn phòng tối, nơi đang đưa nôi cho đứa trẻ, con bé đã nhìn thấy ông chồng đưa phong bì tiền cho bà vợ và nói tên người đỡ đầu trước đây của mình. Trong tích tắc, hình như toàn bộ sự sống động ngày xưa quay trở lại, nó nhảy vọt từ trên giường mụ Janowa, nơi đặt chiếc nôi xuống đất và đứng lạng cạnh chiếc bàn với khuôn mặt ửng hồng, đôi mắt cháy sáng, nở nụ cười và run rẩy, không phải vì lạnh mà là vì xúc động. Nó đưa cả hai tay về phía chiếc phong bì.

- Thư của bà chủ - nó kêu lên - của bà chủ... liệu... liệu...

Nó hụt hơi.

- Liệu bà chủ có hỏi đến cháu không?

Ông Jan và mụ Janowa lại nhìn nhau, lắc đầu và nhoẻn cười.

- Ê, đồ trẻ con ngốc nghếch! Làm sao mà bà chủ lại viết thư cho chúng tao và hỏi về mày... Bà ấy gửi tiền để nuôi mày. Mày hãy biết ơn vì điều đó đi!

Helka trong tích tắc lại trắng bệch mặt mày, tỏ vẻ buồn thiu và vừa phủ cho mình chiếc áo khoác ngoài vừa đi về phía bếp lò. Wicek giật lấy chiếc phong bì và đọc cho Marylka dòng chữ ghi địa chỉ đề trên đó.

Kaska thiếp đi trên ghế dài, đầu đặt trên đầu gối ông bố. Ông Jan cầm tờ giấy bạc vợ đưa, với thái độ do dự lên tiếng:

- Có lẽ nên... cất đi cho con bé... để sau này nó dùng. Với hai mươi lăm rúp đã nuôi được đứa trẻ rồi, số còn lại... ta cứ cất đi cho nó...

- Cứ cất đi để dành - vừa đặt bàn tay trên cằm vẻ dăm chiêu suy nghĩ, mẹ Janowa vừa đáp - chỉ có điều là, Jan ơi, chúng ta phải đưa nó vào ngăn nắp một chút...

- Đưa vào ngăn nắp như thế nào? Người ta cho phép nó mang theo mình cả một phòng quần áo...

- Ôi chao! Phòng quần áo! Cái đó chỉ thích hợp đối với cung điện, nhưng ở đây thì... Mọi thứ đó đều mỏng dính, yếu ớt, không bền... làm sao tôi có thể giặt nó một cách thích hợp được... Đấy, mới một mùa đông trôi qua mà thay chỗ cho đám váy của nó ở trong rừng chỉ còn lại toàn giẻ rách.

- Ôi chao, khi cần đưa vào ngăn nắp thì cứ đưa vào ngăn nắp. Chỉ có điều bà đừng có làm thêm những chuyện vô bổ cho đứa bé... hãy để nó đi đứng giống như trẻ con nhà mình... nếu thừa ra đồng nào thì cất đi để dành cho nó về sau...

- Nhưng giống như trẻ con nhà mình thế nào được! Trong khi nó là đứa yếu ớt như vậy! Chân trần mà đi xuống nền nhà xem, có mà ho ngay... ba ngày mặc một chiếc áo sơ mi là khóc, tôi hỏi: “Sao cháu khóc?”. “Áo bẩn.” Nó trả lời... rồi tắm rửa, rồi chải đầu và suốt ngày co ro trong góc nhà... giống hệt con mèo.

- Chà, chà, - vừa gõ ngón tay xuống bàn, ông Jan vừa lên tiếng - rồi nó sẽ quen thôi...

Khi ông thợ xây và vợ ông đang bàn cách nuôi dạy Helka thì cô bé đứng trước bếp lò và cup mắt xuống nhìn vào ngọn lửa đang tàn dần. Rõ ràng là nó đang nghĩ ngợi điều gì đó rất mông lung; sau giây phút như đã đi đến một quyết định quan trọng, nó quay người lại và nhẹ nhàng mở cánh cửa ở hiên, chuồn khỏi ngôi nhà. Đường phố sáng sủa hơn ở trong nhà, nhưng làn sương mù và mưa lâm thâm tháng Ba cũng

gieo cái lạnh xuống đầy không gian. Trong làn sương mù đó, dọc theo những con đường nhỏ quen thuộc và sau đó là những con đường lớn, Helka bước đi lúc đầu còn nhanh nhẹn, về sau mỗi lúc một chậm chạp hơn. Đôi khi mệt mỏi, nó đứng lại nghỉ; trong lồng ngực nó thiếu hơi thở, đôi chân đi giày tồi tàn cứ yếu dần, vài lần cơn ho khan nổi lên đầy đọa. Nhưng nó vẫn tiếp tục đi cho đến lúc có mặt trên phố Zamiejska, nơi đầu phố, giữa những thân cây trong vườn giờ này trụi lá, có lâu đài của bà Ewelina. Nó đi đến bên hàng rào sắt, đứng nhìn vào vườn cây.

Nó đi tiếp, đến gần cổng ra vào. Cánh cửa cổng không đóng. Nó đi vào sân. Tại đây, phía sâu trong sân, trên hai cửa sổ của căn nhà ngang, nơi ở của người gác, đèn đang chiếu sáng. Chắc là tại đó người ta đang nấu bữa ăn tối. Trước căn nhà ngang, người gác đang bổ củi. Ở đó lúc nào cũng lặng lẽ và vắng vẻ, những nhát rìu bổ xuống nặng nề và nhịp nhàng vang lên trong làn mưa sương, trên máng nước làm bằng tôn dẫn đến mặt sân lát đá, dòng nước nhỏ cứ tuôn xuống đều đặn. Helka đi đến gần bức tường tòa biệt thự và bước dọc theo con đường nhỏ khô ráo, do được lát bằng sỏi, đến vườn cây. Đến đây, nó đứng lại trước bậc thềm dẫn đến gian tiền sảnh cao, tại đó bà Ewelina thường ngồi suốt ngày vào mùa hè. Bây giờ bậc thềm, gian tiền sảnh và những hàng ghế dài bao quanh đều ngập nước. Helka bắt đầu bước lên bậc thềm, nước thấm vào đôi giày Paris rách của nó. Bỗng nhiên, nó bật ra tiếng reo vui mừng và bằng cử chỉ triu mến chìa cả hai tay ra phía trước. Từ dưới chiếc ghế dài ở góc gian tiền sảnh, đang nằm co tròn giữa những cuộn chỉ tơ dùng để thêu đã cũ ngập trong bùn lầy ẩm ướt, với tiếng kêu phẫn khích, con Elf nhảy bổ đến bên con bé. Thoạt đầu, đứa bé không nhận ra con vật; vì bộ lông dài của nó ướt lướt thướt, đan bện vào nhau, gần như che kín cả hai mắt. Khi nó nói với con vật và khi ngồi xuống miếng ván ướt ở phía trước, con chó nhảy lên đầu gối con bé, và vừa kêu lên vui mừng vừa thè lưỡi liếm mặt và tay nó. Sinh linh ấy cũng gầy còm, lạnh cứng, và chắc chắn cả đói bụng, bẩn thỉu...

- Elf của tao ơi! Elf ơi! Con chó quý báu, cục vàng, vật đáng yêu nhất của tao ơi!

Chúng ôm ấp nhau và cùng hôn hít nhau.

- Elf ơi! Bà chủ ở đâu? Bà chủ đâu? Không có bà chủ của chúng ta! Không có! Không có!

Nó đứng dậy và vừa ôm con Elf trên tay vừa tiến dần đến một trong những ô cửa sổ nhìn ra tiền sảnh. Nó ngồi xuống ghế dài và ngay lập tức đứng phắt dậy.

- Tao sẽ nhìn qua cửa sổ, Elf ơi, tao sẽ xem cái gì đang diễn ra ở kia, trong những căn phòng... Có thể bà chủ đang ở đó... có thể bà sẽ gọi chúng ta...

Nó quỳ xuống ghế dài. Nước tích tụ ở chỗ lõm của chiếc ghế dài đập cả vào đầu gối nó. Nó không để ý đến điều đó.

- Nhìn này, Elf ơi, nhìn này!

Cô bé nâng con chó lên ngang mặt mình và ấn sát cái mõm đầy lông lá của nó vào lớp kính.

- Có nhìn thấy không, Elf ơi?... Mọi thứ vẫn y nguyên như xưa... Màn cửa đỏ tía đẹp như vậy... Ở đó có chiếc gương lớn, thỉnh thoảng bà chủ lại đứng trước nó soi khi mặc quần áo... Còn ở đằng kia... qua cánh cửa mở nhìn thấy phòng ăn...

Cô bé im lặng; bằng đôi mắt ngấu nghiêng ăn mọi thứ mà nó có thể nhìn thấy được bên trong căn nhà đó.

- Nhìn thấy không, Elf ơi, chiếc ghế bành đung đưa kia... Ngồi trên đó mới dễ chịu làm sao... Có những lúc tao đã ngồi đó đung đưa... đung đưa... suốt hàng giờ đồng hồ... và con búp bê của tao, cái con to ấy, cũng đung đưa theo tao...

Con Elf mệt mỏi vì nằm lâu ở tư thế gò bó liền nhoài khỏi cánh tay cô bé và rơi xuống ghế. Ngay sau đó, cô bé cũng ngồi xuống ghế.

- Ôi! Elf ơi! Elf ơi! Cả mày, và tao nữa... chúng ta đã từng có mặt ở đó trước đây...

Cô bé ngồi xuống nước. Váy áo của nó thấm nước khiến nó cảm thấy có một dòng nước lạnh đang chảy tràn dọc theo sống lưng. Đôi bàn chân nó, lọt giữa đôi giày Paris rách nát tàn tạ giờ đây hầu như trần trụi,

tê cóng. Nhưng nó vẫn ngồi và ôm ấp vào ngực mình con Elf khẳng khiu, ướt lướt thướt và con vật thỉnh thoảng lại thè lưỡi liếm đôi tay cô bé.

- Mà có thấy không, Elf ơi, tại nơi mà giờ đây nhiều bùn lầy như vậy... mùa hè đó chính là bồn cỏ, tao và bà chủ đã ngồi đó biết bao nhiêu lần và chúng tao cùng xếp những bó hoa. Và mà có còn nhớ không, Elf ơi, nước Ý? Chính tao đã nài nỉ bà chủ để mà cũng được đi cùng chúng tao! Ở đó thật là đẹp phải không? Ấm áp, lúc nào cũng xanh rờn... mặt trời chiếu sáng... chiếu sáng... biển xanh lam như thế... trên mặt biển những con chim lớn như thế, trắng như thế bay lượn... Mà có nhớ không, chị Czernicka sợ bơi ở biển như thế nào?... Bây giờ chị Czernicka ở đâu nhỉ? Chị đi cùng với bà chủ... Còn chúng ta, Elf ơi, chúng ta không được đi cùng bà chủ đến bất cứ chỗ nào nữa, bất cứ đâu nữa... bất cứ đâu nữa...

Cơn buồn ngủ nặng như đá tảng bắt đầu dâng lên bao trùm cô bé. Nó cúi đầu xuống tay vịn của ghế và vẫn ôm chặt con Elf cũng đang buồn ngủ vào ngực mình, rồi bỗng thiếp đi. Trên mặt đất mỗi lúc một tối thẫm lại; tiếng rìu của người gác đã cầm bắt. Trên các ô cửa sổ căn nhà ngang, ánh lửa cũng đã tắt. Cơn mưa nhỏ dày đặc vẫn rơi đều lên mặt đất không gây bất cứ tiếng sột soạt nào dù là nhỏ nhất và chỉ ở góc ngôi biệt thự, từ những ống máng tôn, dòng nước nhỏ vẫn chảy xuống đều đặn.

Khoảng nửa đêm, sau khi đập cửa đánh thức người gác và nhận được câu trả lời về câu hỏi của mình, rằng đúng là người gác thỉnh thoảng có nhìn thấy đứa trẻ đã biến mất khỏi nhà ông ta vào buổi tối hôm nay, ông thợ xây tên Jan với chiếc đèn pin trong tay đi vào gian tiền sảnh và đứng như trời trồng trước một chiếc ghế dài. Ông đứng lặng, nhìn ngăm, lắc đầu và không hiểu tại sao, lấy bàn tay mập mập của mình, gần như vô thức, nâng lên lau mắt, sau đó dùng đôi tay khỏe mạnh bế cô bé lên. Bừng tỉnh, vẫn buồn ngủ, khóc lóc và yếu ớt, nó vật vờ áp khuôn mặt bị kích động của mình lên vai ông. Ông bế cô bé từ gian tiền sảnh lên và bằng những bước chân nhanh nhẹn chạy vội về nhà

mình. Bế Helka và vút lại con Elf đang ngủ trên ngực cô bé xuống, con chó lại thềm lặng đi về dưới gầm chiếc ghế và vừa thở nặng nề vừa cuộn tròn lại trên nền ẩm ướt của gian tiền sảnh.

BOLESŁAW PRUS

(1847 - 1912)

Ông tên thật là Aleksander Glowacki, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1847 tại Hrubieszow, Lublin. Mồ côi cha mẹ từ sớm, Glowacki sống với những người họ hàng và đi học tại Pulawy và Lublin, sau đó học tiếp trung học ở Siedlce và Kielce. Ông tham gia vào cuộc khởi nghĩa Tháng Giêng, rồi bị thương và bị bắt giam tại nhà tù ở Lublin. Sau khi ra tù, ông theo học tại trường Đại học Trung ương ở Warszawa và đến năm học thứ ba, ông phải bỏ học do điều kiện kinh tế khó khăn. Thời gian sau, ông theo học tại Học viện Kinh tế Nông nghiệp và Lâm nghiệp ở Pulawy, nhưng do xung đột với giáo sư người Nga, ông lại bỏ học.

Sau khi quay trở lại Warszawa, ông đã thử làm nhiều nghề, từ thợ ảnh, thợ nhuộm, người diễn thuyết đường phố, đến nhà báo và nhà văn.

Các tác phẩm đầu tay của ông được đăng trên tạp chí *Kurier Niedzielny* (Tờ tin tức Chủ nhật) và *Kurier Swiateczny* (Tờ tin tức Ngày lễ). Năm 1874, những truyện ngắn đầu tiên của ông ra đời: *Người thuê nhà tầng áp mái* và *Giấc mơ của Jakub...* Ông bắt đầu nổi tiếng với loạt phóng sự in trên báo năm 1882 - 1887. Khoảng năm 1880, ông đã gặt hái những thành công lớn trong lĩnh vực văn chương với các truyện ngắn nổi tiếng như: *Cuộc phiêu lưu của Stasi*, *Antek*, *Kẻ bỏ đạo*, *Làn sóng quay trở lại*, *Đàn quay*, *Chiếc áo ghi lê*, *Những tội lỗi tuổi ấu thơ* và *Sai lầm*.

Các tiểu thuyết nổi tiếng nhất của ông bao gồm: *Tiền đồn*, *Búp bê*, *Người phụ nữ đòi quyền bình đẳng* và *Pharaon*.

Tiểu thuyết cuối cùng đăng trên báo hằng ngày, nhưng chưa kịp kết thúc của nhà văn là *Những sự đổi thay*.

Ngày 19 tháng 5 năm 1912, ông mất tại Warszawa do bệnh tim.

GIẤC MƠ CỐI XAY GIÓ

Antek sinh ra tại ngôi làng bên bờ sông Wisla.

Làng nằm trên một thung lũng không lớn. Bao phủ phía bắc làng là những ngọn đồi dốc thoải thoai thoải, bên trên có rừng thông, còn phía nam là các ngọn đồi chỗ cao chỗ thấp mọc đầy dẻ, mạn đại và sơn trà. Ở đó, chim chóc hót to nhất và bọn trẻ con trong làng cũng hay đến nhất để hái quả bồ đào hoặc tìm tổ chim.

Khi bạn đứng ở giữa làng, bạn có cảm giác rằng hai ngọn núi nọ chạy đến với nhau và sẽ gặp nhau ở một điểm mà buổi sáng ông mặt trời đỏ lòm thức dậy. Nhưng đó chỉ là ảo giác.

Vì phía sau làng có một thung lũng kéo dài giữa các ngọn đồi, với một con sông nhỏ cắt ngang và phủ bên trên là cánh đồng cỏ xanh rờn.

Tại đó, người ta chăn đàn gia súc và tối tối, những con cò chân cao lêu đêu thường đi bắt lữ ếch nhái kêu om sòm.

Từ phía tây làng có một con đập chắn nước, phía sau đập là sông Wisla, còn phía sau sông Wisla lại là những ngọn đồi đá vôi trọc lốc.

Mỗi ngôi nhà nông dân đều được một lớp mái rơm màu xám bao phủ và có vườn cây, còn trong vườn là những cây mạn và ẩn mình giữa đám cây đó là các ống khói phủ đầy muội than đen ngòm và thang dùng để chữa cháy. Những cái thang ấy được đưa vào chưa bao lâu, mọi người đều nghĩ rằng nó sẽ giúp bảo vệ các ngôi nhà trước hỏa hoạn tốt hơn so với các tổ cò xưa kia. Chính vì vậy, khi một ngôi nhà nào đó bị cháy, mọi người đều vô cùng ngạc nhiên, song không ai đi cứu hỏa.

- Rõ ràng là chủ nhân ngôi nhà đó đã gặp phải điều bất hạnh. - Mọi người nói với nhau - Ngôi nhà bị cháy trụi, mặc dù rõ ràng có trang bị cây thang mới và đã đóng tiền phạt vì cây thang cũ bị gãy mấy bậc.

Trong ngôi làng như vậy, Antek đã ra đời. Người ta đặt cậu nằm trong một chiếc nôi không sơn, chiếc nôi còn lại từ đứa anh trai bị chết và cậu đã nằm trong đó hai năm. Sau đó, cô em gái của cậu, Rozalia,

chào đời, vì vậy cậu phải nhường chỗ cho em, còn bản thân cậu, với tư cách một người đã lớn, chuyển sang nằm ở chiếc ghế dài.

Một năm liền, cậu đưa nôi cho em, còn suốt năm tiếp sau đó - cậu ngắm nghía thế gian. Một lần cậu lao xuống sông, lần thứ hai bị một trận đòn từ người đánh xe đi ngang qua vì suýt nữa thì lũ ngựa đã giẫm lên cậu, còn lần thứ ba, cậu bị lũ chó cắn đến nổi suốt hai tuần sau đó, cậu phải nằm cạnh bếp lò. Vậy là cậu đã từng trải khá nhiều. Vì vậy, đến năm lên bốn tuổi, cậu được người bố tặng cho chiếc áo ghi lê dài phủ gối của mình với chiếc cúc bằng đồng thau, còn người mẹ - lệnh cho cậu phải bế đứa em gái.

Khi lên năm tuổi, cậu đã phải đi chăn lợn cho người ta. Nhưng Antek không quan tâm nhiều đến chúng. Cậu thích nhìn sang bên kia sông Wisla hơn, nơi phía sau dãy đồi đá vôi thỉnh thoảng lại xuất hiện cái gì đó cao và đen. Cái đó luồn ra từ bên trái cứ như từ dưới đất chui lên, đi lên phía trên cao và đổ xuống bên phải. Cái đầu tiên vừa đi qua, ngay sau đó cái thứ hai đi tới và đến cái thứ ba, đều đen và cao như thế cả.

Lũ lợn theo thói quen vẫn lẩn vào các luống khoai tây. Bà mẹ, sau khi phát hiện ra điều đó đã quần chiếc áo ghi lê dài quá đầu gối của Antek lại khiến cho cậu bé gần như không thể thở nổi. Nhưng cậu không có trong tim tính hung hăng, do bản chất cậu là đứa bé tốt. Sau khi hét to và giăng chiếc áo ghi lê ra, cậu hỏi mẹ:

- Mẹ ơi! Cái gì đen như thế đi ở bên kia sông Wisla hở mẹ?

Người mẹ nhìn theo hướng tay chỉ của Antek, lấy một tay che mắt rồi đáp:

- Ở đằng kia, phía sau sông Wisla hở? Có gì đâu, mà không nhìn thấy à, đó là cái cối xay gió đang chạy. Lần sau thì hãy trông nom lũ lợn cẩn thận, không thì tao sẽ cho mày ăn roi gai đấy.

- A ha, cối xay gió! Mẹ ơi, thế nó là cái gì vậy?

- Ôi, mày thật là ngu ngốc. - Người mẹ đáp và vội đi làm việc của mình. Đâu có thời gian và trí óc để giảng giải về những cái cối xay gió cơ chứ!...

Nhưng cái cối xay gió không để cậu bé được yên. Antek nhìn thấy nó mỗi ngày. Cậu bé nhìn thấy nó cả trong mơ vào ban đêm. Vì vậy, trong người cậu bé nổi lên một sự tò mò kinh khủng, khiến cho một ngày nọ cậu lần lên phà, phương tiện đưa người sang bên kia sông, và bơi sang bên kia sông Wisla.

Cậu bé bơi qua sông, leo lên núi đá vôi, đứng vào địa điểm có biển thông báo không nên đi qua, và cậu đã nhìn thấy cái cối xay gió. Cậu có cảm giác ngôi nhà ấy giống như cái gác chuông, chỉ có điều ở bên trong có vẻ dày hơn, còn ở chỗ mà gác chuông có ô cửa sổ, thì ở đây có bốn cánh rất lớn đặt theo hình chữ thập. Lúc đầu cậu không hiểu gì cả - đó là cái gì và để làm gì? Nhưng những người chăn gia súc đã giảng giải cho cậu hiểu, vì vậy cậu đã biết mọi thứ. Trước hết, cậu biết về chuyện gió thổi vào cánh quạt và xoay tròn chúng giống như những chiếc lá. Sau đó, cậu biết trên cối xay gió người ta xay lúa mì thành bột, và cuối cùng biết về chuyện bên cạnh cối xay gió người thợ xay ngòi, người đó thường đánh vợ, và là người thông minh đến mức biết bằng cách nào nhử được lũ chuột ra khỏi kho chứa lúa mì.

Sau khi được biết bài học tổng quan như vậy, Antek quay về nhà bằng chính con đường lúc trước. Những người vận tải đã nện cho cậu mấy cái vào đầu vì việc làm hăng máu của cậu, cả bà mẹ cũng nện vào chiếc áo ghi lê của cậu, nhưng điều đó chẳng là cái gì: Antek tỏ ra hài lòng, vì đã thỏa mãn tính tò mò. Vì vậy, mặc dù đặt mình nằm ngủ trong lúc bụng đói, suốt cả đêm cậu mơ tưởng về cái cối xay gió, cái dùng để xay lúa mì, lúc thì mơ tưởng về người thợ xay, kẻ thường đánh vợ và biết nhử chuột ra khỏi kho.

Sự cố nhỏ này đã có ảnh hưởng quyết định đến cả cuộc sống của cậu bé. Kể từ lúc đó - từ khi mặt trời

mọc đến lúc hoàng hôn - cậu luôn bào các que củi trong tay và xếp thành hình chữ thập. Sau đó cậu bào các cây cột, thử đẽo, cắt gọt, sắp đặt cho đến khi làm được một chiếc cối xay gió nhỏ, quay được trong gió giống như cái cối xay ở bên kia sông Wisla.

Niềm sung sướng mới lớn làm sao! Bây giờ, Antek chỉ còn thiếu có cô vợ, để có thể đánh và cậu đã trở thành một người thợ xay thứ thiệt!

Đến năm lên mười, cậu đã làm hỏng bốn con dao to bản, nhưng bằng những con dao đó, cậu cũng đã làm ra những đồ vật kì lạ. Cậu làm các cối xay gió, các hàng rào, cây thang, giếng nước, thậm chí cả những ngôi nhà nguyên vẹn. Đến nỗi mọi người đều cân nhắc và nói với mẹ cậu bé, rằng Antek sẽ trở thành một người thợ cả hoặc kẻ nhặt giẻ rách tầm cỡ.

Trong thời gian đó, cậu lại có thêm một đứa em trai nữa là Wojtek, cô em gái đã lớn, còn người bố bị một cây gỗ đè chết ở trong rừng.

Ở nhà với Rozalia thật quá thoải mái. Mùa đông, cô bé lau chùi phòng ở, mang nước về, thậm chí còn biết nấu xúp lúa mạch. Mùa hè, người ta phái cô bé đi cùng Antek ra chăn bò, bởi cậu bé bận bịu với việc đéo bào, không bao giờ chăm sóc chúng. Còn cái gì mà người ta không đánh đập, không van nài, không khóc lóc vì cậu! Cậu bé kêu gào, hứa hẹn, thậm chí khóc lóc với mẹ, nhưng cậu vẫn làm việc của cậu, còn lũ bò vẫn phá phách gây thiệt hại.

Chỉ đến khi cô em gái cùng với cậu chăn dắt thì tình hình mới tốt lên: cậu bé bào đéo các cây gậy, còn cô bé chăm nom đàn bò.

Nhiều lần thấy rằng con bé mặc dù nhỏ hơn nhưng có trí khôn và nhiệt tình hơn Antek, bà mẹ chỉ còn biết đau lòng phẩy tay và than vãn với người bạn già Andrzej:

- Tôi biết làm cái gì với thằng Antek lạ đời này, thật là bất hạnh! Ở nhà nó chẳng làm gì, đàn bò cũng không chăm nom, chỉ cắt gọt những cái gậy, cứ như trong đó có cái gì ẩn náu ấy. Ông Andrzej của tôi ơi, thằng bé này lớn lên sẽ không thành ông chủ, thậm chí cũng chẳng ra người làm công, chỉ làm trò cười cho mọi người và phỉ báng Chúa!...

Ông Andrzej, kẻ thời trai trẻ đã từng làm nghề vận chuyển bè mảng trên sông và nhìn thấy nhiều điều trên thế giới, liền lên tiếng động viên bà góa phụ buồn phiền như thế này:

- Nó sẽ không trở thành ông chủ cho bà đâu, chỉ uống công thôi, vì thậm chí nó không có một chút trí khôn nào đối với việc đó. Vì vậy, trước tiên phải cho nó đến trường học, sau đó cho nó đi học làm thợ. Nó sẽ học được từ trong sách, nó sẽ học nghề thủ công và nếu như không trở thành miếng giẻ rách thì sẽ sống được.

Đáp lại điều đó, bà quả phụ vẫn vừa nói vừa phẩy tay:

- Ôi, ông bạn già, ông nói cái gì thế! Làm nghề thủ công không phải là điều đáng xấu hổ đối với một chủ đất ư và bất kì ai đặt hàng cũng phải làm cho họ à?

Ông Andrzej phả khói từ chiếc tẩu gỗ ra ngoài và nói:

- Đúng là có xấu hổ thật, song không còn cách nào khác đâu.

Sau đó, hướng tới Antek đang ngồi trên nền nhà bên cạnh chiếc ghế dài, ông lên tiếng hỏi:

- Nào nói đi, thằng ranh con, mày muốn trở thành người nào? Chủ đất hay thợ thủ công?

Antek liền đáp:

- Cháu sẽ đóng cối xay gió để xay bột mì.

Và cậu luôn trả lời như vậy, mặc dù người ta lắc đầu trước cậu, đôi khi họ còn dùng chổi đánh.

Năm cậu lên mười tuổi, một lần cô em gái tám tuổi, Rozalia, bị ốm nặng. Buổi tối con bé lên giường nằm, sáng hôm sau khó khăn lắm mới đánh thức được nó. Thân thể con bé nóng ran, mắt hoa lên và nói năng lộn xộn.

Bà mẹ lúc đầu nghĩ rằng cô gái trốn việc; vì vậy đã cho nó vài cái hích bằng khuỷu tay. Nhưng khi điều đó không giúp được gì, bà đã lau người nó bằng dấm nóng, hôm sau cho nó uống rượu vodka pha với ngải hương. Tất cả đều vô ích, thậm chí còn tồi tệ hơn, bởi sau khi uống rượu, cô bé bị những vết tím bầm mọc khắp người. Sau khi tìm kiếm tất cả mớ quần áo ở trong hòm và trong phòng, bà quả phụ lấy ra được sáu đồng xu, liền gọi bà Grzegorzowa, một thầy lang nổi tiếng đến cứu giúp.

Bà già thông minh ngắm nghía kĩ lưỡng người ốm, nhổ nước bọt xuống nền nhà bên cạnh cô bé như thường lệ, thậm chí còn lấy dầu thoa vào người cô, nhưng ngay cả điều đó cũng không giúp được gì.

Bà ta liền nói với người mẹ:

- Bà bạn ơi, hãy đốt lửa trong lò làm bánh lên. Phải để cô bé chảy thật nhiều mồ hôi ra, lúc đó sẽ qua khỏi.

Bà quả phụ đốt lò như yêu cầu và lấy thêm than vào, rồi chờ nghe lệnh tiếp.

- Nào, bây giờ - bà thầy lang nói, - hãy đặt con bé lên tấm ván gỗ thông và đưa nó vào trong lò khoảng một phút. Nó sẽ khỏi ngay tức khắc, giống như ai đó chặt tay ấy mà!

Đúng là người ta đã đặt Rozalia lên tấm ván gỗ thông (Antek nhìn việc đó từ góc căn phòng) và đưa hai chân nó lên phía trước, cho vào lò.

Cô gái bị cái nóng bao phủ liền tỉnh lại.

- Mẹ ơi, các người làm gì con thế? - Cô lên tiếng gọi.

- Im nào, đồ ngu, cái này giúp con chóng khỏe lại

Các bà già đã đẩy nó vào đến nửa người; cô bé bắt đầu giãy giụa như cá bị vướng mạng. Cô đâm bà thầy lang, nắm lấy cổ bà mẹ bằng cả hai tay và hét văng trời:

- Các người định thiêu chết con à, ôi mẹ ơi!...

Người ta đã đưa toàn thân cô vào, lò được đặt tấm ván lên và các bà già bắt đầu đếm giờ...

- Hỡi Đức Mẹ Đồng trinh Maria, người làm phúc...

- Mẹ ơi! Mẹ của con ơi!... - Cô gái bất hạnh rên rỉ - Ôi, mẹ ơi!...

- Chúa đến với con, con sẽ được ban phước lành giữa những người con gái...

Bây giờ, Antek chạy đến bếp lò và giật váy người mẹ.

- Mẹ ơi! - Nó vừa khóc vừa gọi- Ở trong đó con bé sẽ chết vì đau đớn!...

Nhưng nó chỉ nhận lại được điều duy nhất là cái củng vào đầu, để khỏi làm cản trở việc đếm thời gian. Một phút trôi qua, người ta đưa tấm ván ra ngoài.

Bên trong bếp lò là một cái xác với lớp da đỏ lôm, đôi chỗ rỉ nước nằm cong queo.

- Ôi Jesus! - Người mẹ kêu lên sau khi nhìn thấy cô gái không ra hình dáng một con người.

Và nỗi đau đớn vì đứa bé đã chiếm lĩnh bà, khiến cho bà chỉ còn có thể giúp đỡ bà thầy lang khên xác đặt lên trường kỉ. Sau đó, bà quỳ giữa phòng và vừa đập đầu vào nền đất vừa kêu gào:

- Ôi! Grzegorzowa!... Bà làm trò gì thế này!...

Bà thầy lang buồn rầu.

- Ê!... Tốt hơn hết là bà nên im lặng lại. Bà nghĩ rằng con bé bị bóng mà đỏ lên như thế này sao? Đó là do bệnh của nó phát ra, chỉ có điều là phát ra hơi nhanh, vì vậy nó làm con bé khốn khổ chết. Tất cả mọi chuyện đều là theo ý Chúa.

Trong làng không ai biết về nguyên nhân cái chết của Rozalia. Cô bé chết - biết làm thế nào được. Rõ ràng là chuyện đó đã được định sẵn như vậy. Tuy vậy, cho dù mỗi năm ở trong làng có một đứa bé bị chết thì vẫn còn đầy rẫy bọn trẻ con đấy thôi!

Ngày thứ ba, người ta đặt Rozalia lên một chiếc quan tài mới đóng có cây thập tự đen ở bên trên, quan tài đặt trong chuồng phân và dùng mấy con bò chuyên chở ra sau làng, đến nơi mà bên trên những năm mộ đã lún xuống có những cây thập tự mục nát và những cây bạch dương vỏ trắng đứng trông nom. Trên con đường gập ghềnh, cỗ quan tài bị lật nghiêng sang một bên, còn Antek vừa giữ vạt váy mẹ vừa đi sau cỗ xe và nghĩ:

“Ở đó Rozalia chắc hẳn phải khổ sở lắm, khi cứ phải xoay người và lật sang một bên như vậy!...”

Sau đó - cha xứ vẩy nước thánh vào quan tài, bốn người phu hạ dây đưa nó xuống mồ, người ta lấp đất lên - và tất cả chỉ có như vậy.

Đồi cây rì rào và những sườn dốc với các bụi cây nhỏ mọc um tùm vẫn ở lại nơi mà nó đã có mặt. Những người chăn gia súc giống như trước đây vẫn thổi sáo ở dưới thung lũng và cuộc sống vẫn trôi theo trình tự của mình, mặc dù ở trong làng thiếu đi một cô gái.

Một tuần liền, người ta nói về cô bé, rồi người ta quên cô và bỏ qua ngôi mộ mới, trên đó chỉ còn có gió vuốt ve và những con châu chấu cất tiếng lao xao.

Còn sau đó, tuyết rơi và thậm chí lũ châu chấu cũng sợ không dám đến.

Mùa đông, những đứa con chủ đất đến trường học. Về phía Antek, vì bà mẹ thấy cậu không giúp được gì trong công việc ở đồng ruộng, ngược lại chỉ cản trở, do vậy nghe lời khuyên của ông bạn Andrzej, bà quyết định cho thằng bé đi học.

- Liệu trong trường người ta có dạy con đóng cối xay gió hay không?
- Antek hỏi.

- Ôi chao! Thậm chí họ còn dạy mày viết văn bản, chỉ cần mày muốn.

Lúc đó, bà quả phụ lấy ra bốn mươi xu cho vào một túi vải, nắm tay thằng bé và sợ hãi đi đến chỗ ông giáo. Bước vào phòng, bà gặp ông ta đang vá chiếc áo lông cũ. Bà cúi xuống chân ông, trao số tiền mang đến và nói:

- Tôi cúi đầu trước ngài giáo sư và tha thiết đề nghị ngài quyền quý nhận thằng ranh con này vào học, và xin ngài đừng tiếc tay với nó giống như người cha đẻ...

Ngài quyền quý với đôi giày há hốc mồm liền nâng cầm Antek lên, nhìn thẳng vào mắt nó và vỗ nhẹ:

- Thằng bé đẹp đấy.- Ông nói - Con biết gì nào?

- Đúng là nó đẹp thật, - bà mẹ hài lòng lặp lại - nhưng phải học vì có lẽ nó chẳng biết gì.

- Sao lại thế được, bà là mẹ nó mà không biết nó biết cái gì và đã học được gì à?- Ông giáo hỏi.

- Làm sao mà tôi biết là nó biết cái gì cơ chứ? Tôi là đàn bà, tôi không hiểu gì chuyện đó cả. Còn cái gì nó học được, cái thằng Antek của tôi ấy, thì tôi biết là nó đã học chẵn bò, kiếm củi, kéo nước từ giếng lên và có lẽ chẳng biết gì hơn nữa.

Bằng cách ấy, người ta đưa thằng bé vào trường học. Vì người mẹ tiếc số tiền bốn mươi xu bỏ ra, nên để được yên lòng, bà tập hợp mấy người láng giềng trước nhà và hỏi ý kiến họ xem liệu việc đưa Antek đến trường là đúng hay sai và số tiền bỏ ra như vậy có đáng không.

- Ôi dào!... - Một trong số chủ đất nói - Hình như xã có trả tiền cho giáo viên, vì vậy nếu cứng ra thì bà không cần phải cho ông ta cái gì. Nhưng ông ta luôn nhớ những người không đóng riêng tiền cho mình và sẽ dạy tồi hơn.

- Thế ông ta có phải loại giáo sư giỏi không?

- Cũng không đến nỗi!... Ông ta, nếu như nói chuyện với ông ấy thì thấy ông có hơi dần độn, song biết cách dạy- như cần thiết. Thằng bé con tôi đã học ông ta được ba năm và đã biết toàn bộ vần chữ cái - từ trên xuống dưới và từ dưới lên trên.

- Ôi dào! Vần chữ cái là cái quái gì! - Người chủ đất thứ hai lên tiếng.

- Thực ra cũng quan trọng chứ. - Người đầu nói - Có lẽ các người không nghe thấy là nhiều lần ông xã trưởng từng nói: “Giá như tôi biết vần chữ cái thì từ cái xã như thế này, tôi có thể kiếm được hơn một nghìn rúp, bằng số tiền của một ông thư kí!”

Vài ngày sau đó, lần đầu tiên Antek đến trường. Cậu bé cảm thấy phòng học cũng đàng hoàng gần bằng căn phòng trong quán ăn, nơi có người chủ quán rượu đứng, bên trong đặt các hàng ghế dài, chiếc nọ nối chiếc kia như ở trong nhà thờ. Chỉ có điều lò sưởi bị nứt và cửa ra vào không đóng kín lại được, vì vậy có hơi lạnh. Bọn trẻ con có bộ mặt đỏ au và hai tay thụt vào trong ống tay áo, thầy giáo mặc áo lông trên người và đội mũ lông cừu trên đầu. Dọc theo các góc của trường học,

lớp băng trắng đóng dày và những tia sáng long lanh giương mắt lên nhìn mọi thứ.

Người ta đặt Antek ngồi giữa những đứa bé chưa biết mặt chữ và mới bắt đầu bài học.

Antek được mẹ nhắc nhở đã hứa là phải cố gắng vượt lên.

Thầy giáo cầm phấn trong những ngón tay xương xẩu và viết trên chiếc bảng đã xác xơ một dấu gì đó.

- Bọn trẻ hãy nhìn đây!- Ông nói - Chữ cái này rất dễ nhớ, trông nó giống như ai đó đang nháy vũ điệu dân gian và đọc là A. Đằng kia hãy im lặng, đồ con lừa!... Đọc lại nào: A... A... A...

- A!... A!... A!... - Bọn học trò nhóm thứ nhất đồng loạt gào to.

Vượt lên trên hết là giọng Antek. Nhưng ông thầy vẫn còn chưa nhận ra điều đó.

Cậu bé hơi đau lòng; lòng tự trọng của cậu bị thương tổn.

Thầy giáo vẽ dấu thứ hai.

- Chữ cái này, - ông nói - còn dễ nhớ hơn, trông nó như cái bánh bích quy. Các trò đã nhìn thấy bánh bích quy chưa?

- Wojtek đã nhìn thấy, còn chúng con có lẽ chưa thấy... - Một đứa lên tiếng.

- Thế thì hãy nhớ lấy, là cái bánh bích quy giống như chữ cái này, nó đọc là B. Các trò kêu: Be! Be!

Mọi người đồng loạt kêu:

- Be! Be!

Nhưng lần này, giọng Antek dĩ nhiên vượt trội hẳn lên. Chụm tay lại thành chiếc kèn, cậu hét to như chú bê một tuổi kêu be be.

Cả trường nổi lên tiếng cười to, còn ông giáo giật nảy mình bực tức.

- Ê! - Ông hét to về phía Antek - Sao mà giỏi thế? Mà định biến trường học thành chuồng bê à? Hãy đưa nó đến để làm nóng!

Cậu bé ngạc nhiên đến ngẩn người ra, nhưng trước khi kịp trấn tĩnh, cậu đã bị hai học trò khỏe nhất trường nắm lấy hai vai, kéo ra giữa và

vật ngã ngựa.

Antek vẫn còn chưa hiểu chuyện gì xảy ra thì bỗng nhiên cảm thấy mấy đòn đánh rất đau và nghe thấy tiếng cảnh cáo:

- Đừng có mà kêu be be như thế, thằng ranh con! Đừng có kêu be be như thế!

Họ buông cậu ra. Cậu bé rùng mình như con chó vừa từ dưới nước vọt lên và đi về chỗ của mình.

Ông giáo vẽ chữ cái thứ ba và thứ tư, bọn trẻ con gọi tên chúng đồng loạt, sau đó đến lượt hỏi bài.

Người đầu tiên trả lời là Antek.

- Chữ cái này là chữ gì? - Thầy giáo hỏi.

- A! - Thằng bé đáp.

- Còn chữ thứ hai?

Antek im lặng.

- Chữ thứ hai là chữ be. Nhắc lại, đồ con cừu.

Antek lại im lặng.

- Nhắc lại, đồ con cừu, be!

- Con có ngu ngốc đâu! - Cậu bé lầm bầm, trong khi cậu nhớ rõ ràng rằng ở trường không được kêu be be.

- Cái gì hả ranh con, sao mày cứng đầu như thế? Làm nóng cho nó!...

Lại những đứa bạn lần trước đã nắm vai cậu, vật cậu ra, còn ông giáo thì lại đánh đúng số roi như vậy, song đã thêm lời nhắc:

- Đừng có cứng đầu!... Đừng có cứng đầu!...

Mười lăm phút sau bắt đầu giờ học của lớp cao hơn, còn lớp dưới thì đi vào bếp của thầy giáo để nghỉ ngơi. Ở đó, một nhóm do bà chủ nhà chỉ huy gọt khoai tây, nhóm thứ hai mang nước đến, nhóm khác thì cho bò ăn, và công việc ấy kéo dài cho đến buổi chiều.

Khi Antek về đến nhà, bà mẹ hỏi cậu:

- Sao? Mày học được chứ?

- Con học được.

- Thế được mấy?
- Ôi, còn sao nữa! Được hai trận đòn.
- Vì bài học ư?
- Không, chỉ là để làm nóng.
- Thế đấy, đó là ban đầu. Sau này mày sẽ phải học tử tế! - Bà mẹ động viên cậu.

Antek lo lắng suy nghĩ.

- Ôi, thôi mặc kệ,- cậu tự động viên mình. “Đánh thì đánh, nhưng ít nhất cũng chỉ cho mình biết cách làm cối xay gió.”

Từ lúc đó, trẻ con lớp thấp nhất vẫn chỉ học bốn chữ cái đầu tiên, còn sau đó đi vào bếp và ra sân giúp việc cho bà giáo. Không hề có chuyện về cối xay gió.

Một hôm, ở ngoài trời tuyết rơi nhẹ hơn, trái tim ông giáo cảm thấy ấm áp cởi mở hơn, vì vậy ông muốn giảng giải cho lũ học trò bé nhất của mình về tác dụng của chữ viết.

- Hãy nhìn này các trò, - ông nói, vừa nói vừa viết lên bảng chữ NHÀ - việc biết viết là chuyện thông minh như thế nào. Chỉ ba chữ cái này và không chiếm bao nhiêu chỗ, nhưng lại có nghĩa là ngôi nhà. Cứ nhìn lên chữ này thì ngay sau đó trước mắt ta hiện lên toàn bộ ngôi nhà, cửa ra vào, cửa sổ, hàng hiên, các căn phòng, bếp lò, ghế dài, các bức tranh treo tường, nói tóm lại là sẽ nhìn thấy ngôi nhà với tất cả mọi thứ có mặt trong đó.

Antek giụi mắt, nghiêng người, nhìn chữ viết trên bảng, song bằng cách gì cũng không thể nhìn thấy ngôi nhà. Cuối cùng, cậu hích tay đưa ngòi kẻ bên và hỏi:

- Mày có nhìn thấy ngôi nhà mà thầy giáo nói hay không?
- Tao không thấy. - Đưa bên cạnh nói.
- Chắc chắn đó là lời dối trá! - Antek đi đến kết luận. Câu cuối cùng ông giáo nghe được và hét lên:
- Dối trá thế nào? Cái gì dối trá?

- Đó là việc trên bảng có cái nhà. Rõ ràng trên đó chỉ có một ít phấn, chẳng thấy ngôi nhà nào.- Antek ngây thơ đáp.

Thầy giáo véo tai cậu và kéo cậu ra giữa trường.

- Làm nóng cho nó! - Ông gọi, và nghi thức phạt với toàn bộ chi tiết giống hệt như đã làm với thằng bé được lặp lại.

Khi Antek về nhà mặt đỏ bừng, khóc lóc và có lẽ không tìm nổi cho mình một chỗ đứng, bà mẹ lại hỏi cậu:

- Mà bị đòn à?

- Thế mẹ nghĩ là không à? - Cậu bé rên rỉ đáp.

- Vì bài học?

- Không phải vì bài học, mà vì để làm nóng!

Bà mẹ phẩy tay.

- Ôi dào! - Bà nói sau hồi suy nghĩ - Phải chờ đợi thì rồi sau này người ta sẽ dạy cho mày học.

Sau đó, khi chất thêm củi vào bếp, bà tự lau bầu với mình:

- Lúc nào mà đàn bà góa và trẻ mồ côi chẳng gặp chuyện như thế ở trên đời này. Giá mà mình có cho giáo sư nửa rúp, chứ không phải bốn mươi xu, thì chắc ông ấy đã nhận ngay đứa bé. Còn bây giờ thì đùa giỡn với nó, thế đấy.

Còn Antek, khi nghe thấy thế thì nghĩ:

“Nào, nào! Nếu như ông ta đùa giỡn với mình như vậy thì cái gì sẽ xảy ra khi bắt đầu dạy mình đây?”

Cũng may hoặc không may là lo sợ của cậu bé không bao giờ trở thành hiện thực.

Một hôm, chuyện xảy ra hai tháng sau khi Antek vào học ở trường, thầy giáo của cậu đến gặp bà mẹ và sau khi chào hỏi thông thường đã hỏi ngay:

-Sao vậy, người đàn bà của tôi, với thằng bé con bà sẽ như thế nào đây? Bà đưa bốn mươi xu ra vì nó, nhưng đó chỉ là ban đầu, còn bây giờ đã là tháng thứ ba rồi, còn tôi không nhìn thấy một cắc bạc nào

thêm! Chuyện này không thể như vậy được; bà hãy trả thêm ít nhất là bốn mươi xu nữa, nhưng đó là tiền mỗi tháng.

Nghe thấy thế, người đàn bà góa liền đáp:

- Tôi kiếm đâu ra tiền, tôi không có! Kiếm được xu nào thì mọi thứ đều phải nộp lên xã. Thậm chí không có gì để mua quần áo rách cho trẻ con.

Ông giáo đứng bật dậy khỏi ghế, đội mũ lên và đáp lại ngay trong phòng:

- Nếu là như vậy thì Antek không còn gì để đến trường nữa. Tôi không tội gì phải làm không công cho nó. Chuyện dạy học của tôi không phải dành cho người nghèo.

Ông bước ra và đi thẳng, còn người đàn bà góa nhìn theo ông và nghĩ:

“Đúng thật. Thế giới là thế giới, chỉ có những đứa trẻ con nhà giàu mới đi học. Người bình thường sao mà đủ cung phụng được!...”

Bà lại gọi ông bạn Andrzej đến để hỏi ý kiến và cả hai người bắt đầu tra hỏi thẳng bé.

- Thằng ranh con, hai tháng qua mày học được những gì? - Lão Andrzej hỏi cậu - Rõ ràng là mẹ mày mất cho mày bốn mươi xu...

- Thế còn ít nữa ư! - Bà mẹ xen vào.

- Ở đó chẳng học được cái quái gì! - Cậu bé đáp - Gọt khoai tây ở trường cũng giống như ở nhà, cho lợn ăn cũng chẳng khác gì. Chỉ có điều con đã vài lần đánh giày cho thầy giáo. Nhưng họ đã bắt con hằng ngày lên với lũ kia... để làm nóng...

- Còn chuyện học hành mày không nắm được cái gì à?

- Có ai nắm được cái gì đâu! - Antek nói - Khi dạy chúng con theo kiểu bình thường thì đối trá. Ông ấy viết lên bảng dấu gì đó và nói rằng đó là ngôi nhà với phòng ở, hàng hiên, các bức tranh. Con người có mắt và nhìn thấy rằng đó không phải ngôi nhà. Còn khi dạy theo kiểu ở trường thì chỉ có bọn đao phủ hiểu nổi! Ở đó có vài đứa lớn, những đứa

biết hát theo kiểu ở trường, nhưng những đứa bé hơn thì may lắm là học được cách chửi thề...

- Mà cứ thử chửi thề như vậy xem, tao sẽ cho ăn đòn! - Người mẹ xen vào.

- Này, cậu bé, thế còn chuyện đồng áng thì không bao giờ mà có hứng hay sao? - Lão Andrzej hỏi.

Antek hôn tay ông ta và lên tiếng:

- Các người hãy gửi con tới nơi người ta dạy đóng cối xay gió ấy.

Những người già đều nhún vai như nghe lệnh.

Cái cối xay gió bất hạnh đứng bên kia bờ sông Wisla chuyên xay lúa mì đã gặm nhấm tâm hồn cậu bé sâu đến mức không có sức mạnh nào có thể lôi được cậu ra khỏi đó nữa.

Sau khi thảo luận rất lâu, người ta quyết định chờ đợi. Và họ đã chờ.

Tuần này đến tuần khác trôi qua, tháng này đến tháng khác trôi qua, cuối cùng cậu bé đến tuổi mười hai, nhưng trong chuyện đồng áng cậu vẫn không phục vụ được gì nhiều. Cậu bào các cây gậy của mình, thậm chí còn khắc được những hình thù kì lạ. Và mãi đến khi con dao của cậu bị hỏng, còn người mẹ không cho tiền mua con dao mới, cậu mới chịu đi làm thuê. Ban đêm, khi canh ngựa cho một người ngoài đồng cỏ, cậu chìm đắm trong màn sương đêm trắng và nhìn lên các ngôi sao; rồi cậu dắt bò khi cày ruộng cho một người khác; đôi khi cậu đi vào rừng tìm quả móc hoặc nấm và bán cả sọt đầy cho chủ quầy rượu Mordko mà chỉ lấy vài xu.

Trong nhà họ gặp khó khăn. Đồng ruộng không có người đàn ông cũng giống như thân thể không có linh hồn; và mọi người đều biết bố Antek đã mấy năm nay yên nghỉ trên quả đồi, nơi những cây thập tự buồn rầu vẫn nhìn xuống làng xóm qua rặng cây móc đỏ trơ trọi.

Bà quả phụ đã thuê một người làm công để trông nom việc đồng áng, số tiền còn lại phải mang nộp cho xã, còn lại bao nhiêu mới dành cho việc nuôi mình và hai thằng bé.

Hằng ngày, họ ăn xúp củ cải đỏ với bánh mì và khoai tây, đôi lúc ăn tấm, mì ống, hãn hữu có đậu Hà Lan, còn thịt- có lẽ chỉ vào dịp lễ Phục sinh. Đôi khi ngay cả cái đó trong nhà cũng không lo nổi, lúc bấy giờ không cần trông coi bếp lò nữa, bà quả phụ may vá quần áo cũ cho các con. Thằng nhỏ Wojtek khóc, còn Antek không có việc gì làm trong bữa trưa liền đi đánh ruồi và sau bữa tiệc như vậy lại đi ra ngoài sân để bào những cái thang, hàng rào, cối xay gió và những thứ thiêng liêng của mình. Cậu đeo cả những bức tượng để thờ cúng, đúng ra là lúc ban đầu, tượng không có mặt và tay.

Cuối cùng, ông bạn Andrzej, người bạn thân trung thành của gia đình côi cút, đã lo cho Antek vào làm ở chỗ một người thợ rèn làng bên. Một Chủ nhật, họ đi đến đó với người đàn bà góa và cậu bé. Người thợ rèn nhận họ khá nhiệt thành. Thử tay và bả vai cậu bé, biết rằng ở tuổi ấy cậu hoàn toàn đủ sức lực, ông liền nhận cậu vào làm có thời hạn, không lương và chỉ trong sáu năm.

Thật kinh khủng và buồn rầu khi thấy cậu bé nhìn theo mẹ khóc lóc, ông già Andrzej chia tay cậu và người thợ rèn ra sao, và cả khi họ đã khuất bóng sau vườn cây, đi trên đường về nhà. Cậu còn buồn hơn, khi ngủ đêm đầu tiên dưới mái nhà lạ, trong nhà để rơm, giữa những cậu bé nhà thợ rèn không quen biết với mình, những kẻ đã ăn mất của cậu suất cơm tối và trước khi đi ngủ còn nện cho cậu vài cú đấm để dọn đường cho một tình bạn tốt đẹp.

Còn ngày hôm sau, mới sáng tinh mơ, họ đã cùng đi đến lò rèn. Khi người ta đốt lò, Antek bắt đầu thổi ống bễ to đùng, còn những đứa khác thì hát cùng người thợ cả: “Khi vầng đông bừng sáng”, họ bắt đầu nện búa vào thanh sắt nóng chảy - lúc bấy giờ trong cậu bé như bừng tỉnh một tinh thần mới. Tiếng kêu của kim loại, nhịp đập đều đặn, bài hát, đáp lại âm thanh ấy đến rừng cây cũng rung lên xào xạc - tất cả mọi thứ đều làm cậu bé say mê... Hình như trong trái tim cậu những thiên thần trên trời đã kéo căng các dây đàn mà từ trước đến nay những đứa trẻ nông thôn chưa từng được biết đến và các dây đàn đó mãi đến hôm nay

mới thánh thót vang lên khi thổi ống bễ, khi nện búa xuống đe và khi những tia lửa phun ra từ thanh sắt.

Ôi, cậu có thể trở thành một thợ rèn năng động như thế nào, và có lẽ còn hơn thế nữa... Nhưng cậu bé, mặc dù cực kì mê thích công việc mới, vẫn luôn nghĩ về những chiếc cối xay gió của mình.

Ông thợ rèn, người đỡ đầu Antek, là một gã không có tính cách rõ ràng. Ông ta quai búa và trông nom công việc chẳng ra tời, cũng chẳng ra tốt. Đôi lúc, ông ta đánh bọn trẻ đến mức người chúng thâm tím, và quan tâm nhất đến chuyện bọn trẻ dừng nhanh chóng học được kĩ xảo. Vì một đứa trẻ tuổi sau khi học hết thời hạn có thể tự đứng ra lập lò rèn bên cạnh người thầy dạy nó và buộc ông ta phải cố gắng làm việc tốt hơn!...

Cũng cần biết rằng ông thợ rèn còn có một tập quán nữa.

Ở cuối làng có một người bạn thân lớn của ông thợ rèn - ông trưởng thôn, kể vào những ngày thường gần như không rời khỏi công việc, song khi ở nhiệm sở gặp chuyện gì đó, ông ta để trang trại lại và đi đến quán ăn bên cạnh lò rèn. Việc đó diễn ra một hoặc hai lần trong một tuần.

Lúc bấy giờ, ông trưởng thôn với những đồng tiền kiếm được ở nhiệm sở đi đến quán dưới gốc thông và cũng không muốn ghé vào lò rèn.

- Vinh danh Thiên Chúa trên trời! - Ông ta đứng ngoài bậc cửa nói với thợ rèn.

- Vinh danh Thiên Chúa trên trời! - Ông thợ rèn đáp lại - Công việc ngoài đồng thế nào?

- Không có gì. - Trưởng thôn nói- Thế còn ở chỗ ông trong lò rèn?

- Không có gì. - Thợ rèn nói -Ơn Chúa, dù chỉ một lần ông ra khỏi nhà cũng tốt rồi.

- Ồ vâng. - Trưởng thôn đáp - Nói chuyện ở văn phòng nhiều rồi, vì vậy tôi phải súc miệng một chút. Ông có đi cùng tôi để tránh bụi bặm ở đây không?

- Phải hiểu rằng nên đi, bởi vì sức khỏe là trên hết. - Thợ rèn đáp và không cời tạp dề ra khỏi người, đi cùng với trưởng thôn đến quán.

Khi đã đi ra khỏi đó một lần thì bọn trẻ chắc chắn có thể dập tắt lửa. Dù cho công việc có khẩn cấp đến mấy, dù cho trái đất có lung lay, cả thợ rèn lẫn trưởng thôn đều không bước ra khỏi quán trước buổi tối, chỉ trừ khi trưởng thôn phải giải quyết chuyện gì của chính quyền.

Mãi đến đêm khuya họ mới về nhà.

Thông thường thì trưởng thôn cặp tay thợ rèn, còn gã kia bê chai rượu “để ngày mai súc miệng”. Ngày hôm sau, trưởng thôn hoàn toàn tỉnh táo và giải quyết công việc cho đến khi nhận được tiền lương mới ở công sở, song thợ rèn thì vẫn thòm thèm nhìn vào chai rượu mang về, cho đến khi nó chưa cạn đến đáy, và vì vậy chỉ một lần nổi loạn, ông ta nghỉ đến hai ngày.

Đã một năm rồi Antek nghĩ bề lõm rèn, không làm gì hơn, có lẽ thế, và một năm rồi, ông thợ cả cùng trưởng thôn vẫn thường lệ súc miệng dưới quán cây thông. Cho đến một lần xảy ra chuyện.

Khi trưởng thôn và thợ rèn ngồi ở quán rượu, bỗng nhiên sau nửa cú đầu tiên, người ta báo rằng có ai đó treo cổ ở đằng kia - và người ta lôi trưởng thôn ra khỏi bàn. Thợ rèn không có bạn ngồi cùng buộc phải dừng cuộc “súc miệng”, song đã mua một chai cần thiết và bình thản mang nó về nhà.

Trong lúc đó, một nông dân cùng với một con ngựa đi đến lò rèn đóng móng.

Sau khi nhìn thấy ông ta, lũ thợ học nghề liền gọi to:

- Không có thợ cả, hôm nay ông ấy “súc miệng” cùng ông trưởng thôn!

- Thế trong bọn bay không đứa nào đóng được móng ngựa à? - Người chủ đất buồn rầu hỏi.

- Ai mà đóng được! - Thăng bé học nghề lớn tuổi nhất đáp.

- Tôi sẽ đóng móng cho ông. - Bỗng nhiên, Antek lên tiếng.

Chết đuối vớ được cọc, vì vậy người nông dân đồng ý với đề nghị của Antek, mặc dầu không mấy tin ở cậu, còn bọn học nghề khác thì cười nhạo cậu và nói cạnh khóe:

- Hãy xem kìa, thằng nhãi ranh! - Đứa người làm lớn tuổi nhất nói - Khi sống còn chưa cầm cây búa trong tay, chỉ thổi lửa và mang than đưa vào lò, thế mà hôm nay đòi đóng móng ngựa cơ đấy!...

Antek nâng búa lên, sau khi quàng áo vào người, chỉ trong thời gian ngắn cậu đã đóng được vài chiếc đinh vào móng ngựa. Đúng ra thì chiếc móng ngựa hơi to và không thật cân đối, nhưng như vậy cũng đủ làm bọn thợ học việc há hốc mồm.

Vừa đúng lúc ấy, ông thợ cả về. Người ta kể cho ông nghe chuyện gì đã xảy ra, chỉ cho ông chiếc móng ngựa và những chiếc đinh.

Ông thợ rèn nhìn ngắm và phải lấy tay lau máu trào ra từ mắt.

- Mà học được cái này ở đâu, thằng ăn cắp? - Ông hỏi Antek.

- Ở trong lò rèn. - Thằng bé tỏ ra hài lòng với lời khen ngợi đáp lại - Khi ông thợ cả đi súc miệng, còn bọn nó chạy mỗi đứa một nơi, thì cháu rèn những đồ vật khác nhau từ chì hoặc sắt.

Thợ cả bối rối đến mức thậm chí quên không đánh Antek vì tội làm hỏng vật liệu và đồ dùng. Ông ta đành phải đi hỏi ý kiến vợ, hậu quả của việc đó là cậu bé bị tống khứ khỏi lò rèn và đưa về làm việc ở trang trại.

- Mà quá thông minh, cháu yêu ạ! - Thợ rèn nói - Mà sẽ học thạo nghề chỉ trong ba năm và sau đó thì mày chuồn. Nhưng mẹ mày trao mày cho tao những sáu năm, hãy đi phục vụ.

Nửa năm sau, Antek vẫn ở chỗ thợ rèn. Cậu ta đào hố trong vườn, nhổ cỏ, chặt cây, đưa nôi cho trẻ, song không bao giờ vượt qua ngưỡng cửa lò rèn. Về chuyện này mọi người đều canh chừng triệt để: cả thợ cả, cả vợ thợ cả, cả bọn trẻ. Thậm chí, người mẹ đẻ của Antek và ông bạn Andrzej, mặc dù biết về bí mật của thợ rèn, không nói câu nào chống lại ông ta. Theo hợp đồng và tập quán thì cậu bé sau sáu năm mới có quyền tập tọng nghề rèn. Nhưng vì cậu lanh lợi kì lạ và không

học ai mà tự biết làm nghề thợ rèn chỉ trong vòng một năm, thế thì đối với cậu càng tồi tệ hơn!

Nhưng Antek cảm thấy buồn chán với cách sống như vậy.

“Tôi phải đào hố và chặt cây ở đây, vậy thì tôi thích làm công việc như vậy ở nhà mẹ tôi hơn.”

Cậu nghĩ ngợi như vậy suốt một tuần, rồi một tháng. Cậu do dự. Cuối cùng, cậu bỏ trốn khỏi nhà thợ rèn và đi về nhà.

Mấy năm sau đó trôi qua với cậu bé lại hóa ra tốt đẹp. Cậu bé lớn lên, trở thành một chàng thanh niên, biết thêm nhiều người hơn so với cái thung lũng của mình, và trên hết là biết thêm được nhiều công cụ thủ công nghiệp.

Bây giờ ngồi ở nhà, đôi lúc Antek cũng giúp việc nhà nông, song thường là chế tạo máy móc của mình và khắc tượng. Ngoài con dao to bản, anh còn có thêm cái đục, cái dũa, cái khoan và sử dụng chúng thành thạo đến mức thậm chí một số sản phẩm của anh được gã chủ quán Mordko bắt đầu mua. Để làm gì?... Antek không biết điều đó, mặc dù các cối xay gió, ngôi nhà, các hòm giả, tượng thần và những chiếc tàu thuốc của anh được phát tán trong cả vùng. Người ta ngạc nhiên về tài năng của một người tự học không lộ diện, thậm chí còn trả cho gã Mordko số tiền không nhỏ vì những sản phẩm đó, nhưng không ai hỏi về anh, càng không ai nghĩ đến việc đưa tay ra trợ giúp anh.

Ai mà đi chăm sóc đóa hoa đồng nội, những trái lê và anh đào dại, mặc dầu hình như mọi người đều biết nếu cố gắng thì chúng sẽ cho thành quả tốt hơn.

Antek lớn lên, các cô gái và phụ nữ ở làng càng ngày càng nhìn anh với vẻ duyên dáng hơn và thường xuyên bàn tán về anh với nhau hơn:

- Thật đẹp, đúng là con thú dữ, đẹp ghê gớm!

Đúng thật Antek quả là đẹp. Anh rất khéo tay, thân hình cân đối và thẳng lưng, không giống những người nông dân khác - vai co lại, chân bước ì ạch vì công việc nặng nhọc. Khuôn mặt anh cũng không giống những người khác, các đường nét rất đầy đặn, làn da tươi tắn, nét mặt

thông minh. Anh cũng có mái tóc sáng màu, hơi quăn, cặp lông mi thâm màu và đôi mắt đen pha xanh lam, đầy mơ mộng.

Đám đàn ông ngạc nhiên về sức lực của anh và than phiền rằng anh dễ hoà phi. Còn đàn bà lại thích nhìn vào mắt anh hơn.

- Hẳn ta, đồ thú dữ, xem ra đúng là một con người. - Một mụ nói như vậy - Nghĩ đến chuyện đó làm tôi thấy như kiến bò khắp mình mẩy. Còn trẻ như vậy mà nhìn mình cứ như một quý tộc lớn tuổi!...

- Đâu phải vậy! - Bà thứ hai phủ nhận - Hẳn nhìn bình thường như một đứa trẻ, chỉ có điều trong ánh mắt có cái gì đó ngọt ngào đến mức làm mình cảm thấy muốn cởi quần áo ra. Tôi biết quá rành chuyện đó!...

- Có lẽ tôi biết rành hơn, - Bà đầu phản ứng lại - bởi vì tôi đã từng phục vụ trong dinh mà...

Và khi những người đàn bà tranh luận nhau về cái nhìn của Antek thì anh hoàn toàn không thèm nhìn họ. Đối với anh, cái đùa tốt còn có giá trị hơn một người đàn bà dù là đẹp nhất.

Trong thời gian đó, ông xã trưởng, một người góa vợ, đã gả đứa con gái có từ cuộc hôn nhân thứ nhất đi lấy chồng và vẫn còn mấy đứa bé có từ cuộc hôn nhân thứ hai ở trong nhà, lần này lại cưới vợ lần thứ ba. Thông thường thì những kẻ hói đầu vẫn hay gặp may, vì thế ông ta đã tìm được cho mình một cô vợ trẻ rất đẹp và giàu ở bên kia sông Wisla.

Khi đôi ấy đứng trước bàn thờ thì mọi người bắt đầu cười; ngay cả cha xứ cũng lắc đầu vì họ không tương xứng với nhau.

Xã trưởng rung mình như một ông già vừa ở bệnh viện ra và vì chỉ bị bạc tóc có một chút nên cái đầu hói của ông trông như một quả bầu. Cô vợ xã trưởng thì như một tia lửa. Đó là một cô gái Di gan thuần chủng với đôi môi anh đào hơi lệch và cặp mắt đen, trong đó sự trẻ trung của cô cháy lên như ngọn lửa.

Sau ngày cưới, ngôi nhà của xã trưởng trước đây thường vắng vẻ, nay sống động hẳn lên, vì hết lần này đến lần khác khách khứa thường xuyên lui tới. Lúc thì gã tuần canh, kẻ giờ đây có nhiều chuyện làm ăn

với xã hơn so với thông thường; lúc thì gã thư kí, kẻ gập gờ với xã trưởng ở văn phòng chưa thỏa mãn, còn đến tận nhà thăm ông ta; rồi lại còn các xạ thủ của chính phủ, những kẻ từ trước đến nay ít khi xuất hiện trong làng. Thậm chí ngay cả ngài giáo sư, sau khi nhận lương tháng cũng vứt chiếc áo lông cũ kĩ vào một xó, ăn mặc như một đại quý tộc, khiến bất kì người nào trong làng cũng bắt đầu gọi ông ta là ngài thừa kế quyền quý.

Và tất cả những gã tuần canh, xạ thủ, thư kí và thầy giáo ấy đều bị hút đến với vợ xã trưởng giống như đàn chuột đến với cối xay. Một gã vừa mới bước vào phòng, kẻ thứ hai đã đứng chờ ngoài hàng rào, kẻ thứ ba thì từ cuối làng bắt đầu di chuyển đến, còn kẻ thứ tư thì lượn lờ bên cạnh xã trưởng. Người đàn bà đáng kính đó làm cho tất cả mọi người vui vẻ, cô tươi cười, mời khách khứa ăn uống đàng hoàng. Nhưng thỉnh thoảng, cô cũng nắm tóc người nào đó, thậm chí còn nện cả vào mặt, do tính khí cô ta cũng thay đổi thất thường.

Sau nửa năm cưới, cuối cùng tình hình cũng bình thường trở lại. Một số khách cảm thấy buồn chán, những kẻ khác thì bị vợ xã trưởng tổng khử và chỉ riêng ông giáo sư tương đối già, bản thân ăn uống khổ sở và bỏ đói vợ mình ở nhà, cứ mỗi tháng lương lại mua một vật trang sức gắn vào quần áo và ngồi ở ngưỡng cửa nhà xã trưởng (do người ta tổng khử hẳn ta ra khỏi phòng) hoặc quỳ gối và thờ dài giữa đường làng.

Một Chủ nhật nọ, Antek đi lễ Misa như mọi bận cùng bà mẹ và đứa em trai. Trong nhà thờ đã khá chật chội, nhưng vẫn còn một ít chỗ dành cho họ. Bà mẹ quỳ cùng với đám phụ nữ ở bên phải, Antek cùng Wojtek với đám con trai ở bên trái và mỗi người đều tụng kinh như mình biết. Đầu tiên là khấn vị thánh ở bàn thờ chính, sau đó tới vị thánh đứng ở vị trí cao hơn vị thánh kia, sau đó tới các vị thánh ở những bàn thờ bên cạnh. Nó tụng kinh thay cho người bố, bị cây đèn chết, và thay cho người em gái, bị bệnh chết quá nhanh khi đưa từ trong bếp lò ra, và cầu mong Chúa nhân từ và các vị thánh ở tất cả các bàn thờ kia mang đến cho nó hạnh phúc trong cuộc sống, nếu như ý nguyện các vị đúng là như vậy.

Sau khi Antek đã nhắc lại đến lần thứ tư những khúc kinh tụng của mình, anh bỗng cảm thấy ai đó đập vào chân mình và tì rất nặng lên vai anh. Anh ngẩng đầu lên. Chen lẩn giữa đám đông, đứng ngay phía trên anh là vợ xã trưởng, khuôn mặt rám nắng, đỏ lựng, thở hổn hển gấp gáp. Cô ăn mặc giống như một người phụ nữ nông dân, dưới tấm khăn từ trên vai rớt xuống nhìn thấy rõ chiếc áo bằng vải dày mỏng tang và những sợi dây hạt chuyền hổ phách san hô.

Và họ nhìn vào mắt nhau. Cô vẫn giữ nguyên tay trên vai anh, còn anh thì... quỳ, vừa nhìn lên cô như nhìn lên một hiện tượng tuyệt diệu, vừa không dám cựa quậy để không làm cho cô bỗng nhiên biến mất khỏi mình.

Mọi người bắt đầu thì thầm với nhau:

- Xê ra nào, ông bạn, bà xã trưởng đang đến...

Những người bạn dịch ra và vợ xã trưởng đi tiếp, đến tận trước bàn thờ chính. Trên đường đi dường như bị vấp, cô lại nhìn vào Antek, còn anh thì bị sức nóng của ánh mắt ấy tưới khắp mình mẩy. Sau đó, cô ngồi trên ghế dài và đọc kinh từ trong sách, thỉnh thoảng lại ngẩng đầu lên và nhìn khắp nhà thờ. Khi đến Lễ cử dương Thánh thể, xung quanh bỗng im lặng như tờ và những con chiên úp mặt xuống, cô ta gấp sách lại và nhìn Antek một lần nữa, găm vào anh ánh mắt rực lửa. Luồng ánh sáng từ cửa sổ chiếu lên khuôn mặt Di gan và lên sợi dây hạt chuyền của cô khiến anh cảm thấy cô như một thiên thần mà đứng trước đó, mọi người phải im lặng và đều trở thành bụi bặm.

Sau lễ Misa, mọi người đi từng đoàn về nhà. Bà xã trưởng bị gã thư kí, thầy giáo và gã nấu rượu bữa vậy, và thế là Antek không thể gặp được.

Ở nhà, bà mẹ đã dành cho các cậu con trai món xúp lúa mạch nấu với sữa trắng và những viên bánh bột lớn nhân tằm. Nhưng Antek, mặc dù rất thích những thứ đó, lại chỉ ăn có một tí chút. Sau đó anh ra ngoài, leo lên đồi và đặt mình nằm xuống chỗ đỉnh cao nhất, từ đó anh phóng tầm mắt nhìn về phía nhà xã trưởng. Nhưng anh chỉ nhìn thấy mái nhà

lợp rơm và làn khói nhỏ màu xanh da trời từ tốn bay ra từ chiếc ống khói trắng. Vậy là anh cảm thấy một điều gì đó buồn rầu khó tả dâng trào, khiến anh phải giấu mặt vào dưới vạt áo cũ và bật khóc.

Lần đầu tiên trong đời, anh cảm thấy cảnh nghèo khổ cùng cực của mình. Căn nhà của họ là nhà nghèo khó nhất trong làng, còn cánh đồng thì tồi tệ nhất. Bà mẹ, mặc dù cũng là chủ đất, song phải làm việc giống như một tá điền và mặc quần áo gần như giẻ rách. Trong làng, người ta nhìn anh giống như nhìn một kẻ liều lĩnh, kẻ ăn bánh mì của người khác không biết để làm gì. Người ta tha hồ đánh chửi anh, thậm chí cả lũ chó cũng tha hồ cắn xé anh!...

Còn xa lắm anh mới so được với giáo sư, với gã nấu rượu, thậm chí ngay cả đến gã thư kí, những người biết bao nhiêu lần, hễ họ muốn là đều có thể đến được nhà xã trưởng và thoải mái nói chuyện với vợ xã trưởng. Còn anh thì không mong muốn gì nhiều. Anh chỉ ước mong được một lần, một lần cuối cùng trong đời thôi, được cô vợ xã trưởng tì tay lên vai và nhìn vào mắt giống như lúc ở trong nhà thờ. Bởi lẽ trong cái nhìn của cô, anh cảm thấy có một cái gì đó kì lạ xuất hiện, một cái gì đó giống như tia chớp, mà khi nhìn thấy nó trong giây phút ngắn ngủi, cả bầu trời sâu thẳm thẳm đầy bí mật bỗng hé lộ ra. Nếu như ai nhìn thấy điều đó rõ ràng thì sẽ biết được mọi thứ, những cái có trên thế gian này, và sẽ trở nên giàu có giống như một ông vua.

Antek trong nhà thờ đã không nhìn thấy rõ ràng điều đó, cái điều hiện lên lấp lánh trong mắt vợ xã trưởng. Anh chưa được chuẩn bị, bị lóa mắt và thế là đánh mất dịp may hiếm có. Ôi giá như một lần nữa cô nàng lại muốn nhìn vào anh như vậy!...

Anh mơ thấy rằng đã nhìn thấy hạnh phúc bay ngang qua, và khát khao trông chờ điều đó quay trở lại. Trái tim ngái ngủ được đánh thức và bắt đầu như muốn luôn xuyên qua mọi đau đớn. Bây giờ đây, anh cảm thấy thế giới đã hoàn toàn biến đổi. Thung lũng tỏ ra quá nhỏ bé, các ngọn đồi quá thấp, còn bầu trời- không biết có bị hạ xuống hay không, vì thay cho việc kéo anh lên cao thì bắt đầu nhấn anh chìm xuống. Anh từ trên đồi tuột xuống ngất ngây say, không biết bằng cách

gì có mặt trên bờ sông Wisla và vừa nhìn xuống những viên sỏi của sông vừa cảm thấy có cái gì đó lôi kéo anh đến với chúng.

Tình yêu, thứ mà anh còn chưa biết gọi tên, đổ ập xuống anh như một cơn bão, làm dậy lên trong tâm hồn nỗi sợ hãi, nuối tiếc, cảm giác ngạc nhiên và - liệu anh còn biết được cái gì nữa?

Kể từ đó mỗi Chủ nhật, anh đều đến nhà thờ dự lễ Misa và với trái tim run rẩy, anh chờ đợi vợ xã trưởng, vừa chờ vừa nghĩ rằng cũng giống như lúc ấy, nàng sẽ lại từ tay anh và nhìn vào mắt anh. Nhưng trường hợp ấy không lặp lại, hơn nữa giờ đây sự chú ý của vợ xã trưởng đã hướng về gã nấu rượu, một nông dân trẻ và khỏe, người từ mãi tận làng thứ ba đi đến... để dự lễ cầu kinh.

Lúc bấy giờ, Antek nảy ra một ý tưởng khác thường. Anh quyết định làm một cây thánh giá đẹp và đem tặng vợ xã trưởng. Lúc đó có lẽ nàng sẽ nhìn lên anh và có thể anh sẽ khỏi căn bệnh nhớ thương, thứ đã làm cho cuộc sống của anh hao mòn.

Phía sau làng của họ, trên ngã ba đường có một cây thánh giá kì lạ. Từ dưới đế nó có những cây bìm bịp cuốn quanh. Cao hơn một chút là cây thang nhỏ, cái giáo và chòm cây gai, còn trên đỉnh ở phía cánh tay tròn bên trái treo lơ lửng cánh tay Chúa Jesus, phần còn lại của pho tượng đã bị kẻ nào đó đánh cắp - chắc là để làm bùa phép. Cây thánh giá đó được Antek lấy làm khuôn mẫu.

Vì vậy anh bào, chế tác và bắt đầu làm mới cây thánh giá của mình, cố gắng sao cho nó đẹp và xứng đáng với vợ xã trưởng.

Trong khi đó, có điều bất hạnh xảy ra trong làng. Nước sông Wisla chảy tràn bờ, cắt ngang đập chắn, phá hủy các cánh đồng ven bờ. Mọi người thiệt hại rất nhiều, nhưng người thiệt hại nhất là mẹ Antek. Gia đình bà thậm chí còn bị đói. Phải đi kiếm việc làm thêm; vì vậy bản thân bà, người đàn bà bất hạnh, phải đi làm, để Wojtek chăn gia súc. Nhưng việc làm đó vẫn chưa đủ. Antek, kẻ không thích công việc đồng áng trở thành gánh nặng thực sự đối với bà.

Nhìn thấy điều đó, ông già Andrzej bắt đầu nài nỉ anh đi khỏi làng, đến với thế giới bên ngoài.

- Mày là chàng trai nhanh nhẹn, khỏe mạnh, khéo tay đối với nghề thủ công, vì vậy mày hãy đi ra thành phố đi. Tại đó mày sẽ học được cái gì đó và còn có ích cho mẹ mày, chứ ở đây thì mẫu bánh mì cuối cùng mày cũng lấy mất khỏi miệng bà ấy.

Antek phờ phạc mặt mày trước ý nghĩ sẽ phải rời bỏ làng mà không được nhìn thấy vợ xã trưởng thêm một lần. Nhưng anh hiểu rằng không thể làm gì khác và chỉ xin mọi người để cho anh ở thêm vài ngày nữa.

Với sự sốt sắng gấp đôi, anh chạm khắc cây thánh giá của mình và đã làm một cây thánh giá rất đẹp, có cây bìm bịp ở bên dưới, với các bộ phận người bị nhục hình và với bàn tay Chúa ở cánh tay tròn bên trái. Khi hoàn thành công việc, anh lại không có đủ can đảm đi đến nhà xã trưởng và tặng quà cho vợ xã trưởng.

Trong thời gian đó, bà mẹ đã vá lại quần áo cho anh, vay gã Mordko một rúp làm tiền đi đường, xếp vào thúng cho anh một cái bánh mì cùng pho mát, rồi bà khóc.

Nhưng Antek vẫn nói dông dài, lần nữa việc ra đi của mình hết ngày này sang ngày khác.

Điều đó gây ra sự sốt ruột ở ông Andrzej, người đã gọi anh ra khỏi nhà vào một ngày thứ Bảy và nói với anh một cách nghiêm khắc:

- Nào, bao giờ thì mày đi, chàng trai, mày có làm chủ được mình không đấy? Mày có muốn mẹ mày phải đói vì mày và chết mệt vì công việc hay không? Rõ ràng là bằng đôi bàn tay già nua của mình, bà ấy không thể nuôi sống bản thân và một đứa to xác như mày, kẻ suốt ngày chỉ biết lêu lổng!...

Antek cúi người xuống đến tận chân ông ta.

- Cháu sẵn sàng ra đi ngay, bác Andrzej ạ, chỉ có điều bỏ lại những người thân của mình thì cháu rất thương!

Nhưng anh không nói ai khiến anh thương nhất.

- Ô hô! - Ông Andrzej nói to - Mày đâu còn là đứa bé đang bú để mà không thể xa nổi mẹ? Mày là chàng trai tốt, không nói gì, nhưng lại có trong mình sự lưỡng lự như vậy, điều đó có thể giữ chân mày cho đến bạc đầu bên cạnh mẹ. Vì vậy tao nói thẳng với mày: ngày mai là Chủ nhật, tất cả chúng tao đều được nghỉ vì thế chúng tao sẽ tiễn đưa mày ra đi. Vì vậy sau lễ cầu kinh, ăn trưa xong là mày phải lên đường. Ở đây ngồi bó tay mãi không được đâu. Mày biết rõ nhất là tao nói đúng sự thật.

Antek bị sỉ nhục trở về nhà và nói rằng ngày mai sẽ đi ra thiên hạ để tìm công việc và học tập. Người đàn bà nghèo khổ vừa lau nước mắt vừa chuẩn bị đồ đạc cho anh lên đường. Bà cho đứa con trai chiếc thùng cũ, chiếc duy nhất còn lại ở trong nhà và một cái túi may bằng vải bố. Bà cho vào trong thùng một chút thức ăn, cho vào chiếc túi cái dũa, cái búa, cái đục và các đồ dùng khác mà bao nhiêu năm nay Antek vẫn dùng để chế tạo các đồ chơi của mình.

Đêm đến. Antek nằm trên chiếc ghế dài cứng, nhưng không thể ngủ được. Anh nhồm dậy nhìn vào những cục than đang dần tắt trong bếp lò, nghe tiếng chó sủa từ xa vọng đến hoặc tiếng đế gậy liên hồi trong nhà, âm thanh ấy đang lên tiếng gọi anh giống như tiếng gọi của đàn cháu cháu trên nấm mồ đã bị bỏ lại của đứa em gái nhỏ Rozalia.

Ngay sau đó, anh nghe thấy tiếng sụt sịt nổi lên ở góc nhà. Đó là người mẹ không ngủ được đang thút thít khóc...

Antek chui đầu vào trong áo.

Khi anh tỉnh dậy thì mặt trời đã lên cao. Bà mẹ đã dậy và bằng đôi tay run rẩy bắc nồi lên bếp lửa.

Sau đó, mọi người cùng ngồi bên bàn để ăn sáng và sau khi ăn uống chút ít, họ cùng nhau đi đến nhà thờ.

Antek giữ trên ngực dưới tấm áo chiếc thánh giá của mình. Chốc chốc, anh lại ghì chặt nó trong tay và nhìn quanh với vẻ bất an, liệu có nhìn thấy vợ xã trưởng hay không và lo lắng nghĩ sẽ trao quà tặng của mình cho nàng như thế nào?

Trong nhà thờ không có vợ xã trưởng. Anh quỳ ở giữa, tụng kinh như một cái máy, song tụng gì?... Anh không hiểu. Tiếng đại phong cầm, tiếng hát của dân chúng, tiếng chuông và tiếng kêu đau đớn trong tâm hồn của chính mình đã hòa lẫn với nhau tạo thành một trận gió to. Anh có cảm giác như cả thế gian này đang run rẩy trong giây phút đó, khi anh phải rời bỏ làng này, ngôi nhà thờ này và tất cả những người mà anh yêu thương.

Nhưng thế giới này vẫn bình yên, chỉ có trong anh sự tiếc thương mới sôi trào lên như vậy.

Bỗng nhiên, đại phong cầm cầm bắt, mọi người đều cúi đầu. Antek bưng tỉnh lại, nhìn quanh. Giống như lúc đó, hôm nay cũng diễn ra Lễ cử dương Thánh thể và cũng giống như lúc đó, ngồi trên ghế dài bên cạnh bàn thờ chính là bà xã trưởng.

Lúc bấy giờ, anh dịch chuyển từ chỗ của mình giữa đám người đông đúc, anh bò bằng đầu gối đến sát chiếc ghế dài nọ và có mặt ngay dưới chân vợ xã trưởng. Anh đưa tay vào vách và lấy cây thánh giá ra. Tuy nhiên, mọi sự can đảm của anh bỗng nhiên tan biến, tiếng nói của anh tắt ngấm đến nỗi không phát ra được âm thanh nào. Thay vì trao cho vợ xã trưởng cây thánh giá mà suốt mấy tháng trời anh chạm khắc, anh cầm nó lên và treo thành quả công việc của mình vào đầu đinh đóng trên tường bên cạnh ghế dài. Anh đã trao tặng Chúa cây thánh giá gỗ, cùng với nó là cả tình yêu bí mật và tương lai không chắc chắn của mình.

Vợ xã trưởng chú ý đến tiếng rì rầm và nhìn xuống anh với vẻ tò mò giống hệt như lúc ấy. Nhưng anh không nhìn thấy gì, vì nước mắt đã ứ đầy che khuất.

Sau lễ Misa, bà mẹ cùng bọn trẻ đi về nhà. Họ mới ăn một chút khoai tây và chút mì ống thì trong nhà xuất hiện ông bạn già Andrzej và sau khi chào hỏi, ông nói:

- Nào chàng trai! Lên đường thôi! Ai đi xa thì đã đến giờ khởi hành rồi.

Antek thắt lại quần bằng chiếc thắt lưng, treo túi đồ đạc qua một bên vai, chiếc túi bên vai kia. Khi mọi người đã sẵn sàng để lên đường thì anh quỳ xuống, từ biệt và cúi hôn nền nhà giống như nền nhà thờ. Sau đó, bà mẹ cầm một tay anh, thằng Wojtek cầm tay kia và giống như dẫn chàng rể vào làm lễ cưới, cả hai người thân yêu nhất dẫn anh vượt qua ngưỡng cửa vào thế giới.

Ông già Andrzej dò dẫm lộ mọ bước theo sau họ.

- Đây là một rúp cho con, Antek ạ. - Bà mẹ nói và nhét vào tay anh túi giấy rách đựng đầy tiền đồng - Đừng có dùng nó để mua những thứ dùng để đổ gọt, hãy cất vài xu này dành lúc gặp khó khăn, khi mày đói. Nếu như kiếm được đồng tiền nào thì hãy dâng nó vào lễ Misa, để Chúa ban ân cho con.

Và họ bước đi thật chậm chạp, theo con đường hẻm núi dẫn lên cao, cho đến lúc làng quê đã không còn trong tầm mắt họ; chỉ còn tiếng đàn violon và tiếng trống cùng tiếng chuông khê khàng vọng đến từ quán ăn. Cuối cùng, ở đây cũng im lặng; họ có mặt trên đỉnh đồi.

- Thôi, chúng ta hãy về đi. - Ông Andrzej nói - Còn mày, chàng trai, hãy đi tiếp con đường này và hỏi về thành phố. Bởi vì mày sẽ không sống ở làng quê nữa, mà là ở thành phố, nơi mọi người có nhiệt tình với cái búa hơn là công việc đồng áng.

Nghे đến đó, bà góa bỗng vừa khóc vừa lên tiếng:

- Ông bạn Andrzej ơi, thôi chúng ta hãy cùng đưa nó đến chỗ pho tượng thánh, nơi có thể xin Chúa ban phước lành cho nó.

Sau đó, bà than vãn:

- Có ai bao giờ nghe thấy rằng người mẹ đẻ nhẫn tâm dẫn con mình đi biệt tích hay không? Đúng là đám thanh niên có đi khỏi làng vào lính, nhưng đó là sự bắt buộc. Rõ ràng là không bao giờ thấy ai đó tình nguyện rời bỏ làng, nơi mình sinh ra và nơi đất thánh phải tiếp nhận mình. Ôi, số phận của tôi, số phận ơi! Thế là tôi đã phải tiễn đưa người thứ ba ra đi khỏi nhà, còn bản thân mình vẫn phải sống trên thế gian này!... Con trai ơi, mày đã cất tiền đi chưa?

- Con đã cất đi rồi, mẹ ạ.

Họ đã đến chỗ pho tượng và bắt đầu tiễn biệt.

- Ông bạn Andrzej ơi,- người đàn bà góa vừa khóc vừa nói- ông đã nhìn thấy bao nhiêu nơi trên thế giới, ông là người của Hội đoàn, ông hãy cầu Chúa ban phước lành cho thằng bé côi cút này đi, và mong là chính Chúa bảo hộ cho nó.

Ông Andrzej nhìn xuống đất, nhớ lại lời kinh cầu cho những người đi đường, bỏ mũ xuống và đặt nó dưới bức tượng. Sau đó, ông nâng hai tay lên trời, còn khi bà góa và hai đứa con trai của bà quỳ xuống, ông bắt đầu nói:

- Ôi Đức Chúa thần thánh, Cha của chúng con, Người được dân mình dẫn đến từ đất Ai Cập và từ ngôi nhà nô lệ, Người ban cho từng sinh linh cái ăn, dẫn từng con chim trên trời đến tổ ấm, chúng con xin Người hãy thương yêu kẻ đi xa này, kẻ nghèo hèn và lo lắng này! Người hãy bảo hộ nó, Chúa thánh thần của chúng con, hãy che chở nó khỏi những rủi ro, ốm đau bệnh tật, hãy cho nó ăn khi đói và cứu giúp khi nó gặp bất hạnh. Chúa ơi, xin Chúa hãy rủ lòng thương nó giữa những kẻ xa lạ, giống như Chúa đã thương Thánh Tobiasz và Józef. Chúa hãy là cha và mẹ nó. Chúa hãy cho thiên thần của mình dẫn đường chỉ lối cho nó, và khi nó đã đạt được ước nguyện của mình thì hãy dẫn nó may mắn quay trở về làng chúng con và về ngôi nhà của nó.

Người đàn ông đã tụng kinh như vậy trong ngôi thánh đường, nơi những cánh hoa đồng nội tỏa hương thơm ngát, những con chim ca hát líu lo, nơi ở phía dưới họ, sông Wisla ánh lên ngời sáng trên khúc ngoặt rộng lớn, còn trên đầu họ là cây thánh giá cũ mở rộng cánh tay tròn.

Antek quỳ xuống chân người mẹ, sau đó dưới chân Andrzej, hôn em trai và lên đường.

Mới đi được vài chục bước, người đàn bà góa đã gọi với theo sau:

- Antek ơi!...

- Gì thế, mẹ ơi?...

- Nếu ở với những người lạ mà gặp tôi tẻ thì con hãy quay về với mẹ... Xin Chúa ban phúc lành cho con!...

- Mọi người hãy ở lại với Chúa!... - Antek đáp.

Anh đi thêm được một đoạn đường nữa và người mẹ buồn rầu lại gọi với theo sau lưng anh:

- Antek ơi!... Antek ơi!...

- Gì thế, mẹ ơi?... - Anh hỏi.

Tiếng nói của anh vọng đến đã yếu hơn.

- Đừng quên cả nhà, con trai nhé! Xin Chúa ban phước lành cho con!

- Mọi người hãy ở lại cùng Chúa!

Và anh đi, đi và đi, giống như chàng trai nọ, kẻ đã chọn bản văn tự bán linh hồn mình. Cuối cùng, anh cũng mất hút sau gò cao. Trên cánh đồng vang lên tiếng rên rỉ của người mẹ đau đớn.

Chiều về, bầu trời đen đặc đầy mây và có mưa nhỏ. Nhưng vì mây không dày đặc cho nên ánh hoàng hôn vẫn xuyên qua mây chiếu xuống. Có cảm giác rằng trên cánh đồng màu xám và trên con đường đất sét lầy lội có một vòng vàng pha lẫn lớp vải nhiều đen tang tóc.

Dọc theo cánh đồng xám xịt và câm lặng, không cây cối, dọc theo con đường lầy lội, một chàng trai mệt mỏi trong bộ quần áo bạc phếch, với chiếc thùng và túi đeo vai vẫn lê bước chậm rãi.

Có cảm giác rằng giữa cảnh tĩnh lặng sâu thẳm ấy, những giọt mưa đang ngân lên giai điệu thương nhớ của một bài ca quen biết:

Qua thung lũng, qua cánh đồng,

Một đứa con trai bước đi,

Vừa đi vừa ca hát,

Gió và mưa cùng hòa nhịp với em!

...

Có thể khi nào đó bạn gặp một cậu trai làng, kẻ đi tìm công việc làm ăn và học nghề, thứ mà anh không thể tìm được giữa những người thân

của mình. Trong mắt anh, bạn sẽ nhìn thấy có lẽ là thứ ánh sáng phản chiếu từ bầu trời, hắt lên từ mặt nước êm đềm; trong ý nghĩ của anh, bạn sẽ thấy được sự chất phác ngây thơ, còn trong tim là tình yêu bí ẩn và gần như vô thức.

Lúc bấy giờ, bạn hãy chìa tay ra trợ giúp chàng trai ấy. Đó sẽ là người anh em nhỏ Antek của chúng ta, kẻ mà làng quê sinh ra mình đã tỏ ra quá chật hẹp, vì vậy, anh bước ra thế giới, trao gửi thân mình mong chờ sự chở che của Chúa và những người tốt bụng.

NHỮNG TỘI LỖI TUỔI ẤU THƠ

Tôi sinh ra vào thời đại mà mỗi người đều phải có biệt danh, mặc dù biệt danh đó không hoàn toàn đúng.

Chính vì lí do ấy, bà chủ đất của chúng tôi được gọi là bà công tước, bố tôi là người đại diện của bà, còn tôi rất hiếm khi là Kazio hoặc Lesniewski, mà thường xuyên bị gọi là “trẻ ranh” - khi tôi còn ở nhà, hoặc “con lừa” - khi tôi đã đi học ở trường.

Nếu ai đó muốn tìm tên họ bà chủ chúng tôi trong quyển từ điển các dòng họ quý tộc thì thật uổng công, vì thế tôi có cảm tưởng rằng ánh hào quang của tấm vương miện công tước của bà không vươn ra xa hơn danh hiệu đại diện toàn quyền của người cha đã quá cố của tôi. Thậm chí, tôi nhớ lại rằng danh hiệu công tước là cách thức để kỉ niệm, khi người cha quá cố của tôi tổ chức ăn mừng nhân dịp được tăng lương hằng năm thêm một trăm zloty. Bà chủ chúng tôi nhận danh hiệu dành tặng mình trong im lặng, còn vài ngày sau đó, cha tôi được thăng tiến từ người quản lí lên đại diện toàn quyền và thay cho văn bằng, đã nhận được một con lợn đực cực lớn, sau khi bán nó đi, cha đã mua cho tôi đôi giày đầu tiên.

Cha tôi, tôi và em gái Zosia của tôi (tôi không còn mẹ) sống cùng với nhau trong ngôi nhà ngang xây gạch, nằm cách dinh vài chục bước, sống trong dinh là bà công tước cùng cô con gái Lonia của bà - một người cùng tuổi với tôi, cô gia sư của cô bé, cùng với bà quản gia già Salusia, cũng như một số lượng lớn người làm vườn và các cô gái phục vụ. Các cô gái đó suốt ngày chỉ may vá, từ đó tôi đi đến kết luận, rằng những người chủ lớn sinh ra chỉ để làm hỏng quần áo, còn các cô gái thì được dùng vào việc sửa chữa chúng, về những phẩm giá khác của các bà lớn và các cô gái nghèo, tôi không có khái niệm, đó là ưu điểm duy nhất của tôi trong mắt cha tôi.

Bà công tước là một bà góa trẻ, mà người chồng sớm chìm đắm trong nỗi buồn khôn nguôi. Nếu như theo truyền thống mà tôi biết được thì người xấu số không hề được phong là công tước và ông ta cũng không hề phong ai làm người đại diện toàn quyền. Ngược lại, những người láng giềng với một sự nhất trí thật kì lạ ở nước ta, đã gọi ông là người ngớ ngẩn. Ít nhất thì ông cũng là kẻ không bình thường. Ông thường cưỡi ngựa giẫm lên những hạt giống của nông dân khi đi săn, còn với láng giềng thì ông thách đấu vì lũ chó và những con thỏ. Trong nhà ông hành hạ vợ vì ghen tuông, còn khi đi làm thì ông hủy hoại cuộc sống bằng việc thường xuyên ngậm tẩu thuốc. Sau khi chết, những con ngựa độc đáo của ông đã được đưa đi chở phân, còn lũ chó thì phát tán cho mọi người. Thế gian còn nhận lại sau khi ông mất một cô con gái nhỏ và người vợ góa trẻ tuổi. Ôi! Tôi xin lỗi, bởi còn có thêm một bức tranh sơn dầu vẽ chân dung người quá cố với cái nhẫn khắc gia huy trên ngón tay và - cái tẩu thuốc nọ, mà vì sử dụng không đúng mức, nó đã bị cong lại giống như một thanh kiếm Thổ Nhĩ Kỳ.

Dinh thì hầu như tôi không được biết. Thứ nhất là vì tôi thích chạy nhảy trên cánh đồng hơn là ngã trên tấm lát sàn trơn tuột, thứ hai, là vì đám người hầu không cho tôi vào đó, do lần đầu tới thăm, tôi đã không may làm vỡ một chiếc bình hoa Saxon lớn.

Với cô con gái công tước, trước khi đến trường, chúng tôi chỉ cùng chơi đùa với nhau có một lần, lúc đó cả hai mới chưa đầy mười tuổi. Hôm đó, tôi muốn dạy cô nghệ thuật trèo cây và tôi đã đặt cô ngồi trên hàng rào cây cao đến mức cô bé bắt đầu sợ hãi hét vang trời, khiến gia sư của cô nện cho tôi một trận bằng chiếc ô che nắng và nói tôi có thể làm cho Lonia suốt đời trở thành cô bé bất hạnh.

Kể từ lúc đó, tôi cảm thấy ghê tởm bọn con gái nhỏ, không một đứa nào trong số đó có khả năng kể từ trèo cây, đến tắm ao với tôi, kể từ cưỡi ngựa, đến bắn cung hoặc bắn súng cao su. Còn trong trận đánh - mà thiếu chúng thì trò chơi còn ý nghĩa gì nữa! - gần như đứa con gái nào cũng khóc ầm ĩ và chạy đến ai đó để mách.

Với những đứa con trai trại ấp, cha tôi lại không cho phép tiếp xúc, còn em gái tôi thì hầu như suốt ngày chỉ tha thẩn chơi ở trong dinh, vì vậy tôi lớn lên và tự nuôi sống mình như một con chim non hoang dã mà bố mẹ nó vứt bỏ. Tôi tắm ngay dưới cối xay hoặc bơi trên chiếc thuyền thúng dọc ao. Trong công viên, với sự nhanh nhẹn của mèo, tôi đuổi theo những con sóc trên cành. Một lần, thuyền của tôi bị lật và suốt nửa ngày tôi phải ngồi trên cồn đất di động chỉ nhỏ bằng chiếc chậu gỗ. Một lần, qua ống khói tôi lần mò vào mái dinh, nhưng không may đến mức người ta phải buộc hai cây thang vào để đưa tôi từ đó xuống dưới. Hôm khác, suốt một ngày đêm tôi lạc trong rừng, còn lần khác nữa, con ngựa già của ông chủ quá cố, nhớ lại thời vàng son xưa kia, trong một giờ liền đã mang tôi qua cánh đồng và cuối cùng - chắc là không chủ ý - làm tôi ngã gãy chân, cũng may là cái chân đó đã nhanh chóng lành trở lại.

Không biết sống cùng ai, tôi sống với thiên nhiên. Trong công viên, tôi biết từng tổ kiến; trên cánh đồng, tôi biết từng hang chuột; trong vườn cây, tôi biết từng lối mòn của chuột chũi. Tôi biết về các tổ chim và bông cây, nơi những chú sóc con được nuôi lớn. Tôi phân biệt được tiếng rì rào của từng cây bồ đề mọc cạnh nhà và biết hát theo tiếng gió ngân trên cành cây. Nhiều lần tôi nghe được tiếng động gì đó lạo xạo ở trong rừng, mặc dù tôi không biết đó là tiếng của cái gì. Tôi ngắm nhìn những ngôi sao nhấp nháy; tôi nói chuyện với màn đêm tĩnh mịch, và vì không có ai để hôn, tôi hôn lũ chó trên sân. Mẹ tôi đã yên nghỉ từ lâu dưới đất. Thậm chí trên tảng đá đề bà đã hình thành một lỗ hổng ăn sâu xuống gần tới giữa mồ. Một lần, khi tôi bị điều gì đó hành hạ, tôi đã đi đến đó gọi bà, tôi đặt tai lên nghe xem liệu bà có đáp lại hay không... Nhưng bà không trả lời. Rõ ràng là bà đã chết thật rồi.

Trong thời gian ấy, tôi có những khái niệm đầu tiên về con người và về quan hệ của họ. Thí dụ trong tưởng tượng của tôi, người đại diện toàn quyền chắc chắn phải là người tương đối béo, có khuôn mặt đỏ au, ria mép quăn, lông mày to trên cặp mắt màu bạc, giọng trầm và ít nhất cũng có khả năng quát to như cha tôi. Những người gọi là nữ công tước

tôi không thể tưởng tượng ra người nào khác ngoài một phu nhân cao, khuôn mặt đẹp và đôi mắt buồn, lặng lẽ đi lại dọc công viên trong bộ váy trắng dài quét đất.

Nhưng về người mang danh hiệu công tước thì tôi không có khái niệm nào. Giả sử có một người giống như thế tồn tại thì tôi vẫn có cảm giác rằng người này chẳng có ý nghĩa gì so với bà công tước, thậm chí hoàn toàn vô tích sự và không lịch sự. Theo quan điểm của tôi, chỉ có trong bộ váy rộng rãi với đuôi váy dài thì mới đủ chứa một thân thể oai phong quyền quý; còn mọi loại quần áo ngắn, bó sát người, đặc biệt là bao gồm hai phần, thì chỉ dùng cho những người thư kí kế toán, người nấu rượu và cùng lắm là người đại diện toàn quyền.

Đó là chủ nghĩa chính thống của tôi dựa trên những lời giáo huấn của cha tôi, người không ngừng bảo tôi phải yêu và tôn kính bà công tước. Hơn nữa, giá như tôi có quên những quy định ấy thì chỉ cần nhìn lên chiếc tủ màu đỏ trong văn phòng cha tôi, nơi bên cạnh những hóa đơn và sổ sách ghi chép có treo trên đầu đỉnh bản khuôn phép năm điều, thể hiện các nguyên tắc của trật tự xã hội. Đối với tôi, văn bản ấy trở thành một loại bách khoa từ điển, khi nhìn vào đó tôi lại nhớ đến việc không nên làm rách giày, kéo ngựa con thì cần nắm đuôi, rằng mọi quyền hành đều phát sinh từ Chúa v.v...

Cha tôi là người làm việc không biết mệt mỏi, hết mực lương thiện, thậm chí vô cùng dịu dàng. Với nông dân và những người phục vụ, ông không bao giờ động chạm tới dù chỉ bằng một ngón tay, chỉ có điều ông quát tháo rất kinh khủng. Nếu như có nghiêm khắc đôi chút đối với tôi, thì chắc chắn không phải không có lí do xác đáng. Người chơi đại phong cầm của chúng tôi (mà một lần tôi đã rắc vào thuốc lá của ông một chút bột đen gây ho, hậu quả là suốt buổi lễ Misa, thay cho việc hát ông đã ho liên tục và luôn nhăm lẩn khi chơi đàn) vẫn thường nói nếu như có một đứa con trai giống như tôi thì ông sẵn sàng bắn vỡ sọ nó.

Tôi nhớ rõ câu nói đó.

Cha tôi gọi bà công tước là thiên thần của lòng tốt. Đúng là như vậy, trong làng của bà không có người dối, người rách và người bị xúc phạm. Ai bị đối xử tồi tệ đều đi đến chỗ bà để tố cáo; ai bị ốm đau đều lấy thuốc ở dinh; ai sinh con đều đề nghị bà làm mẹ đỡ đầu. Em gái tôi cùng học với con gái bà công tước, bản thân tôi, mặc dù né tránh các mối quan hệ với nhà quý tộc, song vẫn có dịp để củng cố lòng tin vào sự dịu dàng vô cùng tận của bà công tước.

Cha tôi sở hữu vài loại vũ khí, mỗi loại dành cho một mục tiêu khác nhau. Khẩu súng hai nòng lớn dùng để giết chó sói, những con thú làm hại lũ bê của bà chủ chúng tôi; khẩu súng lục dùng để bảo vệ những tài sản khác của bà công tước, còn cây gươm quân sự dùng để bảo vệ thanh danh của bà. Tài sản và thanh danh của mình cha tôi chắc là sẽ bảo vệ bằng cây gậy cá nhân, bởi toàn bộ số đồ quân dụng nọ cứ vài tháng lại được bôi mờ và đặt ở chỗ nào đó trong một góc trên mái nhà kín đến nỗi thậm chí tôi cũng không thể tìm được.

Bằng cách của mình, tôi vẫn biết về số vũ khí đó và tôi rất thèm khát chúng. Nhiều lần tôi mơ thấy rằng mình sẽ thực hiện một sứ mạng cao cả và vì thế cha tôi cho phép bắn bằng khẩu súng lục lớn, còn thực ra lúc đó - tôi lẩn trốn vào nhà người coi rừng và học cách “phun ra” các cuộc quyết đấu kéo dài, các cuộc ấy có đặc tính là khi bắn chỉ gây thiệt hại trực tiếp cho hàm răng của tôi mà không động chạm đến bất kì một sinh linh nào.

Một hôm, khi lau dầu khẩu súng hai nòng dùng để bắn chó sói, khẩu súng lục bảo vệ tài sản và thanh gươm bảo vệ thanh danh của bà công tước, tôi đã đánh cắp được của cha tôi một ít thuốc súng, loại mà theo tôi biết thì vẫn chưa định dùng làm gì. Khi cha tôi đi vào cánh đồng, tôi lấy được chùm chìa khóa lớn của kho chứa lương thực, chiếc chìa khóa có rãnh giống như nòng súng và cũng có một lỗ nhỏ ở bên cạnh, và thế là tôi đi săn.

Chìa khóa lớn dùng để đi săn được tôi nhồi thuốc súng, đổ một dúm cúc áo bị gãy vụn lấy ra từ những bộ quần áo không dùng nữa vào, nhồi

thật chặt bằng xơ đay như cần thiết, còn để gây tiếng nổ tôi cầm sẵn một hộp diêm.

Tôi vừa mới đi khỏi nhà đã nhìn thấy mấy con quạ khoang đang săn lùng lũ vịt con của lâu đài. Gần như ngay trước mắt tôi, một con thú gây hại đã quắp được chú vịt con, nhưng vì không thể dễ dàng nâng nó lên, liền đậu xuống chuồng bò. Nhìn thấy cảnh tượng đó, dòng máu ông cha từ thời ở thành Vienna sôi sục. Tôi nhảy đến sát chuồng bò, quẹt diêm, ngấm bằng mắt trái vào chiếc chìa khóa, nín thở, chằm ngòì... Một tiếng nổ như sét đánh vang lên. Từ trên nóc chuồng bò, con vịt tắt thở lăn đùng xuống đất, con quạ khoang hoảng sợ thoát chết lẫn trốn lên cây bồ đề cao nhất, còn tôi thì ngạc nhiên nhận thấy rằng trong tay tôi chiếc chìa khóa lớn chỉ còn lại có một mẫu sắt, thay vào đó, từ mái rạ của chuồng bò bốc lên một làn khói không lớn lắm, giống như ai đó hút tẩu thuốc.

Mấy phút sau, chuồng bò trị giá khoảng năm mươi zloty chìm trong lửa.

Mọi người chạy đến, cha tôi cười ngửa phi nước đại đến, sau đó với sự trợ giúp của tất cả đám người dũng cảm và lương thiện, bất động sản “đã cháy đến tận lòng đất” - nói như ông thợ nấu rượu.

Trong thời gian đó, với tôi đã xảy ra những điều không thể diễn tả nổi. Trước tiên, tôi chạy về nhà và treo mẫu chìa khóa còn lại đúng vào chỗ cũ. Sau đó, tôi chạy đến công viên với ý định chìm mình trong ao cá. Một giây sau, tôi thay đổi dự định, quyết định nói dối như gã thư kí kế toán, chối phăng chuyện bắn vào chuồng bò. Nhưng khi người ta tóm được tôi - thì tôi lập tức nhận tất cả mọi chuyện.

Người ta dẫn tôi đến dinh. Trên hàng hiên, tôi nhìn thấy cha tôi, bà công tước trong chiếc váy quét đất, cô công tước nhỏ mặc váy hơi ngắn và em gái tôi, cả hai đang khóc; sau đó - bà quản gia Salusia, người coi phòng, người hầu, cậu bé bê đồ ăn, ông đầu bếp, nữ phụ bếp và toàn bộ bọn hầu phòng; bọn làm vườn và các cô gái. Giá như tôi quay mặt lại phía sau lưng, tôi đã nhìn thấy ở sau nhà những chóp xanh của đám bồ

đề, và xa hơn một chút, cột khói màu vàng thẫm, như cố tình dâng lên trên chỗ cháy.

Lúc đó, tôi nhớ lại lời của người chơi đại phong cầm, kẻ nói về sự cần thiết phải bắn vỡ sợ tôi, và tôi đi đến kết luận, rằng nếu chuyện đó xảy ra thì chính ngày hôm nay cái chết dữ dội sẽ đến với tôi. Tôi đã làm cháy chuồng bò, làm hỏng chìa khóa kho lương thực; em gái tôi đang khóc, toàn bộ đám người hầu đứng đầy đủ trước dinh, điều đó có nghĩa là gì đây?... Tôi chỉ nhìn xem liệu ông đầu bếp có cầm khẩu súng săn của mình hay không - bởi vì nhiệm vụ của ông ta là bắn những con thỏ cũng như những gia súc bị bệnh sắp chết.

Người ta dẫn tôi đến trước mặt bà công tước. Bà nhìn tôi với cặp mắt buồn rầu, còn tôi, sau khi đặt hai tay ra phía sau (tôi thường làm việc đó theo thói quen khi đứng trước mặt cha tôi), liền ngước đầu lên, vì bà rất cao.

Trong vài giây, chúng tôi đã nhìn nhau như vậy. Đám người hầu im lặng, trong không trung cảm thấy như có cái gì sắp cháy.

- Thưa ông Lesniewski, tôi thấy rằng cậu bé này vô cùng thích hoạt động, đúng không? - Bằng giọng du dương, bà công tước hướng về phía cha tôi lên tiếng.

- Thăng khốn nạn!... Thăng đốt nhà!... Nó đã làm hỏng của tôi chìa khóa kho lương thực! - Cha tôi trả lời, sau đó nói thêm rất nhanh - Quý xuống dưới chân bà công tước, thăng đều!...

Và ông đẩy nhẹ tôi lên phía trước.

- Các người phải giết con thì giết đi, song con sẽ không quỳ gối trước bất cứ một ai! - Tôi trả lời, không rời mắt khỏi bà, người đã đưa đến cho tôi một cảm tưởng rất kì lạ.

- Ôi!... Jesus ời!... - Bà Salusia sợ hãi vừa rên rỉ vừa khé tay lại.

- Hãy bình tĩnh lại, cậu bé của tôi, ở đây không ai làm gì tổn thương đến cậu đâu - Bà chủ lên tiếng.

- A ha! Không ai... Cứ làm như con không biết rằng các người sẽ bắn vỡ sợ con... Rõ ràng là người chơi đại phong cầm đã nói với con như

vậy mà! - Tôi đáp.

- Ôi!... Jesus ơi!... - Người quản gia lần thứ hai lại kêu lớn.

- Thật nhục nhã cho tuổi già của tôi! - Cha tôi lên tiếng - Tôi sẵn sàng lột xác thẳng đê tiện này ra đem ướp muối, xin bà công tước đừng đứng ra che chở nó.

Ở góc hàng hiên, ông đầu bếp lấy tay che miệng và cười to đến nỗi mặt tím bầm lại. Tôi không thể nhìn được và thè lưỡi ra với ông ta.

Đám người hầu ồn ào hẳn lên vì ngạc nhiên, còn cha tôi, vừa nắm lấy vai tôi vừa thét:

- Mà lại làm cái gì thế?... Trước mặt bà công tước mà thè lưỡi ra như vậy à?...

- Con thè lưỡi ra với ông đầu bếp, bởi vì ông ấy nghĩ rằng sẽ bắn chết con giống như bắn con ngựa già...

Bà công tước lại tỏ ra buồn rầu hơn. Bà vuốt mớ tóc xõa xuống trước trán tôi, nhìn sâu vào mắt và nói với cha tôi:

- Ông Lesniewski ơi, ai biết được cái gì sẽ đến với thằng bé này?...

- Giá treo cổ! - Cha tôi lo lắng đáp lại gọn lỏn.

- Không biết thế nào đâu. - Bà chủ vừa trả lời vừa lấy tay xoa mớ tóc lông nhím của tôi.

- Phải gửi nó đến trường học, ở đây nó sẽ biến thành kẻ hoang dã mất.

Và sau đó, khi đã về đến phòng khách, bằng giọng nhỏ nhẹ bà nói:

- Nó có phẩm chất một con người, ông Lesniewski ạ... Chỉ cần dạy dỗ nó.

. Sẽ thực hiện theo ý nguyện của bà công tước! - Cha tôi vừa trả lời vừa nện nắm đấm vào gáy tôi.

Từ hành lang mọi người đều tản đi, nhưng tôi còn ở lại, đứng bất động như hòn đá, nhìn chăm chăm vào cửa ra vào, nơi bà chủ của chúng tôi khuất bóng. Bây giờ tôi mới tiếc nuối nghĩ rằng tại sao mình không quỳ gối trước mặt bà - và tôi cảm thấy có cái gì đó dâng lên làm

tức ngực. Giá như bà ra lệnh, tôi sẵn sàng đặt mình nằm xuống nền chuồng bò và nướng xác mình trên đó. Không phải bởi vì bà ra lệnh cho đầu bếp bắn hoặc giết chết, mà vì bà có giọng nói ngọt ngào và cái nhìn buồn rầu đến như vậy.

Kể từ hôm đó, tôi ít tự do hơn. Bà công tước không muốn mất thêm trong ngọn lửa phần nhà cửa của mình, cha tôi thì tiếc nuôi đã không thể tính toán giải quyết với tôi vụ chuồng bò bị cháy, còn tôi phải tự mình chuẩn bị đến trường. Người chơi đại phong cầm và ông thợ nấu rượu thay nhau dạy tôi học. Thậm chí người ta còn nói, một môn nào đó sẽ do cô gia sư của dinh trực tiếp dạy. Cô gia sư đó, sau khi làm quen với tôi, phát hiện ra rằng trong túi tôi đầy rẫy các loại dao, đá sỏi, đạn chì và ngòi thuốc nổ thì đã sợ hãi đến mức không muốn nhìn thấy tôi lần thứ hai nữa.

- Bọn kẻ cướp như vậy tôi không dạy đâu. - Cô nói với em gái tôi.

Nhưng trong thời gian đó, tôi đã đĩnh đạc lên rất nhiều. Chỉ một lần tôi muốn thử treo cổ. Thế nhưng sau đó phải làm việc gì đó khác, vì vậy tôi không gây ra điều gì tồi tệ cả.

Cuối cùng thì vào đầu tháng Tám, người ta dẫn tôi đến trường học.

Tôi đã thi đậu nhờ những bức thư của bà công tước, sau đó cha tôi bố trí cho tôi ở trọ có phụ đạo thêm, có sự thăm nom của cha mẹ và mọi tiện lợi khác với giá hai trăm zloty và năm thúng lúa mì mỗi năm, đồng thời - cấp cho tôi bộ đồng phục của trường.

Bộ quần áo mới khiến tôi quan tâm đến mức vì không thể mặc nó vào ban ngày để làm đóm, tôi lặng lẽ thức dậy vào ban đêm, trong bóng tối mặc vào người chiếc áo sơ mi cổ đỏ, đội lên đầu chiếc mũ sọc đỏ và dự tính sẽ ngồi như vậy vài phút. Nhưng vì đêm đó nhiều mưa, từ cửa ra vào có chút gió, còn tôi ngoài bộ đồng phục và mũ ra lại mặc cả quần áo trong nhà, vì vậy tôi đã nhắm mắt thiu thiu một chút và đã ngủ quên trong bộ đồng phục cho đến sáng.

Phương pháp ngủ đêm như vậy đã làm cho bọn bạn tôi bật cười thú vị, nhưng ông chủ nhà trọ lại nảy ra sự nghi ngờ, rằng trong nhà đang

có một đứa nhãi ranh không bình thường. Ông chạy thật nhanh đến khách sạn, nơi xe của cha tôi vẫn còn đang đỗ và nói rằng bằng bất cứ giá nào cũng không muốn cho tôi ở trọ, nếu như cha tôi không trả thêm năm thúng khoai tây mỗi năm. Mặc cả khá lâu ngã giá ở ba thúng, song về phía cha tôi, ông đã tạm biệt tôi và biểu lộ thái độ khó chịu đến mức tôi không tỏ ý luyến tiếc khi ông rời xa, và không nhớ nhung căn nhà, nơi tôi có thể gặp sự đón tiếp tương tự như vậy nhiều hơn.

Quá trình giáo dục tôi ở lớp Một không gặp phải bất cứ tình huống đặc biệt nào đáng kể. Hôm nay, nhìn lại thời quá khứ xa vời đó, với khoảng cách đủ lớn, như mọi người biết, để đưa ra nhận định khách quan, tôi thừa nhận rằng, nhìn tổng quát cuộc sống của tôi thay đổi không nhiều. Ở trường, tôi thường ngồi lại trong phòng kín lâu hơn, về nhà - chạy nhảy nhiều hơn ở ngoài trời thoáng đãng. Tôi đã thay bộ quần áo thông thường bằng bộ đồng phục, còn những người làm phận sự chăm lo cho sự phát triển thể lực và tinh thần của tôi, thay cho các bản quy định kỉ luật, đã dùng đến roi vọt.

Và mọi chuyện chỉ có vậy.

Trường học, như mọi người đều biết, nhờ đặc tính tập thể của mình, đã chuẩn bị cho các cậu bé cuộc sống trong xã hội và cung cấp cho họ những khả năng mà họ không có được khi sống tách biệt từng cá thể. Về sự thật đó, tôi được thuyết phục một tuần sau khi có mặt tại trường, nơi tôi học cách phân phát pho mát,việc làm đòi hỏi sự tham gia của ít nhất ba người, có nghĩa là không thể tồn tại ngoài phạm vi xã hội.

Bây giờ, tôi mới phát hiện ra tài năng đích thực này của mình, thứ mà thiên nhiên đã bảo vệ tôi trước những nghiên cứu lí thuyết và đẩy tôi về hướng các hoạt động tập thể. Tôi là người chơi bóng gậy gỗ hàng đầu, là bậc thầy trong các cuộc đánh trận giả, là người tổ chức các cuộc tham quan dã ngoại bên ngoài trường lớp, thường được gọi là trò lột xác, tôi điều khiển việc giậm chân tập thể hoặc trò kêu be be hàng sáu chục người trong lớp, thứ trò tiêu khiển mà chúng tôi thỉnh thoảng lại tổ chức để giải lao. Ngược lại, tôi là kẻ đơn độc trước các bài học về quy tắc ngữ pháp, các ngoại lệ, sự biến cách và cách chia động từ,

những môn cơ bản tạo thành cơ sở của tư duy triết học, ngay tức khắc, tôi cảm thấy trong lòng một sự trống rỗng, mà từ sâu thẳm của sự trống rỗng ấy nổi lên - sự buồn ngủ.

Do đó, nếu tôi trả lời được tương đối lưu loát các bài học, thì chỉ bởi vì tôi có thị giác rất mạnh, cho phép đọc sách từ khoảng cách xa tới hai hoặc ba hàng ghế. Đôi khi xảy ra trường hợp tôi nghĩ hoàn toàn khác so với bài bị hỏi, lúc đó tôi lẩn trốn tới cách thức biện minh quen thuộc thường dùng trong trường hợp như vậy. Thí dụ như tôi nói rằng tôi không nghe thấy câu hỏi hoặc rằng “run quá”.

Nói chung, tôi là học trò của tương lai, không chỉ vì tôi gây ra sự bất mãn ở những học sinh từng trải và thiện cảm ở những học trò trẻ tuổi, mà còn là bởi vì những điểm số tốt từ các môn học và đồng thời với chúng là hi vọng được lên lớp, tôi chỉ thấy trong giấc mơ, khác xa so với hiện thực.

Quan hệ của tôi với các giáo viên cũng khác nhau.

Giáo sư môn tiếng Latinh cho tôi điểm không quá tồi vì tôi chăm học ngữ pháp, môn học cũng do ông dạy. Cha đạo hầu như không cho điểm tôi, vì tôi đã đưa đến cho cha những câu hỏi khó chịu, để đáp lại, câu trả lời duy nhất của cha là: “Lesniewski, hãy quỳ xuống!” Thầy giáo dạy vẽ và viết chữ đẹp thì khen ngợi tôi là một người biết vẽ, song lại chê tôi với tư cách người viết chữ đẹp; nhưng vì trong suy nghĩ của ông, nghệ thuật viết là môn học quan trọng nhất trong trường học, nên khi đánh giá về tôi thì vấn đề viết chữ đẹp vượt lên trên và cho tôi điểm 1, thành thạo là điểm 2.

Môn Số học tôi hiểu rất tốt, vì bài giảng dựa trên phương pháp tổng quan, tức là “đánh vào tay” nếu không chú ý. Thầy giáo môn tiếng Ba Lan tiên đoán ở tôi một tương lai xán lạn, do một lần nhân ngày sinh

của ông, tôi đã làm một bài thơ ca ngợi sự nghiêm khắc của ông. Cuối cùng, điểm các môn học khác của tôi phụ thuộc vào việc liệu các láng giềng của tôi có nhắc tốt cho tôi, hoặc quyển sách nằm ở ghế phía trước tôi có được mở đúng chỗ hay không.

Tuy nhiên, quan hệ gần gũi nhất là quan hệ giữa tôi và viên thanh tra. Người này quen với việc đuổi tôi ra khỏi lớp trong giờ học và gặp tôi sau giờ đến nỗi cảm thấy lo lắng, khi trong tuần nào đó tôi không gọi cho ông nhớ đến mình.

- Lesniewski! - Một ngày nọ, ông gọi sau khi phát hiện ra rằng tôi đang đi từ lớp học về nhà - Lesniewski!... Tại sao cậu không ở lại?...

- Nhưng mà con có làm gì đâu. - Tôi đáp lại ông.

- Sao lại thế, cậu không bị ghi tên trong sổ hằng ngày à?...

- Có cha con chứng giám, đúng là như vậy!

- Thế cậu có thuộc bài không?...

- Nhưng hôm nay hoàn toàn không ai bắt con lên bảng cả!...

Viên thanh tra dẫn đo.

- Có chuyện gì đó ở đây! - Ông thăm thì- Cậu biết không, Lesniewski, cậu ở lại đây một chút đã.

- Thưa ông thanh tra vàng bạc của con, con hoàn toàn không phạm tội gì! Thề có cha con!... Thề có Chúa!...

- A ha... Cậu thề à, con lừa?... Đến đây ngay bây giờ cho tôi!... Nếu thực sự cậu không bịa đặt thì - tính cho cậu lần sau!...

Nói chung, tôi có ở viên thanh tra mỗi nọ công khai, điều đã làm tôi trở nên khá nổi tiếng ở trong trường, đặc biệt ở chỗ là không ai cạnh tranh nổi.

Giữa đám mấy chục học sinh lớp Một, có đứa đã cạo râu bằng dao cạo thứ thiệt, ba đứa suốt ngày chỉ đánh bài dưới gầm ghế, còn những đứa khác đều khỏe như lính tráng, có một đứa tàn tật - Jozio. Đó là cậu bé gù, lùn so với tuổi, tiều tụy, với cái mũi nhỏ xíu màu tím, đôi mắt nhợt nhạt và mái tóc phẳng lì. Cậu ta yếu ớt đến mức đi từ nhà đến trường phải ngồi nghỉ giữa đường, và nhát gan đến nỗi khi người ta gọi lên trong giờ học, cậu sợ đến mất tiếng không nói được câu nào. Không bao giờ cậu đánh nhau với ai, chỉ xin với những đứa khác đừng đánh cậu. Một lần, người ta đưa cho cậu một con cá măng với bàn tay khô như que củi - cậu ngất xỉu, song khi tỉnh lại, cậu không tố cáo ai.

Cậu có cả bố lẫn mẹ, ông bố đã đuổi bà mẹ ra khỏi nhà, giữ Jozio bên cạnh với ý muốn tự mình chăm lo giáo dục cho con. Ông muốn tự mình đưa con đến trường, cùng con đi dạo, dạy thêm cho con, nhưng không làm điều đó vì không có thời gian, thứ mà ông để mất nhanh chóng một cách kì lạ trong việc buôn bán rượu và bia kiểu mạch của hãng Moszek Lipa.

Như vậy là Jozio không có bất kì sự bảo trợ nào, còn tôi đôi khi có cảm giác rằng đối với thằng bé như vậy, thậm chí Chúa cũng không muốn từ trên trời nhìn xuống.

Tuy vậy, Jozio vẫn có tiền, mỗi ngày được sáu hoặc mười xu. Với số tiền đó, nó mua hai bánh mì tròn và một khúc dồi nhân thịt trong giờ giải lao. Mọi người để ý theo dõi nó, do vậy, muốn được an toàn, nó mua năm bánh mì tròn và mang chia cho những đứa khỏe nhất, mong chúng tỏ lòng độ lượng với nó.

Món thuế đó không giúp nó được bao lâu, vì ngoài năm đứa được ăn, còn có gấp ba số đứa như vậy không được ăn. Chúng không ngừng gây sự với nó. Đứa này véo nó, đứa khác nắm tóc nó kéo, đứa nữa chọc vào người, đứa thứ tư đâm vào tai, còn đứa ít can đảm nhất thì ít nhất cũng gọi nó là thằng gù.

Jozio chỉ cười trước những trò đùa bạn bè kiểu ấy, đôi lúc nó nói:

- Xin các cậu để yên cho mình!... - Và đôi khi, nó chẳng nói gì, chỉ tựa người trên đôi tay gầy còm và ho.

Lúc đó bọn bạn lại kêu:

- Hãy nhìn kia! Cái lưng gù của nó rung lên kia!... - Và bọn chúng lại càng chọc ghẹo nó hăng hái hơn.

Lúc đầu, tôi cũng không chú ý nhiều tới cậu gù, tôi cho rằng nó là đứa buồn chán. Nhưng một lần, đứa bạn to lớn, cạo râu bằng dao cạo, ngồi sau lưng Jozio và bắt đầu búng vào hai tai cậu. Cậu gù sắp khóc, còn lớp học thì rung lên vì cười. Lúc bấy giờ, một cái gì đó nhói lên trong tim tôi. Tôi vơ lấy con dao nhíp đã mở sẵn và đâm vào tay thằng

cao lớn đã búng vào tai cậu gù, vừa đâm vừa hét to, rằng tôi sẽ làm như vậy với bất cứ đứa nào động đến Jozio dù chỉ bằng một ngón tay!...

Máu tuôn ra từ thẳng cao lớn, mặt nó trắng nhợt như bức tường và có cảm giác rằng nó sẽ ngất xỉu. Cả lớp bỗng nhiên ngừng cười, và sau đó bắt đầu kêu to: “Nó xứng đáng bị như vậy, đừng có bắt nạt người tàn tật!...” Đúng lúc đó, giáo sư bước vào, sau khi biết chuyện tôi đánh bạn bị thương, muốn gọi viên thanh tra mang cây gậy và roi đến. Nhưng tất cả đều cầu xin cho tôi, thậm chí bản thân thẳng cao lớn bị thương cũng xin; vì vậy đầu tiên là tôi và thẳng cao lớn ôm hôn nhau, sau đó là nó và Jozio, sau đó Jozio và tôi - và thế là chúng tôi đã thoát khỏi hiểm họa.

Tôi để ý thấy cả giờ học, thẳng gù cứ quay đầu về phía tôi và mỉm cười, chắc chắn là vì trong thời gian đó nó không bị thêm một cái búng nào. Giờ giải lao cũng không ai gây sự với nó, vài đứa còn tuyên bố sẽ bảo vệ nó. Cậu ta cảm ơn bọn họ, rồi chạy đến chỗ tôi và muốn cho tôi một chiếc bánh mì tròn phết bơ. Tôi không nhận, vì vậy cậu hơi ngượng, sau đó nói khẽ:

- Lesniewski, cậu biết không, tớ sẽ kể cho nghe một bí mật.

- Nói đi! - Tôi đáp - Nhưng nói nhanh lên...

Thẳng gù tỏ ra bồn chồn, sau đó lên tiếng hỏi:

- Cậu có bạn thân chưa?...

- Điều đó mang lại cái gì cho tớ?...

- Cậu thấy đấy, nếu cậu muốn tớ sẽ trở thành bạn thân của cậu.

Tôi nhìn nó từ trên cao. Nó càng tỏ ra bối rối hơn và một lần nữa lại hỏi bằng giọng thật nhỏ nhẹ và bị dồn nén:

- Tại sao cậu lại không muốn làm bạn với tớ?

- Vì tớ không chơi với loại người ăn bám như cậu!...- Tôi trả lời.

Cái mũi thẳng gù lại tím hơn thường ngày. Nó đã muốn bỏ đi, nhưng một lần nữa quay đầu về phía tôi nói:

- Thế cậu có muốn tớ ngồi cạnh cậu không?... Cậu thấy đấy, tớ cho rằng, điều mà giáo viên hỏi, tớ có thể đưa ra lời giải cho cậu... Tớ biết

cách nhắc bài tốt...

Lập luận này đối với tôi thật là quan trọng. Sau giây phút suy nghĩ, tôi nhận thẳng gù vào cùng ghế, và cậu láng giềng của tôi cũng chấp thuận nhường chỗ của mình cho nó với giá năm chiếc bánh mì tròn.

Ngay buổi chiều, Jozio đã chuyển đến chỗ tôi. Đó là đứa trợ giúp thành thật nhất của tôi; người đáng tin cậy và cũng là kẻ khen ngợi tôi nhiều nhất. Cậu ta chọn từ và làm bài dịch, cậu ghi chép các ví dụ đưa ra, mang lọ mực, bút và bút chì cho cả hai chúng tôi. Cậu nhắc bài mới tuyệt làm sao!... Trong thời gian tôi học ở trường, nhiều đứa đã nhắc bài cho tôi, thậm chí một số đứa còn phải quỳ vì chuyện đó, nhưng trong nghệ thuật đó không đứa nào sánh bằng Jozio. Trong việc nhắc bài thẳng gù là bậc thầy, nó biết nói với hàm răng mím chặt và khi làm điều đó nó vẫn giữ vẻ mặt hồn nhiên đến mức không một giáo sư nào tỏ ý nghi ngờ...

Mỗi lần tôi bị nhốt giam thẳng gù đều lên mang bánh mì và thịt từ bữa trưa của mình cho tôi. Còn khi tôi gặp chuyện không hay gì đó lớn hơn thì với nước mắt đầm đìa nó cam đoan với các bạn rằng tôi sẽ không để mình bị tổn thương.

- Hô! Hô! - Nó nói - Kazio rất khỏe. Nếu túm được cây gậy ở sau lưng thì sẽ ấn nó xuống đất như túm lông. Đừng có sợ!...

Đương nhiên là các bạn tôi không sợ, chỉ có nó, thằng bạn khốn khổ, sợ hãi thay cho cả hai đứa chúng tôi.

Nếu trong giờ học nào đó thẳng gù không phải chú ý canh chừng thì lúc bấy giờ nó ra sức tán dương tôi:

- Chúa ơi!... Giá như tớ mạnh mẽ được như cậu!... Chúa ơi!... Giá như tớ có năng lực như cậu... Cậu biết không, nếu như cậu muốn thì chỉ một tháng nữa cậu sẽ trở thành học trò đứng đầu lớp...

Một hôm, hoàn toàn bất ngờ, thầy giáo môn tiếng Đức bắt tôi đứng ra giữa lớp. Jozio kinh hãi chỉ kịp nhắc tôi rằng tất cả các danh từ giống cái đều thuộc về biến cách thứ tư, thí dụ như từ: die Frau - bà...

Tôi hăng hái bước ra và với sự chắc chắn lớn lao, tôi tuyên bố với giáo viên rằng tất cả các danh từ giống cái đều thuộc về biến cách thứ tư, thí dụ như: die Frau - bà... Nhưng đến đó kết thúc vốn hiểu biết của tôi.

Giáo sư nhìn vào mắt tôi, lắc đầu và ra lệnh dịch. Tôi đọc trôi chảy và rất to bài tiếng Đức một lần, sau đó thêm lần nữa đọc còn trôi chảy hơn, song khi bắt đầu đọc lần thứ ba cũng vẫn đoạn đó thì thầy giáo ra lệnh tôi về chỗ.

Trên đường về ghế, tôi để ý thấy rằng Jozio rất chăm chú theo dõi nét bút chì của giáo sư và nó có vẻ mặt buồn rầu.

Tôi hỏi thẳng gù một cách vô tư:

- Cậu có biết thầy cho tớ điểm gì không?

- Tớ biết nói thế nào?... -Jozio nín thở.

- Nhưng cậu cảm thấy thế nào?

- Tớ, - thẳng gù nói- tớ sẵn sàng cho cậu điểm 5, mà thôi, điểm 4, nhưng ông ấy...

- Ông ấy cho tớ điểm mấy?- Tôi hỏi.

- Hình như cho - cây gậy... Nhưng đó là con lừa, ông ta thì biết gì!...- Jozio đáp với giọng tin tưởng một cách sâu sắc.

Mặc dù yếu ớt, cậu bé đó rất chăm chỉ và nhanh nhẹn. Trong lớp, tôi thường đọc tiểu thuyết, còn nó thì nghe giảng và sau đó nhắc lại cho tôi.

Một lần, tôi hỏi nó:

- Thầy giáo môn Động vật học của chúng ta nói về cái gì?

- Cậu biết không, nói về điều,- thẳng gù đáp với vẻ mặt bí hiểm- rằng cây cối cũng giống như các con vật.

- Ông ấy là đồ ngu ngốc. - Tôi trả lời.

- Thế nhưng... - thẳng gù nói - ông ta có lí. Tớ cũng đã hiểu ông ấy đôi chút.

Tôi bắt đầu cười và nói:

- Nào, nếu như cậu thông minh như vậy, thì hãy nói cho tớ nghe: cái gì ở cây liễu giống với con bò?

Thằng bé nghĩ ngợi một chút rồi từ tốn lên tiếng:

- Cậu thấy đấy... con bò lớn lên, còn cây liễu cũng lớn lên...

- Còn cái gì tiếp theo?

- Cậu thấy đấy... con bò ăn cỏ và cây liễu cũng hút nước từ đất...

- Tiếp nữa?...

- Con bò thuộc giống cái, còn cây liễu cũng thuộc giống cái. -Jozio giảng giải.

- Nhưng con bò vẩy đuôi! - Tôi nói với nó.

- Thì cây liễu vẩy cành! - Nó đáp.

Tổng thể các biện minh ấy làm ảnh hưởng đến niềm tin của tôi vào sự khác nhau giữa các con vật và cây cối. Bản thân quan điểm ấy làm tôi thích thú, và từ lúc đó trong tôi được đánh thức tình yêu đối với môn Động vật học được viết tóm tắt trong quyển sách của Pisulewski. Nhờ những bằng chứng của thằng gù, tôi bắt đầu đạt được những điểm 5 từ môn học đó.

Một hôm, Jozio không đến trường, trước giờ trưa ngày hôm sau, mọi người nói rằng có ai đó gọi tôi ra ngoài. Tôi chạy ra hành lang với tâm trạng tương đối bất an, giống như trong những trường hợp tương tự, nhưng thay vì viên thanh tra, tôi nhìn thấy một người đàn ông to béo, khuôn mặt đỏ ửng, cái mũi màu tím và đôi mắt đỏ ngầu.

Người lạ lên tiếng bằng giọng khàn khàn:

- Có phải cậu là Lesniewski hay không?

- Vâng.

Ông ta giẫm chân nọ lên chân kia, giống như đang lão đảo và nói tiếp:

- Cậu hãy ghé thăm thằng Jozio con trai tôi, cái thằng gù ấy, cậu biết không? Nó bị ốm, vì ngày hôm kia người ta cán xe vào nó...

Ông ta lại lão đảo, nhìn tôi bằng cặp mắt dờ dẩn và đi ra, vừa đi vừa giậm mạnh lên nền nhà. Tôi như bị ai đó giội nước nóng vào người. Tôi có cảm giác rằng kẻ bị xe cán phải là tôi mới đúng, chứ không phải là thằng gù khốn khổ, nó là đứa tốt bụng và yếu ớt như thế...

Buổi chiều được nghỉ học. Tôi không về nhà ăn trưa mà chạy đến chỗ Jozio.

Hai bố con họ sống ở cuối thành phố, trong căn hộ hai buồng của một nhà tầng. Khi bước vào nhà, tôi nhìn thấy thằng gù đang nằm trên chiếc giường ngắn. Nó ở một mình, chỉ có một mình. Nó thở nặng nhọc và run rẩy vì lạnh, bởi lò sưởi không đốt. Con người mắt nó mở rộng đến nỗi lộ ra cặp mắt gần như đen ngòm. Trong căn phòng nhỏ cảm thấy rất ẩm ướt, còn từ trên mái những giọt tuyết tan chảy rơi xuống.

Tôi cúi xuống giường và hỏi:

- Cậu làm sao thế, Jozio ơ?...

Nó tươi tỉnh hẳn lên, mở miệng như muốn cười, nhưng lại chỉ lắp bắp. Nó cầm tay tôi bằng đôi tay gầy còm của mình và bắt đầu nói:

- Chắc là tớ sẽ chết... Nhưng tớ sợ... một mình như vậy... vì vậy tớ muốn cậu đến... Điều đó... cậu thấy đấy... sẽ đến nhanh thôi, lúc đó tớ sẽ vui hơn một chút...

Chưa bao giờ Jozio trở nên như vậy đối với tôi giống hôm nay. Tôi có cảm giác rằng từ một đứa tàn tật, cậu ta bỗng lớn lên thành gã khổng lồ.

Cậu bắt đầu rên rỉ to và ho vật vã, đến nỗi miệng cậu sùi bọt mép đỏ lòm. Sau đó, cậu nhắm mắt và thở nặng nề, đôi khi hoàn toàn ngừng thở. Nếu như không cảm nhận được hơi ấm từ cái xiết của đôi bàn tay nóng bỏng của cậu, chắc tôi nghĩ rằng cậu đã chết.

Chúng tôi ngồi như vậy một tiếng, hai tiếng, ba tiếng - ngồi lặng lẽ. Tôi gần như mất khả năng suy nghĩ. Jozio thỉnh thoảng lắm mới lên tiếng và lên tiếng với sự cố gắng lớn lao. Nó nói với tôi rằng từ phía sau có một chiếc xe đi tới, khiến nó vô cùng đau đớn ở sống lưng,

nhưng đã hết đau, rằng hôm qua cha nó đuổi người hầu, còn hôm nay đi tìm người khác...

Sau đó vẫn nắm chặt lấy tay tôi, nó đề nghị tôi cầu nguyện cho nó. Tôi đọc kinh, còn khi bắt đầu cầu: “Khi vàng đông thức dậy”, nó ngắt lời tôi:

- Hãy tiếp đi- nó bảo: - “Tất cả mọi việc làm hằng ngày của chúng ta...”. Ngày mai chắc tớ sẽ không thức dậy nữa...

Mặt trời đã tắt, màn đêm xám xịt kéo đến, sau lớp mây, ánh trăng chiếu sáng. Trong nhà không có nến, hơn nữa - thậm chí tôi không nghĩ đến việc thắp nó. Jozio càng lúc càng bình thản hơn, thường mê sảng và chỉ tỉnh lại chốc lát.

Đã muộn rồi, ngoài phố xe ngựa lăn bánh kê ầm ỉ. Qua sân ai đó đi vào và vừa huýt sáo vừa mở cửa ra vào phòng chúng tôi.

- Bố đây à? - Thăng gù lấp bắp.

- Bố đây, con trai của bố! - Người mới tới đáp lại bằng giọng khò khè - Con thấy thế nào rồi? Chắc khá hơn chứ!... Phải như vậy thôi!... Luôn luôn vênh tai cao lên, con trai của bố...

- Bố ơi, không có ánh sáng... - Jozio nói.

- Ngu ngốc, ánh sáng làm gì!... Còn ai đây hả?... - Ông kêu lên khi chạm vào tôi.

- Cháu đây mà... -Tôi đáp.

- A ha! Lukaszowa ư? Tốt rồi!... Hôm nay hãy ngủ đi, ngày mai tôi sẽ cho cô biết mưu mẹo... Tôi là thống đốc!... *Rum-Jamaica!*...

- Chúc bố ngủ ngon, bố ạ!... Chúc bố ngủ ngon!... - Jozio thì thầm.

- Chúc ngủ ngon, chúc ngủ ngon, con của bố!... - Người mới đến đáp và sau khi nghiêng người xuống giường, hôn vào đầu tôi.

Tôi biết rằng dưới nách ông có một chai rượu.

- Hãy ngủ đi, - ông nói thêm - ngày mai mày phải đến trường!... Hãy đều bước!... *Rum-Jamaica!*... - Ông đóng cửa đánh rầm và bỏ sang phòng thứ hai.

Ở đó ông ngồi xuống một cách nặng nề, rõ ràng là ngồi lên hòm, đập đầu vào tường, còn giầy lát sau - vang lên tiếng sủi bọt nhịp nhàng, như ai đó đang uống.

- Kazio ơi!... - Thằng gù thì thầm - Nếu như đến nơi đó... thì cậu thỉnh thoảng ghé thăm tớ nhé. Cậu hãy nói cho tớ biết ở lớp học người ta dạy bài gì...

Trong phòng thứ hai, người mới tới thét to:

- Chúng ta chúc sức khỏe ngài thống đốc!... Hoan hô!... Tôi là thống đốc!... *Rum-Jamaica!*...

Jozio bắt đầu cảm thấy run rẩy và nói càng lúc càng bất an hơn:

- Có cái gì đó đập vào tớ!... Có phải cậu ngồi lên người tớ hay không, Kazio ơi? Kazio ơi!... Ôi, đừng đánh tớ nữa!...

- *Rum!... Rum-Jamaica!* - Người ở phòng thứ hai lại hét lên. Lại có cái gì đó sủi bọt, và sau đó - chai rượu đập xuống nền nhà kêu to khủng khiếp.

Jozio kéo tay tôi đưa lên miệng, dùng răng ngậm vào các ngón tay và - bỗng nhiên buông ra. Nó đã ngừng thở.

- Ông ơi! - Tôi lên tiếng gọi - Ông ơi! Jozio chết rồi!...

- Màym lắm nhảm cái gì thế? - Giọng gầm gừ vang đến từ phòng thứ hai.

Tôi bật dậy khỏi giường và đứng ở cửa ra vào, vừa đứng vừa nhìn vào bóng tối.

- Jozio chết rồi!...- Cả người run rẩy tôi nhắc lại.

Người đó lao xuống chiếc hòm và hét to:

- Cút khỏi đây ngay, thằng khốn!... Tao, bố nó, tao biết rõ hơn việc nó có chết hay không!... Hoan hô ngài thống đốc!... *Rum-Jamaica!*...

Tôi cảm thấy lo ngại và chạy khỏi đó.

Suốt cả đêm tôi không thể ngủ được, tôi run lên bần bật, những cơn mơ khủng khiếp kéo đến hành hạ tôi. Sáng hôm sau, chủ nhà trọ của chúng tôi nhìn tôi, nói rằng tôi bị sốt và rằng chắc tôi bị lây từ thằng

Jozio bị xe chẹt, và ra lệnh cho tôi phải đặt mười hai ống giác dọc lưng. Sau khi dùng thuốc đó, như chủ nhà nói, đã xảy ra tình trạng khủng khiếp đến nỗi tôi phải nằm một tuần liền trên giường.

Tôi không có mặt trong đám tang Jozio. Cả lớp tôi cùng với các giáo viên và cha xứ đứng đầu đưa tiễn nó. Người ta nói với tôi rằng nó có cổ quan tài đen bọc nhung, nhỏ như cái hộp đựng đàn violon.

Bố nó khóc rất khủng khiếp, còn trên nghĩa trang ông đã vồ lấy quan tài và muốn mang nó chạy trốn. Nhưng người ta vẫn chôn cất Jozio, còn bố nó được viên chỉ huy cùng một cảnh sát dẫn ra khỏi nghĩa trang.

Khi tôi trở lại trường học, người ta nói cho tôi biết rằng có ai đó hằng ngày đều đến hỏi về tôi. Khoảng mười một giờ hôm ấy người ta tìm tôi.

Tôi bước ra ngoài - sau cánh cửa, bố của Jozio vừa chết đang đứng. Ông có khuôn mặt tím tái và chiếc mũi màu tro. Ông hoàn toàn tỉnh táo, chỉ có cái đầu và đôi tay là run rẩy.

Người ấy ôm tôi vào ngực và nhìn rất sâu vào mắt tôi, sau đó bỗng nhiên lên tiếng:

- Mà đã bảo vệ thằng Jozio, khi mọi người trong lớp bắt nạt nó phải không?...

- Liệu ông già này có điên hay không nhỉ?- Tôi nghĩ, nhưng không nói gì với ông.

Ông ôm cổ tôi bằng cả hai tay và hôn mấy lần lên đầu tôi, vừa hôn vừa thì thầm:

- Chúa hãy ban ơn cho mày... Chúa hãy ban ơn cho mày!...

Ông buông tôi ra và lại hỏi:

- Mày có mặt lúc nó chết phải không?... Hãy nói thật cho tao biết, nó có mệt lắm không?...

Ngay sau đó, ông ta lùi lại và nói nhanh:

- Nhưng thôi, đừng nói gì cả!... Ôi, không ai biết, tôi bất hạnh đến thế nào!...

Từ đôi mắt, những giọt nước mắt ông bắt đầu chảy. Ông đưa hai tay lên ôm đầu, quay lại phía tôi và vừa chạy đến bậc cầu thang vừa hét:

- Tôi thật khốn khổ!... Khốn khổ... Khốn khổ...

Ông hét to đến mức các giáo sư bước cả ra hành lang. Họ nhìn theo ông, lắc đầu và ra lệnh cho tôi quay vào lớp.

Gần tối, một người trung gian mang đến nhà trọ cho tôi một cái hòm khá to và tờ giấy với dòng chữ: “Của Jozio khốn khổ - kỉ niệm”.

Trong hòm có rất nhiều sách đẹp của Jozio quá cố, trong đó có: *Sách về thế giới, Lịch sử Hoàng đế Canto, Don Quixote, Phòng triển lãm ở Drezden* và nhiều sách khác. Những quyển sách đó đánh thức trong tôi niềm ham muốn say mê đọc một cách nghiêm chỉnh.

Cũng may là mùa xuân tôi đã đến mộ Jozio lần đầu tiên. Đó là một ngôi mộ nhỏ và vông xuống, giống như bản thân cậu ta. Tôi để ý thấy rằng ai đó đã cắm những cành lá xanh xung quanh đó. Cách đó vài bước, giữa vạt cỏ, tôi tìm thấy mấy cái chai với dòng chữ: *Rum-Jamaica*. Tôi ngồi khoảng một tiếng đồng hồ, nhưng tôi không nói cho Jozio nghe cái gì đã được giảng ở trong lớp, bởi vì bản thân tôi cũng không biết và cậu ta cũng không hỏi.

Một tuần sau, tôi lại đi đến nghĩa trang. Tôi lại nhìn thấy các cành cây xanh mới cắm vào mộ Jozio, và giữa vạt cỏ - tôi lại tìm thấy vài cái chai còn nguyên vẹn và một số đã bị đập vỡ.

Đầu tháng Năm, có một tin đặc biệt được lan truyền trong thành phố. Đó là ngay sáng sớm, bên cạnh mộ của Jozio người ta tìm thấy xác chết của bố cậu ta. Bên cạnh đó nằm chổng gọng một chai đã vỡ nửa với dòng chữ: *Rum-Jamaica*.

Các bác sĩ nói rằng người ấy chết vì chứng phình mạch máu.

Biến cố ấy tác động đến tôi hết sức đặc biệt. Kể từ đó, mối quan hệ với bạn bè đối với tôi trở thành gánh nặng và những trò đùa ồn ã của họ làm tôi chán ngấy. Lúc đó, tôi chìm đắm vào việc đọc sách, những cuốn mà Jozio để lại cho tôi, hoặc tôi trốn ra khỏi thành phố, chui vào các bụi rậm và vừa lườn lách trong đó vừa nghĩ ngợi lung tung, chỉ có Chúa

biết tôi nghĩ gì. Nhiều lúc tôi tự hỏi, tại sao Jozio lại chết một cách nhạt nhẽo như vậy và tại sao cha nó lại cô đơn đến nỗi phải ôm ấp nắm mộ con trai. Tôi cảm thấy rằng nỗi bất hạnh lớn nhất là sự bị bỏ rơi và tôi hiểu tại sao thẳng gù lại tìm kiếm bạn thân.

Tôi cũng cần có bạn thân bây giờ. Nhưng trong số các bạn học không một ai khiến tôi vừa ý. Tôi nhớ đến em gái. Không!... Em gái không thể thay thế bạn thân được.

Các bạn nói về tôi, rằng tôi đã trở thành hoang dã, còn ông chủ nhà trọ của chúng tôi thì tin chắc rằng tôi sẽ trở thành một tên tội phạm cỡ lớn.

Đã đến thời điểm trọng đại, khi viên thanh tra thông báo cho toàn thể giới rằng tôi nhận được chứng chỉ lên lớp Hai. Trường hợp này làm tôi ngạc nhiên vui sướng. Bỗng nhiên, tôi cảm thấy rằng dù trường có những lớp học cao hơn, song không lớp nào tuyệt vời hơn lớp Hai. Tôi cam đoan với các bạn học rằng học trò các lớp còn lại, kể từ lớp Ba đến lớp Bảy, chỉ học lại những điều mà họ đã học được ở lớp Hai, còn trong thâm tâm, tôi lo sợ rằng sau kì nghỉ hè, các giáo sư phát hiện ra rằng cho tôi lên lớp Hai là một sự nhầm lẫn và lại rút tôi xuống lớp Một.

Ngày hôm sau, tôi đã làm quen trong chừng mực nhất định với niềm hạnh phúc của mình, còn khi về nhà nghỉ hè thì suốt dọc đường tôi chỉ giải thích cho người đánh xe rằng tôi là đứa duy nhất trong lớp có được chứng chỉ lên lớp xứng đáng và rằng bản đánh giá học lực của tôi là tốt nhất. Tôi đưa ra cho ông ta những biện minh không thể phủ nhận được, khiến ông thậm chí phải ngáp dài. Khi tôi im lặng, tôi sợ hãi nhận thấy rằng chính bản thân mình lại đầy nghi vấn.

Ngày hôm sau, khi về đến nhà, trên đường về tôi gặp em gái Zosia chạy ra đón tôi. Ngay lúc đó, tôi báo cho nó biết rằng tôi đã lên lớp Hai và bạn thân Jozio của tôi đã chết, do người ta cán xe vào nó. Còn em tôi thì nói rằng rất nhớ tôi, rằng con gà mái đẻ mười gà con, rằng một ông nào đó đến thăm bà công tước mỗi tuần hai lần, rằng họ có cô gia sư yêu ông thư kí và rằng Jozio quá cố chẳng khiến cho nó - tức là

Zosia - quan tâm gì, vì nó là một đứa gù. Nhưng dù sao nó cũng tỏ ra thương tiếc cậu ta.

Khi nói điều đó, nó làm ra vẻ một cô gái lớn.

Buổi chiều tôi mới gặp cha tôi. Ông đón tôi rất nhiệt tình và nói rằng suốt kì nghỉ hè sẽ cho tôi cưỡi ngựa và cho phép tôi bắn súng lục. Sau đó, ông nói thêm:

- Ngay sau đây con hãy đến dinh chào bà công tước, mặc dù...

Đến đây ông phẩy tay.

- Chuyện gì đã xảy ra thế, thưa cha?... - Tôi lên tiếng hỏi như một người lớn đến mức đã tỏ ra lúng túng trước sự mạnh dạn của mình.

Không ngờ cha tôi đáp lại không hề giận dữ, chỉ với một chút cay đắng:

- Bà ta bây giờ không còn cần người đại diện già này nữa. Không lâu nữa ở đây sẽ có ông chủ mới và ông ấy tự mình cũng có khả năng...

Ông ngừng nói và quay lưng lại lầm bầm qua kẽ răng:

- Thua bạc mất cả gia tài...

Tôi bắt đầu đoán ra rằng trong lúc tôi không có mặt đã xảy ra những thay đổi lớn lao. Mặc dầu vậy, tôi vẫn đến chào bà công tước. Bà đón tiếp tôi một cách nhã nhặn, còn tôi để ý thấy rằng cặp mắt đờm buồn của bà hôm nay đã có biểu hiện hoàn toàn khác.

Khi ra về, tôi gặp cha tôi ở sân trong và nói rằng bà công tước tỏ ra vui vẻ như chưa từng thấy bao giờ. Ông xoay người, vỗ hai tay vào nhau, hoàn toàn giống như các cô hầu phòng của bà.

- Chà chà! Mỗi người đàn bà trước đám cưới đều vui vẻ cả... - Cha tôi đáp như nói với chính mình.

Trong giây phút đó, cỗ xe nhỏ đi đến trước dinh, từ trong xe bước ra người đàn ông cao lớn với bộ râu cằm đen và đôi mắt như ngọn lửa. Hình như bà công tước chạy ra sân, vì tôi nhìn thấy qua cửa ra vào đôi tay chìa ra phía ông kia.

Cha tôi đi trước tôi, cười nhỏ và lầm bầm:

- Ha ha!... Tất cả đàn bà đều điên rồ!... Bà chủ bị một kẻ lịch sự quyến rũ, còn gia sư thì bị gã thư kí làm mê mết... Đối với Salusia chỉ còn mình và cha xứ quản hạt... Ha ha!...

Tôi đã mười hai tuổi và đã nghe nói nhiều về tình yêu. Đứa bạn học, kẻ cạo râu và học đúp ba năm ở lớp Một, nhiều lần nói với chúng tôi về tình cảm của nó dành cho một cô gái mà nó nhìn thấy mỗi ngày vài lần trên đường phố hoặc qua cánh cửa sổ. Hơn nữa,

chính tôi cũng đọc vài tiểu thuyết rất hay và còn nhớ kĩ những nhân vật chính đã làm tôi đau đớn đến thế nào.

Chính vì lí do đó, những lời buột miệng của cha tôi đã gây ra cho tôi những cảm giác đáng buồn. Tôi cảm thấy có thiện cảm với bà chủ đất của chúng tôi, thậm chí với cả cô gia sư mặc dù không thích ông có râu và viên thư kí. Không bao giờ tôi lớn tiếng nói về điều đó (thậm chí còn không dám nghĩ về nó một cách rõ ràng), nhưng tôi cảm thấy rằng cả bà chủ của chúng tôi, cả cô gia sư nữa sẽ hành động đúng đắn hơn nhiều nếu như tỏ ra mong muốn tôi.

Trong vài ngày tiếp theo, tôi đi vòng quanh làng, công viên, các chuồng trại, tôi cưỡi ngựa, bơi thuyền, nhưng - ngay sau đó, tôi phát hiện ra rằng mình bắt đầu cảm thấy buồn chán. Đúng ra thì cha tôi càng lúc càng hay nói chuyện nhiều hơn với tôi như với một người lớn, ông nấu rượu mời tôi đến uống rượu lúa mạch đen, còn ông thư kí kế toán đưa ra đề nghị làm bạn và thậm chí còn hứa sẽ kể về những nỗi đau đớn mà ông gánh chịu vì cô gia sư, nhưng - tôi không thấy vui về điều đó. Cả rượu lúa mạch đen của ông nấu rượu, lẫn những lời thổ lộ của ông thư kí tôi sẵn sàng xin đổi lấy một người bạn tốt. Thế nhưng khi suy nghĩ phải chọn lựa giữa những đứa bạn cùng kết thúc

lớp Một với mình, thì tôi tin chắc rằng không đứa nào thỏa mãn những ham muốn hiện nay của tôi.

Đôi khi từ trong sâu thẳm tâm hồn tôi, bỗng nổi lên bóng dáng buồn bã của Jozio quá cố và nó đã kể cho tôi nghe về những điều lạ lùng bằng giọng nhỏ hơn tiếng xào xạc của cơn gió mùa hè. Lúc bấy giờ,

một sự ngọt ngào khó tả chiếm lĩnh tôi và tôi bỗng nhớ, nhưng bản thân mình không biết nhớ cái gì... Một lần, do ảnh hưởng của những ý nghĩ trừu tượng như vậy, tôi đi lang thang dọc theo những con đường cỏ mọc um tùm trong công viên, bỗng nhiên em gái tôi Zosia chạy ngang đường tôi và hỏi:

- Tại sao anh không chơi với chúng em?

Tôi cảm thấy nóng người.

- Chơi với ai?...

- Thì với em và Lonia.

Sẽ là một câu hỏi không thể giải đáp được, tại sao trong giây phút ấy cái tên Lonia lại khiến tôi liên tưởng đến hình bóng Jozio và tại sao tôi lại ngượng đến mức mặt đỏ gay và mồ hôi xuất hiện đầy trên trán.

- Cái gì thế?... Anh không muốn chơi cùng chúng em à? - Em gái tôi ngạc nhiên hỏi- Hôm lễ Phục sinh, một học sinh lớp Ba đến đây và hoàn toàn không lên mặt như anh. Suốt ngày anh ta đi theo chúng em.

Và cũng lại không biết tại sao tôi cảm thấy căm thù đứa học trò lớp Ba nọ, đứa mà chưa bao giờ tôi nhìn thấy. Cuối cùng, tôi đáp lại Zosia bằng giọng khàn khàn, mặc dù trong tim không hề có ác cảm đối với cô gái ấy:

- Anh không biết cô Lonia ấy.

- Sao lại không biết cơ chứ? Anh không nhớ là vì nó mà cô gia sư đã đánh anh à? Thế anh có nhớ Lonia đã khóc như thế nào vì anh và xin mọi người đừng làm gì hại anh khi... cái chuồng bò nọ bị cháy hay sao?

Dĩ nhiên là mọi chuyện tôi đều nhớ, và đặc biệt là bản thân Lonia; nhưng tôi phải thú nhận rằng khả năng làm hồi phục trí nhớ của em gái tôi khiến tôi bức mình. Tôi cảm thấy là câu chuyện không hợp với giá trị bộ đồng phục của tôi, rằng người ở thôn quê và đặc biệt là các cô gái mới lớn có trí nhớ tốt như vậy.

Do ảnh hưởng của những cảm giác như vậy, tôi đáp lại như một kẻ vũ phu:

- Ê hê, hãy để cho anh yên cả với em, cả với cái cô Lonia của em nữa...

Và tôi đi sâu vào trong công viên, tỏ ra không hài lòng vì những lời nhắc nhở không đúng lúc của em gái cũng như vì tôi không chơi với bọn con gái. Hơn nữa, bản thân tôi cũng không biết mình muốn gì, song tôi cáu giận đến mức khi gặp Zosia ở trong nhà, tôi cũng không muốn nói chuyện với nó.

Em gái tôi buồn rầu cố tránh khỏi ánh mắt của tôi, tôi vừa tìm em vừa nghĩ rằng mình đang thiếu một cái gì đó, rằng chuyện chơi chung tôi đã quyết định hoàn toàn sai lầm. Vì vậy để cải thiện tình thế, khi Zosia buồn rầu bắt tay vào mạng quần áo, tôi vớ ngay quyển sách đặt ở ngoài cùng và sau mấy phút lật giở các trang sách, tôi vứt nó xuống bàn và nói như đang nói với chính mình:

- Tất cả bọn con gái đều ngu ngốc cả!...

Tôi cho rằng cách ngôn đó là vô cùng thông minh. Nhưng vừa mới nói xong, tôi cảm thấy trong đó có một cái gì không ổn. Tôi thấy thương em gái, và ngượng nữa... Không nói gì thêm, tôi chỉ hôn hai má Zosia và đi vào rừng.

Chúa ơi, sao ngày hôm đó tôi lại bất hạnh như vậy! Tuy nhiên, đó mới chỉ là khởi đầu những nỗi buồn phiền của tôi.

Tôi không muốn giấu giếm điều gì. Suốt cả đêm, tôi nằm mơ thấy Lonia, và từ đó thay cho thằng bạn gù khốn khổ, bóng dáng của cô gái ấy hiện lên trong tưởng tượng của tôi. Tôi cảm thấy rằng chỉ một mình cô có thể trở thành người bạn thân mà tôi cần bấy lâu nay. Trong mơ, tôi nói chuyện với cô lâu và thú vị đến mức giống như người ta miêu tả trong tiểu thuyết, còn tôi thì lẽ độ giống như một quan biên trấn. Còn trong thực tế, thậm chí tôi không dám đánh bạo đi vào công viên khi ở đó các cô gái nhỏ đang chơi đùa, nhưng tiếng cười của họ hòa lẫn những lời nhắc nhở của cô gia sư, tôi vẫn nghe thấy từ ngoài hàng rào vắng đến.

Tôi nhớ rất rõ chỗ đó, nơi người ta vứt rác từ trong dinh ra và mọc đầy những bụi cây cao, cây ké. Tôi nhô ra đó hàng chục phút chỉ để nghe được vài lời nói không rõ ràng, tiếng giày nện ầm ầm trên đường mòn và nhìn chiếc váy lấp lánh của Lonia khi cô nhảy dây.

Chẳng mấy chốc, mọi thứ trong công viên lại câm lặng và lúc đó, tôi cảm thấy cái nóng cháy bỏng của mặt trời, và nghe thấy tiếng kêu vo vo không ngừng nghỉ của lũ ruồi bay từng đàn trên đồng rác. Sau đó lại vang đến tai tôi tiếng cười và tiếng đuổi nhau, qua khe hở hàng rào lại thấp thoáng tấm váy, rồi nổi lên tiếng rì rào của cây cối, tiếng hót líu lo của chim chóc, cái nóng và lũ ruồi kinh tởm bay đến gần như sát tận miệng tôi.

Bỗng nhiên vang lên giọng nói từ dinh:

- Lonia ơi!... Zosia ơi!... về phòng ngay...

Đó là cô gia sư. Tôi chắc chắn sẽ căm thù cô ta, nếu như không biết rằng cô cũng đang buồn.

Một lần đi dạo ở dưới hàng rào, tôi biết được rằng tôi không hề cô đơn. Từ trên gò, tôi nhìn thấy giữa những chòm xanh của đám bụi gai thấp thoáng chiếc mũ rơm cũ màu xám xịt mà qua đỉnh của nó nhìn rõ mái tóc màu tro sáng lộ ra, do chiếc mũ bị thủng.

Khi đi thêm vài bước về phía ấy, mái tóc và chiếc mũ ngẩng lên trên những bụi cây gai và hiện ra một cậu bé bảy, tám tuổi gì đó, trong chiếc áo sơ mi dài bẩn thỉu, thắt bằng sợi dây ở dưới cổ. Tôi nói với nó vài lời, nhưng cậu bé bật dậy và chạy thẳng về phía cánh đồng, nhanh như một con thỏ. Chiếc cổ áo đồng phục màu đỏ và những chiếc cúc mạ bạc nói chung đã tạo ra những ấn tượng rất mạnh đối với trẻ con nông thôn.

Tôi từ tốn đi về phía trại ấp, và đồng thời, cậu bé cũng tiến dần tới hàng rào. Khi tôi trốn ở sau tòa nhà, thì nó lén vào đồng rác và cũng đưa mắt nhìn qua chính khe hở mà qua đó tôi nhìn vào vườn cây. Tôi rất nghi ngờ không hiểu nó nhìn thấy gì, nhưng nó vẫn cứ nhìn.

Ngày hôm sau, tôi đi đến vị trí đó để theo dõi trò chơi của các cô gái nhỏ, tôi lại phát hiện thấy giữa bụi cây gai chiếc mũ rơm màu xám, trên

đó là mái tóc màu tro sáng, và dưới bộ cánh rách rưới, một cặp mắt nhìn chăm chăm vào mình. Mặt trời nóng bỏng, vì vậy cậu bé lặng lẽ ngắt một chiếc lá to và che lên người như chiếc ô. Lúc bấy giờ, tôi không còn nhìn thấy cả cái mũ lẫn mái đầu, chỉ còn chiếc áo sơ mi xám hé lộ trên ngực nó.

Khi tôi bước khỏi đó, cậu bé lại chạy đến đồng rác và cũng giống như hôm qua, đưa một mắt nhìn vào khe hở, chắc chắn nó nghĩ rằng lần này nữa tôi vẫn không quan sát được hết tất cả những điều thú vị diễn ra ở trong công viên.

Vào giây phút đó, tôi hiểu được sự khôi hài của những hành động của mình. Tôi sẽ ăn nói thế nào, nếu như cha tôi hoặc ông nấu rượu, hoặc thậm chí chính Lonia nhìn thấy rằng tôi, một học sinh lớp Hai, trong bộ đồng phục, lại đứng dưới hàng rào trên đồng rác thay phiên nhau với một đứa tập sự trở thành gã mục đồng, kẻ tôi không biết đã mặc chiếc áo sơ mi giặt sạch sẽ bao giờ chưa.

Nỗi ngượng ngùng bao trùm tôi. Có lẽ tôi không được quyền công khai đi vào vườn và ẩn nấp trong các góc khuất như thằng bé đội mũ rách kia?...

Đồng rác và khe hở trên hàng rào làm tôi ghê tởm, song cũng đánh thức sự tò mò: cái thằng bé kia là đứa nào nhỉ? Trẻ con ở tuổi nó đã phải chần ngỗng, còn nó để uống phí cả tuổi trẻ đẹp nhất của mình lang thang sau trại ắp, nhìn trộm những việc không phải của mình, còn khi bị hỏi thì thay cho việc trả lời, nó lại chạy trốn như con thỏ trước người lạ.

“Hãy đợi đấy - tôi nghĩ - mày sẽ không nhìn thấy tao ở đây nữa, nhưng tao sẽ theo dõi mày để xem mày là đứa nào!”

Tôi nhớ là trong tiểu thuyết, bên cạnh những nhân vật nam và nữ chính cũng có những kẻ lạ mặt bí ẩn, mà đứng trước bọn chúng cần đề phòng và vô hiệu hóa kịp thời mưu kế của chúng.

Vài ngày tiếp đó, không hỏi ai tôi đã biết mọi chuyện về kẻ lạ mặt bí hiểm. Đó không phải là một kẻ gian. Đó là Walek, con trai bà rửa bát

của dinh, mọi người đều biết nó, nhưng không ai quan tâm đến nó. Vì vậy, cậu bé có nhiều thời gian rỗi và như tôi được biết thì nó dùng thời gian đó vào những việc không mấy dễ chịu đối với người khác.

Walek không có cha, ngược lại, tất cả mọi người đều làm khổ mẹ nó, một người đàn bà hơi có máu nhục dục. Đối với những lời cạnh khỏe của bọn hầu, người đàn bà rửa bát đáp lại bằng tiếng thét và những lời bịa đặt, nhưng điều đó vẫn chưa làm bà thỏa mãn, những thứ còn lại bà đổ cả lên đầu Walek.

Thằng bé còn bò lê bằng cả hai chân, hai tay và mặc áo sơ mi thắt nút ở gáy (điều đó làm cho người ta nghĩ rằng nó hoàn toàn không mặc áo). Người ta đã gọi nó là đứa trẻ bị bỏ rơi.

- Mày là thằng bé nhặt được ư?... - Người mẹ hỏi và hét tiếp - Ôi xin Chúa trừng phạt các người vì tổn thất của tôi!... Bỏ què chân tay các người đi!... Ôi mày chết đi thằng chó!...

Lời rửa cuối cùng đổ xuống đầu Walek, kẻ ngay sau đó nhận được cú đá bằng chân vào dưới nút áo sơ mi nọ. Thằng bé khi còn ngốc nghếch chỉ đáp lại trước hành động đó bằng tiếng khóc nức nở. Nhưng khi đã khôn hơn, chuyện đó cũng đến khá nhanh, lúc bấy giờ, nó chỉ câm lặng như con thỏ và lẩn xuống dưới tròng ki, đằng sau chiếc máng lớn, nơi người ta cho lợn ăn. Rõ ràng là nó không muốn bị dội nước sôi như có lần đã xảy ra với nó.

Cũng có lúc Walek ngồi suốt hàng giờ đồng hồ như vậy dưới tròng ki, cho đến khi mọi người chưa tản đi chỗ khác để ăn bữa trưa hoặc bữa tối. Đôi khi, nhìn thấy chòm đầu đứa bé lộ ra dưới tròng ki và đôi mắt, trong đó còn đọng những giọt nước mắt do trận đòn vừa mới nhận được, vì tò mò những người làm công hỏi mẹ nó:

- Bà không cho đứa bé bà nhặt được trong đồng khoai tây ăn à?

- Hãy để cho nó gặm đất cùng với mày! - Người đàn bà nổi cáu đáp lại và mặc dù trước đó đã có ý định cho Walek ăn, giờ đây không cho nó ăn nữa.

- Không thể làm như vậy được, không thể để thằng bé, dù là đứa bị bỏ rơi, chết đói được. - Những người đàn bà khác nói vào.

- Đúng thế, nó sẽ chết vì tính khí thất thường của các người đấy!...

Và bởi vì bà ngồi quay lưng lại tròng ki, trên chiếc thùng tưới, nên Walek lại được nhận một cú đá gót vào hàm răng.

Lúc bấy giờ, để chọc tức người mẹ, những người làm công lôi thằng bé ra khỏi chỗ nấp và cho nó ăn.

- Nào, Walek, - một người nói- mày hãy hôn vào đuôi con chó Burek thì sẽ được ăn mì ống.

Thằng bé tuân lệnh một cách nghiêm chỉnh và vì thế được nuốt chửng đĩa mì ống lớn, thậm chí không nhai.

- Nào, bây giờ mày đâm vào mặt mẹ mày một cái thì sẽ được uống sữa...

- Ôi, hình như các người ngứa tay rồi hả! - Người đàn bà rửa bát kêu to, còn thằng bé thì lẩn vào sau máng lợn của mình.

Đôi khi không quần áo, hoảng sợ, nó chạy một mạch vào sân trong và ẩn nấp trong bụi rậm ở phía đối diện dinh. Và khi nước mắt đã khô, nó nhìn thấy ở gian tiền sảnh một chiếc bàn nhỏ đẹp đẽ, bên cạnh là hai chiếc ghế nhỏ, trên đó Lonia và em gái tôi ngồi, được cô hầu phòng buộc khăn lau miệng dưới cằm, bà Salusia rót sữa, còn bà công tước nói:

- Hãy thôi cho nguội đi, bọn trẻ, đừng để bị bỏng, đừng đánh đổ ra ngoài... Hay chưa đủ ngọt hả?...

Ngay khi bọn người làm rời khỏi công việc và ở bếp không còn ai, bà rửa bát đi ra sân và gọi:

- Walek ơi!... Walek ơi... Vào đây đi...

Nghe cách gọi ấy, thằng bé hiểu là có thể đi ra và nó chạy về phía bếp. Ở đó, nó nhận được từ người mẹ mẫu bánh mì, một chiếc thìa gỗ và một ít xúp củ cải đỏ đựng trong chiếc chậu lớn, dành cho sáu người ăn.

Nó ngồi trên mặt đất, mẹ nó đặt chiếc chậu giữa hai chân nó rồi sửa lại áo sơ mi trên vai nó và nói:

- Mày mà còn hôn đuôi chó, thì tao sẽ đánh gãy xương mày. Hãy nhớ đấy!

Sau đó, bà đi rửa nồi niêu bát đĩa.

Ngay sau đó, từ dưới đất xuất hiện một con chó nhà không biết ở đâu chui ra và nó ngồi chồm hổm trước mặt thằng bé. Ban đầu, nó nhe răng ra đớp ruồi, rồi ngáp và liếm mép. Sau đó, nó ngửi xúp củ cải đỏ lần thứ nhất rồi lần thứ hai và thận trọng thò lưỡi vào liếm. Walek xua đuổi nó, dùng thìa nện vào đầu nó. Con chó rút lui, rồi lại ngáp và thò lưỡi liếm vài hớp mạnh dạn hơn. Thằng bé liên tục dùng thìa gõ vào đầu nó tùy ý, nhưng con chó thấy miếng ngon, không cách gì hất được mồm nó ra khỏi chậu xúp. Cả Walek cũng đã cân nhắc rằng kẻ nào ăn hết trước kẻ đó sẽ thắng và thế là nó ra sức ăn đến không kịp thở ở một bên chậu, còn con chó vục tung tóe ở mép bên kia.

Nếu như người mẹ vui vẻ, và Walek đang ở trong tầm tay, thì lúc đó nó sẽ được cho thêm thức ăn ở bàn của dinh.

- Này ăn đi, rồi đi chơi. - Người rửa bát vừa nói vừa đưa cho nó mẫu bánh thừa, chiếc đĩa đầy nước xốt, cái đầu cá, mẫu cánh gà chưa gặm hoặc cốc nước mà ở đáy vẫn còn một chút cà phê và cặn đường chưa tan hết. Khi nó đã nốc sạch mọi thứ từ trong cốc hoặc đã liếm sạch đĩa thì bà mẹ hỏi nó:

- Thế nào, có ngon không?...

Walek chống sườn giống như những người đầy tớ thường làm sau bữa trưa, hít thở sâu và hất chiếc mũ của mình chếch lên một chút, rồi đáp:

- Con người được ăn một bữa no nê, thật cảm ơn Chúa!... Cần phải đi làm thôi...

Nó rời nhà bếp và đi đâu đó suốt nửa ngày.

Nó bày những trò chơi giống như những người lớn làm việc. Trong thời gian cày ruộng, nó lấy từ dưới sông lên một sợi dây, nhặt một chiếc

cọc nhỏ bất kì trong bùn, cầm lên tay hoặc một rễ cây bị đổ và cày suốt hàng tiếng đồng hồ, dĩ nhiên vừa gật gật đầu tại chỗ vừa quát:

- Vắt, vắt, đi, đi!...

Nếu người ta bắt cá thì nó tìm giữa đồng rác một cái lưới thủng và với sự kiên trì không gì lay chuyển được, nó ngâm mình dưới nước. Có lúc nó lại ngồi trên cây gậy và đi xe đến giếng cho ngựa uống nước. Một lần, tìm được cạnh chuồng cừu chiếc dép đi trong nhà đã cũ làm từ thớ cây bồ đề, nó vứt xuống nước và giả vờ bơi thuyền - dĩ nhiên là trong tưởng tượng.

Tóm lại, nó chơi đùa rất tuyệt vời, chỉ có điều không bao giờ cười. Khuôn mặt trẻ con của nó luôn biểu hiện một cái gì đó quan trọng không hề lay chuyển, cái mà đôi khi chỉ sự sợ hãi mới làm nổi ra đôi chút. Trong đôi mắt to của nó chứa đựng sự sững sốt giống như ở những người mà suốt tháng năm dài chỉ nhìn những vật chưa hề thấy.

Walek biết cách khéo léo chuồn khỏi nhà suốt cả ngày. Và những người đầy tớ sẽ không ngạc nhiên, nếu như một buổi sáng nào đó người ta tìm thấy nó trong đồng rơm hoặc dưới gốc cây trong rừng. Nó cũng có thể đứng giữa cánh đồng suốt vài phút không động đậy giống như cây cột xám và với cái miệng há hốc không biết nhìn vào đâu. Tôi đã để ý nhìn thấy nó một lần trong tư thế ấy và khi ở cách nó tương đối gần, tôi đã nghe thấy nó thở dài như thế nào. Tôi không biết tại sao cái thở dài của thân hình bé nhỏ như vậy đã làm tôi hoảng sợ. Tôi cảm thấy một nỗi buồn thương nào đấy, không biết thương ai và trong giây phút ấy, tôi bỗng yêu mến Walek. Nhưng khi tôi mạnh dạn bước thêm vài bước lại gần nó thì thằng bé bừng tỉnh và chạy trốn vào bụi rậm với sự nhanh nhẹn không thể hiểu nổi.

Lúc đó, trong đầu tôi nảy ra một ý nghĩ đặc biệt, rằng Chúa, người vẫn thường nhìn đứa bé như vậy, phải có một tâm hồn phiền muộn. Tôi cũng hiểu tại sao trong những bức tranh thánh, Người luôn nghiêm nghị và tại sao ở nhà thờ phải nói nhỏ và đi rón rén.

Con người nhỏ nhoi xấu xí đó đã làm được một chuyện là thay cho việc lẩn trốn đằng sau hàng rào, tôi quyết định đi đến công viên, sau khi đã tuyên bố trước với Zosia rằng từ nay trở đi sẽ chơi cùng - với nó và với Lonia.

Dĩ nhiên là em gái tôi rất thích dự kiến đó.

- Anh hãy có mặt ở công viên lúc hai đưa chúng em ra đi dạo. - Zosia nói- Anh hãy chào cả cô gia sư, người luôn đọc sách ở nhà hóng mát; nhưng đừng nói chuyện với cô lâu, vì cô ấy không thích bị ai cản trở. Còn sau đó thì anh sẽ thấy chúng ta chơi vui thế nào!

Cùng ngày hôm ấy, khi ăn trưa, em nói với tôi với vẻ mặt bí ẩn:

- Anh đến lúc ba giờ nhé; em đã nói với Lonia rồi, rằng anh sẽ có mặt. Khi chúng em đi từ dinh ra em sẽ ho...

Em gái tôi lao vào làm việc gì đó, còn tôi, dĩ nhiên, tôi đi ra ngoài, thực ra tôi không bao giờ muốn giam mình ở trong phòng. Tôi vừa ra tới sân thì Zosia chạy theo tôi.

- Kazio ơi! Kazio ơi!...

- Cái gì thế?...

- Khi em ho thì anh biết điều đó có nghĩa là gì chứ?...- Con bé nói với vẻ trịnh trọng.

- Anh hiểu mà.

Nó quay lại phòng, song còn gọi tôi qua cửa sổ:

- Khi em ho... Anh nhớ đấy!

Và tôi còn biết đi đâu nếu như không phải là công viên, mặc dù đến giờ hẹn còn những hơn một tiếng rưỡi đồng hồ nữa. Tôi dăm chiêu suy nghĩ đến mức không hề biết hôm đó chim trong vườn hót thế nào, thông thường nó hót rất say sưa. Tôi chạy vòng quanh công viên vài lần, rồi ngồi trên thuyền buộc sát bờ và vì không thể bơi, ít nhất tôi cũng đừng đưa nó để khỏi buồn chán.

Tôi đặt kế hoạch củng cố lại mối quen biết với Lonia. Điều đó phải được tiến hành như sau: Khi Zosia ho, tôi sẽ cúi đầu và từ lối mòn bên cạnh đi ra đường chính. Lúc bấy giờ, Zosia sẽ nói:

- Lonia ơi, hãy nhìn kia, đó là anh trai mình, anh Kazimierz Lesniewski, học sinh lớp Hai, bạn thân của Jozio xấu số mà mình đã kể cho bạn nghe nhiều lần.

Lonia lúc bấy giờ sẽ cúi chào, còn tôi, sau khi bỏ mũ xuống, sẽ nói:

“Đã từ lâu tôi có ý định...” Không, như vậy sẽ không hay... “Đã từ lâu tôi mong muốn làm quen với cô nương...” Ôi, không! Tốt hơn sẽ thế này: “Đã từ lâu tôi muốn tỏ lòng kính trọng đối với cô nương.”

Lúc đó, Lonia sẽ hỏi:

“Đã từ lâu anh làm khách ở chỗ chúng tôi à?...” Không, cô ta sẽ không nói như vậy, mà là: “Tôi rất hân hạnh được làm quen với anh, người mà tôi đã được nghe rất nhiều từ Zosia...” Còn sau đó thì sao?... Sau đó sẽ là: “Anh không cảm thấy buồn khi ở chỗ chúng tôi chứ?... Anh đã quen sống ở thành phố lớn mà.” Còn tôi sẽ đáp: “Tôi đã buồn chán khi không có cô nương đồng hành...”

Trong giây phút đó, dưới mặt nước, một con cá măng to cỡ nửa khuỷu tay lướt qua... Với tình hình thực tế đó, mơ ước của tôi tan biến. Ở đây trong ao có những con cá như vậy, mà tôi - lại không có cần câu!...

Tôi bật dậy khỏi thuyền vì muốn tìm xem trong nhà có lưỡi câu không và - suýt chút nữa tôi đụng phải Lonia, khi cô đang sắp nhảy qua một sợi dây đỏ.

Những con cá, những chiếc lưỡi câu, kế hoạch làm quen một cách trịnh trọng - mọi thứ lập tức lẫn lộn trong đầu tôi. Đây là hậu quả của - cá măng!... Thậm chí tôi quên không cúi chào Lonia, còn tồi tệ hơn nữa - tôi quên không nói gì. Nhưng cá măng là cái quái gì cơ chứ!...

Lonia là cô gái có mái tóc hạt dẻ rất đẹp, với làn môi rõ nét, chốc chốc lại thay đổi theo một kiểu cách khác nhau, nhìn tôi từ trên cao xuống và sau khi hất ngược những lọn tóc dày ra phía sau, cô liền hỏi tôi không rào đón gì:

- Có phải chính anh là chàng trai đã khoét thuyền của chúng tôi?

- Tôi ư?...

- Ông làm vườn nói với tôi như vậy, bây giờ mẹ tôi không cho phép chúng tôi bơi và ra lệnh buộc thuyền vào bờ, còn mái chèo thì cất đi.

- Ôi, thế có cha tôi, tôi đâu có đục thủng thuyền như vậy!- Tôi giải thích như đứng trước viên thanh tra.

- Liệu có chắc chắn như vậy không? - Lonia hỏi và nhìn nhanh vào mắt tôi - Chuyện này rất giống việc làm của chàng trai...

Giọng nói của cô gái khiến tôi không ưa. Đồ quý sứ! Dù là đứa bạn khỏe nhất cũng không nói với tôi theo kiểu như vậy.

- Khi tôi nói rằng không phải, thì điều đó là chắc chắn!...- Tôi đáp lại, vừa đáp vừa nhấn mạnh những từ cần thiết.

- Như vậy thì ông làm vườn nói sai. - Lonia nói và chau mày.

- Ông ta làm đúng đấy,- tôi đáp - bởi vì các cô gái nhỏ không biết bơi thuyền.

- Thế chàng trai biết bơi ư?

- Tôi biết cả bơi thuyền, cả bơi tay, còn biết bơi ngựa và bơi đứng nữa.

- Thế chàng trai có chở chúng tôi không?

- Nếu như mẹ cô nường cho phép thì tôi sẽ chở.

- Vậy thì chàng trai xem thử thuyền có bị thủng không.

- Không bị.

- Thế thì nước ở đâu lọt vào đó.

- Nước mưa.

- Nước mưa ư?

Cuộc nói chuyện bị gián đoạn. Nhưng tôi đã mạnh dạn nhìn Lonia, còn cô ta, nếu như hôm nay nghĩ lại chuyện đó thì thấy rằng cô ta không làm gì động đến tôi. Dĩ nhiên cô ta không chuyển chỗ đứng và bắt đầu nháy dầy, thỉnh thoảng lại nghỉ và nói chuyện với tôi.

- Tại sao chàng trai không chơi với chúng tôi?

- Bởi vì tôi bận.

- Chàng trai làm cái gì?

- Tôi học.
- Nhưng vào kì nghỉ hè có ai học đâu.
- Trong lớp chúng tôi cần phải học thậm chí cả vào kì nghỉ hè.

Lonia nhảy hai lần qua dây và nói:

- Adas học lớp Bốn, nhưng vào dịp lễ cũng không học. A, đúng rồi!... Chàng trai không biết Adas.

- Ai nói với cô là tôi không biết? - Tôi hỏi với vẻ tự hào.
- Bởi vì chàng trai vừa học hết lớp Một, còn anh ta học lớp Ba...

Lại hai lần nhảy qua dây... Tôi nghĩ rằng có chuyện gì đó kì lạ xảy ra với mình.

- Với tôi thậm chí lớp Bốn cũng chẳng là cái gì. - Bị chọc tức, tôi liền đáp.

- Thế nào cũng vậy thôi, vì Adas học ở Warszawa, còn chàng trai... Chàng trai học trường nào?... Ở đâu?...

- Ở Sieldce. - Tôi chỉ kịp đáp lại bằng giọng yếu ớt.
- Còn tôi cũng sẽ đi Warszawa. - Lonia giải thích và nói tiếp:
- Có lẽ chàng trai về nói với Zosia rằng tôi đã ở đây rồi...

Và không chờ sự đồng ý hoặc phản đối của tôi, cô nàng chạy về phía nhà hóng mát, vẫn vừa chạy vừa nhảy.

Tôi choáng váng; không thể ngờ được cô gái ấy lại đối xử với mình như thế.

“A ha, hãy để tôi được yên với trò chơi của các cô - tôi thật sự tức giận nghĩ. - Lonia không phải là đứa con gái lễ phép và tế nhị, mà chỉ là đứa nhãi ranh!...”

Nhưng những ý nghĩ ấy không cản trở việc tôi chấp hành mệnh lệnh của cô tức thì. Tôi nhanh chóng đi về nhà, có thể còn quá nhanh chóng nữa, chắc chắn đó là do hậu quả sự nổi giận bên trong.

Zosia đã cầm ô để đi vào vườn.

- Nay, em biết không, - tôi nói và quăng mũ vào một góc - anh đã làm quen với Lonia rồi.

- Và thế nào? - Em gái tôi tò mò hỏi.
- Chẳng sao cả... cũng được!... - Tôi đáp, không nhìn vào mắt nó.
- Đúng là cô ta thật tốt, thật đẹp phải không?...
- Ôi, anh chẳng quan tâm. Đúng ra là cô ấy đề nghị em hãy ra đó.
- Thế còn anh không đi à?...
- Không.
- Tại sao? - Vừa hỏi, Zosia vừa nhìn thẳng vào mắt tôi.
- Hãy để cho anh yên!... - Tôi vùng vằng - Anh không đi, vì không thích...

Trong giọng nói của tôi phải bật ra một cái gì đó rất cương quyết, bởi lẽ em gái tôi đã không hỏi thêm gì nữa và bước ra ngoài. Nhìn thấy nó gần như đang chạy, tôi gọi nó qua cửa sổ:

- Zosia ơi, chỉ có điều em đừng nói gì ở đó nhé... Em bảo... anh hơi bị đau đầu.

- Thôi, thôi, anh đừng lo, em không làm hại anh đâu.

- Hãy nhớ nhé, Zosia ơi, nếu như em còn yêu anh chút xíu.

Dĩ nhiên rồi, chúng tôi đã từng hôn nhau vô cùng chân thành cơ mà.

Hôm nay thật khó mà bối lại trong trí nhớ thứ tình cảm đã giằng xé tôi sau khi Zosia đi khỏi đó. Cái cô Lonia dám nói chuyện với tôi bằng cách thức như vậy ư?... Đúng ra thì các giáo viên, và đặc biệt là viên thanh tra, cũng đối xử với tôi khá suồng sã, - nhưng đó là những người cao tuổi. Tuy vậy, giữa những người bạn trong lớp Một (bây giờ đã là lớp Hai), tôi vẫn được tôn trọng. Còn ở đây, trong làng quê - xin hãy nghe, cha tôi nói chuyện với tôi như thế nào, những người đầy tớ cúi chào tôi ra sao, bao nhiêu lần viên thư kí nói: “Thưa cậu Kazimierz, cậu có thể cho phép tôi mời cậu đến chỗ tôi hút thuốc chứ?”. Tôi đáp lại ông: “Cảm ơn ông, tôi không muốn tập hút.” Còn ông ta nói: “Ôi, sao cậu thật là may mắn, cậu có nghị lực đối với bản thân... Cậu không chịu thua cả cô gia sư nữa...”.

Ứng phó với hành động của những người lớn tuổi, tôi cũng tỏ ra nghiêm nghị. Ngay cả cha xứ quản hạt cũng nói với cha tôi: “Thưa ân

nhân, ngài Lesniewski kính mến, hãy nhìn xem, đó là điều mà nhà trường làm được đối với cậu bé. Cái cậu Kazio năm trước vẫn còn là thằng nhóc con lêu lổng, còn hôm nay, thưa ân nhân, đã là một người đứng đắn, đã là Metternich*...”

Mọi người đánh giá tôi như vậy... Phải là trường hợp đặc biệt, để một con dê nào đó, đứơc không học qua lớp nào, dám nói với tôi rằng: “Điều đó rất giống với việc làm của chàng trai!...” Chàng trai?... Cái cô gái làm ra vẻ người lớn ấy là cái gì đối với tôi cơ chứ! Rằng cô ta biết cái gã Adas nào đó mà đã vội lên mặt. Cái gã Adas ấy là cái gì? Mới học xong lớp Ba, còn tôi đang vào lớp Hai. Khác nhau có là bao! Nếu nó ngu như cừu thì tôi sẽ đuổi kịp, thậm chí còn vượt qua nữa. Hơn thế nữa, thêm vào mọi chuyện, lại còn ra lệnh cho mình đi gọi Zosia nữa, cứ như mình là người hầu của cô ta ấy. Cứ đợi đấy, liệu lần thứ hai nữa tôi có nghe lời không!... Tôi thề rằng, nếu như lúc nào đó cô còn lên giọng với tôi như vậy, thì đơn giản - tôi sẽ đút tay vào túi và trả lời: “Chỉ đề nghị cô không tự cho phép mình làm như vậy nữa!”. Có thể thậm chí còn tốt hơn: “Thưa cô Lonia của tôi, tôi thấy rằng cô chưa học qua lễ độ...”. Hoặc thậm chí như thế này: “Cô Lonia của tôi, nếu cô muốn để tôi còn quan tâm đến cô...”

Tôi cảm thấy rằng câu trả lời tốt đẹp không đến với mình, và điều đó càng lúc càng khiến tôi tức giận hơn. Thậm chí nét mặt tôi đã thay đổi đến mức bà quản gia của chúng tôi, bà già Wojciechowska hai lần bước vào phòng tôi và cúi nhìn tôi, cuối cùng lên tiếng:

- Ôi Chúa ơi, tại sao Kazio lại rầu rĩ như thế?... Hay Kazio bị làm sao, hay có thể điều gì đã xảy ra với cậu?...

- Cháu không làm sao cả.

- Tôi đã nhìn thấy, rằng không phải thế, không cái gì có thể qua mặt tôi được. Nếu cậu làm gì đó sai thì hãy đến chỗ cha cậu và thú nhận ngay đi.

- Cháu không làm gì cả. Cháu chỉ hơi mệt, có thể thôi.

- Nếu cậu mệt như vậy thì hãy nghỉ ngơi và ăn cái gì đó. Chốc nữa tôi sẽ cho cậu bánh mì với mật ong.

Bà đi ra ngoài và sau đó quay trở lại cùng với một khoanh bánh mì to, trên đó mật ong còn đang rỏ giọt.

- Cháu sẽ không ăn đâu, cho cháu được yên!...

- Cậu phải ăn. Cầm lấy nhanh lên, mật ong chảy đầy tay tôi rồi đây này. Hãy ăn đi, chỉ chốc nữa cậu sẽ vui vẻ ngay thôi. Con người ta buồn rầu nếu đói, nhưng nếu ăn một chút vào thì sau đó đầu óc sẽ thông thoáng ngay... Nào, cậu cầm lấy đi!

Tôi buộc phải cầm vì sợ bà rỏ giọt mật ong lên đầu tóc hoặc bộ đồng phục. Tôi ăn một cách máy móc mà không suy nghĩ gì và thực sự điều đó làm tôi cảm thấy vội bứt ở trong tim. Tôi nghĩ rằng chắc mình sẽ tự giải quyết được bằng cách nào đó với Lonia và cũng nên mời thằng bé khốn khổ Walek cùng ăn, bởi chắc chắn nó ít có dịp được ăn mật ong, hơn nữa tôi cũng đã cảm thấy - thích nó.

Theo đề nghị của tôi, bà Wojciechowska, nhìn thấy tác dụng thần diệu của thuốc, đã cắt thêm cho tôi khoanh bánh còn to hơn lần trước và không tiếc mật ong. Tôi thận trọng cầm gói lương khô lên tay và đi ra ngoài tìm thằng bé.

Tôi tìm được nó ở gần nhà bếp. Người ta đang nói chuyện với nó, hai người đầy tớ vừa mang củi từ rừng về vừa tươi cười.

- Nếu một lần nữa mẹ mày đánh mày,- một người nói - thì hãy mang quần áo ra đi. Sao, mày có đi vào thế giới không?...

- Nhưng cháu không biết đi như thế nào.-Walek đáp lại.

- Hãy thọc gậy vào giày, chỉ cần qua rừng. Bên kia sẽ là cả thế giới.

- Nhưng cháu không có giày.

- Thế thì chỉ mang gậy theo thôi. Với cây gậy và không cần giày mày cũng đi được...

Nhìn thấy tôi, thằng bé chạy về phía bụi cây.

- Sao các anh nói với nó như vậy?- Tôi hỏi những người đầy tớ.

- Không có gì. Chỉ là chúng tôi chế nhạo nó chút thôi. Bình thường giống như với một đứa ngốc ấy mà.

Cảm thấy rằng mật ong bắt đầu chảy trên các ngón tay, tôi không nói chuyện tiếp với họ nữa mà đi tìm Walek. Nó đứng giữa bãi cỏ và nhìn tôi.

- Walek ơi! - Tôi gọi- Mà y có bánh mì với mật ong ở đây này.

Nó không nhúc nhích.

- Nào, đến đây... - Và tôi tiến lên vài bước.

Thằng bé bắt đầu chạy.

- Ôi, sao mà ngu thế?... Này, mà y có bánh mì, tao đặt nó ở đây cho mà y nhé...

Tôi đặt trên hòn đá và rời đi. Khi tôi nấp ở góc nhà bếp, thằng bé tiến đến chỗ hòn đá, bắt đầu thận trọng nhìn quanh bánh mì và cuối cùng - đã ăn, có vẻ rất ngon lành.

Một tiếng đồng hồ sau, khi đi về phía rừng, tôi đã thấy thằng bé đi phía sau cách tôi một khoảng. Tôi dừng và nó cũng đứng lại. Khi tôi quay về nhà, nó nhảy sang bên cạnh và nấp trong bụi rậm. Nhưng chỉ sau giây lát, nó lại chạy theo tôi.

Ngày hôm ấy, tôi đã cho nó bánh mì lần thứ hai. Nó cầm từ trên tay, nhưng vẫn còn e ngại và ngay sau đó chạy trốn. Thế nhưng kể từ buổi đó, nó bắt đầu đi sau tôi, nhưng luôn cách một khoảng nhất định.

Ngay từ sáng sớm, thằng bé đã quanh quẩn dưới cửa sổ nhà chúng tôi như con chim đã được bàn tay thiện rải hạt cho ăn. Buổi tối, nó ngồi dưới nhà bếp và nhìn về phía nhà ngang của chúng tôi. Khi đèn tắt, nó đi ngủ trên tấm khăn choàng đặt phía sau lò sưởi, nơi những con dế gáy ngay trên đầu.

Sau cuộc gặp lần đầu với Lonia, do sự nài nỉ của Zosia, tôi đi cùng nó đến công viên.

- Anh biết không, - em gái tôi đảm bảo - Lonia rất quan tâm đến anh. Lúc nào cũng nói về anh, giận dỗi, rằng lúc đó anh không quay lại và hỏi khi nào anh đến.

Chẳng có gì đáng ngạc nhiên rằng tôi đã nhượng bộ, hơn thế nữa, bản thân tôi cũng cảm thấy có gì đó cuốn hút mình đến với Lonia. Tôi có cảm giác rằng nỗi nhớ nhung của tôi do cái chết của Jozio chỉ được kết thúc khi tôi bắt đầu đi bên cạnh Lonia và nói chuyện nghiêm túc với cô. Nói về cái gì đây? - Cho đến hôm nay tôi vẫn không biết. Tôi chỉ cảm thấy rằng tôi muốn nói thật hay, nói thật nhiều và - có người nghe duy nhất là Lonia.

Cứ nghĩ đến chuyện cùng nhau đi dạo, tôi đã cảm thấy có gì đó nóng ran ở ngực giống như bị bỏng và lấp lánh như ánh mặt trời trên giọt sương. Nhưng thực tế không phải lúc nào cũng thỏa mãn những ước mơ. Chính vì thế, khi em gái dẫn đến, tôi gặp lại Lonia và lên tiếng với ý định bắt đầu cuộc nói chuyện hoàn hảo nọ:

- Cô nương có thích bắt cá không?

Trong lúc đó, các cô gái nắm tay nhau, bắt đầu thăm thì, rồi chạy dọc theo con đường nhỏ và cười như điên dại. Tôi ngây người xoay xoay cần câu trên tay, cây cần mà để làm ra nó, suýt nữa thì tôi đã bị một cú đá hậu của con ngựa vì tôi đã bứt một nhúm lông ở đuôi nó.

Tôi đã định bỏ đi vì bị xúc phạm thì các cô gái quay lại, còn Zosia nói:

- Lonia đề nghị anh gọi cô ấy bằng tên.

Tôi cúi đầu, bối rối im lặng, còn họ lại cười và chạy về phía ao cá.

- Chàng trai biết... - Lonia bắt đầu nói, nhưng lập tức sửa lại - Biết không, Zosia ơi, mẹ nghiêm cấm chúng ta bơi thuyền. Tớ nói rằng anh trai cậu sẽ chở chúng ta, song mẹ vẫn...

Cồ thăm thì vào tai Zosia một lúc khá lâu; còn tôi ngay lập tức đoán ra họ nói về chuyện gì. Chắc chắn bà mẹ sợ rằng tôi để các cô gái bị chìm dưới ao, tôi, một người bơi lội và là học sinh lớp Hai mà lại thế ư!...

Tôi ngượng ngùng. Lonia phát hiện ra điều đó và bỗng nhiên nói:

- Chàng trai hãy... - Cô sửa lại - Zosia ơi, cậu nói với anh trai, hãy hái cho chúng ta ít hoa huệ dưới nước. Những bông hoa đó đẹp như vậy mà

tớ chưa bao giờ được cầm nó trong tay.

Tôi cảm thấy phấn chấn tinh thần. Ít nhất bây giờ tôi cũng làm cho biết, tôi biết gì.

Rất nhiều hoa huệ mọc dưới ao, nhưng không gần bờ, chúng ở cách bờ đôi chút. Tôi bẻ một cành cây và bước xuống chiếc thuyền đang chòng chành.

Những bông hoa huệ như có thân co giãn. Móc được bằng cây gậy kéo đến gần, nhưng ngay sau đó, chúng lại bơi ra xa. Tôi bẻ cành cây dài hơn, có cái móc nhỏ ở đầu. Lần này thì tôi làm tốt hơn. Bông hoa huệ bị kéo mạnh đã bơi gần đến nơi, chỉ cách chút xíu nữa thôi... Tôi đưa tay trái ra, vẫn còn khá xa. Tôi quỳ trên mỏm thuyền, vươn người ra và sắp sửa ngắt được bông hoa thì bỗng nhiên - rơi tõm xuống nước, cây gậy tuột khỏi tay, còn bông hoa huệ lại bơi ra xa.

Các cô gái hét... Tôi kêu:

- Không việc gì! Không việc gì! Ở đây nông lắm!...

Tôi đổ nước ra khỏi mũ, đội nó lên đầu và lội đến thắt lưng trong ao, bùn ngập đến đầu gối, hái một bông hoa huệ, hai bông, ba bông, bốn bông...

- Kazio ơi! Cầu Chúa, hãy quay lại!... - Em gái tôi khóc gọi.

- Đủ rồi, đủ rồi!... - Lonia đệm theo.

Tôi không nghe. Tôi hái bông thứ năm, thứ sáu và thứ mười, còn sau đó thì hái lá.

Tôi lên khỏi ao, ướt lướt thướt từ bàn chân đến tận đầu, bùn ngập trên đầu gối và tay áo. Trên bờ, Zosia khóc lóc, Lonia không nhận những bông hoa, còn phía sau họ là thằng bé Walek mặt xanh lét hoảng sợ đang ẩn nấp.

Tôi nhìn thấy rằng Lonia cũng rơm rớm nước mắt, nhưng bỗng nhiên bật cười:

- Zosia, nhìn này, anh ta trông thế nào?...

- Chúa ơi, bố sẽ nói gì?... - Zosia gọi - Kazio của em, ít nhất anh cũng rửa mặt đi, người anh bẩn cả rồi.

Tôi vô ý đưa bàn tay đầy bùn lên quệt mũi. Lonia cười đến nỗi ngồi cả xuống cỏ. Zosia cũng vừa cười, vừa lau mắt, thậm chí Walek há hốc mồm và phát ra tiếng gì như tiếng kêu be be.

Bây giờ, đám con gái mới phát hiện ra thằng bé.

- Cái gì thế? - Zosia hỏi - Nó chui ra từ đâu thế nhỉ?

- Nó đến đây theo anh trai cậu.- Lonia trả lời - Tớ đã nhìn thấy nó khi nó nấp giữa bụi rậm.

- Chúa ơi! Nó có cái mũi thế nào kìa!... Nó muốn gì ở anh, Kazio ơi?... - Em gái tôi nói.

- Nó đi theo anh từ mấy ngày nay.

- A ha! Chắc là Kazio chơi với nó, khi chạy trốn chúng mình rồi...- Lonia mĩa mai lên tiếng - Hãy nhìn kìa, Zosia ơi, trông hai người họ thế nào: một người ướt lướt thướt, còn người thứ hai không tắm rửa... Ôi, tôi buồn cười quá!...

Việc so sánh với Walek làm tôi không thích.

- Thôi, Kazio ơi, hãy đi tắm đi và về nhà thay quần áo, còn chúng em trong lúc ấy sẽ đến nhà hóng mát.-Zosia nói, và nâng Lonia dậy, cô ta vì quá vui suýt nữa thì bị chứng kinh giật.

Họ rời đi. Ở lại chỉ còn tôi, Walek và - chùm bông huệ nằm trên cỏ mà không ai nhặt lên.

Một phần thưởng như vậy dành cho sự hiến thân của tôi ư?- Tôi cay đắng nghĩ và cảm thấy bùn đầy trong miệng. Tôi bỏ mũi xuống. Thật đáng sợ, cái gì đã xảy ra với nó?... Nó giống với cái giẻ lau, còn chỗ lưỡi trai sắp bị rời ra. Bộ đồng phục, cái áo ghi lê, áo sơ mi thì sưng nước. Nước cũng đầy trong giày, thậm chí kêu xèo xèo khi tôi bước đi. Tôi cảm thấy từ vải dày biến thành dạ, từ dạ biến thành vỏ cây, từ vỏ cây biến thành gỗ. Ở đằng kia, từ phía nhà hóng mát, tôi vẫn còn nghe thấy tiếng cười của Lonia, người đang kể về cuộc phiêu lưu của tôi cho cô gia sư nghe.

Chốc nữa họ sẽ đến đây. Tôi muốn tắm, song chưa tắm xong thì đã phải chạy, họ đang đi đến!... Tôi đã nhìn thấy váy của họ trên đường, đã

nghe tiếng nói của cô gia sư. Họ cắt ngang đường về nhà của tôi, tôi phải quay ra đường khác để đến chỗ hàng rào.

- Cậu ta đâu rồi? - Cô gia sư hét lên hỏi.

- Ôi, đằng kia, đằng kia!... Hai người họ đang chạy. - Lonia đáp.

Bây giờ, tôi nhìn thấy rằng Walek cũng đang chạy ngay sát sau tôi. Tôi đã lao vào tới hàng rào, nó ở phía sau tôi. Tôi leo lên cái sào gỗ, nó cũng vậy. Và khi hai người, mặt đối mặt nhau, chúng tôi ngồi trên hàng rào giống như trên mình ngựa, thì trong bụi rậm xuất hiện Lonia, Zosia và cô gia sư.

- A ha! Và cả đứa bạn thân nữa!... - Lonia kêu to và cười.

Tôi nhảy từ trên hàng rào xuống và chạy thẳng qua cánh đồng về phía nhà ngang của chúng tôi, còn Walek vẫn theo sát tôi. Rõ ràng nó thích trò rượt đuổi này, vì miệng nó mở ra và phát ra tiếng kêu be be, biểu thị sự hài lòng.

Tôi đứng lại - phát điên lên vì giận dữ.

- Anh bạn yêu dấu, mày muốn gì ở tao?... Tại sao mày cứ theo sau tao như thế?... - Tôi nói với thằng bé.

Walek ngạc nhiên.

- Mày tránh xa tao ra, cút đi!... - Tôi nói và nắm tay lại - Mày làm tao ngượng, mọi người đều cười tao... Nếu còn tiếp tục cản đường tao thì tao sẽ giết mày...

Dứt lời, tôi bỏ đi, còn thằng bé dừng lại.

Khi tôi đã đi cách chỗ đó hơn chục bước, quay đầu nhìn lại thì vẫn thấy nó đứng nguyên ở chỗ đó. Nó nhìn tôi và khóc rất to.

Tôi bước vào nhà bếp của chúng tôi như một con ma, và bất cứ chỗ nào tôi đến đều để lại dấu nước. Nhìn thấy tôi, lũ gà kêu lên quang quác và sợ hãi vỗ cánh bay đến cửa sổ, các cô hầu bắt đầu cười, còn bà Wojciechowa thì dấm tay vào nhau.

- Lời nói trở thành thể xác!... Còn cậu thì sao?... - Bà già hét to.

- Bà không nhìn thấy à?... Cháu bị ngã xuống ao, thế thôi!... Bà Wojciechowska hãy mang cho cháu quần áo, giày, áo sơ mi... Chỉ có

điều nhanh lên nhé.

- Thật khổ với cái cậu Kazio này! - Wojciechowska đáp.

- Chắc hẳn khuy ở áo khoác ngoài còn chưa đơm xong... Kaska, nhanh lên, đi tìm giày!

Bà bắt đầu tháo giày và cởi bộ đồng phục cho tôi với sự trợ giúp của người hầu thứ hai. Mọi chuyện cũng tạm ổn, nhưng còn với giày thì gặp trắc trở. Cả về bên trái lẫn bên phải đều không nhúc nhích được. Cuối cùng, người ta gọi người giữ ngựa đến trợ giúp. Tôi phải nằm lên tràng kỉ, bà Wojciechowska cùng các cô hầu giữ ngang vai, còn người giữ ngựa thì tháo giày. Tôi nghĩ rằng họ bẻ chân tôi. Nửa tiếng đồng hồ sau, tôi đã giống như một con búp bê - sạch sẽ, ăn mặc và chải chuốt đáng hoàng. Zosia chạy đến và khâu khuy áo cho bộ đồng phục vải dạ của tôi. Bà Wojciechowska giặt bộ quần áo ướt, mang lên phơi trên mái và - im lặng.

Cha tôi sau khi về đến nhà cũng đã biết mọi chuyện. Ông nhìn tôi vẻ chế nhạo, lắc đầu và nói:

- Ôi, con, mày là đồ con lừa, con lừa!... Con bây giờ đến ngay chỗ Lonia để nó may cho chiếc quần lót mới.

Ngay sau đó, ông nấu rượu xuất hiện và ông nhìn tôi, bật cười. Tôi nghe lén được chuyện ông nói với cha tôi trong văn phòng:

- Một cậu bé nhanh nhẹn! Dám lao vào lửa vì các cô gái... Giống như chúng ta thời trai trẻ, ông Lesniewski nhỉ?

Tôi đoán rằng cả trại ập đều biết về sự lễ độ của tôi đối với Lonia và tôi vô cùng ngượng.

Buổi tối, bà công tước, Lonia và cô gia sư đến, và, thật lạ! Mỗi người họ đều mang theo bên váy mình - một bông huệ nước... Tôi muốn chui xuống đất ẩn nấp, muốn chạy trốn, nhưng người ta đã gọi tôi và tôi đứng trước mặt các bà.

Tôi nhận thấy rằng cô gia sư nhìn tôi vô cùng thân thiện. Còn bà công tước thì vuốt ve bộ mặt đỏ lựng của tôi và cho tôi mấy cái kẹo.

- Cậu bé của tôi, - bà nói - thật là đẹp, vì cậu lễ độ như vậy, nhưng mong cậu đừng bao giờ chở các cô gái nhỏ bằng thuyền, được không?...

Tôi hôn tay bà và lăm bầm gì đó.

- Bản thân cậu cũng đừng bơi. Cậu hứa như vậy với tôi chứ?

- Cháu sẽ không bơi.

Sau đó, bà quay lại phía cô gia sư và nói gì đó bằng tiếng Pháp. Tôi nghe thấy mấy lần nhắc lại từ: *hero*. Cũng may là cha tôi nghe thấy và lên tiếng:

- Ôi, bà công tước có lí đấy. *Herod*, đúng là *Herod*!...

Các bà mỉm cười, còn sau khi họ rời khỏi đó, thì Zosia đã giải thích cho cha tôi rằng *hero* viết là *héros*, trong tiếng Pháp không có nghĩa là ông Herod, mà là *anh hùng*.

- Anh hùng? - Cha tôi nhắc lại - Nó anh hùng như vậy, thậm chí ướm cả đồng phục và rách cả quần lót, còn tao phải mất với gã Szulimow đến hai chục zloty. Thế thì để quý tha ma bắt thứ anh hùng đó đi, thứ mà người khác phải trả tiền vì nó!

Quan điểm tầm thường của cha tôi khiến tôi rất buồn. Tôi cảm ơn Chúa, rằng chuyện chỉ kết thúc ở đó.

Từ đó trở đi, tôi gặp Lonia không chỉ ở công viên, mà ở cả trong dinh. Vài lần tôi đã ăn trưa ở đó, điều này gây cho tôi nhiều phiền toái, và hầu như hằng ngày đều ăn bữa đệm buổi chiều, trong đó người ta mang ra hoặc là dâu rừng hoặc phúc bồn tử cùng với đường và váng sữa.

Tôi thường nói chuyện với các bà cao tuổi. Bà công tước ngạc nhiên trước sức đọc của tôi, điều mà tôi đạt được nhờ thư viện của thẳng gù, còn cô gia sư, tên là Klementyna, đơn giản là tỏ ra say đắm tôi. Mỗi cảm tình đó tôi có được không chỉ nhờ sự thông thái của mình, mà nhờ vào những cuộc nói chuyện về ông thư kí, người mà tôi được biết đang phải coi sóc công việc ở đâu và nghĩ gì về cô Klementyna. Cuối cùng, con người thông thái đó thú nhận với tôi rằng cô hoàn toàn không có ý

định sẽ lấy ông thư kí làm chồng mà chỉ muốn nâng đỡ tinh thần của ông ta. Cô tuyên bố với tôi rằng theo quan niệm của cô thì vai trò của đàn bà trên thế giới này là để nâng đỡ đàn ông và bản thân tôi sau này, khi lớn lên, tôi cũng phải gặp trong đời người đàn bà có khả năng nâng đỡ mình.

Những bài giảng đó làm tôi rất thích. Càng lúc tôi càng sốt sắng đưa những tin tức về ông thư kí đến cho cô Klementyna và tin về cô cho ông ta, đổi lại tôi được lòng cả hai.

Đến hôm nay, tôi còn nhớ rằng trong dinh cuộc sống rất riêng tư. Đến với bà công tước cứ vài ngày lại có người chồng chưa cưới của bà, còn cô Klementyna mỗi ngày vài lần lại đến những góc kín của công viên, nơi từ đó cô nhìn thấy ông thư kí và ít nhất thì - như cô nói - nghe được tiếng của ông ta, chắc là lúc la mắng bọn đầy tớ. Về phần mình, cô hầu phòng cũng nhiều lần khóc trong các cửa sổ khác nhau vì nhớ chính ông thư kí đó. Những cô gái chưa chồng còn lại, học theo người phụ trách, cũng phân chia tình cảm của mình giữa đám trai hầu, cậu bé bưng bát đĩa, anh bếp, phụ bếp và người đánh xe ngựa. Thậm chí, trái tim bà già Salusia cũng không được rảnh rang. Làm chủ trái tim bà là những con gà tây, ngỗng, vịt, gà và gà thiến, cũng như những giống có cựa và hình dạng khác nhau tương tự mà ở giữa chúng suốt ngày bà quản gia phải xua đuổi.

Thế nên thật dễ hiểu là trong môi trường bận bịu như vậy của chúng tôi, trẻ con tha hồ có thời gian tự do. Chúng tôi chơi đùa với nhau từ sáng sớm đến tận chiều tối và chỉ nhìn thấy người lớn vào lúc người ta gọi chúng tôi đến ăn trưa, ăn bữa đêm buổi chiều hoặc lúc đi nghỉ.

Nhờ sự tự do đó mà quan hệ của tôi với Lonia đã diễn ra khá độc đáo. Cô ta vài ngày trước còn gọi tôi là Kazio, sau đó là “cậu”, sử dụng tôi, thậm chí còn quát tôi, còn tôi - lúc nào cũng gọi cô là “cô nương”, càng lúc tôi càng ít nói, nhưng càng lúc càng lắng nghe nhiều hơn. Nhiều lúc trong tôi nảy sinh lòng tự hào của một người mà chỉ sang năm thôi sẽ lên học lớp Ba. Lúc đó thì tôi nguyên rủa giây phút nọ, khi tôi lần đầu tiên nghe lệnh của Lonia đi gọi em gái. Tôi nói với mình:

“Cô ta nghĩ cái gì, rằng tôi là người hầu của cô, giống như cha tôi ở chỗ mẹ cô chẳng?...”

Tôi nổi loạn với chính mình, tôi quyết định rằng điều đó phải thay đổi. Nhưng khi nhìn thấy Lonia, lòng can đảm đó hoàn toàn mất đi ở tôi và nếu như thậm chí giá như giữ lại được điều cuối cùng nào đó, thì lại chính Lonia bằng cách truyền đạt mệnh lệnh của mình với sự khẩn khoản và với việc giậm chân nóng bỏng đến mức, tôi buộc phải làm mọi công việc. Có một lần, sau khi bắt được chú chim sẻ, tôi không đưa ngay cho cô, cô hét to:

- Cậu không muốn cho thì thôi!... Tôi chẳng cần con chim sẻ của cậu...

Cô tỏ ra giận dữ và tò mò đến mức tôi phải lên tiếng cầu xin để cô nhận chú chim sẻ. Còn cô ta thì không và không!... Tôi buộc phải nài nỉ, dĩ nhiên với sự trợ giúp của Zosia, mặc dầu vậy, suốt mấy ngày tiếp theo, tôi còn phải nghe lời thương cảm:

- Trong đời tôi sẽ không bao giờ làm điều gì có hại cho cậu đâu. Tôi biết bây giờ cậu là người cứng rắn

thế nào rồi! Ngày đầu tiên cậu đã nhảy xuống nước để hái cho tôi hoa huệ, còn hôm qua thì cậu không cho phép tôi được chơi đùa một chút với con chim nhỏ. Tôi biết mọi chuyện rồi... Ôi, không một người con trai nào khác lại hành động với tôi giống như cậu.

Và sau mọi cách giải thích có thể của tôi, cuối cùng tôi đề nghị với cô thôi đừng giận nữa, cô đáp lại:

- Liệu tôi có giận không?... Cậu biết rõ nhất rằng tôi không giận cậu. Tôi chỉ buồn. Tôi buồn như thế nào, thì không ai tưởng tượng nổi đâu... Hãy để Zosia kể tôi đã buồn như thế nào.

Lúc bấy giờ, Zosia với vẻ mặt long trọng đã giải thích cho tôi nghe Lonia rất, rất là buồn.

- Thôi tốt hơn hết hãy để chính Lonia nói ra cô ấy đã buồn như thế nào. - Em gái yêu quý của tôi kết thúc.

Bị đẩy từ Annasz đến Kajfasz* để xác định rõ mức độ buồn rầu làm cho đầu óc tôi hoàn toàn mù mẫm.

Tôi trở thành cỗ máy mà các cô gái chế tạo ra chỉ để làm họ vui thích, chút xíu tự chủ cuối cùng về phía tôi cũng bị mất nốt bởi sự đau buồn hoặc của Lonia, hoặc của Zosia, thứ mà cả hai người họ cùng chia chác cho nhau.

Giá như thằng Jozio khốn khổ có đội mồ chui lên thì cũng không thể nhận ra tôi trong thể xác của một chàng trai lặng lẽ, ngoan ngoãn, bị ăn hiếp, kẻ vĩnh viễn bị sai khiến đi làm gì đó, mang cái này, tìm cái kia, kẻ không biết về một việc gì đó, về cái gì đó và cứ vài phút lại bị quở mắng. Nếu như các bạn học của tôi mà biết!...

Một hôm, cô Klementyna quá bận rộn so với thường ngày. Vì ông thư kí phải trông coi gì đó ở trại ngựa, cách nhà hóng mát yêu thích hơn một chục bước chân. Lợi dụng dịp đó, chúng tôi chuồn khỏi công viên, đi đến chỗ các bụi rậm, nơi mọc những cây mâm xôi.

Thật khủng khiếp, sao chúng mọc nhiều đến thế? Cứ mỗi bước là một khóm, còn trên mỗi khóm là một bụi mâm xôi đen và lớn như trái mận. Lúc ban đầu, chúng tôi cùng nhau hái, vừa hái vừa kêu lên ầm ĩ vì ngạc nhiên và vui sướng. Nhưng sau đó, chúng tôi đều im lặng và mỗi người đi về một hướng. Tôi không biết chỗ các cô gái thế nào, còn tôi bị ngập giữa những khóm cây rậm rạp nhất, tôi không còn biết thế giới là gì nữa. Ôi, những trái mâm xôi!... Ngày nay thậm chí không có trái dứa nào như vậy.

Đứng nhiều mệt - tôi ngồi xuống, ngồi nhiều mệt - tôi đặt lưng xuống bụi cây rậm giống như chiếc ghế bành đàn hồi. Ở đây thật ấm áp, thật êm dịu và thật đầy đủ, đến nỗi không biết từ đâu, tôi lại nghĩ rằng chính như vậy mới là chốn thiên đường của Adam. Chúa ơi! Chúa ơi! Tại sao tôi không phải là Adam? Đến hôm nay, trên cái cây đáng nguyên rủa dù có mọc đầy những trái táo, để hái nó, tôi cũng không thèm đưa tay lên khỏi đầu...

Giãn người ra giống như con rắn dưới ánh nắng ấm áp trên bụi cây mềm mại, tôi cảm thấy niềm hạnh phúc không thể diễn tả nổi, chủ yếu là vì tôi có thể hoàn toàn không nghĩ ngợi gì. Đôi lúc tôi xoay người nằm ngửa, đầu thấp hơn toàn thân. Những chiếc lá do gió đưa bay đến vuốt ve trên mặt tôi, còn tôi nhìn lên bầu trời mênh mông và với sự hài lòng tốt độ, tôi tưởng tượng rằng con người tôi - hoàn toàn không tồn tại. Lonia, Zosia, công viên, bữa trưa, cuối cùng cả ngôi trường và viên thanh tra cũng chỉ là giấc mơ, giấc mơ đã từng có ngày nào đó, rồi đã qua đi, có lẽ một trăm năm nay rồi, có lẽ cả nghìn năm rồi. Cậu Jozio khốn khổ trên bầu trời chắc chắn vẫn trải qua những tình cảm đó. Ôi, sao nó hạnh phúc như vậy!...

Cuối cùng, những cây mâm xôi cũng làm tôi chán. Tôi cảm thấy những bụi cây nâng tôi lên cao êm dịu làm sao, tôi nhìn thấy từng đám mây đang lơ lửng dịch chuyển trên nền trời trong xanh, tôi nghe thấy tiếng từng chiếc lá kêu xào xạc, còn bản thân mình thì không nghĩ gì.

Bỗng nhiên, cái gì đó lôi kéo tôi. Tôi đứng bật dậy bằng hai chân, không hiểu cái gì xảy ra. Sau giây lát lại im lặng như lúc đầu, nhưng ngay giây phút ấy, tôi nghe thấy tiếng khóc và tiếng kêu của Lonia:

- Zosia ơi!... Cô Klementyna ơi!... Cứu với!...

Có một cái gì đó thật khủng khiếp trong tiếng kêu của đứa bé: “Cứu với!...” Thoáng qua trong đầu tôi ý nghĩ: rắn độc! Cây mâm hoang kéo áo tôi, chặn chân tôi, giăng xé, xô đẩy, không!... Nó đánh vào người tôi, vật lộn với tôi giống như một con quái vật, trong khi đó thì Lonia kêu: “Cứu với!... Chúa ơi, Chúa của con ơi!...” - còn tôi chỉ hiểu có một điều, rõ ràng như ánh mặt trời, rằng ở đây tôi phải ra tay cứu giúp hoặc chính mình sẽ chết.

Mệt mỏi, xây xát, và đặc biệt là - sợ hãi, cuối cùng tôi cũng chạy được đến chỗ đó, nơi tôi nghe thấy tiếng khóc của Lonia.

Cô bé ngồi trong bụi cây, vừa run rẩy vừa vịn tay.

- Lonia ơi!... Cậu bị sao vậy?... - Lần đầu tiên tôi gọi thẳng tên cô.

- Ong!... Ong!...

- Ong?... - Tôi nhắc lại và lao vào gần cô - Nó đốt cậu?...

- Chưa đốt, nhưng...

- Vậy thì sao...?

- Nó bò trong người tớ...

- Ở đâu?...

Nước mắt cô trào ra. Cô rất ngượng, nhưng nỗi sợ hãi vượt lên trên.

- Nó lén vào trong bát tất dài của tớ... Ôi, Chúa ơi... Chúa ơi, Zosia ơi!...

Tôi quỳ xuống trước cô, nhưng còn chưa dám tìm ong.

- Cậu hãy rút nó ra. - Tôi nói.

- Nhưng tớ sợ. Ôi, Chúa ơi!...

Cô run lên như bị chứng sốt rét. Tôi đã đi đến quyết định cực kì dũng cảm.

- Nó ở chỗ nào?

- Bây giờ nó đang bò ở đầu gối tớ...

- Nó không có cả ở đấy, lẫn ở đây.

- Nó bò lên cao hơn rồi... Ôi! Zosia ơi, Zosia ơi!...

- Nhưng cả ở đây cũng không thấy nó...

Lonía lấy hai tay che mặt.

- Chắc nó phải lẩn trốn trong váy... - Cô nói và khóc to hơn.

- Thấy rồi!... - Tôi kêu - Đó là con ruồi...

- Ở đâu?... Ruồi ư?... - Lonía hỏi - Đúng rồi, đó là con ruồi! Ôi, sao nó lớn thế... Tớ tin chắc đó là con ong. Tớ nghĩ mình sẽ chết... Chúa ơi, sao tôi lại ngu ngốc như vậy.

Cô lau nước mắt và lập tức bật cười.

- Giết chết nó hay thả nó ra? - Tôi hỏi Lonía và đưa con vật bất hạnh ra cho cô.

- Tùy ý cậu. - Cô đã hoàn toàn bình tĩnh đáp.

Tôi định giết chết con ruồi, nhưng - không nhẫn tâm. Và vì cả cánh, cả người nó đều vô cùng mỏng mảnh, vì vậy - tôi phải thận trọng đặt nó

lên một chiếc lá. Trong khi đó, Lonia quan sát tôi vô cùng chăm chú.

- Cậu làm sao vậy?... - Bỗng nhiên cô hỏi.

- Không sao.- Tôi đáp và cố nở nụ cười.

Tôi cảm thấy sức lực giảm sút nhanh chóng. Tim tôi đập như chuông, mắt tôi hoa lên, mồ hôi lạnh túa ra khắp cơ thể và tôi vừa quỳ xuống vừa run rẩy.

- Cậu làm sao thế, Kazio ơ?...

- Không sao... Tôi chỉ nghĩ, rằng cậu gặp chuyện gì đó chẳng lành.

Nếu như Lonia không giữ người tôi và không tựa đầu tôi vào đầu gối mình thì chắc tôi đã đập mũi xuống đất.

Một làn sóng ấm áp dâng lên đập vào đầu tôi, tôi nghe tiếng động ồn ào trong tai và lại thấy tiếng Lonia:

-Kazio ơ!... Kazio thân yêu ơ!... Cậu làm sao thế ?... Zosia ơ!... Chúa ơ, cậu ấy ngất xỉu rồi... Tôi biết làm gì ở đây, ôi, tôi bất hạnh làm sao?...

Cô ôm đầu tôi bằng hai tay và bắt đầu hôn. Trên khắp mặt, tôi cảm nhận được nước mắt của cô. Tôi cảm thấy thương cô đến mức cố gắng mang hết sức lực còn lại của mình ra và khó khăn lắm mới nhúc nhích được.

- Tôi không làm sao cả!... Cậu đừng sợ!... - Từ sâu thẳm trái tim, tôi cất tiếng gọi.

Dĩ nhiên giây phút yếu đuối đã qua nhanh như nó đến. Bên tai tôi không còn tiếng ồn ào nữa, mắt đã sáng ra, tôi ngẩng đầu lên khỏi đầu gối Lonia và vừa nhìn vào mắt cô, vừa cười.

Bây giờ, cô ta cũng bắt đầu cười.

- Ôi, cậu không đứng đắn, ôi, cậu không tốt!... - Cô nói - Sao cậu làm tôi sợ như vậy cơ chứ? Sao cậu có thể chết ngất vì chuyện ngu ngốc như vậy chứ?... Giá như thậm chí đó là con ong, thì nó cũng không thể ăn thịt được tôi... Và tôi có thể làm được gì ở đây để cứu cậu?... Không có cả nước, cả mọi người, Zosia thì đi đâu đó, còn một mình tôi phải cứu một người con trai to lớn như cậu ư? Thật đáng xấu hổ!

Dĩ nhiên là tôi xấu hổ. Liệu có thể làm cô ta sợ hãi đến như vậy hay không?

- Sao, cậu thấy thế nào? - Lonia hỏi- Ê! Chắc đã tốt rồi phải không, trông cậu không còn xám ngoét như thế nữa. Trước đây trông cậu xám như tấm vải đay ấy.

- Nào, - cô nói tiếp sau giây lát - tớ sẽ nói năng ra sao, nếu mẹ tớ biết chuyện này?... Ôi, tớ sợ thậm chí không muốn về nhà nữa...

- Mẹ cậu sẽ biết chuyện gì? - Tôi hỏi.

- Về mọi chuyện, và tôi tệ nhất là chuyện về con ong...

- Vậy thì đừng nói gì cho ai biết.

- Chuyện tớ không nói thì có gì đảm bảo... - Cô vừa nói vừa quay đầu đi.

- Thế cậu nghĩ rằng tớ sẽ nói?... - Tôi đáp - Thề có cha tớ, tớ sẽ không nói cho ai bất cứ lời nào.

- Kể cả cho Zosia chứ?... Nó biết giữ bí mật lắm.

- Kể cả Zosia. Bất kì ai.

- Mặc dầu vậy mọi người đều sẽ biết. Trông cậu bị xây xát, tả tơi như vậy... Cậu chờ đấy!... - Sau giây lát, cô nói tiếp và lấy khăn tay lau mặt cho tôi- Ôi Chúa ơi! Cậu có biết là thậm chí tớ đã hôn cậu vì sợ hãi hay không, bởi tớ không biết làm gì lúc đó nữa. Giá như ai đó biết được chuyện này thì chắc tớ phải ngượng chết đi được, mặc dầu thật sự ra - với con ong cũng là chuyện đáng ngại. Ôi! cậu làm tớ phải lo lắng như vậy đấy...

- Nhưng cậu chẳng việc gì phải lo ngại cả. - Tôi động viên cô.

- Tớ vẫn phải lo! Mọi chuyện sẽ bại lộ hết, vì đầu cậu đầy lá. Thôi, để tớ chải cho cậu. Chỉ mong Zosia không nhìn nhìn lên từ một bụi rậm nào đó thôi. Nó biết giữ bí mật, nhưng bao giờ cũng...

Lonia lấy từ trên tóc mình chiếc lược hình bán nguyệt và bắt đầu chải đầu cho tôi.

- Cậu lúc nào cũng xộc xệch. - Cô nói- Cậu phải chải đầu giống như mọi người đàn ông khác. Ô, như vậy chứ!... Phải rẽ đường ngôi bên

phải, đừng rẽ ngòai bên trái. Nếu như cậu có mái tóc màu đen, cậu trông sẽ đẹp giống như chồng chưa cưới của mẹ tớ. Nhưng vì cậu là người tóc vàng, nên tớ sẽ chải cho cậu khác đi. Bây giờ trông cậu như một thiên thần, kẻ đứng dưới bà tiên Madonna. Cậu có biết... Thật tiếc, rằng tớ không có gương.

- Kazio ơi! Lonia ơi!... - Từ phía công viên Zosia gọi.

Cả hai chúng tôi cùng bật dậy, Lonia lúc đó thực sự tỏ ra lo lắng.

- Mọi chuyện sẽ vỡ lở! - Cô nói- Ôi! Cái con ong ấy!... Và chuyện tồi tệ nhất là cậu đã ngắt...

- Chẳng có chuyện gì lộ cả. - Tôi đáp lại một cách quả quyết - Dầu sao tớ cũng sẽ không nói gì cả.

- Cả tớ nữa. Thậm chí cậu sẽ không nói rằng mình bị ngắt chứ?...

- Dĩ nhiên rồi.

- Ôi, ôi!... - Lonia ngạc nhiên - Vì nếu như tớ bị ngắt, thì tớ sẽ không giữ được...

- Kazio ơi! Lonia ơi!...- Em gái tôi gọi ở cách chúng tôi mười mấy bước.

- Kazio ơi! - Lonia vừa thầm thì vừa đưa ngón tay lên ngang miệng.

- Đừng có sợ!

Chúng tôi làm các bụi cây sột soạt và Zosia hiện ra trong bộ tạp dề.

- Ở đâu thế, Zosia ơi? - Hai người chúng tôi cùng hỏi.

- Tớ đi về tìm tạp dề cho mình và cho cậu nữa, Lonia ạ. Đây, nó đây này, vì quả mâm xôi rơi vãi đầy ra.

- Liệu ngay sau đây chúng ta có phải đi về nhà không?

- Không cần đâu. - Zosia đáp - Ở chỗ mẹ cậu, ông ấy đang có mặt, còn cô Klementyna thì không nghĩ đến chuyện rời nhà hóng mát. Chúng ta có thể ngồi đây thậm chí đến tận tối. Nhưng tớ phải bắt đầu hái mâm xôi đây, vì hai người đã ăn nó nhiều rồi.

Cả hai bắt đầu hái, còn tôi sau đó cũng lại có lòng tin mới để lao vào cuộc ăn.

Nhìn thấy rằng tôi đang rời xa, Lonia gọi theo tôi:

- Kazio ơi, cậu biết là tớ đang nghĩ gì!...

Và cô dọa tôi bằng cách giơ một ngón tay lên.

Trong giây phút đó, không biết là lần thứ bao nhiêu tôi hứa với mình rằng sẽ không nhắc lại cho bất kì ai cả về việc mình bị ngất, lẫn về con ruồi nọ. Tôi chỉ mới bước đi cách đó vài bước đã nghe thấy giọng Lonia:

- Ôi, giá như cậu biết được chuyện gì đã xảy ra ở đây!... Thôi, tớ không thể nói lời nào với cậu. Nhưng nếu như cậu thề với tớ rằng cậu sẽ giữ bí mật...

Tôi chạy trốn vào bụi rậm xa nhất và cảm thấy ngượng ngùng. Nhưng, dù sao thì Zosia cũng...

Chúng tôi có mặt tại chỗ những cây mâm xôi bất hạnh đó khoảng một tiếng đồng hồ.

Khi trên đường từ đó về nhà, tôi phát hiện thấy sự thay đổi tình hình lớn lao. Zosia nhìn tôi với sự kinh sợ và tò mò, Lonia hoàn toàn không nhìn, còn tôi thì cảm thấy bối rối như mình vừa phạm tội giết người.

Khi chia tay chúng tôi, Lonia hôn Zosia thăm thiết, còn tôi - cô chỉ gật đầu chào. Tôi bỏ mũ xuống trước cô và nghĩ mình là một kẻ đê tiện lớn.

Sau khi Lonia rời đi, Zosia bắt đầu đồn đến tôi.

- Em mới biết những chuyện tuyệt đẹp! - Nó nói với thái độ nghiêm nghị.

- Anh đã làm gì à? - Tôi sợ hãi hỏi lại.

- Còn chuyện gì nữa? Trước tiên, anh đã ngất (Ôi, Chúa ơi, lúc đó em không có mặt...), nào - còn sau đó thì con ong hay ruồi gì đó... Thật khủng khiếp... Lonia thật khốn khổ! Em chắc sẽ chết vì ngượng.

- Nhưng anh có tội gì nào?- Tôi mạnh dạn hỏi.

- Kazio của em, - nó đáp - trước mặt em anh không cần giải thích, em có nói gì đến anh đâu. Nhưng bao giờ cũng vậy...

“Nhưng bao giờ cũng vậy...” - đấy là câu trả lời đối với tôi!... “Nhưng bao giờ cũng vậy” có nghĩa là, trong mọi chuyện tôi là người duy nhất có lỗi. Con ruồi chẳng là cái gì, Lonia, dù có kêu văng trời cũng chẳng là cái gì, chỉ có việc vì sao tôi lại chạy đến cứu giúp mới thành chuyện.

Đúng thật, nhưng tôi bị ngất để làm gì?...

Tôi không được an ủi. Ngày hôm sau, tôi hoàn toàn không đến công viên chỉ vì để không lộ diện trước Lonia, ngày thứ ba - cô ta lệnh cho tôi đến. Khi tôi đến, cô gật đầu chào từ xa và chỉ nói chuyện với Zosia, thỉnh thoảng mới ném ánh mắt kiêu ngạo và buồn rầu về phía tôi như nhìn kẻ tội phạm.

Đôi khi tôi nghĩ rằng đã xảy ra sự bất công nào đó đối với tôi. Ngay lập tức, tôi dập tắt những nghi ngờ như vậy bằng cách nói với mình rằng thực sự tôi đã làm ra chuyện gì đó kinh khủng. Lúc bấy giờ, tôi vẫn còn chưa biết phương pháp như vậy là đặc tính của phép luận lí đàn bà.

Trong khi đó, các cô gái đi dạo công viên với những bước đi trịnh trọng và không hề nghĩ gì đến chuyện nhảy dây, chỉ thăm thì gì đó với nhau. Bỗng nhiên, Lonia dừng bước và nói bằng giọng đau đớn:

- Zosia biết không, tớ muốn ăn quả móc đen ghê gớm... Mùi vị nó thơm lừng...

- Thế thì chốc nữa tôi mang đến ngay. - Tôi vội vã lên tiếng - Tôi biết một chỗ ở trong rừng có rất nhiều móc.

- Cậu chịu vất vả ư?... - Lonia đáp và nhìn tôi bằng cái nhìn buồn rầu.

- Điều đó có nghĩa gì? Cứ để anh ấy đi, nếu muốn. - Zosia chêm vào.

Tôi đi thật vội vàng, ở trong vườn tôi cảm thấy ngột thở vì chừng ấy sự đông đảo. Vượt qua nhà bếp, tôi nghe thấy các cô gái cười và khi miễn cưỡng nhìn qua hàng rào, tôi nhận thấy rằng họ đang vui vẻ nhảy dây. Rõ ràng là chỉ trước mặt tôi họ mới giữ vẻ mặt đẹp đẽ như vậy.

Trong nhà bếp có tiếng ồn ào khủng khiếp. Người mẹ của Walek đang khóc lóc và quỳ gối, còn bà Salusia thì mắng chửi bà ta vì Walek đã làm vỡ cái đĩa.

- Tôi đã cho con chó ấy, - người rửa bát rên lên - cái đĩa để nó liếm, còn nó nhảy đến vồ lấy làm đĩa rơi xuống đất và lại còn chạy trốn. Ôi, nếu như hôm nay tao không giết chết mày thì tao sẽ chặt tay chân đi...

Còn sau đó thì gọi:

- Walek!... Mày đến ngay đây, đồ chó chết, tao sẽ cho mày một trận để mày không còn dám bén mảng đến đây nữa.

Tôi cảm thấy thương thằng bé và muốn làm dịu bớt sự việc. Nhưng tôi nghĩ có thể làm điều đó sau khi từ rừng về cũng được, có lẽ ban đêm Walek mới xuất hiện ở nhà bếp, và - tôi đi theo hướng của mình.

Rừng nằm cách trại ập khoảng nửa tiếng đồng hồ, cũng có thể xa hơn. Ở đó mọc các cây sồi, thông, dẻ, còn dâu rừng và móc đen thì nhiều đến mức tha hồ, ai muốn hái bao nhiêu tùy sức. Ở bìa rừng, bọn mục đồng đã hái tương đối, trong rừng sâu thì đầy rẫy, chúng chiếm những vạt đất giống như cả sân nhà.

Khi đến khu vực đó, tôi hái móc rừng đầy mũ và đầy cả chiếc khăn tay, bản thân cũng chỉ ăn một chút, bởi tôi khá vội. Mặc dù vậy, cũng phải mất một tiếng đồng hồ hoặc lâu hơn nữa đã trôi qua khi tôi mang được những chiến lợi phẩm đó quay về đến nhà. Tôi không đi thẳng, mà kéo dài đoạn đường thêm ra, vì ý muốn được tản bộ dọc theo rừng đã níu kéo tôi lại.

Khi bạn đi về phía bụi rậm, cây cối rõ ràng là nhường bước cho bạn, cứ như là chúng dọn chỗ. Nhưng cứ thử vừa tiến lên phía trước vừa quay đầu lại xem. Cây cối sẽ chia cành ra cho nhau như những bàn tay, thân cây xích dần tới thân cây, sau đó thậm chí bắt đầu chạm vào nhau và bạn sẽ không để ý khi nào đằng sau bạn mọc lên cả một bức tường sắc sỡ, sâu hút, không qua được...

Không có gì dễ hơn là lạc lối lúc đó. Bạn đến đâu chỗ nào cũng giống hệt nhau, chỗ nào cây cối cũng vén ra phía trước bạn. Bạn bắt

đầu vội vã, chúng cũng sẽ vội vã phía sau bạn nhằm cắt ngang đường về. Bạn dừng lại - chúng cũng dừng lại và một mỗi phe phẩy cành lá như chiếc quạt. Bạn quay đầu sang phải và trái tìm đường, và bạn sẽ thấy rằng một số cây cối ẩn nấp phía sau những cây khác như muốn chứng tỏ rằng chúng có ít hơn so với ý nghĩ của bạn.

Ôi! Rừng, đó là điều nguy hiểm. Tại đó mỗi con chim đều do thám, bạn đi đâu, mỗi chiếc lá đều muốn chặn lối bạn, và khi không thể, thì ít nhất chúng cũng thầm thì báo cho bọn khác về bạn. Rõ là rừng đang nhớ nhung khuôn mặt con người và sau một lần nhìn thấy sẽ dùng mọi thủ đoạn để giữ nó lại mãi mãi.

Mặt trời đã chệch về phương tây khi tôi ra được đến cánh đồng. Cách đó vài trăm bước, tôi gặp thẳng Walek. Nó đi nhanh về phía rừng, vừa đi vừa chống chiếc gậy cao.

- Mày đi đâu đấy? - Tôi hỏi nó.

Nó không chạy trốn trước tôi. Nó dừng lại và vừa chỉ bàn tay vàng vọt về phía rừng vừa đáp khê khàng:

- Hê! Hê!...

- Sắp tối rồi, về nhà ngay đi.

- Khi mà mẹ tôi đang muốn giết chết tôi...

- Đi với tao thì bà ấy sẽ không đánh mày đâu.

- Ôi, bà ấy sẽ giết!...

- Nào, đi thôi, mày sẽ thấy là bà ấy không làm gì mày đâu. - Tôi nói và tiến gần hơn đến nó.

Thằng bé lùi lại, nhưng nó không chạy trốn; tôi cảm thấy rằng nó đang do dự.

- Nào, đi thôi...

- Nhưng tôi còn sợ...

Tôi lại tiến gần hơn, và nó tiếp tục lùi lại. Việc do dự và lùi lại của thằng bé hẳn thiêu làm tôi cáu bẳn. Ở đằng kia, Lonia đang chờ mồi rừng, còn thằng bé đang mặc cả với tôi chuyện quay về ư?... Tôi không có thời gian dành cho việc đó.

Tôi nhanh chóng đi về phía trại ấp. Có lẽ đã đi đến nửa đường về nhà, khi quay đầu lại, tôi nhìn thấy Walek ở trên đỉnh dốc dưới rừng. Nó cầm trong tay chiếc gậy của mình và nhìn theo tôi. Gió lay phất phơ tấm áo sơ mi xám, còn chiếc mũ thùng trong nắng chiều thì ánh lên trên đầu nó như một vòng hoa lửa.

Một cái gì đó chạm vào tôi. Tôi nhớ lại những người đầy tớ đã khuyên nó ra sao, rằng nó hãy cầm cây gậy trong tay và hãy đi vào thế giới. Điều đó đã xảy ra ư?... Không, nó có đến nỗi ngu ngốc như vậy đâu cơ chứ. Hơn nữa, tôi cũng không có thời gian để quay về chỗ nó, những trái móc rừng đang bị nát, còn ở đằng kia Lonia đang chờ...

Tôi vội vã đi về nhà và muốn đồ những trái móc ra sọt. Ở cửa ra vào, Zosia chào đón tôi bằng tiếng khóc thê thảm...

- Cái gì thế?...

- Bất hạnh. - Em gái tôi nói nhỏ - Mọi chuyện đều bại lộ... Cha bị mất việc ở chỗ bà chủ...

Móc rừng rút khỏi mũ và khấn tay tôi. Tôi vỗ lấy tay em gái.

- Zosia ơi, em nói cái gì?... Chuyện gì xảy ra với em thế?...

- Đúng như vậy. Bố đã mất việc. Lonia bí mật nói cho cô gia sư về con ong, còn cô gia sư nói với bà chủ... Khi bố đến dinh thì bà chủ ra lệnh ngay lập tức phải gửi anh về Sieldce. Nhưng bố nói rằng tất cả chúng ta cùng đi khỏi đây...

Nó bắt đầu khóc kinh khủng.

Trong giây phút ấy, tôi nhìn thấy cha tôi ở sân trong. Tôi chạy lại chặn đằng trước và quỳ ngay xuống chân ông không kịp thở.

- Cha kính yêu của con, con đã làm ra chuyện gì?... -Tôi thềm thì, vừa nói vừa ôm ngang đầu gối ông.

Cha tôi nâng tôi dậy, lắc đầu và đáp gọn lỏn:

- Đồ ngu, đi về nhà ngay.

Còn sau đó, ông nói như với chính mình:

- Ở đây có đốc công khác, kẻ đuổi chúng ta đi, bởi hăn nghĩ rằng người toàn quyền già sẽ không cho phép hăn chiếm toàn bộ gia sản của

đứa trẻ mồ côi. Và hẳn có lí.

Tôi đã đoán được rằng ông nói về chồng chưa cưới của bà chủ chúng tôi. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm hơn ở trong tim. Tôi hôn bàn tay gân guốc của cha và lên tiếng mạnh dạn hơn đôi chút:

- Cha ơi, chúng con ở chỗ bụi mâm xôi... Lonia bị con ong đốt...

- Mày ngu như con ong ấy. Đừng có kết nghĩa anh em với các cô nường thì sẽ không phải đi bắt ong và không làm rách quần lót dưới ao. Hãy đi về nhà và đừng có ra đứng ngoài ngưỡng cửa cho đến khi họ chưa đi khỏi đây.

- Họ ra đi?... -Tôi vừa kịp hỏi nhỏ.

- Vài ngày nữa họ đi Warszawa, và sẽ quay về khi chúng ta không còn ở đây nữa.

Buổi tối trôi qua buồn bã. Bữa cơm tối có món mì ống với sữa ngon tuyệt vời, nhưng không ai trong chúng tôi buồn ăn. Zosia lau mắt đỏ ngầu, còn tôi đặt ra những dự kiến tuyệt vọng.

Trước khi lên giường nằm ngủ, tôi rón rén bước vào phòng em gái.

- Zosia ơi, - tôi nói với nó bằng giọng cương quyết - anh... phải cưới Lonia làm vợ!

Nó nhìn tôi sợ hãi.

- Khi nào?...- Nó hỏi.

- Lúc nào cũng được.

- Nhưng bây giờ cha xứ quản hạt không cho phép các người cưới đâu, còn sau đó cô ấy ở Warszawa, còn anh ở Sieldce... Hơn nữa, bố sẽ nói sao, cả bà chủ nữa?...

- Anh thấy rằng em không muốn giúp anh. - Tôi đáp lời em gái và không thềm hôn để chúc nó ngủ ngon, tôi bước ra ngoài.

Từ giây phút đó, tôi không còn nhớ gì nữa. Bao nhiêu ngày và đêm trôi qua, còn tôi lúc nào cũng nằm trên giường, bên cạnh đó là em gái tôi, hoặc bà Wojciechowska, đôi lúc là người y sĩ. Tôi không biết liệu người ta có nói bên cạnh tôi, hay chỉ là do tôi mơ thấy, rằng Lonia đã đi khỏi đó và rằng Walek cũng biến đâu mất. Một lần, thậm chí tôi còn

cảm thấy phía trước mặt mình là khuôn mặt đầy nước mắt của người đàn bà rửa bát, kẻ vừa nức nở vừa hỏi:

- Cậu chủ ơi, cậu nhìn thấy Walek ở chỗ nào?...

Tôi?... Walek?... Tôi không hiểu gì cả. Sau này, tôi mới nghĩ ra rằng khi tôi hái quả móc ở trong rừng thì từ mỗi thân cây đều có ánh mắt của Walek nhìn mình. Tôi gọi, nó chạy trốn - tôi đuổi theo, nhưng không kịp. Cây rậm rạp níu kéo và đẩy tôi, bụi mâm xôi ngáng chân tôi, cây cối nhảy múa, giữa các thân cây đầy rêu vẫn thấp thoáng bóng áo sơ mi xám của thằng bé.

Nhiều khi tôi mơ ước rằng mình chính là Walek, rồi lại mơ Walek, Lonia và tôi tất cả chúng tôi đều là một người. Lúc đó, tôi luôn nhìn thấy rừng hoặc những bụi rậm, ai đó luôn gọi tôi đến cứu giúp, còn tôi-tôi không thể nhúc nhích khỏi chỗ nằm.

Thật kinh khủng vì những mất mát mà tôi gặp phải.

...

Khi tôi gượng dậy được khỏi giường thì đã hết kì nghỉ hè và đến lúc phải đến trường. Tôi còn ngồi ở trong nhà thêm vài ngày và mãi đến chuyển đi trước lễ Giáng sinh, buổi tối, tôi mới lò dò bước ra sân.

Trong dinh, các cửa sổ đều kéo màn che kín mít. Như vậy là thực sự họ đã ra đi?... Tôi đi xuống bếp để tìm Walek. Walek không có ở đó. Tôi hỏi mấy cô hầu về nó.

- Ôi! cậu chủ, - một cô đáp - không còn Walek nữa đâu...

Tôi sợ không dám hỏi thêm. Tôi đi ra công viên.

Chúa ơi, sao ở đây buồn thế... Không suy nghĩ gì, tôi lê bước dọc theo con đường mòn ẩm ướt, vì mới mưa cách đây chưa lâu. Cỏ đã úa vàng, ao cá càng rậm rạp hơn, trên thuyền nước ngập đầy. Con đường chính ở công viên có những vũng lầy lớn, trên đó bóng tối chiếm lĩnh. Đất đen ngòm, thân cây đen ngòm, cành cây trơ trọi, lá tàn úa. Nỗi buồn thấm đầy tâm hồn tôi và từ sâu thẳm đôi lúc lại nổi lên hình bóng nào đó. Lúc thì Jozio, lúc thì Lonia, lúc lại Walek...

Bỗng nhiên gió nổi lên, các ngọn cây bật tiếng ầm ầm và từ các cành cây lá lướt những giọt nước to như giọt nước mắt bắt đầu rơi lộp độp. Chúa đã nhìn thấy rằng cây cối đang khóc lóc. Tôi không biết, liệu chúng khóc vì tôi, hay vì các bạn bè thân thiết của tôi, nhưng chắc chắn rằng - chúng khóc cùng với tôi....

Khi tôi bước từ công viên ra, trời tối đen. Trong nhà bếp, bọn đầy tớ đã ăn tối, tôi nhìn thấy một bóng đàn bà như cái bếp trên cánh đồng. Trong ánh sáng không rõ ràng từ một dải mây hắt xuống mặt đất, tôi nhận ra người đàn bà rửa bát. Bà ta nhìn vào rừng và lầm bầm:

- Walek... Walek!... về nhà ngay... Ôi, mà chỉ mang đến cho tao những nỗi buồn phiền, ôi đồ khốn nạn, đồ khốn nạn...

Tôi vội chạy về nhà, bởi nghĩ rằng trái tim mình sẽ vỡ.

CHIẾC ÁO GHI LÊ

Một số người có ham thích thu lượm các vật đặc biệt, giá đắt hoặc rẻ tùy theo khả năng của mình. Tôi cũng có một bộ sưu tập, dù khiêm tốn, như thường thấy ở lúc ban đầu.

Đó là vở kịch mà tôi viết từ thời trung học trong tiết tiếng La tinh... Đó là vài bông hoa khô, những bông cần được thay mới, đó là...

Hình như không còn gì thêm nữa, ngoài một chiếc áo ghi lê rất cũ và đã rách.

Đây, nó đây. Phía trước bị phai màu, còn phía sau bị rách. Rất nhiều vết bẩn, không có cúc, bị thủng ở mép, chắc là cháy vì thuốc lá. Nhưng dải viền phía sau áo mới là điều thú vị nhất. Dải mà trên đó có móc khóa bị cắt ngắn và khâu vào áo ghi lê hoàn toàn không theo kiểu thợ may, còn dải thứ hai, hầu như trên toàn chiều dài, được chọc thủng bằng các răng móc khóa.

Nhìn vào đó, bạn lập tức có thể đoán ra chủ nhân của chiếc áo chắc mỗi ngày đều gầy đi và cuối cùng đạt đến độ mà chiếc áo ghi lê trở nên không cần thiết, nhưng lại rất cần để cài dưới cổ như một chiếc áo đuôi tôm của kho tàng lễ.

Tôi thú thật rằng hôm nay tôi sẵn sàng nhường lại cho ai đó mảnh giẻ này, thứ mang đến cho tôi chút ít phiền phức. Tủ chứa quần áo tôi vẫn chưa có, tôi cũng không muốn giữ lại chiếc áo ghi lê ồm yếu giữa các đồ vật của mình. Nhưng đã có thời gian tôi mua nó với giá cao hơn nhiều so với giá trị và thậm chí sẵn sàng trả giá cao hơn nữa, nếu như người ta biết mặc cả. Trong đời con người có những lúc thích bao bọc quanh mình bằng các đồ vật gợi lại nỗi buồn.

Nỗi buồn đó không làm tổ bên cạnh tôi, nhưng lại ở trong nhà những người láng giềng gần gũi. Từ cửa sổ, tôi có thể hằng ngày nhìn vào bên trong căn phòng nhỏ của họ.

Mới tháng Tư họ còn có ba người: người đàn ông, người đàn bà và cô hầu nhỏ, kẻ thường ngủ, như tôi biết, trên cái hòm nhỏ đặt sau chiếc tủ. Chiếc tủ màu anh đào thắm. Đến tháng Bảy, nếu như tôi nhớ không lầm, họ chỉ còn có hai người: người đàn bà và người đàn ông. Cô hầu đã chuyển đến chỗ cặp vợ chồng khác, những người trả cô ta ba rúp một năm và mỗi ngày đều nấu bữa trưa cho cô.

Tháng Mười chỉ còn lại người đàn bà, một mình đơn độc. Cũng không hoàn toàn đơn độc, vì trong phòng vẫn còn nhiều đồ đạc: hai cái giường, cái bàn, cái tủ... Đến đầu tháng Mười một, người ta bán đấu giá những đồ vật không cần thiết, và trong mọi kỉ niệm về người chồng quá cố, chỉ còn giữ lại bên cạnh người đàn bà chiếc áo ghi lê, thứ mà hiện tôi đang sở hữu.

Vào một ngày cuối tháng Mười một, người đàn bà gọi người chuyên buôn bán đồ cũ vào căn phòng trống của mình và bán cho hắn ta chiếc ô với giá hai zloty và chiếc áo ghi lê của người chồng để lại với giá bốn mươi xu. Sau đó, bà khóa cửa căn hộ, lặng lẽ đi qua sân trong, ở cổng bà trả chìa khóa cho người gác, đứng nhìn giây lát về phía ô cửa sổ xưa kia của mình, trên đó những cánh tuyết nhỏ đang rơi xuống, và - biến mất sau cổng.

Trên sân trong còn lại người buôn bán đồ cũ. Hắn nâng cái cổ lớn của chiếc áo khoác ngoài lên, nhét dưới nách cái ô mới mua và cầm chiếc áo ghi lê đã cuộn lại trong đôi tay đỏ vì lạnh, vừa đi vừa lầm bầm:

- Mua bán đây, các ngài ơi... Mua bán đây!...

Tôi gọi hắn.

- Ân nhân có cái gì bán phải không? - Hắn vừa đi vào vừa hỏi.

- Không, tôi muốn mua của anh một cái gì đó.

- Chắc hẳn ngài quyền quý muốn mua chiếc ô?... - Gã Do Thái đáp.

Hắn ném xuống đất cái áo ghi lê, rũ bụi khỏi cổ áo và cố gắng mở chiếc ô ra.

- Gỗ này tốt lắm!... - Hắn nói - Trời tuyết thế này thì chỉ loại ô này mới thích hợp... Tôi biết là ngài quyền quý có thể có chiếc ô bằng lụa,

thậm chí hai chiếc. Nhưng thứ đó chỉ tốt cho mùa hè!...

- Cái áo ghi lê anh muốn bao nhiêu? - Tôi hỏi.

- Cái áo ghi lê nào?... - Hăn đáp, vẻ ngạc nhiên, chắc là hăn nghĩ đến chiếc mình đang mặc.

Nhưng ngay lập tức, hăn tỉnh lại và nhanh chóng nhắc chiếc áo đang nằm dưới đất lên.

- Chiếc áo ghi lê này ư?... Ân nhân hỏi về chiếc áo ghi lê này à?...

Như cảm thấy có gì đó đáng ngờ, hăn hỏi:

- Ngài quyền quý cần chiếc áo ghi lê này làm gì?...

- Anh muốn bán nó giá bao nhiêu?

Mắt gã Do Thái trợn tròn, chồm mũi khoằm của hăn còn đỏ hơn trước.

- Ngài quyền quý cho tôi... một rúp! - Hăn vừa đáp vừa bày ra trước mắt tôi món hàng theo cách có thể khoe ra tất cả các ưu điểm của nó.

- Tôi trả anh nửa rúp.

- Nửa rúp?... Món đồ như vậy?... Không thể được!- Gã bán hàng nói.

- Không thêm xu nào nữa.

- Ngài quyền quý thật khéo đùa bỡn!... - Hăn nói và vỗ vào vai tôi. Bản thân ông biết đây là đồ có giá trị. Đây đâu phải áo dùng cho trẻ em, đây là đồ dùng cho người lớn...

- Thôi, nếu không thể bán với giá nửa rúp thì anh đi đi. Tôi không trả thêm đâu.

- Xin ông đừng giận! - Hăn ngắt lời và tỏ ra mềm lại - Theo lương tâm tôi thì nửa rúp tôi không thể, song tôi nghe theo lí trí của ngài... Bản thân ngài nói bao nhiêu thì tôi chấp nhận bấy nhiêu!... Tôi sẵn sàng bù thêm vào, chỉ cần chuyện này làm ngài vừa ý.

- Cái áo ghi lê đáng giá năm mươi xu, mà tôi trả anh nửa rúp.

- Nửa rúp?... Thôi thì nửa rúp!... - Hăn vừa thở dài vừa nhét chiếc áo ghi lê vào tay tôi- Thôi cứ để tôi chịu thiệt, chỉ mong từ miệng tôi không phun ra... cơn gió này!...

Và hắn chỉ tay về phía cửa sổ mà phía đằng sau có một đám tuyết đang bốc lên.

Khi tôi móc tiền để trả, gã con buôn chắc chợt nhớ đến chuyện gì, liền giằng lấy chiếc áo ghi lê trong tay tôi và vội vã lục soát các túi áo.

- Anh tìm cái gì ở đây thế?

- Có thể tôi đã để cái gì lại trong túi, tôi không nhớ! - Hắn đáp bằng giọng tự nhiên nhất, và vừa đưa trả lại tôi vật mua, vừa bổ sung - Ngài hãy trả thêm mười xu nữa cũng được!...

- Thôi, chúc mạnh giỏi! - Tôi vừa nói vừa mở cửa.

- Cúi xin ngài!... Trong nhà tôi còn một chiếc áo lông rất tốt nữa...

Và khuất sau góc nhà, hắn còn quay đầu lại hỏi:

- Có lẽ ngài quyền quý ra lệnh cho mang đến đây pho mát cừu chẳng?...

Vài phút sau, hắn lại rao ở sân trong:

- Mua bán đây! Mua bán đây!...

Khi tôi đứng ở cửa sổ, hắn cúi chào với nụ cười thân thiện.

Tuyết bắt đầu rơi dày đến mức trời gần như tối lại. Tôi đặt chiếc áo ghi lê lên bàn và bắt đầu lúc thì mơ về bà láng giềng, người đi khỏi cổng không biết về đâu, lúc thì mơ về căn nhà đang đứng trống không bên cạnh tôi, lúc lại mơ về người chủ của chiếc áo ghi lê mà trên mình càng lúc lớp tuyết đóng càng dày...

Mới cách đây ba tháng, tôi còn nghe thấy vào một ngày đẹp trời tháng Chín họ nói chuyện với nhau. Tháng Năm, bà thậm chí còn hát khe khẽ bài nào đó, ông thì vừa cười vừa đọc “Tờ tin ngày lễ”. Còn hôm nay...

Họ dọn đến nhà chung cư của chúng tôi đầu tháng Tư. Họ dậy tương đối sớm, uống chè từ chiếc ấm sắt tây samovar và cùng nhau đi vào thành phố. Bà đi dạy học, còn ông đến văn phòng.

Đó là một viên chức nhỏ, kẻ nhìn các thủ trưởng với sự ngạc nhiên như khách lữ hành nhìn lên dãy Tatry. Ngược lại, ông ta phải làm việc

rất nhiều, làm suốt ngày. Thậm chí tôi còn nhìn thấy ông ta vào nửa đêm bên cạnh ngọn đèn, cúi gập trên bàn.

Người vợ thường ngồi bên cạnh ông và may vá. Đôi lúc, bà nhìn ông, dừng công việc của mình lại và nói bằng giọng nhắc nhở:

- Thôi, đủ rồi đấy, anh nằm xuống ngủ đi.
- Thế còn em, khi nào đi ngủ?...
- Em... chỉ xong vài đường may nữa thôi...
- Thôi... thế thì anh cũng chỉ viết thêm vài dòng nữa...

Hai người họ lại cúi đầu làm việc của mình. Và sau một khoảng thời gian, người đàn bà lại nói:

- Đi nằm đi!... Đi nằm đi!...

Thỉnh thoảng đáp lại lời bà, chiếc đồng hồ của tôi điểm chuông một giờ.

Đó là những người trẻ tuổi, không đẹp cũng không xấu, nhìn chung là trầm tĩnh. Như tôi nhớ, người đàn bà rõ ràng là nhỏ nhắn hơn nhiều so với chồng, kẻ có thân hình khá to béo. Tôi có thể nói là ông ta quá béo so với một viên chức nhỏ như vậy.

Mỗi Chủ nhật, khoảng buổi chiều, họ đi ra ngoài dạo, vừa đi vừa nắm tay nhau và quay về nhà khá muộn. Chắc họ ăn trưa trong thành phố. Một lần tôi gặp họ ở chỗ cổng gần Vườn Thực vật và Công viên Nhà tắm. Họ mua hai cốc nước khoáng tuyệt hảo và hai chiếc bánh bèo to, có vẽ hình người dân thành thị đang bình thản ăn với cốc nước chè, khúc gừng nóng quệt tương cải cay.

Nói chung, những người nghèo không cần gì nhiều để giữ vững sự cân bằng tinh thần. Một chút thực phẩm, nhiều việc làm và nhiều sức khỏe. Mọi thứ còn lại tự đến bằng cách nào đó.

Những người láng giềng của tôi, hình như không thiếu thực phẩm và ít nhất cũng không thiếu việc làm. Nhưng sức khỏe không phải lúc nào cũng tốt.

Tháng Bảy, người đàn ông bị cảm lạnh, nhưng không nặng lắm. Mặc dù thế, thật không may là đồng thời ông ta lại bị xuất huyết mạnh đến

mức bất tỉnh không còn biết gì.

Lúc đó đã là đêm. Người vợ sau khi ôm ấp chồng trên giường đã gọi người gác đến phòng, còn bản thân mình thì chạy đi tìm bác sĩ. Bà biết năm người, song chỉ tìm được có một, mà đó lại là tình cờ, trên đường phố.

Bác sĩ nhìn thấy bà trong ánh đèn đường chập chờn, đã đi đến quyết định trước hết phải làm cho bà yên lòng. Do đôi lúc bà bước đi lảo đảo, chắc là do mệt mỏi, còn trên phố lại không có xe, nên ông đưa tay cho bà nắm và vừa đi vừa giải thích rằng xuất huyết cũng chưa phải là cái gì nghiêm trọng cả.

- Xuất huyết có thể do thanh quản, do dạ dày, do mũi, và rất hiếm khi do phổi. Hơn nữa, nếu như con người ta luôn khỏe mạnh từ trước đến nay, không bao giờ ho...

- Ôi, chỉ thỉnh thoảng! - Bà thì thầm, và dừng lại để lấy hơi.

- Thỉnh thoảng? Điều đó chưa là gì. Có thể bị cảm hàn nhẹ đường phế quản.

- Vâng... đó là cảm hàn! - Người đàn bà nhắc lại to hơn.

- Ông ấy chưa bao giờ bị viêm phổi?...

- Trái lại!... - Bà đáp và lại đứng lại.

Chân bà hơi lảo đảo.

- Có, nhưng chắc hẳn đã lâu lắm rồi phải không?... - Thầy thuốc chớp lấy.

- Ôi, lâu lắm rồi... lâu lắm rồi!... - Bà vội vàng xác minh - Từ mùa đông năm ngoái.

- Một năm rưỡi nay rồi.

- Không... Nhưng, trước Tết năm mới... Ô, lâu lắm rồi!

- A!... Sao đường phố tối thế, hơn nữa bầu trời lại bị che phủ... - Thầy thuốc nói.

Họ vào đến nhà. Người đàn bà lo lắng hỏi người gác: “Tình hình thế nào?” - và được biết rằng không có gì xảy ra. Trong nhà người gác

cũng nói với bà rằng không thấy gì, người ốm đang thiu thiu ngủ.

Thầy thuốc thận trọng đánh thức ông ta dậy, khám xong và cũng nói rằng không có gì.

- Ngay lúc đó tôi đã nói là không hề gì mà! - Người bệnh lên tiếng.

- Ô, không có gì!... - Người đàn bà nhắc lại và xiết chặt đôi bàn tay ướm dẫm mồ hôi của ông ta - Em biết là xuất huyết có thể là từ dạ dày hoặc từ mũi. Ở anh chắc là do mũi... Anh béo như vậy, cần hoạt động nhiều, thế mà lúc nào cũng ngồi... Có đúng như vậy không, thưa ngài bác sĩ, đúng là anh ấy cần hoạt động?...

- Đúng thế! Đúng thế!... Hoạt động nói chung là cần thiết, song phu quân của bà phải nằm vài ngày. Liệu có thể đi xuống nông thôn được không?

- Không thể... - Bà buồn rầu thì thầm.

- Thế thì thôi, không sao! Vậy hãy ở lại Warszawa. Tôi sẽ thăm nom ông ấy, còn bây giờ thì hãy nằm xuống và nghỉ ngơi.

- Nếu như lại xảy ra xuất huyết lần nữa... - Thầy thuốc bổ sung.

- Thì sao, thưa ông? - Người vợ hỏi, mặt trắng bệch như sáp nến.

- Thì, cũng không sao. Chồng bà nghỉ ngơi, chỗ đó sẽ thành sẹo...

- Ở chỗ đó... ở mũi ư? - Bà nói và chấp tay lại trước bác sĩ.

- Đúng rồi... ở trong mũi! Hiểu nhau như vậy. Bà hãy yên tâm, mọi thứ trông chờ vào Chúa. Chúc ngủ ngon.

Lời nói của bác sĩ làm cho bà yên tâm đến mức sau giây phút lo lắng xảy ra cách đó vài tiếng đồng hồ, bây giờ bà gần như vui vẻ hẳn lên.

- Nào, cái đó thì có gì lớn lao đâu! - Bà vừa nói, vừa cười và cũng vừa khóc chút ít.

Quỳ xuống bên cạnh giường người ốm, bà bắt đầu hôn khắp cánh tay ông.

- Có gì lớn lao đâu! - Ông nhắc lại khề khàng và mỉm cười - Biết bao nhiêu máu từ con người đổ ra trong chiến tranh, thế mà sau đó họ vẫn khỏe mạnh! ...

- Thôi anh đừng nói gì cả. - Bà nài xin ông.

Trên sân trời bắt đầu sáng. Vào mùa hè, như mọi người đều biết, đêm rất ngắn.

Cơ bệnh kéo dài rất lâu, không như người ta nghĩ. Người chồng không đến văn phòng nữa, điều mang đến cho ông ít phiền toái là với tư cách viên chức làm thuê, ông không cần phải xin nghỉ phép mà có thể quay trở lại khi ông thích và nếu như - vẫn tìm được chỗ làm. Khi ngồi ở nhà ông khỏe hơn, do đó mỗi tuần bà cố dạy thêm vài tiết học nữa và nhờ nó đã trang trải những nhu cầu của gia đình.

Thông thường bà đi ra thành phố lúc tám giờ sáng. Khoảng một giờ trưa, bà về nhà vài tiếng để nấu bữa trưa cho chồng, sau đó lại chạy khỏi nhà một lúc.

Đến tối thì họ lại có mặt cùng nhau. Để khỏi ngồi không, bà nhận thêm công việc may vá.

Cuối tháng Tám, bà gặp lại ông bác sĩ ở ngoài phố. Họ cùng đi với nhau khá lâu. Cuối cùng, bà cầm lấy tay bác sĩ và nói bằng giọng van xin:

- Nhưng thế nào ông cũng phải ghé đến chỗ chúng tôi. Có thể Chúa sẽ giúp đỡ!... Anh ấy tỏ ra yên tâm sau mỗi lần ông đến thăm như vậy...

Bác sĩ hứa, còn bà đi về đến nhà hình như còn khóc. Ông cũng vậy, vì buộc phải ngồi ở nhà, ông trở nên dễ hờn giận và mất niềm tin. Ông bắt đầu quở trách vợ rằng lo lắng thái quá đến ông, rằng dù sao thì ông cũng sẽ chết, và cuối cùng hỏi:

- Bác sĩ có nói với em rằng anh không qua nổi vài tháng nữa hay không?

Bà cứng đờ người.

- Anh nói gì thế? - Bà nói - Từ đâu anh nảy ra ý nghĩ ấy?...

Người ốm lao vào cơn giận dữ.

- Ôi, mọi người hãy đến với tôi, đến đây!... - Ông nói giận dữ, vừa nói vừa nắm lấy tay bà - Hãy nhìn thẳng vào mắt anh và trả lời: bác sĩ không nói với em như vậy ư?

Và ông găm vào bà ánh mắt nóng bỏng. Hình như dưới ánh mắt ấy bức tường sẽ nói ra điều bí mật nếu như nó đang chứa đựng.

Trên nét mặt người đàn bà lộ vẻ bình thản đến kì lạ. Bà ta nở nụ cười dịu dàng và chịu đựng cái nhìn hoang dại kia. Chỉ đôi mắt bà tràn trề nước mắt.

- Bác sĩ nói, - bà đáp - rằng không hề gì, chỉ có điều anh phải nghỉ ngơi đôi chút.

Người chồng bỗng nhiên buông tay bà ra, bắt đầu run rẩy và cười, sau đó phẩy tay, nói:

- Thôi nào, em thấy đấy, anh trở nên nóng nảy!... Chắc chắn anh cứ nghĩ rằng bác sĩ không tin vào anh... Nhưng... em đã làm cho anh tin.... bây giờ anh đã yên tâm rồi...

Và càng lúc ông ta càng cười to hơn trước những điều tưởng tượng của mình.

Sau đó, cuộc tấn công như vậy về những điều nghi ngờ đã không còn diễn ra lần nào nữa. Thái độ bình

thản dịu dàng của người vợ là sự chỉ dẫn tốt nhất cho người ốm rằng tình trạng của anh ta không hề tồi tệ.

Vì sao mà tình trạng đó lại trở nên tồi tệ cơ chứ?

Đúng ra là có ho, song - đó là do cảm hàn đường phế quản. Đôi lúc, vì ngồi lâu quá, xuất hiện máu - ở mũi chảy ra. Mà, ông cũng thỉnh thoảng bị giống như sốt nóng, nhưng đúng ra không phải là sốt, chỉ là tình trạng thần kinh nóng nảy.

Nói chung, ông cảm thấy ngày càng khỏe ra. Ông có niềm ham muốn hết sức mạnh mẽ đối với những chuyến du lịch xa, nhưng - sức ông hơi yếu. Đã có lúc xảy ra trường hợp là ban ngày không muốn nằm trên giường, ông ngồi trên ghế và mặc sẵn quần áo chuẩn bị ra ngoài, chỉ mong sao sự yếu đuối giây lát kia sớm rời khỏi ông.

Chỉ một chi tiết làm ông không yên lòng.

Một hôm, khi mặc áo ghi lê vào, ông cảm thấy hình như nó rộng thùng thình.

- Sao mình lại gầy đến như vậy?... - Ông thăm thì.

- Ồ, dĩ nhiên rồi, anh phải gầy đi một chút chứ. - Vợ ông đáp - Nhưng cũng không thể vì thế mà quá nghĩ ngợi...

Người chồng cảnh giác nhìn vợ. Bà thậm chí không rời mắt khỏi công việc. Không, sự bình thản ấy không thể là giả tạo được!... Người vợ biết từ bác sĩ, rằng ông không ốm đến mức trầm trọng, vì vậy không có lí do gì để lo sợ.

Đầu tháng Chín, tình trạng nóng nảy, giống như sốt nóng xảy ra mỗi lúc một mạnh thêm, gần như suốt cả ngày.

- Thực là ngu xuẩn! - Người ốm nói - Giai đoạn giao mùa từ hè sang thu, người khỏe nhất cũng gặp nổi tức giận gì đó, ai cũng không còn là mình nữa... Chỉ có điều làm anh ngạc nhiên: tại sao cái áo ghi lê mặc vào mình càng lúc càng rộng thùng thình như vậy?... Anh phải gầy đi ghê gớm lắm, và dĩ nhiên cho đến khi anh chưa khỏe lại thì người sẽ không béo ra được, đó là chuyện hão huyền!...

Người vợ chăm chú lắng nghe điều đó và phải thừa nhận rằng chồng nói có lí.

Người ốm hằng ngày đều ngồi dậy khỏi giường và mặc quần áo, mặc dù không có sự trợ giúp của vợ thì không thể mặc được vào mình bất cứ thứ gì. Bà chỉ quở trách rằng sao ông không mặc áo choàng ra ngoài mà chỉ mặc áo bành tô.

- Thật ngạc nhiên, - ông nói nhiều lần khi soi gương - thật ngạc nhiên, rằng anh không còn sức. Nhưng thử nhìn anh này!...

- Ôi, khuôn mặt luôn dễ dàng thay đổi.- Người vợ chen vào.

- Đúng vậy, chỉ có điều anh gầy đi trông thấy...

- Hay là anh tưởng tượng? - Người đàn bà hỏi với thái độ hết sức nghi ngờ.

Ông ta dẫn đo.

- A ha! Có lẽ em có lí... Vì thậm chí... từ mấy ngày nay anh cho rằng có gì đó... cái áo ghi lê của anh...

- Thôi cho em yên đi! - Người đàn bà ngắt lời- Rõ ràng là anh không gầy...

- Ai biết được? Nếu so với áo ghi lê, thì...

- Tức là trong trường hợp này anh phải khỏe ra.

- Ô hô! Em muốn nhanh như vậy... Trước hết anh phải tăng cân một chút đã. Thậm chí anh nói cho em biết, rằng dù cơ thể anh có tăng như trước thì không phải ngay lúc đó đã khỏe lên...

- Ồ mà em làm cái gì phía sau tủ vậy?... - Ông bỗng nhiên hỏi.

- Không. Em tìm trong hòm chiếc khăn mặt, em không biết... liệu nó còn sạch không.

- Đừng có cố sức quá như vậy, vì giọng em cũng thay đổi... Đó là chiếc hòm nặng mà...

Dĩ nhiên chiếc hòm phải rất nặng, bởi khuôn mặt người đàn bà đỏ ửng lên. Nhưng bà tỏ ra bình thản.

Kể từ lúc đó, người ốm càng lúc càng hướng sự chú ý đến chiếc áo ghi lê của mình. Cứ vài ngày ông lại gọi vợ đến chỗ mình và nói:

- Đây... Em nhìn xem. Tự em thấy là ngày hôm qua ở đây còn đưa được ngón tay vào, ồ, đây này... Thế mà hôm nay đã không đưa được vào. Anh thực sự đã lên cân rồi!...

Tuy nhiên, vào một ngày, niềm vui của người ốm không còn ranh giới nữa. Khi vợ từ trường về nhà, người chồng chào đón bà với ánh mắt sáng ngời và nói vô cùng xúc động:

- Em hãy nghe đây, anh nói cho em một bí mật... Với chiếc áo ghi lê này anh đã gian lận một chút, em thấy đấy. Để làm em yên tâm, hằng ngày tự anh rút lại dây ở lưng và vì thế - chiếc áo bị chật lại... Bằng cách đó, hôm qua anh kéo thắt lưng đến cuối. Anh đã lo sợ nghĩ rằng bí mật sẽ bị bại lộ, khi bỗng nhiên hôm nay... Em biết, anh sẽ nói gì?... Hôm nay, anh thề với em rằng thay cho việc thắt chặt thêm dây lưng, anh buộc phải nới rộng nó ra một chút!... Đúng ra thì nó phải chật đối với anh, mặc dù mới hôm qua còn tương đối rộng...

- Ôi, bây giờ thì cả anh cũng tin rằng anh sẽ khỏe... Bản thân anh tin!... Kệ cho bác sĩ nghĩ gì mà ông ta muốn...

Câu nói dài làm ông cố sức đến nỗi phải đi đến giường. Ở đó, với tư cách một người không kéo dây lưng mà bắt đầu tăng cân, ông không đặt mình nằm xuống được. Trên ghế bành, ông đã tựa người vào vòng tay ôm ấp của vợ.

- Nào, nào!... - Ông thăm thì - Ai ngờ như vậy chứ?... Suốt hai tuần tôi đánh lừa vợ tôi rằng chiếc áo ghi lê này chặt, còn hôm nay thì đúng là nó chặt thật!...

- Nào, nào!...

Và họ ngồi như vậy, người nọ ôm ấp người kia suốt cả buổi tối.

Người ốm tỏ ra cảm động như chưa bao giờ thấy.

- Chúa của tôi ơi! - Ông thăm thì và hôn hai tay vợ - Thế mà anh cứ nghĩ là anh sẽ gây cho đến... hết đời. Từ hai tháng nay, mãi đến hôm nay, lần đầu tiên, anh mới tin vào điều là anh có thể khỏe lại.

Bởi bên cạnh người ốm thì mọi người đều nói dối, và người vợ nói dối nhiều nhất. Nhưng cái áo ghi lê này - thì không dối trá được!...

...

Hôm nay, nhìn lại chiếc áo ghi lê cũ, tôi thấy rằng trên dải băng viền sau lưng nó có hai người đã làm việc. Người đàn ông - hằng ngày dịch chuyển móc khóa để làm yên lòng vợ, còn người đàn bà hằng ngày - rút bớt dây lưng để tiếp thêm lòng tin cho chồng.

“Liệu hai người họ có bao giờ cùng ngồi lại nói với nhau toàn bộ bí mật về chiếc áo ghi lê không nhỉ?...” - Tôi nghĩ và nhìn lên bầu trời.

Bầu trời hầu như không còn trên mặt đất. Chỉ có tuyết dày đặc và lạnh lẽo rơi đến mức thậm chí trên các nấm mộ tro hỏa táng người cũng đóng thành băng.

Nhưng có ai sẽ nói rằng đằng sau những đám mây kia không có ánh mặt trời?...

ĐÀN QUAY

Trên phố Miodowa, hăng ngày, khoảng gần trưa có thể gặp một quý ông đứng tuổi, đi từ quảng trường Krasinski về phố Senatorska. Mùa hè, ông mặc chiếc áo bành tô thanh nhả màu tím than, quần màu tro do thợ may hạng nhất may, đi đôi giày bóng loáng như gương và đội chiếc mũ hình trụ màu hơi xám.

Quý ông có bộ mặt hồng hào, râu quai nón màu xám và đôi mắt bạc dịu dàng. Ông bước đi người hơi cúi, hai tay đút túi. Ngày đẹp trời, ông cắp chiếc ba toong dưới nách; ngày nhiều mây, ông cầm chiếc ô lụa Anglê.

Lúc nào ông cũng có vẻ đắm chiêu suy nghĩ và bước đi khoan thai. Đến gần nhà thờ Các thánh Kapucyni, ông ngả mũ đội đầu với vẻ ngoan đạo và bước sang bên kia phố để nhìn ở chỗ “Quân bài Bích” xem phong vũ biểu và nhiệt kế chỉ bao nhiêu, sau đó quay trở về bên phải đường, rồi dừng lại trước tủ kính Mieczkowski xem các bức ảnh của Modrzejewski - và đi tiếp.

Trên đường, ông nhường bước cho bất kì ai, còn khi bị va đụng thì mỉm cười thân thiện.

Khi thấy phụ nữ đẹp, ông đeo kính cặp mũi vào nhìn chăm chú. Nhưng vì làm việc đó với vẻ lạnh lùng, nên ông thường phải thất vọng.

Quý ông đó là ngài Tomasz.

Đã ba chục năm nay, ngài Tomasz đi trên phố Miodowa và không ít lần ông nghĩ rằng trên phố ấy, nhiều vật đã thay đổi. Con phố Miodowa cũng có thể nghĩ về ông giống hệt như vậy.

Khi còn là luật sư bào chữa, ông chạy nhanh đến mức bất cứ cô thợ may nào cũng không chạy trốn nổi ông trên đường từ cửa hàng về nhà. Ông vui vẻ, hay chuyện, thẳng thắn, có mái tóc dày và bộ ria mép xoắn vĩnh thẳng lên trên. Lúc bấy giờ, nghệ thuật có gây ấn tượng đối với ông, nhưng ông không dành thời gian cho nó, vì ông say mê đàn bà.

Đúng ra là ông có duyên với họ và không ngừng được mối lái. Nhưng cái đó thì mang lại điều gì, khi ngài Tomasz không bao giờ có thể tìm được giây phút nào để cầu hôn, nếu không bận vì công việc thì vì các cuộc hẹn hò. Từ chỗ cô Frania, ông đi đến tòa án, từ tòa án chạy về cô Zosia, và trước buổi tối phải rời xa cô ấy, để còn ăn tối với cô Józia và Filka.

Khi trở thành trạng sư, do làm việc trí óc căng thẳng, cái trán ông cao lên tới tận đỉnh đầu, còn trên ria mép xuất hiện vài sợi bạc. Lúc bấy giờ, ngài Tomasz đã từ bỏ tính nóng nảy của tuổi trẻ, ngài có gia tài và nổi tiếng là người thông thạo nghệ thuật. Vì vẫn yêu đàn bà, ngài bắt đầu nghĩ về hôn nhân. Thậm chí, ngài còn thuê căn hộ bao gồm sáu phòng, bỏ tiền ra mua tấm lát sàn, trải thảm, lắp đồ gỗ đẹp và tìm vợ.

Tuy nhiên người lớn tuổi khó chọn lựa. Cô này trẻ quá, còn với cô kia thì ông đã đeo đuổi quá lâu rồi. Cô thứ ba có nhan sắc và độ tuổi thích hợp, nhưng lại không có tính khí thích hợp, còn cô thứ tư có nhan sắc, độ tuổi và tính khí cần thiết, nhưng... không chờ đến lúc ông trạng sư cầu hôn, đã lấy ông bác sĩ...

Tuy nhiên, ngài Tomasz không lo lắng, thiếu gì các cô gái chưa chồng. Ngài từ tốn trang bị cho mình, càng lúc càng quan tâm nhiều hơn đến việc sao cho từng chi tiết trong căn hộ của mình đều mang giá trị nghệ thuật. Ngài thay thế đồ gỗ, chuyển dịch các tấm gương soi, mua thêm các bức tranh.

Cuối cùng, cách bài trí của ngài trở nên nổi tiếng. Bản thân ngài không biết từ lúc nào đã tạo ra ở chỗ mình một phòng trưng bày các tác phẩm nghệ thuật, nơi càng lúc càng nhiều người tò mò đến tham quan. Vốn là người hiếu khách, ngài tổ chức các cuộc tiếp đón rất hoàn hảo và giữ quan hệ với những người chơi nhạc. Vì vậy, thỉnh thoảng các buổi hòa nhạc tối được tổ chức ở chỗ ngài, những buổi ấy thường có sự hiện diện của các quý bà.

Ngài Tomasz luôn sẵn sàng đón tiếp mọi người. Khi nhìn trong gương thấy trán mình đã cao lên tới tận đỉnh đầu và vươn ra phía sau,

tới tận cổ áo trắng như tuyết, càng lúc ngài càng nhớ nhiều hơn đến chuyện dù sao thì cũng phải lấy vợ. Hơn nữa, đối với đàn bà ngài vẫn cảm thấy nhiệt tình.

Một lần, khi ngài tiếp đón nhóm người đông hơn thường lệ, một trong số các bà trẻ tuổi, sau khi nhìn ngắm các phòng khách, liền lên tiếng:

- Ôi, những bức tranh tuyệt vời... Ôi, tấm lát sàn mới phẳng làm sao!... Vợ ngài trạng sư sẽ vô cùng hạnh phúc.

- Nếu như để đạt được hạnh phúc chỉ cần những tấm lát sàn phẳng. - Người bạn thân của trạng sư lên tiếng thăm thì.

Trong phòng khách, không khí thật vui vẻ. Ngài Tomasz cũng cười, nhưng kể từ lúc đó, khi ai nhắc đến hôn nhân, ngài chỉ phẩy tay với vẻ lười biếng và nói:

- Ê!...

Trong những ngày ấy, ngài cạo ria mép và để râu quai nón. Nói về đàn bà ngài luôn tỏ ra trọng thị, còn đối với những khiếm khuyết của họ thì ngài rất khoan dung.

Khi không còn mong đợi điều gì từ thế giới bên ngoài, ngay cả nghề nghiệp ngài cũng đã vứt bỏ, ngài trạng sư dành toàn bộ tình cảm lãng động của mình cho nghệ thuật. Bức tranh đẹp, buổi hòa nhạc hay, buổi trình diễn mới của nhà hát đã trở thành những cột mốc trong cuộc đời ngài. Ngài không bùng cháy, không bay bổng, mà ngài thưởng thức.

Tại các buổi hòa nhạc, ngài chọn chỗ ngồi cách xa sân khấu để nghe nhạc, đồng thời để không nghe thấy tiếng ồn ào và không nhìn thấy nghệ sĩ. Khi đi xem hát, ngài đọc trước kịch bản, để không cần quá tò mò vẫn theo dõi được diễn xuất của các diễn viên. Ngài ngắm nghía các bức tranh khi có ít người xem nhất và đăm đuôi hàng tiếng đồng hồ trong các cuộc trưng bày.

Nếu như có cái gì đó làm ngài thích, ngài sẽ nói:

- Các ngài biết không, cái này thật là đẹp.

Ngài thuộc số ít người coi tài năng là trên hết. Tuy vậy, ngài không bao giờ lên án những tác phẩm kém cỏi.

- Hãy đợi đấy, có thể anh ta sẽ còn phát triển! - Ngài nói khi những người khác chê bai nghệ sĩ.

Và lúc nào ngài cũng có lòng khoan dung đối với những khiếm khuyết của con người, còn về những điều lầm lỗi thì ngài không nói đến.

Thật không may, không một người trần mắt thịt nào lại không có cái gì đó gọi là trái tính, ngài Tomasz cũng có điều khó hiểu của mình. Đó là ngài chúa ghét những người chơi đàn quay và chiếc đàn quay.

Khi nghe thấy tiếng đàn quay ngoài phố, ngài trạng sư vội rảo bước và vài tiếng đồng hồ sau, ngài vẫn cảm thấy mất vui. Ngài Tomasz, con người vốn điềm tĩnh là vậy - bỗng bùng nổ, vẫn thường lặng lẽ là vậy - bỗng hét to, vốn dịu dàng là vậy - bỗng tỏ ra tức giận khi nghe tiếng đàn quay ập đến.

Ngài không giữ bí mật trước bất cứ người nào về sự yếu đuối đó của mình, thậm chí còn thanh minh.

- Âm nhạc- ngài xúc động nói- là loại hình tinh tế nhất của tinh thần, còn trong đàn quay, tinh thần đó đã thoái hóa biến thành một cái máy và công cụ cướp bóc. Bọn người chơi đàn quay chẳng qua chỉ là kẻ cướp! Hơn nữa, - ngài nói tiếp - đàn quay làm tôi tức giận, tôi chỉ có một cuộc sống, cuộc sống đó không cho phép tôi phung phí để nghe loại nhạc ghê tởm.

Có kẻ ác ý biết về sự ghê tởm của vị trạng sư đối với “cái máy chơi nhạc” đã nghĩ ra trò đùa tếu và... xui hai gã chơi đàn quay đến dưới cửa sổ của ngài. Ngài Tomasz phát ốm vì tức giận, và sau khi tìm ra thủ phạm, ngài đã gọi hãn ra quyết đấu.

Người ta đã phải lập cả một phiên tòa danh dự để ngăn chặn đổ máu vì chuyện tưởng chừng nhỏ bé như vậy.

Căn nhà mà ngài trạng sư ở đã chuyển mấy lần từ tay người này sang người khác. Đương nhiên là mỗi chủ nhân mới đều cho mình có nghĩa

vụ tăng tiền thuê đối với mọi người, và trước hết đối với ngài Tomasz. Trạng sư chấp nhận trả tiền tăng, song với điều kiện ghi rõ ràng trong hợp đồng là đàn quay sẽ không được chơi ở trong nhà.

Ngoài những điều kiện đặt trước đã ghi trong hợp đồng, ngài Tomasz còn gọi từng người gác mới đến nhà mình và có cuộc trò chuyện với anh ta đại loại như sau:

- Này anh bạn thân mến... À, mà tên anh là gì nhỉ?...

- Kazimierz, thưa ngài.

- Kazimierz ơi, nghe này! Cứ mỗi lần tôi về nhà muện anh mở cổng thì sẽ nhận được hai mươi xu. Anh hiểu chứ?...

- Tôi hiểu, thưa ngài quyền quý.

- Ngoài ra, anh sẽ nhận được ở tôi mười zloty mỗi tháng, anh biết vì sao không?...

- Tôi không thể biết, thưa ngài quyền quý.- Người gác xúc động trả lời.

- Là để không bao giờ anh cho đàn quay vào trong sân chơi. Anh hiểu không?...

- Tôi hiểu, thưa ngài quyền quý.

Căn nhà của trạng sư bao gồm hai phần. Bốn phòng lớn có cửa sổ nhìn ra đường phố, hai phòng nhỏ - nhìn ra sân trong. Phần trang trọng của căn hộ dành cho khách khứa. Trong đó thường diễn ra các buổi tiệc lớn, tiếp đón các đương sự và những người ruột thịt hoặc người quen biết của ngài trạng sư từ quê lên. Bản thân ngài rất hiếm khi xuất hiện ở đó và chỉ đến để kiểm tra xem tấm lát sàn đã được đánh bóng, hoặc đã hút sạch bụi chưa hay đồ gỗ có bị hỏng chỗ nào không.

Còn suốt ngày dài, nếu như không có việc phải đi ra ngoài, ngài thường ngồi trong căn phòng nối với sân trong. Tại đó ngài đọc sách, viết thư hoặc nghiên cứu tài liệu của người quen nhờ cho ý kiến khuyên bảo. Còn khi không muốn đọc nhiều hại mắt, ngài ngồi trên ghế bành đối diện cửa sổ và vừa chiêm diếu xì gà vừa đắm mình trong suy ngẫm.

Ngài biết rằng việc suy nghĩ là chức năng quan trọng của cuộc sống, điều mà con người không nên coi thường nếu quan tâm đến sức khỏe.

Ở phía bên kia sân trong, ngay đối diện với các ô cửa sổ của ngài Tomasz có một căn hộ được những người không giàu có lăm thuê. Một viên chức tòa án già sống ở đó trong một thời gian dài, sau khi bị giảm biên chế đã chuyển sang Praga. Sau ông ta, một thợ may thuê lại các căn phòng nhỏ đó, song vì thỉnh thoảng hắn ta lại thích say sưa và làm ồn, nên người ta không cho hắn thuê nữa. Tiếp theo, một bà già đã về hưu dọn đến đây, bà ta lúc nào cũng cãi nhau với người hầu của mình. Nhưng kể từ Lễ thánh Jan, những người ruột thịt đã đưa bà già về quê, bất chấp thói quen hay cãi nhau của bà, mặc dù bà đã rất yếu nhưng hoàn toàn sung túc. Sau đó, hai người phụ nữ với một bé gái, có lẽ khoảng tám tuổi lại dọn đến căn phòng đó.

Những người phụ nữ đó tự nuôi sống mình bằng công việc. Một người khâu vá, người thứ hai may bút tất dài và áo ngắn mặc ngoài. Cô bé gọi người phụ nữ trẻ và đẹp hơn là mẹ, còn người già hơn là bác.

Ở nhà trạng sư và ở nhà những người thuê mới, các cửa sổ suốt cả ngày đều để mở. Vì vậy, khi ngài Tomasz ngồi trên ghế bành của mình có thể nhìn thấy rất rõ cái gì xảy ra ở chỗ các bà láng giềng.

Tại đó, các đồ dùng đều nghèo nàn. Trên bàn và ghế, trên tràng kỉ và tủ thấp chất đầy các loại vải dùng để may và các cuộn vải bông làm bút tất dài.

Ngay từ sáng sớm, đám đàn bà đã tự quét dọn nhà, còn khoảng gần trưa, một người làm công mang đến cho họ bữa ăn trưa không lấy gì làm thịnh soạn. Hơn nữa, mỗi người trong số họ đều gần như không rời khỏi chiếc máy khâu lọc cọc của mình.

Cô bé thường ngồi bên cạnh cửa sổ. Đó là một đứa bé tóc đen và khuôn mặt xinh đẹp, song nhợt nhạt và bất động thế nào ấy. Đôi lúc, với hai que đan, cô bé đã làm ra một dải thắt lưng từ những sợi vải bông. Thỉnh thoảng, nó chơi với búp bê, chậm rãi mặc và cởi quần áo

cho búp bê, hình như khá khó khăn. Đôi lúc, nó không làm gì cả, chỉ ngồi bên cửa sổ lắng tai nghe ngóng gì đó.

Ngài Tomasz chưa bao giờ nhìn thấy đứa bé hát hoặc chạy nhảy trong phòng, thậm chí không nhìn thấy nụ cười nào nở trên đôi môi nhợt nhạt và khuôn mặt bất động.

- Đứa bé kì lạ! - Trạng sư nói với mình và bắt đầu quan sát nó chăm chú hơn.

Một lần, vào Chủ nhật, ngài phát hiện thấy rằng người mẹ đưa cho đứa bé một bó hoa nhỏ. Cô bé tỏ ra sống động hơn một chút. Nó bỏ các đóa hoa ra xếp lại, rồi hôn những đóa hoa ấy. Cuối cùng, nó buộc bó hoa lại đặt vào cốc nước và sau khi ngồi xuống bên cửa sổ, nó liền nói:

- Đúng nhỉ, mẹ ơi, ở đây thật là buồn...

Ngài trạng sư ngạc nhiên. Sao lại có thể buồn trong căn nhà mà suốt chừng ấy năm ngài vẫn cảm thấy vui vẻ cơ chứ!

Một hôm, vào khoảng gần bốn giờ chiều, ngài trạng sư có mặt trong phòng làm việc của mình. Giờ đó mặt trời ở đối diện căn hộ những người láng giềng của ông và đang chiếu ánh nắng chói chang, nóng rực. Ngài Tomasz nhìn sang phía sân bên kia và rõ ràng là đã thấy một cái gì đó kì lạ, ngài vội vàng đeo chiếc kính cận mũi lên sống mũi.

Đây là điều ngài phát hiện thấy:

Cô bé tiều tụy dựa đầu lên tay, nằm gằn như ngựa trên cửa sổ của mình và mở to cả hai mắt nhìn thẳng vào mặt trời. Trên mặt nó, thông thường không co giãn, bây giờ bỗng xuất hiện những cảm giác: như là vui mừng, như là tiếc nuối...

- Cô bé không nhìn thấy được! - Trạng sư thầm thì và bỏ kính cận mũi ra.

Trong giây phút này, ông cảm thấy như có cái gì đó đâm vào mắt với ý nghĩ rằng một người nào đó có thể nhìn thẳng vào mặt trời, thứ phun ra ngọn lửa thực sự.

Quả vậy, cô gái đã bị mù từ hai năm nay. Năm lên sáu tuổi, cô nhiễm chứng bệnh sốt nóng, mấy tuần liền không tỉnh dậy, và sau đó bị mất

sức đến mức phải nằm như chết, không động đậy và nói năng gì.

Người ta cho cô bé uống rượu vang và các loại nước thịt bò, vì vậy dần dần cô đã tỉnh lại. Nhưng ngày đầu tiên, khi người ta đặt cô lên gối, cô thì thầm với mẹ:

- Mẹ ơi, đang là ban đêm phải không?...
- Không, con của mẹ... Tại sao con lại nói như vậy?

Cô bé không đáp lại: cô buồn ngủ. Chỉ có điều ngày hôm sau, vào buổi chiều bác sĩ đến khám, cô lại hỏi:

- Có phải vẫn là đêm không?...

Lúc bấy giờ, người ta hiểu rằng cô bé không nhìn thấy được. Bác sĩ khám mắt cho cô và đưa ra ý kiến rằng cần chờ đợi.

Nhưng người ốm càng khỏe hơn thì càng lo lắng hơn về sự tàn tật của mình...

- Mẹ ơi, tại sao con không nhìn thấy mẹ?...
- Mắt con bị màng che. Nhưng sẽ qua khỏi thôi.
- Bao giờ thì qua khỏi?...
- Không lâu đâu.
- Có thể là ngày mai, có phải không mẹ?
- Vài ngày nữa, con gái yêu của mẹ.
- Nếu nó qua đi thì mẹ nói ngay với con nhé. Bởi con rất buồn!...

Ngày trôi qua, rồi tuần trôi qua trong sự nóng lòng chờ đợi. Cô bé đã bắt đầu đứng dậy từ giường. Cô học đi mò mẫm trong phòng, tự mình mặc và cởi quần áo một cách chậm chạp và thận trọng.

Tuy nhiên, thị giác đã không trở lại với cô.

Một lần, cô nói:

- Mẹ ơi, con mặc chiếc váy màu xanh da trời có đúng không?...
- Không, con ơi, con mặc váy màu tro.
- Mẹ nhìn thấy nó ư?
- Mẹ nhìn thấy, con yêu của mẹ.
- Như thế ban ngày chứ?

- Đúng thế.

- Con cũng sẽ nhìn thấy mọi thứ sau vài ngày nữa đúng không?... Không, có thể sau một tháng nữa...

Người mẹ không đáp lại, vì vậy, cô hỏi tiếp:

- Mẹ ơi, ở ngoài sân luôn luôn là ban ngày có phải không?... Còn trong vườn là cây cối giống như ngày xưa?... Có phải con mèo trắng có những cẳng chân đen ngòm vẫn đi đến chỗ chúng ta hay không?... Mẹ ơi, con đã từng nhìn thấy mình trong gương có đúng không nhỉ?... Ở đây không có gương à?...

Người mẹ đưa gương cho cô bé.

- Phải nhìn ở chỗ này, ở đây, chỗ nhãn ấy. - Cô bé vừa nói vừa áp gương vào mặt - Con không nhìn thấy gì cả! Thế cả mẹ nữa có nhìn thấy con ở trong gương không?

- Mẹ nhìn thấy con, con chim non của mẹ.

- Bằng cách nào?... - Cô gái buồn bã lên tiếng - Rõ ràng là nếu như con không nhìn thấy mình, thì trong gương ấy phải không có gì... Còn cái đứa ở trong gương ấy liệu có nhìn thấy con hay không?

Người mẹ bật khóc và chạy ra khỏi phòng.

Công việc yêu thích nhất của kẻ tàn tật là chạm tay vào những đồ vật nhỏ bé và nhận biết chúng.

Một hôm, người mẹ mang đến cho nó con búp bê làm bằng sứ, mặc quần áo đẹp, giá một rúp. Cô bé không rời tay khỏi con búp bê, sờ mũi, miệng, mắt và vuốt ve âu yếm nó.

Cô bé đi ngủ rất muộn, lúc nào cũng nghĩ về con búp bê của mình và cô đã đặt nó trong chiếc hộp có đệm bông.

Giữa đêm, người mẹ bị tiếng rì rào nhỏ làm tỉnh giấc. Bà bật dậy khỏi giường, thắp nến lên và nhìn thấy ở góc phòng con gái mình đã ăn mặc đàng hoàng đang chơi với con búp bê.

- Con làm gì thế, con gái? - Bà lên tiếng - Tại sao con không ngủ?

- Bởi bây giờ đã là ban ngày, thưa mẹ. - Đứa bé tàn tật đáp.

Đối với nó, ngày và đêm pha trộn với nhau làm một và kéo dài vô tận...

Trí nhớ về cảm giác thị giác dần dần mất đi trong cô bé. Quả anh đào đỏ với cô bé trở thành quả anh đào nhẵn nhụi, tròn trịa và mềm mại; đồng tiền sáng lóng lánh trở thành cái vòng nhỏ cứng và phát ra tiếng kêu leng xeng, trên đó khắc chạm nổi những dấu gì đó. Cô biết rằng căn phòng lớn hơn cô, ngôi nhà lớn hơn căn phòng, đường phố lớn hơn ngôi nhà. Nhưng mọi thứ đó cứ nhỏ lại trong trí tưởng tượng của cô.

Sự chú ý của cô hướng đến giác quan xúc giác, khứu giác và thính giác. Mặt và tay cô đã có được sự nhạy cảm đến mức khi đến cách tường vài tấc, cô đã cảm thấy một chút khí lạnh. Những hiện tượng ở xa tác động đến cô chỉ qua thính giác. Chính vì vậy, cô chú ý lắng nghe suốt ngày.

Cô nhận ra bước chân chậm chậm, đều đều của người gác cổng nói giọng lí nhí đang quét sân. Cô biết khi nào chiếc xe thang chở cây của người nông dân đi qua, khi nào - xe ngựa chở người, còn khi nào - xe ngựa chở rác.

Tiếng thì thầm nhỏ nhất, mùi vị, không khí lạnh hay nóng lên không qua khỏi sự chú ý của cô. Với sự nhanh nhạy đến khó hiểu, cô nắm bắt được những hiện tượng ấy và từ đó đưa ra kết luận.

Một lần, người mẹ gọi cô hầu.

- Không có cô Janowa đâu. - Cô bé tàn tật nói và vẫn ngồi ở góc phòng mình như thường lệ - Cô ấy đi lấy nước.

- Tại sao con biết điều đó?- Bà mẹ ngạc nhiên hỏi.

- Tại sao ư?... Rõ ràng là con biết cô ấy đã lấy thùng nước từ dưới bếp, sau đó đi sang bên kia sân và bơm nước. Còn bây giờ đang nói chuyện với người gác cổng.

Quả vậy, từ phía hàng rào vắng lại tiếng thì trò chuyện của hai người, nhỏ đến mức phải căng tai ra mới có thể nghe thấy.

Tuy vậy, ngay cả vùng nới rộng của các giác quan khác cũng không thể thay thế cho thị giác đứa bé tàn tật được. Cô bé thấy thiếu cảm giác

và bắt đầu nhớ nhưng.

Người ta cho phép nó đi lại trong cả ngôi nhà và điều đó làm cho nó thỏa mãn một phần. Nó giẫm lên từng hòn đá trong sân, chạm tay vào từng ống máng và thùng phi. Nhưng cái làm cho nó thích thú nhất là các cuộc hành trình đến hai thế giới hoàn toàn khác biệt nhau, đó là đi xuống hầm nhà và leo lên mái.

Ở dưới hầm nhà, không khí khá lạnh, tường ẩm ướt.

Tiếng động đường phố vang đến từ trên cao, những tiếng động khác không nghe thấy được. Đó là ban đêm đối với cô bé mù.

Còn trên mái, đặc biệt là ở chỗ cửa sổ nhỏ thì mọi sự đều khác. Ở đó có nhiều tiếng ồn ào hơn trong phòng. Cô bé tàn tật nghe thấy tiếng cọt két của các cỗ xe từ mấy phố vắng đến, ở đây tích tụ tiếng ồn của cả ngôi nhà. Cô cảm thấy có luồng gió ấm thổi qua mặt. Cô nghe tiếng hót líu lo của chim muông, tiếng sữa của lũ chó và tiếng xào xạc của cây cối ở vườn bên cạnh. Đây đối với cô là ban ngày...

Thế vẫn chưa đủ. Trên mái nhà, mặt trời chiếu sáng thường xuyên hơn ở trong phòng, còn khi hướng đôi mắt mở to về phía ấy, cô bé có cảm giác rằng đang nhìn thấy một cái gì đó. Trong trí tưởng tượng, những bóng hình của các hình khối và màu sắc được đánh thức, nhưng chúng không rõ ràng và dễ biến mất đến mức cô không thể nhớ lại được gì...

Chính trong thời điểm đó, bà mẹ gắn kết với người bạn gái của mình và chuyển chỗ ở đến ngôi nhà mà tại đó ngài Tomasz sinh sống. Hai người đàn bà vui thích vì căn nhà mới, song đối với đứa bé mù thì việc thay đổi đó là nỗi bất hạnh thực sự.

Cô bé phải ngồi trong phòng. Không được phép đi lên mái và xuống tầng hầm. Cô không nghe thấy cả tiếng chim lẫn tiếng cây, còn trên sân thì một sự câm lặng kinh hoàng ngự trị. Ở đây không bao giờ xuất hiện người buôn bán đồ cũ và cả thợ hàn nồi xoong, cả những người nhặt rác. Người ta không cho phép cả các bà già hát thánh ca, cả các ông già ăn xin chơi kèn clarinet, cả những người chơi đàn quay vào.

Thú vui duy nhất của cô bé là nhìn lên mặt trời, thứ không phải lúc nào cũng chiếu sáng như nhau và rất nhanh chóng lặn trốn sau các ngôi nhà.

Cô bé lại bắt đầu nhung nhớ. Cô tiều tụy hẳn đi sau mấy ngày, trên mặt cô biểu lộ vẻ mất hứng thú và buồn rầu, điều làm ngài Tomasz ngạc nhiên.

Ngài không thể biết được rằng cô bé tàn tật ít nhất cũng muốn được nghe các loại tiếng động khác nhau văng đến. Còn trong ngôi nhà lại im lặng...

- Một đứa bé khốn khổ! - Nhiều lần ngài Tomasz vừa lăm bầm vừa chăm chú nhìn đứa bé buồn rầu.

“Giá như mình có thể làm được cái gì cho cô bé nhỉ?”. Ngài nghĩ và biết rằng đứa trẻ càng lúc càng tiều tụy và hao mòn từng ngày.

Trong thời gian ấy, một trong số những người bạn của trạng sư có vụ kiện và như thông thường đã đưa cho ngài đọc những giấy tờ liên quan, với đề nghị cho ý kiến. Đúng ra ngài Tomasz không ra tòa, nhưng với tư cách người từng trải có nhiều kinh nghiệm, ngài biết chỉ ra hướng đi đúng đắn nhất của vụ kiện và đưa ra cho luật sư bào chữa do mình chọn những giải thích cần thiết.

Vấn đề hiện tại trở nên phức tạp. Ngài Tomasz càng đọc nhiều giấy tờ càng hăng hái hơn. Trong người về hưu bình tĩnh một luật sư bào chữa. Ngài không ra khỏi nhà, không kiểm tra xem liệu người ta đã hút sạch bụi trong các phòng khách chưa, chỉ giam mình trong phòng làm việc, đọc tài liệu và ghi chép.

Buổi tối, người hầu già của trạng sư đến báo cáo như thường lệ. Ông ta thông báo rằng bà vợ bác sĩ đã cùng con cái đi khỏi đây đến nơi ở mùa hè, rằng đường ống nước bị hỏng, rằng người gác cổng, Kazimierz, cãi lộn với cảnh binh và đã đi một tuần - vào nhà tù. Cuối cùng, ông ta hỏi: ngài trạng sư có muốn gặp người gác cổng mới được nhận vào làm hay không?...

Nhưng trạng sư, cúi mình trên đồng giấy tờ, hút xì gà, nhả những vòng tròn khói, thậm chí không nhìn người hầu trung thành.

Ngày hôm sau, ngài Tomasz vẫn còn muốn ngồi với đồng hồ sớ; khoảng hai giờ chiều, ngài ăn bữa trưa và lại ngồi tiếp. Khuôn mặt hồng hào của ngài và bộ râu quai nón trên nền xanh lam của tấm thảm trong phòng gợi hình ảnh “một kịch trường tự nhiên”. Mẹ của đứa bé mù và người bạn gái đang may bít tất dài trên máy tỏ ra ngưỡng mộ trạng sư và nói rằng ngài giống như một người đàn ông góa khỏe mạnh, kẻ có thói quen từ sáng sớm đến chiều tối cứ mơ màng trên bàn giấy.

Trong khi đó trạng sư, mặc dù lim dim mắt, hoàn toàn không mơ màng, chỉ suy nghĩ về vụ kiện.

Công dân X năm 1872 đã sang tên cho con của em gái mình một điền trang, còn năm 1875 - cho con của chú em mình một tòa nhà. Con của chú em khẳng định rằng công dân X bị điên năm 1872, còn con người em gái chứng minh rằng X mãi đến năm 1875 mới bị tâm thần. Ngược lại, chồng của em gái người quá cố đã đưa ra những chứng cứ không có gì nghi vấn, rằng X cả trong năm 1872, lẫn năm 1875 đều hành động như một kẻ điên đại, còn toàn bộ tài sản của mình thì ngay từ năm 1869, tức là từ thời kì còn hoàn toàn tỉnh táo, đã sang tên cho em gái.

Ngài Tomasz được đề nghị nghiên cứu xem khi nào X thực sự bị điên, và sau đó đứng ra hòa giải ba bên cãi cọ, trong đó không bên nào chịu nhường nhịn.

Khi trạng sư đang chìm ngập trong những vấn đề phức tạp như vậy, thì xảy ra trường hợp kì lạ, hết sức khó hiểu.

Trên sân trong, ngay dưới cửa sổ của ngài Tomasz bỗng vang lên - tiếng đàn quay!...

Giá như kẻ đã chết X bật dậy từ dưới mộ, tỉnh táo trở lại và đi đến văn phòng để giúp trạng sư giải quyết vấn đề khúc mắc, thì chắc chắn ngài Tomasz cũng không sửng sốt bằng lúc này, khi nghe thấy tiếng đàn quay!...

Và giá như ít nhất đó là đàn quay của Ý, với những tiếng sáo dịu dàng, hình thức nom được, chơi các khúc nhạc đẹp thì còn đỡ! Đằng này, giống như để quấy nhiễu nhiều hơn, chiếc đàn quay lại bị hỏng, chỉ chơi những bản valse và điệu nhảy dân ca một cách méo mó, chơi to đến mức các tấm kính rung cả lên. Tệ hơn nữa, thỉnh thoảng lại có tiếng kèn đồng rống lên như tiếng con thú bị điên.

Cảm giác thật vô cùng kinh hoàng. Trạng sư sửng sốt. Ngài không biết nghĩ gì và bắt đầu làm cái gì. Đôi lúc, ngài đã sẵn sàng đi đến giả thiết cho rằng, khi đọc những phán quyết sau khi chết của công dân X bị bệnh mất trí, chính thần kinh ngài đã bị rối loạn và mình đã chịu tác động của ảo ảnh.

Nhưng không phải vậy, đó không phải là ảo ảnh. Đó là cây đàn quay thực sự, cây đàn với những ống sáo hỏng và cái kèn kêu vô cùng lớn!

Trong tim trạng sư, con người rộng lượng như vậy, dịu dàng như vậy, bỗng nảy sinh thứ bản năng hoang dại. Ngài cảm thấy tiếc cho tự nhiên, rằng đã không biến ngài thành vua Dahomey, kẻ có quyền giết chết những người hàng phục mình và ngài nghĩ trong giây phút này mà đánh chết tươi người chơi đàn quay thì sướng biết nhường nào!

Do ở những người có tính khí giống ngài Tomasz rất dễ từ sự nóng nảy chuyển sang những dự định táo bạo, dẫn đến hành động kinh hoàng nhất, nên trạng sư nhảy như con hổ đến cửa sổ và quyết định - mắng chửi người chơi đàn quay bằng những lời tồi tệ nhất.

Ngài đã cúi người và mở miệng để hét: “Mày... kẻ ăn không ngồi rồi!...” - bỗng ngay sau đó, ngài nghe thấy giọng trẻ thơ.

Ngài nhìn sang phía đối diện.

Đứa con gái mù đang nhảy trong phòng, vừa nhảy vừa vỗ hai tay vào nhau. Khuôn mặt nhợt nhạt của nó ửng hồng, miệng cười tươi, và từ đôi mắt đã nguội lạnh bỗng tuôn chảy những giọt nước mắt như một trận mưa đá.

Cô bé ấy, đứa trẻ khốn khổ, trong căn nhà tĩnh mịch này từ lâu đã không được nếm trải chừng ấy cảm giác! Những giai điệu sai lạc của

đàn quay đối với nó đã trở thành hiện tượng đẹp làm sao! Tiếng kêu của chiếc kèn, thứ tiếng thiếu chút nữa khiến trạng sư bị đứt mạch máu, đã trở nên tuyệt vời làm sao.

Hơn thế nữa, người chơi đàn quay nhìn thấy niềm vui ở đứa trẻ, bắt đầu nện mạnh gót giày xuống mặt đường đá lát và thỉnh thoảng lại huýt sáo như đầu máy xe lửa sắp gặp đoàn tàu.

Chúa ơi! Hẳn ta huýt sáo mới tuyệt làm sao!...

Gã người hầu trung thành lao vào phòng làm việc của trạng sư, kéo theo sau mình người gác cổng và nói:

- Tôi nói với thằng dê tiện này, thưa ngài quyền quý, rằng ngay lập tức phải đuổi gã chơi đàn quay đi! Tôi nói, rằng hẳn sẽ được nhận thêm tiền lương từ ngài quyền quý, rằng chúng ta có hợp đồng... Nhưng tên thô lỗ này mới tuần trước từ quê lên và chưa biết luật lệ của chúng ta. Nào, bây giờ hãy nghe đây, - gã hầu quát và kéo tay người gác cổng đang sợ hãi- hãy nghe đây, nghe điều mà chính ngài quyền quý sẽ nói với mày!

Người chơi đàn quay đã chơi bản nhạc thứ ba cũng sai lệch và ồn ào như hai bản đầu.

Cô gái mù tỏ ra say sưa.

Ngài trạng sư quay lại người gác cổng và nói với vẻ lãnh đạm thông thường của mình, mặc dù mặt đã hơi nhợt nhạt:

- Hãy nghe đây, này, anh bạn yêu mến... À, mà anh tên là gì nhỉ?...

- Pawel, thưa ngài quyền quý.

- Thế này nhé, Pawel của tôi, tôi sẽ trả cho anh mười zloty mỗi tháng, nhưng anh biết vì sao không?...

- Là để mày không bao giờ cho phép đàn quay vào trong sân! - Người hầu vội vã chen vào.

- Không phải. - Ngài Tomasz nói - Là để trong một thời gian nào đó hằng ngày cứ cho đàn quay vào. Hiểu không?

- Ngài nói gì ạ?... - Gã người hầu, kẻ bỗng nhiên bị mệnh lệnh khó hiểu đó kích động, hét to.

- Là để, cho đến lúc tôi chưa nói chuyện với hăn, thì mỗi ngày đều cho đàn quay vào sân trong. - Trạng sư nhắc lại, vừa nói vừa dứt tay vào túi.

- Tôi không hiểu ngài!...- Người hầu lên tiếng với thái độ ngạc nhiên giận dữ.

- Thật ngu ngốc, anh bạn yêu quý! - Ngài Tomasz âu yếm nói với hăn - Thôi, đi làm đi.- Ngài nói tiếp.

Gã hầu và người gác cổng đã đi ra, còn trạng sư phát hiện thấy rằng gã hầu trung thành của ông ta đang thềm thì gì đó vào tai anh bạn đồng hành và đưa ngón tay chỉ lên trán...

Ngài Tomasz mỉm cười và như để khẳng định những suy diễn đáng buồn của gã hầu, liền quăng cho cây đàn quay mười đồng.

Sau đó, ngài cầm quyển lịch lên, tìm trong đó danh sách các thầy thuốc và ghi lại trên một tờ giấy địa chỉ của vài bác sĩ nhãn khoa. Và bởi lẽ bây giờ người chơi đàn quay đã quay mặt lại phía cửa sổ của ngài và vì mười đồng của ngài, hăn bắt đầu giậm chân và huýt sáo còn to hơn, điều đó đã làm trạng sư tức giận vô cùng. Sau khi cầm mảnh giấy ghi địa chỉ các bác sĩ, ngài đi ra, vừa đi vừa lầu bầu:

- Đứa bé khốn khổ!... Lẽ ra mình nên quan tâm đến nó từ trước mới phải...

TỪ NHỮNG HUYỀN THOẠI AI CẬP CỔ ĐẠI

Hãy nhìn xem, những hi vọng của con người trước trật tự của thế giới mới vô nghĩa làm sao. Hãy nhìn xem, những hi vọng của con người trước các phán quyết mà Thượng đế đã ghi lại trên bầu trời bằng các dấu hiệu lửa thật vô nghĩa làm sao!...

Hoàng đế Ramzes bách niên, người cai trị hùng mạnh của Ai Cập đang hấp hối. Con ma ghê tởm đã đáp xuống lồng ngực hoàng đế, kẻ mà suốt nửa thế kỉ qua, giọng nói của Người đã làm hàng chục triệu người run rẩy và con ma đó đang hút máu từ tim, sức mạnh từ đôi tay và đôi lúc, thậm chí cả sự tỉnh táo từ bộ óc của Người. Giống như cây bách hương bị đổ, vị pharaon* vĩ đại nằm trên tấm da hổ Ấn Độ, chân phủ chiếc áo bào chiến thắng thu được của vua Etiopia. Và nghiêm khắc ngay cả với chính mình, Người gọi vị danh y thông thái nhất từ giáo đường ở Karnak đến và nói:

- Trẫm biết nhà ngươi có các loại thuốc mạnh, thứ hoặc lập tức giết chết, hoặc lập tức chữa khỏi bệnh. Ngươi hãy chế cho trẫm một thứ trong đó, thích hợp với căn bệnh của trẫm, và chỉ một lần là xong... Hoặc thế này, hoặc thế kia.

Quan ngự y do dự.

- Ngươi hãy nghĩ xem, thưa hoàng đế Ramzes. - Ông ta thầm thì - Kể từ khi Người từ trên trời cao xuống, dòng sông Nile đã tràn bờ một trăm lần; liệu hạ thần có thể cho Người liều thuốc không đáng tin cậy mà thậm chí ngay cả những chiến binh trẻ nhất của Người thần cũng không cho dùng?

Vua Ramzes ngồi phắt dậy trên giường.

- Bệnh của ta chắc phải rất trầm trọng - Người lên tiếng - khi ngươi, một tư tế, dám cất lời khuyên bảo ta! Cầm họng lại và thực hiện ngay

điều ta truyền. Cháu nội ba chục tuổi của ta và là người kế tục ngôi báu, Horus, vẫn đang sống sờ sờ ra đó. Nhưng Ai Cập không thể có kẻ cầm quyền không bước nổi lên xe và không nhắc nổi cây giáo.

Khi vị tư tế run rẩy đưa loại thuốc kinh khủng cho hoàng đế, vua Ramzes uống nó ngay lập tức, giống như người đang khát uống cốc nước; rồi cho truyền nhà chiêm tinh nổi tiếng nhất thành Thebes và ra lệnh ông phải nói thực các vì tinh tú đang báo điều chi.

- Sao Thổ đã nhập lại với Mặt Trăng, - nhà thông thái đáp - điều đó báo hiệu cái chết của một thành viên dòng họ của Người, thừa hoàng đế Ramzes. Người đã sai lầm khi bữa nay dùng thuốc, vì những kế hoạch của con người thật là vô nghĩa trước các phán quyết mà Thượng đế ghi trên bầu trời.

- Đương nhiên các vì tinh tú đã báo hiệu cái chết của ta. - Ramzes đáp - Và khi nào thì điều đó xảy ra? - Hoàng đế quay mặt lại phía danh y hỏi.

- Bẩm hoàng đế Ramzes, trước buổi rạng đông hoặc Người sẽ khỏe như một con tê giác, hoặc chiếc nhẫn thần của Người sẽ chuyển sang tay Horus.

- Các khanh hãy rước Horus đến cung các pharaon. - Ramzes giọng thều thào phán - Ở đó, thế tử hãy đợi nghe lời trăng trối của trẫm và tiếp nhận chiếc nhẫn thần để công việc trị vì không giây phút nào bị gián đoạn.

Horus bật khóc trước tin hoàng đế Ramzes sắp băng hà (Người có trái tim tràn đầy lòng nhân ái); nhưng công việc trị vì không thể bị gián đoạn, vì vậy được đám triều thần hộ tống, thế tử đi bộ đến cung các pharaon.

Thế tử ngồi ở gian tiền sảnh. Từ chỗ đó, các bậc thềm lát đá cẩm thạch chạy dài xuống dưới, tới tận bờ sông và ngài ngược nhìn ra xung quanh với lòng trĩu nặng u buồn.

Đúng lúc này, nằm kề bên sao Thổ quái ác rực hồng, Mặt Trăng tỏa ánh vàng xuống dòng sông Nile nước màu đồng đỏ, in hình những kim

tự tháp khổng lồ xuống các đồng cỏ và vườn cây, tỏa sáng cả vùng thung lũng xung quanh rộng tới vài hải lí. Mặc dù đêm đã khuya, trong các mái lều và ngôi nhà, đèn vẫn sáng, dân chúng đổ xô ra khỏi nhà ngắm bầu trời thoáng đặng. Dọc dòng sông Nile, những chiếc thuyền nối đuôi nhau như mắc cửi, tựa như trong ngày lễ hội; trong rừng cọ, trên bờ sông, ngoài chợ, trên phố và bên cạnh hoàng cung Ramzes nhấp nhô cả biển người. Vậy mà vẫn tĩnh lặng đến mức tiếng rì rào của đám sậy nước và tiếng kêu rên rĩ của lũ chó sói săn mồi vẫn vẳng đến tai Horus.

- Tại sao họ lại tụ tập đông như vậy? - Horus hỏi một quan đại thần và chỉ tay về phía biển người.

- Thưa ngài, họ muốn chào đón ngài trên cương vị một pharaon mới và được nghe từ chính miệng ngài những điều tốt đẹp mà ngài dành cho họ.

Trong giây phút ấy, lần đầu tiên niềm kiêu hãnh về sự vĩ đại đập mạnh vào trái tim thế tử như sóng biển trào dâng đập vào bờ thẳng đứng.

- Thế còn những ánh sáng kia có nghĩa là gì? - Horus hỏi tiếp.

- Bấm thế tử, các tăng lữ đến mộ thân mẫu ngài, Zefora, để mang thi hài ngài về khu hầm mộ các pharaon.

Trái tim Horus lại bùng cháy nổi xót thương thân mẫu, mà thi hài người - vì lòng nhân từ dành cho dân nô lệ - vua Ramzes khắc nghiệt đã cho chôn giữa đám người nô lệ.

- Ta nghe có tiếng ngựa hí. - Horus vừa nói vừa vánh tai nghe - Ai ra đi vào giờ này?

- Bấm ngài, đó là quan chương ấn lệnh cho lính hỏa bài đi rước Jetron, thầy giáo dạy ngài về ạ.

Horus thở dài khi nhớ đến người bạn yêu kính mà vua Ramzes đuổi khỏi đất nước vì tội đã tiêm nhiễm vào tâm hồn cháu nội và là kẻ kế vị ngôi báu sự ghê tởm chiến tranh và lòng nhân từ đối với dân chúng bị áp bức.

- Thế còn ánh sáng bập bùng phía bên kia sông Nile là cái gì?...

- Bằng ánh sáng đó, bẩm Horus, - một quan cận thần đáp - nàng Berenika chung thủy từ nhà tù của tu viện đang chào mừng ngài đấy. Bây giờ, quan tổng tư tế đã phái thuyền rồng đi rước nàng về; và khi nhả thần bừng sáng trên tay ngài thì cánh cổng nặng nề của tu viện sẽ được mở ra và nàng, lòng đầy nhung nhớ và yêu thương, sẽ quay trở về với ngài.

Nghe những lời tấu trình như vậy, Horus không hỏi thêm gì nữa; ngài im lặng và lấy tay che mắt.

Bỗng nhiên, ngài rít lên vì đau đớn.

- Bẩm Horus, ngài làm sao thế ạ?

- Con ong đốt chân ta. - Thế tử mặt tái nhợt đáp.

Dưới ánh trăng mờ nhạt, quan cận thần nhìn xuống chân ngài.

- Ngài hãy cảm ơn thần Osiris, - ông ta nói - vì đây không phải là loài nhện, mà nọc của nó trong thời khắc này thường làm chết người.

Ôi! Những hi vọng của con người mới vô nghĩa làm sao trước các phán quyết không thể rút lại được...

Chính trong giây phút ấy, vị thống lĩnh quân đội bước vào và sau khi cúi chào Horus, liền nói:

- Hoàng đế vĩ đại Ramzes cảm thấy thân thể đã bắt đầu cứng lại, phái hạ thần đến rước ngài và truyền lệnh: “Người hãy đi rước Horus, ta không còn sống bao lâu nữa trên thế gian và người hãy thi hành ý nguyện của ngài giống như đã từng thực thi ý nguyện của trẫm. Dù rằng ngài ra lệnh cho người nhượng đất Thượng Ai Cập cho bọn Etiopia và kí liên minh anh em với kẻ thù thì người vẫn phải thực hiện, khi chiếc nhẫn của trẫm nằm trên tay ngài, vì lời phát ra từ miệng người cầm quyền là tiếng của thần Osiris bất tử.”

- Ta sẽ không nhượng Ai Cập cho bọn Etiopia, - thế tử đáp - nhưng ta sẽ kí hiệp ước hòa bình, bởi ta tiếc máu của dân ta. Ngay sau đây, người hãy viết chiếu chỉ và giữ trong tay lính kị mã hỏa bài, để nếu những ngọn lửa đầu tiên bừng sáng chào mừng ta, thì họ sẽ phi ngựa

ngay về phương nam và mang lệnh khoan hồng đối với người Etiopia. Và người hãy viết chiếu chỉ thứ hai rằng kể từ giờ phút này cho đến mãi mãi về sau, không một tù binh nào còn bị rút lưỡi tại chiến trường nữa. Ta đã nói như vậy...

Vị thống lĩnh cúi sấp mặt, sau đó lùi lại để viết thánh chỉ; còn thế tử thì ra lệnh cho quan cận thần xem kỹ lại vết thương của mình một lần nữa, nó đang tấy lên rất đau.

- Chân ngài hơi bị sưng tấy, bẩm Horus. - Quan cận thần nói - Chuyện gì sẽ xảy ra nếu như không phải ong đốt mà là nhện cắn ngài?...

Bây giờ, quan chương ấn của Nhà nước bước vào cung và sau khi cúi chào thế tử, ông ta liền nói:

- Hoàng đế Ramzes hùng mạnh thấy rằng thị giác mình đã tối lại, phái hạ thần đến rước ngài với mệnh lệnh: “Hãy đi rước Horus và thực hiện ý nguyện của ngài vô điều kiện. Dù rằng ngài ra lệnh cởi xích cho bọn nô lệ, và phân phát toàn bộ đất đai cho dân chúng, người hãy thực hiện ngay khi nhìn thấy trên tay ngài chiếc nhẫn thần của trẫm, vì lời phát ra từ miệng người cầm quyền là tiếng của thần Osiris bất tử.”

- Trái tim ta không với xa đến như vậy. - Horus nói - Nhưng ngay sau đây, người hãy viết chiếu chỉ giảm tiền thuế đất cho dân và giảm một nửa tiền thuế, còn những người nô lệ sẽ có ba ngày nghỉ một tuần và nếu không có bản án của tòa thì sẽ không bị đánh bằng gậy dọc xương sống. Và người hãy viết chiếu chỉ hủy bỏ việc tống khứ sư phụ Jetron của ta, người thông minh nhất và cao thượng nhất Ai Cập. Ta đã nói như vậy...

Quan chương ấn cúi mặt, nhưng chưa kịp lui ra để viết chiếu chỉ thì quan tổng tư tế đã bước vào.

- Bẩm Horus,- ông ta nói - chỉ chốc nữa thôi hoàng đế Ramzes vĩ đại sẽ đi vào vương quốc âm hồn và trái tim hoàng đế sẽ do thần Osiris cân trên bàn cân không bao giờ nhầm lẫn. Còn khi chiếc nhẫn thần của các pharaon bừng sáng trên tay ngài, thì ngài hãy ra lệnh, mọi người sẽ

nghe ngài dù cho đó là lệnh phá đổ giáo đường Amon tuyệt vời, vì lời phát ra từ miệng người cầm quyền là tiếng của thần Osiris bất tử.

- Không phá hủy, - Horus đáp - nhưng ta sẽ xây các giáo đường mới và làm to thêm kho báu của các giáo sĩ. Ta chỉ yêu cầu người ghi chiếu chỉ về lễ rước trọng thể thi hài thân mẫu ta, Zefora, về khu hầm mộ và chiếu chỉ thứ hai... về việc giải phóng cho nàng Berenika yêu dấu khỏi nhà tù của tu viện. Ta đã nói xong...

- Ngài bắt đầu thật thông minh. - Quan tổng tư tế đáp - Để thực hiện các mệnh lệnh của ngài mọi thứ đã được chuẩn bị, còn các chiếu chỉ hạ thần sẽ viết. Khi ngài chạm tay vào chiếc nhẫn thần của các pharaon, thần sẽ châm ngọn đèn này để báo trước cho dân chúng biết về lệnh ân xá, và báo cho nàng Berenika của ngài về tự do và tình yêu.

Danh y thông thái nhất từ Karnak bước vào.

- Bẩm Horus, - ông ta nói - thần không ngạc nhiên trước vẻ mặt nhợt nhạt của ngài, bởi hoàng đế Ramzes, ông nội ngài đang hấp hối. Vị hoàng đế trên mọi hoàng đế ấy không thể chịu đựng nổi loại thuốc mạnh, thứ mà hạ thần đã không muốn cho Người dùng. Vì vậy, ở bên cạnh Người chỉ còn lại có quan phó tổng tư tế, để khi Người băng hà sẽ tháo chiếc nhẫn thần khỏi tay Người và trao lại cho thế tử để biểu thị quyền lực vô biên. Nhưng ngài càng lúc càng tái nhợt, bẩm Horus, sao vậy?... - Ông ta hỏi.

- Người hãy xem chân ta. - Horus lắp bắp và ngã xuống chiếc ghế vàng có hai tay cầm chạm hình đầu chim kền kền.

Danh y quỳ xuống xem chân và hoảng sợ lùi lại.

- Bẩm Horus, - ông ta nói - một con nhện rất độc đã cắn ngài.

- Ta sẽ phải chết ư?... Chết trong giây phút này?... - Giọng thều thào, Horus cất tiếng hỏi. Sau đó, ngài nói tiếp - Điều đó sẽ đến nhanh không?... Hãy nói sự thật...

- Trước khi mặt trăng núp dưới cây cọ kia...

- Ôi, thế ư!... Còn vua Ramzes sẽ sống bao lâu nữa?...

- Làm sao thần biết được?... Có lẽ người ta đang mang nhẫn thần của hoàng đế đến đưa ngài.

Các quan trong triều bước vào với các chiếu chỉ đã viết xong.

- Quan chưởng ấn! - Horus gọi và nắm lấy tay ông ta - nếu như ta chết ngay sau đây thì người có thi hành mệnh lệnh của ta không?...

- Bẩm Horus, ngài hãy sống lâu như ông nội ngài! - Quan chưởng ấn đáp - Nhưng thậm chí, nếu như ngay sau đây ngài phải đứng trước phán quyết của thần Osiris thì mọi chiếu chỉ của ngài sẽ được thi hành ngay, chỉ cần ngài chạm tay vào chiếc nhẫn thần của các pharaon.

- Chiếc nhẫn thần! - Horus nhắc lại - Nó đang nằm ở đâu?...

- Một trong các quan cận thần nói với thần, - vị thống lĩnh thâm thì - rằng hoàng đế vĩ đại Ramzes đang trút hơi thở cuối cùng.

- Thần đã phái người đến chỗ phó tổng tư tế - quan tổng tư tế nói tiếp - để ngay khi tim Ramzes ngừng đập thì tháo chiếc nhẫn thần.

- Ta cảm ơn các khanh!... - Horus nói - Ta tiếc... ôi, thật là tiếc... Nhưng không phải ta đã chết hoàn toàn... Tồn tại lại sau ta còn có những lời giảng phước, sự bình yên, hạnh phúc của dân chúng và... nàng Berenika của ta giành lại tự do... Còn lâu nữa không?... - Ngài hỏi quan ngự y.

- Cái chết ở cách ngài một ngàn bước chân người lính bộ hành. - Quan ngự y buồn rầu đáp.

- Các người không nghe thấy có ai từ chỗ đó đến đây à?... - Horus nói.

Im lặng.

Trăng đã hạ dần tới cây cọ và chạm vào những tàu lá cọ đầu tiên; những hạt cát đang lên tiếng thầm thì nho nhỏ trong chiếc đồng hồ cát.

- Còn xa không?... - Horus thều thào.

- Tám trăm bước nữa. - Quan ngự y đáp - Thần không biết, bẩm Horus, liệu ngài có kịp chạm nhẫn thần vào mọi chiếu chỉ, mặc dù có thể ngay bây giờ người ta mang nhẫn tới dâng ngài...

- Hãy đưa cho ta các chiếu chỉ. - Thế tử nói và lắng tai nghe xem liệu có ai đang chạy từ phòng của Ramzes đến hay không - Còn người, quan tư tế,- ngài quay lại phía quan ngự y - hãy nói ta còn sống bao lâu nữa để ta có thể phê chuẩn ít nhất là mệnh lệnh quan trọng nhất đối với ta.

- Sáu trăm bước chân nữa. - Quan ngự y thăm thì.

Chiếu chỉ về giảm tiền thuê đất cho dân chúng và về công việc của người nô lệ rơi từ tay Horus xuống đất.

- Năm trăm bước nữa...

Chiếu chỉ về hòa bình với Etiopia rời khỏi đầu gối thế tử.

- Không ai đến à?...

- Bốn trăm bước...- Quan ngự y trả lời.

Horus dăm chiêu và sắc lệnh về lễ rước thi hài Zefora rơi xuống.

- Ba trăm bước...

Chịu cùng số phận là chiếu chỉ về hủy bỏ lệnh đi đày đối với Jetron.

- Hai trăm bước...

Miệng Horus tím lại. Bàn tay co quắp vút xuống đất chiếu chỉ về cấm rút lưỡi những người bị bắt làm tù binh, còn để lại chỉ là lệnh giải phóng Berenika.

- Một trăm bước...

Giữa không gian tĩnh lặng như ở nhà mồ bỗng nghe thấy tiếng gõ của đế giày. Quan phó tổng tư tế chạy vào phòng. Horus đưa tay ra.

- Thật kì diệu!... - Người mới đến kêu to - Hoàng đế Ramzes vĩ đại đã khỏe lại... Người vực dậy từ giường rất vững chãi và muốn đi săn sư tử vào lúc rạng đông... Còn ngài, bẩm Horus, để tỏ lòng ân huệ, Người cho gọi ngài đến cùng đi săn...

Horus nhìn bằng ánh mắt tắt dần xuống dòng sông Nile, nơi còn ánh lên tia sáng từ trong nhà tù giam Berenika, và hai giọt nước mắt, hai giọt máu chảy tràn khắp mặt.

- Bẩm Horus, ngài không đáp lại gì à?... - Sứ thần của Ramzes ngạc nhiên hỏi.

- Ông không thấy rằng ngài đã chết rồi ư?...- Quan ngự y thông thái nhất từ Karnak đến thăm thì.

Hãy nhìn xem, những hi vọng của con người mới vô nghĩa làm sao trước các phán quyết mà Thượng đế đã ghi lại trên bầu trời bằng các dấu hiệu lửa.

STEFAN ZEROMSKI

(1864 - 1925)

Stefan Zeromski, biệt danh Maurycy Zych hoặc Jozef Katerla, là con một quý tộc đã sa sút, có các trang trại ở Kielce. Cha mẹ mất sớm, từ thời thơ ấu, nhà văn đã sống trong cảnh bần hàn và bị bệnh lao phổi. Từ năm 1874, ông bắt đầu học tại trường phổ thông ở thành phố Kielce. Không thi đỗ tốt nghiệp trung học, ông chuyển đến Warszawa sinh sống và tiếp tục theo học tại trường Đại học Thú y trong hai năm (trường không đòi hỏi bằng trung học), nhưng sau đó, điều kiện vật chất khó khăn đã buộc ông phải đi làm gia sư để kiếm tiền nuôi thân. Ông đi du lịch rất nhiều, đã từng đến Praha, Muynich, Vienna, Zurich, Florence và năm 1909, ông cùng gia đình đến Paris sinh sống ba năm. Ở trong nước, ông cũng đến nhiều nơi, đặc biệt gắn bó với Zakopane.

Ông được người đương thời gọi là “lương tâm của nền văn học Ba Lan”. Năm 1925, ông là người sáng lập và là chủ tịch đầu tiên của PEN Club Ba Lan. Cũng trong năm đó, ông được trao tặng giải thưởng Nhà nước về văn chương với các tác phẩm viết về lịch sử vùng bờ biển Ba Lan dưới nhan đề *Gió thổi từ biển* (in năm 1922). Ông không được đề cử giải Nobel Văn học có lẽ vì quan điểm chính trị cánh tả của mình.

Sáng tác của Zeromski mang tính chất xã hội. Ngay từ những truyện ngắn đầu tiên và các phác thảo tiểu thuyết của mình, những đề tài về xã hội đã được ông định hướng rõ rệt và liên tục lặp đi lặp lại. Trong các tác phẩm như *Quạ đen sẽ mổ chúng ta*, *Những người vô gia cư*, *Những con quạ khoang*, *Truyện kể*, *Các tác phẩm tiểu thuyết...* chứa đầy những hình ảnh về nỗi tủi cực của các tầng lớp tận cùng trong xã hội, tạo nên sự phản kháng chống lại ách bóc lột. Các tác phẩm nổi tiếng nhất của ông bao gồm tiểu thuyết *Tro tàn* (1902), *Lịch sử tội lỗi* (1908), *Turon* (1923), *Mùa xuân đến sớm* (1925) và hàng loạt vở kịch như *Bông hoa hồng* (1909), *Con chim cun cú chạy mất rồi* (1924).

Truyện ngắn *Người phụ nữ mạnh mẽ* này in lần đầu tiên năm 1895 trong tuyển tập *Truyện kể*.

NGƯỜI PHỤ NỮ MẠNH MẼ

Doctor Pawel Obarecki trở về nhà từ cuộc đánh bài trong tình trạng không mấy hài lòng, mà tại đó trong vòng tám tiếng đồng hồ liên tục, hắn đã phải trình trọng nói lời chúc mừng cha sở cùng ông chủ cửa hàng được phẩm, gã nhân viên phòng bưu điện và vị thẩm phán. Hắn về nhà, đóng thật kín cửa ra vào để không người nào, kể cả chị nội trợ hai mươi bốn tuổi, có thể len vào, rồi ngồi xuống cạnh chiếc bàn nhỏ. Trước hết, hắn cứ chăm chú nhìn vào ô cửa sổ mà chẳng vì bất cứ lí do rõ rệt nào cả, còn sau đó, hắn liên tục gõ đầu ngón tay xuống mặt bàn. Hắn cảm thấy rõ ràng là có một thể lực siêu hình nào đó bắt đầu chế ngự mình...

Chuyện thật rõ ràng là một con người có văn hóa bị lực li tâm của sự túng thiếu hất ra khỏi trung tâm đời sống văn minh đến Klvov, Kurozvek hoặc – như *doctor Obarecki* - đến Obrzydlovek, thì cùng với thời gian, do hậu quả của những cơn mưa mùa thu, do sự thiếu thốn các phương tiện giao thông và hoàn toàn không có khả năng phát ngôn trong nhiều năm liên tiếp - sẽ dần dần thay hình đổi dạng trở thành một cỗ máy chuyên ngón thịt - rau, hấp thụ một số lượng quá tải các chai bia và bị sự buồn chán tấn công, làm suy yếu dẫn đến trạng thái giáp ranh với khuynh hướng nôn mửa. Hắn đang nuốt một cách vô thức sự buồn chán của một thị trấn nhỏ, giống như con thỏ nuốt một cách vô thức trứng sán xơ mít do lũ chó thải ra nằm rải rác trên nền cỏ. Từ giây phút hắn định hình trong mình thái độ dừng dừng: “Đối với tôi, quả thực, thế nào cũng được” - đúng là bắt đầu quá trình chết dần chết mòn kia.

Doctor Pawel, trong thời anh ta sống, đã bị Obrzydlovek ăn tươi nuốt sống toàn thân cùng với bộ não, trái tim và năng lượng - kể cả động năng cũng như thế năng. Hắn đã trải nghiệm sự ghê tởm không cách gì vượt qua nổi đối với sự đọc, sự viết cũng như sự tính toán. Hắn

có thể đi bách bộ trong phòng làm việc hàng giờ liền hoặc nằm dài trên ghế salon, mặc dù không có điều thuốc lá trên môi, để chờ đợi một cách đau đớn và cằn cào một cái gì đó phải diễn ra, ai đó phải tới, nói điều gì đó; mặc dù có thể bị ngã bổ nhào, sẵn sàng vênh tai lên nghe những tiếng rì rầm thì thào tuyên cáo cho sự chấm dứt tình trạng câm lặng đang bóp nghẹt và vùi dập người ta xuống đất. Điều đặc biệt làm cho hẩn đau khổ thường là mùa thu. Trong khung cảnh tĩnh lặng chiều thu bao trùm Obrzydlovek, từ ngoại ô phía bên này đến ngoại ô phía bên kia, có một cái gì đó đau đớn, cái gì đó khiến người ta phải bật lên tiếng kêu cứu. Bộ não bao bọc bởi những sợi tơ nhện mềm mại thường tạo ra những ý nghĩ đôi khi cực kì dễ hiểu, nhưng nhiều lúc lại hoàn toàn không giống bất cứ điều gì.

Mỗi khi huyết sáo hoặc luận bàn với chị nội trợ, có lần hẩn tỏ ra hết sức lịch thiệp (thí dụ về tính vượt trội hiếm thấy của con lợn sữa quay ăn tấm lúa mạch đen, so với cũng con lợn sữa như vậy nhưng ăn các loại chất khác), nhưng cũng có lần, hẩn bắt nhả một cách khả ố và coi đó là trò vui duy nhất. Có những lúc, trên nửa bầu trời, một đám mây hình bàn chân khổng lồ với những làn khói xám cứ treo lơ lửng bất động, không thể tan ra trong không gian và đe dọa rơi ụp xuống Obrzydlovek và các cánh đồng trống trải phía đằng xa. Từ đám mây kia, một làn sương mù do gió thổi xiên bay đến, đọng trên kính tạo thành những hình thù khác nhau và trong tiếng ầm ù của gió phát ra tiếng sột soạt rất kinh khủng, giống như ở ngay bên cạnh, đâu đó trong góc nhà, có đứa trẻ con đang khóc thút thít. Đằng xa kia, trên bờ ruộng, những cây lê đồng trụ lá đứng chơ vơ, cành lay động phật phờ, mưa quất vào từng đợt... Từ quang cảnh đó, ý nghĩ hẩn gom lại một nỗi buồn, trong đó có cái gì như bệnh sỏi mũi kinh niên - và u ám, tối tăm, nỗi lo âu lúc nào cũng có thể cảm thấy được một cách vô thức. Tình trạng buồn đau sâu não ấy chiếm ưu thế trong tâm hồn hẩn và kéo dài mãi cho đến tận mùa xuân sang mùa hè. Nỗi buồn độc ác kết tủa trong tâm hồn *doctor* mà không có bất cứ cơ sở nào, kéo theo đó là tính lười

nhạc không thể miêu tả nổi, tính lười nhác chết người, thậm chí có thể bắt khỏi tay nạn nhân cả các truyện ngắn của Alexis.

“Tình trạng siêu hình” mà *doctor* Pawel trải qua một lần, đôi lúc là hai lần trong một năm - đó là vài tiếng đồng hồ tự nghiền ngẫm một cách có ý thức những kí ức tràn về với tốc độ mãnh liệt điên cuồng, tập hợp không nản lòng những mảng kiến thức, tự giãi giụa gần như điên dại, vùng vẫy để thoát khỏi tình trạng trì trệ bị đất sét phủ kín, những suy ngẫm, những bùng nổ của nỗi đả đàng cay, những quyết định không gì lay chuyển nổi, những đám cưới, những dự định... Tất cả những cái đó, có thể hiểu rằng, đã không dẫn đến bất kì sự thay đổi nào theo chiều hướng tốt hơn và chúng đã trôi qua giống như thước đo thời gian của sự chịu đựng ít nhiều đau đớn. Với “tình trạng siêu hình”, hẳn có thể ngủ một giấc cũng giống như với cơn đau đầu, để hôm sau thức dậy đầu óc sáng sủa hơn, giàu nghị lực hơn và có khả năng chịu đựng tốt hơn cái ách thống trị của sự buồn chán thông thường cũng như tiêu hao năng lượng của bộ não, để nghĩ ra những món ăn ngon nhất. Tuy nhiên, “tình trạng siêu hình”, căn bệnh hoành hành ở một phạm vi nhất định, đã chỉ ra cho *doctor* của chúng ta thấy rằng, trong sự tồn tại thực vật, luôn ăn no của hẳn, giống như tình trạng ăn no triết học của một lí trí mạnh mẽ sáng suốt, vẫn đang tiềm ẩn một vết thương không thể chữa lành, không thể nhìn thấy được và làm cho ta cực kì khó chịu, không khác gì vết thương trên chỗ xương đang bị mục ruỗng.

Doctor Obarecki đến Obrzydlovek cách đây sáu năm, ngay sau khi tốt nghiệp đại học, với trí tuệ sáng ngời không nhiều người có được, song đi kèm là những ý nghĩ vô cùng thực dụng, đồng thời với vài rúp trong túi. Lúc bấy giờ, người ta luôn nói đến sự cần thiết phải đến sống ở những khu vực rừng núi và đến Obrzydlovek. Hẳn đã nghe theo những sứ đồ đó. Hẳn là người mạnh dạn, trẻ tuổi, cao thượng và có nghị lực. Ngay tại nơi cư trú đầu tiên, hẳn đã gây chiến một cách vô ý thức với gã chủ tiệm dược phẩm và bọn thầy lang địa phương, chữa bệnh bằng các phương tiện thuộc lĩnh vực huyền bí. Ông chủ tiệm thuốc ở Obrzydlovek, “khai thác tình huống” (đến địa phương có hiệu

thuốc tân dược gần nhất cũng phải mất năm dặm) - đã bắt những người muốn khỏe mạnh lại nhờ thuốc nước của ông ta chịu thêm tiền cống nạp, hơn nữa còn bắt tay với gã dược sĩ mở các tiệm cạo râu và dựng nhà cửa khang trang, đi lại trong những chiếc áo da gấu, luôn giữ trên gương mặt uy thế của kẻ bất kì lúc nào trong cuộc sống cũng có thể mời cha sở đến đám rước nhân Lễ mình Thánh.

Khi những lời thuyết phục tế nhị và náy lửa hướng đến gã dược sĩ và được biểu lộ một cách phô trương từ nhiều “quan điểm” khác nhau chỉ được coi là những lời thơ ca ngợi cuộc sống yên lành của tuổi trẻ và không mang lại bất kì hiệu quả nào thì *doctor* Obarecki, sau khi đã tích lũy được vài đồng, liền mua một túi thuốc di động và mang nó theo mình khi đến chữa bệnh ở làng quê. Tự hẳn chuẩn bị thuốc tại chỗ, trợ giúp cho người bệnh hết sức rẻ mạt, thậm chí không lấy tiền, dạy họ giữ gìn vệ sinh, khám bệnh, làm việc với lòng cuồn tín, tính bướng bỉnh, không ngủ và nghỉ ngơi. Dĩ nhiên là ngay sau khi có tin loan truyền về túi thuốc di động, về sự trợ giúp không công và về những điều giống như thế, người ta đã phá tan tất cả các cửa kính tồn tại trong căn hộ nghèo nàn của hắn. Vì ông Boruch Pokoik, người lắp cửa kính duy nhất ở Obrzydlovek trong thời gian nói trên lại đang nghỉ lễ Kuczek*, do đó phải dán cửa sổ bằng giấy thấm và ban đêm phải thức canh chừng với khẩu súng lục trong bàn tay phải. Cuối cùng, kính cũng được lắp và lại bị phá tiếp lần nữa, từ đó người ta phá theo chu kì cho đến khi lắp gỗ sồi vào các ô cửa sổ. Trong dân chúng của thị trấn tồn tại tin đồn rằng *doctor* trẻ giao thiệp với hồn ma trong đêm, người ta bôi nhọ hắn trong dư luận giới trí thức địa phương, coi hắn như một kẻ vô học hiểm thấy, người ta dùng vũ lực chặn đường những người bệnh đi về hướng nhà hắn, vào các buổi tối tháng Năm người ta huyết sáo phản đối v.v... *Doctor* trẻ không để ý gì đến tất cả những chuyện đó, chỉ tin chắc vào chiến thắng của sự thật.

Chiến thắng của sự thật đã không diễn ra. Không hiểu tại sao... Một năm sau, *doctor* cảm thấy nghị lực của hắn đã dần dần trở thành “di sản

của lũ sâu bọ”. Việc gần gũi với đám dân đen đã khiến hãn quá ngán ngấm: những yêu cầu của hãn, sự khuyên nhủ, những bài giảng chân tình của hãn về phạm trù vệ sinh đã trôi tuột như những hạt nước nhỏ giọt xuống nền đá. Hãn làm mọi thứ trong khả năng của mình - tất cả đều vô hiệu! Thực ra với một con người không có giày đi mùa đông, trong tháng Ba lặn lội dưới cánh đồng của người khác để tìm kiếm khoai tây năm ngoái đã thối rữa nhằm làm những chiếc bánh để ăn, những kẻ ngày giáp hạt phải nghiền nát vỏ cây trăn lấy bột, dùng bột đó trộn với ít bột lúa mạch đen, nấu chút tấm từ hạt non lấy lúc bình minh “bằng cách ăn trộm” - thật khó đòi hỏi hãn ta có thể cải thiện sức khỏe vốn không được chăm sóc của mình theo hướng tích cực, cho dù là dưới ảnh hưởng của các quy luật về sức khỏe được trình bày một cách dễ hiểu nhất đi nữa.

Doctor bắt đầu cảm thấy một chút cái gọi là “thế nào cũng được”... Người ta ăn khoai tây thối rữa - biết làm gì đây? - cứ để họ ăn, nếu như họ thấy ngon. Họ thậm chí có thể ăn sống - biết làm thế nào...

Dân Do Thái trong thị trấn chữa bệnh ở thầy đoán mộng, bởi vì họ không sợ hồn ma ban đêm, trong khi sự rẻ tiền hiểm thấy của phương pháp y học ấy lại khích lệ họ.

Một buổi sáng đẹp trời, *doctor* nhận thấy rằng ngọn lửa trên đầu, thứ dẫn dắt hãn đến đây và chiếu sáng con đường đi của hãn nay đã tắt ngấm. Nó tự tắt vì đã cháy cạn kiệt. Lúc đó, hãn cất túi thuốc di động vào trong tủ rồi khóa lại và chỉ có một mình hãn sử dụng.

Nhưng việc hãn phải khuất phục trước gã được sĩ và đám thợ cạo, ngừng và kết thúc cuộc chiến ở Obrzydlovek bằng việc đóng túi thuốc di động trong tủ thì thật là một nỗi nhục hình!

Những kẻ chiến thắng có quyền reo hò và thu hoạch chiến lợi phẩm, song không phải họ đánh bại hãn: chính hãn tự thua trận. Hãn đã bóp nghẹt những ý nghĩ đơn giản và cao thượng cùng những hành động của mình, có lẽ do hãn bắt đầu dính vào thức ăn một cách không cần thiết, chỉ biết rằng hãn nghẹt thở. Hãn vẫn còn làm điều gì đó, vẫn chữa trị,

đồng thời nghĩ rằng không còn ai trong số những người chịu ảnh hưởng “các hoạt động” của mình lúc bấy giờ có giá trị bằng nửa liều thuốc lá.

Tại trụ sở của các ông chủ ở vùng lân cận, thật cũng lạ, chỉ toàn thấy xuất hiện những người ăn lông ở lỗ từ thời “ông bà ông vải”, những kẻ nói chung chỉ cư xử với các bác sĩ một cách khá lỗi thời. *Doctor Pawel* đã đến thăm một trong số những kẻ như vậy. Đây là một quyết định sai lầm, bởi gã ăn lông ở lỗ đó đã tiếp hấn trong phòng làm việc, lúc đó ông ta mặc áo ghi lê và ngồi ăn giăm bông với vẻ bình thản, vừa ăn vừa dùng dao nhíp cắt giăm bông. *Doctor* cảm thấy trào dâng trong mình một tinh thần dân chủ, đã nói với gã công tước nửa mùa điều chua chát gì đó và sau đấy không đến thăm bệnh thêm lần nào nữa ở trong vùng.

Thế là để trao đổi suy nghĩ chỉ còn lại cha xứ quản hạt và vị thẩm phán. Hấn giao thiệp với cha sở thường xuyên hơn - cũng hơi buồn một chút; còn ông thẩm phán là người nói những điều mà không ai có thể hiểu nổi - và như vậy chỉ còn lại sự cô đơn chế ngự. Để tránh những ảnh hưởng xấu của việc chỉ bó tròn trong quan hệ với chính mình, muốn gắn mình với thiên nhiên, giành lại sự yên bình, cảm giác hài hòa bên trong của tinh thần, cảm giác có sức mạnh và sự dũng cảm, hấn đã tìm các mắt xích vững bền gắn kết con người với thiên nhiên. Nhưng hấn không tìm được bất kì mắt xích sắt nào, mặc dù đã mò mẫm trên các cánh đồng, thậm chí đi đến tận chỗ người ta dẫn gỗ trong rừng và một lần lạc vào đầm lầy trên đồng cỏ.

Phong cảnh phẳng lặng bao quanh là dải rừng xanh mờ từ mọi hướng. Gần hơn, trong những cồn cát xám, toàn thấy loài tùng bách cô đơn, còn xung quanh là những luống cày kéo dài không biết thuộc về ai. Những cánh đồng cỏ mọc, toàn loài cỏ chỉ dành cho dê núi, những loài cỏ vàng vọt, đang chết non, cứ như không đủ ánh sáng để mọc thành nhánh tươi xanh từ trên mầm cỏ - đó chính là những thứ trang điểm duy nhất cho Obrzydlovek. Có cảm giác hình như mặt trời chiếu xuống sự hoang vắng đó chỉ để biểu thị sự thiếu sức sống, vẻ trần trụi và nỗi buồn rầu của mình...

Men theo lẽ đường phủ bên trên là một lớp cát bắn, đầy rẫy những ổ gà và được rào chắn bằng những mảnh vụn đổ nát, ngày lại ngày, *doctor* khốn khổ phải cầm chiếc ô lần mò đi qua... Con đường đó hình như không dẫn tới bất kì vùng dân cư nào, bởi vì nó phân ra làm mười mấy nhánh nhỏ ở giữa cánh đồng cỏ và mất hút giữa các hang chuột chũi. Nó lại xuất hiện thêm lần nữa trên đỉnh cồn cát dưới dạng hai lỗ khoét sâu hình tam giác trong cát và dẫn vào khu rừng thông căn cỗi.

Một nỗi tức giận không kiềm chế được bao trùm lên *doctor* khi hắn nhìn lên phong cảnh đó và sự sợ hãi không rõ từ đâu tới đã ăn ngấu nghiến cảm giác yên ổn của hắn...

Nhiều tháng năm qua đi. Từ sáng kiến của cha sở, người ta đã đi tới sự đồng thuận giữa ông chủ tiệm dược phẩm và *doctor*, khi tìm ra “cách thức làm dịu sự nóng nảy” của hắn. Từ nay, những kẻ đối kháng bắt đầu cùng cày trên chiếu bài, mặc dù *doctor* luôn nhìn gã dược sĩ với vẻ ghê tởm. Dần dần, sự ghê tởm cũng giảm bớt. Hắn ta bắt đầu đi đến thăm gã chủ tiệm dược phẩm và ve vãn vợ gã. Một lần, hắn hoảng sợ trước kết quả phân tích trái tim của chính mình, qua đó thấy rằng trái tim hắn có thể dành một tình yêu thuần khiết cho vợ chủ tiệm dược phẩm, một phu nhân đầu óc tối tăm như chiếc rìu nhỏ dùng để chặt thối đường ăn, sẵn sàng chịu đóng đinh trên cây thánh giá vì lòng tin không có bất cứ cơ sở nào. Phân tích chỉ ra bà ta là người yếu đuối, duyên dáng và nguy hiểm, và với lòng nhiệt tình kì lạ, không lúc nào ngừng kể lể về tội lỗi của cô hầu phòng của mình. *Doctor Pawel* nghe câu chuyện của bà Aniela hàng tiếng đồng hồ, vừa nghe vừa giữ nụ cười trên mặt, nụ cười có thể nhìn thấy trên miệng của một gã trẻ tuổi đang tán tỉnh những phu nhân xinh đẹp trong giây phút mà anh chàng bị cơn đau răng khốn khổ hành hạ.

Để thực hiện những hành động anh hùng trong phạm vi dân chủ hóa những khái niệm ở Obrzydlówek, kể cả chỉ nhằm làm cho thời gian trôi qua dễ chịu hơn, hắn cũng không có đủ khả năng. Hắn không thể đến thăm hỏi những gã đồ tể như đã từng có ý định làm việc đó một thời

bằng bất cứ giá nào; nếu như có thể nói chuyện thì hẳn chỉ có thể nói với những người có trình độ văn hóa nhất định.

Lúc bấy giờ, không chỉ có năng lượng bị tiêu hao, cả sự tôn trọng của hẳn đối với toàn bộ ý nghĩ rộng lớn hơn cũng đã bị triệt tiêu. Từ những đường chân trời rộng lớn chỉ có thể đo được bằng ánh mắt mộng mơ, chỉ còn lại đường chân trời nhỏ bé đến mức có thể vạch ra được bằng đầu của viên đá nhỏ. Phản ứng trước những bài báo có tiếng vang lớn nhan đề: “Đi tìm sự thật của ngọn lửa sáng ngời và những con đường mới chưa được phát hiện”, hẳn coi đó là bước khởi đầu của sự chết chóc với nỗi đắng cay tiếc nuối xen lẫn ghen tị, tiếp đó là với tính thận trọng của một người có vốn kinh nghiệm nhất định, còn về sau là với sự hoài nghi, rồi với cái cười nhếch mép, sau nữa với sự coi thường tuyệt đối, và cuối cùng hoàn toàn không để ý đến nữa, vì đối với hẳn thế nào cũng được, mọi thứ đều như nhau cả thôi. Hẳn chữa bệnh theo chỉ dẫn của kinh nghiệm, hẳn đã trải qua một quá trình thực tế nhất định, đã quen dần với Obrzydlovek, với tình trạng cô đơn, thậm chí buồn chán, quen với những chú lợn sữa quay và ít nhất cũng không còn sốt sắng với ngọn lửa trí tuệ của cuộc sống.

Nguyên tắc, như một mẫu số chung mà các hành động và ý nghĩ của *doctor Obarecki* hướng đến là: Hãy đưa tiền ra và rút khỏi đây...

Nhưng sau khi trở về từ cuộc gặp nhân ngày lễ Đặt tên của cha xứ quản hạt và trong giây phút ngồi gõ ngón tay xuống mặt bàn, “tình trạng siêu hình” lại chế ngự hẳn với sức mạnh tăng cường. Ngay từ giờ thứ sáu của cuộc chơi bài, *doctor* đã cảm thấy khó chịu, điều đó lại do chính gã chủ tiệm được phẩm gây ra. Không biết từ lúc nào, ông ta bắt đầu nghiên cứu Lịch sử phổ thông của hoàng đế Cant(bản dịch của Leon Rogalski) và sau khi tạo cho mình một quan điểm vô cùng cấp tiến về hành động của Aleksander VI*, dù chẳng quan tâm đến vấn đề tôn giáo, ông ta liền tuyên bố ủng hộ Giáo hoàng kia.

Doctor Obarecki biết quá rõ tại sao những cuộc tranh cãi thiếu ý thức xây dựng của gã được sĩ đó đã chọc tức cha xứ quản hạt; hẳn cảm thấy

trước được rằng đó là khúc dạo để tiến tới sự tiếp cận gần hơn, sự kết bạn trên cơ sở thống nhất quan điểm... Hẳn cảm thấy trước được rằng gã kia sẽ đến thăm hẳn vào một lúc nào đó, gã sẽ đến, từ xa ghé đến và sẽ khôn khéo chỉ ra sự thiếu hụt nguồn vốn, cái gốc của “tình trạng đình đốn”, rồi sau khi hạ thấp đường bay xuống tới các vấn đề của Obrzydlovek, gã kia sẽ chỉ ra rằng hai người họ, khi tay nắm trong tay, sẽ mang lại lợi ích gì cho xã hội: một người bằng việc viết đơn thuốc trên khuỷu tay, người thứ hai khai thác tình hình...Ai biết được - có thể gã kia sẽ đưa ra đề nghị thẳng thừng và thành thực, “gác chân lên mặt bàn”, lập một công ti hối phiếu, với mục đích cùng nhau ngụp lặn trong đồng phân nhầy nhụa. *Doctor* cũng linh cảm thấy rằng hẳn sẽ không đủ sức từ chối các đề nghị của chủ tiệm dược phẩm bằng việc tát nhẹ vào má gã, bởi vì không biết tát gã vì cái gì... Thậm chí, hẳn còn giả thiết rằng công ti đó sẽ được lập ra - ai biết được... Nỗi đắng cay ngập tràn trái tim hẳn. Điều gì sẽ xảy ra? Cho đến nay hẳn đã đi vào đó bằng cách nào? Tại sao không thoát ra khỏi vũng bùn ấy? Tại sao hẳn lại là kẻ lười biếng, kẻ mơ mộng, kẻ suy tư, con sâu gặm nhấm chính ý nghĩ của mình, bức tranh châm biếm đáng ghê tởm vẽ chính bản thân mình?...

Và chuyện đã xảy ra, khi hẳn nhìn chăm chú vào ô cửa sổ, đặc biệt cần mẫn, nghiền cứu một cách tàn nhẫn và ngấm ngấm hết sức tinh tế sự tàn nhẫn của mình. Tuyết rơi những hạt to, che lấp cả khung cảnh buồn rầu bằng lớp sương mù mùa đông và ánh hoàng hôn.

Cuộc rượt đuổi theo các ý nghĩ hão huyền không mang lại kết quả, bỗng nhiên bị tiếng kêu thét của chị nội trợ đang cố thuyết phục ai đó rằng *doctor* không có mặt ở nhà làm gián đoạn. Nhưng chính *doctor* lại đi ra bếp để cắt đứt dòng ý nghĩ đang hành hạ hẳn.

Một gã đàn ông to lớn trong chiếc áo lông màu vàng, phui tuyết bằng “chiếc mũ điên khùng” cúi gập người xuống ngay dưới chân hẳn, dùng nắm tay hất những sợi tóc khỏi trán, đứng thẳng dậy và chuẩn bị bắt đầu bài diễn thuyết của mình.

- Cái gì thế? - *Doctor* lên tiếng.

- A ha, *doctor* quyền quý ơi, ông trưởng thôn phái tôi đến đây...

- Để làm gì?

- À, để đón ngài *doctor* quyền quý.

- Ai ốm hả?

- Cô giáo ở trong làng chúng tôi bị sốt, có cái gì đó đổ ụp xuống cô ta. Ông trưởng thôn đến... “Đi ngay đi, Ignacy ơi, tuyết đang rơi, đến ngay Obrzydlovek tìm *doctor* quyền quý. Cũng có thể ông ta đến, tuyết đang rơi...”

- Tôi sẽ đến. Ngựa khỏe không?

- Ôi, ngựa chỉ là ngựa thôi, loài bò sát chết tiệt ấy mà.

Doctor cảm thấy thích thú vì chuyến đi, vì sự mệt nhọc, thậm chí vì cả sự nguy hiểm. Hắn hồ hởi xỏ chân vào đôi giày dày dặn, mặc lên mình chiếc áo khoác ngắn cùng chiếc áo lông da thú có thể bao bọc kín mình khi có gió, thắt chiếc thắt lưng quanh bụng và đi ra khỏi nhà. “Lũ bò sát” của người nông dân không lớn lắm, nhưng tròn trịa, được ăn no; chỗ ngồi cực lớn trên xe trượt tuyết được trải đầy rơm bên trên và phủ một tấm thảm. Hắn lọt thỏm vào lớp rơm phủ kín mình, người nông dân ngồi ké bên cạnh trên ghế trước, tháo dây cương làm bằng vải bố khỏi chiếc cọc cho lũ ngựa khởi hành.

- Có xa không? - *Doctor* hỏi.

- Có lẽ khoảng chừng ba dặm, có thể ít hơn...

- Ông không đi lạc đấy chứ?

Người nông dân nhìn lại với nụ cười mỉa mai.

- Ai... tôi ấy à?

Gió thổi trên cánh đồng rất mạnh. Chiếc xe trượt tuyết mới thẳng vào ngựa còn đang lệch, vừa mới được đeo gót bằng rìu, nhảy chồm chồm trên đường mới bị tuyết dày bao phủ, hất tung sang bên cạnh những tảng đất trắng phau. Đoạn đường dài ra.

Người nông dân lật “chiếc mũ điên khùng” sang một bên và bắt đầu thúc lũ ngựa. *Doctor* cảm thấy dễ chịu. Sau khi vượt qua khu rừng nhỏ ngập chìm trong tuyết, họ đi đến một khoảng rộng trống trải không

người ở, bao quanh là cánh rừng chạy dài xa tít đến tận cuối đường chân trời. Ánh hoàng hôn hạ xuống bao phủ khung cảnh trơ trụi và khắc nghiệt của sự hoang vắng bằng màu xanh nhạt và đang tối thẫm lại phía trên cánh rừng. Những cục tuyết bắn ra từ móng ngựa bay ngang qua tai *doctor*, Không hiểu sao hẳn muốn đứng thẳng lên trên xe trượt tuyết và gào to theo kiểu người nông dân, bằng cả sức lực của mình, gào vào khoảng không câm lặng bất tận, mê hoặc bởi sự bao la rộng lớn giống như vực thẳm. Đêm hoang dại và buồn thảm nhanh chóng tràn về, đêm của những cánh đồng không người ở.

Gió mạnh lên, thổi đơn điệu với tiếng rít đôi lúc vang lên như khúc nhạc nặng nề; tuyết phả vào người từ bên cạnh.

- Hãy coi chừng đường đi, ông chủ ơi, nếu không có thể rất tồi tệ đấy. - *Doctor* giấu mũi trong chiếc áo lông thú lên tiếng.

- Ôi, bọn nhóc! - Người nông dân hét lên với lũ ngựa thay cho câu trả lời.

Giọng ấy chỉ vừa đủ nghe thấy trong tiếng gió lốc. Lũ ngựa phóng nước đại.

Một cơn bão tuyết bỗng nổi lên điên cuồng. Gió lốc bắt đầu kéo theo những đồng tuyết khổng lồ, đập mạnh vào cỗ xe trượt tuyết, rít lên điên cuồng, khiến người ta nghẹt thở. Nghe thấy tiếng ngựa thở phì phò, song *doctor* không thể nhìn thấy cả lũ ngựa lẫn người đánh xe. Những đám tuyết bị gió thổi bốc lên từ mặt đất bay lượn như đàn ngựa và giống như tiếng vó ngựa ào ào phóng qua; đôi lúc từ mặt đất vang lên tiếng rít rùng rợn và với sức mạnh khủng khiếp, giai điệu ấy đập thẳng vào các đám mây, bẻ vỡ chúng thành từng mảnh và bỗng nhiên rơi xuống với tiếng gầm rít cực lớn. Lúc bấy giờ, tuyết tan thành từng mảnh và bao phủ khách lữ hành của chúng ta bằng những cột tuyết xoáy tròn. Có cảm tưởng rằng những con quỷ đang bao quanh trong điệu nhảy điên loạn của các bánh xe khổng lồ, rằng chúng đuổi theo ta từ phía sau, cản đường ta phía trước, phía bên cạnh và hất từng vốc

tuyết vào đầy xe. Ở đâu đó phía trên cùng, trên đỉnh đầu, vang lên một tiếng chuông rất lớn, vọng xuống liên hồi, xa xăm đều đặn.

Doctor cảm thấy như họ không còn đi trên đường nữa; cỗ xe trượt tuyết đang di chuyển từ từ và vừa đi vừa đập bánh vào những luống đất trên đồng.

- Ông chủ ơi! - Hẳn lo lắng lên tiếng - Chúng ta đang ở đâu vậy?

- Tôi đang đi trên cánh đồng dẫn đến rừng. - Người nông dân đáp - Ở trong rừng sẽ bớt gió hơn... chúng ta sẽ vào ngay đầu làng bằng đường rừng...

Quả là không lâu sau, gió bớt hẳn đi và chỉ còn nghe thấy tiếng rít từ phía gầm trời và tiếng cành cây gãy răng rắc. Trên nền đêm đen lấp ló chập chờn những hàng cây tuyết phủ. Không thể đi nhanh hơn được, vì đây là đường rừng, đầy rẫy những ụ đồng, len lỏi cắt ngang bởi những thân cây và cành lá. Sau chừng một tiếng đồng hồ, khoảng thời gian mà *doctor* tỏ ra lo lắng và sợ hãi, cuối cùng cũng nghe thấy những âm thanh từ xa vọng đến lặp đi lặp lại - tiếng chó sủa.

- Làng chúng tôi đây, ngài quyền quý ạ...

Những đốm sáng lập lờ ở đằng xa, trông giống như những chấm nhỏ ngả nghiêng về nhiều phía, mùi khói dâng lên.

- Dừng lại, lũ nhóc! - Người đánh xe kêu lên vui vẻ, đâm thùm thụp vào sườn mình để làm nóng người lên.

Vượt qua hàng loạt căn nhà, họ đi đến một mái tranh phủ kín tuyết. Từ các lớp kính của ô cửa sổ đóng băng hắt ra đường vệt sáng và vọng ra những tiếng nói yếu ớt.

- Người ta đang ăn tối... - Người nông dân nói ra một cách không cần thiết, khiến *doctor* nhớ đến thời gian ăn bữa tối, thứ mà ngày hôm đó hẳn không hi vọng được hưởng.

Lũ ngựa dừng lại trước một căn nhà, người nông dân dẫn *doctor* Pawel vào hiên nhà, sau đó mất hút. Sau khi đưa tay vặn nắm đấm cửa, *doctor* bước vào căn phòng nhỏ nghèo nàn được chiếu đèn dầu hỏa chiếu sáng. Một người đàn bà già yếu, lưng gù trông như tay cầm của

chiếc ô, sau khi nhìn thấy hần liền từ trên giường nhóm dậy, sửa lại chiếc khăn trùm đầu và bắt đầu nhấp nháy mi mắt, rồi giương đôi mắt đỏ lòm với sự hoảng sợ được che đậy rất tồi tệ.

- Người ốm ở đâu? - Hần hỏi - Các người có ấm đun nước không?

Bà già trong cơn sợ hãi không thể nói được gì...

- Có ấm đun nước chè không, các người có thể pha cho tôi cốc nước chè không?

- Có ấm đun nước đấy... chỉ có điều không có đường...

- Lại còn thế nữa! Không có đường à?

- Không có... có lẽ Walkowa có, bởi cô ấy...

- Cô gái trẻ của các người ở đâu?

- Cô gái khốn khổ ấy nằm ở phòng bên.

- Bị ốm lâu chưa?

- Cô ấy đã nằm đến hai tuần nay rồi, còn bây giờ thì cả tay và chân đều không cử động. Im thín thít.

Hần hé cánh cửa căn phòng bên cạnh.

- Chút nữa! Tôi phải sưởi ấm đã. - *Doctor* lên tiếng với vẻ giận dữ và cời áo lông thú khỏi người.

Việc sưởi ấm trong cái hang này không khó: từ bếp lò đưa đến một luồng khí nóng đến nỗi *doctor* phải vội vàng lẩn người vào phòng “cô gái trẻ”. Căn phòng nhỏ hết sức nghèo nàn này được chiếu sáng với chiếc đèn vặn nhỏ bắc đặt trên mặt bàn, ngay bên cạnh đầu người bệnh. Không thể nhìn rõ được nét mặt của cô giáo, do có một vệt tối của quyển sách rất lớn phủ trùm lên. *Doctor* thận trọng tiến lại gần, vặn to ngọn đèn, chuyển quyển sách đi chỗ khác và bắt đầu quan sát người bệnh. Đó là một cô gái trẻ, đang chìm vào giấc ngủ do sốt cao. Mặt, cổ, hai tay cô bao phủ màu đỏ chói - trên nền ấy có thể nhìn thấy những mụn nhỏ nổi lên chi chút. Mái tóc màu tro nhạt vô cùng rậm rạp chảy dài trên gối, uốn lượn trên mặt. Đôi tay vô thức và nôn nóng giằng xé tấm chăn bông.

Doctor Pawel cúi xuống sát mặt người bệnh và bỗng nhiên nói bằng giọng như bị sợ hãi chặn ngang và bóp nghẹt:

- Cô *Stanislawa* ơi, cô *Stanislawa* ơi, cô *Stanislawa* ơi...

Người bệnh lười nhác và cố sức hé mở cặp mi mắt, nhưng ngay lập tức nhắm nghiền lại. Cô gái dịch đầu từ góc này sang góc kia của gối và từ sự im lặng đau đớn bật lên tiếng rên nặng nề. Thình thoảng, cô lại mở miệng, như con cá chép cố đớp đớp chút không khí.

Doctor ngược mắt lên nhìn những bức tường vôi trắng trần trụi của căn phòng, phát hiện thấy ô cửa sổ ẩm ướt không được bọc kín và đôi giày đi trong nhà khô khốc của người bệnh. Những đồng sách nằm ở mọi nơi mọi chỗ: trên nền đất, trên mặt bàn, trên tủ...

- Ôi, em thật điên rồ, thật ngu ngốc! - Hẳn thăm thì, vắn tay tỏ ý thất vọng.

Cảm thấy lo lắng và buồn rầu, hẳn vội vã khám bệnh cho cô, đôi tay run rẩy đo nhiệt độ.

- Thương hàn... - Hẳn lẩm bẩm.

Với nỗi tức giận, hẳn ghì nén cổ họng mình, trong đó giống như có những cuộn xơ đay đang bóp nghẹt, những giọt nước mắt bất lực muốn trào dâng. Hẳn biết rằng không có cách gì giúp được cô, không cái gì có thể giúp được. Bỗng nhiên, hẳn bật cười sau khi nhớ lại rằng muốn có thuốc kháng sinh hoặc thuốc đặc trị phải cử người đi... ba dặm đường đến *Obrzydlovek*. Cô *Stanislawa* thình thoảng lại mở to đôi mắt trong veo vô hồn, giống như thứ chất nhờn đã nguội lạnh dưới mi mắt ra và nhìn, nhìn mà không thấy gì qua cặp lông mi cong dài của mình. Hẳn gọi cô bằng những từ âu yếm nhất, nâng chiếc đầu gầy yếu ớt vào cổ của cô lên cao nhưng vô ích.

Hẳn ngồi bất động trên ghế và nhìn chăm chú vào ngọn lửa đèn dầu. Nỗi bất hạnh như một tử thần nện đòn chí mạng vào hẳn và bây giờ đang đưa con người bất lực đến hang động tối tăm, đến một khe hở không có lối thoát...

- Làm gì đây? - Hẳn run rẩy thăm thì.

Qua lỗ hở của cửa sổ, một luồng hơi lạnh của cơn bão mùa đông luồn vào căn phòng nhỏ giống như bóng ma báo điềm dữ. *Doctor* cảm thấy như có ai đó động vào người mình, ngoài hăn và người bệnh ở trong phòng còn có kẻ thứ ba nữa...

Hăn đi ra phòng bếp và hét người hầu bảo gọi ngay trưởng thôn đến.

Bà già chỉ kịp xỏ chân vào đôi giày lớn, đội tấm khăn quàng lên đầu và vừa nhảy tung tung trông thật buồn cười vừa biến mất. Không lâu sau, trưởng thôn xuất hiện.

- Ông nghe đây, ông có thể tìm cho tôi một người đi đến Obrzydlovek ngay bây giờ hay không?

- Bây giờ ư? Ông *doctor*, không đi được... bão tuyết. Đi để chết à? Khó có thể xua chó dẫn đường.

- Tôi sẽ trả công, sẽ có thưởng.

- Tôi không biết... Để tôi hỏi đã.

Ông ta bước ra khỏi nhà. *Doctor* Pawel lấy tay di di vào thái dương, hình như chỗ đó đang tụ máu. Hăn ngồi xuống nắp một chiếc hòm và nghĩ về chuyện đã xảy ra lâu lắm rồi, ở một nơi xa xăm.

Sau đó, hăn nghe thấy tiếng chân bước đến gần: trưởng thôn dẫn một gã đầy tớ đến trong chiếc áo lông rách mướp, dài chưa đến đầu gối, quần may bằng vải thô, giày tồi tàn, quàng chiếc khăn màu đỏ trên cổ.

- Hăn ta đi ư? - *Doctor* hỏi.

- Hăn nói hăn sẽ đi... Can đảm đấy chứ. Tôi có thể cho ngựa, nhưng giờ này thì đi đâu?

- Này, nếu như anh về đây trong vòng sáu tiếng đồng hồ, anh sẽ nhận được từ tay tôi hai mươi nhăm, ba mươi rúp ... bao nhiêu cũng được... anh có nghe thấy không?

Cậu bé nhìn lên *doctor* định nói gì đó nhưng nén lại. Rồi cậu dùng ngón tay lau mũi, quay lưng lại và chờ. *Doctor* đi đến bàn của cô giáo và bắt đầu viết. Tay hăn run rẩy và chốc chốc lại đặt lên thái dương. Hăn suy nghĩ, viết, gạch xóa, vò nát tấm giấy. Hăn viết thư cho chủ tiệm dược phẩm bảo ngay lập tức đưa ngựa tới thành phố huyện lỵ, đến

gặp bác sĩ ở đó, đề nghị gửi cho hẩn thuốc kháng sinh. Hẩn cúi xuống người bệnh, khám lại cho cô một lần nữa. Cuối cùng, hẩn đi ra bếp và trao bức thư cho cậu bé.

- Người anh em của tôi ơi, - hẩn nói bằng giọng rất lạ, không phải giọng của mình, vừa nói vừa để tay lên vai chàng trai và lắc mạnh cậu ta - miễn là ngựa còn nhảy được, còn một chút hơi sức... Cậu có nghe thấy không, người anh em của tôi!...

Cậu bé cúi xuống tận chân hẩn để chào và đi ra ngoài cùng trưởng thôn.

- Cô giáo này đến làng các người lâu chưa?... - *Doctor Pawel* ướm hỏi bà già đang ép sát người vào lò sưởi.

- Ba mùa đông rồi! ... Hình như thế.

- Ba mùa đông. Không ai sống cùng cô ta hay sao?

- Còn ai nữa... chỉ có tôi. Cô gái khốn khổ cho tôi ở... “Không tìm được người phục vụ,” cô ta nói, “bà ơi, còn ở với cháu công việc không nhiều... chỉ cần... chỉ cần...”. Còn bây giờ thì thế đấy: cô ta hứa với tôi rằng sẽ lo cỗ quan tài cho tôi, thế mà... hãy cầu Chúa tha tội cho chúng con.

Bỗng nhiên, bà già bắt đầu lăm rằm cầu kinh, câu được câu mất và đôi môi đánh vào nhau lập cập như con lạc đà. Đầu bà ta rung chuyển, nước mắt lăn theo các vết nhăn chảy vào cái miệng móm không còn răng.

- Cô ấy tốt lắm...

“Người bà” bắt đầu khóc sục sịt trông thật buồn cười và phẩy tay như muốn đuổi *doctor* khỏi chỗ mình. Hẩn đi vào phòng và rón rén bước xung quanh phòng theo kiểu của mình, cứ bước và bước... Thình thoảng, hẩn dừng lại bên cạnh giường và nhe cả hàm răng ra nói với người bệnh trong sự tức giận khiến đôi môi trở nên trắng nhợt:

- Cô đã hành động thật ngu ngốc! Không những không thể sống như vậy được, mà còn không đáng. Không thể dùng cuộc sống phục vụ cho một trách nhiệm nào đó; bọn ngu ngốc sẽ ăn thịt cô, sẽ lấy dây thừng

kéo cô đến với bầy đàn, còn nếu cô chống cự lại vì những ảo tưởng ngu ngốc của mình thì chúng sẽ giết chết cô đầu tiên, bởi cô quá xinh đẹp, quá đáng yêu...

Như ngọn lửa bén củi khô, tình cảm xưa đã trôi qua, bị quên lãng bỗng trở về bao bọc hần; nó xuất hiện, làm say đắm như thuở nào và cực kì ngọt ngào. Hần tự thuyết phục mình rằng chưa bao giờ quên cô, rằng cho đến tận giờ phút này hần vẫn yêu mến và luôn nhớ tới cô. Hần nhìn ngắm khuôn mặt quen thuộc ấy với thái độ tò mò không bao giờ thỏa mãn và một nỗi đau âm ỉ xuyên thẳng vào tim hần. Ba năm trời cô sống ở đây, bên cạnh hần - hần chỉ biết điều đó khi cô sắp chết...

Tất cả mọi thứ mà ngày hôm nay hần gặp, đối với hần hình như đó là sự nối tiếp nỗi đau khổ của sự tồn tại bất buộc, đồng thời cũng hé mở một chân trời bí hiểm, một đại dương chìm trong sương mù. Những cơn rừng mình cứ chảy tràn đến tận các góc ngách xa nhất trên đường dây thần kinh của hần. Hần có vùng vẫy như cục chất nhầy trên đáy bùn lầy của khe nước, khi người ta nhấn chìm hần xuống nước biển...

Cho nên, bằng toàn bộ sức lực của tính nôn nóng và cảm giác vô vọng, hần nắm lấy những hồi tưởng, chạy trốn thực tại không tài nào chịu đựng nổi, chìm vào đó như chìm vào đám sương mù dày đặc trước buổi bình minh tháng Sáu.

Bằng giá nào cũng được, hần muốn được ở một mình để nghỉ và nghỉ, dù chỉ trong giây lát...

Từ phòng cô giáo, qua chiếc cửa nhỏ hần đi vào căn phòng lớn có kê bàn và những chiếc ghế dài. Hần ngồi xuống trong bóng tối và như tập trung tinh thần, suy tính các phương cách cứu chữa, hần bắt đầu nhớ lại. Và đây là điều hần đã nhớ lại được.

Hần là sinh viên nghèo đang học năm thứ tư. Buổi sáng mùa đông, trên đường đến bệnh viện, hần phải đặt bước chân hết sức khéo léo sao cho không phải tất cả mọi người đều nhìn thấy những lỗ thủng trong đế giày làm bằng bìa cát tông đã được che đậy một cách tài tình. Chiếc áo bành tô nhỏ của hần chật không khác gì chiếc áo nẹp của một gã điên,

xơ xác đến mức tên Do Thái không thèm trả để mua nó với giá tám zloty vào mùa hè. Cái nghèo làm cho hắn rất bi quan, kéo hắn vào tình trạng buồn phiền dai dẳng, một cái gì đó còn lớn hơn nỗi buồn chán khó chịu, song cũng còn xa mới đến sự đau đớn. Hắn có thể thức tỉnh ngay lập tức từ tình trạng đó: chỉ cần uống vài cốc nước chè, ăn một suất bít tết - nhưng hắn không uống nước chè, có lẽ không ăn cả bữa trưa nữa cũng nên. Hắn chạy gần như dọc bãi lầy ở phố Długa để đến công vườn Saski vào chín giờ kém mười lăm. Ở đó, hắn gặp một cô gái, đi bên cạnh cô, ngắm nhìn bím tóc nặng dài màu tro sáng của cô... Cô không ngược mắt lên, cau cặp lông mày trông giống như

cặp cánh thẳng và hẹp của một con chim. Mỗi ngày, hắn đều gặp cô tại đúng địa điểm ấy. Cô bước nhanh trên phố Krakowskie Przedmiescie, đi lên tàu điện và đến Praga. Cô chỉ khoảng mười bảy tuổi, nhưng trông như một nhân vật quan trọng đứng tuổi, đội mảnh vải trùm đầu có dải dài vắt chéo một cách cầu thả lên mũ lông, đi đôi ủng hơi quá cỡ so với đôi chân nhỏ nhắn, mặc chiếc áo choàng may vụng về không hợp một. Cô luôn cắp dưới nách cuốn tập viết, những tờ giấy đầy chữ, các cuốn sách, tập bản đồ. Có lần, biết trong túi mình có mấy chục xu dành cho bữa trưa, hắn quyết định đi theo để xem cô đi đâu. Hắn đuổi sau cô, cùng lên toa tàu giá vé mười xu, song ngay sau khi ngồi vào chỗ, hắn liền mất hết lòng can đảm. Người con gái không quen ấy đã nhìn hắn với ánh mắt khinh bỉ khủng khiếp đến mức hắn lập tức nhảy khỏi tàu điện, thế là hắn mất một suất xúp gà mà không đạt được bất cứ điều gì.

Nhưng hắn không oán ghét cô - qua chuyện đó, cô lại càng được đánh giá cao hơn. Mặc dù không muốn, hắn vẫn nghĩ đến cô, nghĩ một cách vô thức, liên tục. Hàng giờ liền hắn cố nhớ lại, cố hình dung lại mái tóc, đôi mắt, cái miệng màu vỏ quả hồng dại - và cố gắng nhớ một cách vô ích.

Chỉ cần cô không xuất hiện trước mắt hắn, những đường nét của cô lập tức biến mất khỏi trí nhớ - ngược lại, chỉ còn tồn tại bóng ma ghê tởm, giống như một đám mây trắng với những đường nét không rõ ràng

bay lượn đầu đó trên cao trước mặt hắn. Đám mây ấy đuổi theo ý nghĩ của hắn với niềm thương nhớ và sự sợ hãi nhún nhường, với một chút tiếc nuối không thể nắm bắt được, với nỗi buồn đau và mối thiện cảm không thể tách rời. Mỗi buổi sáng, hắn đều đi để so sánh cô gái sống động ấy với bóng ma của mình. Và hắn cảm thấy rằng cô gái sống động kia xinh đẹp hơn, đôi mắt thông minh của cô gây cho hắn sự sợ hãi khó tả...

Lúc bấy giờ, một trong những người bạn hắn, có tên gọi là “Chuyển động trong không gian”, một “nhà hoạt động xã hội” lớn, người luôn bắt đầu viết phần mở đầu, nhưng không bao giờ kết thúc một cuốn sách nào vì luôn thiếu thời gian, bất ngờ lại kết hôn với một người phụ nữ đòi quyền bình đẳng nghèo như chuột trong nhà thờ.

Của hồi môn cô vợ mang đến cho “Chuyển động” là một tấm thảm cũ, hai cái xoong, một pho tượng Mickiewicz bằng thạch cao và hơn chục tấm bằng khen của trường phổ thông trung học cơ sở. Đôi vợ chồng trẻ sinh sống tại tầng tư và ngay sau đám cưới, họ bắt đầu chết dần chết mòn vì đói. Cả hai người đều hăng say dạy thêm đến mức sau khi chia tay nhau buổi sáng, mãi đến buổi tối họ mới gặp nhau. Căn nhà của họ trở thành điểm mà buổi tối, mỗi “nhà hoạt động xã hội” nào trong đôi dép dính bùn cũng đến để ngồi trên ghế bành, hút thuốc lá của người khác, nói chuyện phiếm đến khản giọng và góp những đồng xu lẻ cuối cùng đưa ra để bà chủ nhà lịch thiệp mua về cho họ những chiếc bánh mì tròn và khúc giò nhân thịt, bày một cách nghệ thuật lên chiếc đĩa và thết đãi mọi người. Ở đó, lúc nào cũng có thể gặp được ai đó, làm quen được với những con người vĩ đại mà xưa nay chưa từng gặp, làm quen với các bạn gái của chủ nhà, và thậm chí còn có thể vay của ai đó 40 xu không chỉ một lần.

Obarecki đã run lên vì sung sướng như thế nào khi buổi tối nọ, bước vào căn phòng gọi là phòng khách và nhìn thấy cô gái mình thầm yêu trong đám các bạn gái đó! Hắn nói chuyện với cô và đã mất tinh táo đến mức không giữ được nhã nhặn nữa... Tối đó, về đến nhà, hắn muốn ở một mình - không mơ tưởng và không nghĩ ngợi gì, chỉ muốn ở bên

cô bằng cả tấm lòng mình, muốn có cô toàn vẹn trong mắt mình, có tiếng nói của cô trong tai mình, suy nghĩ giống như cô, nhắm mi mắt lại và để những hình ảnh thoát ra từ trái tim mình đi dưới mi mắt ấy. Hẳn nhớ đôi mắt kì lạ của cô, đôi mắt buồn rầu và nhân từ, dịu dàng mà kín đáo, trong đó có một vực sâu dễ làm người ta hoảng sợ. Hẳn được nếm trải cảm giác vui sướng và yên bình, giống như sau chuyến đi nóng nực và mệt mỏi đến được một dòng suối trong lành ẩn mình dưới bóng râm của những cây thông trên cao nguyên đá.

Người ta dành cho cô sự tôn trọng, quan tâm đặc biệt đến những lời nói của cô. “Chuyển động” khi giới thiệu Obarecki với cô gái không quen đã trịnh trọng tuyên bố:

- Đây là Obarecki, nhà tư tưởng, người mơ ước, một người lười biếng vĩ đại, còn đây là nhân vật lừng danh tương lai, cô Stanislaw Bozowska, người theo chủ nghĩa Darwin của chúng ta...

“Người lười biếng vĩ đại” biết được về “người theo chủ nghĩa Darwin” không nhiều lắm: cô tốt nghiệp trung học cơ sở, đi dạy thêm, có ý định đến Zurich hoặc Paris để học y khoa, không có đồng xu nào dính túi...

Từ đó, họ thường xuyên gặp nhau ở “phòng khách”. Cô Stanislaw mang đến một thỏi đường bắp trong áo choàng, miếng thịt nướng nguyền bọc trong tờ giấy, vài chiếc bánh mì tròn; Obarecki không mang gì đến vì hẳn chẳng có gì, vì thế hẳn chỉ gặm bánh mì và ăn tươi nuốt sống “người theo chủ nghĩa Darwin”. Thậm chí có lần, khi tiễn người yêu quý về nhà, hẳn đã ngỏ lời cầu hôn với cô. Cô nhoẻn miệng cười thân thiết và tiễn hẳn bằng một cái bắt tay thân tình. Không lâu sau, cô biến mất; cô đã đi đến tỉnh Podolska làm gia sư tại một “nhà” quý tộc.

Còn bây giờ, hẳn gặp lại cô trong góc tối tăm này, tại làng quê hẻo lánh nằm sâu trong rừng, nơi sinh sống của toàn những người nông dân, nơi không có một lâu đài nào, nơi không có một linh hồn sống nào... Một mình cô sống tại nơi hoang mạc này. Bây giờ cô đang chết... đang bị lãng quên...

Tất cả niềm say đắm xưa kia, những giấc mơ không thực hiện được và những ước muốn bỗng nhiên cùng trôi dạt, đổ lên người hắn như cơn gió xoáy ập đến. Trái tim dồn ép hắn đến nhói đau và độc tố say mê đã thẩm thấu chút ít vào dòng máu nổi loạn.

Hắn rón rén đi lại giường người bệnh, dựa người vào thành giường và say sưa nhìn ngắm bờ vai trần, những đường nét tuyệt vời kia khiến hắn liên tưởng đến bộ ngực và cái cổ. Cô gái đang ngủ. Trên thái dương cô nổi lên những mạch máu, ở khóe môi phía dưới dải nước bọt chảy xuống, hơi nóng từ người cô toát ra, luồng không khí bị hút vào miệng tạo thành tiếng huýt nghe rõ ràng. *Doctor Pawel* ngồi xuống bên cạnh cô trên mép giường, dùng hai tay vuốt ve mớ tóc mềm mại của cô, vuốt nhẹ khắp khuôn mặt cô, áp đôi môi vào mặt cô và nghe tiếng nước nở phát ra từ ngực cô.

- Stasia, Stachna... em yêu ơi...- Hắn thầm thì nho nhỏ vì không muốn đánh thức cô - Em không chạy trốn anh nữa... phải không? Không bao giờ nữa... em sẽ mãi mãi là của anh... em có nghe thấy không... mãi mãi...

Sau đó, hắn ngồi cạnh đầu giường người bệnh, trên một chiếc ghế nhỏ và lại chìm vào mơ ước. Thời thanh xuân đầy sôi nổi lại thức dậy trong hắn như từ cơn mê. Tất cả mọi thứ giờ đây sẽ khác. Hắn cảm thấy trong mình sức mạnh của một lực sĩ đang thực hiện những hành động mà trái tim mách bảo. Sự đau đớn và niềm hi vọng đang trộn lẫn vào nhau thành một ngọn lửa và chính ngọn lửa đó đang liếm vào bộ óc, thiêu trụi hắn, không cho hắn nghỉ ngơi.

Một đêm đã trôi qua. Thời gian lười nhác trôi, song đã hơn sáu tiếng đồng hồ qua đi kể từ lúc gã người hầu lên đường. Đã 4 giờ sáng. *Doctor* bắt đầu dỏng tai lên nghe ngóng, mỗi lần có tiếng sột soạt lại đứng ngay dậy. Thỉnh thoảng, hắn lại có cảm giác như ai đó đang đi, cánh cửa được mở ra, có người gõ vào cửa sổ... Hầu như mọi cơ quan trong người hắn đều căng ra nghe ngóng. Gió đang thổi diên rờ, chót điều chỉnh không khí trong bếp lò hú lên - rồi lại im lặng. Và mỗi phút

đang diễn ra như kéo dài cả trăm năm, trong đó, sự sốt ruột đã làm dây thần kinh hãn căng ra và đưa hãn vào tình trạng run rẩy toàn thân.

Khi đo nhiệt độ lần thứ sáu, người bệnh từ từ mở to đôi mắt. Dưới bóng tối của cặp lông mi, đôi mắt ấy trông gần như đen tuyền, cô nhìn thẳng vào hãn và thốt ra với giọng rít lên vì sợ hãi:

- Ai thế này?

Nhưng ngay sau đó, cô rơi vào tình trạng không còn cảm giác gì như trước đây. Hãn vui như bắt được báu vật vì giây phút tỉnh táo đó của cô. Ôi, giá như giờ đây có thuốc kháng sinh làm cô giảm đau đầu, đưa cô tỉnh trở lại...

Cậu bé được cử đi vẫn chưa trở lại, chưa thấy đâu.

Trước bình minh, *doctor Obarecki* đi men theo đường làng, dọc các cồn tuyết sâu hun hút, với niềm hi vọng cuối cùng là sẽ nhìn thấy cậu bé. Một linh cảm xấu giống như mũi nhọn của chiếc kim cứ xoáy vào tim hãn. Giữa những cành lá trống trải của hàng dương ven đường, gió vẫn hú lên điên cuồng, mặc dù bão đã lặng. Từ các căn nhà, những người đàn bà đi ra đường lấy nước và ị ạch xách những chiếc thùng, oằn mình đến đầu gối. Những người cố nông “kết bạn” với đàn bò, khói từ các ống khói dâng cao. Đây đó, từ các cánh cửa mở chớp nhoáng lại thấy tuôn ra làn hơi nước.

Doctor tìm thấy nhà trường thôn và ra lệnh lập tức thả ngựa vào xe. Người ta thả hai con ngựa và một cỗ nông đánh xe đi đến trước cổng trường học. *Doctor* tiễn đưa người bệnh bằng cặp mắt mở to vì mệt mỏi và cũng vì thất vọng, ngồi lên xe trượt tuyết và đi về Obrzydlovek. Mười hai giờ trưa, hãn quay trở lại, mang theo túi thuốc, chai rượu vang và toàn bộ số thực phẩm dự trữ của mình. Thình thoảng, hãn đứng lên trên xe trượt tuyết, cứ như muốn nhảy ra ngoài và kéo ngựa chạy nước đại. Cuối cùng, hãn cũng đến được cửa trường học, nhưng hãn không bước xuống... Hãn nghệt thờ. Một tiếng kêu ngắn hình như phát ra từ miệng những kẻ đang cúi thấp, hãn nhìn thấy các cửa sổ căn nhà mở rộng và đám đông trẻ con đứng túm tụm ở hiên

nhà. Mặt trắng nhợt như tấm vải dày, hần đi về phía cửa sổ, nhìn khắp lượt và đứng lại đó, dựa khuỷu tay lên khung cửa sổ.

Trong căn phòng rộng của trường học, thi thể cô giáo trẻ nằm trên chiếc ghế dài; hai bà già đang tắm rửa cho cô... Những hạt tuyết nhỏ bay vào qua cửa sổ và đọng lại trên đôi vai, trên mớ tóc ướt và trên đôi mắt còn hé mở của người quá cố.

Doctor đi đến căn phòng nhỏ của người quá cố, cúi gù hần lưng xuống, giống như trên vai đang đeo cả một trái núi. Hần ngồi xuống, không cởi áo khoác, ngồi trên một chiếc ghế tựa nhỏ và nhắc đi nhắc lại một câu, trong đó biểu thị toàn bộ nỗi đau đớn của mình:

- Thật vậy sao? Đúng vậy sao?

Hần cảm thấy lạnh cóng, phiền muộn như máu trong người đã đông lại. Hần không đau đớn, không biết cái gì đang xảy ra với mình, chỉ thấy trong đầu hình như có những chiếc bánh xe không bôi dầu mỡ đang lăn qua với tiếng kêu khùng khiếp.

Chiếc giường của Stasia bị xô lệch: chăn nằm dưới đất, vài trái giường treo trên nền nhà, chiếc gối đầy mồ hôi nằm ở giữa giường. Những chiếc móc dây thép của cửa sổ cứ đập tí tách đều đều vào khung kính; những chiếc lá cây bị ướt trong các chậu trồng cây treo lơ lửng và quần lại vì băng giá.

Qua cánh cửa hé mở, hần nhìn thấy những cậu bé đang quỳ xung quanh thi thể đã được mặc quần áo, trẻ con đang cầu kinh “trên sách”, gã thợ mộc đang đo đạc để làm quan tài...

Hần bước đến và bằng giọng khàn khàn, hần ra lệnh đóng cổ quan tài bằng bốn mảnh ván không bào, phoi bào ở dưới đầu phải được dọn sạch.

- Không thêm cái gì cả... nghe chưa! - Hần nói với gã thợ mộc với thái độ cố giấu sự phẫn nộ - Chỉ bốn tấm ván, không thêm cái gì cả...

Hần chợt nhớ ra là phải báo tin cho ai đó... trong gia đình. Gia đình đó ở đâu nhỉ?...

Với vẻ đần độn và ngu ngốc, hắn bắt đầu sắp xếp cẩn thận các quyển sách, sổ danh mục của nhà trường, các vở ghi chép, những tờ giấy viết tay lại thành một chồng... Hắn bắt gặp giữa đống giấy tờ đoạn mở đầu của một bức thư.

“Chị Helenka yêu thương!

Từ mấy ngày nay, tôi cảm thấy khó chịu đến mức có lẽ tôi sẽ đến với các đấng Minos và Radamantes, Eakos và Tryptolemos cùng rất nhiều những vị thần linh khác. Trong trường hợp “di cư từ nơi này đến nơi khác” như vậy, chị hãy yêu cầu ông xã trưởng của xã tôi chuyển toàn bộ số di sản sách của tôi cho chị. Cuối cùng, tôi cũng đã hoàn thành cuốn Vật lí dành cho dân chúng, cuốn sách chúng ta đã tốn biết bao nhiêu trí tuệ của những bộ óc con gái trinh nguyên suy nghĩ về nó - tôi mới hoàn thành bản viết tay - thật tiếc! Nếu chị có đủ thời gian - trong trường hợp tôi di chuyển đến chỗ khác, thì bằng mọi giá - chị hãy cho in nó và bắt Antos chép lại; anh ta sẽ làm điều đó vì tôi. Ôi chao, sao lại buồn như vậy!... Đúng không?... Tôi còn nợ người bán sách của chúng ta mười một rúp sáu mươi lăm kopek... chị hãy trả anh ta... Hãy cầm bức hình Spencer của tôi làm kỉ niệm, vì trong tráp tôi chẳng còn cái gì cả...”*

Những chữ cuối cùng hắn không đọc được vì được viết bằng phấn. Không có địa chỉ, vì thế không thể gửi bức thư ấy đi được. Trong ngăn kéo bàn, *doctor* tìm thấy bản viết tay cuốn sách Vật lí mà hắn đã đọc trong thư, các cuốn vở ghi chép và vài mẫu giấy, trong tủ - một ít quần áo lót, chiếc áo choàng in hình các chú mèo, một cái váy cũ màu đen ...

Khi dọn dẹp căn phòng học, hắn đã phát hiện thấy cậu bé nhận đi lấy thuốc; nó đứng co rúm bên cạnh bếp lò ở góc phòng, chân nó đá chân kia. Một nỗi căm giận thú tính dâng lên trong lòng *doctor*.

- Tại sao mày không về đúng giờ? - Hắn hét lên và nhảy đến gần cậu bé.

- Tôi bị lạc trên cánh đồng, ngựa không chịu chạy... Tôi đã đi bộ về đây buổi sáng... Cô giáo lúc bấy giờ đã...

- Mà nói láo!

Cậu bé không đáp lại. *Doctor* nhìn thẳng vào mắt nó và nhận thấy một cảm giác kì lạ: đôi mắt đó tỏ ra mệt mỏi và sợ hãi, một nỗi tuyệt vọng kiểu nông dân, ngu ngốc man rợ, giống như một bí mật không thể khám phá đang hiện lên trong đó như hiện lên từ một hang động dưới lòng đất.

- Tôi mang đến đây, thưa ngài, những quyển sách mà cô giáo đã cho tôi mượn. - Nó nói rồi lôi từ dưới nách ra vài quyển sách đã xạm màu và bẩn thỉu.

- Mà để cho tao yên... Cút khỏi đây ngay!- *Doctor* hét lên, quay lưng lại và chạy vào căn phòng nhỏ.

Tại đó, hẩn đứng giữa đồng đồ cũ, các tờ giấy và những quyển sách vứt bừa bãi trên nền nhà và cười ngẩn ngơ tự hỏi:

- Mình muốn gì ở đây nhỉ?... Ở đây chẳng có gì cho mình, mình không có quyền!

Một sự tôn sùng sâu sắc, sự thấu hiểu, sự dò xét kĩ càng, sự nhún nhường lớn lao bao phủ hẩn. Giá như hẩn ở lại đó lâu thêm một tiếng đồng hồ nữa thôi, hẩn sẽ lần lên đến đỉnh dãy núi mà trên đó, sự điên rồ đang ngự trị. Trong màn bí mật trước chính mình, hẩn biết rằng mỗi lo về bản thân sẽ tan biến. Giữa tất cả những điều nghiền nát hẩn trong giây phút đó có sự không tương xứng lớn lao với chính bản thân hẩn, một thứ gì đó, thứ làm bật ra từ miền sâu thẳm tâm hồn hẩn cội rễ cảm xúc cuối cùng của con người: tính ích kỉ và - tính ích kỉ ấy vừa bóp nghẹt vừa ra lệnh bao bọc quanh mình dải cầu vồng, thứ đã nâng cô gái ngu ngốc kia lên khỏi mặt đất. Phải chạy khỏi đây càng nhanh càng tốt... Sau khi quyết đi ngay khỏi chỗ đó, hẩn bắt đầu bày tỏ nỗi tuyệt vọng bằng những lời nói văn hoa đẹp đẽ, điều mang lại cho hẩn một sự nhẹ nhõm đáng kể.

Hẩn hạ lệnh cho xe đến...

Hắn cúi người trước thi thể của Stasia và thầm thì những lời đẹp để tiễn biệt cô, những lời mà trái tim trống rỗng của con người có thể nặn ra để tang bốc. Hắn dừng lại một lần nữa trước cánh cửa và ngoái nhìn lại. Trong giây lát hắn nghĩ, có lẽ được chết ngay hóa ra lại tốt hơn, rồi hắn đẩy đám trẻ đứng túm tụm ngoài cửa ra, nhảy lên xe trượt tuyết, quay mặt lại và đánh ngựa lồng lên, nén tiếng khóc như bị chứng kinh giật.

...

Cái chết của cô Stanislawa gây ra ảnh hưởng đáng kể đối với tính tình *doctor* Pawel. Trong những lúc rảnh rỗi, hắn đọc *Hài kịch về Chúa* của Dante, thậm chí hắn thôi không chơi bài, không mượn người con gái hai mươi bốn tuổi làm nội trợ nữa. Nhưng dần dần hắn cũng trấn tĩnh lại.

Bây giờ, hắn sống tuyệt vời, béo lên, nhét đầy túi những đồng tiền làm ra một cách lương thiện. Hắn còn tươi tỉnh hẳn lên. Nhờ vào sự tuyên truyền mạnh mẽ của hắn, hầu như tất cả công dân hàng đầu của Obrzydlovek, trừ những kẻ hay kêu ca, đúng như vậy, nhưng cũng trừ cả một số người bảo thủ, bắt đầu hút thuốc lá đựng trong các hộp kim loại không dán kín, được biết đến dưới cái tên hết sức vẻ vang: “Thuốc lá không độc hại”. Thật hết chỗ nói!...

NHỮNG TRUYỆN NGẮN KINH ĐIỂN BA LAN - TẬP II

MARIA KONOPNICKA
HENRYK SIENKIEWICZ

NGUYỄN VĂN THÁI dịch



NGƯỜI GÁC ĐÈN BIỂN



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

MARIA KONOPNICKA

(1842 - 1910)

Maria Konopnicka, biệt danh là Marko, hoặc Jan Sawa hay Jan Warecz là nhà thơ, nhà văn chuyên viết truyện ngắn và các tác phẩm dành cho trẻ em, đồng thời cũng là nhà phê bình văn học và dịch giả.

Tuổi thơ bà học tại trường phổ thông ở Kalisz và sau đó ở Warszawa, nơi bà đã kết thân với Eliza Orzeszkowa, sau này cũng là nhà văn nổi tiếng Ba Lan. Bà là người phụ nữ đặc trưng của thời đại mình, vừa làm tốt nghĩa vụ người vợ, người mẹ, đồng thời hăng hái tham gia hoạt động xã hội. Năm 1876, bà cho in tập thơ đầu tay với nhan đề *Trên núi*. Thơ đồng hành với bà suốt cuộc đời. Bà đã xuất bản những tập thơ sau: *Thơ* (1881, 1883, 1887, 1896), *Đường thẳng và âm thanh* (1897), *Italia* (1901), *Những chuyện vụn vặt ghi chép từ các chuyến đi*. Bà cũng là tác giả các thiên anh hùng ca như *Qua chỗ nước sâu* (1907), *Ngài Balcer ở Brazil* (1910).

Từ năm 1882, bà bắt đầu viết truyện ngắn. Có thể kể đến các tác phẩm sau: *Bốn truyện ngắn* (1888), *Những người quen của tôi* (1890), *Trên đường* (1893) - trong tập này có Ông Mười Lăm Gdansk, Con ngựa già của chúng tôi, sau đó là *Tập truyện ngắn* (1897), *Con người và đồ vật* (1898), *Trên bờ biển Normandi* (1904).

Từ năm 1884, bà xuất bản các tác phẩm dành cho trẻ em. Đó là *Chuyện về những chú lùn và cô gái mồ côi Marysia* (1896), *Chuyện về Janek Wedrowniczek* (1893), *Đi hái mớ rừng* (1903).

Bà cũng có nhiều bài phê bình văn học và đã dịch sang tiếng Ba Lan các tác phẩm từ tiếng Đức, Ý và Pháp.

KHÓI

Bao nhiêu lần nhìn qua cửa sổ căn phòng nhỏ của mình là chừng ấy lần bà có thể trông thấy anh khơi bùng lên cột khói bạc như thế nào từ ống khói lớn của nhà máy. Thậm chí, nhiều khi bà cố ý dứt cặp mắt già nua của mình ra khỏi công việc để nhìn về phía anh dù chỉ một lần. Trong cái nhìn ấy có niềm khoái cảm kì lạ cùng sự vuốt ve âu yếm. Mọi người cứ đi và vội vã bước về nhiều hướng khác nhau, họa hoằn mới có ai đó nhìn lên trên, về phía ống khói, và họa hoằn lắm mới có người để ý đến luồng khói màu tím thẫm. Song đối với bà, cột khói đó có giá trị đặc biệt, nó nói với bà, bà hiểu nó, trong mắt bà nó gần như là một vật thể sống.

Khi vào lúc rạng đông, trên nền trời ngọc trai lóng lánh muôn màu sắc, cột khói bốc lên quanh ống khói tạo thành những vòng tròn, những chùm đen, phát tán mùi khét nồng cay mắt của muội than; bà biết rằng ở đó Marcys của bà đang đứng bên cạnh lò đốt của nồi hơi, đang đốt lửa, điều tiết, sắp xếp, với dáng người cao gầy lạnh lợi, mặc áo blouse may bằng vải thô màu tím than, thắt chiếc thắt lưng da, đội chiếc mũ hở chòm chup trên mớ tóc vàng và chiếc cổ áo luôn trễ ra quanh cổ.

- Ô hô! - Lúc đó bà thì thầm và mỉm cười - Marcys “đang đốt”...

Quả thực anh “đang đốt”. Với nhiệt huyết của kẻ mới tập sự, anh xúc than cho vào lò, hết sọt này đến sọt khác, làm việc cho cả mình và cho thợ đốt lò, tự hào vì phẩm giá của người thợ đốt lò vừa mới được nhận vào làm. Và cùng với ngọn lửa cháy sáng khổng lồ ấy, trong lòng anh cũng vang lên những bài hát, giai điệu mà nồi hơi vẫn phát ra từ lúc bình minh đến tận đêm khuya.

Nhưng sau đó không lâu, những lọn khói màu đen cũng trắng dần ra, mỏng hơn, trở nên nhẹ hơn và cứ như vậy cho đến khi xuyên qua những đám mây màu da trời êm dịu bay thẳng lên cao thành cột khói thẳng tắp, nhẹ bẫng.

Quang cảnh ấy gieo vào trái tim người đàn bà góa niềm vui sướng và sự êm ái dịu dàng.

- Mọi chuyện đều tốt đẹp... - bà thầm thì - mọi chuyện đều tốt đẹp, đời ơn Chúa tối thượng!

Và bà quét dọn căn phòng nghèo nàn, trải giường cho mình và tròng kỉ cho con trai, quét rác bằng chiếc chổi bạch dương cũ và lấy củi đốt lò để chuẩn bị bữa ăn chiều.

Lúc bấy giờ ở chính diện với ống khói lớn của nhà máy, một sợi khói màu tím nhạt tuyệt vời dâng lên bầu trời, bay trên mái căn nhà tầng áp mái, nơi người đàn bà góa cư ngụ; sợi khói đó nhạt nhòa và thanh mảnh đến mức giống như hơi thở phát ra từ bộ ngực già nua, sợi khói phát sinh từ bếp lửa.

Nhưng chàng thợ đốt lò trẻ tuổi lúc nào cũng nhận ra sợi khói ấy. Và không chỉ nhận ra nó, anh còn mỉm cười với nó. Anh biết rõ rằng ở đó, bà mẹ già bên lò lửa với chiếc mũ màu cháo lòng trên đầu, với chiếc áo ngắn phủ tạp dề màu đỏ bên ngoài, dáng người nhỏ nhắn, tiêu tụy, gù lưng, đang chuẩn bị cho anh món xúp củ cải đỏ rất ngon hoặc xúp lúa mạch tuyệt vời. Đôi lúc, thậm chí anh còn thấy như mình cảm nhận được rõ ràng mùi vị của các món ngon ấy.

Lúc bấy giờ với nhiệt huyết gấp đôi, anh xúc thêm xẻng than mới cho vào lò và trong lúc người thợ đốt lò đang còn gãi đầu, anh đứng một chân trên nền gạch, nhanh nhẹn và linh hoạt, đảm nhiệm công việc cho cả hai người.

Và thế là hai hơi thở đối diện với nhau cùng bay lên trời: hơi thở của nhà máy và của căn nhà trên tầng áp mái, rồi cùng mất hút trong màu xanh da trời trong vắt, có thể thậm chí còn kết nối với nhau tại đó nữa.

Gần đến trưa, khói nhà máy bớt đậm đặc hơn một chút; những lá phổi khổng lồ của các cỗ máy hãm bớt công việc của mình, hơi nước phun ra xuyên vào không khí hết lần này đến lần khác tiếng huýt chổi tai, khó chịu, còn chàng trai trẻ như cơn bão lao vội về căn nhà nhỏ.

- Mẹ ơi, cho con ăn!

Ngay từ ngưỡng cửa anh đã lên tiếng và sau khi vớt chiếc mũ hồ chóp xuống bàn, anh liền chạy đến chiếc lồng có con sáo đen treo ở cửa sổ. Con sáo đen vừa nhìn thấy chàng trai liền huýt sáo liên tục, giống như tiếng huýt của nhà máy, rồi nó bắt đầu điệu nhạc chuông thông thường, đúng kiểu Marcys dạy nó. Chàng trai đứng trước chiếc lồng, đút hai tay vào túi và cũng huýt sáo. Những bức tường dường như cũng rung lên vì tiếng huýt đó.

Trong lúc ấy, bà mẹ đã trải trên bàn chiếc khăn vàng rất đẹp, có thêu hình những chú hươu màu xanh da trời và đặt trên đó liễn sứ sâu lòng đựng xúp lúa mạch, xúp củ cải đỏ với mì ống hoặc xúp đậu với thịt thăn xông khói, hoặc cũng có thể là xúp mì sợi, tùy tình hình. Bên cạnh liễn xúp, trên bàn còn có ổ bánh mì lớn, món chính của bữa ăn.

Chàng trai chỉ mới nhích lại gần thì ổ bánh cũng biến mất gần một nửa. Anh cắt hết miếng này đến miếng khác, chấm vào bát muối và nói liễn thoảng:

- Bánh mì ngon quá, mẹ ạ!

- Bánh ngon lắm, con trai ơi! - Mỗi lần như vậy, người đàn bà góa lại đáp - Con hãy ăn đi, Chúa phù hộ, con ăn đi! Vinh danh Chúa Jesus và Đức Mẹ tôn quý của Người...

Chàng trai không cần mời, cùng với bánh mì, cả liễn xúp cũng vơi dần.

- Xúp củ cải đỏ ngon lắm, mẹ ạ. - Anh nói.

Bà mẹ từ lúc này đã ăn mỗi lúc một chậm hơn. Bà khoảng thìa trong đĩa, thối phù phù. Nhưng hình như đĩa xúp củ cải đỏ không vơi đi chút nào. Khi chàng trai đã vét sạch những gì có ở trước mặt và lấy mu bàn tay lau hàng ria mép mới nhú, bà vội vã hỏi:

- Con ơi, con có muốn ăn thêm nữa không?... Hôm nay mẹ thấy thế nào ấy...

Bà muốn anh hiểu rằng bà không thấy ngon, song bà sợ lời dối trá trước Chúa, vì món xúp củ cải đỏ đúng ra rất tuyệt vời.

- A ha, - chàng trai nói - mẹ không ăn thì...

Bà vội vã đưa đĩa của mình đến cho con và nói:

- Ăn đi, bé con, ăn đi! Vinh danh Chúa Jesus...

Chàng trai lại cầm thìa của mình lên.

- Mẹ muốn gì ở món xúp củ cải đỏ này nữa? - Anh hỏi - Đó là xúp củ cải đỏ dành cho vua!

- Có thể là như vậy, có thể, con trai ạ, - bà vừa đáp vừa nhấp nháy mắt - chỉ có điều mẹ không có lá nguyệt quế cho vào...

Cũng có khi anh ăn không hết. Lúc bấy giờ, bà đổ đồ thừa vào chậu sành rồi đặt vào lò và kín đáo làm việc đó để con trai không phát hiện ra.

Thức ăn thừa được bà coi là tài sản của riêng mình và khi chàng trai đi khỏi nhà, bà bồi bổ cho mình bằng cái đó, vừa ăn vừa gặm mẩu bánh mì cuối cùng.

Tất cả những chuyện đó diễn ra vô cùng nhanh chóng. Người phụ lò tạm thời chỉ được thế chỗ vào buổi trưa và buộc phải vội vã. Vừa ăn xong, chỉ kịp làm lễ tạ ơn Chúa, hôn bàn tay gầy guộc mệt mỏi của mẹ, cầm chiếc mũ hờ chồm lên, huýt sáo tạm biệt con sáo đen, anh vội nhảy ba bước từ căn nhà trên tầng áp mái xuống dưới. Lúc bấy giờ, người đàn bà góa đứng ở giữa căn nhà nhỏ, cầm trên tay chiếc khăn trải bàn vừa tháo xuống và chăm chú lắng nghe tiếng bước chân con trai giậm thình thịch xuống đất với nụ cười nhút nhát, đồng thời cũng đầy khoái cảm.

- Lạy Thánh Anthony! - Vừa nói bà vừa lắc đầu - Cứ chạy như bay thế kia thì có lúc sẽ ngã gãy chân mất thôi... bậc cầu thang làm hại nó...

Rồi bà cứ lắng tai nghe như vậy cho đến khi cửa ra vào phía hành lang ở bên dưới kêu đánh rầm một cái và tiếng vọng điên cuồng như tiếng đại bác của những bước chân trẻ khỏe và mạnh mẽ thôi không vang đến nữa. Lúc bấy giờ, bà mới kết thúc việc cuốn khăn trải bàn lại, rửa bát đĩa nôi niêu, dùng tro dập tắt lửa, ngồi xuống cạnh cửa sổ, khâu vá quần áo và đồ lót của con trai.

Nếu vào mùa hè, sau đó khá lâu, thậm chí rất lâu bà vẫn có thể nhìn thấy khói tỏa ra từ ống khói nhà máy. Lần thứ hai bà nhìn vào đó, chăm chú đến mức việc khâu vá tuột khỏi tay...

Thật kì lạ bởi khói có cả hình dáng lẫn màu sắc. Lúc thì giống như con rắn sắt tự vươn cổ ra từ khúc xoắn của mình mỗi lúc một xa, mỗi lúc một cao; lúc lại giống tấm màn che nhẹ tâng bay phất phơ trong không trung tạo nên ở phía trước những dải mây hồng; lúc thì giống như từ bình hương bay thẳng lên cao và vừa bay vừa dập dềnh gợn sóng ở hai bên mép; lúc lại giống như chùm lông lớn trên mũ dưới ánh mặt trời bừng cháy sáng, gió cuốn khói đi từ ống khói giống như từ chiếc mũ sắt; lúc lại kéo dài ra biến thành những bóng hình kì diệu, những ảo ảnh không có trên trần thế, những hình ảnh nào đó...

Đôi khi gió thổi khói giống như những cánh buồm của con tàu khổng lồ; có lúc lại xé rách nó ra giống như những chùm sợi đay, hay xua đuổi nó giống như đám mây đen nhạt nhòa. Lúc trời mưa, đám mây nặng trĩu treo trên ống khói và những hạt mưa lớn rắc trên các mái nhà, đập vào mặt đất, không biết chảy về đâu.

Khi mùa đông đến, người đàn bà góa thả ngọn đèn đặt cạnh lò sưởi và đan những đôi tất dày để bán.

Mặc cho gió lùa nghiệt ngã và sương muối bay vào tận căn nhà nhỏ qua khung cửa sổ đã mục ruỗng, bà vẫn thường xuyên đi gần đến đó để nhìn sang nhà máy.

Nó nung nóng căn nhà trên tầng áp mái bằng hàng loạt cửa sổ sáng đèn, nó hét to bằng công việc bên trong của những lá phổi khổng lồ của mình, nó gầm thét bằng tiếng sắt, kêu vang bằng tiếng đập của những chiếc búa, nghiêng răng kèn kẹt bằng những chiếc răng cưa, kêu phì phì với những dòng kim loại nóng chảy. Làn khói, thứ giờ đây phả ra từ ống khói lên nền trời tím thẫm, đang rực cháy, phun lửa, những luồng tia lửa bung ra chói sáng.

Ánh hồng rộng lớn từ đó bay chéo lên bầu trời và lập tức xuyên thẳng qua những vầng sáng to lớn lạnh căm...

Người đàn bà góa nhìn vào đó đắm chiêu nghĩ ngợi.

Tiếng huýt của con sáo đen dứt bà ra khỏi sự đắm chiêu mơ màng ấy. Con sáo đen bị ánh sáng từ nhà máy chiếu qua cửa sổ đánh thức liền bắt đầu hát điệu nhạc chuông của mình. Căn phòng nhỏ bỗng trở nên vui tươi hơn, ngọn lửa reo lên trong bếp lò, còn con sáo đen thì hát đến chói tai. Và khi trên bầu trời, vầng trăng tròn trịa đứng yên, toàn bộ hình ảnh sáng ngời đó chìm ngập vào ánh trăng.

Anh con trai mãi tận đêm khuya mới về và ngay từ ngưỡng cửa đã gào lên:

- Mẹ ơi, cho con ăn!...

Và lao vào bậc cửa căn nhà bé nhỏ đó, cùng với bóng hình trẻ tuổi mạnh mẽ, là niềm vui, nụ cười và sự tự do. Giờ đây, chàng trai không còn ăn uống vội vã như trước nữa, anh kể chuyện này chuyện nọ khi bà mẹ hỏi về ca làm việc vừa qua, sau đó bắt đầu ngáp dài, vươn vai. Trong giây phút ấy, con sáo đen thậm chí cũng không làm anh chú ý đến nữa.

- Đi ngủ đi, con trai, đi ngủ đi! - Bà mẹ nói và xoa đầu anh - Ngày mai con lại phải dậy sớm...

- Con đi ngủ đây, mẹ ơi... - Bằng giọng buồn ngủ, anh đáp lại - Con đã mệt bã người ra rồi!

- Thế còn cầu kinh, con trai ơi, cầu kinh đi. - Bà mẹ nhắc nhở.

- Con sẽ cầu kinh, mẹ ơi.

Anh hôn tay mẹ, quỳ xuống trước tràng kỉ của mình và cúi đầu trên đôi bàn tay chấp lại, nhanh chóng lên tiếng thầm thì cầu khúc kinh “Cha của chúng con” và “Đức Mẹ Maria”. Đôi khi lời cầu kinh bị tiếng ngáp lớn làm gián đoạn. Sau đó, anh đắm thùm thụp vào ngực, làm dấu thánh giá và vội vàng cởi quần áo, lao mình xuống tấm trải giường cứng đanh.

Gần như ngay lập tức anh ngủ thiếp đi. Trong căn nhà nhỏ từ lâu đã nghe rõ tiếng thở sâu đều đặn của anh, trong khi mãi về sau, bà mẹ vẫn

còn thì thầm tụng kinh trước tấm hình Đức Mẹ tối thượng màu đen thẫm, cúi nghiêng trên nền bệ màu vàng.

Cuối cùng, đèn cũng tắt, con sáo đen ngừng vỗ cánh trong lồng, mọi thứ đều im lặng, để ngày mai lại thức dậy vào lúc rạng đông.

Việc đánh thức luôn gặp trở ngại. Người đàn bà góa ngủ giấc ngủ ngắn ngủi của người già, rất dễ tỉnh giấc, như tiết kiệm những giờ phút cuối cùng của cuộc đời trước giấc ngủ vĩnh hằng trong nấm mộ.

Từ giấc ngủ ấy, bà thức dậy ngay sau tiếng gà gáy lần thứ hai, rất sớm trước tiếng còi đầu tiên của nhà máy. Sau khi chần chừ trên chăn đệm một lúc, bà chạy dọc theo căn nhà nhỏ, chuẩn bị xúp cho con trai và thăm thì lăm bầm hàng giờ đồng hồ. Lúc bấy giờ, ngôi sao Mai to đùng, lạng lẽ đứng trên ô cửa sổ, chiếu ánh sáng thẳng vào khuôn mặt chàng trai đang ngủ. Người mẹ thỉnh thoảng lại hướng cặp mắt nhìn vào khuôn mặt đó, muốn đánh thức đứa con một của mình, nhưng giấc ngủ sâu của chàng trai lại ngăn bà lại.

- Thôi kệ! - Bà thăm thì - Cứ để thằng bé ngủ thêm một chút...

Mãi đến khi tiếng huýt của hơi nước phả ra vang lên inh ỏi, bà mới gọi chàng trai:

- Marcys ơi! Này!... Marcys! Dậy đi, con trai ơi! Người ta đã huýt còi...

Chàng trai quay đầu về phía tường.

- Đó là con sáo đen huýt đấy, mẹ ơi... - Anh nói nửa tỉnh nửa mơ.

- Đâu phải con sáo! Ở nhà máy người ta huýt còi đấy, con trai ơi, không phải con sáo đen đâu!

Anh nấn ná, kéo chăn trùm kín đầu, cắn nhẩn, nhưng người mẹ không nhượng bộ. Ca trực đêm đã kết thúc, thợ đốt lò phải là người đầu tiên đứng trên vị trí của mình, thậm chí còn đến trước cả công nhân. Điều đó cứ lặp đi lặp lại suốt cả tuần lễ, ngay cả Chủ nhật cũng không loại trừ.

Một lần, còn khá lâu nữa trời mới sáng, chàng trai đang ngủ bỗng bật dậy kêu thét lên và ngồi trên giường.

Bà mẹ đến bên cạnh anh.

- Cái gì thế? Con làm sao thế, con trai, cái gì đã xảy ra? - Bà lo lắng hỏi.

Anh không trả lời, chỉ giương to cặp mắt nhìn bà, môi run lên, trán toát mồ hôi lạnh. Chiếc áo sơ mi phanh ra trên ngực cứ phập phồng theo nhịp tim đập rất to và mạnh.

Bà mẹ dang tay ra ôm ấp anh.

- Cái gì thế? Con trai, con làm sao thế? - Bà hỏi và ôm ấp chàng trai giống như một đứa bé.

Rất lâu sau anh vẫn chưa thể trấn tĩnh lại được.

- Không sao đâu, mẹ ạ. - Cuối cùng cố gắng lắm anh mới nói nên lời

- Không sao đâu... Con chỉ mơ thấy... rằng... sét đánh vào người con.

Người đàn bà góa cứng đờ lại. Nhưng bà không để lộ ra cho con trai thấy. Bà muốn lên tiếng, song tiếng nói tắc nghẽn trên ngực.

Chàng trai ngồi trên tràng kỉ không động đậy, ưỡn thẳng lưng, nhìn về phía trước bằng ánh mắt sợ hãi.

- Sét, mẹ ơi, - anh nói rất khẽ, giọng đứt quãng - đỏ rực, trông khủng khiếp như con rồng. Nó đánh vào ngực con, mẹ ơi... thật khủng khiếp, đỏ rực...

Anh nín lặng và thở rất to.

Người đàn bà góa đã trấn tĩnh lại phần nào.

- Chuyện ấy có sao đâu, con trai ơi! - Bà vừa nói vừa xoa đôi má đỏ bừng của con - Chuyện ấy có sao đâu!... Chỉ là giấc chiêm bao, hãy tin vào Chúa. Chuyện ấy có sao đâu, con trai ơi!

Khi chàng trai nghiêng răng kèn kẹt, bà liền ngồi xuống bên cạnh, áp má đầu anh vào bộ ngực gầy tong teo của mình và đung đưa nó giống như hồi anh còn là đứa trẻ mới sinh.

Chàng trai ngùi dần, cuối cùng ôm ấp mẹ, rồi ngả người xuống gối.

- Mẹ đi đi, - anh nói - mẹ hãy đi đi, nằm xuống ngủ đi... Con sẽ thiếp đi ngay đây...

Nhưng anh không ngủ được. Anh nằm ngửa, mở to hai mắt, nhìn chăm chăm vào những vì sao đang tắt dần ở phía trời đông.

Bà mẹ hết lần này đến lần khác nhìn về phía anh.

- Sao con không ngủ, con trai? - Bà hỏi.

- Con không ngủ được, mẹ ạ... - Anh đáp khẽ khàng, giọng phiền muộn.

Bà bước đến và ngồi xuống cạnh anh.

- Đừng lo lắng gì, con trai ạ! - Bà lên tiếng - Đừng lo lắng gì. Chúa nhân từ sẽ giấu lưỡi tầm sét ấy ở trên trời, sao nỡ dùng nó để giết hại đứa con trai độc nhất của người đàn bà góa nghèo hèn kia chứ? Chúa Jesus và Đức Mẹ tối thượng sẽ không làm như vậy đâu... Còn mẹ nói với con rằng tiếng sét báo hiệu đám cưới, khi chàng trai chưa vợ hoặc cô gái chưa chồng mơ thấy nó. Đây, sét báo hiệu điều đó, con thấy không?... Mẹ cũng từng ngủ mơ, vì thế mẹ biết.

Bà nói điều đó với nụ cười trên môi, tỏ ra rất vui vẻ, bàn tay gầy gò xoa trên trán và vuốt ve mái tóc anh cho đến lúc chàng trai bắt đầu có những ý nghĩ tốt lành và bật cười.

- Mẹ nói sẽ có đám cưới ư? - Anh hỏi.

- Thế không phải như vậy à? Đám cưới, một đám cưới linh đình...

Chàng trai đăm chiêu, sau giây lát nói:

- Vậy thì con phải dậy thôi, mẹ ơi...

- Dậy đi, con trai, dậy đi... Mẹ sẽ nấu bữa ăn sáng cho con, khi con ăn xong thì mọi chuyện sẽ qua hết.

Chuyện ấy rồi cũng trôi qua. Thậm chí buổi sáng hôm ấy, trong căn nhà nhỏ còn vui vẻ hơn lúc thường, vì chàng trai có khá nhiều thời gian, thi nhau cùng con sáo đen huýt hết bài hát này đến bài hát khác, cho đến lúc con chim khản tiếng và khi đến đoạn cô Zosia muốn hái móc rừng, con chim huýt thảm hại đến mức, giống như ai đó hát bằng giọng mũi. Marcys bật cười, bà mẹ bật cười và thế là họ chia tay nhau trong bầu không khí vui tươi như vậy. Khi anh đi ra khỏi nhà, người đàn bà góa đứng cạnh cửa ra vào và lắng nghe tiếng những bước chân

xa dần. Nó nhẹ nhàng, nhanh nhẹn, tự do, đó là những bước chân thông thường của một người trẻ tuổi... Thậm chí, những bậc cửa xiêu vẹo và mục nát hôm nay cũng không kêu kèn kẹt giống như mọi ngày. Mãi đến khi chàng trai đập cửa phía sau mình lại, một nỗi sợ hãi mới bất chợt gieo vào tim bà, tiếng động của nó nghe xa vắng, như từ dưới mặt đất văng lên và tiếng vọng hồi hộp bật lại trong hiên nhà trống vắng. Bà chạy đến gần cửa sổ để nhìn theo con trai.

Anh bước nhẹ nhàng, vội vã, đầu ngẩng cao, và khi sắp bước qua cánh cổng ở tường nhà máy, anh quay người lại và nhìn lên trên. Có thể nhìn vào ô cửa sổ, cũng có thể chỉ nhìn thế thôi...

Một lúc sau, một cột khói đậm đặc, đen ngòm phả ra từ ống khói nhà máy.

Vài tiếng đồng hồ đã trôi qua. Trong căn nhà nhỏ được dọn dẹp chỉnh tề trở nên im ắng; chiếc đồng hồ cũ với bông hoa hồng thắm vẽ trên mặt tròn vàng nhạt nhả chuông chậm chạp trên tường, con sáo đen thổi hót những điệu nhạc vui tươi nhất và cố giấu cái giọng khàn khàn của mình, còn người đàn bà góa có lẽ vẫn nghĩ về giấc mơ nọ của con trai với diêm báo đám cưới, đang chăm chú ngắm những bộ quần áo lễ hội của mình.

Ngay sau đó vang lên một tiếng nổ khủng khiếp. Tường nhà rung lên, những mảnh vụn từ ống khói rớt đầy xuống. Cửa sổ long ra kêu lèng kèng. Một cột khói khổng lồ, phát ra tia lửa bốc lên bầu trời cùng vòi phun gạch đá và những mảnh vỡ của ống khói, rồi đổ ập lên căn phòng với tiếng kêu kinh hoàng. Người đàn bà góa đứng lặng, thân hình như hóa thành cột đá. Không một tiếng kêu nào bật ra từ đôi môi chết lặng của bà. Chỉ mớ tóc bạc đung đưa phất phơ trước trán, chỉ đôi con người mắt mở to trắng dã như trên một xác chết bị cơn hoảng loạn bất ngờ đổ ập xuống...

Có lẽ thậm chí bà không nghe thấy cả tiếng hét điên dại từ ngoài phố vọng vào:

- Người thợ đốt lò!... Người thợ đốt lò bị chết!

...

Sau đó nhiều năm dài đằng đẵng, bà vẫn ngồi bên cạnh ô cửa sổ nhìn bằng ánh mắt mệt mỏi buồn rầu vào ống khói nhà máy, nơi phóng lên trời những cột khói tím thẫm.

Cột khói ấy giờ đây không còn mang những hình thù khác nhau như xưa, chỉ luôn luôn biến đổi thành hình bóng mờ nhạt của chàng trai yêu quý của bà. Lúc đó, bà đứng bật dậy khỏi bàn và dang đôi tay run rẩy, khô héo của mình ra phía trước. Nhưng cái bóng mờ nhạt ấy đã bị gió cuốn lên và thổi bay vào nơi nào đó trên bầu trời xanh thẳm...

ÔNG MƯỜI LĂM GDANSK

BỨC HÌNH CHÚA

Từ ngày hôm qua có một sự bất an nào đó ngự trị trên con phố nhỏ. Ông Mười Lăm ngạc nhiên và khác với mọi khi, ông liên tục đưa đầu thuốc lên miệng, vừa hút vừa nhìn ra cửa sổ. Những người đó ông chưa nhìn thấy ở đây bao giờ. Họ đi đâu? Họ đứng lại làm gì với đám công nhân đang khẩn trương đắp nền móng để dựng nhà mới cho gã thợ ghép đỉnh Greulich? Những thằng nhãi ranh quần áo tả tơi ấy từ đâu xuất hiện ở đây? Tại sao chúng lại nhìn như vậy vào các hiên nhà? Chúng lấy tiền ở đâu ra để từng tốp năm đứa đi vào quán rượu?

Ông già Mười Lăm lắc đầu rồi bập mạnh môi vào chiếc đầu thuốc nhỏ nhắn, uốn cong, màu anh đào. Ông biết rất tường tận con phố nhỏ yên tĩnh này, biết bộ mặt của nó, chuyển động của nó, giọng nói của nó, nhịp thở của nó.

Ông biết từ lúc nào góc phố hiện ra vàng thái dương trong ngày đẹp trời; bao nhiêu trẻ con buổi sớm chạy lon ton đến nhà trẻ, trường học; bao nhiêu cô gái tàn tạ trong những tấm khăn đen với chiếc cặp lồng sắt tây nhỏ trên tay, đi thành từng tốp ba bốn người đến nhà máy xì gà làm việc; bao nhiêu người đàn bà với những chiếc sọt dừng lại trên tấm thảm cũ rách rách bươm, khoe với nhau mớ rau mới mua, than phiền về sự đắt đỏ của những quả trứng, miếng thịt và cục bơ; bao nhiêu thợ làm công nhật đứng lại giữa mặt đường đá lát, bước chân nặng nề với những đôi giày rách bươm, kẹp dưới nách những cuộn dây, còn trong tay là chiếc xô, cái bay, sợi cáp, chiếc rìu, chiếc cưa. Thậm chí, có thể ông còn biết cả điều này nữa: có bao nhiêu chim sẻ làm tổ dưới mái đua của nhà máy bia cũ, ngôi nhà ngạo nghễ phô ra trên con phố nhỏ cái ống khói cao lênh khênh đen nhẻm đứng khuất sau các cành cây của rặng dương ốm yếu mọc bên cạnh. Hàng dương không còn chút sinh khí, nhưng không chịu chết mà cứ đứng đen ngòm, nửa khô héo như

vậy với thân cây bị tàn phá, trên đó cứ vào mùa xuân lại nảy vài mầm xanh nhọt nhọt. Thậm chí không cần nhìn qua cửa sổ, chỉ bằng một tai ông cũng nhận biết được rằng gã Pawel, người gác cổng, đang quét đường phố bằng chiếc chổi mới hay cũ của mình.

Và tại sao ông Mười Lăm Gdansk lại không biết mọi thứ đó cơ chứ, khi đã từ hai mươi bảy năm nay, trong chính căn phòng này, dưới chính ô cửa sổ này, ông có xưởng đóng sách của mình và đã hơn một phần tư thế kỉ, đứng bên cạnh nó trong chiếc tạp dề bằng da, khi mà bàn tay khô khốc, nổi đầy mạch máu, còn giờ đây đã hơi run rẩy, ép xuống chiếc đinh vít bằng gỗ kẹp báo chí, thì đôi mắt dưới hàng mi rậm rạp, nhô ra bạc trắng, vẫn nhìn vào con phố nhỏ ấy, con phố nằm lọt thỏm trong thành phố lớn, có đời sống riêng giống như một thế giới biệt lập, khép kín.

Những điều bí mật nhỏ nhoi của cái thế giới ấy ông Mười Lăm biết kĩ càng. Ông biết, khi nào tăng, khi nào giảm chứng ho của viên công chức già phòng lưu trữ hồ sơ, kẻ thường mang những tập sách dày cộm bám đầy bụi bặm và hôi hám đến đóng bìa cứng; biết thời son môi của gã luật sư có mùi gì khi hãnh mang hồ sơ của ông trạng sư đến đóng thành tập; biết khi nào cô Joasia từ chỗ bà cố vấn sẽ đến với yêu cầu lắp vào sau tấm kính tấm bằng có hình thiên thần vàng óng và chàng trai với bó hoa hồng trên tay sao cho thật đẹp mắt; biết khi nào anh sinh viên sống trên tầng áp mái không ăn bữa trưa; biết cô gái ở kí túc xá sẽ thở hển hển chạy đến yêu cầu bọc cho cô những bài thơ của Czeslaw Gawalewicz bằng giấy viết thư “màu xanh da trời với những sợi dây vàng”.

Ông biết mọi thứ. Mọi thứ, những cái có thể nhìn thấy ở bên trái và bên phải bằng con mắt xám đục, linh lợi, những cái có thể nghe thấy ở bên trái và bên phải bằng một tai và những cái có thể vừa ngẫm nghĩ hàng giờ đồng hồ, vừa gõ giống như con chim gõ kiến bằng chiếc búa của thợ đóng sách, vừa làm bằng và cắt xén những tấm giấy, vừa dán keo và khuấy bột màu.

Và ở đây tất cả mọi người cũng đều biết ông. Người lạ họa hoằn mới qua đây; mỗi người đều như người của mình, người nhà vậy.

Vào mùa hè, gã thợ đồng hồ già hói trán ở phía đối diện hét to “chào buổi sáng” với ông qua cửa sổ mở toang và hỏi về Bismarcek; ông thợ bện dây thường bị lao phổi mắc vào năm đám cửa những sợi dây đay dài của mình và vừa thở hỗn hển vừa cuốn chúng lại trong hiên nhà nhỏ hẹp nửa sáng nửa tối của căn hộ chung cư; chàng sinh viên gầy từ căn nhà trên tầng áp mái với đôi chân nhanh như cái kéo của rạp xiếc lúc hoảng hốt thò mái đầu với cái cổ dài ngoẵng mảnh khảnh của mình vào cửa nhà ông và hỏi mượn cây nến, hứa “sẽ trả lại ngay sau đó, chỉ có điều một tiếng đồng hồ sau vẫn mãi viết lách”... Bà bán hàng ở quán chợ thỉnh thoảng lại đưa qua cửa sổ cho ông mớ củ cải đen để đổi lấy mẫu giấy màu mà cậu con trai nổi tiếng toàn con phố của bà dùng để dán thành những chiếc diều; cậu con trai nhỏ của chủ nhà ngồi suốt hàng tiếng đồng hồ ở chỗ ông chờ phút rảnh rỗi để Mười Lăm đưa cho nó những tấm bìa cứng dán hình các chú lính, trong khi nó tỏ ra ngạc nhiên trước cái tay cầm to đùng của cây kéo, rồi cầm búa lên cân thử nặng nhẹ và gí sát mũi vào nôi hồ dán, gần như định ném thử. Tất cả những điều đó tạo nên bầu không khí ấm áp, không khí tin cậy của lòng tốt giữa mọi người với nhau. Ông Mười Lăm hẳn phải cảm thấy rất thoải mái trong bầu không khí ấy. Dù đã ở tuổi sáu mươi bảy, ông vẫn thấy mình còn lan lợi. Sự bình yên và uy thế hiện rõ trên khuôn mặt đặc trưng, héo tàn qua lao động vất vả của ông.

Mái tóc ông trắng như cước, còn chòm râu dài cũng bạc hết cả. Bộ ngực hõm sâu của ông dưới lớp áo bông nâng lên hạ xuống nhịp nhàng, còn cột xương sống gù gù của ông có lẽ không bao giờ giãn thẳng ra được, song điều đó chẳng có gì phải lo sợ, khi hai chân và đôi mắt vẫn đảm đương mọi việc, khi sức lực vẫn còn tiềm ẩn trong bàn tay. Mỗi khi cảm thấy khó thở, cột sống lúc cúi xuống thấy hơi đau, ông Mười Lăm lại nhúm chút thuốc lá từ túi thuốc thăm màu được nút lại bằng một sợi dây cho vào tẩu và hút, nhả ra làn khói trắng đẹp và thế là ông Mười Lăm thấy ngon. Làn khói bạc ấy còn có giá trị đặc biệt khác nữa,

có thể nhìn thấy trong đó các sự việc đã cách xa và cả chuyện đã trôi vào dĩ vãng từ rất lâu rồi.

Có thể nhìn thấy trong đó cả bà Resia, vợ ông, người đã sống hạnh phúc với ông suốt ba mươi năm trời, và các con trai ông, những người vì miếng bánh mì đã phải tản mát khắp nơi như những chiếc lá bị gió cuốn đi, và những đứa con của các con ông, và những nỗi buồn khác nhau, và những niềm vui, và những lo toan. Trong đó, nhìn thấy lâu nhất là đứa con gái út của ông, Liya, gả chồng sớm và cũng mất sớm, để lại cho ông đứa cháu trai duy nhất. Khi ông Mười Lăm rít tẩu thuốc của mình, từ miệng ông phát ra những tiếng lép bép nho nhỏ. Ông càng hút lâu và khi khói thuốc tím thắm mang đến cho ông những hình ảnh xa vời, những hình ảnh không bao giờ còn quay trở lại nữa, thì tiếng lép bép lại bật ra to hơn, mạnh hơn, gần như trở thành tiếng rên rĩ. Tấm lòng con người, tấm lòng một ông già Do Thái cũng có những nỗi buồn và niềm nhung nhớ của mình, những thứ bị công việc làm át đi.

Trong lúc đó, bà láng giềng mang đến nồi xúp gà bằng một tay, trong nồi nổi lên những miếng bánh mì tròn đã mềm, còn tay kia là đĩa đựng thịt và rau đã được bọc kín bên trên. Ông già Mười Lăm nhận từ tay bà suất ăn trưa khiêm tốn ấy; ông không ăn ngay mà đặt nó trên chiếc bếp lò bằng sắt nhỏ và chờ đợi. Việc chờ đợi diễn ra không lâu. Đúng hai giờ chiều, cửa ra vào căn phòng nhỏ bật mở kêu ầm ỉ, và một cậu bé người nhỏ nhắn, học trò trường trung học xuất hiện trong chiếc áo ca-pốt dài may để phòng lúc lớn, đội chiếc mũ to trùm hất ngược ra phía sau, với chiếc cặp sách đeo sau lưng. Cậu bé khoảng mười tuổi, thừa hưởng từ người mẹ, con gái út của ông Mười Lăm đôi mắt màu hạt dẻ, ánh mắt vàng lóng lánh, hàng mi dài đen lánh và chiếc miệng nhỏ nhắn, và thừa hưởng ở người ông chiếc mũi đại bàng cùng cái trán hẹp và cao. Cậu bé mảnh khảnh và nhỏ nhắn trông có vẻ còn nhỏ hơn và gầy gò hơn khi cởi chiếc áo ca-pốt ra và chỉ mặc áo sơ mi thắt chiếc thắt lưng to bản của nhà trường quanh người. Ông già Mười Lăm vẫn luôn lo ngại cho cậu. Làn da trong suốt, chứng ho thường xuyên, bộ ngực lép kẹp và bả vai còng xuống của cậu gây ra mỗi lo ngại thường trực ở

người ông. Ông chọn ra cho cậu bé những miếng thịt ngon nhất, đồ thêm xúp cho cậu và tiếp thêm thức ăn vào đĩa cậu, còn khi cậu bé đã ăn no thì ông vỗ vào vai cậu và khuyến khích đi ra chơi đùa cùng bọn trẻ con ở ngoài sân.

Thằng bé hiếm khi nghe theo lời khuyến dụ. Nó mệt mỏi vì những bài học, vì chiếc áo ca-pốt nặng, vì ngồi ở trường, vì đường đi, vì phải khoác chiếc cặp; nó còn có nhiều bài tập của ngày mai. Nó kéo lê chân bước đi, thậm chí cả lúc cười, đôi mắt màu hạt dẻ của nó vẫn nhìn với một nỗi buồn vu vơ.

Vài giây sau bữa trưa, cậu bé ngồi bên cạnh chiếc bàn gỗ thông mộc mạc, lôi từ trong cặp ra những cuốn sách và vở, còn ông già Mười Lăm bắt tay vào công việc của mình. Mặc dù cậu bé ngồi lặng lẽ và chỉ thầm thì ôn lại bài học, thỉnh thoảng lăm mớی đựng đưa chiếc ghế mà nó ngồi, tì hai khuỷu tay gầy guộc của mình lên bàn, nhưng nó vẫn biết rằng ông già đóng sách đang bị điều gì đó cản trở trong công việc. Thỉnh thoảng, ông quay đầu lại để nhìn cậu bé, và mặc dù có thể đưa tay ra với lấy lọ hồ dán, ông vẫn đi vòng quanh bàn khi cần đến nó, để dọc đường véo vào đôi má nhọt nhọt trong suốt của đứa cháu hoặc xoa mớ tóc cắt ngắn, mềm mại và đen nhánh giống như lông chuột. Rõ ràng, cậu bé đã quen với những cử chỉ vuốt ve đó, không vì thế mà cậu ngừng việc thầm thì sốt sắng của mình, cũng không dừng việc đựng đưa chiếc ghế. Ông già đóng sách cảm thấy hoàn toàn mãn nguyện vì điều đó, bước rón rén trên đôi dép đi trong nhà, nhón chân quay trở lại bàn làm việc của mình.

Tối ngày thứ Sáu, cảnh tượng đảo ngược lại: cậu bé ngồi học bên cửa sổ, vừa ngồi vừa đựng đưa một cách vất vả chiếc ghế vốn không có đà, còn trên chiếc bàn gỗ thông phủ tấm khăn trải bàn, bà láng giềng đặt một con cá, đĩa mì sợi và một con vịt đỏ au béo ngậy vừa mới mang từ lò quay về. Cái giá nền mạ thiếc có hai nhánh xoắn cong rất lạ chiếu sáng căn phòng một cách long trọng, đầy vẻ lễ hội.

Ông già Mười Lăm khoác trên người chiếc áo dài màu đen đã hơi sờn, song còn khá đẹp, bên ngoài thắt dải dây lưng to bản, thích thú đặt

đôi bàn tay chai sạn lên trên đó. Chiếc mũ che mái tóc bạc của ông, còn tiếng cọt kẹt của ống đôi ủng mới đã đổ vào căn phòng tiếng rì rào vui tươi. Khi bàn được bày biện chu đáo, cậu bé tắm rửa, chải lại mớ tóc lông chuột trên cái đầu nhỏ nhắn dài ngoẵng của mình, cài khuy cổ áo mới và cổ tay áo vừa giặt sạch sẽ, đặt hai tay ra sau lưng, đứng ưỡn thẳng người với vẻ nghiêm trang, trong khi người ông vươn tay lên giá lấy chiếc khăn có sọc đen trắng cuộn tròn và quyển sách kinh.

Giây lát sau vang lên tiếng tụng kinh bằng âm môi trầm bổng của ông già Do Thái; giọng ông biến đổi qua tất cả các cung bậc, từ âm thấp đến âm cao, vì thế tiếng hát của ông biến thành tiếng rền rĩ và than vãn náo nức, lúc thiết tha van xin, lúc khóc lên nức nở. Do ảnh hưởng của tiếng hát đó, cậu bé học sinh trường trung học cảm thấy kích động rùng mình, mặt mày vốn nhợt nhạt của cậu càng trở nên vàng vọt hơn, đôi mắt to của cậu giương hết cỡ, lúc lúc lại chớp chớp và tràn đầy nước mắt; cậu nhìn lên ông mình như bị thôi miên, cái ngáp như bị chứng động kinh làm miệng cậu há hốc ra. Cũng may là sau đó không lâu, người ông đã đóng quyển kinh cũ lại và bắt đầu lễ Giáng phước bằng bữa tiệc của người Do Thái.

Có một lần vào mùa hè đã xảy ra trường hợp là những cậu bé con ông thợ nguội Kolodziejski và thợ giày Pociuszka tụ tập trước cửa sổ mở toang của ông thợ đóng sách già và nhìn vào căn phòng đang sáng đèn của lễ Do Thái họ, chúng biến buổi cầu kinh đó thành trò khôi hài và trò đùa ngu ngốc.

Đúng lúc ấy, một cha xứ quần hạt già đi ngang qua con đường đó. Sau khi lướt nhìn qua cửa sổ, thấy ông già Do Thái đang làm lễ cầu kinh và rền rĩ cầu Chúa theo kiểu của mình, cha liền ngả mũ xuống. Cảnh tượng ấy diễn ra câm lặng, nhưng lại nói lên rất nhiều điều. Bọn trẻ con lủi mất khỏi đó cứ như gió cuốn chúng bay đi và kể từ đó, không còn xảy ra trường hợp nào mà sự yên tĩnh của căn phòng nghèo nàn này bị khuấy động nữa.

Mãi cho đến ngày hôm kia...

Đúng ra thì kể cả hôm kia cũng không có gì xảy ra. Chỉ có điều cậu bé từ trường về không có mũ, thở hổn hển giống như con thỏ bị săn đuổi. Ngay lúc đó, cậu không muốn nói gì; chỉ sau khi bị tra hỏi rất lâu, cậu mới thừa nhận rằng một kẻ rách rưới đã hét to với cậu: “Thằng Do Thái!... Thằng Do Thái!...”, vì vậy cậu chạy trốn và đánh rơi mất mũ rồi không dám quay trở lại đó để lấy.

Cơn giận dữ sôi trào, dồn lên tận mặt ông Mười Lăm. Ông ưỡn thẳng người, như bỗng nhiên cao lớn hơn, nhổ nước bọt, sau đó ôm chặt vai cậu bé, ấn cậu ngồi xuống bàn và ăn bữa trưa trong im lặng.

Sau bữa ăn, ông không trở lại bàn làm việc và không ngậm tẩu thuốc mà chỉ hít thở mạnh và đi lại trong phòng. Thằng bé cũng không học bài, chỉ nhìn lên người ông với ánh mắt sợ sệt. Chưa bao giờ nó thấy ông giận dữ như vậy.

- Cháu hãy nghe đây! - Cuối cùng đứng trước mặt cậu bé, ông Mười Lăm lên tiếng - Nếu như ông nhận cháu từ hồi cháu còn là đứa bé cô cút, trở thành người vú nuôi của cháu, đồng thời cũng là mẹ cháu, vậy thì, không phải ông dạy dỗ và chăm sóc cháu để cháu trở thành một thằng ngu ngốc! Và nếu như ông để cho cháu đi học, để cháu được đến trường, mua sách cho cháu, thì không phải để cháu trở thành một đứa ngu ngốc! Thế mà cháu lớn lên thành một đứa hoàn toàn ngu ngốc và cháu không có tí chút thông minh nào! Nếu như cháu có chút thông minh, thì cháu sẽ không phải xấu hổ vì điều đó, không phải khóc lóc, không phải chạy trốn khi ai đó hét lên với cháu: “Thằng Do Thái”. Còn nếu vì thế mà cháu khóc, cháu chạy trốn và lại còn đánh mất chiếc mũ đẹp và mới như vậy, chiếc mũ trị giá chỉ còn thiếu sáu xu là đầy năm zloty* tiền mặt, thì cháu là đứa ngu ngốc nhất trong số những đứa ngu ngốc, và vậy là cả trường lớp, cả sách vở, cả việc học hành cũng chẳng mang lại cái gì!

Ông hít mạnh một hơi và lại bắt đầu nói tiếp:

- Vậy, Do Thái là cái gì? Vậy, cháu là thằng Do Thái như thế nào? Ông đã nói bằng giọng dịu dàng hơn - Cháu sinh ra ở thành phố này, cháu không phải là người ngoài, cháu là người mình, người ở đây, vì vậy cháu có quyền yêu thành phố này, khi cháu sống lương thiện. Cháu không phải xấu hổ vì cháu là người Do Thái. Nếu như cháu xấu hổ vì mình là người Do Thái, nếu như cháu tự cho mình là đứa hèn hạ vì cháu là người Do Thái, vậy thì cháu có thể làm điều gì có ích cho thành phố này, nơi cháu sinh ra, làm sao cháu có thể yêu nó?... Nào?...

Hít mạnh một hơi rồi ông lại đứng trước cậu bé. Lần này, ông nhìn khuôn mặt sợ sệt của nó với thái độ mỉm lòng. Ông đặt tay lên đầu nó và nhấn mạnh từng lời:

- Trở thành một người Do Thái lương thiện là một điều đẹp đẽ! Cháu hãy nhớ điều đó! Còn bây giờ thì hãy học đi, để cháu không trở thành kẻ ngu ngốc, còn ông sẽ mua cho cháu chiếc mũ khác, ông sẽ mua, cháu không phải khóc nữa, vì đó là điều ngu ngốc.

Thằng bé hôn tay người ông và bắt đầu cầm sách lên học. Ông thợ đóng sách già bị chuyện ấy tác động mạnh hơn so với điều muốn biểu thị cho cháu hiểu, bởi ông đi lại rất lâu trong căn phòng, không thể hoàn thành công việc cần kíp mình mới bắt đầu và nhổ nước bọt phì phì vào góc nhà, như vừa nuốt phải thứ gì đó đắng ngắt. Ông không tiêu hóa nổi vị đắng đó trong mình suốt cả đêm, sáng hôm sau ngủ dậy ông trở nên gù hơn và già hẳn đi so với bình thường. Khi cậu bé đeo cặp sách lên vai để đến trường, ông già đi đến bên cửa sổ và nhìn theo cậu rất lâu với vẻ bất an.

Vẻ bất an đó không rời bỏ ông ngay cả khi ông làm việc. So với mọi hôm, ông thường xuyên ngậm tẩu thuốc hơn và hay đến gần cửa sổ hơn do ảnh hưởng của cơn tức giận và ông nhìn với vẻ nghi ngờ ra con phố mà mình đã biết tường tận và rõ ràng từ ngày xa xưa. Cũng do ảnh hưởng của cơn tức giận đó, những chuyển động của con phố, giọng nói của nó, nhịp đập của nó bỗng trở nên khác lạ đối với ông so với thông thường.

Khi thằng bé từ trường học vui vẻ trở về vì nhận được điểm 5, cởi chiếc mũ mới che khuất cả mắt nó ra, ông già quên những ảo giác của mình, và huýt sáo lúc làm việc để mình hay cả thằng bé được vui vẻ, giống hệt như thời còn trẻ.

Sau bữa trưa, viên thư kí xúc đầy nước hoa bước vào nhận lại tập hồ sơ.

- Có gì mới không? - Hẳn hỏi.

- Mọi chuyện đều tốt đẹp, xin Chúa phù hộ để tránh điều xấu xa! - Ông Mười Lăm Gdansk đáp.

- Hình như người ta sắp đánh bọn Do Thái hay sao ấy?... - Gã thư kí sức nức mùi nước hoa ném ra câu ấy với nụ cười ngu ngốc.

- Nào, nếu đánh nhau thì đánh nhau! - Ông Mười Lăm đáp và che giấu cảm xúc mà những lời nói đó gây ra đối với ông - Thế ai đánh họ? Chính quyền à?...

- Chính quyền ai lại dấy vào. - Gã thư kí nhỏ nhẻ bật cười.

- Ôi, nếu không phải chính quyền thì đội ơn Chúa! - Ông Mười Lăm nói.

Cả hai cùng cười. Gã thư kí trẻ cười với vẻ ngu ngốc, còn ông già Do Thái thì với thái độ gượng gạo lộ rõ.

Ông tức giận vì câu chuyện lại diễn ra bên cạnh đứa bé. Ông nhìn cậu bé từ dưới cặp lông mày nhíu lại. Thằng bé găm cặp mắt tròn tròn của mình vào gã thư kí và khi gã đó đã đi khuất sau ngưỡng cửa, nó mới hạ đôi mắt tối sầm và bùng cháy xuống những trang sách. Ông già Mười Lăm như không nhìn thấy điều đó, lại bắt đầu huýt sáo. Nhưng bên trong tiếng huýt đó chứa đựng tiếng rít của bộ ngực bị sức nặng kinh hoàng đè nén, nốt nhạc bị kìm nén, lặng lẽ, buồn ngủ, cho đến khi bỗng dừng tắt lịm với một tiếng nấc hay tiếng rên rỉ.

Trong nhà đã nhập nhoạng tối. Qua cánh cửa thấp, gã thợ chữa đồng hồ to béo lao vào trong chiếc áo choàng không tay màu tro thường dùng vào dịp này.

- Ông đã nghe thấy tin mới chưa? - Gã hỏi và ngồi xuống bên bàn, nơi thằng bé đang học.

- Ôi, - ông Mười Lăm đáp - tôi thì cần gì tin mới? Nếu như tin đó tốt lành thì chẳng nào nó cũng sẽ tốt lành, còn khi nó là tin tồi tệ thì tôi cần gì phải nghe nó cơ chứ?

- Hình như người ta sắp đánh bọn Do Thái. - Gã thợ đồng hồ béo vừa nói vừa lắc lắc chân xỏ trong chiếc giày có găng mắt khóa kim loại sáng lóng lánh.

Ông già Mười Lăm nhấp nháy mắt mấy lần với vẻ bức tức, môi bỗng nhiên run rẩy, nhưng ông ngay lập tức trấn tĩnh lại và lấy giọng nói hiền hậu đáp:

- Đánh bọn Do Thái? Bọn Do Thái nào? Nếu như bọn ấy là bọn ăn cắp, bọn làm hại người, bọn gây sự ở ngoài đường, bọn lột da người nghèo, thì sao lại không? Chính bản thân tôi cũng đi đánh!

- Song không phải thế! - Gã thợ chữa đồng hồ cười - Đánh tất cả bọn Do Thái...

Bất chợt, trong con người mắt bạc trắng của ông Mười Lăm bỗng cháy lên một tia sáng. Ông dập tắt nó bằng việc hạ mí mắt xuống đến lưng chừng và gần như hỏi với thái độ thờ ơ:

- Nào, vì cái gì họ đánh tất cả người Do Thái nhỉ?

- Còn vì cái gì nữa? - Gã thợ chữa đồng hồ đáp lại với vẻ thoải mái - Vì đó là bọn Do Thái!

- Ôi, - ông Mười Lăm nói và chớp chớp đôi mắt bạc trắng - thế tại sao họ không đi vào rừng và không đánh đám bạch dương vì đó là bạch dương, hoặc đánh đám tùng bách vì đó là tùng bách?...

- Ha! Ha! - Gã thợ đồng hồ cười - Mỗi gã Do Thái đều có thủ đoạn của mình! Còn cây tùng bách và cây bạch dương kia là của chúng ta, ở trong rừng của chúng ta, mọc lên từ đất của chúng ta!

Ông Mười Lăm cảm thấy chóng mặt đến nghẹt thở, câu trả lời bỗng như sôi trào ra khỏi miệng. Ông cúi đầu về phía gã thợ đồng hồ và nhìn sâu vào mắt hắn.

- Vậy tôi lớn lên từ đâu? Tôi lớn lên từ mảnh đất nào? Ân nhân biết tôi chắc từ lâu rồi nhỉ? Hai mươi bảy năm ân nhân biết tôi! Có phải tôi đến đây như đến quán ăn không? Ăn, uống và không trả tiền? Đấy, tôi không đến đây như đến quán ăn! Tôi lớn lên từ thành phố này, giống như cây bạch dương kia trong rừng! Tôi ăn ở đây mẫu bánh mì, đúng như vậy. Cũng uống nước, và đó là sự thật. Nhưng vì miếng bánh mì ấy và ngụm nước ấy tôi đã trả tiền. Tôi trả bằng cái gì? Ân nhân muốn biết tôi trả bằng cái gì không?

Ông chìa đôi bàn tay lam lũ, gầy còm và đầy mạch máu của mình ra trước mặt.

- Đấy, - ông lên tiếng bằng giọng nói có phần nổi nóng - tôi đã trả bằng mười ngón tay này! Ân nhân có nhìn thấy đôi tay này không?

Ông lại cúi xuống và lắc lư đôi bàn tay gầy còm của mình trước cặp mắt lấp lánh của gã thợ chữa đồng hồ.

- Đấy, đó là đôi bàn tay như vậy, vì thế miếng bánh mì và ngụm nước kia không phải là tự nhiên được đưa đến miệng đâu! Đó là đôi bàn tay như vậy, đôi bàn tay đã bị cong lại vì con dao, vì cái kìm, vì chiếc đinh ốc, vì chiếc búa. Đấy, tôi đã phải trả bằng những thứ đó cho mỗi mẫu bánh mì và mỗi cốc nước mà tôi ăn và uống ở đây. Tôi còn đưa thêm vào đấy đôi mắt này, đôi mắt giờ đây không còn nhìn rõ nữa, đưa thêm cột xương sống này, cột sống mà giờ đây không còn duỗi thẳng ra được nữa và đôi chân này, đôi chân không còn muốn mang tôi đi nữa!

Gã thợ chữa đồng hồ nghe với vẻ thờ ơ, vừa nghe vừa lúc lắc chiếc dây đeo đồng hồ. Ông già Do Thái tự thấy phẫn khích với lời nói của mình.

- Nào, thế còn tiền trả công cho tôi thì nằm ở đâu? Tiền trả công cho tôi nằm ở trường học chỗ bọn trẻ, chỗ những cậu ấm, cô chiêu, những kẻ học trong sách, những kẻ viết trên vở. Tiền đó có ở cả trong nhà thờ, khi mọi người đến đó với những quyển kinh... Đấy, tiền đó có cả ở chỗ cha xứ quản hạt quyền quý, vì tôi cũng đóng sách cho ông ta, cầu mong ông luôn mạnh khỏe!

Đến đây ông ngả mũ, rồi lại nói tiếp:

- Tiền trả công cho tôi nằm trong những bàn tay tốt!

- Người ta vẫn thường nói như vậy, - gã thợ đồng hồ thận trọng đáp - nhưng Do Thái luôn là Do Thái!...

Những tia lửa mới lại rực cháy trong mắt của người thợ đóng sách già.

- Nào, thế họ phải là cái gì? Phải là người Đức? Phải là người Pháp?... Có lẽ họ phải là loài ngựa? Nào, loài chó thì từ lâu họ đã phải làm rồi, họ đang là chó rồi!

- Không phải như vậy! - Gã thợ đồng hồ nói với vẻ trịnh trọng - Điều tôi muốn nói là họ không phải người ngoài!...

- Như vậy ư? - Ông già Do Thái đáp và ngửa người ra đằng sau rồi rút cùi tay lại - Đấy, lẽ ra ân nhân cứ nói thẳng ra như thế với tôi! Đấy là lời nói thông minh! Tôi thích nghe lời nói thông minh! Lời nói thông minh cũng giống như cha và mẹ của con người. Đấy, vì lời nói thông minh tôi có thể đi cả dặm đường. Khi tôi nghe thấy lời nói thông minh thì tôi đủ tiền mua bánh mì. Giống như tôi là người vô cùng giàu có, một chủ ngân hàng cỡ bự, đấy, tôi sẵn sàng trả cho mỗi lời nói thông minh một đồng tiền vàng. Ân nhân nói rằng người Do Thái không phải là người ngoài ư? Đấy, tôi cũng nói y như vậy. Tại sao lại không? Cứ coi hăn không phải là người ngoài đi. Hăn là người ngoài để làm gì, hăn làm cái gì khi là người ngoài, khi đằng nào hăn cũng là người mình? Ân nhân có nghĩ rằng nếu ở đây có mưa thì mưa ấy không làm ướt người Do Thái, vì người Do Thái là người ngoài? Hoặc giả ân nhân nghĩ rằng khi ở đây có gió thì gió không thổi cát vào mắt người Do Thái, vì người Do Thái là người ngoài? Hay có lẽ ân nhân nghĩ rằng viên gạch trên mái nhà khi bay thì nó sẽ tránh người Do Thái, vì người Do Thái là người ngoài? Đấy, thế thì tôi nói với ân nhân rằng nó sẽ không tránh hăn ta đâu. Cả gió cũng không tránh hăn, cả mưa cũng không tránh hăn! Ân nhân hãy nhìn lên mái tóc của tôi, lên bộ râu của tôi... Nó bạc, nó trắng... Điều đó có nghĩa gì? Có nghĩa là nó đã thấy

nhiều chuyện và nhớ nhiều chuyện. Tôi nói với ân nhân rằng, nó đã nhìn thấy những ngọn lửa lớn và những đám cháy lớn*, cả những tiếng sét lớn đánh vào thành phố này, còn kẻ nói rằng những ngọn lửa ấy và đám cháy ấy, và cả những tiếng sét ấy không nhằm vào người Do Thái, thì họ chưa nhìn thấy chúng! Đấy, khi màn đêm ập xuống thành phố thì nó cũng ập xuống cả người Do Thái, và lúc đó, người Do Thái cũng không thấy mặt trời!

Ông hít thật sâu và nặng nhọc.

- Ân nhân có đi xem trò vui bao giờ chưa? Ân nhân có đi khiêu vũ bao giờ chưa?

Gã thợ đồng hồ béo gật đầu và lắc lư bên cạnh bàn, rồi gõ gõ vào dây đeo đồng hồ.

Điều làm gã vui là ông già đóng sách coi gã là con người của thế giới và còn có khả năng vui chơi khiêu vũ.

Bằng cặp mắt sáng quắc, ông già Do Thái nhìn vào khuôn mặt phẳng phiu, với cái mũi rộng đầy thịt của gã.

- Thế ngài không có nỗi buồn riêng nào, nỗi lo lắng riêng nào ư?

Gã thợ đồng hồ nhướn cặp lông mày lên, nét mặt tỏ vẻ do dự. Đúng ra thì gã muốn tỏ ra mình cao thượng hơn so với những chuyện vụn vặt, như chuyện lo lắng và buồn phiền chẳng hạn, nhưng vì không biết ông già Do Thái định hướng đến chuyện gì, nên gã im lặng một cách thận trọng.

Ông già đóng sách cũng không chờ câu trả lời, chỉ tiếp tục nói bằng giọng sôi nổi, sung sức:

- Nào, nếu như ân nhân có mặt tại các cuộc khiêu vũ và có nỗi buồn riêng của mình, thì ân nhân biết rằng mọi người đến với khiêu vũ, đến với trò vui và chia tay nhau vui vẻ, chẳng có gì phải nói. Còn nếu những người ấy ra về buồn bã, nếu họ ra về mà khóc lóc, thì không phải là chẳng có gì xảy ra. Lúc đó, người này sẽ trở thành anh em của người kia, lúc đó nỗi buồn ấy sẽ khoác chung cho họ một chiếc áo. Tôi

nói với ân nhân rằng tôi đã nhìn thấy ở thành phố này nhiều chuyện đáng buồn hơn việc đi khiêu vũ và rằng cái áo khoác ấy rất lớn. Ôi chao, nó lớn như thế nào nhỉ?... Nó đủ che chung cho tất cả mọi người, cả những người Do Thái cũng vậy!

Ông quay nghiêng người và nhìn qua cửa sổ.

- Ông Mười Lăm của tôi ơi! - Gã thợ đồng hồ nói bằng giọng cao ngạo - Người ta nói chuyện nọ chuyện kia, song mỗi gã Do Thái chỉ cần có tiền...

Ông già đóng sách không cho gã kết thúc câu nói, đưa tay lên lắc lắc, giống như xua đuổi con sâu tằm lợm.

- Xin ân nhân đừng nói những lời đó với tôi! Đó là lời nói của tất cả bọn ngu ngốc. Cứ như thế tiền là tất cả đối với người Do Thái, thế thì Chúa sẽ ngay lập tức khâu chiếc túi vào da họ, hoặc có khi khâu cả hai cái túi. Còn nếu như Chúa không khâu túi vào da họ, thì điều đó chứng tỏ rằng, tiền đối với người Do Thái cũng phải có giống như bất cứ ai khác thôi.

- Phải có! - Gã thợ đồng hồ kêu to, nâng cái cằm béo phị của mình lên lấy tay vuốt ve nó - Nhưng sự thật không như vậy! Vấn đề nằm ở đó, rằng thực tế không như vậy...

Ông Mười Lăm nở nụ cười nửa buồn rầu, nửa tinh quái.

- Còn tôi thì nói với ân nhân rằng, ở đó chẳng có vấn đề gì, chỉ có một lỗ thủng. Ôi chao, lỗ thủng mới lớn làm sao!

Bỗng nhiên, ông nghiêm mặt lại và lắc đầu, rồi nhìn xuống đất.

- Ân nhân nghĩ rằng tôi không nhìn thấy lỗ thủng ấy ư? Tôi nhìn thấy nó. Và làm ra lỗ thủng ấy thì đúng là tồi tệ, nhưng từ trước đến nay nó chưa được lấp lại, điều đó lại càng tồi tệ hơn. Rất nhiều sức mạnh đã rơi vào những lỗ thủng đó và sự yếu đuối cũng quay vòng ở đó. Và rất nhiều trí khôn cũng rơi vào, còn sự ngu ngốc cũng quay vòng ở đó. Và rất nhiều cái tử tế rơi vào, còn sự tồi tệ quay vòng ở đó... Ân nhân có tin tôi hay không? Những lỗ thủng ấy không phải bọn Do Thái là người đầu tiên đào. Mà họ là người sau đó mới đào, điều này tôi biết, tôi

không lừa đảo, tôi không bảo là họ không đảo. Nhưng kẻ đầu tiên đảo nó chính là sự quên lãng cái điều hiển nhiên là tất cả mọi người đều do cùng một Thượng đế sinh ra.

Ông dứt ngón tay cái và ngón trỏ vào lòng bàn tay, như định nhón thuốc hút, và chìa ngón tay út ra, bằng cử chỉ ấy muốn nói đến sự chính xác trong luận chứng của mình.

- Đó là sợi chỉ đầu tiên, sợi chỉ bị đứt ở chỗ đó. Một số bắt đầu lôi kéo mọi người đến với mình, còn những kẻ khác lại lôi kéo đến với họ, và thế là chỉ tiếp tục bị đứt. Ân nhân nói rằng đối với người Do Thái, tiền là tất cả, đúng không? Nào, cứ cho là như vậy đi! Ân nhân có hiểu tại sao không? Ân nhân không hiểu chứ gì? Ân nhân nghĩ rằng là bởi vì người Do Thái láu cá phải không? Thế thì ân nhân lầm rồi. Ân nhân có biết cái cột ở Ujazdow không? Ồ, ân nhân cười à? Ở đây, chỗ cái cột kia sẽ đặt danh dự và sự thông minh, cả tiếng tăm lớn, cả biểu tượng lớn, cả dòng họ lớn, cả những trụ sở lớn, cả những đồng tiền nữa. Đúng vậy! Nếu một người leo được lên cái cột để nhận danh dự, người thứ hai nhận sự thông minh, người thứ ba nhận biểu tượng, người thứ tư nhận tiếng tăm, sẽ tìm ra kẻ vì đồng tiền mà leo lên cột đó, mặc dù những cái khác cũng có ở trên đó. Nhưng nếu ở trên cây cột đó chỉ đặt tiền, mà không có danh dự, tiếng tăm, sự thông minh, thì vì cái gì mà mọi người leo lên cây cột đó? Ân nhân nghĩ sao? Người ta leo lên đó vì đồng tiền và không vì cái gì khác nữa hay sao? Thế còn những người ở phía dưới, những kẻ đứng nhìn, họ sẽ hét lên: Ôi chao, sao lại có thứ dân láu cá như thế chứ, chỉ leo lên vì đồng tiền, đồng tiền là tất cả đối với họ! Những kẻ nhỏ bé hơn hoặc đứng ở chỗ đất sâu hơn, nhìn thấy ít hơn, sẽ càng hét lớn hơn. Và chỉ có những người cao lớn, những người đứng ở trên cao mới nhìn thấy rằng trên cây cột kia chẳng đặt cái gì khác cả và với những kẻ leo lên vì thứ đặt trên đó, họ sẽ không ngạc nhiên, và sẽ không hét lên: Cái gì đặt trên cây cột của chúng tôi? Chỉ có những đồng tiền nằm ở đó, chúng tôi trèo lên đó vì đồng tiền. Song đó không phải là điều tồi tệ nhất. Điều tồi tệ nhất là có hai cây cột tồn tại và trên đó đặt những thứ không bằng nhau.

- Lại còn thế nữa! - Gã thợ đồng hồ bật cười với vẻ xấc láo - Trên phương diện lí thuyết - gã bổ sung một cách nghiêm trang - có lẽ ông có lí. Nhưng trong thực tế thì khác đấy. Các người, lũ Do Thái nở ra như loài châu chấu, và đó luôn luôn là tai họa cho người khác...

Ông già đóng sách lại nhấp nháy mắt vài lần với vẻ nóng nảy và khép đôi mắt bạc đến lưng chừng bằng hàng lông mi.

- Một người thông minh, mặc dù trong tay có hai cục đá và dù cho có ba cục đi chẳng nữa thì chỉ dùng một cục ném chó. Còn ân nhân ngay lập tức dùng hai cục đá ném vào lão già Do Thái... Nhưng điều đó chẳng hề gì. Tôi sẽ nhặt một cục đá lên và cục thứ hai tôi cũng nhặt lên. Xương sống tôi tự nó đã nghiêng xuống mặt đất rồi...

Ông vuốt bộ râu trắng phau của mình hai lần và nghĩ ngợi một hồi, sau đó nói:

- Ân nhân có biết tôi tên là gì không? Tôi là Mười Lăm Gdansk. Tôi là Mười Lăm bởi vì gia đình chúng tôi vốn có mười bốn người con, còn tôi là người con thứ mười lăm được sinh ra, ở đây, ở thành cổ này, ở con phố hẹp này, ngay phía sau căn hộ chung cư màu vàng kia, nơi có hiệu thuốc. Ân nhân có biết không? Đấy, tôi đã được sinh ra như thế ở chỗ ấy, lúc đó gia đình chúng tôi có đủ mười lăm... Vì vậy tên tôi là Mười Lăm. Liệu ông bố đã quá cố phải dìm chúng tôi chết ư? Ông không dìm chúng tôi chết! Thứ nhất là vì ông sợ Chúa, thứ hai là vì ông yêu mười lăm đứa con mình, đến mức khi bà mẹ mang cá mòi về, ông chỉ ngắt cái đầu, còn cả con cá mòi mang cho bọn trẻ, để chúng được ăn thỏa thích, để chúng không bị đói. Ông yêu chúng như vậy đấy.

Ông ngừng lời, mặt đỏ bừng, đôi mắt cháy lên với hồi ức chột đến. Rồi ông trấn tĩnh lại và nói tiếp với nụ cười vui vẻ, trong đó có thể thấy cả vẻ mỉa mai cay đắng.

- Nhưng tôi, Mười Lăm, biết rằng toàn bộ mười lăm người chúng tôi trên thế gian này đang gặp cảnh tồi tệ, bản thân tôi có nửa tá con, còn con gái tôi, Liya, chỉ có một đứa con trai và đã bị chết vì cơn đau

khủng khiếp. Giá như nó còn sống thì chắc sẽ có sáu con trai, và khi nhìn thấy cái mà tôi đang thấy, chắc nó sẽ phải chết sáu lần vì đau đớn!

Ông nói nhanh, mỗi lúc một nhanh hơn, bằng giọng thiết tha đã bị kìm nén bót, vừa nói vừa cúi xuống gần gã thợ đồng hồ và nhìn xuyên qua hần bằng ánh mắt náy lửa. Giây lát sau, ông ưỡn thẳng người lên, hít vào bộ ngực già nua của mình một hơi thật sâu và nặng nhọc, rồi nở nụ cười buồn rầu, nói:

- Thế nên chúng tôi không gọi nó là Mười Lăm nữa, chúng tôi gọi nó là Jakub. Kubus*, đến đây nào! - Ông lên tiếng như lần đầu tiên nhớ đến sự có mặt của cậu bé. Và khi thằng bé đứng dậy khỏi ghế, lê đôi giày qua trước mặt gã thợ đồng hồ đến núp mình vào ông ngoại, ông già xoa đầu nó và nói:

- Kubus là cái tên, mà cả ân nhân, trong trường hợp cần thiết cũng có thể đặt cho người con trai xứng đáng của mình. Đó là cái tên, mà như ở trên phiên tòa của vua Solomon* có nghĩa: *Nếu không dành cho ta, thì cũng không dành cho mi*. Đó là một cái tên tốt! Đặt tên ấy giống như đặt cây cầu mà mọi người đi qua từ thời khắc xấu đến thời khắc tốt, khi người nọ không tính đến người kia ở trong nhà, khi có cái nôi lớn... Bởi trong cái nôi lớn có nhiều công việc làm ăn và có cả nhiều đói kém, cả nhiều năm mọt nữa... Và sự thông minh không thể hiện ở chỗ giá như chỉ có ít người, mà ở chỗ mọi người đều làm nhiều việc tốt, gieo cấy nhiều đất đai, đào đắp nhiều mương nước, trồng trọt nhiều cây cối. Họ đưa ra nhiều sáng kiến, làm nhiều điều thông minh, biết nhiều cái tốt đẹp trong lòng kẻ này kẻ kia. Một ông nông dân già nói với tôi rằng nếu như con cò có số con nhiều hơn số nó có thể nuôi, thì một hoặc hai con non sẽ bị vứt ra khỏi tổ. Vậy thì xin ân nhân đừng lo lắng về chuyện đó nữa. Ngay cả đối với con người, sức mạnh như vậy cũng phải tồn tại, chuyện phải tính đến số miệng ăn và số hạt lúa trên bông cũng vậy...

Ông lắc lư bộ râu bạc và càng lúc càng xiết chặt hơn thằng nhỏ vào cạnh sườn mình.

- Ôi, tôi không chỉ có tên là Mười Lăm, tôi còn có tên là Gdansk. Ôi, thế Gdansk là cái gì nhỉ? Đó là con người hay là đồ vật xuất thân từ Gdansk mà ra... Ân nhân có biết không?... Có rượu Gdansk và có bia Gdansk, có cả cái tử Gdansk... Chúng có thể mang tên Gdansk giống như tôi là người Gdansk. Tôi không phải là người Paris, không phải người Vienna, cũng không phải là người Berlin - tôi là người Gdansk. Ân nhân nói tôi là người ngoài. Nào, chuyện ấy tại sao lại như thế? Nếu tên tôi là Gdansk, thì tôi là người ngoài ư? Ân nhân nói như vậy ư? Liệu dòng sông Wisla đã cạn rồi ư? Liệu bè mảng từ thành phố của chúng ta không đi lại trên đó nữa ư? Liệu những chiếc thuyền phao rách của chúng ta không còn có ở đó nữa sao?... Tất cả những cái đó đều là của người ngoài ư?... Ân nhân có hào phóng quá hay không đấy? Ôi, thật tiếc rằng trước đây tôi không biết về điều đó, rằng ân nhân là kẻ hào phóng như vậy, vì tôi chỉ cần xin ân nhân một nửa số cửa hàng, hoặc một nửa số đồng hồ mà ở đó có...

Gã thợ đồng hồ bật cười và đưa tay ra sau lưng.

- A ha, đừng để lộ ra đó là ông đấy! À hóa ra chính ông đã chở ra khỏi đây cái đó, giới đến mức người làm trò tung hứng nổi tiếng Bosko cũng không thể hơn! Rằng tên là Gdansk thì đã là người mình! Ha, ha, ha!...

Ông già Do Thái lắc đầu và cũng cười. Sự hài hước của kẻ ngụ biện bừng sáng trong mắt ông, song nụ cười thì cay đắng, đau nhói...

- Mười Lăm Gdansk và Jakub Gdansk. - Sau giây lát, ông trịnh trọng lên tiếng và quay mặt về phía đứa cháu, như muốn truyền cho thằng bé sự tôn kính của họ tên mình và truyền thống dòng tộc mình - Ôi, gã Mười Lăm Gdansk này là ai vậy? Ông ta là người Do Thái, sinh ra từ thành phố này, sống tại thành phố này, sống bằng công việc của mình, ở thành phố này ông ta có mộ cha và mộ mẹ mình, cả mộ vợ mình, cả mộ con gái mình. Chính bản thân ông cũng sẽ đặt nấm xương của mình ở

thành phố này. Nào, thế còn Kubus Gdansk là đứa nào vậy? - Ông nói tiếp, sau khi đẩy cậu bé ra phía giữa phòng, cách một đoạn bằng cánh tay, nhưng vẫn không buông tay khỏi vai cậu - Đây, nó là một học trò. Nó ngồi trong trường học, ngồi trên chiếc ghế bên cạnh bạn nó, nhìn vào sách, viết và học. Nào, nó học để làm gì? Nó học để có trí khôn. Nào, nếu như có trí khôn thì nó sẽ mang đi đâu? Nó sẽ không mang cái đó đến chỗ nào ở bên ngoài. Nó sẽ không mang cái đó đi chìm xuống nước hoặc đốt trong lửa, cũng không đem chôn dưới đất. Nó sẽ mang thông minh, trí khôn đó dành cho đất nước này, cho thành phố này. Toàn bộ trí khôn sẽ dành cho đất nước này, không có nó thì thằng bé là cái gì và trí khôn đó, cái mà Kubus sẽ có, sẽ phục vụ đất nước này. Ân nhân nghĩ rằng điều đó đã đủ chưa? Nhiều quá ư? Ôi, ân nhân không thể nghĩ ngu xuẩn như vậy chứ? Nào, thế nếu nó có trí khôn thì nó sẽ biết được những chuyện mà tôi không biết và ân nhân cũng không biết. Nó cũng có thể biết cả điều này nữa, là mọi trẻ em đều có chung một người Cha và mọi người phải yêu thương nhau như anh em ruột thịt...

Ông lại kéo thằng bé đến gần mình, và sau khi ôm cổ nó, ông liền cúi xuống gã thợ đồng hồ và lên tiếng thầm thì:

- Bởi đây là một đứa bé rất nhạy cảm... nó mờ mờ... có trái tim mềm yếu...

Ông xoa mặt cậu bé và nói tiếp:

- Hãy đi đi, cháu yêu, đi ngủ đi, ngày mai cháu còn phải đến trường...

Thằng nhỏ lại lê đôi giày trước mặt gã thợ đồng hồ, nâng tay ông ngoại lên môi hôn và mất hút sau tấm rèm đỏ tía ngăn cách căn phòng với phòng ngủ.

Ông già Do Thái quắc mắt nhìn vài lần, hít mạnh một hơi, rồi nâng cằm đầy râu lên và hỏi:

- Nào, xin lỗi ân nhân tôi hỏi, ai nói là người ta sẽ đánh dân Do Thái? Bên cạnh thằng bé tôi không muốn hỏi, để nó khỏi sợ hãi, vì đó

là đứa bé rất nhạy cảm, nhưng bây giờ tôi xin hỏi thẳng ân nhân không sợ xúc phạm...

Ông nở nụ cười tán dương, lôi cuốn, đôi mắt bạc của ông nhìn thật dễ chịu.

Gã thợ đồng hồ hơi bị mất bình tĩnh với những lập luận vừa rồi của ông già Do Thái, bây giờ ngay lập tức cảm nhận được uy lực của mình.

- Người ta nói... - Gã vừa ấp úng một cách cầu thả vừa phồng mồm ra.

- Nào, thế ai nói? - Ông già Do Thái hỏi, đôi mắt từ êm ái như nhung chuyển sang gay gắt, sắc nhọn.

- Mọi người nói... - Gã thợ đồng hồ vẫn ấp úng bằng giọng như trước.

Ông già Do Thái bỗng nhảy ra hai bước, với sự nhanh nhẹn không ai có thể đoán được ở ông. Ánh mắt rực cháy, đôi môi lập bập.

- Mọi người?... Mọi người nói? - Ông hỏi bằng giọng rít lên, càng lúc càng lớn hơn - Mọi người?

Và cứ sau mỗi lời phát ra, càng lúc ông càng cúi thấp hơn về phía trước, gần như gập người xuống đất.

Gã thợ đồng hồ nhìn với vẻ thờ ơ, vừa đưa tay sờ mó chiếc dây đeo đồng hồ, vừa lúc lắc chân trong giày. Gã cho rằng thái độ đó của ông già Do Thái đối với hắn là không đúng đắn và thật tức cười.

- Cái gì làm ông ngạc nhiên như vậy? - Gã hỏi với giọng lạnh lùng.

Ông già đóng sách đã không còn bình tĩnh được nữa. Ông nhìn quanh, hai tay tì vào hông, ưỡn cằm lên, mắt nhấp nháy.

- Ân nhân nhầm rồi. - Ông nói - Mọi người không nói điều đó. Đó là do rượu vodka nói, đó là quán rượu nói, đó là cái xấu và cái ngu ngốc nói, đó là cơn gió tồi tệ đang thổi nói.

Ông nâng tay lên phẩy phẩy với vẻ miệt thị.

- Ân nhân hãy ngủ yên giấc. Cả tôi nữa cũng sẽ ngủ yên giấc, cả đứa bé cũng sẽ ngủ yên giấc! Thành phố của chúng ta có rất nhiều nỗi buồn và nhiều điều đen tối, và cũng có rất nhiều nỗi bất hạnh, nhưng thành

phố này còn chưa lâm vào điều xấu xa là mọi người trong đó căn xé lẫn nhau như loài chó. Về điều đó ân nhân có thể yên tâm!

Ông mím chặt môi lại và thận trọng đưa tay ra cầm cây giá nển nặng, tráng thiếc, như định thắp sáng hiên nhà cho khách. Gã thợ đồng hồ đứng dậy khỏi bàn, thắt chặt chiếc áo choàng, ấn lại lên đầu chiếc mũ đã tuột xuống tận gáy và sau khi buông ra câu nói: “Chúc ngủ ngon”, gã liền bước ra ngoài.

Lúc đó, ông già Do Thái quay người lại, đặt giá cầm nển xuống bàn, rón rén đi đến phòng ngủ, chỗ tấm rèm cửa màu đỏ tía, cúi xuống và lắng tai nghe.

Từ bên trong tấm rèm đỏ tía nghe rõ hơi thở của đứa bé như nó đang bị sốt, không đều, khô khè. Ngọn đèn nhỏ trong chiếc bóng thủy tinh xanh đang sáng lung linh ở trên bàn. Ông già tháo đôi dép trong nhà ra, đi đến bên giường và nhìn vào bộ mặt bị kích động của thằng bé với vẻ thăm dò bất an. Ông đứng như vậy trong giây lát, kìm nén hơi thở trên ngực lại, rồi thở dài và lúi khò khỏi tấm rèm màu đỏ tía, ngồi một cách khó nhọc xuống ghế, tì hai bàn tay xuống đầu gối và lúc lắc mái đầu bạc trắng của mình.

Giờ đây ông còn hằn lưng xuống và trông già đi đến mười tuổi. Môi ông mấp máy không thành tiếng, ngực thở nặng nhọc, mắt như bị găm xuống nền nhà. Ngọn nển cháy đến đoạn cuối đang leo lét trong cây giá nển tráng thiếc.

...

Sáng hôm sau, con phố nhỏ thức giấc lặng lẽ như mọi khi và cũng yên tĩnh giống như mọi khi.

Từ sáng sớm tinh mơ, ông Mười Lăm Gdansk đã khoác chiếc tạp dề bằng da đứng bên cạnh bàn làm việc của mình. Chiếc kéo lớn của ông đang nghiền xuống tập giấy một cách nóng nảy, rắn chắc; cái đinh vít thép báo kêu lên kèn kẹt, ấn đến tận vòng cuối cùng; con dao hẹp bản, dài ngoẵng, lưỡi sáng quắc ánh lên dưới tia nắng sớm, đầu mép giấy rơi

xuống cả bên phải lẫn bên trái kêu sột soạt. Ông thợ đóng sách già làm việc ráo riết, hăng hái; trên khuôn mặt khô héo, nhăn nhoe có thể nhận biết đêm ông không ngủ. Mặc dù đã uống một cốc cà phê loại xoàng do bà láng giềng mang đến cho ông đứng trong một cái ấm sành to, hình như tim ông vẫn đập nhanh hơn, ông đưa tẩu lên miệng, châm thuốc hút và đến đánh thức đứa cháu.

Hôm nay thằng bé hình như ngủ quên. Đêm qua, nó trần trọc trên giường khá lâu như một con cá, còn bây giờ lại ngủ giấc ngủ say sưa, lặng lẽ. Tia nắng mặt trời mảnh dẻ hắt vào phòng ngủ qua tấm màn che màu đỏ tía rơi vào mắt, vào miệng, vào bộ ngực nhỏ bé đang phanh áo ra; rồi những ngọn lửa nhỏ vàng óng, lấp la lấp lánh lại cháy bùng lên trên mớ tóc đen mềm mại và hàng mi dài đang buông xuống.

Ông già nhìn đứa bé đầy trù mẫn. Trán ông giãn ra, miệng mở to, mắt nhấp nháy và lóe sáng. Cuối cùng ông nở nụ cười hạnh phúc, lặng lẽ, và sau khi phả ra một làn khói lớn từ tẩu thuốc, ông cúi xuống và phun khói vào tận mũi cậu bé. Thằng bé ngạt thở bật dậy, mở to đôi mắt và bắt đầu giụi giụi bằng đôi nắm tay gầy còm. Bây giờ, nó hết sức vội vã, tỏ ra rất lo lắng; còn một bài tập chưa làm xong, sách vở chưa xếp gọn vẫn đang nằm trên bàn. Nó không muốn mang theo cốc cà phê uống dở và chiếc bánh mì tròn dùng để ăn giờ giải lao có kẹp hai lát trứng trắng, chỉ nhét sách vào cặp, không biết liệu mình có bị muộn giờ vào học hay không. Khi đã khoác áo ca-pốt lên vai, nó định bước qua cửa thì cánh cửa đột ngột mở toang ra, chàng sinh viên gầy từ căn nhà trên tầng áp mái đẩy nó quay trở lại phòng:

- Chạy đi, họ đang đánh người Do Thái đấy!

Rõ ràng là anh đang rất tức giận. Khuôn mặt đỏ lồm đồm và hơi dài của anh trông có vẻ còn dài hơn và bị tàn phá nặng nề hơn; bước chân sai từ hiên vào phòng làm căng chân khăng khiu của anh như lửa xa hằn với thân xác, đôi mắt màu nâu xám quắc lên những tia lửa giận dữ. Thằng bé khiếp đảm vội vàng lao xuống gầm bàn, bỏ rơi áo ca-pốt và chiếc cặp...

Ông già chết lặng. Rồi ông lập tức bình tĩnh trở lại, ngọn lửa từ khuôn mặt ông cháy bùng lên. Như một con mèo rừng, ông nhảy xổ đến chàng sinh viên...

- Chạy là cái gì?... Nó phải chạy đi đâu?... Nó phải chạy trốn cái gì?... Có phải nó đã ăn cắp cái gì của ai ở đây, vì vậy phải chạy trốn?... Có phải nó đang ở trọ nhà người lạ hay không?... Đang ở nhà người ngoài?... Nó đang ở trọ nhà mình! Ở chính trong ngôi nhà của mình! Nó không ăn cắp của ai ở đây! Nó đang đi đến trường! Nó sẽ không phải chạy trốn...

Nhảy đến chàng sinh viên đang đứng ngoài cửa, người ông co rúm, ép mình lại, rít lên, thở phì phì, bộ râu run rẩy.

- Tùy ông muốn thế nào cũng được! - Anh sinh viên buông một câu cục cằn - Tôi nói rồi...

Anh ta sắp sửa rút cái chân dài ngoẵng của mình khỏi căn phòng. Ông già đóng sách nút giữ vạt áo bành tô rách của anh ta.

- Tôi muốn thế nào?... Nào, anh nói kiểu gì thế, tôi muốn thế nào? Tôi muốn để tôi được yên thân. Tôi muốn được yên thân để ăn mẩu bánh mì của tôi, thứ mà tôi phải làm việc để có! Nào, tôi muốn nuôi dạy đứa trẻ mồ côi, thằng bé này, để nó lớn lên thành một con người, để không ai phỉ nhổ nó, khi nó không mắc lỗi lầm gì!... Đấy, tôi muốn không xảy ra điều xúc phạm đối với cả tôi cũng như bất cứ người nào khác, muốn sự công bằng, muốn mọi người đều sợ Chúa!... Đấy, tôi muốn điều đó! Còn chạy trốn thì tôi không muốn! Tôi sinh ra ở thành phố này, trong căn nhà này tôi sinh con đẻ cái, ở đây tôi không làm hại ai cả, ở đây tôi có xưởng làm việc của mình...

Ông chưa nói hết thì ở ngách phố vang lên tiếng ồn ào nặng nề, như từ đâu đó ở phương xa một cơn bão sắp ập đến. Trên khuôn mặt anh sinh viên đột nhiên xuất hiện chứng co rút, lời nguyện rửa lành rủa bồng bật ra khỏi miệng anh qua hàm răng nghiến chặt.

Ông già đóng sách ngừng lời, đứng thẳng lên và sau khi ngẩng cao chiếc cổ gầy ngoẵng của mình liền lắng tai nghe. Tiếng ồn ào nhanh

chóng tiến đến gần. Đã nghe thấy những tiếng huýt sáo kéo dài, tiếng cười, tiếng gọi nhau, tiếng hò hét và tiếng khóc. Con phố nhỏ sôi sục. Người ta đóng các cánh cổng, đặt chướng ngại vật ở các cửa hàng, một số người chạy thẳng đến chỗ sôi động, những người khác lại chạy trốn khỏi đó.

Bỗng nhiên thằng bé hoảng sợ khóc to. Anh sinh viên đóng sập cửa lại và mất hút trong hiên nhà trống vắng.

Ông già Do Thái nghe ngóng. Hình như ông đều không nhận biết được cả tiếng khóc nức nở của thằng bé lẫn việc ra đi của anh sinh viên. Ánh mắt ông giống như đang thu vào mình, môi dưới trể ra, tai dỏng lên. Mặc dù khoác chiếc tạp dề da vẫn thấy đầu gối già nua của ông đang run lên cầm cập; khuôn mặt ông chuyển từ đỏ sang nâu, rồi từ nâu sang vàng, từ vàng sang nhợt nhạt. Trông ông như người bị đạn bắn trúng vào. Chỉ một giây lát nữa thôi thì cái thân hình già nua, yếu ớt kia sẽ gãy gục và sụp đổ.

Tiếng ồn ào mỗi lúc một gần hơn, rõ ràng hơn và cuối cùng đã ập xuống con phố nhỏ với tiếng kêu thét khủng khiếp, tiếng huýt gió, tiếng cười, tiếng nguyên rủa, tiếng lăng mạ. Những giọng nói khản đặc, say xỉn hòa cùng tiếng la hét điên cuồng của bọn nhãi con. Không khí như cũng bị say bởi tiếng kêu thét của bọn dân đen; trò tình nghịch hoang dã thống trị con phố, đè bẹp nó, lún ngập, bóp nghẹt nó. Tiếng kêu rầm rã của những cánh cửa sổ bị gãy, tiếng ầm ầm của những thùng phi bị lăn tròn, tiếng lèng kèng của thủy tinh bị đập, tiếng bay vù vù của những hòn đá, tiếng sột soạt của những chiếc gậy sắt hình như đang trực tiếp tham gia vào màn kịch khả ố này. Như những bông hoa tuyết của cơn mưa dày, lông chim từ những chiếc gối cùng giường đệm bị xé bay tới tấp và rơi đầy. Đám đông phóng túng đó chỉ còn cách nhà ông Mười Lăm vài quán hàng nữa. Thằng bé ngừng nức nở, cả người run lẩy bẩy như lên cơn sốt rét, chuyển đến ngồi cạnh ông ngoại. Đôi mắt to và đen ngòm của nó càng đen hơn và phát ra tia sáng ảm đạm từ khuôn mặt tái nhợt. Thật kì lạ! Sự ôm ấp của đứa bé và mối hiểm nguy đang đến gần lại làm ông già Do Thái cứng rắn thêm lên. Ông đặt tay

lên đầu đứa cháu, hít một hơi thật sâu vào lồng ngực. Mặc dầu khuôn mặt vẫn còn trắng như bông tuyết, ngọn lửa và sự sống đã hiện về trong con người mắt ông.

- Sì... - Ông thầm thì về yên tâm.

Tiếng khóc im bật, nó tự nín lại vì bị mối sợ hãi kinh hoàng bóp nghẹt. Mãi đến bây giờ, tiếng khóc nức nở lúc nãy của đứa bé mới hiện về trong tiềm thức của ông.

Vài người đàn bà đi vào hiên nhà dài và hẹp: đó là bà thầy bói với đứa bé trên tay, bà gác cổng, bà bán hàng ngoài quán chợ.

- Này, ông Mười Lăm! - Từ ngưỡng cửa, bà gác cổng hét to - Hãy đi khuất khỏi mắt họ! Tôi sẽ đặt bức hình Chúa hoặc một cây thánh giá lên cửa sổ. Ở những nhà khác đã đặt rồi... Lúc đó họ sẽ không đến nữa!... Bà nắm tay thẳng bé.

- Này, Kubus! Đi vào phòng ngủ!...

Mọi người vây quanh họ, người nọ che lấp người kia, đẩy nhau về phía tấm rèm đỏ tía. Họ biết ông già Do Thái này đã từ lâu, ông ta luôn là người biết điều, tốt bụng. Sau đám đàn bà, các cư dân sống trong chung cư nhỏ này cũng bắt đầu len vào. Căn phòng chật ních người.

Ông Mười Lăm một tay tì lên vai đứa bé, tay kia đẩy đám phụ nữ. Ông đã hoàn toàn tỉnh táo trong giây phút này.

- Bà Janowa hãy để yên nào! - Ông nói bằng giọng cứng rắn, âm vang như tiếng chuông - Mọi người hãy để yên nào! Tôi cảm ơn các người, bởi các người muốn ban điều thiêng liêng cho tôi, muốn làm cho tôi vui, nhưng tôi không muốn đặt cây thánh giá trên cửa sổ của mình! Tôi không muốn hổ thẹn vì mình là người Do Thái. Tôi không muốn sợ hãi! Nếu họ không có trong mình lòng nhân từ, nếu họ muốn xúc phạm người khác, thì họ không phải là tín đồ đạo Thiên Chúa, họ sẽ không hỏi về cây thánh giá hoặc bức hình Chúa kia... Vậy thì họ cũng không phải là con người nữa. Họ hoàn toàn là dã thú. Còn nếu họ là con người, nếu họ là tín đồ đạo Thiên Chúa, thì đối với họ, cái đầu bạc của

một người già và đứa trẻ vô tội cũng sẽ là thiêng liêng. Hãy đi đi, Kubus ơi...

Và sau khi lôi thẳng bé theo mình, bất chấp những lời phản đối ồn ào của những người tụ tập tại đó, ông đi đến cửa sổ, cả hai cánh tay dang ra và ông đứng trong tấm áo nẹp đã mở cúc, trong chiếc tạp dề da, với bộ râu trắng xóa run lấy bấy, đầu ngẩng cao, áp chặt vào sườn mình đứa học trò nhỏ trong chiếc áo sơ mi đồng phục của nhà trường, trong khi thẳng bé càng lúc càng mở to mắt ghim vào đám dân đen đang sửa ầm ĩ.

Cảnh đó diễn ra kinh khủng đến nỗi đám đàn bà bắt đầu khóc nức nở.

Lũ người ngoài phố phát hiện ra ông già Do Thái đứng trong cửa sổ liền bỏ qua những quán còn lại, lao về phía ông.

Lòng dũng cảm anh hùng của ông già, tiếng kêu câm lặng hướng tới những tình cảm con người của đám đông bị coi như điều xúc phạm, sự nhạo báng. Ở đây, người ta không còn tìm xem liệu có cần phải lăn thùng phi đầy dấm hoặc rượu nào hay không, cần đập bể hòm hàng hóa nào hay không, cần xé rách cái đệm nào hay không, cần đập vỡ sọt trứng nào hay không. Ở đây bùng nổ khát vọng hoang dại được hành hạ, sự kích thích thú tính bạo tàn, thứ tiềm ẩn trong từng cá thể như cơn hỏa hoạn lan tỏa trong đám đông...

Họ còn chưa chạy tới dưới ô cửa sổ thì những hòn đá ném từ trong đám đông đã bay trúng đầu cậu bé. Thằng nhỏ hét lên, những người đàn bà lao về phía nó. Ông già Do Thái rời vai đứa bé, thậm chí không nhìn quanh, nâng cả hai tay lên, ném cái nhìn vào đám dân đen đang sửa ầm ĩ và lên tiếng thầm thì từ đôi môi nhợt nhạt:

- Ôi *Adonai*❗! *Adonai*!... - Nước mắt từ đôi mắt to của ông chảy tràn xuống khuôn mặt nhăn nheo.

Đột nhiên, một Gaon❗ thực sự, có nghĩa là *cao lớn, uy nghi*, đã xuất hiện.

Khi những người đầu tiên trong đám đông tiến tới dưới ô cửa sổ, họ bắt gặp một vật chướng ngại bất ngờ dưới dạng chàng sinh viên gầy ở ngôi nhà trên tầng áp mái.

Với mái tóc dựng đứng, trong bộ đồng phục mở cúc, anh ta đứng dưới cửa sổ của ông già Do Thái, hai tay dang rộng, nằm lại thành năm đấm và hai chân dẹt ra giống như chiếc com pa mở rộng. Anh cao đến mức che lấp đến lưng chừng ô cửa sổ phía sau mình. Cơn giận dữ, nỗi hổ thẹn, sự khinh bỉ, lòng nhân từ rung chuyển bộ ngực phanh trần của anh và những tia lửa cháy lên dọc theo khuôn mặt đen ngòm, rỗ lõm đốm...

- Tránh xa ông già Do Thái này ra! - Anh gầm lên như con chó ngao đối với những kẻ đầu tiên chạy đến - Nếu không thì chúng bay cứ việc lao vào tao, lũ dê tiện! Lũ chó má, lũ bất lương!

Anh run lên và thậm chí không thể quát to bằng cả giọng mình, sự giận dữ bóp nghẹn cổ anh. Từ đôi mắt nhỏ màu nâu xám của anh hình như phát ra những tia lửa.

Trong giây phút ấy, anh đẹp như thần Apollo*...

Vài người tỉnh táo nhất trong bọn bắt đầu rút lui. Hình dáng của chàng thanh niên cùng những lời nói của anh đã đánh vào chúng bằng sức mạnh của mình. Anh sinh viên cao ngồng lợi dụng tình hình đó, sau khi nhảy qua ô cửa sổ thấp vào nhà, anh đẩy ông già Do Thái ra, một mình đứng trong ô cửa sổ. Đám đông kéo ngang qua cửa sổ đó với tiếng ồn ào tẻ nhạt. Những lời chế nhạo, đe dọa, tiếng ồn ào, chửi rủa đồng hành cùng cuộc tuần hành ấy; sau đó, tiếng ồn ào xa dần, nhỏ dần cho đến khi biến thành tiếng ầm ì xa vắng, không rõ ràng.

...

Buổi tối hôm ấy, không ai ngồi bên chiếc bàn gỗ thông học bài và không ai đứng bên xưởng đóng sách làm việc. Phía sau tấm rèm đỏ tía

ở chỗ giường ngủ thỉnh thoảng lại nổi lên tiếng rên khe khẽ của đứa bé; ở nơi đây, sự yên tĩnh hoàn toàn đang chế ngự. Nếu không có tấm kính cửa sổ bị đập vỡ, không có chiếc áo ca-pốt và chiếc cặp học trò bị vứt dưới nền nhà, thì không ai biết có cơn bão vừa đi qua đây buổi sáng.

Trên giường ngủ phía sau tấm rèm đỏ tía, cậu học trò trường trung học đang nằm với cái đầu băng bó. Ngọn đèn xanh cháy leo lét cạnh cậu, chàng sinh viên gầy còm ngồi ở mép giường đang cầm tay thẳng bé.

Khuôn mặt anh sinh viên đã trở lại bình thường như lúc xưa, rõ lõm đốm, xấu xí; chỉ có trong đôi mắt là sáng lên ngọn lửa không thể dập tắt được đang dâng lên cuộn cuộn từ đáy tâm hồn. Anh ngồi im lặng, mặt cau có, giận dữ và thỉnh thoảng lại ném cái nhìn sốt ruột về góc tối của giường ngủ. Trong góc ấy, ông già Mười Lăm đang ngồi, không động đậy, không nói năng gì. Cúi người, hai khuỷu tay tì vào đầu gối, với khuôn mặt giấu sau hai tay, ông đã ngồi như vậy từ buổi chiều, từ lúc biết được rằng thẳng bé không gặp nguy hiểm gì.

Sự bất động và im lặng của ông thợ đóng sách già làm chàng sinh viên sốt ruột.

- Ông Mười Lăm ơi! - Cuối cùng anh bật tiếng gọi - Ông hãy đi khỏi góc ấy ra đây xem nào! Ông đang để tang người quá cố hay làm trò quý quái gì thế? Chỉ có một chút sôi động thôi chứ có gì hơn đâu. Thằng bé khoảng một tuần gì đó sẽ lại đến trường, chỉ cần da non mọc lên một chút thôi. Thế mà ông ngồi như đưa đám, cứ như một cái gì đó đã chết ở trong ông.

Ông già Do Thái im lặng.

Sau giây lát, ông mới ngẩng đầu lên và lên tiếng bằng giọng run run đầy nhiệt huyết:

- Anh hỏi có phải tôi ngồi đưa đám hay không? Đấy, tôi đang ngồi đưa đám đấy! Tôi có tro ở trên đầu và bao tải lớn phủ lên đầu, và tôi đang ngồi trên tro, và tôi có đôi chân trần, và tôi có sự sám hối to lớn, và tôi có nỗi đau đớn to lớn, và nỗi cay đắng to lớn...

Ông ngừng lời và lại lấy tay che mặt. Ngọn đèn xanh bé nhỏ hắt lên cái đầu bạc trắng của ông những vệt sáng đặc biệt, lung linh gần như ma quái. Thằng bé rên rỉ hết lần này đến lần khác và căn phòng lại chìm vào im lặng.

Lúc bấy giờ, giữa cảnh im lặng ấy, ông Mười Lăm Gdansk ngược đầu lên nhìn nó và nói:

- Anh nói rằng cái gì ở trong tôi đã chết ư? Đấy, ở trong tôi đã chết cái mà với nó tôi đã sinh ra, với nó tôi đã sống sáu mươi bảy năm, với nó tôi nghĩ mình sẽ chết... Đấy, trong tôi trái tim dành cho thành phố này đã chết!

CON NGỰA GIÀ CỦA CHÚNG TÔI

Chuyện xảy ra bắt đầu từ chiếc giường cũ, nơi ba đưa chúng tôi nằm ngủ.

Hôm ấy, bố tôi ở ngoài sông về bực mình chuyện gì đó và sau khi ngồi xuống ghế, ông liền đưa tay lên chống đầu. Mẹ tôi hỏi lần đầu rồi lần thứ hai chuyện gì xảy ra với ông, mãi đến lần thứ ba ông mới trả lời, rằng việc làm ở chỗ bãi sỏi đã kết thúc và con ngựa già của chúng tôi sẽ chỉ tiếp tục chở cát thôi. Ngay sau đó, Felek hích khuỷu tay vào mạng sườn tôi, còn mẹ thì rên lên khe khẽ.

Buổi tối, bố phải đi đến bác sĩ, nhưng hình như ông gặp chuyện khó khăn. Ông cứ đi đi lại lại, trầm tư nhìn vào góc nhà, mãi cho đến khi đứng trước mặt mẹ ông mới nói:

- Bọn con trai cần gì giường, Anulka ơi! Tôi ngủ ở dưới đất thì bọn chúng cũng có thể ngủ như vậy được.

Chúng tôi cùng nhìn nhau. Hai tia lửa vàng lóe lên trên cặp mắt bạc của Felek. Đúng như vậy! Chúng tôi cần gì giường? Chỉ tội phải canh để thằng Piotrus không bị ngã xuống đất thôi.

- Tiếp! Lên đường! - Felek hét to và trước khi mẹ tôi kịp lên tiếng trả lời, ba chúng tôi đã kéo đệm cỏ khô xuống đất, còn Felek bắt đầu nhào lộn trên đó.

Sau khi kéo đệm cỏ khô xuống, chúng tôi mới phát hiện ra rằng còn thiếu hai tấm dát giường, và một bên thành giường bị lung lay. Lúc đó, “gã con buôn” mà bố tôi cho gọi tới không thèm nói đến giường, số tiền định mua tính bằng xu đồng hắc đã đút vào túi buộc lại và luôn xuống dưới tấm áo thun để phía trước ngực. Bố tôi bớt cho hắc mười xu, sau đó hai chục, sau nữa là cả một zloty, nhưng gã Do Thái ương ngạnh không chịu. Mãi đến khi thò bộ râu vào phòng từ ngoài hiên nhà, hắc trả nửa rúp kém bảy xu, nếu như bố tôi đồng ý bán cho hắc thêm cả chiếc gối nữa.

Bố tôi dẫn đo, nhìn lên chúng tôi, nhìn lên mẹ tôi; tất cả mọi thứ cộng lại là mười một zloty.

- Thế nào các chàng trai? - Cuối cùng ông hỏi - Tạm thời thiếu gối các bạn có chịu được không, trong khi mẹ đang ốm?

- Ôi ây!

Felek càu nhàu bằng giọng nghèn nghẹt, vì đúng lúc ấy, nó đang trồng cây chuối bằng đầu, và không thay đổi vị trí, nó vứt cái gối ra giữa phòng. Piotrus vỗ lấy và ném trở lại cho Felek, Felek lại ném cho tôi, cứ như thế cho đến khi “gã con buôn” giật được khỏi tay, để chúng tôi không làm rách gối.

- Nhưng không kèm áo gối! - Mẹ tôi lên tiếng bằng giọng yếu ớt.

Ngay lập tức, chúng tôi giật chiếc gối khỏi tay “gã con buôn”, mặc dù hẳn đã kẹp nó dưới nách và chúng tôi lột áo gối ra.

Sau khi lột áo gối, chúng tôi mới biết chiếc gối ấy đã bị rách ở một góc và từ đó lông chim rơi ra lả tả. Lúc đó, “gã con buôn” lại không muốn trả mười một zloty nữa, chỉ trả mười zloty bớt mười lăm xu.

Cò kè hết lần này đến lần khác, cuối cùng, gã thỏa thuận với cha tôi giá hai rúp*, nhưng phải đưa thêm cho hẳn chiếc chăn bông của chúng tôi nữa.

Bố nhìn lên mẹ. Bà ồm yếu và nhợt nhạt đến mức trông như một xác chết nằm ngửa, với đôi mắt lõm sâu.

- Anulka?... - Bố thì thầm hỏi mẹ.

Mẹ bị lên cơn ho, vì vậy không thể trả lời được.

- Chúng con không muốn cái chăn bông ấy đâu, chúng con không muốn! - Felek hét lên - Vì chiếc chăn đó mà đêm nào chúng con cũng phải đánh nhau. Wicek hãy nói đi nào!...

- Đúng như vậy đấy, bố ạ! - Tôi xác nhận với vẻ sốt sắng - Đêm nào chúng con cũng phải đánh nhau, vì nó cứ tuột xuống...

“Gã con buôn” đã cuộn chiếc chăn bông ấy và kẹp vào nách. Chúng tôi chạy sau hẳn ra sân với vẻ đắc thắng.

- Chúng mày có biết không? - Felek hét to với bọn trẻ con đang chơi khăng ở đó - “Gã con buôn” đã mua của chúng tao giường, chăn bông và gối! Bây giờ chúng tao sẽ ngủ ở tấm đệm cỏ đặt trên đất!...

- Có chuyện gì lớn lao đâu cơ chứ! - Thằng Jozek người trắng nhợt, con ông thợ may ở nhà ngang bên trái kêu lên - Tao đây đã hai năm ngủ ở nhà ông thợ cả trên mặt đất rồi, mà thậm chí còn không có cả đệm cỏ nữa ấy chứ.

Nó làm chúng tôi phải kính nể. Thế là việc ngủ như vậy của chúng tôi rõ ràng không phải là phát kiến gì mới mẻ.

Ngày hôm ấy, bác sĩ đến chỗ chúng tôi, còn tôi phải chạy ra hiệu thuốc đến hai lần, vì mẹ lại cảm thấy tồi tệ. Khi màn đêm vừa buông xuống, chỉ vừa mới ăn được hai củ khoai tây, chúng tôi đã vội vã đến với chiếc đệm cỏ đặt ở góc nhà, ngay sau lò sưởi. Thằng Felek thậm chí còn vừa cầm miếng bánh mì trên tay, vừa quỳ gối cầu kinh, rồi nhìn hết lần này đến lần khác vào tấm đệm cỏ. Trong chớp mắt, nó liền thoảng cầu “Cha của chúng con” và “Đức Mẹ đồng trinh” nhanh đến nỗi tôi còn chưa bắt đầu làm lễ dâng hiến thì nó đã đâm vào ngực mạnh tới mức căn phòng vang lên tiếng thùm thụp, và chỉ mới vứt chiếc áo ngoài xuống, nó lập tức nằm xuống cạnh lò sưởi. Đứng ra thì cả tôi nữa cũng có ý định nằm cạnh bếp lò, nhưng tôi không muốn tranh nhau với Felek, vì vậy tôi búng vào tai nó một cái và đặt mình xuống cạnh tường, còn Piotrus thì chúng tôi để nằm giữa hai đứa. Ngay lập tức, tôi có cảm giác đầu mình chạy mất đâu đó khỏi gáy, do tôi đã quen với chiếc gối, song sau đó tôi đặt khuỷu tay vào và thế là ổn.

- Bố biết đắp gì cho chúng mày bây giờ, lũ sâu bọ? - Bố tôi nói và nhìn cảnh chúng tôi dựa nọ ôm ấp đứa kia.

Ông nhìn quanh căn phòng, tháo chiếc áo choàng màu xanh thẫm của mình từ cái chốt treo xuống và vứt cho chúng tôi.

Chúng tôi reo lên vì vui sướng và nhanh chóng đút tay vào ống tay áo. Piotrus chỉ cần nhăn vì không thể nhét tay vào đó được, chúng tôi

đã lấy mũ áo choàng đắp cho nó, thế là cu cậu nín lặng. Trước khi đặt mình xuống nằm, bố còn đi đến chỗ chúng tôi một lần nữa.

- Sao nào? Các con có đủ ấm không, lũ ruồi? - Ông hỏi.

- Con ấm rồi. - Tôi trả lời từ bên trong chiếc áo choàng.

- Còn con thì sao đây? - Felek hét to - Ôi, bố ơi, sao con lại nóng thế cơ chứ?

Và nó hất tung cả hai cẳng chân dài ngoẵng, gầy còm của mình ra ngoài để chứng tỏ rằng nó không cần phải đắp.

Quả là một luồng hơi ấm dễ chịu tỏa ra chỗ chúng tôi từ chiếc bếp lò, vì trước buổi tối bố tôi đã mang than về, nhóm lửa và nấu nước chè cho mẹ. Ngay sau đó, chúng tôi ngủ thiếp đi. Trước khi trời sáng, chúng tôi bỗng nhiên thấy lạnh. Lúc bấy giờ, tôi kéo áo choàng về phía mình. Felek lập tức co rúm người lại trong cơn mê, rồi nó cũng bắt đầu kéo áo choàng về phía nó. Tôi không chịu buông ra, ở gần bếp lò nó đã được hưởng hơi ấm nhiều hơn tôi, nó càng cố chui người sâu hơn vào trong chiếc áo.

Khi cố chui như vậy, nó ép người đụng vào Piotrus, bỗng nhiên thằng bé bắt đầu thút thít, còn sau đó thì khóc nhè thật sự.

Mẹ tôi lặng lẽ rên rỉ hết lần này đến lần khác.

- Filip ơi! Filip ơi! - Bằng giọng yếu ớt, bà gọi - Anh hãy đến chỗ bọn trẻ xem, không biết tại sao Piotrus lại khóc.

Bố đang ngủ.

- Bọn trẻ! - Mẹ lại lên tiếng - Tại sao Piotrus lại khóc thế?

- Tại thằng Felek đẩy mẹ ạ! - Tôi lên tiếng.

- Không phải đâu, mẹ ơi, tại Wicek đấy! - Ngay lập tức, nó phủ nhận bằng giọng còn ngái ngủ.

Mẹ lại rên rỉ nhỏ hơn. Khi thằng bé không chịu nín, bà cố lết ra khỏi giường, bế Piotrus trên tay và mang nó về chỗ chăn đệm của mình. Chỗ nằm của chúng tôi đã rộng hơn, Felek đấm nắm tay vào cạnh sườn tôi, tôi cũng vậy và sau khi xoay người đối diện nhau, chúng tôi ngủ một giấc ngon lành đến tận sáng.

Mấy hôm sau, “gã con buôn” lại đến. Không ai gọi hắn, hắn đến vì phép lễ độ, như hắn nói, để biết xem mẹ tôi có khỏe hơn không. Hắn bắt đầu đi lại trong phòng, ngó nghiêng cái tủ và những chiếc ghế ngồi. Bố tôi tỏ ra buồn bã vì chuyện gì đó và không muốn nói chuyện nhiều với hắn.

Ngày hôm sau, “gã con buôn” lại đến. Hôm đó, chúng tôi có bữa trưa với khoai tây và muối, vì không còn mỡ; bánh mì cũng vừa mới hết, còn Piotrus đã phải đến nhà trẻ mà không có bữa sáng. Bố lệnh cho tôi chuẩn bị túi để mua than. Felek hích khuỷu tay vào sườn tôi, có vẻ như là chúng tôi sắp được sưởi ấm, gió đang thổi rất mạnh vào nhà chúng tôi. Rồi chúng tôi cùng cười. Tôi đứng lại trong giây lát với cái túi, nhưng chắc là bố quên chuyện mua than. Ông đang vừa ngồi trên giường mẹ vừa đăm chiêu nghĩ ngợi và nhổ râu. Tôi húng hắng ho lần thứ nhất, bố không nhìn về phía tôi; tôi húng hắng ho lần thứ hai, ông nhìn với vẻ cứ như không thấy tôi. Đúng lúc đó, “gã con buôn” đi vào và bắt đầu mặc cả mua cái tủ.

Tôi đổi chân và đứng chờ thêm giây lát, nhưng vội lắm rồi, nước ở cái bơm đã đóng băng và Felek đã chạy ra xe, tôi đánh liều húng hắng ho lần thứ ba. Bố tôi không những không quay mặt lại, cũng chẳng thèm đập tay xuống bàn! Tôi chạy như ma đuổi vào hiên nhà, suýt nữa thì vấp phải ngưỡng cửa, còn “gã con buôn” cũng bước ra ngoài, không đứng lại nữa và bắt đầu đưa ngón tay lên ra hiệu gọi thằng nhỏ Do Thái đứng ở phía đối diện. Bố gọi tôi, mặc dù tay còn đang run rẩy, lệnh cho tôi chạy đi mua than và đưa ra mười sáu xu.

Khi tôi trở về, “gã con buôn” và thằng nhỏ Do Thái ở phía đối diện đã khênh chiếc tủ đi. Bố đứng chặn ngang cửa ra vào để chặn bớt băng giá lọt vào nhà, còn mẹ thì quay đầu về phía tường và khe kẽ ho.

Việc bỏ đi chiếc tủ ở góc nhà, nơi trước đây nó đứng, như tôi còn nhớ, chỉ mở ra cho chúng tôi những quang cảnh mới. Chúng tôi cúi xuống giữa những thứ rác rưởi tích tụ ở đấy và bắt đầu công việc tìm kiếm. Felek tìm được chiếc cốc đồng, nó lấy khâu vào tay áo, còn tôi lấy que bới ra được từ trong khe hở một cái kim to đã gỉ và chiếc còi

hình con bò với đôi chân bịt sắt và cánh bị sút. Chúng tôi bắt đầu thổi còi, nhưng nó đã chết.

Cứ mỗi lần phát hiện được một cái gì đó, chúng tôi đều vui sướng hét to, còn bố không thể giục chúng tôi đến với món tắm ông nấu dành cho bữa trưa, mà chỉ có mẹ là không muốn ăn. Cuối cùng, chúng tôi cũng đã lục lọi mọi thứ, và sau khi tin chắc rằng ở góc đó không còn bất cứ cái gì quý giá nữa, chúng tôi mang những thứ rác rưởi còn lại vứt ra hiên nhà.

Bây giờ, tôi mới phát hiện ra rằng ở chỗ trước kia đặt chiếc tủ, mảng tường trắng hơn so với phần còn lại của căn phòng. Tôi báo tin đó cho Felek. Và vì mẹ cũng nhìn vào góc đó bằng ánh mắt buồn rầu, lúc ấy bố rời nôi tắm, tìm trong hòm hai chiếc đinh đóng vào mảng tường trắng, rồi treo lên đó chiếc váy nâu mẹ mặc vào dịp lễ và chiếc thứ hai màu xanh lam, mặc hằng ngày, đồng thời lấy tấm khăn phủ bên ngoài. Chỗ tường đó trông rất đẹp mắt, còn Felek cùng Piotrus nhanh chóng bắt đầu chơi trò “đi núp đi tìm” ở đó.

Trong thời gian ấy, tình trạng sức khỏe của mẹ có vẻ tồi tệ hơn; bác sĩ ra lệnh cho bà phải ăn loại xúp ngon và thịt tươi. Mặc dù bà đã khóc lóc vì sự mất mát như vậy và cố ngăn cản bố, nhưng suốt tuần ấy, hằng ngày tôi vẫn phải đi đến lò mổ, đôi lúc mua đến cả hai lạng thịt.

Còn “gã con buôn” thì đã quen với việc đến chỗ chúng tôi, vì thế cho dù có ai gọi hay không, hằng ngày ít nhất hẳn cũng ghé đến nhà nhòm qua cửa. Thậm chí, đến con Hultay, con chó giữ nhà, cũng không còn sủa khi thấy hẳn. Sau cái tủ, “gã con buôn” đã mua của chúng tôi bốn cái ghế nhuộm màu gỗ bồ đào, mà chúng tôi vẫn ngồi ăn trưa trên đó. Với những cái ghế ấy, chúng tôi được dịp vui thỏa thích, vì “gã con buôn” chỉ có thể tự mình mang hai chiếc, hai chiếc còn lại chúng tôi mang đến tận phố Ordynacka.

Chúng tôi đội ghế trên đầu và diễu hành ngay giữa đường phố, còn Felek cứ hét to thế này: “Tránh ra! Tránh ra!”, thế là thậm chí cả xe ngựa chở người cũng dừng lại. Chúng tôi để mặc “gã con buôn” ở phía

sau mình, mặc dù gã Do Thái đó vừa đuổi theo chúng tôi vừa gào to rằng chúng tôi là lũ kẻ cướp, quân phá hoại và những từ vớ vẩn gì đó mà bọn Do Thái nghĩ ra. Đến tận phố Ordynacka, bọn tôi vẫn tiếp tục đánh trống ầm ầm trên ghế. Mọi người chạy đến, họ tưởng có “trò diễn”. Mãi tới khi “gã con buôn” đuổi đến chỗ chúng tôi và vò bộ râu khi nhìn thấy đám đông tụ tập bên những chiếc ghế, gã liền đưa cho chúng tôi đồng ba xu để chúng tôi ra về.

Chuyển đi làm chúng tôi thích thú đến mức chỉ hỏi có cái gì cần mang đi nữa hay không.

Đặc biệt, Felek ngày càng có nhiều sáng kiến mới. Chỉ vừa từ nhà trẻ về, nó lập tức đặt tay chéo lên vai, đi đi lại lại trong phòng và nhìn khắp mọi góc gác như một chuyên viên đánh giá đồ vật.

- Hay là bán chiếc nồi sắt kia đi, bố nhỉ? Hay bán cái chậu giặt bằng gỗ hoặc cái đồng hồ?

- Cút đi! - Bố quát. Bây giờ gần như lúc nào ông cũng tức giận vì chuyện gì đó và buồn rầu.

- Felek! Con nói gì thế? - Mẹ lên tiếng bằng giọng yếu ớt - Chắc không lâu nữa con muốn bán cả linh hồn của mình đấy nhỉ?

Tôi và Piotrus cũng lên tiếng phản đối dữ dội.

- Ôi!... Bán nồi ư?... Còn gì nữa?... Thế chúng ta sẽ nấu tắm và cả khoai tây nữa bằng gì?

- Lại cả đồng hồ nữa!... - Piotrus tức giận nói thêm - Nếu không có đồng hồ thì anh biết khi nào muốn ăn hoặc ngủ?...

- Ôi ây!... - Felek lên tiếng với bộ mặt kẻ vô thần đã hết thời - Nói gì chứ nói chuyện đó!... Còn may dù đồng hồ có chỉ giờ hay không chỉ giờ thì lúc nào cũng chỉ nghĩ đến chuyện ăn thôi.

- Còn anh thì lao đến bà chủ cửa hàng để bà ấy cho “khúc giò thủ loại tồi” với cái bánh mì tròn.

- Tao không lao đến! - Felek mặt đỏ bừng cãi lại.

- Anh có lao đến!

- Không lao đến.

- Đúng rồi, mày có lao đến! Chính tao trông thấy mày ăn “khúc giò thủ” gì đó...

- Em ăn “giò thủ” ư? Thề có Chúa, em không ăn!...

Đến đây nó đâm ngực thùm thụp.

- Thế thì hà hơi ra thử!...

Felek lấy hơi và phà ra mạnh đến mức hơi nước bay cả ra. Nó đã vượt qua cuộc thử thách ấy với vẻ đắc thắng. Không có gì chứng tỏ là nó đã ăn “giò thủ loại tồi”, còn ở đáy sâu trong bụng nó chỉ thấy phát ra một sự rỗng không to lớn.

Tuy bị phản đối, Felek vẫn không từ bỏ ý định của mình. Một hôm, nó đi quanh phòng và nhìn khắp các bức tường, rồi bỗng nhiên hét to:

- A bán cái chảo, bố ơi! Hay cái cối! Hay cái bàn là!...

Nghe mà khiếp sợ. Cái chảo, cái cối và cái bàn là - đó gần như là báu vật của gia đình. Chúng được đặt trang trọng trên ngăn gác ngay đối diện cửa ra vào và phát ra ánh vàng lóng lánh. Cái chảo đặt ở vị trí chính giữa. Như tôi còn nhớ, chưa bao giờ tôi thấy mọi người dùng cái chảo đó nấu nướng món gì. Đơn giản đó là sự phỉ báng. Tuy thế cứ mỗi tuần vào ngày thứ Bảy, mẹ lại lấy gạch vụn hoặc tro lau chùi nó, đặt ở trong phòng mà quai của nó phát ra tia sáng lấp lánh đập vào mắt khi bước vào nhà. Đứng cạnh chảo là cái cối với cái chày một bên, và cái bàn là một bên. Cái cối cùng tuổi với tôi. Bố mua nó khi tôi chào đời để làm mẹ vui lòng và biểu thị cho bà thấy trái tim nhân từ đối với con trai. Tôi không quý trọng đứa trẻ cùng tuổi nào với tôi ở sân nhà, chà, thậm chí trên toàn dãy phố bằng cái cối ấy. Mẹ chỉ nhắc nó xuống một lần trong năm, vào thứ Sáu trước Giáng sinh, để già quế làm bánh mì dẹt phục vụ lễ Giáng sinh. Lúc bấy giờ, mọi người thường kể lại câu chuyện trong đó tôi và cái cối là những nhân vật chính. Thực ra, chúng tôi chỉ khác nhau ở một điểm là tôi thì do con cò cắp đến cho không, còn cái cối thì phải mất tiền mua. Vì vậy, chẳng có gì đáng ngạc nhiên là tôi coi sự tồn tại của cái cối còn quan trọng hơn sự tồn tại của bản thân mình, đặc biệt khi nhìn vào sự quý trọng mà nó luôn luôn được

dành cho, trong khi đối với tôi đã xảy ra nhiều chuyện khác nhau cả lúc bấy giờ lẫn về sau này...

Chiếc bàn là cũng rất hiếm khi được lấy ra khỏi ngăn gác vì mức sống hằng ngày của chúng tôi. Mẹ chỉ dùng nó để là những chiếc áo sơ mi ngày Chủ nhật của bố và mũ trùm đầu bằng vải tuyền của mình; những thứ quần áo mặc bên trong còn lại đều đưa vào máy cán phẳng. Có lần, vì chiếc bàn là ấy mà mẹ giận bà gác cổng vì bà ta muốn mượn nó ở chỗ chúng tôi.

- Bà thân mến! - Mẹ nói với bà ta bằng giọng rất cương quyết - Đồ “quý báu” đó không phải để cho mượn, không thể để bàn tay người khác động vào!... Cái đó đáng giá lắm!... Đây là thứ hàng mua dùng cho cả đời!

Mọi người vẫn còn nhớ bà gác cổng đã đóng cửa lại như thế nào, đã văng ra những lời lẽ ra sao ở ngoài hiên và sau đó, mẹ tôi vì tức giận mà tay run lên bần bật như thế nào khi cắt bánh mì ăn sáng cho chúng tôi. Kể từ lúc đó, chiếc bàn là đã trở nên vô cùng quý giá trong ý nghĩ của tôi. Thậm chí, tôi còn liệt kê nó vào hạng những đồ vật tồn tại một lần cho cả đời, thí dụ như lễ Đặt tên, phép Thêm sức ở nhà thờ và chiếc áo choàng màu xanh thẫm, thứ mà bố cũng nói là dùng cho cả đời. Còn bây giờ, xin mọi người hãy nhìn xem, Felek đã nói như vậy về chiếc bàn là, cứ như đó là một chiếc muỗng ăn hay cái chổi cũ ấy.

Tôi ngược nhìn bố, và tin chắc rằng thế nào ông cũng véo tai Felek. Nhưng bố lại găm ánh mắt xuống đất, sờ râu. Cũng còn may là lúc ấy mẹ đang ngủ.

Ngày hôm ấy, tôi không chạy đi mua thịt cho mẹ. Bố chỉ đưa cho tôi chiếc cặp lồng mua xương và dùng nó để nấu xúp lúa mạch.

Sáng hôm sau, bố đi về nhà lạnh cóng và vừa xoa xoa đôi tay xương xẩu vào nhau vừa gọi ngay từ ngưỡng cửa:

- Anulka ơi, hãy vui lên! Nhìn sông Wisla mà xem, nước đang xuống, gió đã chuyển hướng thổi về phương tây rồi.

Nhưng sau khi nhìn lên bố, mẹ liền vỗ hai tay vào nhau, rồi ngồi hẳn trên giường.

- Filip ơi! - Bà kêu to - Thế cái áo lông đâu?

Bây giờ, tôi mới để ý thấy bố về nhà không có áo lông.

Nhưng tôi không có thời gian để quan sát, vì bố đã nắm lấy hai tay Piotrus và cùng nó quay một vòng tròn rất hăng hái. Sau đó, bố cười rất to, thả Piotrus ra, rồi ngồi xuống giường mẹ và lại cười, cười đến nỗi nước mắt chảy ra giàn giụa khắp bộ mặt đen đúa. Ông nhanh chóng lau mặt bằng ống tay áo cũ.

- Có gì đâu, Anulka ơi! Em thấy người thế nào?... - Ông hỏi.

Sau khi ngả người xuống gối, mẹ liền nằm bất động như một cái xác.

- Filip ơi! - Cuối cùng, bà thì thầm với nỗi ăn năn - Anh làm gì thế?... Bán cái áo lông rồi ư?...

- Áo lông! Áo lông! - Bố nhắc lại - Ôi, áo lông là cái gì?... Áo lông có phải là cái gì lớn lao đâu! Anh đã còng người ra khoác nó chừng ấy thời gian. Ôi sao nó nặng thế, đồ khi gió, nặng giống như lương tâm người thợ xay bột ấy*... Và con người cảm thấy nhẹ nhõm hơn khi vứt bỏ nó khỏi mình!

Khi mẹ rên lên khe khẽ, ông lấy tay vuốt mớ tóc bà và nói thêm:

- Anulka, cũng tại em nữa, em là cái cây cong, hơi một tí đã rên rỉ lên... Có áo lông hay không đâu phải là chuyện gì lớn lao cơ chứ? Chuyện gì nào? Cái áo lông có cho mình ăn hay trả tiền thuê nhà thay cho mình không, sao nào? Mùa xuân cận kề rồi, hãy đợi đấy, chỉ cần nước sông rút đi, thì mình sẽ có tiền sắm áo lông mới ngay... Cứ chờ đấy rồi sẽ thấy, ngay cả trong cái áo khoác ngoài bình thường, người cũng sẽ nóng ran lên khi công việc mở ra...

Ngày hôm ấy, ông bác sĩ lại đến chỗ chúng tôi và tôi lại chạy ra hiệu thuốc.

- Ở đây lạnh quá đấy, - bác sĩ nói khi bước ra - và có vẻ rất ẩm. Phải đốt lò nhiều lên...

Ông rùng mình rồi phủ lên người chiếc áo lông thú ngắn. Bố cúi đầu lắng nghe. Suốt cả ngày hôm ấy bố rất vui, nhưng chắc phải có điều gì đó day dứt, bởi chỉ cần mẹ không nhìn, thì ông liền thay đổi nét mặt, trở nên ngơ ngác, đôi mắt từ màu bạc chuyển thành tối thẫm, trong đó chứa đựng một nỗi đau đớn sâu thẳm.

Chúng tôi đã mua gần một yến than ở cửa hàng quen thuộc và ngọn lửa bốc lên kêu tanh tách trong bếp lò. Bố kê chiếc ghế dài xích gần hàng hiên và ngồi lên đó, mẹ cũng quay mặt lại để nhìn vào ngọn lửa và thế là tất cả chúng tôi đều nóng ran cả lên đến nổi... Ôi chao, sướng ơi là sướng!

Lại hai tuần nữa trôi qua, bố không kiếm được nhiều; còn ở trong nhà công việc cũng khá bề bộn. Chúng tôi phải giặt giũ quần áo này, phải nấu thức ăn này, mặc dù không phải lúc nào cũng cần đun nấu, luôn luôn không phải làm cái này thì cái khác, hay bị phái đi đâu đó... Sức khỏe của mẹ cũng không khá hơn, không tồi đi; bà chỉ gầy đi một cách khủng khiếp và mặt thì trắng bệch ra như chiếc khăn trùm. Những cơn ho cũng đến hành hạ bà nhiều hơn, đặc biệt vào lúc trời sắp sáng.

Thỉnh thoảng, những bà láng giềng đến nhà thăm và tỏ ra ngạc nhiên vì trông thấy mẹ tiều tụy như vậy.

- Giá như Chúa Jesus cho về bên này hoặc bên kia dứt khoát lại hơn!

- Bà thợ làm đình nói với bố.

- Phi phui! - Bố nhổ nước bọt - Sao bà nói những chuyện như vậy nhỉ? Cái gì đây, bà thương tôi hay sao? Có phải chúng tôi chỉ thề nguyện sống với nhau lúc khỏe mạnh, còn lúc ốm đau thì không hay sao? Có phải là bà ấy hao tổn sức lực khi ở bên một ai đó chứ không phải ở bên tôi và các con tôi?...

Và chuyện kết thúc ở đó.

Còn giá rét vẫn cứ tiếp diễn. Mặc dù gió đã chuyển sang hướng tây, trong nhà vẫn lạnh lẽo tới mức hơi lạnh bốc cả lên. Gần tối có giáng bớt đi chút ít thì tuyết lại rơi dày đến nỗi không còn nhìn thấy trời đất gì nữa. Piotrus không còn đến nhà trẻ, chỉ trốn ở sau lò sưởi hoặc ngồi

dưới chân giường mẹ, trông thật yếu ớt. Còn tôi cùng Felek nặn những viên tuyết và ném vào nhau để làm nóng người lên.

Một hôm, có lẽ trong bếp lò không đốt lửa. Bố khoác cho mẹ chiếc chăn rách và phái tôi đến bà láng giềng xin một thỏi đường cho vào thuốc lá cây. Bà láng giềng không có. Bố liền mở nắp hòm lên để xem liệu có còn đồng xu nào sót lại hay không, vì mẹ ho nặng đến mức ngực như có cái gì đó bật ra. Rồi ba đưa chúng tôi làm thay bố, trong hòm đã từng chứa nhiều đồ đạc khác nhau, những thứ ít khi chúng tôi nhìn thấy. Ở đó đã từng có con dao cạo râu của bố đặt trong chiếc hộp nhỏ, trong hộp thứ hai đựng dây chuyền hạt san hô của mẹ, chiếc khăn đen bằng lụa - thứ mà bố vẫn quàng cổ nhân ngày lễ lớn, chiếc hộp của mẹ với lớp vải lót đỏ, tấm khăn trải bàn vàng có vẽ hoa, tấm vải trải giường may từ loại lụa mỏng.

Lần này chúng tôi hoàn toàn thất vọng; chiếc hòm trống rỗng. Chỉ ở một góc, trong chiếc khăn đồ đã buộc lại có chiếc kèn harmonica thời trai trẻ của bố. Bố lắc lắc chiếc hòm hết lần này đến lần khác để tìm chút đường, như sợ rằng nếu nâng lên thì sẽ làm rớt mất nó. Chiếc hòm kêu lắc cắc rồi im bặt. Felek liền đút tay vào trong hòm.

- Còn kèn harmonica, bố ơi! - Nó hét to và nhấc bọc vải đỏ lên - Không thể bán cái kèn harmonica này ư?...

- Felek!... - Từ trên giường mẹ lên tiếng bằng giọng yếu ớt.

Bố đỏ mặt. Ông lấy lại từ tay Felek bọc vải đỏ với cái kèn harmonica và đặt lại nó vào hòm, lấy khóa khóa lại.

Ngày hôm ấy, chúng tôi không ăn sáng lâu; và bữa trưa cũng không có. Tôi nghĩ chắc bố sẽ phái mình đi mua ít nhất là bánh mì, nhưng không phải thế. Chỉ riêng Piotrus được một mẫu bánh từ ngày hôm qua. Tôi cùng Felek vào hiên nhà chơi trò dạy học, vì chúng tôi chẳng biết làm gì để tiêu khiển thời gian. Có lẽ đã hai giờ, hoặc ba giờ chiều, mẹ gọi tôi đến giường bằng giọng mệt mỏi, ngắt quãng:

- Wicek ơi, hãy đi đến bà cán vải ở phố Szczygla, con có biết không?

- Ôi ây... Sao con lại không biết cơ chứ... Bà ấy ở nhà số 3...

- Nhà số 3. - Mẹ nhắc lại - Đó là một người phụ nữ lương thiện, có thể bà ấy sẽ mua bàn là...

- Bàn là?... - Tôi nhắc lại với vẻ không tự tin, không biết mình nghe đúng không.

- Chỉ có điều bảo bà ấy hãy đến vào buổi tối để mụ gác cổng không nhìn thấy... Thôi, con đi đi...

Tôi cầm cái mũ lên tay thì mẹ lại gọi lần thứ hai:

- Wicek ơi!...

Nhưng khi tôi đến gần thì mẹ nhìn lên tôi và nói:

- Không có gì, không có gì! Con đi đi...

Tôi đến cửa ra vào thì mẹ gọi thêm lần nữa.

Bà ngẩng đầu khỏi giường, đôi mắt lõm sâu mở to hết cỡ.

- Và cái cối... - Bà thăm thì nhỏ đến mức tôi phải căng tai ra để nghe.

Tôi hóa đá. Tôi có cảm giác như chính bản thân mình bị đem đi bán.

- Cái cối ư? - Tôi thăm thì nhắc lại, vừa nói vừa cúi sát xuống mặt mẹ.

Bà thở nặng nề, không đều, trong ngực nghe có tiếng rít chói tai. Mẹ không đáp lại lời nào, chỉ giữ chặt tay tôi. Bàn tay bà lạnh và ẩm. Hai hoặc ba lần bà mở miệng mà không nói nên lời, vầng trán vàng vọt của bà nhăn kín lại.

Bà hít luồng không khí thật sâu như một tiếng thở dài.

- Và cả cái chảo nữa... - Bà gắng gượng lên tiếng thăm thì.

- Cả cái chảo?... - Tôi cũng nói bằng giọng nhỏ như vậy.

Bà chỉ phẩy tay, đầu ngả xuống gối, mắt nhắm nghiền.

Tôi chạy như bị bỏng, vừa chạy vừa cầm mũ trong lòng bàn tay. Ở hiên nhà tôi gặp Felek:

- Mày có nghe thấy không? - Tôi hét vào tai nó - Cả cái chảo, cả cái cối, cả bàn là, mọi thứ chúng ta đều đem bán như mày nói đấy!

- Thú vị thế à! - Felek cười và nhảy cẫng lên vì tin vui ấy, vừa nhảy vừa vỗ tay vào đùi đen đét.

Cú nhảy ấy là trò hay nhất trong toàn bộ chương trình biểu diễn của nó. Không bao giờ tôi có thể sánh kịp nó về chuyện đó. Nó dễ dàng tung người trên không trung giống như cá bơi trong nước. Ngay sau đó, cả hai chúng tôi cùng chạy đến phố Szczygla, vì Felek rất hay tự ái và không bao giờ muốn tôi hơn nó dù chỉ là sợi tóc.

Bà cán vãi không muốn nói nhiều với tôi. Bà bảo mình không cần cái chảo, còn cối và bàn là thì bà đã có rồi. Chúng tôi tức giận ra về.

- Cái mũ ấy thật lạ! - Felek kêu to - Chảo mũ ấy không cần! Cái chảo như của chúng ta mà mũ ấy bảo không cần.

Với đôi mắt lấp lánh, mẹ chờ đợi chúng tôi, và khi tôi nói kết quả của chuyến đi, bà thở dài như vừa cảm nhận được sự thanh thản vô cùng to lớn.

Trước buổi tối, bà lại gọi tôi và ra lệnh chạy đi tìm “gã con buôn”. Tôi và Felek cùng bay ra khỏi nhà và cảm thấy hạnh phúc vì vấn đề vẫn còn chưa kết thúc. “Gã con buôn” đến, ngắm nghía cái bàn là, ngắm nghía cái cối, ngắm nghía cái chảo và mấp máy miệng với vẻ miệt thị, nói rằng mấy cái đó chỉ bán được cho đồng nát. Cái bàn là đã cháy, chiếc cối thì bé quá, cái chảo lại mỏng và tán đinh ri-vê ở mép... Cả ba thứ đó hăn trả mười zloty.

Mẹ nhồm dậm rồi lại nằm xuống giường.

- Cái gì?... Mười zloty ư? Chỉ riêng cái cối giá đã là năm zloty và mười ba xu! Còn bàn là!... Còn chảo!...

- Ôi chao, bán cho đồng nát... - “Gã con buôn” bắt đầu.

Nhưng mẹ không để hăn nói hết câu đã run tay chỉ ra cửa bảo hăn rút.

- Đi đi!... Đi đi!... Đừng để tôi nhìn thấy ông lần nữa!... Không phải chỉ có ông là người duy nhất trên thế gian này. - Và mẹ lệnh cho chúng tôi lập tức đi đến chỗ “con buôn” khác, gã Rudy, kẻ mới mua của chúng tôi cái bàn cuối cùng.

Chúng tôi rất quý gã Do Thái này, vì gã có nhiều sáng kiến khác nhau. Mua cái bàn nọ xong, hăn nói sẽ trả cho tôi và Felek công mang

nó sang phố thứ hai mỗi đứa một quả bồ đào. Quả của Felek bị thủng lỗ, nhưng suốt ngày nó dùng để thổi còi, làm như tàu hỏa đang chuyển bánh. Chúng tôi vội chạy đi tìm Rudy. Ở góc phố phía trước cửa hàng, hắn đang nói liến thoắng với gã con buôn lúc nãy vừa ở chỗ chúng tôi ra. Sau đó, hắn đã chỉnh lại cái túi chứa chai lọ trên vai và đi theo chúng tôi.

Sau khi ngắm nghía cái cối, cái chảo và chiếc bàn là, gã chỉ trả có mười zloty và mười sáu xu cho chúng, và cũng nói rằng cái cối thì ngay cả bán đồng nát cũng không đáng. Mẹ rét run cả người lên và mặc dù gần như bất động ở trên giường, bà cũng giằng lấy cái chảo ở tay gã Rudy và buông rơi xuống đất. Nó kêu như tiếng chuông vỡ.

Tôi có cảm giác kì lạ khi nghe tiếng kêu ấy. Tôi nghĩ đó là tiếng nổ giòn tan của các góc tường nhà chúng tôi.

Mẹ lấy tay che mắt và bật khóc.

Trước khi trời tối còn có khoảng năm “con buôn” nữa đến chỗ chúng tôi, nhưng cứ mỗi gã về sau lại trả ít hơn một chút, dù chỉ là hai hoặc ba xu. Họ nói năng liến thoắng, tranh cãi nhau, giằng từ tay nhau chiếc cối và cái bàn là của chúng tôi, tiếng ồn ào còn lớn hơn cả ở chợ Pocijew.

Felek chỉ làm tôi đau nhói từ niềm vui ấy.

- Bọn họ buồn cười thật! - Nó vừa kêu vừa cố nén nụ cười và để tự an ủi, nó liền nhào lộn một vòng thật đẹp mắt.

Cuối cùng, bọn Do Thái cũng rời đi, sau khi làm không khí trong căn nhà ngột ngạt khó thở. Chiếc chảo, cái bàn là và cái cối vẫn đứng một hàng cạnh mẹ trên chiếc ghế dài. Bà nhìn tôi bằng ánh mắt buồn rầu, mệt mỏi, gần như ngây dại. Khi cái giá lạnh càng về tối càng tăng lên, Piotrus do không chịu đựng được bắt đầu rên rỉ rằng nó lạnh, nó đói, mẹ lại lệnh cho tôi chạy đến mục gác cổng hỏi xem mục có mua cái bàn là hay không.

Nhưng rõ ràng là mục gác cổng không quên chuyện từ chối của mẹ lần ấy. Ngay lập tức, mục phòng mình lên như một cái chum.

- Nếu phải mua thì tôi sẽ mua cái mới! Đồ cũ như thế thì tôi cần gì?

Khi tôi nói lại điều đó cho mẹ, cảm giác như có những ngọn lửa phả vào bà.

- Không thì thôi! - Bà lên tiếng bằng giọng run run giận dữ - Mọi người thấy bà ấy không? Đồ cũ!... Đồ cũ!... Rõ là bà chủ! Khi mượn thì đối với bà ấy là tốt, còn khi mua thì nói đồ cũ! Hãy đợi đấy, mẹ là con cá thồn bơn... mẹ phù thủy...

Bà lên cơn ho và ôm lấy ngực, song không có gì để đưa bà uống, vì thuốc lá cây đã hết từ lâu rồi.

- Đúng là trò diễn!... - Felek thầm thì làm tôi nhói đau.

- Wicek ơi! - Mẹ lên tiếng bằng giọng ngập ngừng - Con chạy đến “gã con buôn” đầu tiên ấy, cái gã trả mười zloty ấy. Cái gã đen ấy, biết không? Bảo hắn đến đây. - Và sau khi nhắm nghiền mắt lại, mẹ liền thầm thì - Mình bán giá chó má, mình bỏ phí, còn mẹ, mẹ phù thủy, con cá thồn bơn, mẹ thôi ngay cái giọng chê bai tài sản của người ta là đồ cũ đi... Mẹ không được dùng đâu! Không được dùng đâu!

Và bà câm lặng, cạn kiệt hoàn toàn.

Felek vỗ đùi đen đét, cùng với tôi chạy đến chỗ gã Do Thái. Chúng tôi đang nghĩ không biết bây giờ phải tìm hắn ở chỗ nào đây, thì lại thấy hắn đứng gần như ngay trước cổng nhà chúng tôi, hai tay đặt sau lưng và nhổ nước bọt sang bên cạnh. Hoàn toàn giống như hắn đang chờ chúng tôi. Khi Felek chạy đến, thúc cùi tay vào hắn, đôi mắt hắn sáng lóe lên như mắt mèo và lấy tay vuốt mũi. Hắn vội vã đi theo chúng tôi. Nhưng bây giờ cả hắn cũng không trả thêm, chỉ “đúng chín zloty” thôi. Câu “đúng chín zloty” hắn nói bằng giọng như thể với cái giá chín zloty ấy, hắn đã phải bù thêm vào đến một nửa rúp.

Mẹ lại đỏ bừng mặt.

- Người ơi là người! - Bà kêu - Những cái đó có mất đi thứ gì đâu! Đầu tiên ông trả mười zloty! Những thứ đó vẫn còn nguyên như vậy!

- Ô hô, dẫu rằng vẫn là những thứ đó thì sao nào? - “Gã con buôn” lạnh lùng đáp lại - Tôi nghĩ lại rồi...

- Ông hãy trả mười zloty, như đã trả... Ông phải có lương tâm chứ!...

- Chà chà, tôi có lương tâm! Nếu như tôi không có lương tâm thì tôi đã chỉ trả có tám zloty thôi, còn vì tôi có lương tâm, nên tôi đã trả đúng chín zloty.

- Cầu Chúa trừng trị ông thật nặng vì tổn thất của tôi. - Mẹ rên rỉ.

- Trừng trị cái gì? - “Gã con buôn” vùng vằng - Vì sao lại trừng trị?... Có phải tôi muốn lấy không đâu? Có phải tôi trả trấu đâu? Đây, tôi trả tiền mặt đây này.

Mẹ không nói gì thêm, mặt bà trở nên trắng bệch như tấm bánh thánh. Khi gã Do Thái đếm tiền, mắt Felek long lên trước mỗi đồng mười xu. Cứ đồng nào tương đối cũ là nó lập tức quăng ra rìa kêu là tiền giả. Gã Do Thái lúc đầu còn kêu phì phì, sau lại đỏ tía mặt mày đến mức như bị trúng phong, thậm chí có lần hấn vung tay định đánh Felek. Khi đếm đến những đồng cuối cùng, bỗng nhiên hấn mỉm cười, lấy từ áo ghi lê đồng xu đã bị đen xỉn và đưa nó cho Felek rồi nói:

- Này, mày là thằng bé thông minh đấy! Mày sẽ trở thành một công chức! Đây, cho mày một xu mua bánh báng!

- Ôi, hãy nhìn xem, ông cất những đồng ba xu ở đâu? - Vừa nói nó vừa gõ ngón tay vào đồng tiền xu có đến một zloty - Đây, ông hãy đưa thêm ra đi và đừng nhắc với tôi chuyện bánh báng làm gì.

Gã Do Thái tặc lưỡi mỗi lúc một mạnh vì khâm phục.

- *A kluger Bub**. - Gã thầm thì với chính mình.

Cuối cùng, mọi người cũng trao đổi xong. Gã Do Thái vội vã nhét chiếc bàn là, cái cối và cái chảo vào bao tải bẩn thỉu của mình, còn mẹ thì sai tôi đi mua than và bánh mì.

Khi bố về đến nơi, lửa ở bếp lò đã được đốt lên, còn chúng tôi thì lần lượt húp xúp nấu trong chiếc nồi sắt.

Bố đứng lại ở ngưỡng cửa, nhìn vào ngọn lửa, nhìn chúng tôi, sau đó nhìn khắp gian nhà. Khi ánh mắt dừng lại ở ngăn gác trống rỗng, ông cúi mặt xuống và rón rén đi đến giường mẹ.

Không lâu sau, trời cũng dịu bớt. Đêm đêm, tiếng nổ mạnh của những lớp băng tan trên sông Wisla vọng lại nghe rất rõ. Tuy vậy, chúng tôi vẫn phải mua than, bởi vì độ ẩm trong nhà cao đến mức nước từ trên tường rỉ cả xuống.

Ngôi nhà của chúng tôi trống rỗng chẳng còn gì.

- Sáng ánh cả lên... - Như Felek nói.

Chiếc áo tời tàn của mẹ ra đi, chiếc đồng hồ ra đi, chậu giặt bằng gỗ ra đi, còn khi chiếc áo choàng màu xanh thẫm của bố cũng ra đi thì tôi hoàn toàn mất niềm tin vào những thứ đồ “một lần dùng cả đời”, đặc biệt sau chuyện vừa xảy ra với chiếc bàn là.

Bây giờ, chúng tôi đi lại trong căn nhà trống không như đi trong nhà thờ, Felek còn lấy bàn tay bịt miệng hét to để nghe tiếng vang đáp lại. Ông bác sĩ vẫn đến thăm bệnh mẹ, còn tôi thì vẫn chạy ra hiệu thuốc. Cái nồi sắt cũng vẫn còn, nhưng chúng tôi rất hiếm khi dùng để nấu bữa trưa. Chúng tôi thường luộc khoai tây cho bữa sáng, thứ còn lại dùng cho cả bữa tối, còn buổi chiều, chúng tôi chạy đuổi theo lũ mèo của chủ nhà, vì chúng kêu khùng khiếp trên mái nhà.

Một lần, bố ngồi xuống cạnh chiếc hòm đặt trên mặt đất, mở nó ra và trầm tư rất lâu.

Ngày hôm ấy trời rất ẩm, nước từ mái nhà chảy xuống, lũ chim sẻ im tiếng, lần đầu tiên trong mùa đông mặt trời hé mắt nhìn vào căn nhà tầng dưới của chúng tôi. Tuy nhiên, tình trạng của mẹ lại tồi tệ hơn. Suốt cả đêm, cơn ho hành hạ mẹ, và bà đòi uống thuốc hơn năm lần. Không có thuốc. Felek đi rón rén đến nhìn qua vai bố. Nó nghĩ, chỉ có Chúa mới biết, sẽ nhìn thấy cái gì đấy, nhưng chẳng có gì cả. Bố chỉ lắc đầu, vuốt râu và nhìn trong im lặng vào gói vải màu đỏ đang nằm dưới đáy hòm. Cuối cùng, ông thò tay nhấc nó lên, lấy chiếc harmonica ra và sau khi ngồi lên giường mẹ, ông bắt đầu thổi.

Mẹ nghe và tươi tỉnh lên một chút, bảo mang Piotrus đến giường, còn chúng tôi đứng bên cạnh, lắng nghe.

Bố càng thổi vui vẻ hơn và vừa thổi kèn vừa nói như thế này với mẹ:

- Anulka, em có nhớ không, ở Bielany ấy? Em nhớ không chúng ta đã quen nhau như thế nào? Anh vừa đi vừa thổi cho em nghe bản nhạc nào?

- Em nhớ chứ, thật tuyệt vời! - Mẹ nói nhỏ.

- Còn bản này nữa, em nhớ không? Đây là bản anh thổi vào lễ Ba vua, ngày lễ xá tội, ở Solec...

- Em nhớ! - Mẹ lại thầm thì.

- Một bản sztajer* mạnh! - Felek nháy mắt với tôi sau khi huých khuỷu tay vào mạng sườn tôi.

- Lúc ấy, em mặc chiếc áo ca rô màu đỏ và sau này khi vắng em, anh thấy nhớ khủng khiếp, hình như đến ba ngày liền thì phải. - Bố nói bằng giọng mềm mại - Còn đây nữa, Anulka?...

- Bài này em không biết...

- Sao em lại không biết?... Đây là bài mà hôm ở Wola, chúng mình cùng đi với người anh em đồng hao, anh đã ném cốc bia vào gã người Đức, vì hắn đến ngồi cạnh em...

- À, đúng rồi! - Mẹ thì thầm.

Bố chơi tiếp. Ông giữ chiếc harmonica trên đùi, gõ nhẹ những ngón tay vào các lỗ nhỏ trên chiếc kèn. Trong đời mình, tôi chưa bao giờ nghe thấy bản nhạc nào đẹp hơn thế.

- Anulka! Còn đây?... Thế nào?...

- Em nhớ, Filip ơi! - Mẹ nói - Đó là vào hôm Chủ nhật, ngày thông báo hôn phối. Chúng ta cùng mẹ quá cố có mặt ở Czerniakowa...

- Sau một tháng chúng ta đã về nhà. - Bố nói tiếp - Chúng ta chơi nhạc xanh...

- Ôi, lúc bấy giờ sao tử đinh hương thơm thế!... Còn chim họa mi hót gì nào...

- Còn em lúc ấy trông mới tuyệt vời làm sao... Giống như bông hồng trong tháng Tư ấy...

Felek huých khuỷu tay vào mạng sườn tôi.

- A, anh lúc ấy chơi mới hay làm sao, tuyệt vời... Anh chơi hay làm sao...

Bố cười, mẹ thở dài, hình như sắp ngủ.

Cả bây giờ bố vẫn thổi rất hay. Lúc ban đầu vui nhộn, hoạt bát, giống như mời nhảy, tự đôi chân đã muốn uốn éo. Sau đấy giống như có cái gì đó bối rối pha trộn vào niềm vui ấy, càng lúc càng buồn hơn, càng lúc càng náo nề hơn, giống như tiếng khóc, buồn đến nỗi Felek lấy bàn tay giụi mắt hết lần này đến lần khác. Cuối cùng, bố đưa đẩy chiếc harmonica sang cả hai phía và từ đó bật ra giọng bi ai giống như người ta chơi đại phong cầm tiễn đưa người chết.

Mẹ đã ngủ. Giờ đây, nhiều lần mẹ có giấc ngủ giống như ai đó rắc anh túc vào mắt mẹ. Sau đó, mẹ tỉnh dậy lại yếu ớt, trắng bệch, cùng những giọt mồ hôi lạnh trên khuôn mặt gầy gò.

Bố ngồi một lát với mái đầu rũ xuống, rồi thở dài, đứng dậy, gói chiếc kèn harmonica vào tấm khăn đỏ, cặp dưới nách, đội mũ và rón rén bước ra ngoài.

Khi ba chúng tôi có mặt ở hiên nhà phía dưới tấm khăn trùm của mẹ, Felek đụng vào mạng sườn tôi và nói thầm thì:

- Anh Wicek ơi!

- Cái gì?

- Anh biết không?... Ông già khóc khi thổi kèn đấy!

- Ê ê ê?...

- Thề có Chúa! - Felek thề, đấm nắm tay vào ngực mạnh đến mức có gì đó kêu lên trong ấy - Em có mù đâu, em nhìn thấy... Chỉ có điều, những giọt nước mắt cứ tuôn theo râu chảy xuống... Anh còn muốn gì nữa? - Sau giây lát nó nói tiếp - Nếu như con người ta cứ nhắc hết chuyện này đến chuyện khác...

Nó thở dài nặng nề, nằm im lặng rồi quay mặt về phía lò sưởi; ngay sau đó, tôi đã nghe thấy tiếng ngáy của nó. Mãi đến khuya bố mới về nhà, lại còn mang cho mẹ thuốc, đốt lửa và nấu nước chè. Đêm ấy rất

lâu tôi không thể ngủ được, trong đầu lúc nào cũng vang lên bản nhạc, lúc thì buồn rầu, lúc thì vui vẻ. Tôi cũng mơ thấy rất nhiều thứ cho đến tận sáng. Tôi mơ thấy nào là vườn cây ở trong nhà và cây tử đinh hương nở hoa trên lò sưởi, rồi mơ thấy chim họa mi hót trong hiên nhà, và trên tường nhà, nơi treo chiếc đồng hồ giờ đây có một vầng trăng bạc tròn vành vạnh đang soi bóng...

Khi tôi thức dậy, Felek đã đứng ở hiên nhà và thắt lại dây lưng của chiếc quần dài đang tụt xuống. Qua cái áo sơ mi hở phanh ngực nổi lên những chiếc xương sườn gầy gò của nó, từ chiếc cổ áo nhô ra cái cổ mỏng dính như cổ chim sẻ và đôi chân vô cùng khẳng khiu làm cho người nó trông cao hơn nhiều so với thực tế.

- Felek ơi! - Tôi gọi - Tại sao mày cứ cao ngẩng lên như cây sào trong thán qua thế?

- Đồ ngốc! - Felek cười - Em chỉ vươn người ra để bụng nhỏ đi thôi.

Nó vươn người ra trước mặt tôi như một sợi dây đàn.

- Anh thấy thế nào? - Nó hỏi.

- Trông mày như con cá mè ngâm dấm.

- Thế thì tốt - Felek kêu - Em sẽ đánh ngã gã hề.

Tôi bật cười.

- Còn gì nữa? - Nó nói - Bánh mì tồi, anh có nghĩ thế không?

Và sau khi vỗ tay vào đùi, nó nhảy lên cao, nhào lộn một vòng trên không trung, rồi nhẹ nhàng đáp xuống trên cả hai tay hai chân như một con mèo.

- Anh biết không? - Nó nói - Vì thằng khốn này mà người em dài ra như vậy đấy. - Và nó chỉ bằng đầu vào Piotrus, kẻ thường thức dậy sớm nhất và đi đến chiếc nồi nhòm ngó xem còn có gì sót lại của ngày hôm qua không.

- Khi chúng em đi nhà trẻ, - Felek tiếp tục - thì suốt dọc đường nó lải nhải kêu đói. Mỗi ngày, em phải đưa cho nó nửa miếng bánh mì của mình để nó im miệng lại.

- Ê ê ê? - Tôi không tin hỏi lại, cảm thấy rằng ở địa vị mình, có lẽ tôi không thể có hành động anh hùng như vậy.

- Thề có Chúa! - Felek lập tức thề và đắm năm đắm vào bộ ngực khô khốc như que củi.

Và khi nhìn thấy Piotrus với đôi chân ngắn vòng kiềng, cái bụng đầy khoai tây phệ ra đang lăn lóc khắp phòng, cả hai chúng tôi cùng bật cười sảng sặc không gì kìm giữ được.

- Tại sao chúng bay lại cười như vậy ở đó, các chàng trai? - Mẹ hỏi bằng giọng yếu ớt.

- À, cười vì Piotrus, - Felek đáp - nó béo thế kia...

- Nó béo gì mà béo, thật khổ! Nó làm sao mà béo được! - Mẹ nói - Piotrus ơi! - Bà nói tiếp - Con hãy đến đây với mẹ, ôi thằng bé côi cút.

Và bà cười với nó, lấy tay vuốt đầu nó, trong khi hai chúng tôi cố nén cười vì chuyện khôi hài ấy - như Felek nói.

Nhưng nét mặt vui tươi của chúng tôi nhanh chóng chuyển sang vẻ cau có.

- Anulka ơi, em biết không? - Hôm ấy bố nói và ngồi lên giường mẹ - sắp tới phải thả con ngựa già của chúng ta vào giữa mọi người thôi.

- Con ngựa già?... - Mẹ lên tiếng và ngóng người dậy trên giường - Anh phải sợ Chúa chứ, Filip ơi! Chính nó là kẻ nuôi sống tất cả chúng ta mà!...

Bố tựa người khó nhọc trên tay và im lặng sờ râu.

- Nuôi sống hoặc không nuôi! - Sau giây lát, bố lên tiếng - Với cái sàng sắt thì đừng có xuất hiện trên sông, nước chảy xiết như vậy thì chỉ có mà trôi ngay! Bên cạnh bãi sỏi không có bất cứ công việc gì, cát cũng mất dần, thậm chí người có thể vác trên vai được. Còn ở đây phải mua rơm băm mỗi ngày, rồi còn cả cám gạo, dù chỉ là một năm nhỏ, lúa kiều mạch thì chẳng bao giờ nó được thấy trong máng ăn; bây giờ lại còn chuồng trại, rồi thì cả ổ rơm nữa, mà mọi thứ đều đắt đỏ.

Mẹ chỉ rên rĩ.

Chúng tôi nghe mà hết hồn. Piotrus giương mắt lên nhìn bố và há hốc mồm, tôi thì đứng như hóa đá.

Mãi đến khi Felek huých một cú vào mạng sườn tôi mạnh đến mức tối tăm mặt mũi lại.

- Anh có nghe thấy không, Wicek? - Nó thét vào tận tai tôi.

- Tao có điếc đâu cơ chứ! - Tôi cũng hét lại vào tai nó còn to hơn.

Chúng tôi cùng chạy như bay vào hiên nhà, bị nỗi đau đớn ấy bao phủ khiến chúng tôi chỉ còn biết vò đầu.

Chúng tôi vô cùng yêu quý con ngựa già. Như tôi nhớ, trên thế gian này luôn luôn có bố, mẹ và con ngựa già. Felek thì mãi sau này lũ cò mới mang đến. Piotrus cũng như vậy, nhưng con ngựa già thì thuộc vào nhóm những sinh linh luôn hiện hữu. Nó hiện hữu bởi vì đang hiện hữu. Đơn giản là tôi không thể tưởng tượng được cả lúc sinh ra cũng như kết thúc của nó. Con ngựa già thuộc về chúng tôi, còn chúng tôi thuộc về nó; không thể tách chúng tôi khỏi nó cũng như tách nó khỏi chúng tôi. Điều đó là lẽ hiển nhiên, khiến tôi không thể chấp nhận cách thức sắp đặt sự vật khác. Ai có thể thiếu vắng trong quần thể chúng tôi cũng được, song đó không bao giờ là con ngựa già. Vì nó chính là toàn bộ niềm vui của chúng tôi.

Khi bố từ ngoài sông về nhà, chúng tôi chạy ra - chạy đến chỗ nào? Đến tận nửa đường, chỉ để nhanh chóng được gặp con ngựa già. Ai có cái gì thì mang đến giết sát vào tận miệng nó: mẩu bánh mì, củ khoai tây, mẩu vỏ chanh tìm được ở ngoài sân...

Và con ngựa già cũng rất yêu chúng tôi. Ngay từ xa, nó đã hí vang về phía chúng tôi và bước nhanh, vểnh tai lên vui vẻ, còn khi chúng tôi vỗ vào cổ nó, vào cạnh sườn nó, nó hiểu rất rõ sự vuốt ve ấy và ngẩng cao cái đầu nặng nề của mình lên hít vào tóc, vào áo chúng tôi. Đặc biệt, thằng Piotrus là đứa được nó yêu thích nhất; đơn giản là nó hí vang lên về phía bố để được mang thằng bé trên lưng.

Khi bố tháo ách cho nó là lúc trò cười thực sự bắt đầu. Ngay lập tức, Felek nhảy lên mạng sườn gây gò bị chiếc vòng cổ cũ làm xây xát, và

trong lúc con ngựa già vục cái đầu to lớn của mình vào tận đáy cái túi đựng rơm khô buộc ở gáy nó, cu cậu sau khi quỳ gối hoặc đứng trên một chân, bắt đầu hất chiếc mũ ra và hét to:

- Đây là kị sĩ nổi danh từ tầng dưới mặt đất, kẻ không bao giờ thay đổi nét mặt! Tên là Feliks Mostowiak, hiệu là khúc xương! Người gây nhưng can đảm! Ai cho nhiều hơn nào?...

Nghe câu “Ai cho nhiều hơn nào”, chúng tôi bật cười ầm ĩ đến nỗi mọi người từ những ngôi nhà ngang chạy cả ra xem.

Sau Felek, đến lượt thằng Piotrus leo lên con ngựa già một cách vất vả, chúng tôi chỉ có thể nhắc được nó đặt lên ngòai chút xíu, do cái bụng to ùn ùn nặng nề của nó. Trong niềm say vui chiến thắng, chúng tôi dẫn con ngựa già cùng với thằng Piotrus đi vòng quanh sân trong, không để yên cho nó ăn năm rơm nọ, rồi Felek lại mở mũ ra và hét lớn:

- Còn đây Piotrus, hiệu là con chuột! Nó có hai cái tay và tám cái lỗ! Không có hai cái răng ở phía trước và đang cười trên con ngựa già!... Ai cho nhiều hơn nào?...

Không biết nó lấy từ đâu ra câu “Ai cho nhiều hơn nào” đưa vào đây, chưa bao giờ tôi có thể đoán được; chính miệng Felek thì nói rằng là vì cái thứ nhất rất hợp với cái thứ hai. Và thế là chúng tôi lại bật ra tràng cười om sòm ma quái, giống như không phải chúng tôi có ba người, mà có tới ba chục người.

- Mọi người của tôi ơi, hãy nhìn xem này, - bà chủ cửa hàng béo phì đứng cạnh cửa ra vào nói - còn cái gì mà bọn nhóc nhà Mostowiak không nghĩ ra với con ngựa này cơ chứ? Đúng là một lũ khi chính cống trong rạp xiếc.

Rồi bà ta đưa tay sang bên cạnh và cười rung người, cười đến nỗi đôi mắt trên khuôn mặt béo phì hoàn toàn biến mất.

- Ôi, đáng đánh đòn, đáng đánh đòn! - Bà kêu to với bố hoặc: “Tôi sẽ mách mẹ” hoặc: “Tôi sẽ mách con ngựa già”.

ít nhất chúng tôi cũng không dám coi thường lời đe dọa ấy; và Piotrus thường xuyên nhận được miếng đồ ăn nào đó, đặc biệt từ Felek,

chỉ để nó “không mách con ngựa già”. Bởi lẽ chúng tôi không thể chịu đựng được cảnh nó nhìn rầu rĩ bằng một mắt như vậy lên chúng tôi, trong khi con mắt thứ hai bị đui mù và trắng xóa, với hàng mi bạc cứ chậm rãi ngược lên và sụp xuống như có điều gì ăn năn hối lỗi...

- Anh có thấy không, Wicek? - Felek thường nói - Con ngựa già này có cái gì đó trong con mắt đui mù kia, sao nó cứ dúi xuyên như vậy?... Em muốn thà bị bổ rắc cát vào mắt, còn hơn là nó cứ nhìn mình như vậy. Nó nhìn như thấu đến tận danh dự con người ta ấy...

Mỗi ngày, chúng tôi đều tắm cho con ngựa già. Nhưng chẳng bao giờ thoát được việc tranh giành nhau cái chổi và cái lược, thứ lúc đó dùng để chải lông mao cho nó! Chải bờm nó! Con ngựa già vẫn đứng nhẵn nại, chỉ nhấp nháy con mắt lạnh lặn và thỉnh thoảng lại phe phẩy cái đuôi chậm rãi như để đuổi ruồi.

Ngay sau lễ Phục sinh, chúng tôi bắt đầu cho con ngựa già tắm xuống nước. Nước còn lạnh như băng, thế mà chúng tôi đã xắn quần lên và lội xuống sông. Cuộc hành trình mới oai phong làm sao! Bọn trẻ trong phố đều muốn chạy theo chúng tôi, nhưng bị chúng tôi đuổi đi.

Cứ như thế cho đến khi con ngựa già được xối nước, chùi lông sau chân và hai bên mạng sườn nó được kì cọ, cho đến khi chúng tôi nghe thấy tiếng huýt sáo gọi nó của bố. Khổ nhất là để thoát khỏi chúng tôi và sự chăm sóc của chúng tôi, con ngựa già cứ bước vài bước xuống sâu hơn.

- Nó chết đuối! Nó chết đuối! - Piotrus gào to và tím tái mặt mày, rồi nó ngồi xuống đất, lấy hai tay ôm ngang bụng mình.

Chúng tôi vội lội theo sau con ngựa và cầm đuôi kéo nó vào bờ. Sau đó, trong trạng thái lạnh cóng người và mệt mỏi, chúng tôi đi về nhà, con ngựa già đi trước, chúng tôi ở phía sau, ướt sũng, nước chảy ròng ròng như người chết đuối.

Và bố định bán con ngựa yêu thương ấy của chúng tôi đi ư?

Trong suy nghĩ của mình, điều đó với chúng tôi chẳng khác gì ngày Tận thế.

Ngay sau khi chạy đến hiên nhà, tôi liền đâm một nhát vào tai Felek, còn nó đánh lại vào gáy tôi, tôi đâm trả không thương tiếc vào lưng nó một cú trời giáng, nó đâm vào mạng sườn tôi mạnh đến nỗi tôi nổ đom đóm mắt. Rồi hai đứa tôi nắm tóc nhau và cuộn tròn lại vật nhau lăn lông lốc đến tận ngưỡng cửa. Nỗi đau xót trong chúng tôi lớn như vậy và sự khắc nghiệt từ nỗi đau xót ấy lớn nhường ấy, vì thế không đứa nào chịu buông ra, thậm chí không đứa nào hé răng kêu nửa lời.

Cũng sau trận chiến đó, chúng tôi cảm thấy một phần trong tim được nhẹ nhõm.

Chúng tôi về nhà, cái lạnh từ bên ngoài đuổi theo vào, còn bố vẫn không ngừng khuyên mẹ:

- Bây giờ bán nó còn được chút ít tiền. Nếu để nó gầy nữa, vì từ giờ rơm bằm mình phải bớt đi, thì ai còn trả mình như vậy? Sao? Anulka ơi! Em nghĩ thế nào, trái tim của anh?

Mẹ thở dài thật nặng nề.

- Em còn biết nghĩ gì nữa, Filip của em?... Em nghĩ rằng Chúa bắt chúng ta chịu căn bệnh nặng nề này. Em nghĩ mình trở thành hòn đá đeo trên cổ anh và sẽ kéo anh xuống đáy... Em nghĩ về những đứa trẻ mồ côi kia...

Bà lấy tay che mắt và khóc nức nở. Bố hôn khắp đầu mẹ.

- Anulka ơi!... Trái tim của anh!... Anulka ơi!... - Bố lặp đi lặp lại đến nỗi bỗng nhiên chính mình cũng khóc rống lên.

- Tuyệt vời!... - Phía sau tôi, Felek càu nhàu và lấy nắm tay lau mắt.

Mấy ngày trôi qua và cũng không thấy ai nói đến việc bán con ngựa già nữa.

Sức khỏe của mẹ ngày càng tồi tệ. Đêm đêm, cơn ho nặng nề, khò khè từ trong giấc ngủ thảng thốt của mẹ đánh thức chúng tôi. Nhiều hôm mẹ ngủ thiếp đi cả vào ban ngày và mặc dù ngoài trời đã ấm áp hơn, cơn sốt rét thỉnh thoảng lại làm mẹ run lên cầm cập. Bố đi đi lại lại trong nhà, lưng gù hằn xuống và da héo vàng như già đi cả chục tuổi. Ông rất nặng tay đối với chúng tôi và bất kể vì cớ gì cũng túm tóc

chúng tôi, song chúng tôi không xuất hiện ở đó nhiều, phần lớn thời gian trong ngày chúng tôi chỉ có mặt trong chuồng ngựa.

Từ khi nguy cơ mất con ngựa già đe dọa, con vật đó trở nên quý giá đối với chúng tôi gấp đôi. Bây giờ, mỗi tiếng phì phì, mỗi cái vẩy đuôi của nó đều làm chúng tôi mỉm lòng.

- Ôi... nó ăn kìa! - Piotrus gọi, nhìn vào nó bằng ánh mắt ngưỡng mộ, khi con ngựa vục cái đầu to tướng của nó ngập trong máng ăn và sau khi ngẩng lên, miệng vừa nhai nồm nồm vừa chớp chớp con mắt lạnh lặn.

- Ôi, nó uống kìa! - Piotrus gọi khi cái đầu con ngựa già cúi xuống chiếc xô cũ để hớp lấy những giọt nước do chúng tôi xách đến cho nó.

Tôi và Felek ngồi ở hai bên máng ăn của nó và vừa đập chân vừa chăm chú ngắm nhìn từng động tác của nó hàng giờ liền.

Thậm chí cả khoai tây không dầu mỡ mà bây giờ chúng tôi có hằng ngày, chúng tôi cũng mang đến để cùng ăn với con ngựa già, mặc dù chẳng biết phải chia thế nào, vì bản thân chúng tôi càng ngày càng nhận được ít đi.

Trong chuồng ngựa cũng vui hơn ở nhà, vì mặt trời ở đây nhe răng ra chiếu thẳng vào chúng tôi qua cánh cửa rộng mở, còn đến với tầng dưới nhà, đến góc của chúng tôi, thì hàng năm dài không bao giờ xuất hiện.

- Ôi, ở đây, chỗ nhà các người lạnh quá! - Ông bác sĩ nói khi đến thăm bệnh cho mẹ - Và ẩm kinh khủng! Ông phải cố gắng để có căn phòng khô ráo và ấm áp cho vợ. - Ông nói thêm khi bố dẫn đến hiên nhà - Vợ ông không thể nằm trong căn phòng như vậy được. Không khí tồi tệ, mục nát, không có bất cứ lỗ thông hơi nào, luồng ánh sáng nào. Ông phải chăm sóc người đàn bà trong lúc bà ta bị bệnh. Với bà ấy, tình hình càng ngày càng tồi tệ và sẽ còn tồi tệ hơn trong điều kiện như thế này.

Bố căn râu và cúi đầu im lặng.

- Sữa tươi cũng cần cho bà ấy, cả thịt, đôi lúc cần cả ly rượu vang nữa... Ở đây thuốc không giúp gì được, cần có chế độ ăn uống thích

hợp...

Ông đã bước ra ngoài, rẽ vào con phố thứ hai. Tôi nhìn theo ông, còn bố thì vẫn đứng ở hiên nhà, nhìn xuống đất và cắn râu.

Bỗng nhiên ông rùng mình, vò xé ngực áo sơ mi, dứt chiếc túi ở đằng sau xương bả vai xuống và sau khi lấy được từ trong đó đồng tiền bằng bạc có hình Đức Mẹ đồng trinh, bố liền lệnh cho tôi đi mua than và sữa, đồng thời dặn không được nói cho mẹ biết tiền ấy lấy như thế nào và ở đâu.

Ngày hôm sau, vào giữa trưa, đúng lúc chúng tôi tụ tập để làm trò diễn và Felek vừa vất vả trèo lên con ngựa già thì bỗng nhiên bố đi vào chuồng ngựa, theo sau là ông Lukasz Smolik, cha đỡ đầu thằng Piotrus của chúng tôi, người đánh xe ngựa ở Praga. Tôi cảm thấy có điều gì đó, liền huých khuỷu tay vào Felek và hai chúng tôi đứng im như những con thỏ.

Ông Lukasz bước qua ngưỡng cửa, đặt cái roi của mình ở một góc, lấy vạt áo choàng màu xanh thẫm lau cái mũi to xương xẩu, rồi ngھn cái cổ dài ngoẵng gầy gò ra, từ từ rít hơi thuốc. Đây là một người đã già, cao và lưng gù nặng, đôi mắt nhỏ, đen, hơi buồn, lông mày rậm và cái cằm gầy mọc đầy râu. Dưới cái mũi xương xẩu của ông ta nhô lên những sợi râu vàng hoe, khi ông ngậm tẩu thuốc trông chúng như con thỏ động đậy. Phía dưới chiếc mũ màu xanh thẫm nhô ra hai vành tai mọc đầy những sợi lông tơ bạc và tím, trong đó tai bên phải được gắn một chiếc khuyên bạc. Ông Lukasz rất hiếm khi đến thăm chúng tôi, mặc dù có họ hàng với chúng tôi; mẹ nói ông ta là người keo kiệt, ngồi trên cả đồng tiền, đôi khi lại dự đoán rằng sẽ sang tên mọi thứ cho Piotrus, do người đàn ông góa đó không có con cái.

Khi chúng tôi cứ đứng nhìn ông Lukasz với vẻ sùng sốt, thì bố - như không nhìn thấy chúng tôi - đi thẳng đến máng ăn, tháo dây buộc con ngựa già ra và lấy bàn tay đập vào mông nó.

- Này, mụ già! - Ông gọi, quay đầu nó về phía ánh sáng.

Con ngựa già nhấp nháy con mắt lạnh lặn, còn con mắt đui mù mở to sừng sốt như nhìn vào đâu đó rất xa xăm.

Ông Lukasz giữ nhúm tẩu thuốc ở mũi, bắt đầu cười ngọt ngào và quay đầu lại nhìn con ngựa già lúc thì từ phía bên trái, lúc từ bên phải.

- He!... He!... He!... Người anh em muốn bán cái gì đây?... Da hay xương?

Bố ngược mắt nhìn lên với vẻ buồn rầu và vênh râu lên, nuốt nước bọt và nói:

- Da và xương sẽ làm ra thịt ở chỗ ông đấy, người anh em ạ. Chỉ cần bồi bổ cho nó bằng một chút lúa kiều mạch thì nó sẽ tròn quay ngay cho mà xem.

- Thế mà người anh em cũng nói!... - Ông Lukasz lại cười - Bồi bổ, bồi bổ! Bây giờ lúa kiều mạch đắt đỏ lắm, người anh em ạ. Một phần tư bao đã năm zloty rồi, ông bạn ạ! Cả rơm cũng đắt...

- Ủ thì đắt. - Bố nói với vẻ dừng dừng, nhưng tôi nhìn thấy mắt ông bừng cháy.

- Bước đi! Cái chân! Nào!... - Ông ta gọi và đánh vào con ngựa già khi nó bước qua sợi thừng quấn vào chân - He!... He!... He!... - Ông Lukasz lại cười còn ngọt ngào hơn nữa - Và có cái bấu, tôi nhìn thấy, nó bị bấu...

- Ủ thì có! - Bố đáp cụt lủn bằng giọng khô khốc.

Tôi kéo tay áo Felek vì cảm thấy an toàn hơn cả là đứng cạnh cửa ra vào, song nó chỉ lấy cùi tay đẩy tôi ra và mở to đôi mắt, lúc thì nhìn lên bố, lúc lại nhìn lên người mới đến.

- U-u-u... cái bấu chó má... - Lần này, ông Lukasz vừa nói vừa hất chiếc khăn vàng bằng vải bông ra khỏi cái cầm dây râu - U-u-u... cái bấu!... - Và ông bắt đầu chép chép miệng - Nó sẽ không thoát được đâu, không đâu! - Vừa nói ông vừa bập miệng vào tẩu thuốc và lắc lắc đầu.

Bố nhướn chòm râu càng lúc càng cao hơn, lấy tay vân vê phía dưới nó.

- Tôi không ép buộc gì ông cả! - Ông nói và nhìn xuống đất - Đối với tôi, dù nó có bướng cũng vẫn là con ngựa tốt! Nếu như bà ấy không ốm, thì chắc chắn tôi không bán con ngựa đi đâu. Đây là trụ cột của gia đình chúng tôi...

Ông Lukasz im lặng, cúi người xuống, tì tay lên đầu gối và nhìn vào chân ngựa.

- Nó bị sưng khớp à?... He!... He!... - Ông cười hỏi.

- Bị sưng khớp! Con ngựa này bị sưng khớp! - Bố hét to và cả người bốc lửa - Chúa trừng trị tôi nếu như nó bị sưng khớp! Ông chỉ cho tôi xem?... Nó bị sưng khớp ở đâu?...

- Ôi... ôi!... - Ông Lukasz cười ngọt ngào - Tôi chỉ hỏi vậy thôi, vì mua ngựa cũng giống như hỏi vợ: cái gì không thấy rõ ràng thì sẽ phải trả giá bằng cả đồng tiền...

- Tôi không phải là kẻ lừa đảo! - Bố nổi khùng nói và tay bắt đầu run rẩy - Tôi cũng không lừa dối ai! Cái gì đúng thì tôi nói đúng, cái gì không đúng thì nói không.

- Ôi, nó bị sao thế? Bị đui à?... - Bỗng nhiên, ông Lukasz vừa hỏi vừa đứng thẳng người lên, lấy ngón tay vạch mí mắt con ngựa già, rồi nhìn sát vào mắt nó.

Felek cựa quậy, sau khi đổi chân đứng, liền đánh một cú vào chỗ hiểm của tôi làm tôi gần như phải kêu thét lên.

- Đúng là nó bị đui. - Bố nói bằng giọng trầm tĩnh một cách đáng kinh ngạc, mặc dù chòm râu ông lại rướn lên.

- Mắt trái nó bị đui. Từ khi tôi mua nó đã bị như vậy và cho đến nay vẫn thế. Đối với tôi nó không bị mù.

- He, he, he!... - Ông Lukasz cười ngọt ngào và lại bập vào tẩu thuốc - Với tôi cũng vậy, ông bạn ạ! Nó đui!... U-u-u... Đui rất xấu!... U-u-u!...

Ông phui tay và cất tẩu thuốc.

- Nếu như nó bị đui, - ông vừa nói vừa vuốt mũi - thì đó lại là vụ việc làm ăn khác, là chuyện khác...

Một ngọn lửa bất chợt cháy bùng lên khắp mặt bố.

- Chuyện gì là chuyện khác ở đây? - Bố nói bằng giọng hơi nổi khùng - Nó đui thì đui! Đành rằng ông bạn không thể dạy nó đọc sách được, không gửi nó đến trường được. Tôi nói với ông bạn rằng con ngựa già đui này còn tốt hơn con sáng mắt đấy. Con ngựa này chạy trên đường hay đến mức trong đời tôi suốt chừng ấy năm chưa thấy con nào chạy hay hơn.

- Thế nhưng!... Thế nhưng!... - Ông Lukasz cười ngọt ngào - Chúa phù hộ cho ông bạn vì cách nói như vậy. Có phải ông bạn định thuyết phục tôi rằng con ngựa đui là con ngựa tốt nhất hay không đấy?

- Tốt nhất thì không phải là tốt nhất! Nhưng chạy đường hay như con ngựa này thì tôi chưa thấy, tôi chưa nhìn thấy bao giờ. Còn chuyện thuyết phục thì chắc chắn là không, bởi vì tôi là người theo đạo Thiên Chúa, không phải là người Do Thái.

Bố nói chậm rãi, vừa nói vừa cố kìm hãm lại, song giọng ông vẫn sôi lên.

Bỗng nhiên, vừa trông thấy chúng tôi, bố nắm gáy Felek và đẩy nó ra khỏi cửa, rồi hét:

- Chúng bay rút khỏi đây ngay cho tao nhờ, có phải đồ chó không?...

Chúng tôi lẩn khỏi chuồng ngựa như cơn gió và cũng như cơn gió lao vào căn phòng.

Sau khoảng vài khúc kinh, bố trấn tĩnh trở lại, đã đi về cùng với ông Lukasz, vì thấy không tiện mặc cả về con ngựa ở chỗ khác ngoài căn phòng, dưới mái nhà; chỉ có bọn Digan mới không để ý đến điều đó thôi. Rồi hai người cùng bắt tay nhau. Ông Lukasz đưa tay ra qua vạt áo choàng đi đường của mình, bố đưa tay qua vạt áo ngoài bị rách bay phất phơ ở sườn.

- Có Chúa chứng giám. - Bố nói - Nếu như với người ngoài, với một gã Do Thái nào đó thì bằng giá nào tôi cũng không bán con ngựa này. Ít nhất tôi cũng biết nó được trao vào tay người tốt...

- He... He... He... - Ông Lukasz cười - Chỗ thân tình! Chỗ thân tình! Tôi sẽ không làm tổn thương nó đâu... Nếu như... xin Chúa đừng bắt vậy, - đến đây ông ta hất đầu về phía mẹ, người đang nằm như một cái xác với đôi mắt nhắm nghiền - con người đâu phải cục đá, thì vì tình thân tôi sẽ chờ đi không lấy tiền.

Bố không trả lời, không nói không, cũng chẳng nói có, chỉ cụp mắt xuống và vò râu, còn mẹ thì tỉnh dậy rên rỉ. Thậm chí bà không ngủ.

Khi ông Lukasz cúi gập người xuống cùng với bố bước ra khỏi căn phòng, chúng tôi vội vã lao ngay ra để kịp trông thấy con ngựa già.

Nhưng bố quay lại:

- Không được thò mũi ra khỏi bậc cửa! - Ông gắt gỏng quát - Ngồi trong nhà...

Và ông đóng sập cửa lại.

Chúng tôi như chói cả tai. Tôi nhìn Felek, nó cũng nhìn tôi; mắt nó càng lúc càng to ra, càng trong suốt, miệng và cằm run lên bần bật, đến nỗi phải lấy hai bàn tay nắm tóc - thật tuyệt vời - nó hét to và sắp sửa gào lên khóc lớn.

Giờ đây, những ngày tháng tốt đẹp cũng bắt đầu. Căn phòng ấm áp hẳn lên, nắm mốc không còn bám trên tường nữa, bà chủ cửa hàng cho chúng tôi mượn chiếc nồi sành thứ hai để nấu tắm.

Chỉ có điều, không có con ngựa già chúng tôi cảm thấy buồn vô cùng, và hễ cứ nhìn ra chuồng ngựa là mắt chúng tôi lại sáng lên lung linh. Còn mẹ thì không khá lên được bao nhiêu.

- Em sẽ chết, Filip ạ... - Bà nói bằng giọng nhỏ nhẹ như cơn gió mùa hè - Anh đừng hao tổn tiền của vì em nữa.

Có lúc, không hiểu vì cớ gì mà bà khá hơn lên; bà bảo hâm nóng bia hoặc sữa với bơ cho bà, chính tay bà tắm cho Piotrus, chải đầu cho nó. Bà bảo nếu bà khỏe lên, đến được Czestochowa, mang theo chúng tôi đi cùng, chúng tôi sẽ nhìn thấy ở đó những tháp chuông như thế nào, nhà thờ như thế nào, người ta chơi đại phong cầm ra sao. Lúc bấy giờ,

mặt bà bốc lửa, còn mắt sáng lên như lỗ một đục. Thông thường, chuyện đó diễn ra vào buổi tối.

Tuy nhiên, khi trời sáng, bà nằm như cái xác không hồn, mỗi ngày một trắng ra, hết như lớp sương mù trong suốt. Trong bà không còn tiếng nói, không còn hơi thở, không còn bất cứ sự ham muốn nào. Bố bật dậy, tai để sát vào miệng mẹ, lệnh cho chúng tôi yên lặng - và lắng nghe. Cứ như thế cho đến khi bố bật ra tiếng thở dài thật lớn, giống như chính mình sống lại, và hướng mắt tới cây thánh giá đen treo ở đầu giường.

Nhưng một hôm, ông không nghe thấy gì nữa.

Mẹ đã chết thật lặng lẽ trong đêm, đến mức không ai nghe thấy.

Đêm ấy, Piotrus ngủ bên cạnh mẹ và cả nó cũng không nghe thấy gì. Linh hồn thoát ra khỏi bà như hơi nước, thậm chí không vỗ cánh to bằng con chim sẻ khi nó bay đi.

Vì vậy, sau khi bố nhấc đầu lên khỏi bộ ngực khô khốc của mẹ, hét lên rằng mẹ không còn nữa, chúng tôi đứng cạnh giường trong nỗi bất ngờ quá lớn, nhìn cái miệng tím bầm, rồi nhìn lên thẳng Piotrus, nằm bên cạnh mẹ đã lạnh cóng, chân duỗi thẳng cứng đờ mà vẫn ngủ say sưa ấm áp, mặt đỏ bừng, mồ hôi lấm tấm trên trán... Đúng là loại người dơ dáy, cái chết đập cùi tay vào mà nó không biết gì.

Chẳng bao lâu, trong căn phòng của chúng tôi diễn ra cảnh om sòm cực lớn. Láng giềng đến đầy nhà, bắt đầu khuyen bảo, lắc đầu, thở dài, và vì ngày hôm ấy bố không nấu bữa cho chúng tôi, còn thằng Piotrus khóc đòi ăn, nên bà chủ cửa hàng đón nó về nhà mình, đồng thời cho chúng tôi mỗi đứa một cái bánh mì tròn.

- Bà ta hối hận đấy mà! - Felek thăm thì, rồi hôn bà và dập đôi chân trần xuống trong động tác cúi chào đầy ẩn tượng.

Suốt cả ngày hôm ấy, tôi cảm thấy như có ai đó thăm thì vào tai: “Không còn mẹ nữa!... Mẹ đã chết rồi...” Tôi lấy nắm đấm lau mắt, vì tôi thật sự muốn khóc.

Dù vậy, chúng tôi vẫn vui chơi thỏa thích, bởi ở chỗ chúng tôi người đông đúc như ở phố Ordynacka. Như tôi còn nhớ, chưa bao giờ tôi nhìn thấy nhiều người như vậy trong căn nhà tầng dưới của chúng tôi; hễ ai đi ngang qua chỗ chúng tôi đều xoa đầu, đều thương hại, đều vuốt mũi.

Cho đến ngày hôm qua, ở khu chung cư của chúng tôi, không ai gọi chúng tôi bằng từ nào khác, chỉ toàn là “bọn trẻ nghịch ngợm” hoặc “bọn ranh con”; còn hôm nay, giống như có ai đó đổ mật ngậy rằng: “Bọn trẻ mồ côi! Bọn trẻ mồ côi! Kẻ bất hạnh!...”

Felek chỉ vênh tai nghe, chớp chớp mắt, hễ ai đi ngang qua liền huých khuỷu tay vào tôi.

- Thật như trò hề! Như nhà hát!... - Nó thềm thì và dùng hai năm đâm làm thành hai ống quần cụt đáng phỉ báng, cái lưỡi mỏng dính và nhọn hoắt như lưỡi rắn thò ra ngoài hàm răng.

Trong khi đó, bố đi đi lại lại trong căn phòng như người mất trí, tay cầm cái gì lên lại đặt ngay xuống, mặc dù ở chỗ trống không ấy chẳng có gì nhiều để nhấc lên hạ xuống.

Còn đám đàn bà nếu không ngó nghiêng nhìn ngắm cảnh nghèo khổ của chúng tôi, thì người nọ cũng thềm thì với người kia, hoặc nhún vai lắc đầu và rên rĩ... Tôi nghĩ rằng chuyện đó chẳng bao giờ kết thúc, nhưng cuối cùng họ cũng tản đi vì bữa trưa trong nồi nhà họ đã sôi trào.

Nếu như không có sự thương hại của mọi người thì chúng tôi đã không cảm thấy thấm thía chuyện mẹ chết đến như vậy. Đã nửa năm nay, mẹ bị bệnh không gượng dậy được, còn trong thời gian gần đây, bà vẫn nằm lặng lẽ trên giường giống như bây giờ. Ngay cả bây giờ, khi nhìn lên mẹ, tôi có cảm giác rằng qua hàng mi bà vẫn dõi mắt theo thằng Piotrus, mỉm cười nhẹ nhàng, và chỉ vừa mới nói: “Nó đâu có béo, thằng bé khốn khổ!” Hệt như trước đây, chỉ có điều là nến không thắp sáng bên cạnh bà như vậy.

Luồng ánh sáng vàng trong suốt của những ngọn nến rọi lên người mẹ làm tôi hoảng sợ; tôi cũng cảm nhận được đôi tay lạnh giá của mẹ khi bố lệnh cho chúng tôi hôn vào đó. Nhưng chắc bố cảm thấy ấm áp

bên cạnh mẹ, vì suốt ngày ông phải chạy, lúc thì đến văn phòng, lúc lại đến thợ mộc, lúc đến chỗ người đánh xe ngựa. Khi mọi người đã tản đi, ông ngồi lại trên chiếc ghế đầu cạnh giường, tay chống đầu và nhìn: lúc thì nhìn lên cây thánh giá đen treo trên đầu giường mẹ, lúc lại nhìn vào bóng tối sâu thẳm nơi đôi mắt nhắm nghiền của bà. Tôi thiếp đi, còn bố vẫn ngồi. Nhưng giữa đêm, tiếng khóc lặng lẽ đã đánh thức tôi.

Đó là Felek, kẻ suốt ngày lãng phí thời gian và vĩnh tai nghe ngóng, dè bủ mọi người, còn huých vào sườn tôi - giờ đây ngồi trên hiên nhà, trong chiếc áo sơ mi mở phanh ngực, hai tay ôm ngang gối, nhìn vào căn phòng trống rỗng và khóc.

Ngày thứ ba, chúng tôi vẫn ngủ dưới bàn cán vải đặt ở ngách nhà, nơi bố lệnh cho mang đệm rơm khô đến đặt. Trong giấc mơ, tôi nghe thấy tiếng gì đó giống như tiếng ngựa hí quen thuộc.

Tôi bật dậy; tim tôi đập thành thịch như búa nện.

Tiếng hí lại vang lên.

- Felek ơi! Con ngựa già đang hí! - Tôi hét to sau khi ôm vai nó.

Nó vùng vằng và quay mặt sang bên kia, song khi tiếng hí lại nổi lên nghe rõ ràng thì nó cũng vùng dậy và ngồi trên đệm rơm khô rồi mở to đôi mắt - lắng nghe.

Tiếng hí kéo dài, nhỏ nhẹ lại nổi lên một lần nữa.

- Con ngựa già! - Felek sôi lên và sau khi vờ chiếc áo khoác mặc lên mình, nó liền lao đến cầu thang tầng dưới mặt đất.

Tôi vội vã mặc quần áo, nhưng tay cứ run lên đến nỗi không thể cài được chiếc khuy nào.

- Dậy đi, Piotrus, - tôi gọi - dậy đi! Con ngựa già đã quay về!

Và tôi lay nó như lay bó rơm, vì nó không dễ bị đánh thức.

Quả vậy, trước cánh cổng, được thả vào phía sau một cỗ xe mộc mạc, trải tấm thảm, con ngựa già của chúng tôi đang đứng. Felek đã đu mình lên gáy nó, cố bám vào bằng cả hai tay. Bên cạnh cỗ xe, ông Lukasz Smolik đang đứng và đưa tàu thuốc ra mời người gác cổng.

Ngay sau đó, chúng tôi la hét vẳng trời...

- Con ngựa già! Con ngựa già của chúng ta! Con ngựa quý mến, yêu thương, bạn cũ của chúng ta! - Chúng tôi lần lượt lên tiếng và ôm ấp nó ở bất kể chỗ nào có thể. Bỗng nhiên, Piotrus muốn trèo lên bằng được.

- Màý nhớ khi không thấy chúng tao, đúng không?... Màý đến với chúng tao đúng không, con ngựa già?... Màý đã đến rồi đúng không?... Màý thật lương thiện, tốt bụng, con ngựa già của chúng ta.

Chúng tôi lúc thì ngấm nghĩa hàm răng, vuốt ve chân cẳng, lúc lại lấy ngón tay chải bờm cho nó mà không hề nghĩ vì sao con ngựa già lại đến đây, cỗ xe này đang chờ cái gì.

Con ngựa nhận ra chúng tôi, và cũng tỏ ra vui mừng. Nó hồ hởi, vui vẻ giậm chân trước, cái chân bị bướu đã sưng rất to, xuống mặt đường lát đá, như muốn làm bật ra những tia lửa vui tươi dành cho chúng tôi. Đầu nó ngẩng lên, rồi cúi xuống, hai lỗ mũi thở phì phì nhanh nhẹn. Nghe giọng nói và tiếng cười của chúng tôi, nó vênh tai lên, nghển cao cổ và tiếng hí vang dội của nó gieo vào chúng tôi niềm khoái cảm không thể nào diễn tả nổi.

Đúng lúc ấy, tiếng chuông nhà thờ bắt đầu vang lên, cùng với tiếng ngựa hí hòa vào làm một. Đồng thời, từ tầng dưới mặt đất phát ra tiếng búa đánh rèn. Chúng tôi không hề phát hiện ra người ta đặt cỗ quan tài lên xe vào lúc nào.

- Đi nào! - Ông Lukasz hô, con ngựa già bước đi, còn chúng tôi phi nước kiệu cạnh nó.

Đến góc phố, tôi nhìn quanh: láng giềng và những người qua đường đã tản đi, phía sau cỗ xe, nơi ông Lukasz ngồi điều khiển, bố tôi đi một mình với cái mũ trên tay và đầu cúi thấp.

Chúng tôi vui vẻ, hồ hởi chạy ngay bên cạnh con ngựa già, không giây phút nào ngưng nói chuyện và nhìn nó âu yếm. Đây là buổi sáng tháng Năm, ánh nắng mặt trời chảy tràn trên đường phố, các cây cầu và sông Wisla; trên mỗi cây xiêm gai, mỗi mái đua, chim sẻ hót líu lo. Vượt lên tiếng hót của chim sẻ là tiếng ồn ào của chúng tôi.

- Anh có thấy lạ không, Wicek? - Felek gọi - Sao nó béo lên thế? Sườn nó phình ra rõ nhỉ?... Anh có thấy lạ không, nó có vòng đeo cổ mới kìa... Dây cương nó kìa...

Và chúng tôi lại đồng thanh:

- Con ngựa già! Con ngựa già của chúng ta! Đường của chúng ta, con ngựa già của chúng ta!

Mọi người nhìn theo chúng tôi. Đám tang cùng với ba đứa trẻ vui vẻ chơi đùa ở phía trước trở nên thật kì lạ. Đặc biệt ở trên cầu, giữa đám đông xe phải đi chậm lại, đoàn đưa đám ma chúng tôi đã gây ra cảm giác đặc biệt.

Những người qua đường dừng lại và nhún vai. Thậm chí, vài lần ông Lukasz hét về phía chúng tôi bảo đi phía sau xe, nhưng chúng tôi không muốn cách xa con ngựa già dù chỉ một bước.

Mặt trời hun nóng càng lúc càng mạnh, con đường bắt đầu đầy cát, trở nên khó đi; con ngựa già kéo chiếc xe nặng phải gắng sức một chút. Con mắt lạnh lặn của nó chớp lia lịa vì ánh nắng chiếu vào; trên con mắt đui trắng dã, vài con ruồi bị cái nóng hành hạ đang đậu. Ngay lập tức, chúng tôi bẻ mấy cành liễu và vội vã xua đuổi chúng. Bản thân chúng tôi không cảm thấy mệt mỏi.

Đi chân đất, trong những chiếc quần dài tồi tàn và áo ngoài rách rưới, chúng tôi hồ hởi chạy bên cạnh con ngựa già, còn những cây thánh giá ở nghĩa trang vẫn mọc đầy trước mắt...

Vì không có ai khênh quan tài, người ta cho chúng tôi theo xe vào qua cổng. Ở đây phải chờ, vì người đào huyệt chưa đào xong và mãi đến giờ mới vội vã hất cát vàng từ dưới huyệt lên. Ngay tức khắc, chúng tôi ngắt cho con ngựa già cành lá chua me và những mầm non mọc đầy ở hai bên đường hẹp. Trong lúc đó, bố cùng ông Lukasz khênh cỗ quan tài từ xe xuống và đặt nó trên bờ huyệt. Quan tài không nặng, vì người họ hàng, mặc dù đã già, có thể đứng thẳng ngay phía dưới nó; nhưng bố thì bị nó đè gập xuống đất, giống như Chúa Jesus oằn mình

trên cây thánh giá mà tôi nhìn thấy ở nhà những người thuộc dòng thánh Bernadyn*.

Ngay sau đó, một tiếng chuông nhỏ nhẹ cũng ngân lên, rồi cha xứ trong y phục của nhà thờ và người phụ lễ mang theo cây thánh giá và chổi vẩy nước thánh đi đến. Bố nhìn chúng tôi vẻ nghiêm khắc, tôi cùng Felek quỳ xuống nhưng vẫn giữ trong tay những đọt lá non. Ông Lukasz và bố cũng quỳ, gã đào huyệt đã kết thúc công việc. Một, hai, ba, cha xứ đọc kinh bằng tiếng Latinh và nói tên họ mẹ, lệnh cho chúng tôi tụng khúc kinh “Cha của chúng con”, bản thân cha bắt đầu lên giọng rất to.

Bố ngẩng mặt lên và đưa hai tay lên trời; từ đôi mắt nhướn lên của ông, những giọt nước mắt to tướng, nặng nề tuôn chảy. Felek quỳ cạnh tôi thầm thì đọc kinh với ánh mắt găm về phía con ngựa già.

Không khí tĩnh lặng đến mức có thể nghe thấy tiếng rì rào của rừng liễu và tiếng dế kêu.

- Ô, nó ăn!... Nó ăn!...

Giữa cảnh tĩnh mịch ấy bỗng vang lên giọng nhỏ nhẹ của Piotrus, tay đầy cỏ và hoa xuân đang chìa ra trước mõm con ngựa già, làm bay cả xuống đất những nhánh tử lan hương đồng nội và đóa hoa cúc trắng. Con ngựa già nhẹ nhàng liếm cỏ non trên tay nó và nhai bồm bồm, đầu cúi thấp, hướng con mắt đui mù trắng dã về phía mặt trời với vẻ buồn bã. Cha xứ nhìn, bố nhăn mặt lại, và vì tôi quỳ ở gần tay ông nhất, ông véo mạnh vào tai tôi kéo về phía mình.

Felek bắt đầu dấm thùm thụp vào ngực, để biểu thị rằng đã cầu kinh xong và mọi việc cần làm nó đã làm xong, sau đó nó liếc mắt nhìn bố rồi đi lùi về phía con ngựa già, và còn gật gật đầu ra hiệu cho tôi. Cha xứ đã vẩy xong nước thánh vào quan tài và chúng tôi cũng được hưởng chút xiu nước thánh ấy, rồi ông cùng với người phụ lễ ra về.

Lòng huyệt còn chưa được dọn sạch. Người đào huyệt đục vào lớp đất sét và chỉ có thể gạt được từng lớp mỏng trên xẻng, giống như phết

bơ trên bánh mì.

Bố liên tục tụng kinh. Rõ ràng là ông Lukasz đang rất vội, vì hết lần này đến lần khác ông hít tẩu thuốc và ngoảnh mặt nhìn ra xe, rồi gãi đầu, cúi người về phía bố và thì thầm gì đó với bố. Hai người bắt tay nhau, liên tục lắc mạnh tay tỏ tình bằng hữu, sau đó người họ hàng đi về phía con ngựa già.

Chúng tôi đã trang hoàng cho nó giống như một cô dâu. Những cành cây xiêm gai tươi, nở đầy hoa nhô ra ngay sau tai, sau yên cương, sau vòng cổ, bất cứ nơi nào có thể cắm được cái gì đó vào. Chùm hoa bồ công anh vàng thắm cắm sâu vào dưới dây da buộc chéo trên trán. Từ bờm nó, những cây phi yến và đoá hoa anh túc hình chuông rủ xuống, số cây lá còn lại chúng tôi giữ trong tay để xua đuổi lũ ruồi khỏi con ngựa già.

Bây giờ, cuộc diễu hành chiến thắng thực sự bắt đầu.

Đầu tiên, Piotrus bước đi không nhìn đường, giẫm lên cả những nắm mộ nhỏ của trẻ con vừa mới được rắc cát vàng, bao nhiêu lần nó nhìn vào cổ xe. Phía sau Piotrus, con ngựa già thở phì phì nhỏ nhẹ ngóc cái đầu chất đầy hoa lá lên, còn tôi và Felek, như những người tháp tùng, đi bên trái và bên phải, cỗ xe di chuyển chậm rãi, lúc nhô lên, lúc hạ xuống trên những nắm mộ đã bị lún, còn phía sau chúng tôi, đất rơi âm ầm, càng lúc càng xa vắng xuống quan tài mẹ.

HENRYK SIENKIEWICZ

(1846 - 1916)

Henryk Sienkiewicz, biệt danh Litwos, là một trong những nhà văn lớn nhất của Ba Lan thế kỉ XIX, XX và là người Ba Lan đầu tiên đoạt giải thưởng Nobel Văn học (năm 1905).

Henryk Sienkiewicz sinh tại Wola Okrzejska thuộc vùng Podlasie, tốt nghiệp trung học và đại học tại Warszawa. Năm 1876, ông đi Mỹ hai năm. Ông dành gần như cả cuộc đời đi chu du khắp nơi, đã từng đến Paris, London, Konstantynopol, Aten, Neapol, Roma, Tây Ban Nha, năm 1891 ông còn đến tận Lục địa Đen. Cuối đời, ông định cư tại Thụy Sĩ.

Thời kì đầu tiên trong sự nghiệp sáng tác, ông chủ yếu viết truyện ngắn, xoay quanh đề tài nông dân: *Bức phác thảo bằng than* (1880), *Vì miếng bánh mì* (1880), *Bartek Người chiến thắng* (1882) và sự xấu số của người đi đày: *Người gác đèn biển* (1881). Trong nhóm đề tài về nước Mỹ có: *Từ trường* (1889) và *Hồi ức từ Mariposa* (1889). H. Sienkiewicz nổi tiếng với những tiểu thuyết làm rung động trái tim như: *Băng lửa và băng gươm* (1884), *Đại hồng thủy* (1886), *Ngài Wolodyjowski* (1888), cũng như hàng loạt tiểu thuyết lịch sử: *Quân Thập tự* (1900), *Quo vadis** (1896), *Trên chiến trường* (1906), *Lê dương* (xuất bản sau khi tác giả mất - 1918). Mảng đề tài hiện đại cũng làm nên tên tuổi của nhà văn: *Không giáo điều* (1891), *Gia đình Polaniecki* (1895), *Những chỗ nước xoáy* (1910). Các chuyến chu du của nhà văn đã để lại các tác phẩm như: *Những bức thư từ chuyến đi tới Mỹ* (1876 - 1878), *Những bức thư từ châu Phi* (1891 - 1892) và tiểu thuyết dành cho trẻ em: *Trên sa mạc và trong rừng thẳm* (1911).

NGƯỜI GÁC ĐÈN BIỂN

*Câu chuyện này dựa theo trường hợp có thực mà vào thời đó; J.
Horain đã kể lại trong một bức thư của ông gửi về từ Mỹ.*

1

Có lần đã xảy ra trường hợp là người gác đèn biển ở Aspinwall, cách Panama không xa, biến mất mà không để lại tin tức gì. Vì chuyện đó xảy ra trong giông bão, nên người ta cho rằng kẻ bất hạnh phải đi đến tận mép bờ đảo đá, nơi có cây đèn biển và đã bị làn sóng lớn cuốn trôi. Giả thuyết đó càng tỏ ra thuyết phục khi ngày hôm sau, người ta không tìm thấy con thuyền của ông ta vẫn neo trong hẻm đá. Lúc bấy giờ, vị trí của người gác đèn biển bị bỏ trống và cần tìm người thay vào đó càng nhanh càng tốt, do cây đèn biển có ý nghĩa không nhỏ, đối với việc đi lại của địa phương, cũng như đối với các tàu biển đi từ New York tới Panama. Vịnh Muối nổi tiếng vì có nhiều cồn cát ngầm và đụn cát, đường đi giữa chúng ngay cả vào ban ngày cũng đã khó khăn, còn về ban đêm, đặc biệt giữa làn sương mù thường xuyên dâng cao trên vùng nước bị mặt trời nhiệt đới sưởi nóng thì gần như không thể qua nổi. Tín hiệu dẫn đường duy nhất đối với hàng loạt tàu thuyền thường là ánh sáng của cây đèn biển.

Nỗi lo phải tìm được người gác đèn biển mới đổ lên đầu vị lãnh sự Hợp chúng quốc Hoa Kỳ đóng trụ sở tại Panama, và đó là nỗi lo không nhỏ, một là vì dứt khoát phải tìm được người thay thế trong vòng mười hai tiếng đồng hồ; hai nữa, người thay thế phải là người cực kì tận tâm, cho nên không thể nhận kẻ bất kì nào; và cuối cùng là thực ra không có người nào ứng cử vào vị trí đó cả. Cuộc sống trên tháp hết sức khó khăn và ít nhất cũng không mỉm cười đối với những con người phương Nam vốn chây lười và yêu thích cuộc sống lêu lổng tự do. Cây đèn biển gần như là tù ngục. Trừ những ngày Chủ nhật, hẳn ta hoàn toàn không

thể rời khỏi hòn đảo đá của mình. Mỗi ngày một lần, con thuyền từ Aspinwall chở đến cho hân lượng dự trữ thực phẩm và nước ngọt, sau đó những người vận chuyển lập tức rời xa, trên hòn đảo rộng khoảng một morga* này không còn một người nào. Người gác đèn sống ở chỗ cây đèn biển, trông coi nó; ban ngày đưa ra tín hiệu bằng cách treo những lá cờ màu sắc khác nhau theo kim chỉ của phong vũ biểu, còn ban đêm thì thắp sáng đèn. Đó không phải là công việc nặng nhọc, trừ chuyện muốn từ dưới đất leo lên đến đỉnh tháp phải đi qua bốn trăm bậc thang vừa xoắn ốc vừa rất cao, mà người gác đèn biển phải thực hiện cuộc hành trình đó đôi lúc vài lần trong một ngày. Nói chung, đó là cuộc sống tu hành, thậm chí còn hơn cả tu hành, vì đó là nhà tu kín. Vì vậy, chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi ông Izaak Falconbridge rơi vào tình trạng hết sức lo lắng, tìm đâu được người thay thế cho kẻ bạc mệnh, và cũng dễ dàng hiểu được niềm vui mừng của ông ta, khi bất thành linh có người đến trình diện xin việc ngay trong ngày hôm ấy. Đó là một người đã khá già, khoảng bảy mươi tuổi hoặc hơn một chút, nhưng rắn chắc, cao lớn, nhanh nhẹn và có vóc dáng người lính. Tóc ông ta trắng phau, da bánh mật, giống như người lai da đen, song căn cứ vào màu xanh của đôi mắt thì đoán biết ông ta không phải người phương Nam. Khuôn mặt ông có vẻ chán nản và buồn rầu, nhưng nhân hậu. Mới thoáng nhìn, Falconbridge đã cảm thấy thích. Chỉ còn lại việc kiểm tra, do đó đã có cuộc nói chuyện sau đây:

- Ông từ đâu tới?
- Tôi là người Ba Lan.
- Cho tới nay ông đã từng làm việc gì rồi?
- Tôi sống tha phương.
- Người gác đèn biển phải thích ngồi yên một chỗ.
- Tôi cần nghỉ ngơi.
- Ông đã phục vụ trong quân ngũ bao giờ chưa? Ông có giấy tờ gì xác nhận đã phục vụ một cách lương thiện công việc của Chính phủ?

Ông già lôi từ túi áo ngực ra một gói vải lụa đã phai màu trông giống như mảnh cờ đuôi nheo cũ. Ông mở ra và nói:

- Đây là những chứng chỉ. Huy chương chữ thập này tôi nhận được năm ba mươi. Cái thứ hai của Tây Ban Nha từ cuộc chiến ở Carlista; cái thứ ba là Lê dương Pháp; cái thứ tư tôi nhận được ở Hungary. Sau đó, tôi đánh nhau ở Hợp chúng quốc chống lại bọn phương Nam, nhưng ở đó người ta không tặng huy chương - vì vậy đây là giấy chứng nhận.

Falconbridge cầm tờ giấy lên và bắt đầu đọc.

- Hừm! Skawinski à? Đây là họ của ông ư?... Hừm!... Chính tay ông đoạt được hai lá cờ đuôi nheo trong trận đánh giáp lá cà... Ông từng là một dũng sĩ!

- Tôi cũng có thể trở thành một người gác đèn biển tận tâm.

- Ở đó mỗi ngày phải leo lên tháp vài lần. Chân ông có khỏe không?

- Tôi đã đi bộ khi bị bắt làm “tù binh”.

- *All right!* Ông có quen với công việc trên biển hay không?

- Tôi đã làm việc ba năm trên tàu săn cá voi.

- Ông đã thử làm nhiều nghề khác nhau rồi à?

- Chỉ có điều tôi chưa được nếm trải sự yên tĩnh.

- Tại sao vậy?

Ông già nhún vai.

- Số phận như vậy...

- Mặc dù vậy, đối với một người gác đèn biển tôi nghĩ là ông hơi già.

- *Sir*, - bỗng nhiên người xin việc lên tiếng bằng giọng xúc động - tôi rất buồn và lo lắng. Như ông thấy đấy, tôi đã trải qua nhiều việc làm. Vị trí này là một trong những công việc mà tôi mong muốn nhận được nhất. Tôi già rồi, tôi cần sự yên tĩnh! Tôi phải nói với mình rằng: Mi phải ngồi lại đây, đây là bến đỗ của mi. Ôi, thưa ngài! Điều này chỉ phụ thuộc vào ngài. Chỗ làm ấy có thể không còn lần thứ hai. Thật là may mắn vì tôi đã có mặt ở Panama... Tôi cầu xin ngài... Quả là Chúa yêu

thương tôi, tôi như một con tàu, nếu không ghé vào cảng thì sẽ chìm... Nếu như ngài muốn làm cho một người già được hạnh phúc... Tôi thề rằng tôi là người lương thiện, song... tôi đã chán ngấy cuộc sống tha phương này rồi...

Đôi mắt xanh của ông già biểu lộ lời khẩn cầu chân thành đến mức Falconbridge, kẻ vốn có trái tim nhân từ và ngay thẳng, cảm thấy xúc động.

- *Well!* - Ông ta nói - Tôi nhận ông. Ông là người gác đèn biển.

Khuôn mặt ông già giãn hẳn ra bởi niềm vui không nói nên lời.

- Tôi xin cảm ơn.

- Ngày hôm nay ông có thể đi ra tháp được không?

- Vâng, được ạ.

- Vậy thì *good bye!*... Thêm một câu nữa: Chỉ cần một lần sai phạm là ông sẽ bị mất việc.

- *All right!*

Ngay tối hôm đó, khi mặt trời lặn xuống phía bên kia eo đất, và sau một ngày đầy nắng, màn đêm buông xuống không ánh hoàng hôn, người gác đèn biển mới rõ ràng đã đến địa điểm, vì cây đèn biển như thường lệ đã tỏa xuống nước luồng ánh sáng chói ngời của mình. Đêm hoàn toàn yên tĩnh, êm đềm, đúng thực là đêm nhiệt đới, ngập tràn những làn mây trắng, tạo một đường tròn lớn màu sắc cầu vồng quanh mặt trăng với mép viền mềm mại nhạt nhòa. Chỉ có biển là sôi sục, vì thủy triều đang lên. Ông Skawinski đứng trên ban công, ngay bên cạnh ngọn đèn lớn, ở phía dưới nhìn lên trông giống như một điểm đen nhỏ bé. Ông ta đang cố gắng tập trung suy nghĩ để thấu hiểu vị trí mới của mình. Nhưng ý nghĩ của ông bị quá nhiều sức ép không thể tập trung được. Ông cảm thấy một điều gì đó giống như con thú bị xua đuổi cảm nhận được cuối cùng nó cũng tìm được chỗ ẩn nấp trước cuộc săn đuổi tại một tảng đá hoặc hang động không ai đi đến được. Cuối cùng thì thời điểm yên bình đã đến với ông. Cảm giác an toàn đã lấp đầy tâm hồn ông bằng một khoái cảm khó nói nên lời. Bây giờ đây, trên tảng đá

này, ông có thể miệt thị cuộc sống tha phương xưa kia, những nỗi bất hạnh và thất bại xưa kia. Ông thực sự giống như con tàu mà bão táp đã đánh hỏng cột buồm, làm đứt dây chằng, cánh buồm đã bị bão quật từ trên mây xuống đáy biển, bão đã táp sóng vào, nhổ bọt vào - nhưng con tàu đó đã ghé được vào cảng. Những hình ảnh của cơn bão ấy giờ đây đang lướt nhanh trong tâm trí ông, trái hẳn với tương lai yên tĩnh bắt đầu có được từ giây phút này.

Một phần các trình tự lạ lùng của cuộc đời mình ông đã kể cho Falconbridge nghe, tuy vậy, ông không nhắc đến hàng ngàn cuộc phiêu lưu khác. Ông gặp chuyện bất hạnh, biết bao nhiêu lần ông đã từng cắm trại và nhóm bếp lửa ở đâu đó để sống cuộc sống định cư, nhưng một cơn gió lại nhổ phăng cọc trại, thổi tắt ngọn lửa, còn bản thân ông thì bị cuốn trôi đi. Bây giờ, khi nhìn từ ban công tháp xuống những con sóng biển sáng long lanh, ông nhớ về những chuyện đã trải qua. Ông từng bôn ba chinh chiến khắp bốn phần của thế giới - và đã thử sức mình hầu như với mọi nghề nghiệp trong cuộc sống tha phương, cần cù và lương thiện, nhiều lần kiếm được kha khá và luôn đánh mất nó mặc dù đã lường trước và hết sức giữ gìn. Ông là thợ đào vàng ở Úc, thợ tìm kim cương ở châu Phi, xạ thủ của chính phủ ở Đông Ấn. Có lúc ông lập trang trại ở California, hạn hán đã tiêu hủy nó; ông thử buôn bán với những bộ tộc hoang dã sống ở Brazil, bè hàng của ông bị vỡ trên sông Amazon, bản thân ông không vũ khí và không mảnh vải che thân đi lang thang trong rừng mấy tuần liền, sống bằng quả dại, từng phút từng giây bị cái chết đe dọa trong rừng sâu đầy mãnh thú hung dữ. Ông lập xưởng rèn ở Helena, bang Arkansas, xưởng bị cháy trụi trong cơn hỏa hoạn lớn trên toàn thành phố. Tiếp đó, trên dãy Thạch Sơn ông rơi vào tay bọn da đỏ và chỉ nhờ vào phép nhiệm màu mới được các xạ thủ Canada giải thoát. Ông làm thủy thủ trên tàu đi lại giữa Bahia và Bordeaux, sau đó làm thợ xía lao trên tàu săn cá voi: cả hai tàu đều bị chìm. Ông có nhà máy thuốc lá xì gà ở Havana, nhà máy bị tên chung vốn làm ăn đánh cắp trong lúc bản thân ông bị sốt rét nằm liệt trên giường. Cuối cùng, ông đến Aspinwall - và đây sẽ là nơi chấm dứt mọi

nổi thẳng trâm của ông. Cái gì còn có thể xảy đến với ông trên hòn đảo đá nhỏ bé này nữa chứ? Không nước, không lửa, không người. Thực ra, ông Skawinski không gánh chịu nhiều rủi ro từ phía con người. Ông thường gặp người tốt nhiều hơn kẻ xấu.

Ngược lại, hình như là cả bốn thứ thiên tai đều truy quét ông. Những người biết ông đều nói rằng ông không gặp may mắn và họ dùng điều đó giải thích cho mọi thứ. Cuối cùng, chính bản thân ông cũng trở nên hơi cuồng tín. Ông tin rằng có một bàn tay mạnh mẽ và thù hận nào đó luôn tìm kiếm ông ở mọi nơi, ở tất cả các lục địa và biển khơi. Tuy nhiên, ông không thích nói đến điều đó; chỉ đôi lúc, khi người ta hỏi ông rằng bàn tay đó là của ai, ông chỉ lên ngôi sao Bắc Đẩu với vẻ bí ẩn và kể rằng điều đó đến từ đây... Đúng rồi, những rủi ro của ông xảy ra thường xuyên đến mức thật kì lạ và những điều không may ấy có thể dễ dàng đóng đinh vào đầu, đặc biệt đối với người gặp phải nó. Cũng may ông có sự kiên nhẫn của một người da đỏ và sức phản kháng bình thường thật lớn lao, sức mạnh đó xuất phát từ sự trung thực của con tim. Trong thời gian ở Hungary, ông đã bị đâm mười mấy nhát lưỡi lê vào mình, vì không muốn cầm cái bàn đạp ở yên ngựa mà người ta chỉ cho làm phương tiện chống đỡ và kêu xin tha tội. Ông cũng không chịu đầu hàng cả nổi bất hạnh nữa. Ông bò lên núi cần mẫn như con kiến. Một trăm lần bị đẩy lùi, song ông vẫn bình thản bắt đầu lại cuộc hành trình của mình lần thứ một trăm lẻ một. Đó là con người kì lạ đặc biệt hiếm thấy. Người lính già ấy, tắm mình trong những ngọn lửa như thế nào chỉ có Chúa mới biết, được tôi luyện trong khổ đau, bị đánh đập và rèn giũa, nhưng luôn có trái tim của một trẻ thơ. Trong thời gian bệnh dịch hoành hành ở Cuba, ông bị lây bệnh là do đã đưa cho bệnh nhân toàn bộ số thuốc kháng sinh của mình, số thuốc khá lớn mà ông dự trữ, không để lại cho mình một gam nào.

Trong con người ông ta còn một điều kì lạ nữa, là sau bao nhiêu lần bị lừa dối như vậy, ông vẫn luôn đầy ắp lòng tin và không đánh mất hi vọng rằng tất cả mọi thứ rồi sẽ tốt đẹp. Vào mùa đông, ông luôn tỏ ra sôi nổi và dự đoán về những trường hợp lớn lao sẽ xảy ra. Ông nhẫn nại

chờ đợi nó và bằng ý nghĩ về nó, ông sống hàng năm dài đằng đẳng... Nhưng mùa đông trôi qua hết lần này đến lần khác và ông Skawinski chỉ chờ được một điều là đầu ông đã bạc trắng. Cuối cùng, ông cũng đã già - ông bắt đầu mất năng lượng. Lòng kiên nhẫn của ông bắt đầu càng lúc càng mất dần. Sự bình yên xưa kia biến thành một thứ gì đó có khuynh hướng dễ lung lay và người lính được rèn luyện kia bắt đầu biến thành kẻ hay khóc, sẵn sàng chảy nước mắt vì một lí do vớ vẩn. Ngoài ra, thỉnh thoảng trong ông, nỗi nhớ quê hương xứ sở đến quặn đau lại vỡ òa, chỉ cần một tình huống bất chợt nào cũng có thể kích động: thấy đàn chim én, những chú chim màu tro giống như chim sẻ, tuyết trên núi hoặc một nốt nhạc chợt nghe được giống với những nốt nhạc đã từng nghe xưa kia...

Cuối cùng, chỉ còn một ý nghĩ chế ngự ông: ý nghĩ được yên nghỉ. Ý nghĩ đó chế ngự ông già hoàn toàn và hút vào đó toàn bộ những niềm mong ước và hi vọng khác. Con người luôn sống tha phương không thể mơ ước cho mình điều gì thêm khát hơn, quý giá hơn là một góc khuất yên bình, tại đó ông có thể nghỉ ngơi và lặng lẽ đợi chờ cái chết. Cũng có thể chính vì thế nên một sự khó hiểu đặc biệt của số phận đã quăng quật ông trên các đại dương và đất nước đến nỗi gần như ông không còn kịp thở, ông mừng rỡ tưởng rằng điều hạnh phúc lớn lao nhất của con người là chỉ cần không phải sống tha phương. Đúng ra là ông cũng đáng được hưởng niềm hạnh phúc nhỏ nhoi đó, song ông đã quen với những nỗi thất vọng đến mức nghĩ về điều đó như người ta mơ ước về một cái gì không thể vươn tới được. Ông không dám mong đợi. Đột nhiên, trong vòng mười hai tiếng đồng hồ, ông nhận được công việc giống như đã lựa chọn cho mình từ tất cả mọi thứ có được trên thế giới này. Vì vậy, không có gì đáng ngạc nhiên khi thắp sáng ngọn đèn biển vào buổi tối, ông đã cảm thấy choáng váng đến mức phải tự hỏi đây có phải là sự thật hay không và không dám nói rằng đúng là như vậy. Sự thật đã truyền đạt đến ông những bằng chứng không thể phủ nhận được; vậy là hết giờ này đến giờ khác trôi qua với ông trên ban công.

Ông nhìn, thỏa thích nhìn, và tự thuyết phục mình. Cũng có thể tưởng rằng đây là lần đầu tiên trong đời ông nhìn thấy biển, vì tiếng chuông 12 giờ đêm đã điểm trên đồng hồ ở Aspinwall, còn ông vẫn không rời điểm cao trong không gian của mình - và ông nhìn. Ở phía dưới chân ông, biển vẫn đang trào sóng. Thấu kính của cây đèn biển hắt vào màn đêm chùm sáng chói lòa, mắt ông già chìm vào miền xa thăm đen ngòm dày đặc, bí ẩn và đáng sợ ngoài chùm sáng ấy. Nhưng miền xa thăm ấy có lẽ kéo dài về hướng ánh sáng. Những làn sóng dài hàng dặm nổi lên từ trong màn đêm và vừa gào thét vừa kéo đến tận mép đảo, lúc đó nhìn rõ cả những chòm sóng đầy bọt lấp lánh hồng hồng trong ánh sáng đèn biển. Thủy triều dâng lên mỗi lúc một cao và tràn ngập cồn cát ngằm. Tiếng nói bí mật của đại dương vọng đến mỗi lúc một mạnh mẽ và rõ ràng hơn, đôi khi giống như tiếng đại bác nổ, có khi giống tiếng thét gào của những khu rừng lớn, có lúc lại giống tiếng ồn ào xa thăm của giọng người vắng đến. Đôi khi lại im lặng. Sau đó, vọng đến tai ông già tiếng thở dài thật lớn, rồi tiếng khóc nức nở - và tiếp đến những tiếng nổ dữ tợn. Cuối cùng, gió xua tan sương mù, nhưng lại thổi đến những đám mây đen rách bươm, che khuất mặt trăng. Từ phía tây, gió thổi mỗi lúc một mạnh lên. Những làn sóng lớn điên cuồng chồm lên ghềnh đá của cây đèn biển, phủ bọt đến tận chân tường. Ở phía xa, bão đang gầm gừ. Giữa không gian đen ngòm đầy sóng gió lóe lên vài ánh đèn xanh ngắt treo trên cột buồm các con tàu. Những điểm sáng xanh nọ có lúc dâng lên cao, có lúc chìm xuống thấp, có lúc lắc lư sang phải sang trái.

Ông Skawinski đi xuống phòng mình. Bão bắt đầu gào thét, ở đó, phía ngoài trời, mọi người trên những con tàu kia đang chống chọi với màn đêm, với bóng tối, với sóng; còn trong căn phòng này thì yên tĩnh và câm lặng. Thậm chí tiếng vọng của bão cũng chỉ thấm qua những bức tường dày một cách yếu ớt và chỉ nghe thấy tiếng đồng hồ kêu tích tắc! Tiếng đồng hồ như đang ru ông già mỗi mện vào giấc ngủ.

Thời gian bắt đầu trôi, từng giờ, từng ngày và từng tuần... Những người thủy thủ khẳng định rằng đôi lúc, khi biển gầm thét rất lớn là lúc biển gọi tên họ giữa màn đêm và bóng tối. Nếu như biển mệnh mang vô tận có thể lên tiếng gọi như vậy, thì có lẽ khi con người trở nên già nua cũng có cái gì đó lớn mệnh mông vô tận khác, đen tối hơn và bí mật hơn lên tiếng gọi ông ta, và càng mệt mỏi vì cuộc sống bao nhiêu thì những tiếng gọi ấy càng đáng yêu hơn bấy nhiêu. Nhưng, để nghe thấy chúng cần sự tĩnh lặng. Ngoài ra, sự già nua thích cô lập giống như dự cảm nhà mồ. Cây đèn biển đối với ông Skawinski là một nửa nhà mồ như vậy. Không có gì đơn điệu hơn cuộc sống ở trên tháp. Những người trẻ tuổi, nếu như chấp thuận cuộc sống ấy thì sau một thời gian sẽ từ bỏ nhiệm vụ. Người gác đèn biển thông thường là người đứng tuổi, buồn rầu và khép kín. Khi tình cờ rời bỏ cây đèn của mình và rơi vào giữa mọi người, hẳn ta sẽ đi lại giữa họ như một người chột bưng tỉnh từ giấc ngủ sâu. Trên tháp không có các ấn tượng nhỏ bé, thứ mà trong cuộc sống thường ngày dạy ta thích ứng với nó. Mọi điều mà người gác đèn biển tiếp xúc đều lớn lao và không có hình dạng rõ rệt nhất định. Bầu trời - đó là một tổng thể, nước - đó là tổng thể thứ hai, còn giữa những cái vô tận ấy là tâm hồn cô đơn của con người! Đây là cuộc sống, trong đó ý nghĩ dường như chỉ là một sự đắm chiêu liên tục, và từ trong chuỗi đắm chiêu đó không có gì đánh thức được người gác đèn biển, thậm chí kể cả các công việc của ông ta. Ngày này giống ngày khác như hai giọt nước và có lẽ chỉ có những thay đổi thời tiết là sự đa dạng duy nhất.

Tuy nhiên, ông Skawinski cảm thấy hạnh phúc đến mức chưa từng thấy trong cuộc đời. Buổi sáng thức dậy, ông ăn sáng, lau thấu kính của cây đèn biển, rồi ngồi xuống ban công, ngắm nhìn về phía biển xa và mắt ông không bao giờ có thể thỏa mãn trước những bức tranh hiện ra trước mặt mình. Thông thường, trên nền ngọc lam rộng lớn nhìn thấy hàng loạt cánh buồm rộng mở lấp lánh trong ánh mặt trời chói lọi đến nỗi mắt phải chớp lia lịa; đôi khi những con tàu lợi dụng sức gió, gọi là gió mậu dịch, nối đuôi nhau thành mũi tên giống như đàn chim hải âu

hay đàn sếu đang bay. Những chiếc thùng phi chỉ đường màu đỏ lắc lư trên làn sóng chuyển động nhẹ nhịp nhàng; giữa các cánh buồm mỗi ngày lại xuất hiện giữa trưa một làn khói lớn màu đen thẫm. Đó là con tàu chạy bằng hơi nước đi từ New York chở hành khách và hàng hóa đến Aspinwall, kéo theo phía sau mình một đường dài đầy bọt. Từ phía kia của ban công, ông Skawinski nhìn rõ như trên lòng bàn tay thành phố Aspinwall và khu cảng tấp nập hoạt động của nó, còn trong đó là cả rừng cột buồm, thuyền lớn, thuyền nhỏ; xa hơn một chút là những căn nhà trắng và các ngôi tháp nhỏ của thành phố. Từ trên tháp cao của cây đèn biển, các ngôi nhà trông giống như tổ của lũ chim hải âu, các con thuyền như con bọ hung, còn con người chuyển động giống như những điểm trắng di động trên đại lộ làm bằng đá trắng. Từ sáng sớm, cơn gió đông thổi nhẹ mang tới tiếng ồn ào hỗn độn của cuộc sống con người, trong đó nổi bật lên là tiếng còi tàu thủy chạy bằng hơi nước. Giờ Ngọ là giờ nghỉ trưa. Hoạt động của cảng tạm ngừng; hải âu ẩn mình ở các kẽ đá, sóng yếu hắt đi và trở nên lười nhác, còn trên đất liền, trên biển và trên cây đèn biển có thể bắt gặp phút giây tĩnh lặng không bị cái gì quấy rầy. Dải cát vàng mà sóng bỏ lại tạo nên những vết vàng lấp lánh trên các vùng nước; cột cao của tháp nổi lên sừng sững trong màu xanh da trời. Những dòng tia sáng mặt trời chảy tràn từ bầu trời xuống mặt nước, xuống cát và ghềnh đá hiểm trở.

Lúc bấy giờ, cả ông già cũng bị một sự bất lực đầy ngọt ngào chế ngự. Ông cảm thấy sự nghỉ ngơi mà mình đang được hưởng này thật đúng là tuyệt vời, và khi nghĩ rằng nó sẽ kéo dài lâu bền thì ông không còn thấy thiếu thốn cái gì nữa. Ông Skawinski mơ ước về niềm hạnh phúc của chính mình, nhưng vì con người dễ làm quen với số phận tốt hơn, ông dần dần nuôi dưỡng niềm tin và sự tin cậy, vì ông nghĩ rằng nếu như con người xây dựng những ngôi nhà cho kẻ tàn tật, thì tại sao Chúa trời không che chở cho những kẻ tàn tật của mình? Thời gian cứ trôi đi và định hình ông trong niềm tin đó. Ông già quen dần với ngọn tháp, với cây đèn biển, với ghềnh đá hiểm trở, với những cồn cát ngầm và với sự cô đơn. Ông cũng làm quen cả với những con chim hải âu

thập thò trên những tảng đá nhọn, còn buổi tối chúng tụ tập cả đàn trên nóc cây đèn biển. Ông Skawinski thường ném cho chúng những mẩu thức ăn thừa của mình, vì thế về sau chúng nhanh chóng hiểu ra, khi ông làm việc này thì cả rừng cánh trắng bao bọc xung quanh, còn ông già thì đi đi lại lại giữa đàn chim như người chăn gia súc đi giữa bầy cừu. Khi thủy triều rút, ông chuyển đến đứng ở những cồn cát thấp, lượm được những con ốc sên ngon lành và những vỏ sò, ốc, trai rất đẹp mà sóng biển rút đi để lại trên cát. Ban đêm, nhờ ánh trăng và cây đèn biển, ông đi bắt những con cá nằm đầy rẫy trong các khe đá. Cuối cùng, ông yêu thích những khối đá và hòn đảo nhỏ không cây cối của mình, nơi chỉ có những loài thực vật nhỏ bé phủ đầy lớp dầu mỡ nhầy nhớt. Hơn nữa, sự nghèo nàn của hòn đảo đã thưởng cho ông những quang cảnh ở phía đằng xa. Trong những giờ buổi chiều, khi bầu khí quyển trở nên trong suốt, có thể nhìn thấy cả eo đất, cho đến tận Thái Bình Dương, phủ bên trên là lớp cây cối mọc hết sức um tùm. Ông Skawinski có cảm giác như nhìn thấy một vườn cây cực lớn. Những cụm dừa và các khóm chuối khổng lồ ở ngay phía sau các căn nhà của Aspinwall đan xen vào nhau như tạo nên những đĩa hoa quả thơm ngát ngon lành. Xa hơn, giữa Aspinwall và Panama nhìn thấy cánh rừng khổng lồ, trên đó mỗi buổi bình minh và lúc hoàng hôn, một làn sương mù màu đỏ thắm bốc lên treo lơ lửng - khu rừng là rừng nhiệt đới đích thực, phía dưới đọng đầy nước, dây leo chằng chịt, làn sóng phong lan, cọ, vú sữa, gỗ quý và cao su luôn rì rào.

Qua ống kính viễn vọng chuyên dụng của mình, ông già có thể phát hiện không chỉ cây cối, không chỉ những tàu lá chuối trải rộng mà thậm chí cả những bầy khỉ, những con hạc lớn và đàn vẹt thỉnh thoảng hiện lên bên trên cánh rừng như đám mây ngũ sắc. Ông Skawinski biết tường tận những cánh rừng như vậy, vì sau khi bè đấm trên sông Amazon, ông đã lạc hàng tuần liền giữa những dây leo và bụi rậm. Ông biết ở phía dưới bề mặt đẹp đẽ và rác rưởi của khu rừng ẩn chứa bao nhiêu hiểm nguy và chết chóc. Giữa những đêm dài mà ông trải qua, ông đã nghe thấy những giọng nói đầy chết chóc của khỉ mũi rộng và

tiếng gầm của báo thật gần, nhìn thấy những con trăn khổng lồ đung đưa như những sợi dây vắt vẻo trên cây; biết những hồ nước trong rừng như mơ ngủ mà đầy cá chình điện và cá sấu. Ông biết con người sống kinh khủng như thế nào trong những khu rừng rậm nông choèn, nơi từng chiếc lá đơn chiếc có thể nhắc bóng vật nặng gấp mười lần mình, trong đó nhung nhúc những con muỗi hút máu, những con vắt trên cành cây và những con nhện độc khổng lồ. Chính ông đã cảm nhận được, chính ông đã trải qua, chính ông đã chịu đựng tất cả mọi chuyện; vì vậy bây giờ chúng càng mang lại cho ông niềm khoái cảm được nhìn từ trên cao khu rừng cận xích đạo đó, được thưởng thức cái đẹp của nó, mà lại được che chở trước mọi bất trắc.

Tháp của ông bảo vệ ông trước mọi sự rủi ro. Ông chỉ rời xa nó đôi khi vào buổi sáng Chủ nhật. Lúc bấy giờ, ông mặc chiếc áo choàng màu tím than của người gác với hàng khuy bạc, trên ngực đeo huy chương chữ thập của mình và cái đầu tóc trắng ngẩng cao với niềm tự hào, khi bên cạnh lối vào nhà thờ nghe thấy những người lai da đen nói với nhau: “Chúng ta có một người gác đèn biển lương thiện”. - “Và không phải là người theo tà giáo, mặc dù là một gã người Mĩ!” Sau buổi lễ cầu kinh, ông lập tức trở về đảo với cảm giác hạnh phúc, bởi ông luôn luôn không tin vào đất liền. Ngày Chủ nhật ông cũng đọc tờ báo Tây Ban Nha mà ông mua trong thành phố hoặc tờ *Herald* của New York ông mượn ở chỗ Falconbridge - và ông hấp tấp tìm trong đó những tin tức từ châu Âu. Ôi trái tim già khốn khổ! Trên đảo canh này và ở nửa bên kia bán cầu trái tim đó vẫn hướng về quê hương...

Đôi khi cũng xảy ra trường hợp, khi con thuyền hăng ngày chở thực phẩm và nước ra cho ông cập bến vào hòn đảo nhỏ, từ trên tháp ông lần xuống dưới để nói dăm ba câu với người lính gác tên John. Nhưng về sau, rõ ràng là ông trở nên hoang dã. Ông thôi không đi vào thành phố, không đọc báo chí và không xuống mạn đàm chính trị với John nữa. Hàng mấy tuần liền trôi qua như vậy, không ai nhìn thấy ông và ông cũng không nhìn thấy ai cả. Dấu hiệu duy nhất để biết ông còn sống là sự biến mất của số thực phẩm để trên bờ và ánh sáng ngọn đèn biển

thấp vào mỗi buổi tối với độ đều đặn giống như mặt trời từ dưới nước nhô lên mỗi buổi sáng ở những vùng đất ấy. Ông già cảm thấy dừng dừng đối với thế giới. Nguyên nhân của tình trạng đó không phải là nỗi nhớ quê hương xứ sở mà là vì nỗi nhớ đó đã trôi qua, thậm chí cố tình bị chối bỏ. Giờ đây, cả thế giới đối với ông già bắt đầu và cũng kết thúc ngay trên hòn đảo nhỏ của ông. Ông quen dần với ý nghĩ rằng cho đến chết sẽ không rời ngọn tháp, và đơn giản là ông quên mất còn có một cái gì nữa tồn tại ngoài hòn đảo. Hơn nữa, ông trở thành kẻ mê tín. Đôi mắt màu xanh da trời hiền dịu của ông bắt đầu giống mắt trẻ thơ, luôn ngơ ngác và như đắm đuối vào miền xa thẳm nào đó. Trong cảnh cô đơn triền miên và đứng trước môi trường xung quanh hết sức đơn sơ, rộng lớn, ông già bắt đầu đánh mất cảm giác khác biệt của bản thân, không còn tồn tại như một cá thể, mà hòa mình ngày càng nhiều vào những thứ bao bọc quanh ông. Ông không suy nghĩ gì về điều đó, chỉ cảm thấy một cách vô thức, nhưng cuối cùng ông cũng cho rằng, cả bầu trời, mặt nước, hòn đảo đá của ông, ngọn tháp và những cồn cát vàng óng, những cánh buồm rộng mở, những con chim hải âu, thủy triều lên và xuống là một khối thống nhất vĩ đại duy nhất, một linh hồn bao la bí ẩn; còn ông đắm chìm vào linh hồn bí ẩn đó và cảm nhận được linh hồn đó, linh hồn đang sống và làm ta trấn tĩnh. Ông đắm chìm, mơ màng, ghi nhớ - và trong giới hạn cuộc sống riêng tư của mình, trong cảm giác nửa tỉnh nửa mơ, ông tìm được sự bình yên lớn lao đến mức gần như đang đến với nửa cái chết.

3

Nhưng sự thức tỉnh cũng xuất hiện.

Một lần, khi chiếc thuyền chở nước và dự trữ thực phẩm đến, sau một tiếng đồng hồ từ trên tháp Skawinski đi xuống, ông phát hiện ra rằng ngoài lượng hàng thông thường còn có thêm một gói nữa. Trên mặt gói có dấu bưu điện Hợp chúng quốc Hoa Kỳ và địa chỉ rõ ràng “Skawinski Esq.[*](#)” viết trên tấm vải bố dày. Vô cùng ngạc nhiên, ông

già rọc ngay lớp vải và nhìn thấy những quyển sách. Ông cầm một cuốn lên tay, ngắm nghía và để trở lại, hai bàn tay ông bắt đầu run rẩy mạnh. Ông che mắt lại, như thể không tin vào chúng nữa; ông có cảm giác như mình mơ ngủ - cuốn sách ấy là sách Ba Lan. Điều này có nghĩa là thế nào? Ai có thể gửi sách đến cho ông? Trong giây phút đầu tiên, rõ ràng ông đã quên là ngay từ khi mới khởi nghiệp đèn biển của mình có lần ông đã đọc trong tờ Herald mượn ở chỗ lãnh sự về việc thành lập Hội Ba Lan ở New York và ngay sau đó ông đã gửi cho Hội một nửa số tiền lương tháng của mình, số tiền mà thực ra ông không biết dùng để làm gì trên tháp. Để tỏ lòng biết ơn ông, Hội đã gửi tặng sách. Những cuốn sách ấy đã đến theo con đường tự nhiên, nhưng ở giây phút đầu tiên ông già không thể nhận ra điều ấy. Những quyển sách Ba Lan ở Aspinwall, trên tháp của ông, giữa sự cô đơn của ông, đối với ông đó là một cái gì đó khác thường, một hơi thở của những ngày tháng quá khứ, một phép màu nào đó. Giờ đây ông cảm thấy giống như những thủy thủ nọ giữa đêm đen, rằng có cái gì đó đang gọi tên mình bằng một giọng vô cùng trù mẫn, mà gần như đã bị lãng quên. Ông nhắm mắt lại ngồi trong giây lát và gần như tin chắc rằng khi mở mắt ra giấc mơ sẽ biến mất. Không! Gói bưu phẩm đã mở vẫn hiện ra lồ lộ ngay trước mặt ông, rực sáng trong ánh nắng chiều, còn trên gói ấy là một quyển sách đã mở. Khi đưa tay chạm vào nó một lần nữa, ông nghe giữa sự tĩnh lặng tiếng đập của chính trái tim mình. Ông nhìn: đó là một tập thơ. Ở trang bìa, tên sách được viết bằng những chữ cái lớn, còn ở phía dưới là tên tác giả. Tên này đối với Skawinski không còn xa lạ; ông đã thấy đó là của một nhà thơ vĩ đại, nhà thơ mà các tác phẩm của ông ta ông đã đọc từ sau năm ba mươi ở Paris. Sau đó khi đánh nhau ở Algeria và Tây Ban Nha, ông đã nghe những người đồng hương kể về tiếng tăm ngày càng nổi hơn của nhà thơ vĩ đại đó, nhưng lúc bấy giờ ông đã quen với khẩu súng trường đến mức không cầm quyển sách nào lên tay nữa. Năm bốn mươi chín, ông đi đến châu Mỹ và trong cuộc sống phiêu lưu mà ông trải nghiệm, gần như ông không gặp người Ba Lan, và không bao giờ gặp sách Ba Lan nữa. Vì

vậy, ông càng tỏ ra vội vàng hơn và với nhịp tim đập càng mạnh hơn, ông lật giở trang bìa.

Bây giờ, ông cảm thấy rằng trên hòn đảo đá đơn côi của ông bắt đầu có một cái gì đó trịnh trọng đang xảy ra. Đây là giây phút bình yên và tĩnh lặng lớn lao kì diệu. Đồng hồ ở Aspinwall điểm chuông năm giờ chiều. Bầu trời sáng sủa không bị bất cứ đám mây nào che phủ, chỉ vài con hải âu chấp chới giữa bầu trời xanh ngắt. Đại dương sóng dập dềnh. Những cơn sóng vỗ bờ chỉ bật ra tiếng xạc xào, chồm vào bờ cát dịu dàng. Ở phía xa kia những căn nhà trắng và hàng cọ tuyệt vời cất tiếng reo vui. Quả là đã diễn ra một cái gì đó thật vui tươi, mà tĩnh lặng và trịnh trọng. Bỗng nhiên, giữa sự bình yên của tự nhiên đó vang lên giọng run rẩy của ông già, người cất tiếng đọc thật to để bản thân mình hiểu rõ hơn:

*Litva, Tổ quốc ơi, Người giống như sức khỏe
Quý nhường bao, khi mất rồi mới càng thấm thía
Vẻ đẹp Người hiển hiện trong con tráng lệ huy hoàng
Khi con miêu tả Người đầy khắc khoải, nhớ thương...**

Skawinski hựt hơi. Những con chữ nhảy múa trước mắt ông; trong lồng ngực ông, một cái gì đó bật ra và bay lên như hình con sóng từ trái tim lên cao và cao mãi, vừa làm nghẹn giọng vừa bóp chẹt yết hầu... Thêm giây lát nữa, ông trấn tĩnh lại và đọc tiếp:

*Hỡi Thánh đồng trinh bảo vệ Czestochowa tươi sáng
Và trên cổng Ostra Brama lung linh tỏa rạng
Che chở châu thành Novogrodek cùng dân chúng trung trinh
Giống như xưa, phép nhiệm màu đã cho con hồi sinh
(Khi người mẹ chỉ còn biết khóc
Dâng con lên Người mong chở che đùm bọc
Một sinh linh thơ ngây đang mở to đôi mắt chết của mình
Lê bước đến Người - nữ Thánh đồng trinh*

Để cảm ơn Chúa nhân từ cứu con sống lại)

Người hẳn đưa chúng con về giữa lòng Tổ quốc bằng phép màu như vậy...

Đột sóng trào lên vượt qua đập cản của ý chí. Ông già hét lên và đổ gục xuống đất; mớ tóc màu sữa của ông nằm xen kẽ với những hạt cát trên bờ biển. Thế đấy, bốn mươi năm đã trôi qua kể từ lúc ông không nhìn thấy đất nước, và chỉ Chúa mới biết đã bao lâu ông không được nghe tiếng nói của quê hương, thế mà giờ đây, ở tại nơi này, tiếng nói ấy đã tự tìm đến với ông - đã vượt qua đại dương và tìm đến với ông, một kẻ cô đơn, ở nửa bên kia bán cầu, tiếng nói thân thương, quý báu, tuyệt vời đến vậy! Trong tiếng khóc nức nở, tiếng khóc khiến ông rung động, không có sự đau đớn, chỉ có một tình yêu vô bờ bến bất chợt được đánh thức, mà bên cạnh nó mọi thứ đều không là cái gì cả... Đơn giản là bằng tiếng khóc lớn đó, ông muốn xin lỗi mảnh đất yêu thương xa cách kia vì mình đã quá già, đã quen thân với hòn đảo đá cô đơn và đã nhớ đến nỗi trong mình ngay cả sự nhớ nhung cũng bắt đầu mờ nhạt. Còn giờ đây, tình yêu ấy “đã quay trở lại bằng một sự diệu kì” - vì vậy trong ông trái tim bật dậy. Thời gian cứ trôi qua hết giây này sang giây khác: ông vẫn nằm nguyên một chỗ. Những con chim hải âu bay đến ngọn đèn biển, vừa bay vừa kêu ầm ĩ như lo lắng cho người bạn già của mình. Đã đến giờ ông phải cho chúng ăn bằng những đồ ăn thừa của mình, vài con chim bay từ trên nóc ngọn đèn biển xuống đến tận chỗ ông nằm. Mỗi lúc một nhiều chim bay xuống và bắt đầu mổ nhẹ vào ông và vỗ cánh trên đầu ông. Tiếng động của cánh chim đánh thức ông dậy. Khóc xong, khuôn mặt ông giờ đây thể hiện một sự bình yên và rạng rỡ hẳn ra, còn đôi mắt trở nên sống động. Ông đã cho đàn chim toàn bộ số thực phẩm của mình một cách vô thức và đàn chim ồn ào lao đến, còn bản thân ông lại cầm quyển sách lên. Mặt trời đã đi qua bên trên khu vườn cây và trên khu rừng nguyên sinh Panama rồi từ từ hạ xuống sau eo đất, hạ dần xuống đại dương thứ hai, song cả Đại Tây Dương còn đầy ánh sáng, trong không trung vẫn nhìn rõ hoàn toàn, vì vậy ông đọc tiếp:

*Còn giờ đây xin hãy mang một tâm hồn nặng trĩu nhớ thương
Bay về những vạt rừng và thảm cỏ xanh rờn...*

Hoàng hôn bây giờ mới làm nhòa con chữ trên tờ giấy trắng, hoàng hôn ngần như một tia chớp mắt. Ông già tựa đầu vào tảng đá và nhắm nghiền mắt lại. Lúc bấy giờ, “Thánh đồng trinh, Người bảo vệ Czestochowa tươi sáng” đã nâng tâm hồn ông và mang nó đến “những cánh đồng lúa mì vàng óng”. Trên bầu trời vẫn cháy sáng những đường dài màu đỏ và vàng, còn trong ánh sáng ấy, ông đang bay về mảnh đất quê hương. Bên tai ông âm vang tiếng reo của những cánh rừng thông, tiếng kêu róc rách của những con sông quê. Ông nhìn thấy mọi thứ cứ như chúng đang ở trước mặt. Mọi thứ đều lên tiếng hỏi ông: “Còn nhớ hay không?” Ông vẫn nhớ! Hơn nữa, ông còn đang nhìn thấy: những cánh đồng thênh thang, bờ ruộng, đồng cỏ, cánh rừng và làng mạc. Đêm đã buông! Giờ này thông thường cây đèn biển của ông đã tỏa sáng trong màn đêm của biển - nhưng ông đang đắm mình trong làng quê. Mái đầu già cúi xuống ngực và mơ màng. Những hình ảnh chuyển dịch trước mắt ông nhanh chóng và tương đối hỗn độn. Ông không nhìn thấy ngôi nhà gia đình mình, vì nó bị chiến tranh phá hủy, không nhìn thấy cả bố lẫn mẹ, vì họ đã mất từ khi ông còn nhỏ; nhưng làng quê thì như mới rời xa nó ngày hôm qua: hàng loạt mái nhà tranh với ánh sáng lập lòe trên cửa sổ, cái đập, chiếc cối xay, hai ao nước nối với nhau và dàn hợp xướng ếch nhái âm ỉ suốt đêm dài. Ngày xưa, nơi làng quê ấy của mình, đêm đêm ông đã đứng trên trạm gác, còn giờ đây quá khứ đó bỗng hiện lên trước mắt ông. Đây rồi, ông lại là một kị binh và đang đứng trên trạm gác: từ phía cách khá xa quán ăn, ông đang nhìn bằng đôi mắt và cặp lông mày rục cháy, và ông hát, và vang lên trong đêm tối tiếng giậm chân thành thịch, tiếng vĩ cầm và đàn bốn dây. “U-ha! U-ha!” Đó là những lính kị binh đang dùng gót giày nhóm lửa, thế mà ông buồn chán ở đó một mình trên lưng ngựa!

Hàng giờ trôi qua một cách lười nhác; cuối cùng ánh sáng tắt ngấm. Bây giờ, ngược mắt nhìn ra xa, ông chỉ thấy sương mù và sương mù dày đặc: sương mù rõ ràng đang dâng cao từ phía đồng cỏ và bao trùm

cả thế gian bằng màn sương trắng đục. Bạn có thể nói: đúng là một đại dương. Nhưng đó là đồng cỏ: chờ đợi giây lát thôi, tiếng chim cuốc sẽ xé tan màn đêm và những con bọ cánh lại vi vu trong lau sậy. Đêm tĩnh mịch và khá lạnh, đúng thực là đêm Ba Lan! Ở phía xa rừng thông đang kêu vi vu mà không có gió... giống như sóng biển. Ngay sau đó, bình minh nhuộm hồng phương đông: hình như cả lũ gà cũng đang gáy trong chuồng. Con này gọi con kia từ nhà này sang nhà khác; cùng lúc đó cả những con hạc cũng đã lên tiếng từ đâu đó phía trên cao. Người lính kị binh cảm thấy lạnh lợi và khỏe mạnh hẳn lên. Đằng kia người ta đang nói gì đó về trận đánh ngày mai. Hây! Thế thì ông sẽ đi giống như những người khác, ra đi với tiếng thét gào và cờ bay phấp phới. Dòng máu trẻ trung đập mạnh như tiếng kèn đồng, mặc dù hơi gió đêm có làm cho nó lạnh lại. Nhưng trời đã sáng, đã sáng rồi! Đêm tàn dần: từ trong bóng đêm lộ ra những cánh rừng, bụi rậm, hàng loạt căn nhà, cối xay, hàng dương. Giếng nước cốt kết kêu giống như cây cờ đuôi nheo bằng bạc trên đỉnh tháp. Mảnh đất này sao thân thương, tuyệt vời đến thế trong ánh hồng ban mai! Ôi, mảnh đất duy nhất, duy nhất!

Im lặng! Trạm gác cảnh giác nghe thấy ai đó đang đến gần. Chắc người ta đến đối gác.

Bỗng nhiên, một giọng nói vang lên phía trên Skawinski.

- Hây, ông già! Thức dậy ngay. Ông làm sao thế?

Ông già mở mắt và nhìn với nỗi ngạc nhiên lên người đang đứng trước mặt mình. Những hình ảnh còn lại của giấc mơ chập chờn trong đầu ông đang chiến đấu với hiện thực. Cuối cùng, những ảo ảnh nhạt nhòa dần và tàn lụi. Trước mặt ông, gã lính gác cảnh tên là John đang đứng.

- Cái gì xảy ra thế? - John hỏi - Ông bị ốm à?

- Không.

- Ông không thả đèn biển. Ông hãy đi khỏi đây ngay. Một chiếc thuyền từ San-Gerono bị vỡ trên bãi cạn, may mà không ai bị chết

chìm; nếu không thì ông sẽ phải ra hầu tòa. Ông hãy ngồi cùng tôi, phần còn lại ông sẽ được nghe tại tòa lãnh sự.

Ông già mặt mày nhợt nhạt: đúng là ông đã không thắp ngọn đèn biển đêm qua.

Vài ngày sau, người ta nhìn thấy Skawinski trên boong tàu khởi hành từ Aspinwall đi New York. Ông già đáng thương bị mất việc làm. Phía trước ông mở ra những con đường du thủ du thực mới; gió lại ngắt chiếc lá đó quăng nó ra khắp các lục địa và biển khơi, để thoải mái đập vùi cho thỏa thích. Mấy ngày nay, ông già dịch chuyển rất nhiều và cúi gằm người xuống; chỉ có đôi mắt là sáng long lanh. Trên những con đường mới của cuộc sống, ông còn có trên ngực quyển sách của mình, quyển sách mà thỉnh thoảng ông lại phải chạm tay vào, như sợ hãi rằng rồi cả nó cũng sẽ rời xa ông...

JANKO NGƯỜI CHƠI NHẠC

Nó ra đời yếu ớt, èo ọt. Những người mẹ đỡ đầu có mặt bên chiếc tràng kỉ của người đàn bà đẻ đều lắc đầu trước cả mẹ lẫn con. Kowalska Szymonowa, kẻ thông minh nhất, lên tiếng động viên người bệnh:

- Hãy để yên, - bà ta nói - cho tôi thắp trước các người cây sáo thánh, nó sẽ chẳng nên người đâu, bà bạn của tôi ạ. Nó sắp sang bên kia thế giới rồi và phải cử người đi gọi cha đạo đến để rửa tội cho các người thôi.

- Chà! - Bà thứ hai nói - Thăng bé phải làm lễ rửa tội lập tức; ngay cả cha đạo nó cũng không chờ được đâu, - bà ta nói - nó sẽ cảm thấy êm đềm, ít nhất là sẽ không trở thành con ma cà rồng.

Vừa nói như vậy, bà ta vừa thắp cây sáo thánh, và bà bế thăng bé lên, lấy nước nhỏ vào người nó cho đến khi đứa bé bắt đầu nheo nheo mắt. Bà ta nói tiếp:

- Ta “rửa tội” cho người, nhân danh Cha và Con và Thánh thần, đặt tên cho người là Jan. Còn bây giờ, hồi tâm hồn “người theo đạo Thiên Chúa”, người hãy đi về nơi mà từ đó người đã đến. Amen!

Nhưng tâm hồn “người theo đạo Thiên Chúa” hoàn toàn không có ý định đi về nơi mà nó đã đến, và không muốn rời cái thân xác còm cõi kia. Vâng, nó bắt đầu đá đôi chân của cái thân xác, cố hết sức đá, và cất tiếng khóc, mặc dầu yếu ớt và thảm hại đến mức, như những người mẹ đỡ đầu nói: “Nó nghĩ nó là ai, mèo chẳng ra mèo, không ra cái gì cả!”

Người ta đi gọi cha cố; ông ta đến, làm công việc của mình xong ông đi về, người bệnh cảm thấy dễ chịu hơn. Sau một tuần, bà ta đi làm việc. Thăng bé chỉ “thoi thóp thở”, nhưng đúng là còn thoi thóp. Đến năm thứ tư, khi mùa xuân tới, con chim cúc cu gáy vào bệnh tật, đứa bé khá lên và với tình trạng sức khỏe tạm gọi là ổn đó, nó sống đến năm lên mười tuổi.

Nó luôn gầy còm và đen nhẻm, bụng ỏng, má lõm; tóc như sợi đay, gần như trắng phau và dài che cả đôi mắt màu sáng luôn giương to nhìn ra thế giới, như nhìn vào một miền xa thẳm nào đó. Mùa đông, nó ngồi sau bếp lò và khóc thầm vì lạnh, đôi lúc vì đói, khi mẹ nó không có gì đút vào bếp cũng như cho vào nồi. Mùa hè, nó mặc áo sơ mi vá chằng vá đụp và đội đầu bằng mũ rơm; từ dưới vành rách bướm của chiếc mũ, nó nhìn và vênh mặt lên như con chim nhìn lên trên cao. Bà mẹ chuyên làm thuê làm mướn, sống ngày qua ngày chẳng khác gì con chim én trú dưới mái tranh lạ. Có thể bà yêu nó theo kiểu của mình, rất hay đánh nó và thường gọi nó là “đồ dị dạng”. Năm lên tám tuổi, nó đã đi sau đuôi bò như một kẻ giúp việc cho mục đồng hoặc khi trong nhà không có gì ăn thì nó vào rừng hái nấm. Còn chuyện tại đó, nó không bị chó sói ăn thịt thì là do Chúa thương tình.

Nó là đứa con trai rất dần dộn và giống như những đứa trẻ con ở làng quê, khi nói chuyện với mọi người, nó luôn đút ngón tay vào miệng. Mọi người thậm chí không hi vọng có thể dạy dỗ được nó, và càng ít hi vọng rằng mẹ nó có thể chờ đợi được đến ngày nó mang lại niềm vui, vì ngay cả đối với công việc, nó cũng là kẻ không ra gì. Không biết từ đâu có sự sợ hãi như vậy, nhưng chỉ có một việc nó tỏ ra ham muốn, đó là chơi nhạc. Ở đâu nó cũng nghe thấy tiếng đó và chỉ lớn lên một chút là nó đã không nghĩ gì đến chuyện nào khác ngoài chơi nhạc. Có những khi nó đi vào rừng tìm bò hoặc mang theo chiếc giỏ hai ngăn hái quả móc, khi về không thấy quả móc đâu, mà nó lại thì thầm nói:

- Mẹ ơi! Trong rừng có cái gì đó “chơi nhạc” nghe hay lắm. Ôi, ôi!

Người mẹ đáp lại:

- Để tao chơi nhạc cho mày nghe, để tao chơi cho mày nghe! Đừng sợ!

Đôi khi, người mẹ cũng cho nó một “trận nhạc” tới bời. Thằng bé kêu la, hứa rằng sẽ không như vậy nữa, song nó vẫn nghĩ là ở đó, trong khu rừng ấy có cái gì đã hát... Cái gì nhỉ? Giá mà nó biết được?...

Những cây thông, cây dẻ gai, rừng bạch dương, chim hoàng anh, tất cả mọi thứ đều hát: cả khu rừng hát, và thế đấy!

Tiếng vọng cũng vậy... Trên cánh đồng, cây ích mẫu hát cho nó nghe; ở trong vườn, dưới mái nhà, đàn sẻ hót vang riu rít đến nỗi hàng cây anh đào phải run lên bần bật! Tối tối, nó nghe tất cả các giọng nổi lên trong làng và chắc chắn nó nghĩ rằng cả làng đang hát. Khi người ta phái nó đi rắc phân ngoài đồng, thậm chí gió cũng hát trên cây cào gậy rơm cho nó nghe.

Có lần, người cai quản việc đồng áng nhìn thấy nó đứng với mái tóc tả tơi đang lắng nghe gió thổi trên cây cào gậy rơm bằng gỗ... Sau khi cởi chiếc roi da khỏi người, ông ta đã cho nó một bài học nhớ đời. Nhưng chuyện đó thì mang lại cái gì cơ chứ! Mọi người gọi nó là “Janko Người chơi nhạc”!... Mùa xuân, nó trốn khỏi nhà, thổi sáo dọc theo dòng suối. Đêm đêm, khi ếch nhái bắt đầu kêu ồm ộp, những con chim đa đa trên đồng cỏ gáy vang, những con vạc ăn sương sớm kêu lên inh ỏi, gà gáy trong chuồng, nó không thể nào ngủ được, lắng tai nghe và chỉ có Chúa mới biết trong các thứ tiếng ấy nó nghe được điệu nhạc nào... Người mẹ không thể dẫn nó vào nhà thờ, bởi vì đã có lần, khi tiếng đại phong cầm hay tiếng hát ngọt ngào vang lên là đôi mắt thẳng bé như có làn sương mù che khuất, giống như không nhìn từ thế giới này...

Ban đêm, người tuần canh đi tuần trong làng và để tránh cơn buồn ngủ, anh ta thường đếm các ngôi sao trên trời hoặc nói chuyện thì thầm với lũ chó. Nhiều lần anh ta đã nhìn thấy chiếc áo trắng của Janko đang luồn lách trong bóng tối đến gần quán ăn. Nhưng thằng bé không đi vào trong quán, nó chỉ đến đứng bên cạnh quán thôi. Tại đó, sau khi đứng núp dưới tường, nó lắng tai nghe. Mọi người nhảy theo điệu dân gian, đôi lúc một chàng trai nào đó hứng lên hét to: “U-ha!” Nghe thấy cả tiếng giày nện xuống sàn, rồi tiếng các cô gái: “Cái gì thế?”, tiếng người chơi vĩ cầm hát lên khe khẽ: “Chúng ta sẽ cùng ăn, chúng ta sẽ cùng uống, các người sẽ cùng nhau vui vẻ”, còn người hát giọng trầm thì hát đệm một cách trịnh trọng: “Như Chúa trời ban cho! Như Chúa

trời ban cho!” Cửa sổ lóe sáng, và từng thanh dầm trong quán như run lên, cũng ca hát và cũng chơi nhạc, còn Janko thì lắng nghe!...

Không biết nó sẽ trả cái gì, nếu như nó có được cây vĩ cầm biết chơi khe khẽ bài hát “Chúng ta sẽ cùng ăn, chúng ta sẽ cùng uống, các người sẽ cùng nhau vui vẻ” nhỉ? Ôi, những tấm ván nhỏ biết hát. Trời ơi! Nhưng biết có được chúng từ đâu cơ chứ? Ở đâu người ta làm những thứ đó? Giá như người ta cho phép nó được một lần cầm lên tay loại ấy nhỉ!... Làm gì có chuyện đó! Nó chỉ được nghe, và vì thế nó thường đứng nghe cho đến khi giọng nói của người tuần canh không còn vang lên phía sau nó trong bóng đêm:

- Mày không về nhà đi, đứng đấy mà sâu nào à?

Lúc ấy, nó mới vội vã chạy chân không về nhà. Đằng sau nó, giọng vĩ cầm vẫn vang lên trong đêm tối: “Chúng ta sẽ cùng ăn, chúng ta sẽ cùng uống, các người sẽ cùng nhau vui vẻ” và giọng trầm lại trịnh trọng: “Như Chúa trời ban cho! Như Chúa trời ban cho!”

Chỉ cần được nghe tiếng vĩ cầm giữa buổi chợ phiên hay ở đám cưới nào đó, thì đối với nó, đó đã là ngày lễ lớn. Từ đó, nó chui vào sau bếp lò và suốt ngày không nói không rằng, chỉ ngước lên nhìn như con mèo bằng ánh mắt rục rịch sáng trong bóng đêm. Nó tự làm ra những chiếc vĩ cầm từ cây gỗ lợp nhà và lông đuôi ngựa, song những cây đàn ấy không chơi hay như những cây đàn trong quán ăn kia: chúng chỉ kêu vo ve khe khẽ, rất khẽ, giống tiếng con ruồi hay tiếng muỗi thôi. Thế nhưng nó chơi trên những cây đàn ấy suốt từ sáng cho đến tối, mặc dù vì thế tay nó bị đâm nhiều đến nỗi trông như quả táo xanh bị thâm tím. Tuy nhiên, đó là tính cách tự nhiên của nó. Thằng bé ngày càng gầy yếu, chỉ có bụng nó là luôn to, tóc tai rậm rạp và đôi mắt mở rộng ra, thường tràn trề nước mắt, còn má và ngực càng lúc càng trề xuống thật sâu, thật sâu...

Nó hoàn toàn không giống những đứa trẻ khác, trông nó có lẽ giống cây vĩ cầm của nó làm từ thanh gỗ lợp nhà, chỉ kêu được những tiếng

vo ve nho nhỏ. Trước ngày thu hoạch vụ mùa, nó thường bị đói, vì chỉ sống bằng cà rốt tươi và cả bằng ý nguyện có được cây vĩ cầm nữa.

Nhưng ý nguyện đó không mang lại điều tốt lành cho nó.

Một người hầu trong lâu đài có cây vĩ cầm và thỉnh thoảng chơi vào lúc nhá nhem tối để tán tỉnh cô hầu gái. Janko thường bò giữa những hàng ngừ bàng đến tận sát cánh cửa hé mở của chiếc chạn đựng thức ăn để ngắm nhìn cây đàn. Đúng là cây đàn đang được treo trên bức tường đối diện cửa ra vào. Thằng bé hướng toàn bộ tâm hồn đến với cây đàn qua đôi mắt của mình, vì nó nghĩ rằng đó là một cái gì đó linh thiêng mà nó không thể với tới được, không dám động chạm đến, đó là một cái gì đó đáng yêu nhất trên đời. Nhưng nó lại thèm muốn cái đó. Nó muốn được nâng cái đó trên tay dù chỉ một lần, ít nhất là được nhìn ngắm cái đó gần hơn... Trái tim khốn khổ nhỏ nhoi của cậu bé run lên vì hạnh phúc trước ý nghĩ đó.

Một đêm, không có ai trong gian nhà bếp. Ông bà chủ đã ra nước ngoài một thời gian dài. Căn nhà trống vắng, người hầu ngồi ở phía bên kia chỗ cô hầu phòng. Đã từ lâu, Janko nấp trong hàng ngừ bàng nhìn qua cánh cửa rộng mở vào mục tiêu của mọi niềm mong đợi của mình, vầng trăng tròn vành vạnh trên bầu trời và ánh trăng chiếu xiên qua cửa sổ đến ngăn chạn thức ăn, ánh lên bức tường đối diện một mảng hình vuông màu sáng rất lớn. Hình vuông ấy từ từ tiến đến cây vĩ cầm và cuối cùng chiếu sáng toàn bộ cây đàn ấy. Lúc bấy giờ, từ trong bóng tối có cảm tưởng như bật ra tia sáng bạc, đặc biệt chỗ lõi lên của cây đàn được chiếu sáng mạnh đến mức Janko chỉ nhìn vào đã thấy chói mắt. Trong ánh sáng ấy, mọi thứ đều hiện ra thật tuyệt vời: mặt hộp, dây và cổ đàn uốn cong. Các mẫu đàn phát sáng như những con đom đóm, còn chiếc vĩ treo bên cạnh có hình một thanh bạc...

Ồi! Mọi thứ đều tuyệt vời và gần như có bùa phép; Janko nhìn càng lúc càng thêm tham lam. Nép sát mình vào cây ngừ bàng, khuỷu tay tựa lên đầu gối gầy gò, miệng há hốc, nó cứ nhìn và nhìn. Sự sợ hãi đã ghì giữ nó lại một chỗ, còn thứ ước muốn không thể nào cưỡng lại được lại đẩy nó lên phía trước. Hay là phép phù thủy, hay là cái gì?...

Trong ánh sáng, cây vĩ cầm dường như tiến đến gần hơn, cứ như bơi đến phía thẳng bé... Trong giây lát, nó tắt đi để rồi lại phát sáng lung linh hơn. Phép phù thủy, rõ ràng là phép phù thủy! Gió vẫn thổi, cây cối bật lên tiếng ồn ào nhẹ nhàng, hàng ngừ bàng rung động, còn Janko như nghe thấy rõ ràng:

- Đi lên đi, Janko ơi! Trong bếp ăn không có ai... Đi lên đi, Janko ơi!...

Đêm trăng sáng vắng vặc. Trong vườn của lâu đài, trên bờ ao, chim họa mi bắt đầu cất tiếng hót và nó huýt lên khe khẽ rồi to dần: “Đi lên đi! Đi ngay đi! Cầm lấy đi!” Chim cú muỗi bay nhẹ nhàng qua đầu thẳng bé và kêu lên: “Janko ơi! Đứng! Đứng!” Chim cú bay đi, còn họa mi ở lại và những cây ngừ bàng càng lúc càng lẫm lẫm rõ hơn: “Ở đó không có ai đâu!” Cây vĩ cầm lại sáng bừng lên...

Thằng bé khốn khổ, nhỏ nhắn, cúi gằm người xuống, chậm rãi và thận trọng trườn lên phía trước, trong khi chim họa mi khe khẽ huýt sáo: “Đi đi! Đi lên đi! Cầm lấy đi!”

Chiếc áo sơ mi trắng lấp ló ngày càng gần cửa bếp hơn. Những cây ngừ bàng đen không còn che chắn nó nữa. Ở ngưỡng cửa nghe thấy tiếng thở gấp gấp phát ra từ bộ ngực ốm yếu của thằng bé. Giây phút nữa thôi, chiếc áo trắng đã mất hút và chỉ còn một cẳng chân trần trụi thò ra phía sau ngưỡng cửa. Con chim cú muỗi bay đến gần nữa và kêu: “Đừng, đừng!” nhưng vô ích mất rồi. Janko đã ở trong bếp.

Những con ếch chọt kêu lên ầm ĩ ở trong ao vườn, cứ như chúng hoảng sợ, rồi liền im bật. Họa mi thôi không huýt sáo, những cây ngừ bàng run lên xào xạc. Janko đã bò vào nhẹ nhàng và thận trọng, nhưng ngay sau đó, nỗi sợ hãi chế ngự toàn thân nó. Ở chỗ cây ngừ bàng, nó cảm thấy như ở nhà mình, giống như loài dã thú trốn trong bụi rậm, còn giờ đây giống như con thú đã lọt vào trong bẫy. Cử động của nó trở nên đột ngột, nhịp thở ngắn và rít lên, hơn nữa màn đêm đen thui bao phủ toàn thân nó. Ánh chớp mùa hè nhẹ nhàng lóe lên, sau khi bay từ đông sang tây, một lần nữa chiếu sáng bên trong gian bếp và thằng bé Janko

đang bò lồm cồm phía trước cây vĩ cầm với cái đầu hếch lên trên cao. Rồi ánh chớp tắt lịm, đám mây che khuất mặt trăng và không còn nhìn cũng như nghe thấy cái gì cả.

Giây lát sau, từ trong bóng tối bật ra tiếng động nho nhỏ và nước nở, như ai đó bất cẩn chạm tay vào dây đàn - và bỗng nhiên...

Một giọng buồn ngủ, ồm ồm từ phía góc bếp vang ra giận dữ lên tiếng hỏi:

- Ai đấy?

Janko nén hơi thở trong lồng ngực, song giọng ồm ồm lại lặp lại:

- Ai đấy?

Que diêm lập lòe dọc theo tường, mọi thứ trông rõ ra, còn sau đó... Ôi! Chúa ơi! Nghe thấy tiếng chửi rủa, đánh đập, tiếng khóc của đứa trẻ, tiếng hô hoán: “Ôi! Lạy Chúa!”, tiếng chó sủa, thấy ánh sáng chạy theo các ô cửa kính, tiếng động trong toàn lâu đài...

Ngày hôm sau, Janko khốn khổ đã đứng trước phiên tòa ở chỗ trưởng thôn.

Người ta phải xử nó như một tên ăn trộm chứ sao nữa?... Chắc chắn rồi. Trưởng thôn và các bồi thẩm viên nhìn vào nó khi nó đứng trước mặt họ với ngón tay đút trong miệng, hai mắt trợn lên đầy sợ hãi, trông nó nhỏ thó, gầy còm, bẩn thỉu, quăng quật, không biết đang đứng ở đâu và người ta muốn gì ở nó. Làm sao mà xử một kẻ khốn khổ mới có mười tuổi và chỉ vừa đứng nổi trên đôi chân như vậy? Đưa nó vào nhà tù hay sao?... Cũng cần có tí chút lòng nhân hậu với trẻ thơ chứ. Hãy để cho tuần canh giữ nó, cho nó một trận để lần sau không ăn trộm nữa và mọi chuyện chỉ có vậy.

- Chắc chắn là thế rồi!

Người ta gọi Stach tuần canh lại:

- Hãy bắt và cho nó một trận nhớ đời.

Stach gật gật cái đầu vẻ ngu ngốc và thú vật của mình, cặp Janko dưới nách giống như cặp một con mèo con đến một nhà kho nhỏ. Đứa bé, không biết có hiểu chuyện gì sẽ xảy ra hay không, hoặc vì sợ hãi,

chỉ biết rằng nó không nói lời nào, chỉ nhìn giống như cái nhìn của con chim. Có thể nó biết người ta sẽ làm gì với nó cũng nên! Mỗi đến khi Stach dùng bàn tay nắm lấy nó trong nhà kho, bắt nắm ra nền đất và sau khi lột áo sơ mi, phẩy tay từ phía sau tai, lúc bấy giờ Janko mới hét lên:

- Mẹ ơi! - Và cứ mỗi lần roi quật xuống là một lần nó - Mẹ ơi! Mẹ ơi! - Nhưng càng lúc càng kêu nhỏ dần, yếu dần. Cuối cùng, sau lần thứ bao nhiêu đó thẳng bé im bật và không lên tiếng gọi mẹ nữa...

Cây vĩ cầm khốn khổ, cạm bẫy!...

- Ôi, đồ ngu ngốc, lão Stach thật tồi tệ! Ai lại đi đánh trẻ con như vậy? Nó bé tí tẹo, yếu ớt và lúc nào cũng chỉ sống thoi thóp.

Người mẹ đi đến, nhận đứa trẻ, mang nó về nhà... Ngày hôm sau, Janko không dậy được, buổi tối ngày tiếp theo nó đã nằm hấp hối trên chiếc tràng kỉ dưới tấm thảm vải thô.

Chim én hót líu lo trong bụi anh đào mọc ở sát nhà; tia nắng mặt trời luôn qua cửa kính hắt tia sáng vàng chói lọi lên đầu đứa bé và lên cả khuôn mặt không còn vết máu nào. Tia mặt trời nọ giống như con đường làng mà theo đó tâm hồn cậu bé sẽ ra đi. Cũng còn may là dầu rằng vào giờ phút cuối cùng trước khi chết, tâm hồn đó đã được ra đi trên con đường rộng rãi, đầy nắng, vì lúc còn sống, nó toàn phải đi trên con đường hầu như chỉ toàn chông gai. Trong lúc này, bộ ngực gầy gò vẫn thoi thóp thở, còn khuôn mặt thẳng bé như đang chăm chú lắng nghe những tiếng động của làng quê, thứ âm thanh lọt vào qua cửa sổ rộng mở. Đó là buổi tối, các cô gái cắt cỏ trên đường trở về hát vang khúc hát: “Ôi, trên dòng suối nhỏ trong xanh!”, còn từ bờ suối vọng đến tiếng sáo. Janko lắng nghe lần cuối cùng xem làng quê hát như thế nào... Trên tấm thảm bên cạnh nó, chiếc vĩ cầm làm từ thanh gỗ lợp nhà của nó vẫn nằm nguyên.

Bỗng nhiên, khuôn mặt đứa trẻ sắp chết sáng lên, còn từ đôi môi trắng nhợt bật ra tiếng thì thầm:

- Mẹ đấy ư?...

- Cái gì hả con trai? - Người mẹ lên tiếng, ngập tràn trong nước mắt...

- Mẹ ơi, ở trên trời Chúa sẽ cho con chiếc vĩ cầm thật sự mẹ nhỉ?

- Chúa sẽ cho con, con trai ạ, sẽ cho con! - Người mẹ đáp, nhưng không thể nói thêm được nữa, bởi từ bộ ngực răn đanh của bà, một nỗi tiếc thương trào dâng cứ bùng lên. Sau khi nấc lên: “Ôi Jesus! Jesus!”, bà liền đập mặt vào chiếc hòm gỗ và bắt đầu rống lên như kẻ mất trí hoặc như một người nhìn thấy rằng người yêu thương của mình không thoát được cái chết...

Có lẽ bà không rời khỏi nó được, vì sau khi đứng dậy, bà lại nhìn vào đứa bé. Đúng là đôi mắt đứa bé chơi nhạc vẫn mở to, nhưng đã không còn động đậy, khuôn mặt trông rất trầm tư, tối tăm và băng giá. Tia sáng mặt trời cũng đã rời đi...

Janko ơi, hãy ngủ bình yên!

...

Ngày hôm sau, ông bà chủ từ Ý trở về tòa lâu đài cùng với cô con gái và một chàng trai đang tán tỉnh cô. Chàng trai nói:

- *Que beau pays que l'Italie!*^{*}

- Và dân tộc của những nghệ sĩ mới tuyệt vời làm sao! *On est heureux de chercher là-bas des talents et de les protéger...*^{*} - Cô gái bổ sung.

Trên năm mộ của Janko, những cây bạch dương ào ào lay động...

TÙ TRƯỞNG

Tại thành phố Antylopa, tọa lạc trên con sông cũng có tên gọi giống như vậy thuộc bang Texas, mọi người ai cũng vội vã đến xem buổi biểu diễn xiếc. Sự quan tâm của dân chúng quả là lớn lao, bởi vì từ khi thành lập thành phố tới giờ, đây là lần đầu tiên đoàn xiếc bao gồm các vũ nữ, người hát rong và người đi trên dây đến với địa phương. Thành phố mới được xây dựng. Mười lăm năm trước, ở đây không có một ngôi nhà nào, thậm chí cả vùng lân cận cũng không hề có người da trắng nào. Ngược lại ở ngã ba sông, trên chính vị trí mà Antylopa tọa lạc, đã nổi lên trại ấp của người da đỏ gọi là Chiavatta. Đó là thủ phủ của Những Con Rắn Đen, những kẻ một thời từng làm cho bọn Đức sống ở vùng biên giới như người Berlin, Grundenau và Harmonia nếm đòn đau đến nỗi những người lập trang trại tại đó không thể chịu đựng được thêm nữa. Người da đỏ thực ra chỉ bảo vệ “lãnh thổ” của mình, vùng đất mà chính phủ bang Texas đã thừa nhận vĩnh viễn dành cho họ bằng những hiệp ước hết sức long trọng; nhưng điều đó thì có nghĩa lí gì đối với những kẻ thực dân đến từ Berlin, Grundenau hay Harmonia? Một điều chắc chắn là họ đã tước đi của bọn Rắn Đen đất đai, nước uống và không khí, ngược lại, họ mang đến nền văn minh; còn những người da đỏ thì biểu lộ lòng biết ơn theo cách riêng của mình, tức là chọc dao mổ vào đầu họ. Tình trạng đó không thể tiếp tục diễn ra. Vì vậy, trong một đêm trăng, những kẻ lập trang trại ở Berlin, Grundenau và Harmonia đã tập hợp số lượng bốn trăm người và sau khi kêu gọi sự trợ giúp của những người Mehico ở La Ora, đã tấn công vào Chiavatta đang say ngủ. Việc làm tốt đẹp này đã thắng lợi hoàn toàn. Chiavatta bị đốt trụi, dân chúng bất kể tuổi tác và giới tính đều bị chém ngang thân. Chỉ một vài nhóm nhỏ chiến binh lúc đó đi bắt cá là thoát chết. Trong thành phố không còn ai sống sót, chủ yếu là vì thành phố nằm trên ngã ba sông, mà như thường lệ vào mùa xuân, con sông đổ nước tràn ra bao

bọc trại ấp bằng một vùng ngập lụt không thể vượt qua. Nhưng cũng chính vị thế ngã ba sông đã làm cho người da đỏ bị thất bại lại làm cho người Đức thích thú. Từ ngã ba sông khó có thể tháo chạy, nhưng lại dễ dàng bảo vệ. Nhờ ý nghĩ này, ngay sau đó từ Berlin, Grundenau và Harmonia đã bắt đầu cuộc di dân đến ngã ba sông. Trong chớp mắt, trên vị trí của Chiavatta hoang dã, một Antylopa văn minh đã ra đời. Trong vòng năm năm, vùng đó đã có hai nghìn cư dân.

Năm thứ sáu, người ta tìm thấy ở phía bên kia ngã ba sông một mỏ bạc lớn và việc khai thác nó đã làm tăng gấp đôi số lượng cư dân của vùng này. Năm thứ bảy, trên cơ sở “đạo luật công chúng xử tại chỗ”, tại quảng trường thành phố, người ta đã treo cổ mười chín chiến binh cuối cùng của thế hệ Những Con Rắn Đen bị bắt ở khu rừng “Người chết” cạnh đó - và cho đến nay, không có gì đứng ra cản trở sự phát triển của Antylopa. Thành phố xuất bản hai tờ Tagblat* và một tờ Montagsrevue*. Đường sắt nối thành phố này với Rio del Norte và San Antonio; tại Opuncia-Gasse mọc lên ba trường học, trong đó có một trường đại học. Trên quảng trường, nơi treo cổ Những Con Rắn Đen cuối cùng, người ta cho ra đời một cơ quan từ thiện. Mỗi Chủ nhật, các mục sư trong nhà thờ đều dạy tình thương yêu đồng loại, sự tôn trọng tài sản của người khác và những đức tính khác cần cho xã hội văn minh. Thậm chí có lần, một diễn giả từ nơi khác đến còn giảng về quyền của các dân tộc tại giáo đường Capitol.

Những cư dân giàu có hơn nói bóng gió về sự cần thiết phải thành lập trường đại học tổng hợp, mà để làm việc đó thì chính phủ bang phải đầu tư vào. Dân cư thành phố sống rất tốt. Việc buôn bán bạc mới khai thác, cam, lúa đại mạch và rượu vang mang lại cho họ lợi nhuận cực lớn. Họ là những người lương thiện, tuân thủ pháp luật, chăm chỉ cần cù, sống theo phương pháp và béo tốt. Ai về sau đến thăm thành phố Antylopa mười mấy vạn dân, nhìn những thương gia địa phương giàu có, đều không thể nhận ra những chiến binh dữ tợn, những kẻ mà mười lăm năm trước đây đã từng thiêu trụi Chiavatta. Hằng ngày, họ đi đến

các cửa hàng, nhà xưởng, văn phòng; tối tối, họ tiêu khiển ở quán bia “Dưới Mặt Trời Vàng” tại phố Rắn Hồ Mang. Khi nghe những giọng nói có phần chậm rãi và phát ra từ cuống họng, những tiếng thét gào: “*Mahlzeit! Mahlzeit!*”^{*}, những giọng lạnh lùng: “*Nun ja wissen Sie, Herr Muller, is das aber möglich?*”^{*}, những tiếng chạm cốc, tiếng của bia, tiếng xèo xèo của bọt bia đổ trên sàn nhà, khi nhìn thấy sự bình yên, sự chậm rãi, khi nhìn lên những khuôn mặt trưởng giả phì nộn, những đôi mắt như mắt cá, có thể tưởng tượng rằng mình đang có mặt ở một quán bia ở Berlin hoặc Munich, chứ không phải ở Chiavatta hoang tàn. Nhưng ở thành phố này, mọi thứ đều *ganz gemutlich*^{*} và không ai còn nghĩ về sự đổ nát nữa. Tối hôm đó, cư dân đều vội vã đi xem xiếc, một là vì, sau ngày làm việc nặng nhọc thì giải trí là việc vừa hợp lẽ vừa thú vị, hai là, cư dân rất tự hào về việc đoàn xiếc đến thành phố. Ai cũng biết rằng không phải bất kì thành phố nghèo nàn nào cũng được các đoàn xiếc ghé thăm, vì vậy việc toán diễn viên Hon. M. Dean đến đây biểu diễn trong chừng mực nào đó đã khẳng định độ lớn và ý nghĩa của Antylopa. Còn lí do thứ ba, và có lẽ là nguyên nhân quan trọng nhất, đó là sự tò mò của toàn thể mọi người.

Đây, tiết mục thứ hai của chương trình gồm có: “Đi dạo trên dây căng ở độ cao mười lăm bộ so với mặt đất (có dàn nhạc đệm) do nhà điền kinh nổi tiếng Điều Hầu Đỏ, tù trưởng (thủ lĩnh) của Những Con Rắn Đen, dòng dõi cuối cùng của các nhà vua và là người cuối cùng của thế hệ thực hiện: 1. Đi dạo. 2. Những bước nhảy của Antylopa. 3. Điệu nhảy và bài hát của cái chết.” Nếu như nói ở nơi nào “tù trưởng” này có thể gây nên mối quan tâm cao nhất, thì đó chính là Antylopa. Ở quán “Dưới Mặt Trời Vàng”, Hon. M. Dean có kể lại rằng mười lăm năm trước, khi đi ngang qua đây để đến Santo Fe, ông ta đã tìm thấy một người da đỏ già nua sắp chết cùng với cậu bé mười tuổi ở Planos de Tornado. Lão già thật ra là đã chết vì những vết thương và kiệt sức, song trước khi chết, lão đã nói lại rằng cậu bé chính là con trai của “tù trưởng” Những Con Rắn Đen bị giết chết và là người kế vị ông ta.

Đoàn xiếc đã thu nhận đứa bé mồ côi, cùng với thời gian, nó trở thành người nhào lộn số một của đoàn. Hơn nữa, mãi khi đến quán “Dưới Mặt trời vàng”, Hon. M. Dean mới biết rằng Antylopa trước đây chính là Chiavatta - và người đi trên dây nổi tiếng sẽ khoe tài ngay trên mồ mả của tổ tiên. Tin đó đã đưa giám đốc vào tình trạng hứng khởi tuyệt vời, bây giờ ông có thể trông đợi vào một *great attraction**, chỉ cần biết cách khai thác hiệu quả. cần hiểu rằng, những kẻ trường giả của Antylopa sẽ chen chúc nhau đến xem xiếc, để cho những người vợ và con nhập cư từ nước Đức, những kẻ chưa một lần trong đời nhìn thấy người da đỏ, được trông thấy người cuối cùng của Những Con Rắn Đen và nói: “Hãy nhìn đi, đây là những kẻ mà mười lăm năm trước chúng tôi đã chém ngang thân”. “Ach, ngài Jeh!” - được nghe tiếng hét khâm phục như vậy từ miệng một anh chàng Almalchen hoặc một chú bé Fryc thì thật sướng tai. Vì vậy ở toàn thành phố, người ta nhắc đi nhắc lại mãi không ngừng: “tù trường, tù trường!”

Trẻ em ngay từ sáng sớm đã nhìn qua khe hở của ván che, với nét mặt vừa tò mò vừa sợ sệt, còn bọn choai choai thì sôi nổi hẳn lên do tinh thần chiến đấu lớn hơn, khi từ trường học trở về bước đi dữ tợn, trong khi chính chúng cũng không biết tại sao mình lại làm như vậy. Tám giờ tối. Một đêm tuyệt diệu, mát mẻ, trời đầy sao. Gió từ ngoài thành phố thổi vào mang đến mùi của những cây cam, còn trong thành phố mùi đó hòa lẫn với mùi mật ngọt. Trong rạp xiếc rực lên ánh sáng màu hồng. Những ngọn đuốc tẩm nhựa thông đặt trước cổng chính cháy sáng và bốc khói. Gió nhẹ đung đưa làn khói màu tro và tia lửa chói lòa chiếu rọi vào những đường viền màu đen của các tòa nhà. Đây là chiếc lều gỗ mới dựng, quay tròn, mái nhọn và chiếc cờ đuôi nheo Mĩ trên đỉnh. Trước cổng, đám đông người không thể đi vào bên trong hoặc không có tiền mua vé đang đứng túm tụm, họ ngắm nghía những chiếc xe của đoàn xiếc, và chủ yếu là ngắm nhìn qua tấm màn che bằng vải dày của cánh cửa ra vào lớn, trên đó vẽ trận đánh của người da trắng với bọn da đỏ. Khi tấm màn che hở ra, có thể nhìn thấy ở bên

trong, tử đựng thức ăn được chiếu sáng với hàng trăm chiếc cốc vai thủy tinh đặt trên bàn. Nhưng giờ đây, người ta đang kéo kín tấm màn che lại và đám đông đang bước vào bên trong. Những lối đi trống ở giữa các hàng ghế dài bắt đầu rung lên bước chân người và ngay sau đó, một khối lượng đen thui di chuyển lấp đầy tất cả các lối đi từ trên xuống dưới. Trong rạp xiếc nhìn rõ như ban ngày, vì mặc dù không kịp đưa đường ống dẫn ga đến được chỗ đó, nhưng một chụp đèn vô cùng lớn, bao gồm mười lăm chiếc đèn được lắp vào đã cung cấp cho sân khấu và người xem tia sáng chói ngời. Trong ánh sáng đó có thể nhìn rõ những mái đầu nghiêng bìa phỉ nộn, ngửa về phía sau để những chiếc cằm bớt đau, nhìn rõ những khuôn mặt các cô gái trẻ và đẹp tuyệt vời, cặp môi thơ ngây biểu lộ nét ngạc nhiên, cặp mắt hầu như bật ra bên ngoài vì sự tò mò. Dù sao đi nữa, tất cả các khán giả đều có nét mặt tò mò, hài lòng và ngu ngốc, giống như vẻ thường thấy ở công chúng xem xiếc. Giữa âm thanh ồn ào của các cuộc nói chuyện bị những tiếng hét: *Frisch Wasser! Frisch Bier!*^{*} làm ngắt quãng, mọi người đều nóng lòng chờ đợi giây phút mở màn. Cuối cùng, tiếng chuông cũng vang lên, sáu người giữ ngựa đi giày phát ra ánh sáng và đứng thành hai hàng bên lối đi từ khán đài đến chuồng ngựa. Giữa hàng người đó, một con ngựa không dây cương, không yên hí to và lao qua, phía sau nó là đám mây vải mỏng, dải băng và vải tuyn bay theo. Đó là vũ nữ Lina. Màn trò vui mở đầu với tiếng nhạc. Lina đẹp đến mức khiến cô gái trẻ Mathilde, con gái chủ quán bia ở Opuncia-Gasse, lo lắng khi nhìn thấy cô, phải ghé sát tai chàng trai con ông chủ cửa hàng thực phẩm Floss cùng phố và hỏi nhỏ: “Anh còn yêu cô nữa hay không?” Trong khi đó, con ngựa phi nước đại và thở như đầu máy toa xe, roi da quất lia lịa, những chú hề chạy theo sau vũ nữ kêu lên ầm ĩ và tự đánh vào mặt mình, vũ nữ lao nhanh như tia chớp; những tràng pháo tay nổi lên liên tiếp. Sao lại có màn trình diễn tuyệt vời đến như vậy!

Tiết mục số 1 nhanh chóng trôi qua. Tiết mục số 2 bắt đầu. Câu hét: “Tù trưởng! Tù trưởng!” vang lên hết miệng người này đến miệng

người kia trong đám khán giả. Không ai còn chú ý đến những chú hề vẫn đang tự đánh vào mặt mình nữa. Giữa những động tác giống như loài khỉ của các chú hề, bọn người giữ ngựa mang vào những chiếc ghế nhào lộn bằng gỗ cao mười mấy bộ và đặt ở hai bên sân khấu. Nhạc thôi không chơi bài *Yankee Doodle* nữa, mà chơi bài hát đơn ca buồn của thuyền trưởng trong *Don Juan*, người ta kéo căng dây giữa các ghế nhào lộn. Bỗng nhiên, luồng ánh sáng pháo hoa đỏ chảy tràn xuống lối vào và dội khắp toàn sân khấu ánh hồng rực rỡ. Trong luồng ánh sáng đó xuất hiện tù trưởng đáng sợ, người cuối cùng của Những Con Rắn Đen. Nhưng chuyện gì thế này?... Bước vào không phải là tù trưởng, mà chính là giám đốc đoàn xiếc, Hon. M. Dean. Ông cúi chào công chúng và lên tiếng. Ông hân hạnh được đề nghị “các quan khách độ lượng và đáng kính cùng các quý bà xinh đẹp và không kém phần đáng kính giữ thái độ hết sức bình tĩnh, xin không vỗ tay hoan hô và tuyệt đối giữ im lặng, bởi vì tù trưởng đang vô cùng nổi nóng và còn hoang dại hơn ngày thường”. Những lời nói đó gây ấn tượng không nhỏ - và sự thể thật lạ lùng, chính những công dân danh dự của Antylopa, những kẻ mười lăm năm trước đây đã chém ngang Chiavatta, giờ đây lại cảm thấy một cái gì đó vô cùng khó chịu. Mới giây phút trước, khi vũ nữ xinh đẹp Lina thực hiện những điệu nhảy trên ngựa của mình, họ thích thú đến mức ngồi gần sát bệ cửa sổ, để có thể dễ dàng nhìn thấy mọi thứ, còn giờ đây, họ ngược mắt lên khu vực phía trên rạp với lòng mong đợi nhất định và ngược với quy luật vật lí, họ thấy rằng càng ở dưới thấp càng ngọt ngào.

Liệu gã tù trưởng này có còn nhớ hay không? Rõ ràng là ngay từ những năm còn nhỏ, hắn đã được dạy dỗ trong đoàn xiếc Hon. M. Dean, bao gồm hầu hết là người Đức. Lẽ nào hắn còn chưa quên hết? Chuyện đó có lẽ không thể xảy ra. Môi trường xung quanh và mười lăm năm trong nghề xiếc, biểu diễn nghệ thuật, nhận được những tràng pháo tay phải mang lại ảnh hưởng chứ.

Chiavatta, Chiavatta! Còn bản thân họ, những người Đức kia, cũng không sống trên mảnh đất của mình, họ đang ở cách xa tổ quốc và

không nghĩ về nó nhiều hơn điều mà việc làm ăn cho phép. Điều trước tiên cần làm là ăn và uống. Bất kì kẻ trưởng giả nào cũng phải nhớ năm lòng sự thật này, kể cả người cuối cùng của Những Con Rắn Đen cũng vậy.

Những ý nghĩ đó bỗng nhiên bị một tiếng rít hoang dã vang lên từ chuồng ngựa làm ngắt quãng - và trên sân khấu xuất hiện vị tù trưởng được nóng lòng chờ đợi. Trong rạp xiếc nghe rõ tiếng thềm thì ngấn của đám đông: “Hắn đấy! Hắn đấy!” - và sau đó im lặng. Chỉ có tiếng pháo hoa mà người ta đang thả bên lối ra vào kêu xì xì. Mọi ánh mắt đều hướng vào vị thủ lĩnh, người giờ đây phải biểu diễn xiếc trên mào tổ tiên. Gã da đỏ đáng được người ta nhìn vào. Có cảm giác hãnh tự hào như một ông vua. Áo choàng may bằng lông chồn trắng - biểu tượng của thủ lĩnh - phủ kín thân hình cao lớn và dị dạng đến mức khiến người ta liên tưởng đến con báo gấm chưa được thuần dưỡng. Khuôn mặt như đúc từ đồng, giống đầu chim đại bàng, còn trên khuôn mặt đó lại rực sáng ánh mắt thực sự lạnh lùng của người da đỏ, bình thản, gần như dừng đứng - và thù hận. Bằng đôi mắt ấy, hắn nhìn khắp đám đông, cứ như muốn tìm chọn cho mình vật hi sinh. Hắn được trang bị từ đầu tới chân. Trên đầu hắn phát phơ chùm lông chim, sau dải dây lưng giắt chiếc rìu và con dao mổ, còn trong tay hắn, thay cho chiếc nỏ là sợi thừng dài dùng để giữ thăng bằng khi đi trên dây. Sau khi dừng lại ở giữa sân khấu, đột nhiên hắn thét lên một tiếng hô xung trận. *Herr Gott**! Đó là tiếng hét của Những Con Rắn Đen. Những kẻ đã chặn ngang Chiavatta đều nhớ rõ tiếng hú kinh hoàng đó - và điều đáng ngạc nhiên hơn là chính những người cách đây mười lăm năm không hề chùn bước trước hàng nghìn lính chiến hò hét như vậy giờ đây lại toát mồ hôi trước một người. Nhưng kìa, ông giám đốc đang tiến gần đến thủ lĩnh và nói với hắn, như thể muốn xoa dịu và làm hắn bình tĩnh lại. Con thú hoang đã đã kiềm chế lại - lời nói có tác dụng, vì sau giây lát, tù trưởng bắt đầu đưa tay trên dây. Nhìn chăm chăm vào chùm đèn dầu hỏa, hắn bước về phía trước. Sợi dây cong lại dữ dội, đôi lúc hoàn toàn không nhìn thấy nó, và gã da đỏ như treo lơ lửng trên không trung.

Hắn như đang leo lên cao, vẫn tiến lên phía trước, lùi lại và tiếp tục đi lên, vừa đi vừa giữ thăng bằng. Hai tay đang dang ra của hắn phủ áo choàng trông giống như đôi cánh chim khổng lồ. Hắn chao đảo!... Hắn ngã mất! - Không! Những tràng pháo tay ngắn, ngắt quãng nổi lên như cơn lốc và im lặng. Khuôn mặt thủ lĩnh càng lúc càng trở nên dữ tợn. Trong con mắt nhìn chăm chăm vào ngọn đèn dầu hỏa của hắn phát ra một tia sáng kinh hoàng. Trong rạp xiếc xuất hiện nỗi bất an, nhưng không ai phá vỡ sự im lặng. Tù trưởng đã tiến gần tới cuối sợi dây - dừng lại - và bỗng nhiên từ miệng hắn vang lên một bài hát chiến tranh.

Chuyện đặc biệt! Thủ lĩnh hát bằng tiếng Đức. Nhưng điều đó cũng dễ hiểu. Chắc hắn đã quên tiếng của Những Con Rắn Đen. Dù sao thì cũng không ai chú ý đến điều đó. Mọi người đều lắng nghe, tiếng hát mỗi lúc một to và mạnh hơn. Đó là nửa bài hát, nửa tiếng gọi nào đó vô cùng thảm thương, hoang dã và khô khốc, đầy tính dã thú.

Hãy nghe những lời sau:

Sau những cơn mưa lớn, mỗi năm có năm trăm chiến binh ra đi từ Chiavatta trên các con đường mòn của chiến tranh hoặc đi vào đợt săn bắt lớn mùa xuân. Khi họ trở về từ chiến tranh, những con dao mổ của họ sáng ngời lấp lánh; khi họ trở về từ các cuộc đánh bắt, họ mang về thịt và da trâu, còn những người vợ vui mừng chào đón họ và nhảy múa từng bừng trước Linh Hồn Vĩ Đại.

Chiavatta thật hạnh phúc! Đám đàn bà làm việc ở những chiếc chòi làm bằng da thú, trẻ em lớn lên thành những cô gái đẹp và các chiến binh dũng cảm. Những chiến binh chết trên chiến trường và leo lên những ngọn núi bạc đi săn bắt với tinh thần của cha ông. Những chiếc rìu của họ không bao giờ dính máu đàn bà và con trẻ, vì những chiến binh Chiavatta là những người chồng cao thượng. Chiavatta rất hùng cường. Cho đến lúc những khuôn mặt da trắng từ bên kia đại dương xa tím kéo đến và quăng lửa vào Chiavatta. Những chiến binh da trắng không khuất phục được Những Con Rắn Đen trong trận đánh, song

giữa đêm họ lên vào giống như những con chó sói và dao của họ đã đâm vào giữa ngực những người chồng, người vợ và trẻ con đang ngủ.

Và thế là không còn Chiavatta nữa, trên vị trí ấy, bọn da trắng đã dựng lên những ngôi nhà bằng đá của mình. Thế hệ người da đỏ bị giết hại và Chiavatta bị tàn phá đang lên tiếng kêu gọi trả thù.”

Giọng nói của thủ lĩnh trở nên khàn khàn. Giờ đây, khi treo mình trên sợi dây này, trông hẳn giống như thiên thần thù hận đỏ thắm đang bay lơ lửng trên đầu đám đông. Chính giám đốc rõ ràng cũng đang tỏ ra bối rối. Trong rạp xiếc ngự trị tình trạng câm lặng chết người. Thủ lĩnh tiếp tục hét:

“Trong toàn thế hệ chỉ còn lại một đứa trẻ sống sót. Nó nhỏ bé và yếu ớt, nhưng nó đã thề với Thần Đất là sẽ trả thù. Rằng nó sẽ được nhìn xác bọn đàn ông, đàn bà, trẻ con da trắng - các đám cháy và máu!...”

Những lời nói cuối cùng biến thành tiếng rống căm hờn. Khắp rạp xiếc bắt đầu nổi lên tiếng thì thào giống như tiếng gió bất chợt của cơn giông. Hàng nghìn câu hỏi không có câu trả lời thi nhau trỗi dậy trong đầu mọi người. Con hổ điên khùng này sẽ làm gì? Hẳn tuyên bố cái gì? Hẳn trả thù như thế nào? Hẳn ư? Một mình hẳn? Nán lại đây hay bỏ chạy? Liệu có nên tự vệ hay không? Và tự vệ thế nào? - *Was ist das?* *Was ist das?** - Những giọng nói sợ hãi của đám đàn bà vang lên.

Bỗng nhiên, tiếng hét thú vật từ ngực thủ lĩnh bị ngắt quãng, hẳn lưng lay mạnh, nhảy xuống chiếc ghế gỗ đặt cạnh chùm đèn và nâng cái sào lên. Một ý nghĩ khủng khiếp bay nhanh như tia chớp trên đầu: hẳn sẽ đập vỡ cái giá đèn và làm rạp xiếc ngập tràn dầu hỏa đang cháy. Một tiếng hét to vang lên bật ra từ ngực người xem. Nhưng cái gì nữa đây? Từ sân khấu vang lên tiếng hô: “Đứng lại! Đứng lại!...” Không thấy thủ lĩnh! Hẳn đã nhảy ra, mất hút trên lối ra vào. Hẳn không đốt rạp đấy chứ? Hẳn đang ở chỗ nào? Đây rồi, hẳn lại đi ra, hẳn lại đi ra, thờ không ra hơi, mệt mỏi, khủng khiếp. Trong tay ôm một chiếc đĩa sắt tây

và vừa chìa nó ra phía người xem vừa nói bằng giọng cầu xin: *Was gefällig für den letzten der Schwarzen Schlangen!** ... Tảng đá từ ngực khán giả rơi xuống đất. Vậy là mọi thứ đều có trong chương trình, vậy đây là ngón nghề của ông giám đốc ư? Hiệu quả? Những đồng nửa đô la và một đô la rơi xuống tới tấp. Ai lại nỡ từ chối người cuối cùng của Những Con Rắn Đen chứ - ở tại chính Antylopa này, trên nền đổ vỡ của Chiavatta? Mọi người đều có trái tim.

Sau buổi diễn, tù trưởng uống bia và ăn bánh bột nhân thịt ở quán “Dưới Mặt Trời Vàng”. Môi trường xung quanh rõ ràng đã gây ảnh hưởng. Hẳn trở nên nổi tiếng ở Antylopa, đặc biệt đối với đám phụ nữ. Người ta thậm chí còn đưa chuyện đơm đặt...

HỒI ỨC TỪ MARIPOZA

Tôi đến Mariposa trong thời gian rất ngắn, giống như chỉ lướt qua và cũng chỉ thăm thú qua loa vùng lân cận. Nhưng có lẽ tôi sẽ dừng lại lâu hơn ở thành phố và cả ở địa hạt này nữa, nếu như biết rằng cách thành phố chỉ mười mấy dặm, nguyên mẫu *Người gác đèn biển* của tôi đang cư trú trong một khu rừng. Cách đây không lâu, ông M., người đã có mặt ở California đồng thời với tôi, sau khi đọc *Người gác đèn biển*, đã kể cho tôi nghe về cuộc gặp gỡ với một người Ba Lan chiếm đất công để ở giống hệt như nhân vật kia. Tôi xin kể lại câu chuyện đó một cách trung thực như sau.

... Trên đường đến Big Trees, tức là đến với rừng gỗ khổng lồ của California, tôi đã ghé vào Mariposa. Thành phố đó cách đây không lâu có tới gần mười lăm ngàn dân, hiện nay chỉ còn một phần mười số lượng đó. Ai cũng biết rằng trong Thế Giới Mới, các thành phố mọc lên nhiều như nấm, song nó cũng thường có đời sống của loài bướm. Chuyện đó cũng xảy ra cả với Mariposa. Cho đến khi con sông Mariposa ánh lên đáy vàng, còn trên bờ sông lắng đọng những khối kim loại quý màu xanh biếc thì đám thợ mỏ người Mỹ, bọn mafia người Mehico và con buôn từ khắp thế giới kéo đến đông nhung nhúc, về sau, toàn bộ đám người đó đều đã bỏ đi. Thành phố “vàng” không bền vững, do số lượng vàng không chóng thì chày phải cạn kiệt. Ngày nay, Mariposa có khoảng một ngàn dân, còn hai bờ sông Mariposa thì đã phủ đầy những hàng liễu rủ, cây bông và những bụi cây rậm rạp khác. Ở những nơi mà ngày xưa thợ mỏ mỗi tối thường hát: *I crossed Mississippi**, nay có chó sói réo gào. Thành phố có một đường phố, trên đó ngôi nhà đẹp nhất là trường học; vị trí tiếp theo là thánh đường Capitol, xếp thứ ba là khách sạn của ông Billing, người đồng thời cũng là chủ nhân cả quán rượu và xưởng bánh mì. Vài cửa hàng khác có trưng bày hàng dọc phố. Nhưng việc buôn bán rất hạn chế. Các cửa

hàng chỉ cung cấp hàng hóa phục vụ nhu cầu của thành phố, do ở vùng lân cận không có nhiều chủ trang trại. Toàn địa hạt có rất ít dân cư, phần lớn diện tích là các cánh rừng khổng lồ, trong đó thỉnh thoảng xuất hiện những kẻ chiếm đất công để cư ngụ.

Khi xe ngựa của chúng tôi đi vào thành phố thì trong đó có rất đông người, bởi lẽ chúng tôi đến vào thứ Sáu, mà đó lại là ngày chợ phiên. Ngày hôm đó, những kẻ chiếm đất công để ở mang mật ong đến quán rượu đổi lấy các loại hàng thực phẩm khác nhau. Những người khác xua đàn gia súc đến, còn các chủ trang trại thì cung cấp lúa mì. Mặc dù người di cư đến Mariposa rất ít, chỉ có vài xe của dân di cư, nhưng cũng rất dễ nhận ra họ nhờ vào những chiếc mái xe màu trắng cao lênh khênh và nhờ vào việc thường có một con chó, con thú ăn thịt hoặc con gấu nhỏ được xích vào giữa các bánh xe. Dòng người đi lại phía trước khách sạn rất thưa thớt, song ông chủ khách sạn, ngài Billing, vẫn không ngừng lượn lờ khắp nơi khắp chốn, vừa đi vừa mang rượu gin, whisky và brandy ra phân phát. Vừa thoáng nhìn, ông ta đã nhận ngay ra tôi là người nước ngoài đến Big Trees, và vì những khách du lịch ấy là khách hàng quan trọng nhất của ông, cho nên ông đã dành cho tôi sự chăm sóc đặc biệt.

Đó là một người không còn trẻ nữa, nhưng nhanh nhẹn và sống động như một tia lửa. Qua những cử động của ông ta, cũng như qua khuôn mặt, có thể dễ dàng nhận biết rằng ông không phải là người Phổ. Với thái độ hết sức lễ phép, ông chỉ cho tôi căn phòng của mình. Ông giải thích rằng đã quá giờ ăn sáng, nhưng nếu như tôi có nguyện vọng thì ngay lập tức người ta sẽ cho tôi ăn trong phòng ăn.

- Ngài chắc đến từ San Francisco?
- Ồ, không. Tôi đến từ một nơi rất xa.
- *All right!* Chắc là đến từ Big Trees?
- Vâng, đúng vậy.

- Nếu như ngài muốn xem ảnh các cây cối thì nó được treo ở dưới nhà.

- Tốt quá, chốc nữa tôi sẽ xuống.

- Ngài ở Mariposa có lâu không?

- Vài ngày. Tôi cần nghỉ ngơi, nhân thể tôi cũng muốn xem qua các cánh rừng trong vùng.

- Ở đây đi săn thì tuyệt. Cách đây không lâu người ta đã giết được một con báo.

- Tốt quá, tốt quá. Giờ thì tôi sẽ đi ngủ đã.

- *Good bye!* Ở nhà dưới có quyển sổ của khách sạn, xin ngài ghi họ tên mình vào đó cho.

- Được rồi...

Tôi đặt mình xuống ngủ cho đến tận bữa trưa, người ta báo hiệu điều đó bằng cách gõ gậy gỗ vào tấm sắt tây ở mái nhà. Tôi đi xuống dưới và trước hết là ghi họ tên mình vào cuốn sổ, đồng thời không quên ghi thêm bên cạnh là đến từ Ba Lan. Sau đó tôi đến phòng ăn. Chợ phiên đã kết thúc, người buôn bán tản đi về nhà, bữa trưa chỉ còn có vài người ngồi vào bàn: hai gia đình chủ trang trại, một quý ngài chột mắt và không cà vạt, một nữ giáo viên người địa phương, chắc là người thường xuyên trú ngụ ở khách sạn, và một ông già, qua cách ăn mặc và vũ khí, tôi có thể khẳng định đó là một người chiếm đất công để ở. Chúng tôi ăn trong im lặng, thỉnh thoảng mới bị những lời nói ngắn làm ngắt quãng: “Cảm ơn ông vì đã đưa bánh mì” hoặc “vì miếng bơ”, hoặc “vì muối”. Bằng cách đó, người ngồi xa chỗ để bánh mì, bơ hoặc muối đề nghị những người láng giềng chuyển các thứ đó đến gần mình. Tôi hơi mệt và không muốn nói chuyện. Tuy vậy, tôi đã ngắm nghía khắp căn phòng, trên tường, như ông Billing nói, có treo những bức ảnh các cây gỗ lớn. Vậy là *Father of the Forest*, tức là cha đẻ của rừng cây đã bị đốn xuống. Nhưng nó không thể mang nổi 4.000 năm tuổi trên lưng.

Độ dài: 450 bộ, chu vi 112. Một người cha đẹp! Không thể tin ở mắt mình và hàng chữ ghi ở dưới. Một gã đầu bạc khổng lồ: đường kính 15

khuyết tay. Ôi, thậm chí đến người Do Thái của chúng ta cũng phải suy ngẫm, nếu như người ta ra lệnh chặt cây như vậy đưa về Gdansk. Tâm hồn tôi nhảy cẫng lên vì vui sướng khi nghĩ rằng sắp sửa được nhìn tận mắt nhóm cây như vậy trong thiên nhiên, chứ không phải những cái tháp khổng lồ đứng đơn độc trong rừng... trước nạn đại hồng thủy. Tôi, một người Warszawa, sẽ được nhìn thấy bằng chính mắt mình “người cha” của rừng, được chạm tay vào lớp vỏ của nó, và có thể tôi sẽ mang một mẫu của nó về Warszawa để chứng minh cho những kẻ hoài nghi, rằng tôi thật sự đã có mặt ở California. Con người, khi lầm lỗi như vậy, chính bản thân cũng cảm thấy kì lạ và vô tình vui sướng với ý nghĩ mình sẽ kể như thế nào khi trở về và những kẻ hoài nghi ở địa phương sẽ không tin mình ra sao, rằng trên thế giới này có những cây gỗ chu vi tới năm mươi sáu khuyết tay. Những ý nghĩ đó bị giọng nói của một người da đen làm ngắt quãng:

- Cà phê đen? Trắng?

- Đen, giống như ông ấy. - Tôi muốn trả lời như vậy, nhưng câu đáp đó không chính xác, vì ông già da đen đó có chòm đầu trắng như sữa, chỉ có đôi chân là khắp khểnh già nua.

Bữa trưa kết thúc. Mọi người đều đứng dậy. Ông chủ trang trại phì phèo tẩu thuốc, bà vợ, sau khi ngồi xuống mép ghế tựa, bắt đầu lên tiếng ba hoa một cách say sưa, còn cô con gái có mái tóc vàng nhạt, mũ mào Polly hoặc Katty, thì đi đến chỗ cây đàn dương cầm và sau giây lát, tôi nghe thấy khúc hát:

- *Yankee Doodle is going down town...*^{*}

“Đừng bắt tôi làm Yankee Doodle!” Tôi thầm nghĩ. Từ New York đến Mariposa tôi đã nghe bài hát này từ các cô gái trẻ chơi đàn dương cầm, những người lính chơi kèn đồng, những người da đen chơi trống, trẻ em chơi trên những đốt xương bò. Tôi còn quên! Ngay cả trên tàu thủy, bài *Yankee Doodle* vẫn theo đuổi tra tấn tôi. Cùng với thời gian ở Mỹ chắc chắn sẽ xuất hiện căn bệnh “*Yankee - Doodle - kinh hãi!*”.

Tôi châm điều xì gà và bước ra ngoài phố. Bóng tối nhá nhem bao phủ không gian. Các cỗ xe tản đi mỗi nơi một chiếc, người di cư cũng vậy. Trời lặng lẽ và êm dịu tuyệt vời. Phương tây đỏ rực ánh hoàng hôn, phương đông trời dần tối. Tôi cảm thấy vui vẻ và dễ chịu. Cuộc sống đối với tôi trở nên hết sức thú vị, nhẹ nhàng, tự do. Từ các vườn cây bên cạnh những ngôi nhà vắng đưa đến bên tôi tiếng hát, đôi chỗ giữa các bụi cây chập chờn chiếc váy trắng, đôi chỗ lấp lánh cặp mắt sáng ngời. Sao buổi tối lại tuyệt vời đến vậy! Chỉ tiếc một điều là ở Mĩ, người dân có thói quen đốt rác trên phố vào buổi tối. Mùi khói hoàn toàn không cần thiết khi trộn lẫn với mùi hoa hồng và mùi tươi mát của các cánh rừng gần đó. Thỉnh thoảng, từ các cánh đồng và bụi rậm nằm kề với thành phố vắng đưa đến tiếng súng nổ, vì hầu như toàn bộ dân cư Mariposa đều là thợ săn; hơn nữa sự đi lại cũng đã ngừng hẳn, các đồng rác đã tàn. Trên phố, tôi gặp vài người và tôi không biết, liệu vô tình khí sắc của tôi có mang đến cho những người khác ảnh hưởng gì không, song giữa ánh hoàng hôn, tất cả các gương mặt kia hình như đều tỏ ra hài lòng, bình thản và hạnh phúc một cách kì lạ.

“Có thể là như vậy,” tôi thầm nghĩ. “Ở đây người ta sống lặng lẽ, bình yên và hạnh phúc, sống trong một góc không ai biết đến, xa thẳm giữa rừng, sống bên lề thế giới. Cũng có thể là ở Mĩ, xứ sở tự do, tâm hồn tỏa sáng và chiếu ánh dịu dàng như loài đom đóm. Ở đây không có đói khát, và không lạnh lẽo, và không gian đủ lớn, có chỗ để nói lòng mình, có chỗ để vung tay ra... Trong khi đó, các cánh rừng lại yên bình như vậy, ôi! Thật yên bình làm sao!...”

Vài người da đen đi ngược với tôi lên tiếng hát bằng giọng khá cao; cũng may đó không phải là *Yankee Doodle*, mà là *Những sợi chỉ bạc*.

- Chào ngài. - Họ lịch thiệp lên tiếng khi đi ngang qua tôi.

Và con người ở đây sao nhiệt thành, lễ độ đến như vậy. Chắc chắn là khi tuổi già đến, tôi sẽ nghĩ không chỉ một lần tới mảnh đất Mariposa yên tĩnh này. Từ trên cao đưa đến tai tôi tiếng hạc gáy kéo dài mãi tới tận đâu đó gần Đại Tây Dương. Tôi chòng chành và tôi mơ ước. Một sự tích tụ cảm giác thật kì lạ, tôi trở về khách sạn với cảm giác mùi lòng

và nhớ nhung. Tôi bắt đầu nghĩ về gia đình, về những người thân của mình và cũng bắt đầu lên tiếng hát, nhưng không phải là bài *Yankee Doodle*. Ồ, không! Tôi hát bài “Ở chỗ chúng tôi khác cơ! Khác cơ! Khác cơ!”...

- Cốc, cốc, cốc!

“Lạ quá, ai có thể đến nhỉ?” Tôi nghĩ.

- Cốc! Cốc!

- Mời vào.

Ông chủ khách sạn bước vào. Thật là quý quái! Sao lại có đất nước kì lạ như vậy! Và ông ta có nét mặt hoàn toàn vô cảm. Ông đi đến gần tôi, bắt tay tôi thật chặt và không buông tay tôi ra, rồi đi cách tôi một sai tay và nhìn chăm chăm như muốn ban phước lành cho tôi.

Tôi mở miệng và sự ngạc nhiên của tôi bằng với sự mù lòa của ông ta.

- Tôi nhìn thấy trong sổ của khách sạn, - ông nói - ngài đến từ Ba Lan à?

- Đúng như vậy. Thế ông cũng là người Ba Lan ư?

- Ồ không, tôi là người Baden.

- Thế thì ông đã từng đến Ba Lan rồi à?

- Ồ không! Chưa bao giờ...

- Vậy thì?...

Mắt tôi mở to ngang với miệng...

- Thưa ngài, - chủ khách sạn nói - tôi đã từng phục vụ ở đơn vị Mieroslawski.

- Quý tha ma bắt chuyện đó!

- Đó là một anh hùng! Đó là vị lãnh tụ lớn nhất trên thế giới! Tôi thật hạnh phúc khi nhìn thấy ngài... Ông ấy vẫn còn sống chứ ạ?

- Không, đã mất rồi.

- Mất rồi! - Gã người Đức nói và ngồi phịch xuống nặng nề, buông tay xuống ngang đầu gối, còn đầu gục xuống ngực.

Chính tôi cũng không biết mình phải làm gì. Tôi đã không chia sẻ niềm hưng phấn với ông Billing về ông M., nhưng trong giây phút này, sự nhiệt tình đó đối với tôi quả là đáng yêu và kích động. Trong khi đó, ông Billing chiến thắng nỗi buồn của mình và sự yêu mến của ông ta đối với ông M. tuôn trào như thác nước nhiều tầng, mà so với nó thì Niagara hoặc Yosemite Falls cũng chẳng thấm thía gì. Đập vào tai tôi là tên một vài anh hùng thời cổ đại, vài người thời trung đại, tiếp theo là Washington, Lafayette, Kosciuszko và Mieroslawski; sau đó là các từ ngữ như “tự do”, “tiến bộ”, “văn minh” tôi nghe hàng trăm lần, hàng nghìn lần. Vị tướng quân hùng biện rõ ràng cũng phải có những binh sĩ hùng biện.

- Đó là một con người lí tưởng! - Cuối cùng, ông chủ khách sạn của tôi hét lên.

“Ông ta có là người lí tưởng hay không, chuyện đó chẳng quan trọng!” Tôi thầm nghĩ. “Nhưng sự thật là, anh, một người Đức tích cực, nếu như anh có trong mình cái gì đó là lí tưởng, thì đúng là cơ hội trùng phùng kì lạ, anh đang chịu ơn một người Ba Lan. Nếu như không có ông ta, vậy thì, nếu như không có chúng tôi, thì ý nghĩ của anh có lẽ sẽ không bao giờ bay lên cao hơn đồng đô la, *business* và lợi nhuận khách sạn của mình. Anh sẽ chỉ bắt được những khách du lịch tham lam đi đến Big Trees và chỉ nhảy tồn quanh họ, giống như đã nhảy quanh tôi lúc trước, còn giờ đây thì một tinh thần cao thượng đang thổi qua anh giống như thổi qua những ống kèn của chiếc đại phong cầm - và anh đang phát ra những lời nói, thứ đã trở nên chua loét như vại bia cũ ở châu Âu, song vẫn đang là những thứ cao thượng nhất mà cái lưỡi con người có thể phát ra. Ở châu Âu già nua có lẽ chỉ còn một góc duy nhất, nơi người ta vẫn còn tiếp nhận những lời nói đó một cách nghiêm túc và đôi khi lên tiếng quở trách với nước mắt đầm đìa, và đôi khi với cả nỗi đau, rằng những người khác miệt thị những kho báu đó hoặc huyết sáo dè bủ nó giống như dè bủ những trái cây bị thủng lỗ. Nhưng thật khó nói... Và cả về cái góc nhỏ nọ đôi khi cũng... khó nói đến - ôi, sao lại khó nói như vậy! Sao lại có một người Đức chính trực như thế;

hắn ta không cảm kích bất cứ thứ gì trước Sadova hay Sedan, hắn chỉ nhắc đến M. và vùng đất Baden của mình. Sao lại có người Đức chính trực đến như vậy! Địa chỉ của hắn: Khách sạn Billing, California, địa hạt Mariposa. cần phải ghi lại địa chỉ của người Đức này. cần đi đến tận Mariposa để gặp được hắn!”

All right!

Trong khi đó thì hắn nhắc đi nhắc lại: “Ôi cái ông M... ấy!” và hắn lau mắt, rõ ràng lau nước mắt. Một tâm hồn vàng!

- Tôi thật hân hạnh vì đã gặp ngài, tôi muốn uống một chút whisky pha gừng. - Hắn nói với tôi.

Hắn xiết chặt bàn tay tôi, xiết chặt thêm lần thứ hai, lần thứ ba và chuẩn bị bước ra cửa. Ở cạnh cửa ra vào, hắn lấy tay đập vào trán mạnh đến mức phát ra tiếng kêu đen đét.

- Ôi! - Hắn nói - Suýt nữa thì tôi quên mất! Ở đây có một người đồng hương của ngài.

- Ở Mariposa này?

- Không, ông ta sống ở trong rừng. Nhưng thứ Sáu, ông vẫn đến chợ phiên, có mang theo mật ong và ngủ lại một đêm. Một ông già. Người rất tốt, rất tốt! Ông ta đã ở đây có lẽ đến hai chục năm rồi. Khi ông ta đến đây thì ở chỗ này còn chưa có một ai. Ngày mai tôi sẽ dẫn ông ta đến gặp ngài.

- Tên ông ta là gì?

Gã người Đức đứng lại và gõ gõ lên đầu, giống như một anh chàng Bartek người Ba Lan nào đó.

- Ôi! *I don't know!* Tôi không biết! - Hắn nói - Một cái gì đó rất khó.

Ngày hôm sau tôi vừa mới thức dậy, còn chưa đến giờ ăn sáng, gã người Đức của tôi đã dẫn đến cho tôi người đồng hương.

Nhìn ông, tôi nhận ra ngay đó là ông già mà ngày hôm qua đã ăn bữa trưa cùng tôi.

Đó là một người cao, thậm chí rất cao, nhưng lưng đã còng lằm rồi. Ông có mái đầu trắng phau, bộ râu trắng và đôi mắt màu da trời, ánh

mắt ngay lập tức hướng vào tôi với một thái độ ngoan cố kì lạ.

- Tôi để hai ngài một mình ngồi với nhau. - Gã người Đức lên tiếng.

Lúc đó, chúng tôi ở lại một mình với nhau và nhìn vào nhau một lúc lâu trong im lặng. Thực ra là tôi cảm thấy lúng túng khi ông già ấy hiện ra trước mắt mình, người khiến tôi liên tưởng tới một gã Wernyhory nào đó hơn là người đồng hương thông thường.

- Tôi tên là Putrament. - Ông già lên tiếng - Họ tên tôi ông nghe thấy lạ lắm thì phải?

- Họ của tôi là M. - Tôi đáp - Họ ông tôi đã nghe nhiều lần. Hình như ông ở Litva?

Tôi chợt nhớ đến *Chàng Tadeush*, một cái gì đó đại loại “Putrament với Piktorna” trong chuyện kể của nhân vật Protazy về các vụ kiện.

Ông già đưa tay lên ngang tai.

- Cái gì? - Ông nói.

- Theo tôi chắc ông ở Litva?

- Ông nói to lên, tuổi già làm tai tôi hỏng và tuổi già của tôi là sự điếc lác. - Ông Putramen trả lời.

“Không biết ông ta đang chế nhạo mình hay mình là người ngu ngốc đây.” Tôi thầm nghĩ, “nhưng ông già này nói cái gì đó theo ngôn ngữ thời tổ tiên. Một cái gì đó thật kì dị tôi gặp ở Maripoza này!”

- Ông đã rời khỏi đất nước lâu rồi à? - Tôi hỏi.

- Tôi sống ở đây hai mươi hai năm và thực ra ông là người đầu tiên mà tôi gặp từ trong nước mình sang, vì thế trái tim tôi rung động và tâm hồn tôi vui sướng đến như vậy.

Quả thực ông già nói bằng giọng run run và tỏ ra vô cùng xúc động, về phần tôi, tôi chỉ thấy ngạc nhiên. Tôi không ngồi trong rừng hai mươi năm, người Ba Lan thì tôi mới nhìn thấy cách đây không lâu ở San Francisco và tôi không có cơ gì để mỉa mai. Ngược lại, tôi còn muốn hét to: kiểu cách gì như vậy! Giá như có người nói với tôi suốt ngày như vậy thì chắc là tôi sẽ khóc rống lên... Brr!... Trong khi đó, ông già cứ nhìn vào tôi chăm chăm và đầu óc của ông ta hình như đang làm

việc một cách cần mẫn. Vài lần giống như muốn nói lại thôi. Rõ ràng là chính ông ta cảm thấy rằng mình không biểu hiện giống như một người bình thường khác. Dù sao đi nữa ông nói rất chuẩn xác, nhưng hơi khó khăn.

- Ở vùng đất xa xôi lười của tôi co lại và môi tôi cũng bị bó lại...

“Quả là đúng, song đó không phải là tội lỗi!” Tôi nghĩ.

Nhưng niềm vui rời bỏ tôi. Tôi thấy hơi khó chịu và cảm thấy lương tâm cắn rứt. “Kệ ông ta, ông già đó cứ nói,” tôi nghĩ, “nhưng ông ta nói với niềm rung động, với nỗi buồn thật sâu lắng và nói một cách chân thành, còn tôi thì giống như đang cười nhạo ông.”

Và bất ngờ tôi giơ hai tay về phía ông. Ông nắm lấy chúng và ghì chặt vào ngực mình, vừa ghì vừa nhắc lại:

- Đồng hương! Đồng hương!

Tình cảm rung động trong giọng ông đến mức ngay lập tức chiếm lĩnh trái tim tôi.

Tôi có cảm giác mình đang đứng trước một sự bí ẩn kì lạ, thậm chí rất đau buồn. Tôi bắt đầu nhìn vào ông ta giống như nhìn vào người cha già. Tôi trịnh trọng đặt ông ngồi trên ghế tựa và tự mình ngồi xuống bên cạnh ông. Ông vẫn tiếp tục nhìn tôi.

- Chuyện gì xảy ra trên quê hương chúng ta? - Ông hỏi.

Tôi thả lỏng lưỡi mình như chiếc guồng quay tở, cố gắng nói thật to và rõ ràng. Cứ như vậy tôi nói khoảng nửa tiếng đồng hồ và cùng với những lời nói của tôi, chiếc đầu đáng kính của ông cứ gật gật buồn rầu - hoặc nụ cười hiện lên trên môi ông. Một lần ông nhắc lại câu của Galileusz* và thường xuyên đặt những câu hỏi cho tôi, luôn bằng giọng quan trọng, kì lạ và với kiểu cách tôi không thể lí giải nổi.

Tất cả mọi điều tôi kể cho ông nghe đều khiến ông đặc biệt quan tâm. Toàn bộ tâm hồn ông đều quy tụ tại đôi mắt và cái miệng, sống đơn độc trong rừng, có lẽ suốt ngày dài ông chỉ nghĩ đến những điều từ miệng tôi nói ra bây giờ.

Ôi ông già kì lạ, ôi giống người kì lạ, ở tận góc xa tít tận cùng của thế giới, người vẫn mang theo mình một ý nghĩ và một tình cảm! Người sống trong những cánh rừng, trên sa mạc và trên biển khơi - người nâng thân xác mình lên cao, còn tâm hồn người không biết tách ra - và người đi lại như kẻ lạc đường giữa những con người khác! Nhưng giống người này sẽ dần dần chết đi. Tôi đang kể cho các bạn nghe về một trong những người cuối cùng như vậy.

Câu chuyện có vẻ như bịa đặt, tuy vậy, lại là sự thật hoàn toàn. Putrament có thể đang còn sống trong khu rừng của mình, ở gần Maripoza. Từ câu chuyện của ông ta, tôi biết những điều sau: Ông từng là người nuôi ong, giống như phần lớn những kẻ chiếm đất công để ở. Ông không phải người quá nghèo. Đàn ong cung cấp cho ông đủ sống. Khi già yếu, ông tuyển một người giúp việc, một gã da đỏ nhỏ tuổi, giúp chăm nom chỗ nuôi ong. Ông nói từ trước đến nay vẫn hằng ngày đi săn một mình. Thú vật ở gần Maripoza này rất nhiều: hươu, sơn dương và chim chóc các loại thì nhiều vô kể.

Gấu thì ít hơn nhiều. Hẻm núi của ông là mảnh đất đẹp nhất vùng. Cạnh nhà là một thác nước tuyệt vời do vô số bậc thác tạo nên - dù sao đi nữa thì các tảng đá và núi, và trên đó là rừng và rừng vô tận... Lặng lẽ, yên tĩnh... Ông mời tôi rất nhiệt tình, mong tôi đến thăm ông, nhưng tôi phải chờ cho đến thứ Sáu sau mới quay lại, vì vậy thật tiếc là tôi không thể nhận lời mời. Ông nói liên tục, giống như một cụ Abram hoặc Jakub... Những từ như “Ái dà dà”, “nghiệt”, “gián”, “kham”, “loạn thường”^{*}... cứ lặp đi lặp lại trong miệng ông. Đôi lúc tôi cảm thấy rằng đang đứng trước mặt mình là một người nào đó xuất hiện từ thời Gornicki hoặc Skarga, kẻ từ dưới đất chui lên đến Maripoza này và tái sinh ở nơi đây hoặc đã sống từ những thời xa lắc đó, già nua như rừng cây Big Trees cạnh đó. Ngoài kiểu nói cổ lỗ ấy ra, trong cách nói của ông còn có một cái gì đó trịnh trọng kì lạ, dựa trên quá trình thể hiện các câu nói, sự dài dòng rối rắm, những định nghĩa đặc biệt. Cuối cùng tôi quyết định hỏi để giải đáp thắc mắc.

- Hãy nói cho tôi biết, thưa ông, từ đâu ông có cách nói này? Đó là thứ ngôn ngữ không phải của ngày nay, mà là ngôn ngữ cổ, thứ mà người ta không còn dùng ở Ba Lan nữa.

Ông nở nụ cười.

- Tôi có một quyển sách ở trong nhà: *Kinh thánh* của ông chú, tôi đọc nó mỗi ngày để không quên tiếng mình và không trở nên câm điếc trước tiếng nói của cha ông...

Bây giờ thì tôi đã hiểu. Hàng mấy chục năm trời ở cái xó xỉnh Maripoza này ông không nhìn thấy người Ba Lan nào, không nói chuyện với bất kì ai. Vậy là ông chỉ đọc sách của ông chú và chẳng có gì đáng ngạc nhiên rằng không chỉ những lời nói của ông, mà ngay cả ý nghĩ cũng được sắp đặt theo thước đo của *Kinh thánh*. Ông không biết cách nói tiếng Ba Lan nào khác và không thể biết nó; ông đã trả lại những gì thu lượm được. Ông chỉ không muốn quên nó vì bất cứ thứ gì trên thế gian này. Ông có thói quen mỗi buổi sáng đọc to quyển *Kinh thánh* của mình. Dù sao đi nữa thì từ đất nước quê hương cũng không có gì khác hơn đến được với ông, không có gì, từ bất cứ nơi nào - có lẽ chỉ có tiếng ồn ào của cánh rừng California gợi cho ông nhớ tiếng thét gào của những cánh rừng Litva.

Khi chia tay nhau tôi lên tiếng:

- Một tháng nữa tôi về nước. Ông có ai thân thích không? Anh em, người làm mối, bất kì ai mà ông muốn nhắn tin về mình cho họ biết?

Ông đắn đo giống như tìm trong trí nhớ những người họ hàng xa xôi nhất - sau đó bắt đầu lắc lắc đầu:

- Không có ai... không có ai... không có ai...

Song rõ ràng là ông đọc sách của ông chú và không muốn nhắc đến... chắc ông đã quên.

Chúng tôi từ biệt nhau.

- Chúa sẽ dẫn đường cho ông! - Ông nói với tôi trước lúc lên đường.

Ngay sau đó ông đi về rừng - còn tôi, hai ngày sau, đến Big Trees. Khi tôi lên chiếc xe ngựa chở khách ngồi, ngài Billing lắc mạnh tay tôi,

cứ như muốn ngắt nó lại làm kỉ niệm và nhắc lại:

- Đó là một con người vĩ đại, thưa ngài, cái ông M. ấy. *Good bye!*
Good bye! Một con người vĩ đại!

Sau đó mười lăm phút, những cánh rừng Mariposa đã bao bọc quanh tôi. Sáng hôm sau, tôi thầm nghĩ: “Trong giây phút này ở hẻm núi ông già Putrament đang đọc to quyển *Kinh thánh* của mình...”

VÌ MIẾNG BÁNH MÌ

I

TRÊN ĐẠI DƯƠNG - NGHĨ SUY - BÃO TÁP - CẬP BẾN

Trên các đợt sóng lớn của đại dương, con tàu Đức “Blucher” chạy từ Hamburg đến New York chòng chành chao đảo. Bốn ngày lênh đênh trên đường, nó đã vượt qua bờ biển xanh của Ireland được hai ngày và bây giờ đang ra tới đại dương. Từ trên boong tàu, phóng tầm mắt ra xa chỉ nhìn thấy dải đồng bằng màu xanh xám, được cày thành từng luống, chòng chành nặng nhọc, đôi chỗ gợn sóng, ở phía xa càng lúc càng thẳm lại và hòa lẫn vào với đường chân trời phủ đầy mây trắng.

Bóng của các đám mây đôi chỗ hắt cả xuống nước và trên nền ngọc trai đó, thân tàu màu đen nổi lên rõ rệt. Con tàu này đang hướng mũi về phía tây, lúc thì bơi trên sóng một cách cần cù, lúc lại lao xuống thấp, giống như chìm ngấm; đôi lúc biến mất khỏi tầm mắt, đôi lúc lại phoi mình trên đỉnh các con sóng lớn đến mức nhìn rõ cả đáy tàu và giờ đây nó vẫn đang tiến về phía trước. Sóng đánh vào nó, nó bơi vào sóng - và nó dùng ngực mình tách sóng ra. Bám theo sau nó là một vệt nước nổi bọt trắng phau giống như con rắn khổng lồ; vài con hải âu bay sau bánh lái, lượn đi lượn lại trên không trung và vừa lượn vừa kêu chíp chíp giống như chim te te của Ba Lan.

Gió khá lớn; tàu chạy một nửa bằng hơi nước, còn lại dùng buồm. Thời tiết càng lúc càng tốt hơn. Đôi chỗ giữa các đám mây màu thẳm nhìn thấy cả những khoảng trời xanh thẳm đang thay hình đổi dạng liên tục. Kể từ khi tàu “Blucher” rời khỏi cảng Hamburg, trời lúc nào cũng đầy gió nhưng không có bão. Gió thổi về hướng tây, nhưng đôi lúc cũng ngưng thổi: lúc bấy giờ những cánh buồm hạ xuống, để sau đó lại căng ra như ngực thiên nga. Các thủy thủ mặc áo len bó sát người, kéo dây buồm phía dưới của cột buồm lớn và vừa kéo vừa hô đều đều: “Ho-ho-o!”, họ cúi còng xuống và đứng thẳng người lên theo nhịp hát, còn

tiếng hò của họ trộn lẫn cùng tiếng còi của viên sĩ quan hàng hải và nhịp thở nóng hổi của ống khói đang phun ra những làn khói đứt quãng hoặc những vòng tròn đen ngòm.

Lợi dụng thời tiết tốt, hành khách kéo đầy lên boong tàu. Ở phía đuôi tàu nhìn rõ cả những chiếc áo bành tô đen và mũ đội đầu của những hành khách hạng nhất; ở phía mũi tàu nổi lên đám dân đen di cư nhiều màu sắc đi tàu tầng dưới. Một số người trong họ ngồi trên những chiếc ghế dài, mồm ngậm tẩu thuốc ngắn, một số ngả lưng xuống nằm, một số nữa thì đứng tựa vào mạn tàu nhìn xuống mặt nước ở phía dưới.

Có cả vài người đàn bà bế trẻ con trên tay với những đồ dùng làm bằng sắt tây giắt ở thắt lưng; vài người trẻ tuổi đi lại dọc boong từ mũi đến cầu tàu, vừa đi vừa cố gắng giữ thăng bằng và thỉnh thoảng lại chao đảo. Những người ấy hát: *Wo ist das deutsche Vaterland?*^{*} và có thể họ nghĩ rằng cái nước Đức đó họ sẽ chẳng bao giờ còn được nhìn thấy nữa, mặc dù vậy thái độ vui vẻ không biến mất khỏi khuôn mặt họ. Lọt thỏm giữa mọi người có hai kẻ buồn thảm nhất và giống như tách hẳn với toàn thể: đó là ông già và cô gái trẻ. Hai người đó không hiểu tiếng Đức và là những kẻ thực sự đơn độc giữa đám người xa lạ. Họ là ai - bất kì người nào trong chúng ta cũng dễ dàng đoán biết ngay từ cái nhìn ban đầu: đó là những người nông dân Ba Lan.

Người đàn ông tên là Wawrzon Toporek, còn cô gái, Marysia, là con gái lão. Họ đi Mỹ và vừa rời lần đầu tiên mạnh dạn bước ra khoang tàu. Trên khuôn mặt hốc hác tiều tụy vì bệnh tật của họ hiện rõ nỗi sợ hãi, đồng thời cả sự ngạc nhiên nữa. Bằng đôi mắt hốt hoảng họ nhìn những hành khách cùng đi, nhìn các thủy thủ, nhìn con tàu, nhìn ống khói đang tỏa khói một cách dữ dội và nhìn những đợt sóng dữ tợn phả bọt lên đến tận mạn tàu. Họ không nói gì với nhau, vì họ không dám nói. Lão Wawrzon nắm một tay vào lan can, tay kia giữ chiếc mũ lưỡi trai để gió không đánh bật của lão đi, còn Marysia thì giữ chặt ông bố và cứ mỗi lần con tàu lắc lư mạnh bao nhiêu thì cô lại bám chặt bấy nhiêu

vào người cha, vừa bám vừa hét lên khe khẽ vì sợ hãi. Sau một khoảng thời gian, ông già phá vỡ sự im lặng:

- Marysia!
- Gì thế ạ?
- Con có nhìn thấy không?
- Nhìn thấy.
- Có ngạc nhiên không?
- Ngạc nhiên.

Nhưng cô còn thấy khiếp sợ hơn là ngạc nhiên; ông già Toporek cũng như vậy. Cũng may cho họ là sóng đã bớt mạnh, gió cũng ngừng lại và xuyên qua những đám mây mặt trời cũng lộ ra. Khi họ nhìn thấy “vầng mặt trời yêu thương” thì họ cảm thấy nhẹ nhõm hẳn ra, vì họ nghĩ rằng “nó cũng giống hệt như mặt trời ở Lipince” quê họ. Có lẽ mọi thứ đối với họ đều lạ lẫm và không quen thuộc, chỉ có vầng mặt trời này, ánh sáng rạng rỡ này đối với họ mới là người bạn thân và người đỡ đầu quen biết xưa nay.

Mặt biển càng lúc càng phẳng lặng; sau một khoảng thời gian những cánh buồm cũng hạ xuống, từ chiếc cầu tàu trên cao văng đưa lại tiếng còi của thuyền trưởng và thế là đám thủy thủ lao đến ghim buồm lại. Hình ảnh đám người giống như đang treo lơ lửng trên không trung bên vực sâu hun hút lại khiến cho Toporek và Marysia ngạc nhiên lần nữa.

- Bọn con trai của chúng ta không làm nổi như vậy. - Ông già nói.
- Khi bọn người Đức leo được lên thì cả Jasko cũng sẽ leo được lên như vậy. - Marysia đáp lại.
- Jasko nào?... Sobkow ấy à?
- Sobkow là cái gì? Con đang nói về Smolak, người coi ngựa ấy.
- Nó cũng can đảm đấy, nhưng con phải loại nó ra khỏi đầu óc đi. Nó chẳng hợp với con, con cũng không hợp với nó. Con đi đây là để trở thành bà chủ, còn nó, nó sẽ chỉ là gã coi ngựa suốt đời thôi.
- Anh ấy cũng có đàn ngựa...

- Có, chỉ là ở Lipince thôi.

Marysia không nói gì nữa, cô chỉ nghĩ thầm rằng trời cho ai cái gì thì người đó được hưởng và thở dài đầy nhung nhớ, trong khi đó thì những cánh buồm đã được ghim lại, còn chân vịt bắt đầu khuấy nước mạnh đến mức cả con tàu rung lên do chính những chuyển động của nó. Rồi tình trạng chòng chành gần như ngừng hẳn lại. Ở phía xa mặt nước thậm chí đã gần như phẳng lặng và xanh thẫm. Ngày càng có nhiều nhân vật mới từ tầng dưới leo lên boong tàu: những người công nhân, nông dân Đức, những kẻ ăn không ngồi rồi, cư dân đường phố từ các thành phố ven biển khác nhau, đi đến nước Mỹ để tìm kiếm vận may chứ không phải tìm công ăn việc làm; đám đông chen lấn ở cầu tàu, vì vậy lão Wawrzon và Marysia, để khỏi làm vướng mắt người nào, liền ngồi lại chỗ thắt nút vòng dây ở góc sát ngay mũi tàu.

- Bố ơi, bao lâu nữa mình đi hết biển? - Marysia hỏi.

- Làm sao tao biết được. Hỏi ai cũng chẳng ai trả lời mình bằng tiếng của người Thiên Chúa giáo cả.

- Thế thì ở Mỹ chúng ta sẽ nói chuyện như thế nào?

- Người ta chẳng từng nói là ở đó người mình đông như kiến đó sao?

- Bố ơi!

- Cái gì?

- Ngạc nhiên thì có ngạc nhiên, nhưng ở Lipince vẫn tốt hơn.

- Mà đừng có nguyên rủa vô ích như vậy.

Sau giây lát, lão Wawrzon cũng nói thêm, giống như tự nói với mình:

- Đó là ý Chúa!...

Mắt cô gái gần đầy nước mắt, còn sau đó cả hai bắt đầu suy nghĩ về Lipince. Lão Wawrzon Toporek nghĩ tại sao mình lại đi Mỹ, và chuyện gì đã xảy ra khiến mình ra đi. Cái gì đã xảy ra? Nửa năm trước, vào mùa hè, người ta đã bắt con bò của lão ở cánh đồng cỏ ba chẽ. Chủ nhân bắt bò đòi ba mark* đền bù thiệt hại. Lão Wawrzon không đồng ý trả. Họ ra tòa. Vụ kiện kéo dài. Người chủ đòi không chỉ tiền chuộc con bò, mà là tiền chăm nuôi nó, mà tiền chăm nuôi nó mỗi ngày một tăng.

Lão Wawrzon ngoan cố, vì lão tiếc tiền. Để theo vụ kiện, lão đã chi ra khá nhiều tiền, vụ kiện cứ kéo dài mãi. Chi phí ngày một tăng. Cuối cùng, lão Wawrzon thua kiện. Vì một con bò, chỉ có Chúa mới biết tốn kém bao nhiêu; cuối cùng thì lão không có gì để thanh toán, người ta giữ ngựa của lão, và vì sự ngoan cố kháng cự, người ta ra lệnh bắt giam lão. Lão Toporek oằn người như con rắn, đúng vào lúc đó là vụ thu hoạch lúa mì, do vậy cả sức lao động, cả sức kéo và xe cộ đều cần dùng cho công việc. Lão lần lữa kéo dài, sau đó lại là những ngày mưa; lúa mì của lão nằm từng đống ngoài đồng, lão nghĩ rằng chỉ vì một chút thiệt hại ở cánh đồng cỏ ba chẽ mà cả gia sản còm cõi của lão bị hoài phí, rằng lão đã mất chừng ấy tiền của, một phần gia súc, vụ thu hoạch của cả một năm và rằng đến mùa xuân, có lẽ hai bố con đành gặm đất mà sống hoặc phải đi ăn mày ăn xin.

Còn một điều nữa là trước đây, lão sống trong hoàn cảnh sung túc và lão ăn nên làm ra, vì thế lúc đó, lão cảm thấy vô cùng tuyệt vọng và bắt đầu uống rượu. Trong quán ăn, lão làm quen với một gã người Đức, kẻ đi khắp các làng xã như để đặt món hàng sợi lanh, còn trong thực tế là để gạ gẫm mọi người vượt biên ra nước ngoài. Gã người Đức kể cho lão nghe những điều kì diệu và khó tin về nước Mỹ. Hắn hứa cấp sổ ruộng đất lớn đến mức ở cả Lipince không có - và cùng với nó là rừng, và cả đồng cỏ, mắt người nông dân chỉ còn biết tròn tròn. Lão tin và không tin, nhưng gã Do Thái vào hùa với tay người Đức và nói rằng ở đó chính phủ cấp đất cho từng người, “ai muốn bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu”. Điều đó gã Do Thái biết được từ người họ hàng của hắn. Chính gã người Đức khoe tiền, số tiền lớn đến mức không chỉ mắt người nông dân sáng ra mà mắt các điền chủ cũng chưa từng nhìn thấy bao giờ trong đời. Người nông dân bị cám dỗ đến mức chấp nhận lời gạ gẫm. Còn ở lại đây làm gì nữa? Vì một chút thiệt hại mà lão mất số tiền có thể mướn một người làm công suốt đời. Liệu lão phải chịu mất mát mãi ư? Liệu lão có phải cầm cây gậy ăn xin đuổi chó và hát dưới nhà thờ “Hỡi Đức Mẹ đồng trinh, hỡi thần thánh Nhà trời”? - Từ đó sẽ chẳng có

cái gì cả, lão nghĩ, lão giơ tay ra bắt tay gã người Đức, nguyện đi theo thánh Michas, mang theo con gái và thế là bây giờ bơi sang nước Mỹ.

Nhưng chuyến đi đối với lão không diễn ra tốt đẹp như mong đợi. Ở Hamburg, người ta đã lấy đi của họ rất nhiều tiền; trên tàu họ phải ở trong một căn phòng lớn chung đụng nhau tại tầng dưới. Sự chòng chành của con tàu và sự vô tận của biển khơi khiến họ khiếp đảm. Không ai có thể hiểu lão và lão cũng không hiểu ai. Người ta quăng quật hai người họ như quăng quật một món đồ vật; người ta xô đẩy lão như hất hòn đá bên đường. Những người Đức đồng hành đã chế nhạo lão và Marysia. Vào bữa trưa, khi mọi người cùng với bát đĩa trên tay chen nhau đến chỗ đầu bếp chia thức ăn, người ta đẩy họ ra phía cuối, khiến họ nhiều lần đành chịu đói. Trên tàu này, lão cảm thấy tồi tệ, đơn độc, xa lạ. Ngoài sự che chở của Chúa, lão không cảm thấy sự che chở nào khác đối với mình. Bên cạnh cô con gái, lão làm ra vẻ hài lòng, mũ lão đội lệch, lão lệnh cho Marysia phải ngạc nhiên và bản thân mình cũng ngạc nhiên trước mọi thứ, song không còn tin vào điều gì nữa cả. Đôi lúc lão cảm thấy lo sợ, rằng có thể bọn “tà giáo” đó, cách mà lão vẫn gọi những kẻ đồng hành, sẽ ném hai người họ xuống nước, có thể người ta bắt lão phải thay đổi tín ngưỡng hoặc phải kí vào một tờ giấy, thí dụ như giấy bán linh hồn cho quỷ chẳng hạn!

Chính con tàu, thứ đang ngày đêm tiến về phía trước trên đại dương bao la, thứ đang chòng chành, đang gập thét, đang làm nước nổi bọt, đang hít thở như một con rồng, còn đêm đến kéo theo sau mình bím tóc dài làm từ những tia lửa nhỏ, lão cảm thấy đó là một sức mạnh nào đó đáng nghi và vô cùng bất thiêu. Nỗi sợ hãi thời trẻ con, mặc dù lão không chịu thừa nhận, đang xiết chặt trái tim lão; bởi đó cũng là một người nông dân Ba Lan, khi bị tách ra khỏi quê hương tổ ấm của mình, thật sự chỉ là một đứa trẻ bất lực và thực sự chỉ trông chờ vào ý nguyện của Chúa. Bên cạnh đó, tất cả những gì lão nhìn thấy, những gì bao bọc quanh lão, không thể chứa đựng hết trong đầu óc lão; vì vậy chẳng có gì đáng ngạc nhiên, khi lão ngồi đây, gần chỗ thắt nút vòng dây, cái đầu cúi xuống vì tiếng ngân vang của sự bấp bênh nặng nề và nỗi buồn rầu

sâu lắng. Gió biển thổi ù ù bên tai lão và như nhắc lão từ “Lipince! Lipince!”, đôi lúc nó cũng rung lên như tiếng sáo ở Lipince; mặt trời nói: “Ông có khỏe không, ông Wawrzon ời? Ông đang ở Lipince đấy à?”, nhưng chân vịt khoảng nước ngày càng dữ dội và ống khói cũng thở gấp gấp hơn, mạnh hơn, như thể hai con ác quỷ đang ra sức kéo lão ngày càng rời xa hơn Lipince.

Trong khi đó, bơi theo Marysia là những ý nghĩ và hồi ức khác, bơi theo sau cô như con đường làng đầy cát bụi hoặc như những chú chim hải âu bay sau con tàu. Thì đây những hồi ức đó, hôm đó là buổi tối mùa thu, cách ngày khởi hành không lâu, cô đi xuống giếng ở Lipince để lấy nước. Những ngôi sao đầu tiên đã lấp lánh trên bầu trời, cô kéo cần giếng và vừa kéo vừa hát: “Yasio cho ngựa uống nước - Kasia đi lấy nước” và cô cảm thấy nhớ nhung điều gì đó, giống như con chim én trước khi bay xa cất tiếng hót thảm thương... Sau đó từ sau rừng cây, từ trong bóng tối vang lên tiếng sáo kéo dài... Đó là Jasko Smolak, người coi ngựa, ra hiệu rằng đã nhìn thấy cây cần giếng đang bị kéo xuống và chốc nữa thôi từ trong bụi rậm anh ta sẽ đi đến. Mọi thứ hình như cũng sôi động hẳn lên, anh ta đến, nhảy từ trên yên ngựa xuống, lắc lư mái tóc dày như sợi gai, và giọng anh ấy nói với cô thì cô nhớ lại giống hệt như tiếng đàn. Cô nhắm nghiền mắt lại và có cảm giác rằng Smolak lại đang thì thầm với cô bằng giọng run rẩy:

- Khi bố em vẫn cứ ngoan cố, thì anh sẽ trả lại tiền cọc của chủ lâu đài, bán nhà, bán đàn gia súc và sẽ ra đi. Marysia của anh ời, - anh nói - em đi đến chỗ nào thì anh sẽ biến thành con chim hạc bay trên không trung ở đó, sẽ thành con vịt bơi dưới nước, anh sẽ lặn như chiếc vòng vàng dọc đường làng, anh sẽ tìm em bằng được, người duy nhất của anh! Sao số phận anh lại phải sống thiếu em được? Em đến chỗ nào thì anh cũng sẽ đến đó; cái gì xảy ra với em thì cũng sẽ xảy ra với anh; chúng ta có cùng một cuộc sống và cùng một cái chết và anh thề với em trên miệng giếng này, nếu anh rời bỏ em thì Chúa sẽ từ bỏ anh. Marysia duy nhất của anh!

Vừa nhớ lại những lời nói đó, Marysia vừa như nhìn thấy cả giếng nước nọ, cả vầng trăng to đùng, đỏ tía nằm trên cánh rừng và cả Jasko như đang hiện ra trước mắt. Trong ý nghĩ đó, cô cũng cảm thấy nhẹ nhõm phần nào cùng một niềm vui lớn. Jasko là một thanh niên hăng hái, vì vậy cô tin rằng điều mà anh ta nói thì anh ấy sẽ thực hiện. Ôi, cô chỉ mong muốn rằng ngay giờ đây anh ở cạnh cô và cùng với cô nghe tiếng sóng biển. Được cùng ở với anh thì vui vẻ và sống động hơn nhiều, vì anh chẳng sợ ai và ở đâu cũng biết cách tự giải quyết vấn đề. Bây giờ anh đang làm gì ở Lipince, khi những bông tuyết đầu tiên đã rơi? Liệu anh có cầm rìu vào rừng, hay anh lo cho lũ ngựa, hoặc có thể người trong dinh đã phái anh đi đâu đó bằng xe trượt tuyết, hay đang khoét lỗ thùng trên băng ở hồ? Bây giờ anh đang ở đâu, hỏi người thân mến? Ở đây, cô gái nhìn rõ ràng Lipince như nó đang hiện ra trước mắt: tuyết kêu cọt két trên đường, vầng đông đang ửng hồng giữa những cành cây khẳng khiu đen ngòm không lá, đàn quạ khoang kéo dài kêu quang quác từ cánh rừng đến tận làng, những đụn khói phát ra từ ống khói bay lên cao, cây đôn ở giếng nước đóng băng im lìm, còn ở phía xa là rừng cây, bắt đầu từ vầng dương đỏ thắm đến vùng đất ngập tuyết trắng kia.

Ôi! Bây giờ thì cô đang ở đâu, ý muốn của bố cô đã dẫn dắt cô đến đâu? Ở phía xa kia, khi hướng tầm mắt ra nhìn chỉ thấy nước là nước, chỉ thấy những đường nhăn nheo trên mặt đất xanh rờn và những luống cày gợn sóng, còn trên những cánh đồng nước vô tận nọ con tàu này như một cánh chim lạc lõng; bầu trời phía trên kia, cảnh trống vắng phía dưới này, tiếng ồn ào cực lớn giống như tiếng khóc của sóng, và cả tiếng hú gọi của gió, còn ở đằng kia, phía trước mũi tàu, có lẽ là mảnh đất thứ chín, có lẽ là tận cùng của thế giới.

Ôi anh Jasko khốn khó! Anh có theo kịp cô không, anh có là cánh chim đại bàng bay trên không trung, có là cá bơi dưới nước, ở Lipince anh có nhớ đến cô không?

Mặt trời từ từ ngã về phương tây và lặn xuống đại dương. Trên những lớp sóng nhăn nheo hiện ra một con đường mặt trời rộng lớn,

kéo theo vệt vẩy vàng, thay đổi màu sắc, ánh lên, tỏa sáng, rực cháy và tắt ngấm ở đâu đó phía trời xa. Con tàu bơi vào dải băng sáng đó, bây giờ hình như đang đuổi theo vầng mặt trời trốn chạy. Làn khói bật ra từ ống khói trở nên đỏ lựng, những cánh buồm và những sợi dây ẩm ướt rực hồng, thủy thủ bắt đầu ca hát, trong khi đó thì quả cầu lửa mỗi lúc một lớn lên và mỗi lúc một rơi sâu xuống vực thẳm. Không lâu sau, chỉ còn nhìn thấy một nửa vầng mặt trời phía bên trên sóng, sau đó chỉ nhìn thấy những tia sáng, còn sau nữa trên cả phía trời tây chỉ còn lại một vầng ánh dương lớn và không còn nhận biết trong thứ ánh sáng đó, đến đâu thì kết thúc những lớp sóng ánh sáng, và bắt đầu bầu trời, không khí và nước, kể cả những thứ đã thấm ánh sáng, giờ đang tắt dần; đại dương chỉ gầm gừ bằng một thứ tiếng êm đềm, giống như đang thăm thì cầu kinh buổi tối.

Trong những giây phút ấy, tâm hồn như được chấp thêm đôi cánh và cái gì phải nhớ sẽ nhớ, cái gì cần yêu sẽ yêu say đắm, cái gì phải thương sẽ bay về với cái đó. Lão Wawrzon và Marysia cả hai đều cảm thấy rằng mặc dầu gió đưa họ về nơi ấy giống như đưa những chiếc lá khô, nhưng cái cây quê hương họ không phải là phương trời kia, nơi họ đang đi tới, mà là phương trời mà họ đã rời xa: đó là mảnh đất Ba Lan, mảnh đất sùng đạo, đung đưa cánh đồng, rậm rạp cánh rừng, tràn đầy lau sậy, đầy đồng cỏ với những khóm cúc vàng và nước lóng lánh bạc, đầy những đàn cò, chim én, những cây thánh giá ven đường, những lâu đài màu trắng nằm giữa rừng bồ đề; mảnh đất mà mỗi người khi lật chiếc mũ lưỡi trai xuống chân đều được chào mừng bằng câu: “Vinh danh Chúa!” và đáp lại: “Đời đời kiếp kiếp”, mảnh đất quyền quý, đó là người mẹ ngọt ngào nhất, người mẹ chính trực, người mẹ yêu thương hơn mọi thứ trên thế gian này. Vậy thì tại sao trái tim nông dân của họ trước đây không cảm nhận được, mà bây giờ mới thấy? Lão Wawrzon bỏ mũ xuống, ánh mặt trời chiều chiếu vào mái tóc bạc phơ; lão suy nghĩ, con người khốn khổ đó không biết liệu có nên nói cho Marysia điều mà lão cảm nhận được hay không; cuối cùng lão lên tiếng:

- Marysia ơi, bố thấy hình như có cái gì đó nằm lại đằng kia phía sau biển.

- Số phận nằm lại đó và tình yêu thương nằm lại đó. - Cô gái đáp lại nhỏ nhẹ, vừa nói vừa ngược cặp mắt lên như để cầu kinh...

Trong khi đó, trời đã tối thẫm. Hành khách bắt đầu đi xuống dưới boong tàu. Trên tàu lại diễn ra chuyển động khác thường. Sau buổi hoàng hôn đẹp không phải lúc nào cũng là một đêm tĩnh lặng, tiếng còi của sĩ quan chỉ huy liên tiếp vang lên, còn các thủy thủ thì không ngừng kéo sợi dây. Ánh hồng cuối cùng vừa tắt trên biển, cũng đồng thời ngay lúc đó từ dưới nước, làn sương mù dâng lên; những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời và biến mất. Sương mù dày đặc trước mắt, che lấp cả bầu trời, đường chân trời và cả con tàu. Chỉ còn nhìn thấy ống khói và chiếc cột buồm lớn ở giữa tàu; hình dáng các thủy thủ cũng thấy mờ mờ từ xa giống như những cái bóng. Một tiếng đồng hồ sau tất cả đều chìm ngập trong làn sương trắng, thậm chí cả chiếc đèn pha treo trên đỉnh cột buồm, cả những tia lửa do ống khói phun ra.

Con tàu hoàn toàn không còn lắc lư chòng chành nữa. Ai đó sẽ nói rằng sóng đã yếu đi và tràn ra dưới sức nặng của sương mù.

Màn đêm đã buông xuống hoàn toàn mù mịt và câm lặng. Bỗng nhiên giữa cảnh tĩnh mịch đó từ nơi xa tít tắp trên đường chân trời bỗng vang lên những tiếng rầm rì kì lạ. Nó giống như tiếng thở nặng nề phát ra từ một lồng ngực khổng lồ đang tiến đến gần. Đôi lúc, có cảm giác như ai đó đang lên tiếng gọi từ trong bóng tối, sau đó vang lên cả dàn hợp xướng những giọng nói xa vời, vô cùng ai oán và đang khóc lóc bi thương. Những âm thanh ấy phát ra từ bóng đêm và từ vô cực hướng về phía con tàu.

Những người thủy thủ khi nghe tiếng ồn ào ấy nói rằng đó là do bão đang triệu tập gió từ địa ngục tới.

Những lời cảnh báo đó hiện ra ngày càng rõ rệt. Thuyền trưởng mặc áo choàng bằng cao su có mũ trùm đầu đứng trên cầu tàu cao nhất; viên sĩ quan chiếm vị trí của mình phía trước chiếc địa bàn được chiếu sáng.

Trên boong tàu không còn một hành khách nào. Lão Wawrzon và Marysia cũng đã đi xuống phòng chung ở tầng dưới. Quang cảnh trong đó lặng lẽ. Ánh sáng của những ngọn đèn lắp ở mái vòm thấp tỏa ra yếu ớt nhạt nhòa soi vào bên trong và soi vào đám dân di cư đang ngồi trên những chiếc giường kê cạnh tường. Căn phòng lớn tối tăm, đúng như phòng khách hạng tư. Trần của nó gần như nối với thành tàu, những chiếc giường lắp ở đầu mép giữa các lối đi trông giống chiếc hang tối hơn là giường ngủ, còn cả căn phòng tạo cho ta cảm giác đó là một căn hầm lớn. Không khí trong đó pha trộn đầy mùi vải đay khét lẹt, mùi những sợi dây cáp của tàu, mùi dầu máy và ẩm ướt. Làm sao mà so sánh được với những phòng đẹp dễ hạng nhất! Đi trong những phòng đó dù chỉ hai tuần cũng làm cho phổi bị ảnh hưởng vì không khí độc hại, da mặt bị mốc trắng và thường sẽ dẫn đến bệnh hoại huyết. Lão Wawrzon và cô gái mới đi được bốn ngày, nhưng giá như ai đó so sánh cô Marysia làng Lipince xưa kia, khỏe khoắn, ửng hồng, với cô gái hốc hác vì bệnh tật hiện giờ, thì người đó sẽ không nhận ra cô. Ông già Wawrzon cũng trở nên vàng vọt như sáp nến, những ngày đầu tiên hai người họ hoàn toàn không đi lên boong tàu, họ nghĩ rằng không được phép. Mà thực ra họ cũng chẳng biết cái gì được phép làm, cái gì không. Họ gần như không dám nhúc nhích, hơn nữa họ cũng sợ rời xa đồ đạc của mình. Và giờ đây không chỉ họ ngồi, mà tất cả mọi người đều ngồi cạnh những người thân của mình. Những mối liên kết dân di cư đã gắn cả phòng lại với nhau, điều đó càng làm nổi bật sự hỗn độn và tình cảnh buồn thảm của căn phòng. Chăn đệm, quần áo, lương thực dự trữ, các đồ dùng khác nhau và nồi niêu xoong chảo để lẫn lộn với nhau, vớt thành từng đống lớn nhỏ trên khắp nền khoang. Trên đó, những người di cư ngồi, gần như toàn người Đức cả. Người thì hít thuốc lá, kẻ lại ngậm tẩu. Những làn khói hắt từ trần thấp xuống tạo thành những dải khói dài che lấp cả ánh đèn. Vài đứa trẻ khóc ở góc phòng, song tiếng ồn ào thông thường bỗng ngừng lại, sương mù đan vào lòng mọi người một nỗi buồn, nỗi lo sợ và sự bất an mơ hồ. Những người di cư dày dạn kinh nghiệm biết rằng sắp có bão lớn. Hơn nữa

cũng không ai còn không biết rằng nguy hiểm, thậm chí cái chết đang đến gần. Lão Wawrzon và Marysia không thể đoán biết được bất cứ điều gì, mặc dù có khi ai đó trong giây lát hé mở cửa ra, có thể nghe thấy rất rõ rệt cả những giọng nói báo điềm dữ nọ từ xa, từ vô cực vọng đến.

Hai người họ ngồi phía cuối phòng, ở góc khuất nhất, vì vậy cách mũi tàu không xa. Sự chòng chành ở đó cảm nhận rất rõ, vì vậy những người bạn đường đã xô đẩy họ đến đó. Ông già đang nhai bánh mì mang theo từ Lipince, còn cô gái cảm thấy buồn vì không biết làm gì liền tết tóc để chuẩn bị đi ngủ.

Nhưng dần dần tất cả đều im lặng, chỉ còn tiếng trẻ khóc đứt quãng, điều đó khiến cô ngạc nhiên.

- Tại sao bọn người Đức hôm nay ngồi yên lặng như vậy nhỉ? - Cô lên tiếng hỏi.

- Làm sao tao biết được! - Lão Wawrzon trả lời như thường lệ - Chắc là ngày lễ của họ hoặc ngày gì đó...

Bỗng dưng con tàu rung động mạnh, giống hệt như giật nảy mình trước một cái gì đáng sợ. Nồi niêu xoong chảo nằm cạnh nhau kêu lên thảm khốc, ánh đèn nhảy rung lên và phát ra tia sáng mạnh hơn, vài giọng nói sợ hãi lên tiếng hỏi:

- Cái gì thế? Cái gì thế?

Nhưng không có câu trả lời. Lần rung động thứ hai, mạnh hơn lần trước làm con tàu chồm lên; mũi tàu bỗng nhiên nâng cao và cũng bỗng nhiên chìm xuống, đồng thời một làn sóng đánh mạnh vào chiếc cửa sổ tròn ở một bên thành tàu.

- Bão đang đến! - Marysia thì thầm bằng giọng sợ hãi.

Trong khi đó, có cái gì đó nổi lên ầm ầm ở gần con tàu, giống như cánh rừng già bỗng nhiên bị gió lốc nhai nghiền ngẫu; một cái gì đó rống lên, giống như cả đàn chó sói cùng gầm rống. Gió đập lần một, rồi lần hai, đánh vào sườn tàu, sau đó xoay con tàu một vòng, nhấc nó lên cao và chìm xuống vực sâu. Các thanh dầm ngang bắt đầu kêu cọt két,

nồi niêu xoong chảo, tay nải đồ đạc, gói bọc và dụng cụ bay tứ tung trên nền, hất từ góc nọ sang góc kia. Vài người ngã xuống, lông chim trong các đệm gối bay khắp không trung, còn thủy tinh trong những chiếc đèn kêu lên rền rẹt.

Nổi lên tiếng ồn ào, tiếng động âm âm, tiếng nước tràn qua khoang tàu, tiếng giằng xé của con tàu, tiếng thét của phụ nữ và tiếng khóc của trẻ con, tiếng đuổi theo các đồ vật, còn giữa những tiếng động hỗn độn và ồn ào ấy chỉ nghe thấy tiếng hú kinh hồn của gió và thỉnh thoảng tiếng bước chân chạy âm âm trên boong tàu của các thủy thủ.

- Ôi, Thánh đồng trinh Czestochowa! - Marysia thầm thì kêu.

Mũi tàu, nơi hai người đang ngồi bay lên cao, sau đó lại hạ xuống như một người điên rồ. Mặc dù đã nắm chắc vào thành giường, nhưng họ bị đánh bật đi đến mức nhiều lúc đập người vào tường. Tiếng gầm của sóng tăng lên, tiếng cọt két của trần cũng trở nên kinh hoàng đến mức có cảm giác rằng chỉ chốc nữa thôi cả những thanh dầm và ván gỗ cũng sẽ vỡ toác ra kêu răng rắc.

- Hãy giữ chắc vào, Marysia ơi! - Lão Wawrzon hét to để át tiếng gầm thét của bão, nhưng ngay sau đó nỗi lo sợ đã bóp nghẹt cả họng ông già và những người khác nữa.

Trẻ con không dám khóc, phụ nữ không gào; những lồng ngực chỉ còn biết hít thở vội vã, còn các bàn tay thì giữ chặt vào những đồ vật bất động khác nhau.

Sự điên cuồng của cơn bão tăng lên liên tục. Thiên tai hoành hành, sương mù trộn lẫn vào bóng đêm, mây pha trộn với nước, gió lốc với bọt; những đợt sóng đánh vào tàu giống như đạn đại bác và quăng quật nó sang phải, sang trái và ném nó từ trên mây xuống đến tận đáy biển. Đôi lúc những cái bờm đầy bọt của các làn sóng lớn trườn qua cả thân tàu; một khối lượng nước khổng lồ sôi lên hỗn độn kinh hoàng.

Những ngọn đèn dầu hỏa bắt đầu tắt trong phòng. Mỗi lúc một tối hơn, lão Wawrzon và Marysia có cảm giác rằng thời khắc tối tăm chết chóc đã điểm.

- Marysia ơi! - Người đàn ông bắt đầu bằng giọng nói ngắt quãng, do thiếu không khí để thở - Marysia ơi, hãy rời xa ta ra, vì ta đã làm con gục ngã. Giờ khắc cuối cùng của chúng ta đã điểm. Chúng ta sẽ không được nhìn thế giới bằng đôi mắt tội lỗi của mình nữa. Chúng ta không thể xưng tội, cũng không thể phỉ báng, không thể nằm xuống đất, từ dưới nước cũng không thể đi kiện ai, thật khốn khổ.

Còn khi lão nói như vậy thì Marysia hiểu rằng đã không thể cứu vãn được nữa rồi. Nhiều ý nghĩ khác nhau bay qua đầu óc cô, còn trong lòng thì có một cái gì đó đang gào thét:

- Jasko ơi, Jasko yêu quý ơi, ở Lipince anh có nghe thấy em không?

Và nỗi tiếc nuối dâng lên bóp nghẹt tim cô đến mức cô bắt đầu khóc nức nở rất to. Tiếng khóc nức nở vang lên trong căn phòng, nơi tất cả mọi người đều im lặng giống như trong đám tang. Một tiếng hét vang lên từ góc phòng: *Still!**, nhưng lập tức khựng lại, giống như hoảng sợ chính tiếng nói của mình. Thủy tinh trên đèn lại rơi xuống đất, tia sáng tắt ngấm. Mọi thứ càng trở nên tối tăm hơn. Mọi người tụ tập lại một góc, để được gần nhau hơn. Mỗi lo ngại ngự trị khắp nơi, bỗng nhiên từ giữa sự tĩnh lặng vang lên giọng nói của lão Wawrzon:

- Xin Chúa đoái thương.

- Xin Chúa Jesus đoái thương. - Marysia vừa đáp lại vừa nức nở.

- Chúa Jesus xin hãy nghe chúng con!

- Chúa từ trên trời ơi, Chúa ơi, hãy đoái thương chúng con! - Cả hai người đều cầu kinh. Trong căn phòng tối giọng của ông già và tiếng khóc đứt quãng của cô gái đáp lại vang lên một cách trịnh trọng hết sức lạ kì. Một số người di cư để lộ đầu mình ra. Dần dần tiếng khóc của cô gái ngừng lại, những giọng nói trở nên bình thản hơn, trong trẻo hơn. Từ bên ngoài đáp lại họ là tiếng bão gào thét.

Bỗng một tiếng thét vang lên giữa những người đứng gần cửa ra vào. Đợt sóng lớn ập vào cánh cửa và tràn vào căn phòng: nước sủi bọt tràn

vào mọi góc ngách; phụ nữ bắt đầu kêu thét và giữ chặt lấy giường. Mọi người đều cho rằng đã đến giờ kết thúc.

Sau đó giây lát, viên sĩ quan trực với chiếc đèn pin trong tay bước vào, cả người ông ta ướt đầm và ửng đỏ. Ông an ủi đám phụ nữ bằng vài lời giải thích rằng nước tràn vào chỉ là tình huống bất ngờ, sau đó bổ sung rằng tàu đang đi trên biển khơi, tình trạng bất an không phải là lớn. Tình trạng như vậy kéo dài một, hai tiếng đồng hồ. Bão gầm rú càng lúc càng dữ tợn. Con tàu kêu lên ken két, ngập mũi xuống, lật sang bên nọ bên kia, nhưng nó không chìm. Mọi người tương đối yên tâm; một số đi ngủ. Lại mấy tiếng đồng hồ nữa trôi qua; ánh sáng mờ nhạt bắt đầu len lỏi qua ô cửa sổ ở tầng trên rọi xuống căn phòng tối tăm. Ngày bắt đầu trên đại dương nhợt nhạt, như vẫn đang còn sợ hãi, buồn rầu, tối tăm; song cũng mang đến một sự động viên và hi vọng. Sau khi làm bầm những đoạn kinh mà mình thuộc lòng, lão Wawrzon và Marysia bò lên giường mình và thiếp đi mê mết.

Mãi đến khi nghe tiếng chuông gọi dậy ăn sáng, họ mới tỉnh giấc. Tuy nhiên họ không thể ăn nổi. Đầu óc họ nặng như chì; ông già cảm thấy khó chịu hơn cô gái. Trong đầu óc già nua của lão giờ đây không thể chứa đựng được bất cứ thứ gì. Gã người Đức, kẻ gạ gẫm lão đi Mỹ cũng có nói phải vượt biển, nhưng không bao giờ lão nghĩ rằng phải qua biển nước lớn đến như vậy, rằng phải đi chừng ấy ngày đêm. Lão nghĩ rằng sẽ đi bằng phà, giống như nhiều lần trong đời lão đã từng vượt qua. Giá như biết rằng biển lớn đến chừng ấy thì có lẽ lão đã ở lại Lipince. Ngoài ra còn một ý nghĩ nữa đang ngự trị trong lão một cách bất an: đó là liệu linh hồn lão và con gái lão có bị mất đi hay không, liệu đối với một tín đồ Công giáo ở Lipince có phải là tội lỗi khi làm náo động đến Chúa và đi xuống đáy sâu như vậy, qua đó phải đi đến ngày thứ năm mà chưa đến bờ bên kia, nếu như nói chung là có bờ ở bên kia? Những nỗi hoài nghi của lão và nỗi sợ hãi còn lớn lên hơn nữa trong suốt bảy ngày; cơn bão còn hoành hành điên cuồng thêm bốn mươi tám giờ nữa, sau đó rồi nó cũng chấm dứt. Lão lại cùng với Marysia mạnh dạn đi lên boong tàu. Khi nhìn thấy những đợt sóng lớn

đen ngòm vẫn tiếp tục tràn lên, nhìn thấy những núi nước kéo đến đổ ập vào tàu và những vực thẳm sâu không đáy, lão lại nghĩ rằng có lẽ bàn tay Chúa hoặc một sức mạnh nào đó khác thường, chứ không phải sức người đã cứu họ thoát ra khỏi bờ vực thẳm.

Cuối cùng, thời tiết cũng đẹp trở lại. Ngày lại ngày trôi qua mà phía trước mũi tàu vẫn chỉ nhìn thấy vực thẳm và vực thẳm không đáy, đôi lúc có màu xanh lá cây, đôi chỗ màu da trời hòa lẫn với bầu trời. Trên bầu trời ấy đôi khi có những đám mây nhỏ trắng sáng lượn lờ, rồi buổi tối trở nên đỏ ửng nằm phơi mình ở phía tây xa thẳm. Tàu đuổi theo chúng trên mặt nước. Lão Wawrzon thực tình nghĩ rằng có lẽ biển hoàn toàn không bao giờ kết thúc, nhưng lão cũng dừng cảm và quyết định hỏi.

Một lần, lão bỏ chiếc mũ lưỡi trai xuống và sau khi nhún nhường cúi đầu trước chân người thủy thủ đang đi ngang qua và lên tiếng:

- Thưa ngài quyền quý, chúng ta còn đi lâu nữa không ạ?

Thật ngạc nhiên! Thủy thủ nọ không bật cười, mà còn đứng lại và lắng nghe. Trên khuôn mặt đỏ ửng nhăn nheo sóng gió của anh ta có thể nhận thấy anh đang cố nhớ lại và những hồi ức từ xa xôi ấy không thể ngay lập tức tạo thành một ý thức trong đầu... Sau giây lát, anh ta hỏi:

- Cái gì?

- Còn bao lâu nữa chúng ta sẽ đến đất liền, thưa ngài quyền quý?

- Hai ngày! Hai ngày nữa! - Người thủy thủ nhắc lại một cách khó khăn, vừa nói vừa giơ hai ngón tay ra.

- Cảm ơn ông vô cùng.

- Ông từ đâu đến?

- Từ Lipince.

- Lipince là cái gì?

Marysia, kẻ đi đến trong lúc cuộc nói chuyện diễn ra, đỏ ửng cả mặt mày, nhưng sau khi bẽn lễn mở to đôi mắt ra nhìn người thủy thủ, liền lên tiếng bằng giọng nhỏ nhẹ, giống như các cô gái làng thường nói:

- Chúng tôi ở gần Poznan, thưa ngài...

Người thủy thủ bắt đầu vừa nghĩ ngợi, vừa nhìn lên đầu đỉnh bằng đồng thau nổi giữa mạn tàu; sau đó nhìn lên cô gái, nhìn lên mái tóc sáng như lanh của cô và một cái gì đó, giống như sự mùi lòng hiện lên trên khuôn mặt nứt nẻ của anh ta.

Sau giây lát anh trịnh trọng lên tiếng:

- Tôi đã từng sống ở Gdansk... Tôi hiểu tiếng Ba Lan... Tôi là người Kashuba... người anh em của các bạn, nhưng đó là từ ngày xưa!... *Jetzt ich bin Deutsch...**

Sau khi nói hết câu, anh ta nhắc đầu dây mà trước đây vẫn nắm trong tay lên, quay người lại và cất tiếng hò theo kiểu thủy thủ: “Ho! Ho! O!”, rồi bắt đầu kéo dây...

Kể từ đó, cứ mỗi lần lão Wawrzon và Marysia có mặt trên boong tàu, nhìn thấy họ, anh đều mỉm cười với Marysia với vẻ thân thiện. Họ cũng tỏ ra vô cùng vui mừng, vì đã có một tâm hồn sống để ý đến họ trên con tàu Đức này. Hơn nữa, con đường cũng không còn dài nữa. Sáng ngày thứ Hai, khi họ lên boong tàu, một cảnh tượng lạ đập vào mắt họ. Họ nhìn thấy từ phía xa một cái gì đó chòng chênh trên biển, còn khi con tàu đến gần vật đó, thì họ nhận ra đó là một cái thùng phi lớn màu đỏ mà sóng đập vào êm dịu: ở phía xa lại có một thùng đỏ giống như vậy, rồi cái thứ ba và cái thứ tư nữa. Không khí và nước tương đối mờ mịt, nhưng không quá đáng, thường có màu bạc và êm dịu, nước không sâu lắm, không dào dạt, song khi hướng ánh mắt lên nhìn thì ngày càng thấy nhiều thùng phi dập dờn trên biển. Chim chóc cánh trắng và đen, từng đàn bay đến phía sau tàu và kêu lên inh ỏi. Cảnh tượng trên boong tàu nhộn nhịp hẳn lên. Thủy thủ mặc áo nẹp mới; người thì rửa boong, kẻ thì lau chùi những mối nối bằng đồng thau giữa mạn tàu và cửa sổ, trên cột buồm treo một lá cờ đuôi nheo trắng, còn ở đuôi tàu gắn một lá cờ khác lớn hơn.

Sự sôi động và niềm vui bao trùm lên mọi hành khách. Tất cả những gì còn sống đều chạy lên boong tàu; một số người mang cả lên boong các bao tải và bắt đầu tháo nút buộc ra.

Nhìn thấy tất cả những thứ đó, Marysia kêu lên:

- Chắc chắn chúng ta đã đến đất liền rồi.

Tinh thần phấn khởi rạo rực trong cô và lão Wawrzon. Cứ như thế cho đến lúc ở phương tây hiện ra trước tiên là đảo Sandy Hook và đảo thứ hai, với một tòa nhà cực lớn đứng sừng sững ở ngay chính giữa, còn ở đằng xa, hình như sương mù đang dâng lên dày đặc, cũng có lẽ là mây, hoặc khói gì đó bay thành từng dải trên mặt biển hỗn độn, không rõ ràng, xa tít tắp, đục ngầu, không hình dạng... Nhìn thấy cảnh tượng đó, mọi người đều ồn ào hân hoan; tất cả đều chỉ trỏ bằng tay, con tàu cũng huýt còi thất thanh như tỏ ra vui mừng.

- Cái gì thế nhỉ? - Lão Wawrzon hỏi.

- New York. - Gã người Kashuba đứng bên cạnh đáp.

Ngay lúc đó, những làn khói bắt đầu như tản mát đi rồi mất hút, và trên nền các đám mây đó, khi con tàu xé làn nước bạc tiến tới, bắt đầu xuất hiện hình dáng những ngôi nhà, mái ngói, ống khói; những tháp nhọn hoắt càng lúc càng hiện lên rõ rệt trên nền xanh thẫm. Bên cạnh tháp là những ống khói cao ngất của các nhà máy, trên ống khói là các đám khói vật vờ như những chùm lông tơ trên cao. Ở dưới phía trước thành phố là một rừng cột buồm, còn trên đỉnh của chúng là hàng ngàn những lá cờ đuôi nheo sặc sỡ, đung đưa theo gió biển như những bông hoa trên đồng cỏ. Con tàu tiến ngày càng gần hơn, một thành phố tuyệt vời như nổi lên từ dưới nước. Một niềm vui lớn xen lẫn cả sự ngạc nhiên trào dâng trong lão Wawrzon; lão bỏ mũ xuống, mở to miệng và chăm chú nhìn, sau đó nói với cô gái:

- Marysia ơi!

- Ôi, Chúa ơi!

- Con có nhìn thấy không?

- Con nhìn thấy.

- Có ngạc nhiên không?

- Có ngạc nhiên.

Nhưng lão Wawrzon không chỉ tỏ ra ngạc nhiên, mà đã lú lẫm. Khi nhìn thấy những bờ xanh rờn ở cả hai phía của thành phố và những vành thẫm màu của các công viên, lão nói tiếp:

- Ôi! Vinh danh Chúa! Giá như người ta cho chúng ta đất ngay gần thành phố với đồng cỏ này nhỉ, lúc ấy thì đi chợ thật gần. Khi chợ phiên tới: lừa bò, lừa lợn đến và thế là tha hồ bán. Dân chúng ở đây rõ thật là đông đúc. Ở Ba Lan mình là nông dân, còn ở đây sẽ là ông chủ...

Trong giây phút đó, công viên Dân tộc tuyệt vời, dài tít tắp đã hiện ra ngay trước mắt lão. Lão Wawrzon, sau khi nhìn thấy công viên nọ cùng các khóm cây, lại nói:

- Tôi xin cúi đầu trước ngài ủy viên hội đồng đáng kính, xin phép nói thẳng ra rằng, chỉ cần cho tôi hai mẫu rừng kia thôi, còn lại tôi sẽ gom đủ. Khi là của thừa kế thì đó là của thừa kế. Gã người làm cùng với cây cối sẽ được phái vào thành phố buổi sáng. Vinh danh Chúa tối thượng, bởi tôi thấy rằng gã người Đức không lừa dối...

Marysia cũng cảm thấy như có cặp vợ chồng đang mỉm cười và chính bản thân cô không hiểu tại sao lại nảy sinh trong đầu bài hát mà hồi ở Lipince các cô gái chưa chồng trong đám cưới thường hát cho các chàng rể nghe:

Anh đã làm gì, chàng rể?

Anh đã làm gì, chàng rể?

Cả gia tài thừa kế của anh

Cả mũ mũng và y phục kia.

Liệu cô có ý định hát một bài gì đó giống như vậy cho anh chàng Jasko khốn khổ nghe, khi anh đến đây với cô, và lúc đó cô đã là một bà chủ giàu có?

Trong khi đó, một tàu nhỏ ở bộ phận kiểm dịch bơi đến chỗ con tàu. Bốn, năm người leo lên boong. Họ bắt đầu các cuộc đối thoại và hỏi han. Sau đó không lâu, tàu thứ hai từ chính thành phố bơi đến, mang

theo những nhân viên khách sạn và người cho thuê nhà, người dẫn đường, người đổi tiền, nhân viên đường sắt: tất cả đều hò hét văng trời, xô đẩy nhau, lượn lờ khắp boong tàu.

Lão Wawrzon và Marysia như lọt vào giữa chiếc cối xay bột và không biết phải làm gì.

Gã người Kashuba khuyên ông già đổi tiền và hứa là không để lão bị lừa, vì vậy lão Wawrzon đã nghe theo. Với những thứ mà lão có, lão nhận được bốn mươi bảy đô la bằng bạc. Trước khi mọi chuyện đó diễn ra, con tàu đã tiến gần tới thành phố đến mức không chỉ nhìn thấy những ngôi nhà, mà còn thấy người đứng trên các đại lộ, sau đó tàu cứ từng giây từng phút vượt qua các tàu lớn nhỏ khác nhau, cuối cùng tiến sát đến cầu tàu và vào bến hẹp của cảng.

Cuộc hành trình kết thúc.

Mọi người bắt đầu đổ ra khỏi tàu giống như đàn ong rời tổ. Trên chiếc cầu gỗ hẹp đặt giữa mạn tàu và bờ, đám đông đầy màu sắc lần lượt vượt qua: trước tiên là hạng nhất, sau đó hạng hai, cuối cùng là những người đi khoang dưới, người bốc vác hàng hóa. Khi lão Wawrzon và Marysia bị đám đông xô đẩy nhích gần tới mạn tàu thì gã người Kashuba cũng xuất hiện. Hắn xiết chặt tay lão Wawrzon và nói:

- Người anh em, chúc may mắn! Và cả cô nữa, cô gái! Chúa phù hộ cho các người.

- Thưa ngài, Chúa sẽ trả ơn ngài! - Cả hai cùng lên tiếng đáp, nhưng không có thời gian tiễn biệt nhau lâu.

Đám đông xô đẩy họ đến chiếc cầu gỗ nghiêng và giây lát sau, họ đã có mặt ở căn nhà hải quan rộng lớn.

Nhân viên hải quan mặc chiếc áo choàng dài màu thẫm với ngôi sao bạc khám xét đồ đạc của họ, sau đó hét to: *All right*, và chỉ ra phía cửa. Họ bước ra và đi trên đường phố.

- Bố ơi, thế chúng ta làm gì bây giờ? - Marysia lên tiếng.

- Chúng ta phải chờ. Gã người Đức nói là ngay sau đây sẽ có người của chính phủ tới và họ sẽ hỏi về chúng ta.

Vì vậy, họ đứng ở dưới chân tường chờ viên chức của chính phủ tới. Bao bọc xung quanh họ là tiếng ồn ào của thành phố rộng lớn, không quen biết. Chưa bao giờ họ nhìn thấy một cái gì giống như thế. Các đường phố chạy thẳng tắp, rộng thênh thang, còn dọc theo phố xá là những đám người đông như trong phiên chợ; ở giữa là các cỗ xe ngựa có mui, xe buýt, xe vận tải. Quanh họ là thứ tiếng nói kì quặc, lạ lùng, những tiếng hét của các công nhân và người mua bán. Thỉnh thoảng, đám người đen kịt với những cái đầu rất lớn và mái tóc xoắn tít đi ngang qua họ. Nhìn thấy đám người ấy, lão Wawrzon và Marysia làm dấu thánh giá. Thành phố này đối với bố con họ thật kì lạ, thật ồn ào náo nhiệt, đầy tiếng còi huýt của các đầu máy, tiếng ầm ầm của xe cộ và tiếng hò hét của con người. Mọi người ở đó đều chạy rất nhanh, giống như đang đuổi theo ai đó hoặc chạy trốn trước một người nào đó, còn trong đám người đông như kiến ấy thì dân chúng ra sao, những khuôn mặt họ kì lạ thế nào; người thì đen, kẻ thì màu ô liu, kẻ lại đỏ au. Đúng ở chỗ họ đứng, gần cảng, người đi lại tấp nập hơn cả; từ những chiếc tàu này, người ta khuân đồ đạc xuống và mang chất lên những chiếc tàu khác, xe cộ chốc chốc lại vào ra, xe cút kít kêu ầm ầm trên cầu gỗ, sự hỗn độn và nhộn nhạo diễn ra như ở nhà máy cửa.

Cứ như vậy, tiếng đồng hồ đầu tiên và thứ hai trôi qua, hai người họ vẫn đứng dưới tường chờ người của ủy ban đến.

Người nông dân với mái tóc dài trắng phau, trong chiếc mũ lưỡi trai hình chú cừu và cả cô gái làng Lipince, với chiếc áo màu xanh thẫm, chuỗi hạt đeo ở cổ đã trở thành hình ảnh lạ lùng trên bờ biển nước Mỹ, tại thành phố New York.

Nhưng mọi người đi qua họ thậm chí không thèm nhìn. Ở đó người ta không ngạc nhiên trước bất kì khuôn mặt nào cũng như cách ăn mặc nào.

Lại một tiếng đồng hồ nữa trôi qua. Bầu trời phủ đầy mây, bắt đầu có mưa tuyết, từ mặt nước một cơn gió ẩm và lạnh kéo đến...

Họ vẫn đứng chờ người của ủy ban.

Bản tính tự nhiên của người nông dân là kiên nhẫn, song có một cái gì đó nặng nề bắt đầu nảy sinh trong tâm hồn họ.

Ở trên tàu họ đơn độc, giữa những kẻ xa lạ và cảnh hoang vắng của nước, họ cảm thấy tồi tệ và sợ hãi. Họ cầu Chúa, mong Người dẫn dắt họ như những đứa trẻ lạc lõng vượt qua đáy biển sâu thẳm. Họ nghĩ rằng chỉ cần chân họ chạm vào mặt đất thì sự rủi ro của họ sẽ kết thúc. Giờ đây họ đã đến nơi, đang có mặt giữa thành phố khổng lồ, nhưng trong thành phố ấy, giữa cảnh tượng những con người ồn ào, họ bỗng cảm thấy mình trở nên cô đơn hơn và sợ hãi hơn khi còn ở trên tàu.

Người của ủy ban không đến. Họ sẽ bắt đầu thế nào nếu như người kia hoàn toàn không đến, nếu như gã người Đức đánh lừa họ?

Trước ý nghĩ lo sợ về điều đó, trái tim khốn khổ của người nông dân run rẩy. Họ phải làm gì đây? Chỉ còn cách chết.

Trong khi đó, gió lùa qua quần áo họ, mưa làm họ ướt sũng.

- Marysia ơi, con có lạnh không? - Lão Wawrzon hỏi.

- Lạnh lắm, bố ơi. - Cô gái đáp.

Đồng hồ của thành phố lại điểm thêm một tiếng nữa. Trời đã tối đen. Những chuyển động ở cảng đã dừng lại, trên các phố người ta đã thắp đèn đường: một biển ánh sáng rậm rạp sáng bừng lên trong toàn thành. Công nhân từ cảng cất giọng khàn khàn bài *Yankee Doodle*, và lũ lượt kéo thành từng đám người lớn nhỏ đi về thành phố. Đại lộ dần dần vắng hẵn người qua lại. Ngôi nhà hải quan đóng cửa.

Họ vẫn đứng chờ người của ủy ban.

Cuối cùng, màn đêm đã buông xuống và bến cảng trở nên lặng lẽ. Thịnh thoảng chỉ có những ống khói đen ngòm của các con tàu kêu phì phì phun ra những luồng ánh sáng của các tia lửa rồi tắt ngấm trong màn đen, hoặc chỉ có tiếng sóng vỗ ì oạp vào đại lộ lát đá. Đôi lúc vang lên tiếng hát của một thủy thủ say đang trên đường trở về tàu, ánh sáng của những ngọn đèn trong sương mù tỏa ra yếu ớt. Họ vẫn chờ đợi.

Cho dù không muốn chờ nữa thì họ biết đi đâu, làm gì, xoay xở ở đâu, ở đâu có thể sưởi ấm những cái đầu mệt mỏi? Cái lạnh càng lúc

càng tác động vào họ nặng nề hơn, họ bắt đầu bị cái đói hành hạ. Giá như có một mái nhà che đầu họ, vì họ đã bị ướt đến áo sơ mi. Ôi! Người của ủy ban không đến và sẽ không đến, bởi làm gì có những người của ủy ban như vậy. Gã người Đức là nhân viên của chiến dịch vận chuyển, đếm số người nhận hoa hồng và không biết gì hơn nữa.

Lão Wawrzon cảm thấy chân mình lung lay chới với, rằng có một sức nặng rất khủng khiếp đang đè lão xuống đất, rằng có lẽ cơn giận dữ của Chúa đang treo lơ lửng trên đầu lão.

Lão chịu đựng và chờ đợi, như một người nông dân cam chịu. Giọng nói của cô gái run rẩy vì giá rét đánh thức lão thoát khỏi cơn choáng váng.

- Bố ơi!

- Im đi nào! Không ai có lòng nhân từ đối với chúng ta!

- Chúng ta quay về Lipince đi...

- Mà đi xuống biển mà tự tử...

- Chúa ơi! Chúa ơi! - Marysia thầm thì khe khẽ.

Lão Wawrzon vội bốt nỗi đau.

- Ôi, đứa con côی cút, ôi con người khốn khổ!... Con chỉ cần Chúa đoái thương đến đứa con của con thôi...

Nhưng cô đã không nghe được tiếng lão. Sau khi tựa đầu vào tường, cô nhắm nghiền mắt lại. Giấc mơ kéo đến, giấc mơ ngắt quãng, nặng nề, nóng bỏng, và trong giấc mơ như có bức tranh lồng trong khung kính hiện ra: làng Lipince và một cái gì đó như bài hát của anh chàng chăn ngựa Jasko:

Nàng đã làm gì, cô dâu?

Nàng đã làm gì, cô dâu?

Cả gia tài thừa kế của cô

Và vòng hoa cửu lí hương.

Ánh bình minh đầu tiên trên cảng New York hắt xuống nước, hắt lên các cột buồm và lên tòa nhà hải quan.

Trong ánh sáng nhợt nhạt đó có thể nhận ra hình dạng hai người đang ngủ dưới chân tường, với khuôn mặt nhợt nhạt tím tái, dính đầy tuyết, bất động giống như đã chết. Nhưng trong quyển sách số phận rủi ro của họ, đó mới chỉ là những trang đầu tiên được lật ra, số phận tiếp theo chúng tôi sẽ kể sau đây.

II

Ở NEW YORK

Từ đường phố rộng rãi Broadway ở New York đi về phía cảng theo hướng quảng trường Chattam và vượt qua hơn một chục phố kế tiếp, du khách sẽ bắt gặp phần thành phố càng lúc càng nghèo hơn, càng hoang phế và tối tăm hơn. Các đường phố càng lúc càng trở nên nhỏ hẹp hơn. Các ngôi nhà có lẽ được những người Hà Lan lập trại ấp xây dựng đã ngả màu và xiêu vẹo cùng với thời gian: mái nhà lồi lõm, vôi vữa lở từ trên tường xuống, chính các bức tường cũng ngập sâu xuống đất đến mức các cửa sổ ở tầng dưới chỉ hở ra phần trên so với mặt đường phố. Các đường cong kì lạ ở đây đã thay chỗ cho những đường thẳng được ưa chuộng ở Mỹ; các mái nhà và tường xây không được căng bằng dây tụ tập lại một chỗ và những viên ngói lợp nhà gợn sóng xếp thành tầng chồng chất lên nhau.

Vì phần thành phố này nằm trên bờ biển nên vùng nước ở các ổ gà trên đường phố hầu như không lúc nào cạn, còn các bãi đất nhỏ xây dựng kín xung quanh trông giống như những ao thả cá chứa đầy thứ nước đen thui, đặc quánh và tù đọng. Cửa sổ của các ngôi nhà hoang tàn ảm đạm soi bóng trên làn nước mà trên bề mặt dơ bẩn của nó nổi lên các mẫu giấy, bìa cát tông, mảnh thủy tinh, cây cối và tấm sắt tây của các hòm trên tàu; những mảnh vụn vút đầy trên các đường phố và có lẽ bao phủ trên đó là cả một lớp bùn. Ở mọi nơi đều nhìn thấy sự bẩn thỉu, hỗn độn và cảnh nghèo khổ của con người.

Chính ở trong phần này của thành phố có các “căn hộ cho thuê”, tức là những nhà trọ, trong đó với giá hai đô la một tuần có thể nhận được

chỗ ngủ và được nuôi dưỡng toàn bộ; ở đây cũng có các quán rượu, tức là các phòng uống, trong đó những chủ tàu săn cá voi tuyển lựa mọi hạng người lang thang không nghề nghiệp đưa lên tàu mình; có đại diện thương mại gian lận Venezuela, Ecuador và Brazil, mục đích là gạ gẫm đi khai khẩn vùng xích đạo và cung cấp cho bệnh sốt rét một số lượng nạn nhân khá; có những nhà hàng rẻ tiền nuôi khách của mình bằng thịt ướp mặn, những con hàu sò và cá ươn, mà chính nước biển hắt lên cát; có những căn nhà bí mật chơi xúc xắc, những tiệm giặt Trung Quốc, những chỗ nường nấu khác nhau cho các thủy thủ; cuối cùng đây cũng là những hang động của tội ác, sự nghèo khổ, đói khát và nước mắt.

Và phần này của thành phố lại rất nhộn nhịp, vì toàn bộ là người di cư, những kẻ không tìm được dù chỉ trong giây lát chỗ ở trong các lán trại ở Castle Garden và không muốn hoặc không thể đến cái gọi là “nhà của người làm công”, tức là những ngôi nhà của công nhân, họ tụ tập ở đây, sinh hoạt, sống và chết. Mặt khác cũng có thể nói rằng nếu như người di cư là cận bã của các xã hội châu Âu, thì những cư dân của các ngõ ngách nọ chính là cận bã của dân di cư. Những người đó lang thang một phần vì không có công ăn việc làm, nhưng phần khác thì vì yêu thích cuộc sống đó. Ở đây, đêm đêm cũng thường vang lên tiếng nổ của súng lục, tiếng kêu cứu, tiếng hét phẫn nộ, giọng hát say rượu của người Ireland hoặc tiếng gào rống của đám người da đen đánh lộn nhau. Vào ban ngày, thỉnh thoảng cả một đoàn những kẻ lang thang, mũ trên đầu rách rưới, tẩu thuốc ngậm trong miệng, sẵn sàng nắm đấm trong tay, cá cược với nhau từ một đến năm xu cho việc đập vỡ kính một ô cửa sổ. Trẻ con da trắng và các cô gái nhỏ da đen tóc quăn tít, thay cho việc đến trường học lại đi lang thang ngoài phố, vừa đi vừa lúc lắc khúc xương sườn bò hoặc tìm trong vũng bùn những thứ còn lại của mớ rau, quả cam hoặc chuối; đám phụ nữ Ireland gầy còm chìa tay ra trước những người qua đường lạnh lặn, nếu như họ đi lạc qua đó.

Trong địa ngục của con người đó, chúng ta tìm thấy những người quen biết cũ của chúng ta: lão Wawrzon Toporek và con gái lão,

Marysia. Cửa thừa kế mà họ mong đợi chỉ là giấc mơ và giấc mơ ấy đã tan ra mây khói, còn thực tế hiện ra trước mắt chúng ta là một căn phòng nhỏ hẹp, úp sát xuống đất, có một ô cửa sổ mà kính bị đập. Các bức tường của căn hộ đó mốc meo và ẩm ướt; cạnh tường có chiếc lò sưởi làm bằng sắt đã bị gỉ và thùng lỗ cùng chiếc bàn nhỏ ba chân; ở góc phòng có một ít rơm đại mạch dùng làm giường ngủ.

Đó là mọi thứ. Ông già Wawrzon vừa quỳ trước lò sưởi vừa tìm kiếm xem trong đồng tro tàn còn sót lại củ khoai tây nào không và hôm nay đã là ngày thứ hai chốc chốc lão lại quay lại tìm kiếm một cách vô ích như vậy; còn Marysia thì ngồi trên ổ rơm và để hai tay bó sát đầu gối, cô nhìn với vẻ bất động xuống sàn nhà. Cô gái bị ốm và kiệt sức. Cũng vẫn là Marysia, nhưng đôi má hồng hào ngày nào của cô không còn nữa, da cô trở nên nhợt nhạt và bệnh tật, cả khuôn mặt cũng như trở nên nhỏ hơn ngày xưa, còn đôi mắt thật lớn và cứ nhìn không chớp. Rõ ràng là khuôn mặt cô bị không khí thối mục làm ảnh hưởng, nổi ưu phiền và những món ăn tàn tệ. Họ chỉ được nuôi bằng khoai tây, nhưng đã hai ngày nay ngay cả khoai tây cũng không còn. Bây giờ họ hoàn toàn không biết phải làm gì và tiếp tục sống bằng cái gì. Đã là tháng thứ ba trôi qua kể từ lúc họ sống trên mặt đường và ở trong hang ổ này, vì vậy không có tiền. Ông già Wawrzon cố thử hỏi tìm việc, nhưng thậm chí người ta không hiểu lão muốn gì; lão đi đến cảng bốc vác hàng hóa và xúc than lên tàu, nhưng không có xe cút kít, hơn nữa những người Ireland đâm thẳng vào mặt lão; lão muốn mang rìu vào làm ở chỗ xây dựng bến tàu, người ta lại đánh vào mặt lão. Hơn nữa công nhân gì loại lão, khi mà không hiểu người ta nói gì với mình! Lão chạm tay vào đâu, muốn làm một công việc gì, định đi đến chỗ nào, người ta cũng đều cười nhạo lão, đẩy lão ra, cản đường lão, đánh đập lão; vì vậy lão không kiếm được đồng xu nào ở đâu và không cầu xin được ai. Tóc lão bạc trắng vì nổi ưu phiền, vì đã cạn kiệt niềm hi vọng, cạn kiệt tiền nong, và bắt đầu đói.

Ở trong nước, giữa người mình với nhau, giá như lão bị mất tất cả, giá như bệnh tật dày dụa lão, giá như con cái đuổi lão ra khỏi nhà, thì...

chỉ cần cầm chiếc xẻng trong tay, đứng trước cây thánh giá ở ngã ba đường hoặc bên cạnh cửa nhà thờ nào đó và hát câu: “Chúa rộng lòng nhân từ, hãy nhận tiếng khóc trào máu của con”, Chúa sẽ đến, có thể sẽ cho mười đồng bạc, bà chủ đi trên xe sẽ phái đứa trẻ mang tiền đến cho trong bàn tay hồng hào và mở to đôi mắt nhìn vào người ăn mày; người đàn ông có thể nhận được nửa ổ bánh mì, một mẩu mỡ lợn và có thể sống, mặc dù giống như con chim, không cần gieo hạt, không cần cày cấy. Hơn thế nữa, nếu cứ đứng dưới cây thánh giá thì lão sẽ được đôi vai Chúa bao bọc, ở trên cao là trời, xung quanh là cánh đồng và trong cảnh tĩnh lặng đồng quê nọ, Chúa sẽ nghe thấy tiếng hát của lão. Còn ở trong thành phố này âm vang một cái gì đó thật kinh sợ, giống như trong cỗ máy khổng lồ, trong đó mỗi người đều cố xô lên phía trước, chỉ nhìn về phía trước, và không ai nhìn thấy nỗi khổ đau của kẻ khác. Ở đây thì đầu óc quay cuồng, đôi tay duỗi thẳng, mắt không chứa đựng được mọi thứ lọt vào trong đó, ý nghĩ này đuổi theo ý nghĩ kia. Ở đây mọi thứ đều kì quái, lạ lẫm, đẩy ra và xua đuổi đến mức mỗi người, dù có biết xoay xở trong chỗ nước xoáy đó thì do sức đẩy cũng phải bay vọt ra khỏi bánh xe và vỡ tan ra giống như một chiếc bình sứ.

Chao ơi! Thật là khác nhau! Trong khi ở Lipince yên bình, lão Wawrzon là ông chủ, người có tài sản, có đất đai, được mọi người kính nể, mỗi ngày đều có cái ăn đầy đủ, Chủ nhật ra đứng trước bàn thờ với đèn nến sáng trưng; còn ở đây, lão là người cuối cùng giữa mọi người, giống như con chó lạc trên sân nhà lạ, nhút nhát, run rẩy, co tròn lại và đói khát. Trong những ngày đầu tiên gặp rủi ro, những hồi ức thường xuyên lên tiếng: “Ở Lipince mi sống tốt hơn nhiều”, lương tâm gào thét: “Wawrzon ơi, tại sao mi lại rời bỏ Lipince?” Tại sao ư? Bởi vì Chúa đã rời bỏ lão. Lão hoàn toàn có thể mang cây thánh giá của mình, có thể chịu đựng, nếu như phía trước lão, con đường đau khổ sẽ kết thúc ở đâu đó; nhưng lão biết rõ rằng, mỗi ngày tới sẽ càng thêm nhiều ách tai ương khắc nghiệt hơn và mỗi buổi sáng mặt trời sẽ càng đổ xuống nhiều nỗi nhọc nhằn hơn cho lão và con gái lão. Vậy thì làm gì đây? Lão phải xoắn dây thừng, lên tiếng cầu kinh và treo cổ ư? Người

đàn ông không chớp mắt trước cái chết, nhưng cái gì sẽ xảy ra với cô con gái? Khi nghĩ về tất cả những điều đó, lão cảm thấy rằng không chỉ có Chúa từ bỏ lão, mà cả lí trí cũng rời xa lão. Không có chút ánh sáng nào trong màn đêm đen kịt mà lão nhìn thấy ở phía trước mình, còn nỗi đau đớn nhất thậm chí lão không biết gọi tên là gì nữa.

Nỗi đau lớn nhất đó chính là nỗi nhớ Lipince. Nỗi nhớ ấy hành hạ lão cả ngày và đêm, càng hành hạ khủng khiếp hơn vì lão không biết đó là cái gì, lão cần cái gì, tâm hồn nông dân trong lão khao khát hướng tới cái gì và vì cái gì đang quặn quại đau khổ: còn lão cần cánh rừng thông, cánh đồng và căn nhà tranh mái rơm, và những ông chủ, và những người nông dân, và cha đạo, và tất cả mọi thứ, những cái cần cho một mái ấm gia đình bám víu, còn cái mà trái tim khao khát, thì không thể tách ra được, khi tách rời nó ra thì sẽ rớm máu. Người đàn ông cảm thấy rằng có một cái gì đó đang nén lão xuống đất. Đôi khi lão cảm thấy vui vì có người nắm tóc kéo bay lên và đập đầu vào tường hoặc lao xuống đất, hoặc rống lên như chó bị xích, hoặc kêu gào như trong khi lạc - gọi ai? Bản thân lão không biết. Bây giờ đây, lão đang bị thối mục dưới gánh nặng không biết là cái gì này, đang rơi xuống, còn thành phố xa lạ này cứ gặm thét và gặm thét; lão rên rỉ và cầu xin Chúa Jesus, còn ở đây không có cây thánh giá, không ai lên tiếng trả lời, chỉ có thành phố gặm gào và gặm gào, còn trên giường cô con gái vẫn ngồi với đôi mắt nhìn chăm chăm xuống đất, cô đói khát, và cô im lặng chịu đựng. Một chuyện lạ! Hai người họ ngồi cùng với nhau và thông thường suốt cả ngày dài không ai nói với ai câu nào. Họ sống giống như đang có mối bất hòa lớn với nhau, sống như vậy thật tồi tệ và nặng nề, song họ biết nói gì? Những vết thương đang sưng mủ tốt hơn hết là không nên chạm vào. Chẳng lẽ nói rằng không còn tiền trong túi, không còn khoai tây trong bếp, không còn giải pháp nào trong đầu.

Họ cũng không nhận được sự trợ giúp từ bất cứ người nào. Người Ba Lan sinh sống ở New York rất nhiều, nhưng những người giàu có không ai định cư ở khu vực quảng trường Chattam. Tuần thứ hai sau khi đến đây, đúng ra họ có biết hai gia đình Ba Lan, gia đình thứ nhất

đến từ Slask, gia đình thứ hai ở ngay gần thành phố Poznan, nhưng ngay cả họ cũng đã chết đói từ lâu. Gia đình Slask có hai đứa con chết đói, đứa thứ ba đang ốm, nhưng đã hai tuần nay vẫn ngủ cùng với bố mẹ trong hành lang có mái che dưới cầu, mọi người đều chỉ ăn những thứ tìm được ngoài đường phố. Về sau, người ta cũng đưa họ vào bệnh viện và không biết điều gì xảy ra với họ. Gia đình thứ hai cũng gặp chuyện tồi tệ, thậm chí còn khốn khó hơn, vì ông bố nghiện rượu. Marysia cứu giúp người phụ nữ cho đến khi có thể, còn bây giờ bản thân cô cũng đang cần cứu giúp.

Đúng ra hai người họ có thể đến nhà thờ Ba Lan ở Hoboken. Cha xứ chắc sẽ báo cho những người khác biết về họ, nhưng họ đâu có biết rằng có một nhà thờ như thế hoặc có một cha xứ như thế, đâu biết rằng họ có thể nói chuyện được với ai, hỏi han ai? Chính vì thế, mỗi đồng xu bỏ ra đối với họ coi như là một nấc thang dẫn xuống địa ngục bản hàn.

Giờ phút này họ đang ngồi, ông già bên cạnh bếp lò, còn cô gái trên ổ rơm. Một giờ, rồi hai giờ trôi qua. Trong căn phòng càng lúc càng tối tăm hơn, vì mặc dù đang là buổi chiều, nhưng sương mù từ dưới nước bốc lên, vì bây giờ đang là mùa xuân, sương mù nặng nề khủng khiếp. Mặc dù ngoài trời đã ấm lên, hai người họ ở trong phòng vẫn run cầm cập vì giá lạnh; cuối cùng, lão Wawrzon mất hết hi vọng không tìm thấy gì trong đồng tro tàn ở bếp.

- Marysia ơi! - Lão lên tiếng - Bố không thể chịu đựng được nữa rồi và con cũng không chịu nổi nữa; bố sẽ xuống biển mò cây, ít nhất chúng ta sẽ có cái để đốt trong bếp, có thể bố sẽ tìm được cái gì đó để ăn.

Cô gái không nói gì, vì vậy ông già ra đi. Lão đã biết cách đi đến cảng và nhặt những mảnh gỗ ở các kiện và hòm trên tàu mà nước quăng lên bờ. Mọi người, những kẻ không có tiền mua than cũng làm như vậy. Nhiều khi ở đó người ta cũng cướp của lão mất một nửa, nhưng nhiều khi không; đôi lúc lão còn tìm được cái gì đó để ăn, những cọng rau thừa vứt từ trên tàu xuống chẳng hạn, trong trường hợp như thế, lão cứ đi trong sương mù và tìm kiếm, liệu mình có để rơi cái gì

hay không, trong giây lát lão quên đi số phận hẩm hiu của mình và quên về nỗi nhớ vẫn hành hạ lão nặng nề nhất. Cuối cùng, lão đi đến mép nước, và vì đó là thời điểm bữa ăn trưa, vì vậy trên bờ biển đang có vài thằng bé chơi đùa, những kẻ đứng ra là ngay sau đó đã kêu la lão, ném bùn đen và vỏ sò vào người lão, nhưng không thể đánh lão. Khá nhiều tấm ván nhỏ khác nhau đang chập chờn dưới nước: một đợt sóng mang chúng đến gần, đợt sóng thứ hai lại cuốn chúng xuống sâu. Không lâu sau, lão đã vớt được một số tấm ván.

Có một đồng gì đó màu xanh đang nổi chập chờn trên sóng; có thể trong đó có cái gì ăn được, nhưng vì quá nhẹ nên chúng không bị đánh giạt vào bờ, vì thế lão không thể nhặt được chúng. Các cậu bé đã ném dây thừng xuống và bằng cách ấy kéo chúng vào bờ; vì không có dây thừng, lão chỉ đứng nhìn với vẻ thèm thuồng, chờ cho đến khi bọn trẻ bỏ đi và lão tìm thêm một lần nữa trong đồng đồ thừa, vừa đưa lên mồm nhai, vừa xem có cái gì có thể dùng để ăn được không. Về chuyện cô con gái cũng chưa được ăn, lão cũng không nghĩ đến.

Nhưng số phận mỉm cười với lão. Khi đi về nhà, lão đã gặp một chiếc xe lớn chở khoai tây, trên đường đến cảng bị sa lầy xuống ổ gà lớn và không thể nhúc nhích được. Lão Wawrzon ngay lúc đó đã nằm nan hoa xe và bắt đầu cùng với người đánh xe đẩy bánh xe lên. Thật nặng nhọc, thậm chí xương bả vai lão đau ê ẩm, song cuối cùng lũ ngựa cũng vùng lên, cỗ xe vượt ra khỏi ổ gà, và vì nó được xếp cao có ngọn, khá nhiều khoai tây văng ra khỏi xe và chìm vào bùn. Người đánh xe không nghĩ đến chuyện nhặt lại chúng, cảm ơn lão Wawrzon vì sự giúp đỡ, kêu to với lũ ngựa *Get up!** và đi.

Ngay lập tức, lão Wawrzon lao vào chỗ khoai tây, nhặt nhanh chúng một cách tham lam bằng đôi tay run rẩy, giấu nó dưới vạt áo và ngay sau đó, một lòng tin tốt đẹp hơn đã dâng lên trong tim lão. Trong cơn đói, một mẩu bánh mì tìm được chính là niềm hạnh phúc tìm lại được; vì vậy, người đàn ông trên đường về nhà vẫn lầm bầm nho nhỏ:

- Ôi, hãy tỏ lòng cảm ơn Đấng Tối thượng vì Người đã để mắt tới nỗi thống khổ của chúng ta. Có củi, con gái sẽ nổi lửa lên; củi nhiều lắm, có thể dùng để đốt hai lần. Chúa thật nhân từ. Căn phòng ngay sau đó sẽ sống động hơn. Con gái ta một ngày rười rượi nay chưa được ăn, vì vậy cũng sẽ vui mừng. Chúa thật nhân từ!

Vừa nghĩ ngợi như vậy, ông già vừa ôm đống củi bằng một tay, còn tay kia chốc chốc lại kiểm tra xem những củ khoai tây có tuột khỏi vạt áo hay không. Kho báu lão mang theo là rất lớn, vì vậy với lòng biết ơn, lão ngước mắt lên trời và lại thì thầm:

- Mình nghĩ sẽ phải đi ăn trộm - còn ở đây chẳng cần trộm cắp gì khoai tây từ xe rơi xuống. Các người không ăn thì chúng tôi sẽ ăn. Chúa thật nhân từ! Marysia ngay sau đây sẽ từ ổ rơm đứng dậy, khi biết rằng mình có củi.

Trong khi đó, từ lúc ông già đi ra ngoài, Marysia không hề nhúc nhích khỏi ổ rơm. Thông thường, vào buổi sáng, khi lão Wawrzon mang củi về, cô đã nhóm lửa trong bếp, đưa nước đến, ăn những thứ gì có để ăn, còn sau đó thì suốt hàng tiếng đồng hồ cô ngồi nhìn chăm chăm vào ngọn lửa. Có lúc cô cũng đi tìm việc làm. Người ta đã thuê cô vào làm việc tại một nhà trọ để cọ rửa nôi niêu và quét dọn, nhưng vì họ không thể nói được gì với cô, cô thực hiện nhiệm vụ một cách tồi tệ vì không hiểu họ, nên sau hai ngày, người ta đuổi cô. Sau đó, cô không tìm gì cả và không tìm được gì cả. Suốt ngày dài cô chỉ ngồi lì ở nhà, sợ không dám đi ra ngoài phố, do ở đó những người Ireland và bọn thủy thủ say rượu hay trêu ghẹo cô. Vì sự nhàm chán đó, cô lại càng bất hạnh. Nỗi nhớ gặm nhấm cô như gỉ sắt. Thậm chí cô bất hạnh hơn cả lão Wawrzon, bởi ngoài cái đói, ngoài mọi nỗi khổ tâm mà cô phải gánh chịu, ngoài việc tin chắc rằng họ hoàn toàn không còn sự cứu giúp nào, không có tương lai nào, ngoài nỗi nhớ khủng khiếp đối với quê hương, cô còn gánh thêm ý nghĩ nặng nề về chàng trai chăn ngựa Jasko. Đúng ra là anh ta có hứa hẹn với cô và từng nói: “Em ở đâu thì anh sẽ đến đó”, nhưng cô ra đi lúc đó là để thành bà chủ, thành người thừa kế, còn bây giờ mọi sự đã thay đổi thế nào rồi!

Anh là người làm công của lâu đài, anh cũng có ruộng đất do cha ông để lại, còn cô trở thành người nghèo khổ như vậy, đói khát như con chuột trong nhà thờ ở Lipince như vậy. Liệu anh có đến đây không? Mà dẫu rằng anh có đến chẳng nữa thì liệu có ôm cô vào ngực, có nói: “Em khốn khổ của anh?” Hay lại bảo: “Cút đi, con gái người ăn mày!” Bây giờ, người ta gọi cô thế nào nhỉ? “Đồ giẻ rách.” Ngay cả chó ở Lipince cũng sẽ chạy sủa theo cô, tuy thế ở đó vẫn có một cái gì đó lôi kéo cô đến vậy, thậm chí tâm hồn cô sẽ vui mừng bay đến đó như con chim én liệng nhanh trên mặt nước và mặc dù có thể chết, cô chỉ cần được đến đó. Ở đó có anh, Jasko, dù vẫn còn nhớ hay đã quên, nhưng vô cùng đáng yêu; chỉ có bên anh thì sẽ yên bình và vui mừng, và sung sướng, trong tất cả mọi người trên thế gian này chỉ cần có riêng anh.

Khi có ngọn lửa trong bếp và cái đói không hành hạ như hôm nay thì ngọn lửa phun phì phì, bắn ra tia lửa, nhảy nhót, lập lòe đã nói với cô gái về Lipince và nhắc cô nhớ chuyện ngày xưa cùng các cô gái khác ngồi xõm bên con quay kéo sợi. Jasko vừa thò đầu qua gian xép vừa gọi: “Marysia ơi! Chúng ta đến gặp đức cha đi, bởi đối với anh em thật đáng yêu!” Còn cô trả lời anh rằng: “Im đi nào, đồ vô liêm sỉ!” Và thế là cô cảm thấy sung sướng, cảm thấy vui vẻ trong tâm hồn, cũng giống như lúc đó, khi anh dùng sức mạnh kéo cô vào nhảy ở giữa phòng, còn cô, sau khi lấy tay che mặt, nói thì thầm: “Cút đi, làm người ta ngượng!” Khi thỉnh thoảng ngọn lửa nhắc cô nhớ về điều đó thì nước mắt cô tràn đầy khuôn mặt; nhưng giờ đây giống như không còn ngọn lửa trong bếp, nước mắt cô cũng không còn, vì bao nhiêu nước mắt có trong người, cô đã tuôn hết ra mất rồi. Đôi lúc, cô cũng cảm thấy như nước mắt đã chảy tràn xuống ngực và bóp nghẹt cô ở đó. Cô cảm thấy vô cùng mệt mỏi và cạn kiệt, thậm chí cô không đủ sức để suy nghĩ; nhưng cô âm thầm chịu đựng, chỉ nhìn ra phía trước bằng cặp mắt lớn của mình, giống như chú chim mà người ta nhốt.

Bằng cách đó, bây giờ cô cũng đang nhìn lên khi ngồi trên ổ rơm. Trong khi đó, có ai đó đang động đậy ở cửa phòng. Trong chớp mắt,

Marysia nghĩ đó là bố cô, cô không ngẩng đầu lên, mãi đến khi một giọng nói lạ vang lên:

- Look here!*

Đó là chủ nhân khu nhà trọ mà họ đang ở, một người già da ngăm ngăm đen, có khuôn mặt tối tăm, bẩn thỉu, tàn tạ, với đôi má dính đầy mùi thuốc lá.

Sau khi nhìn thấy ông ta, cô gái vô cùng lo sợ. Họ phải trả một đô la cho tuần thuê tiếp theo, nhưng không có xu nào nữa. Cô chỉ có thể tỏ ra nhún nhường, vì vậy sau khi đi đến gần ông ta, cô quỳ dưới chân và hôn vào tay ông.

- Tôi đến để lấy một đô la! - Ông ta nói.

Cô hiểu từ “đô la” và vừa gật gật đầu, vừa pha trộn từ ngữ đồng thời nhìn với vẻ cầu khẩn, cố gắng tỏ cho người kia hiểu là họ đã chi hết tiền, rằng đã là ngày thứ hai họ không có gì ăn, rằng họ đang đói và mong ông rủ lòng thương đối với họ.

- Chúa sẽ phù hộ Ngài quyền quý. - Cô nói thêm bằng tiếng Ba Lan, do không biết nói gì và làm gì nữa.

Đúng ra là ngài quyền quý không hiểu, rằng mình là quyền quý, nhưng đoán được là sẽ không nhận được một đô la nào; thậm chí ông đoán biết được rõ ràng đến mức, sau khi dùng một tay nhắc túi đồ đạc của họ, tay kia kéo vai lôi cô gái hất nhẹ lên bậc cửa dẫn ra ngoài phố và ném bị đồ dưới chân cô, rồi với sự lạnh lùng không thay đổi, ông ta mở cửa căn phòng kề bên và lên tiếng:

- Này, Paddy, có phòng cho mày rồi đấy.

- All right! - Một giọng nói từ bên trong đáp lại - Đêm tôi sẽ sang ngủ.

Tiếp sau đó, người da ngăm ngăm đen mất hút ở hiên nhà tối tăm, còn cô gái một mình ở lại ngoài phố. Cô đặt túi đồ đạc ở bệ cửa sổ của căn nhà để tránh bị thấm bùn rồi đứng bên cạnh túi đồ, nhẩn nại chờ đợi giống như mọi khi và im lặng.

Những người Ireland say rượu qua đường lần này không chọc ghẹo cô. Trong căn phòng tối đen, nhưng ở ngoài phố nhìn thấy rất rõ và trong thứ ánh sáng đó khuôn mặt cô gái trông thật tiêu tụy, giống như sau một cơn bệnh nặng. Chỉ có những sợi tóc sáng như sợi đay là vẫn như xưa, đôi môi cô tím bầm, đôi mắt sụp xuống và trở như đá, xương trồi lên hằn rõ trên má. Trông cô giống như bông hoa héo hoặc như một cô gái sắp chết.

Những người đi ngang qua nhìn cô với ánh mắt thương hại. Một phụ nữ da đen già hỏi han cô, nhưng không nhận được câu trả lời liền đi tiếp với thái độ bức bối.

Trong khi đó, lão Wawrzon đi về nhà với một tình cảm tốt đẹp, thứ tình cảm mà ở những con người cực kì nghèo khổ được biểu hiện rõ rệt của lòng nhân từ của Chúa làm thức tỉnh. Đây này, lão đang có khoai tây; lão nghĩ họ sẽ ăn như thế nào, ngày mai lão sẽ lại đi gần các cỗ xe, còn về ngày kia thì trước mắt chưa nghĩ tới, vì bây giờ lão đang quá đói. Sau khi từ xa nhìn thấy cô con gái đứng trên đường trước cửa nhà, lão rất ngạc nhiên và càng vội vã bước nhanh hơn.

- Sao con lại đứng ở đây?
- Ông chủ đuổi chúng ta, bố ơi!
- Ông ấy đuổi?

Bó củi rơi khỏi tay người đàn ông. Thế thì quá lắm rồi. Đuổi họ trong giờ phút này, khi đã có củi và khoai tây ư! Bây giờ họ làm gì, họ chui rúc vào chỗ nào, họ sống bằng cái gì, họ sẽ đi đâu? Lão Wawrzon đá vào bó củi và vứt mũ xuống bùn.

- Jesus ơi! Jesus ơi! - Lão quay một vòng, mở miệng ra, chờ dẫn nhìn lên cô gái và nhắc lại lần nữa - Ông ta đuổi?...

Sau đó, giống như định đi đâu đó, nhưng lão lập tức quay lại, còn giọng nói của lão trở nên xa vắng, khàn khàn và dữ tợn, khi lại lên tiếng:

- Sao mày không cầu xin, đồ ngu ngốc?

Cô gái thở dài:

- Con đã cầu xin.
- Mà có quỳ dưới chân ông ấy không?
- Con đã quỳ.

Lão Wawrzon lại quay một vòng tại chỗ giống như con giun mà ai đó xoay tròn. Trước mắt lão, một màn đen kịt bao phủ.

- Đồ ngu ngốc vô dụng! - Lão hét to.

Cô gái nhìn lên lão với vẻ đau đớn.

- Bố ơi! Con đã làm gì sai?

- Đứng lại đây, không được nhúc nhích đi đâu. Tao sẽ đến cầu khẩn ông ấy, ít nhất xin cho đốt chỗ củi này.

Lão đi. Sau giây lát trong hiên nhà nghe tiếng động, tiếng giậm chân, những tiếng nói cao giọng, còn sau đó, lão Wawrzon bay ra ngoài phố, rõ ràng bị đẩy bằng một bàn tay mạnh mẽ.

Lão đứng một giây, sau đó nói cụt lùn với cô gái:

- Đi!

Cô cúi xuống túi đồ đạc để nhặt nó lên. Túi đồ tương đối nặng so với sức vóc đã cạn kiệt của cô, nhưng lão không giúp cô, giống như quên, giống như không nhìn thấy rằng cô gái cố gắng lắm mới có thể vác túi đó trên người.

Họ bước đi... Hai vóc dáng nghèo khổ của ông già và cô gái chắc hẳn làm người đi đường chú ý, nếu như những người đi đường đó ít chứng kiến cảnh đói nghèo. Họ có thể đi đâu? Họ có thể đến chỗ tối tăm nào nữa, chỗ rủi ro nào nữa, chỗ thống khổ nào nữa?

Nhịp thở của cô gái càng lúc càng trở nên khó khăn hơn, nặng nề hơn; chân cô đã lão đảo lần thứ nhất, rồi lần thứ hai, cuối cùng cô lên tiếng đề nghị khẩn khoản:

- Bố ơi! Bố hãy cầm túi giẻ rách này, con không thể mang nó được nữa rồi.

Lão như chợt tỉnh giấc.

- Thế thì vứt nó đi.

- Biết đâu chúng sẽ còn có ích.

- Không có ích gì nữa đâu.

Bỗng nhiên nhìn thấy cô gái lão đảo, lão quát lên tức giận:

- Vứt nó đi, nếu không tao sẽ giết mày!

Lần này thì cô sợ hãi nghe lệnh và họ tiếp tục bước đi. Người đàn ông còn nhắc lại vài lần: “Nếu đã thế thì cứ kệ như thế!” - sau đó im bật, nhưng có một cái gì đó không tốt lành gì cứ hiện ra trước mắt lão. Vượt qua những con phố càng lúc càng lầy lội hơn, họ đi đến địa phận cuối cùng của cảng, rồi bước lên những cây cầu dựng trên cọc; họ đi qua ngôi nhà với dòng chữ “*Chỗ trú ngụ của thủy thủ*”, và đi tiếp đến tận mặt nước. Ở vị trí này, người ta xây dựng một bến tàu mới. Những giàn giáo cao dùng để đặt cọc nổi cao trên mặt nước, còn giữa các tấm gỗ và thanh dầm có nhiều người đang bận với công trình xây dựng. Marysia sau khi bước đến đông dầm liền ngồi xuống đó, cô không thể đi tiếp được, lão Wawrzon đứng im lặng bên cạnh cô.

Lúc đó đã bốn giờ chiều. Toàn cảng đang sôi sục hoạt động. Sương mù cũng đang phủ xuống, còn mặt trời thì hắt ánh sáng và cái ấm áp nhân từ xuống hai con người khốn khổ nọ. Từ dưới nước, hơi thở mùa xuân tấp vào mặt đất, sôi động, đầy sức sống, vui tươi. Xung quanh họ biết bao nhiêu màu xanh và ánh sáng, khiến mắt cứ phải chớp lia lịa vì quá nhiều thứ đó. Màu xanh thẳm của biển ở phía xa hòa trộn tuyệt đẹp với màu trời. Trong màu xanh da trời đó, gần trung tâm của cảng hơn có thể nhìn thấy rõ những cột buồm nổi lên hiền hòa, những ống khói và các cây cờ đuôi nheo phất phơ trong gió nhẹ. Trên đường chân trời, những con tàu đang tiến về phía cảng trông như đang leo ngược lên dốc hoặc đang chìm xuống dưới nước. Những cánh buồm đã được tháo gỡ hoặc buộc lại trên cột trông như những đám mây, tất cả chìm trong ánh sáng, sáng lên lóng lánh bởi màu trắng đến chói mắt nổi lên trên nền nước màu xanh da trời. Những con tàu khác đang bơi vào đại dương, kéo theo sau mình những đợt sóng trắng phau. Chúng đang đi về nơi có làng Lipince, đối với hai người họ đó là nơi niềm hạnh phúc đã mất,

nơi có số phận tốt đẹp, nơi có sự yên bình. Cô gái nghĩ chắc họ phải phạm vào một tội gì đó rất kinh khủng, làm một điều gì đó chống lại Chúa trời, để cho Người, một đấng luôn yêu thương con người lại quay lưng với họ và bỏ quên họ giữa những kẻ xa lạ, và vứt bỏ họ trên bờ biển xa xôi này. Chỉ có trong tay Người thì hạnh phúc của họ mới quay trở lại. Biết bao nhiêu con tàu đã bơi về nơi ấy mà không mang họ về theo. Ý nghĩ mệt mỏi, khổ đau của Marysia lại một lần nữa bay về phương trời Lipince và bay về với chàng Jasko chặn ngựa. Liệu ở đó anh có nghĩ đến nàng hay không, liệu anh có nhớ đến nàng hay không? Nàng nhớ, vì chỉ trong hạnh phúc người ta mới lãng quên, ngược lại trong khổ đau, trong đơn độc, ý nghĩ sẽ bám chặt vào những người thân yêu như cây hoa bia quấn quanh cây dương. Còn anh? Có thể anh đã khinh bỉ những tình cảm yêu thương xưa kia và đã gửi lời cầu hôn đến ngôi nhà khác. Thậm chí, thật nhục nhã khi nghĩ đến cô gái nghèo hèn như thế này, cô gái mà ngoài vòng hoa, ngoài vòng cữu lí hương ra chẳng còn có gì nữa trên thế gian và nếu ai có gửi cho cô lời cầu hôn thì đó chỉ có thể là Thần Chết.

Vì cô đang bị ốm, cho nên cái đói không hành hạ cô ghê gớm lắm, nhưng cái mệt mỏi và sự yếu ớt lại đè nặng lên cô, khiến đôi mi mắt cứ nhắm nghiền lại, còn khuôn mặt trắng nhợt thì cúi thấp xuống đến tận ngang ngực. Chốc chốc, cô chợt thức và mở mắt ra, sau đó lại nhắm nghiền lại. Cô mơ thấy mình đang lạc giữa những khe núi và vực sâu, đã rơi xuống, hết như cô Kasia trong bài dân ca nọ, rơi xuống “dòng Dunajec sâu thẳm” và ngay lập tức nghe thấy rất rõ những lời hát tiếp theo:

*Từ trên đỉnh núi cao Jasko nhìn thấy,
Anh tuột theo sợi dây lụa đến với Marysia
Song sợi dây ngắn, chưa đến khuỷu tay:
Marysia khốn khổ đưa thêm bím tóc.*

Đến đây Marysia chợt tỉnh, vì cô cảm thấy rằng mình không còn bím tóc nữa và rằng mình đang bay xuống vực sâu. Giấc mơ biến mất.

Không phải Jasko ngồi cạnh cô mà là lão Wawrzon, và không phải nhìn thấy “Dunajec” mà là cảng New York, cầu tàu, các giàn giáo, cột buồm và ống khói. Lại có thêm những con tàu bơi ra biển khơi và chính từ những con tàu đó vẳng đưa lại tiếng hát. Một buổi chiều mùa xuân êm đềm, ấm áp, đẹp trời bắt đầu hắt ánh hồng lên mặt nước và bầu trời. Mặt biển sâu thẳm trở thành mặt gương phản chiếu, mỗi con tàu, mỗi cây cọc đều được phản chiếu như có một con tàu thứ hai, cây cọc thứ hai nằm ngay phía dưới và phong cảnh xung quanh thật tuyệt vời. Một niềm hạnh phúc và sự dịu êm to lớn tràn khắp không gian; có cảm giác rằng cả thế giới đang vui vẻ, chỉ có hai người họ là bất hạnh và bị lãng quên; những người công nhân bắt đầu ra về, chỉ hai người họ là không có nhà.

Càng lúc cái đói càng hành hạ lão Wawrzon như có bàn tay sắt cào cấu gan ruột lão. Người nông dân ngồi buồn bã và ảm đạm, nhưng có cái gì đó như một quyết định đáng sợ bắt đầu hiện lên trên nét mặt lão. Ai nhìn vào nó đều phải hoảng sợ, vì khuôn mặt đó có biểu hiện của loài dã thú và chim muông khi đói, đồng thời lại yên bình một cách tuyệt vọng, như khuôn mặt của một người đã chết. Suốt thời gian đó, lão không nói với cô gái lời nào, mãi đến khi màn đêm buông xuống, khi cảng đã hoàn toàn vắng lặng, lão lên tiếng bằng giọng lạ lùng:

- Chúng ta đi chứ Marysia!
- Chúng ta đi đâu? - Cô hỏi lại bằng giọng ngái ngủ.
- Đến chỗ cây cầu trên mặt nước. Chúng ta sẽ nằm trên ván gỗ và sẽ ngủ.

Họ đi. Trong màn đêm đen kịt, họ phải lần mò hết sức cẩn trọng để không rơi xuống nước.

Kết nối ván gỗ và dầm kiểu Mĩ tạo thành hàng loạt đường rẽ ngoặt giống như các hành lang gỗ, ở đoạn cuối của hành lang là một sàn ván gỗ, còn sau đó là chiếc búa dầm để đóng cọc. Sàn ván được che bên trên là lớp mái tránh mưa và người ta đứng trên đó để nện búa dầm, nhưng bây giờ ở đó không còn ai nữa.

Khi họ đi đến tận cùng, lão Wawrzon lên tiếng:

- Chúng ta sẽ ngủ ở đây.

Marysia ngã ngay xuống tấm ván chứ không phải là đặt lưng nằm và mặc dù ngay lập tức đàn muỗi lao đến tấn công, cô ngủ thiếp đi nặng nề.

Bỗng nhiên giữa đêm khuya, giọng của lão Wawrzon đánh thức cô:

- Marysia, dậy đi.

Có một cái gì đó ẩn chứa trong tiếng gọi khiến ngay tức khắc cô tỉnh dậy.

- Cái gì thế, bố?

Giữa im lặng và màn đêm đen kịt, giọng nói của người đàn ông vang lên khô khốc, kinh hoàng, nhưng lại bình thản:

- Con gái ơi! Bố sẽ không để cho con chết vì đói lâu hơn nữa. Con sẽ không đi quỳ gối dưới chân người ta để cầu xin miếng bánh mì nữa, con sẽ không ngủ ngoài trời nữa. Mọi người đã từ bỏ con, Chúa đã từ bỏ con, số phận hẹp hòi, thế thì hãy để cái chết ôm ấp con vậy. Nước ở đây sâu, con sẽ không phải mệt mỏi lâu đâu.

Trong màn đêm, cô không thể nhìn thấy lão, mặc dù mắt cô rộng mở vì hoảng sợ.

- Bố sẽ dìu con, đưa con khốn khổ, và bố sẽ tự tử ngay sau đó. - Lão nói tiếp - Không có gì cứu được chúng ta, không có lòng nhân từ nào đối với chúng ta. Ngày mai con sẽ không còn thèm ăn nữa, ngày mai con sẽ cảm thấy tốt hơn ngày hôm nay...

Không! Cô không muốn chết. Cô mới mười tám tuổi đời và tuổi trẻ gắn bó với cuộc sống, sợ hãi cái chết. Tâm hồn cô giật thót trước ý nghĩ rằng ngày mai sẽ chết, sẽ lạc vào màn đêm ở đâu đó, sẽ nằm trong nước, giữa các loài cá và bò sát, nằm ở dưới đáy đầy bùn. Không đời nào cô chấp nhận như vậy! Một sự ghê tởm không thể diễn tả nổi và sự sợ hãi đã bao trùm cô, còn người cha đang lảo nhảm trong đêm tối khiến cô liên tưởng tới một con quỷ kinh hoàng.

Trong lúc đó, hai tay lão đang đặt trên đôi vai gầy guộc của cô, còn giọng nói vẫn tiếp tục phát ra với sự bình tĩnh đáng sợ:

- Dù con có hét lên thì cũng không ai nghe thấy đâu. Bố chỉ đẩy con xuống và tất cả chỉ kéo dài không đầy hai khúc kinh cầu.

- Con không muốn, bố ơi, con không muốn! - Marysia gào to - Bố không sợ Chúa ư? Bố thân yêu ơi, bố quý mến ơi, hãy thương hại con! Con đã làm gì hại bố? Con có than vãn gì về số phận hẩm hiu của mình không, con có cùng gánh chịu cái đói và lạnh lẽo với bố không?... Bố ơi!

Nhịp thở của lão trở nên nhanh hơn, đôi tay như gọng kìm bóp chặt hơn... Cô gái càng lúc càng khiếp đảm hơn trước cái chết.

- Hãy thương hại! Hãy nhân từ! Hãy nhân từ! Con là con của bố mà, con đang khốn khổ, đang bệnh tật; con cũng chẳng còn sống bao lâu nữa trên thế gian này. Con tiếc! Con sợ!

Vừa rên lên như vậy cô vừa bám chặt vào vạt áo lão, miệng thì van xin và áp sát vào tay lão, đôi tay đang đẩy cô xuống vực. Nhưng mọi thứ đối với lão có vẻ như chỉ càng kích thích hơn. Sự bình thản trong lão đã trở thành điên cuồng: lão bắt đầu thở khò khè và ngáy khò khò. Đôi lúc giữa hai người họ xuất hiện tình trạng im lặng và nếu ai đó đứng trên bờ sẽ chỉ nghe thấy nhịp thở mạnh và tiếng giã giụa, và tiếng kêu cọt két của các tấm ván. Đêm sâu thẳm, đen kịt, và sự cứu trợ không thể đến từ bất cứ nơi nào, vì đây là đoạn cuối cùng của cảng, trên đó thậm chí ngay cả ban ngày ngoài đám công nhân ra không có người nào khác.

- Hãy thương tình! Hãy thương tình! - Marysia kêu lên hoảng loạn.

Trong giây phút ấy, một bàn tay kéo mạnh cô xuống mép giàn giáo, còn tay kia bắt đầu đánh vào đầu cô để dập tắt tiếng hét của cô. Nhưng dù thế nào đi nữa thì tiếng hét ấy cũng không gây ra bất cứ tiếng vang nào: chỉ có tiếng chó sủa từ đâu đó xa vắng vắng lại.

Cô gái cảm thấy đã kiệt sức. Cuối cùng thì đôi chân cô đã chạm vào khoảng không, đôi tay chỉ còn bám vào người cha, nhưng cũng đã mất

cảm giác. Tiếng kêu cứu càng lúc càng nhỏ dần, đôi bàn tay cuối cùng cũng buông rơi vạt áo và Marysia cảm thấy mình đang bay xuống vực.

Cô rơi từ trên sàn xuống, nhưng trên đường đã mắc vào tấm ván dày và treo lơ lửng trên mặt nước.

Người đàn ông cúi xuống và nói ra thật đáng sợ, lão bắt đầu tách tay cô ra khỏi tấm ván.

Một chùm ý nghĩ, giống như bầy chim náo loạn bay qua trên đầu tạo thành hình ảnh sáng lòa của làng quê Lipince, cây cần ở giếng nước, chuyển ra đi, con tàu, bão táp, lời cầu nguyện, sự khốn khổ ở New York; cuối cùng - cái gì xảy ra với cô thế này? Cô nhìn thấy một con tàu cực lớn với mũi tàu dăng lên cao, trên đó là đám đông người, và trong đám đông đó có hai bàn tay giơ ra hướng về phía cô. Ôi Chúa ơi! Chính là Jasko đang đứng đó, Jasko đưa hai bàn tay ra, còn phía trên con tàu và trên Jasko thì Đức Mẹ đồng trinh đang mỉm cười trong ánh sáng rực rỡ. Trước cảnh đám đông đứng trên bờ, cô hét to: “Đức Mẹ đồng trinh ơi! Jasko ơi! Jasko ơi!” Một giây nữa thôi... Lần cuối cùng cô giương mắt nhìn bố: “Bố ơi! Đức Mẹ ở đằng kia! Đức Mẹ ở đằng kia!”

Một giây nữa, chính đôi tay đã đẩy cô xuống nước bây giờ lại kéo bàn tay mềm oặt của cô lên và với sức mạnh siêu phàm đã kéo cô lên trên. Cô lại cảm thấy dưới chân mình sàn ván gỗ của giàn giáo, lại có đôi vai ôm chầm lấy cô, nhưng đó là đôi vai của người cha, không phải của kẻ sát nhân, và đầu cô áp vào ngực người cha.

Hoàn hồn khỏi cơn bất tỉnh, cô nhận ra rằng mình đang nằm bên cạnh người cha, mặc dù đang là đêm tối, cô cũng nhận thấy là lão đang nằm co quắp và ho khan, đầu đốn, ngực lão chấn động rất mạnh và như bị toác ra.

- Marysia ơi! - Cuối cùng lão lên tiếng bằng giọng đứt quãng pha lẫn tiếng khóc - Con hãy tha lỗi cho bố, đưa con nhỏ bé...

Cô gái tìm trong đêm tối đôi tay của lão và sau khi áp sát đôi môi khốn khổ của mình vào đó, cô thì thầm:

- Bố ơi! Chúa Jesus cũng sẽ tha lỗi cho bố giống như con...

Trong ánh sáng mờ ảo phát ra trên đường chân trời, vàng trắng lớn, dịu dàng, đầy đặn ló ra, và lại có một cái gì đó kì lạ xảy ra. Đó chính là Marysia đã nhìn thấy từ vàng trắng kia hàng đoàn thiên thần nhỏ bé đang bay ra như thế nào, chúng giống như những con ong vàng, và chúng bay theo làn ánh sáng đó đến với cô, chúng vừa vỗ cánh sột soạt, vừa quay tròn, vừa lượn khúc và cất tiếng hát bằng giọng trẻ thơ:

- Oì cô gái mệt mỏi, bình yên sẽ đến với cô! Oì con chim yếu đuối, bình yên sẽ đến với mi! Oì bông hoa đồng nội, bông hoa kiên nhẫn và lặng lẽ, bình yên sẽ đến với mi!

Vừa hát như vậy, chúng vừa rung rung trên cô những đài hoa huệ trắng tinh và những cái chuông bạc nhỏ, từ đó phát ra tiếng ngân:

- Giấc ngủ hãy đến với cô, cô gái ơi, giấc ngủ hãy đến với cô! Giấc ngủ ơi! Giấc ngủ ơi! Giấc ngủ ơi!

Và mọi thứ trở nên thật dễ chịu, thật sáng sủa, thật bình yên, khiến cô ngủ thiếp đi thật sự.

Đêm trôi qua và trời bắt đầu sáng ra. Ngày mới bắt đầu. Ánh bình minh rọi sáng mặt nước. Các cột buồm và ống khói bắt đầu nghiêng mình từ trong bóng tối ra và như trôi tới gần hơn; lão Wawrzon cúi lom khom phía bên trên Marysia.

Lão nghĩ rằng cô đã chết. Hình dáng thon gầy của cô nằm bất động; đôi mắt nhắm nghiền, khuôn mặt nhợt nhạt như mảnh vải dày, trông hơi tím tái, bình thản và như đã chết. Lão già lay lay vai cô một cách vô ích: cô không hề động đậy, không hề mở mắt ra. Lão Wawrzon có cảm giác rằng có lẽ cả mình cũng đã chết, nhưng sau khi đặt tay lên miệng cô, lão cảm thấy cô đang thở. Tim cô đang đập, mặc dù yếu; nhưng lão hiểu rằng có thể chốc lát nữa cô sẽ chết. Nếu như từ trong màn mây một ngày mới dịu dàng ló ra, nếu như mặt trời sưởi ấm cô, thì cô sẽ tỉnh dậy; ngược lại thì không.

Những con hải âu bắt đầu bay liệng phía trên cô, cứ như chúng đang lo lắng cho cô; một vài con còn đỗ xuống những cây cọc gỗ bên cạnh.

Sương sớm từ từ tan ra trong cơn gió tây nhẹ nhẹ; đợt gió này là gió xuân, ấm áp, tràn đầy vị ngọt ngào.

Sau đó mặt trời dâng lên. Ánh mặt trời trước hết hắt lên đỉnh giàn giáo, sau đó, càng lúc càng bò xuống thấp hơn, hắt ánh vàng ươm xuống khuôn mặt đã chết của Marysia. Hình như những tia sáng đang hôn cô, đang vuốt ve âu yếm cô. Trong ánh sáng đó và trong vành hoa tóc ngời sáng, xõa ra trong cuộc vật lộn đêm qua và trong màn sương ẩm ướt, khuôn mặt cô trông thật thiên thần; bởi lẽ Marysia cũng đã gần như là thiên thần khi trải qua sự vất vả và khổ đau của mình.

Ngày tuyệt đẹp, hồng thám bắt đầu được đánh thức từ dưới biển, mặt trời tỏa hơi ấm càng lúc càng mạnh hơn, gió thổi thân thiện lên cô gái; những con chim hải âu vừa bay xoăn đến tạo thành vòng hoa vừa kêu lên inh ỏi như muốn đánh thức cô. Lão Wawrzon cởi áo ngoài đắp lên chân cô và một niềm hi vọng bắt đầu lóe lên trong tim lão.

Hình như vết tím bầm cũng từ từ biến mất trên khuôn mặt cô, đôi má đã hơi hồng lên, cô mỉm cười một lần, rồi hai lần, cuối cùng thì cô mở mắt ra.

Lúc đó, ông già kia quỳ trên cây cầu, ngược cặp mắt nhìn lên trời và hai dòng nước mắt tuôn tràn theo gò má nhăn nheo.

Lão cảm nhận một cách vĩnh viễn rằng đứa trẻ này - giờ đây chính là con người của mắt lão và là linh hồn của linh hồn lão, và như thần thánh được yêu thương hơn tất cả mọi thứ.

Cô không chỉ thức dậy, mà còn thức dậy khỏe khoắn hơn, lạnh lợi hơn ngày hôm qua. Không khí trong lành trên bến cảng tỏ ra tốt hơn đối với cô so với bầu không khí độc hại trong căn phòng. Cô thực sự trở về với cuộc sống, vì sau khi ngồi lên tấm ván gỗ, ngay tức thì cô lên tiếng:

- Bố ơi, con rất muốn ăn.

- Con gái ơi, con hãy đi xuống biển, có thể tìm thấy thứ gì đó ăn được ở đó. - Ông già nói.

Cô đứng dậy không chút khó khăn và hai người cùng đi. Rõ ràng đó là một ngày vô cùng đặc biệt trong những ngày rủi ro của họ, bởi chỉ vừa đi được vài bước họ đã nhìn thấy ở ngay gần mình trên giàn giáo giữa hai tấm ván một chiếc khăn tay, trong đó có bọc bánh mì, ngô luộc và một miếng thịt ướp muối. Điều đó có thể được giải thích rằng một công nhân nào đó làm việc trên giàn giáo ngày hôm qua giữ lại cho sáng nay phần thức ăn của mình. Những người công nhân ở đó thường có thói quen này; lão Wawrzon và Marysia giải thích cho mình còn đơn giản hơn nhiều. Ai để lại thực phẩm đó? Theo xét đoán của họ đó là Người luôn nhớ đến từng bông hoa, từng con chim, từng con dế trên đồng và cả những con kiến.

Đó là Chúa!

Họ cầu kinh, ăn hết ngay, mặc dù thứ đó không nhiều và đi tiếp xuống mép nước cho đến tận chỗ bến tàu chính. Một sức mạnh mới xuất hiện trong người họ. Sau khi đã đi đến ngôi nhà hải quan, họ quay ngược lên phố Water đi về phía Broadway. Cùng với những quãng nghỉ, họ phải đi mất vài tiếng đồng hồ, do đường khá xa. Đôi lúc họ ngồi trên những tấm ván hoặc những chiếc hòm rỗng của tàu. Họ đi, bản thân không biết vì sao, nhưng có một cái gì đó kêu gọi khiến Marysia nhất thiết phải đi đến thành phố. Dọc đường họ bắt gặp hàng loạt xe chở hàng kéo đến cảng. Trên phố Water, dòng người đi lại đã nhộn nhịp. Từ các cánh cửa mở rộng, mọi người bước ra ngoài và vội vã đến với những công việc hằng ngày. Giữa một khung cửa như vậy xuất hiện một người đàn ông quý phái cao lớn, tóc bạc trắng, có ria mép cùng với một bé trai. Sau khi bước ra, ông ta nhìn lên họ và nhìn lên quần áo họ, rồi vuốt ria mép; một sự ngạc nhiên hiện lên trên khuôn mặt ông ta, sau đó ông bắt đầu nhìn chăm chú với ánh mắt nhanh nhẹn hơn và nở nụ cười.

Một khuôn mặt mỉm cười thân thiện với họ ở New York này quả là một điều kì lạ, một phép màu, khi nhìn thấy điều đó, cả hai người họ đều tỏ ra ngạc nhiên.

Trong khi đó, người tóc bạc tiến đến gần họ và lên tiếng hỏi bằng tiếng Ba Lan hết sức chuẩn xác:

- Các người từ đâu đến?

Như có tiếng sét đánh ngang đầu họ. Thay vì câu trả lời, người nông dân mặt trắng bệch ra như bức tường và khuyu đôi chân, không tin vào đôi tai, đôi mắt mình nữa. Marysia sau khi đưa tay ấp ngang ngực, lập tức quỳ xuống dưới chân người đàn ông lớn tuổi, giơ hai tay ra ôm lấy nó và bắt đầu kêu:

- Chúng tôi từ ngoại ô Poznan đến, kính thưa ngài quyền quý! Từ ngoại ô Poznan đến.

- Các người làm gì ở đây?

- Chúng tôi nghèo khó, đói khát và sống trong nỗi rủi ro ghê gớm, thưa ngài!

Đến đây Marysia không còn hơi để nói, còn lão Wawrzon thì lao đến dưới chân ông già quý phái như một lát bánh mì dẹt, sau đó bắt đầu hôn phần mép áo choàng của ông ta và vừa cầm giữ nó vừa nghĩ có lẽ đang nắm giữ một mảnh trời trong tay.

Đây chính là ông chủ... và là ông chủ của mình. Ông ta sẽ không để cho mình chết đói, ông ta sẽ cứu giúp, ông ta sẽ không để mình tàn tạ.

Cậu bé cùng đi với ông già tóc bạc giương to đôi mắt, mọi người bắt đầu kéo đông đến tụ tập, tròn miêng ra và nhìn chăm chú xem cảnh một người quỳ gối trước một người khác và hôn chân ông ta như thế nào.

Ở nước Mỹ đó là cảnh tượng chưa bao giờ xảy ra! Nhưng ông già bắt đầu cảm thấy tức giận trước những kẻ tò mò.

- Đây không phải là chuyện của các người, - ông nói với họ bằng tiếng Anh - hãy đi làm việc của mình đi!

Sau đó, ông nói với lão Wawrzon và Marysia:

- Chúng ta sẽ không đứng ở ngoài đường: hãy đi theo tôi.

Ông dẫn họ vào quán ăn gần nhất; tại đó, sau khi bước vào một căn phòng riêng biệt, ông đóng cửa lại cùng với họ và với cậu bé. Họ lại lao xuống quỳ dưới chân ông, ông tránh ra và lau bàu với vế tức giận:

- Hãy thôi ngay cách làm đó đi! Chúng ta là người đồng hương cơ mà, chúng ta là con cùng một... mẹ.

Đến đây rõ ràng khói thuốc xì gà mà ông hút bắt đầu gặm nhấm mắt ông, do ông phải dùng cùi tay lau mắt và lên tiếng hỏi:

- Các người đói hả?

- Đã hai ngày nay chúng tôi chưa được ăn gì, ngoài một chút thức ăn sáng nay tìm được ở bờ biển.

- William! - Ông nói với cậu bé - Hãy bảo người ta mang thức ăn tới cho họ.

Sau đó, ông hỏi tiếp:

- Các người ở chỗ nào?

- Không ở đâu cả, kính thưa ngài.

- Các người ngủ ở đâu?

- Trên bến nước.

- Người ta đuổi các người ra khỏi nhà à?

- Người ta đuổi.

- Các người không có đồ đạc gì ngoài những thứ mặc trên người ư?

- Chúng tôi không có gì.

- Các người không có tiền ư?

- Chúng tôi không có.

- Các người sẽ làm gì?

- Chúng tôi không biết.

ông già vừa hỏi nhanh gần như tức giận, vừa bỗng nhiên quay đầu lại phía Marysia:

- Còn cô bao nhiêu tuổi, cô gái?

- Đến ngày lễ Đức Mẹ đồng trinh tháng thiên năm nay cháu mười tám tuổi.

- Cô chịu đựng quá nhiều rồi phải không?

Cô không đáp lại câu nào, chỉ cúi đầu nhún nhường dưới chân ông.

Rõ ràng ông già lại bị khói gặm nhấm trong mắt.

Người ta mang đến bia và thịt nóng. Ông già ra lệnh họ ngay lập tức phải ăn, còn khi họ nói không dám làm như vậy trước mặt ông, ông nói với họ là họ rất ngu xuẩn. Bất chấp sự tức giận đó của ông, với họ ông vẫn là thiên thần từ trên trời bay xuống.

Khi họ ăn rõ ràng là ông cảm thấy hết sức vui vẻ. Sau đó, ông ra lệnh họ kể cho mình nghe đã đi đến đây như thế nào và trải qua những gì. Vì vậy, lão Wawrzon kể mọi chuyện cho ông nghe và không giấu giếm điều gì, giống như khi xưng tội với đức cha. Ông tức giận, quát mắng lão, còn khi nói đến chuyện lão Wawrzon muốn chìm chết Marysia thì ông hét to:

- Tôi muốn lột xác ông ra!

Sau đó, ông ta nói với Marysia:

- Hãy đi đến đây, cô gái!

Khi cô đến gần, ông dùng hai tay ôm lấy đầu cô và hôn lên trán cô.

Sau đó, ông nghĩ ngợi giây lát và nói:

- Các người đã vượt qua nghèo khổ. Đây là một đất nước tốt đẹp, mình chỉ cần biết tìm cách thích ứng.

Lão Wawrzon giương mắt lên nhìn ông ta: cái ông đáng kính và thông minh kia gọi nước Mỹ là đất nước tốt đẹp.

- Đúng như vậy, gã tối tăm ời, - ông nói, sau khi nhận ra vẻ ngạc nhiên ở lão Wawrzon - đây là một đất nước tốt đẹp! Khi tôi đến đây, tôi không có gì, còn giờ đây tôi đã có mẩu bánh mì cho mình. Song các người, những người nông dân ời, các người hãy giữ bốn phận của mình, không được phép phiêu bạt trên thế giới này. Khi các người ra đi thì ai là người ở lại? Ở đây các người chẳng làm được gì, đến đây thì dễ, quay trở lại mới khó.

Ông im lặng một lúc, sau đó nói thêm, như nói với chính mình:

- Hơn bốn mươi năm tôi sống ở đây, vì vậy ngay cả đất nước mình tôi cũng đã quên. Nhưng nổi nhớ đôi lúc chợt quay về, đúng không? William phải đi đến đó, hãy để cho nó biết nơi ông cha nó đã sống...

Đây là con trai tôi. - Ông nói, chỉ tay về phía cậu bé - William! Mang từ nhà đến đây cho cha mẫu đất vắn gối dưới đầu sẽ để ở trong quan tài.

- *Yes, father!*^{*} - Cậu bé trả lời bằng tiếng Anh.

- Và nhớ đặt nó lên ngực nhé, William! Đặt trên ngực nhé!

- *Yes, father!*

Ông già bắt đầu bị khói găm nhấm trong mắt kinh khủng đến mức con người lờ ra như thủy tinh.

Ngay sau đó, ông lại tức giận:

- Thằng nhãi ranh đó hiểu tiếng Ba Lan, nhưng thích nói tiếng Anh hơn. Ở đây phải như thế. Cái gì rơi xuống đây thì cái đó sẽ mất đi đối với những ngưỡng cửa ngày xưa. William! Hãy đi và nói với chị gái rằng chúng ta sẽ có khách bữa trưa nay và cả đêm nay.

Cậu bé nhanh nhẹn nhảy đi. Ông già trầm ngâm suy nghĩ và im lặng rất lâu; sau đó ông bắt đầu nói, như nói với chính mình:

- Dù có muốn đưa họ trở về thì phí tổn rất lớn, hơn nữa họ sẽ về đâu? Họ đã bán những thứ họ có: họ sẽ phải đi ăn xin. Cô gái làm nghề hầu hạ thì Chúa biết, chuyện gì sẽ xảy ra. Khi các người còn ở đây thì cứ phải thử tìm việc làm đã. Gửi họ đến một trại ắp nào đó, trong khi chờ đợi cô gái sẽ đi lấy chồng. Hai vợ chồng họ sẽ kiếm được tiền; muốn trở về thì có thể mang cả ông già đi cùng.

Tiếp đó, ông nói thẳng thừng với lão Wawrzon:

- Ông đã nghe nói về các trại ắp của chúng ta ở đây chưa?

- Tôi chưa nghe thấy, thưa ngài quyền quý.

- Mọi người ơi! Các người sống ở đây như thế nào? Ôi, Chúa yêu thương! Sau này các người sẽ phải chết ư? Ở Chicago, số người loại như ông phải có đến hai chục ngàn, ở Milwaukee cũng có chừng ấy, ở Detroit khá nhiều, ở Buffalo cũng nhiều. Người ta làm việc trong các nhà máy, nhưng nông dân thì làm ở đồng ruộng tốt hơn. Hay là gửi các người đến Radom, đến Illinois, hừm! Ở đó đất đai đã không còn dễ kiếm. Người ta đang lập một tỉnh Poznan mới ở các vùng thảo nguyên

ở Nebraska, song đến đó thì xa. Tàu hỏa đi tốn kém. Panna Maria ở Texas cũng xa. Đến Borowina có lẽ tốt nhất, hơn nữa tôi có thể cho tiền mua vé, còn cái mà tôi đưa tay thì hãy giữ lấy để lập trại ắp.

Ông còn trầm ngâm thêm một lúc.

- Nghe này, ông già! - Bỗng nhiên ông lên tiếng - Hiện nay, người ta đang lập trại ắp Borowina mới ở Arkansas. Đó là vùng đất đẹp và ấm áp, mà đất thì hầu như còn chưa có người ở. Tại đó ông có thể nhận 160 mẫu đất và rừng của chính phủ không mất tiền, còn của đường sắt thì phải trả một khoản tiền nhỏ - ông hiểu không? Tiền lập trang trại tôi cho và cả tiền mua vé tàu hỏa nữa, tôi có thể làm điều đó. Các người đi tàu đến thành phố Little Rock, sau đó phải đi xe ngựa. Tại đó, các người sẽ tìm được những người khác cùng đi với các người. Hơn nữa, tôi sẽ viết thư cho các người mang theo. Tôi muốn giúp ông, vì ông là anh em của tôi; nhưng con gái của ông tôi thương gấp trăm lần ông. Ông hiểu chứ? Hãy cảm ơn Chúa vì các người đã gặp được tôi.

Đến đây, giọng nói của ông trở nên hoàn toàn nhỏ nhẹ:

- Nghe đây, cô bé! - Ông nói với Marysia - Đây là tờ giấy của tôi: hãy cất giữ nó thật cẩn trọng. Khi cháu gặp cảnh nghèo khổ, thí dụ như cháu trở nên đơn độc trên thế gian này và không có ai chăm sóc, thì cháu sẽ tìm ta. Cô bé nghèo khổ và hiền lành. Nếu như ta đã chết, thì William sẽ chăm sóc cháu. Đừng đánh mất tờ giấy này! Bây giờ thì đi đến nhà tôi.

Trên đường ông còn mua quần áo, kể cả đồ lót cho họ, và cuối cùng, ông dẫn họ vào nhà mình và thết đãi họ. Đó là một ngôi nhà toàn những người tốt, bởi William, và cả chị gái cậu ta, cô Jenny đều chăm sóc hai người như những người ruột thịt. Ngài William thậm chí còn đối xử với Marysia như với một con búp bê, điều này làm cho cô gái vô cùng ngưỡng mộ. Buổi tối, vài cô gái trẻ để bờm tóc phủ ngang trán đến chơi với Jenny, họ ăn mặc tuyệt đẹp và rất tốt bụng. Họ dắt Marysia đến ngồi cạnh họ và tỏ ra ngạc nhiên rằng sao cô lại nhợt nhạt như thế, rằng cô xinh đẹp như thế, rằng cô có mái tóc sáng đẹp như thế, rằng cô

lúc nào cũng cúi sát đến tận chân họ và luôn hôn tay họ, điều đó khiến họ rất buồn cười. Ông chủ cũng xuống cùng vui với đám trẻ, vò vò mái tóc bạc phơ, cắn nhai, đôi lúc tức giận, nói lúc bằng tiếng Anh, lúc bằng tiếng Ba Lan, chuyện trò với Marysia và lão Wawrzon về miền đất quê hương xa xăm; nhớ lại, nhắc đến những chuyện cũ và đôi lúc rõ ràng khỏi thuốc xì gà lại gặm nhấm mắt ông, vì thường thấy ông lén lấy tay lau mắt.

Khi mọi người tản ra đi ngủ, Marysia không thể kìm giữ nỗi nước mắt khi thấy rằng cô Jenny tự tay chuẩn bị cho cô chăn đệm. Ôi! Sao mọi người lại tốt như vậy, nhưng có gì đáng ngạc nhiên đâu! Bởi ông chủ cũng là người ở vùng ngoại ô Poznan mà.

Ngày thứ ba, lão Wawrzon và cô gái đã đi đến Little Rock. Người nông dân cảm thấy tờ một trăm đô la trong túi và đã hoàn toàn quên nỗi nghèo đói, còn Marysia cảm thấy trên đầu mình bàn tay của Chúa và tin rằng bàn tay ấy sẽ không để cô chết; rằng giống như đã từng dẫn dắt cô thoát khỏi số phận rủi ro, sẽ dẫn lối đưa đường cho cả Jasko đi đến nước Mỹ và sẽ quan tâm đến cả hai người họ, và sẽ cho phép họ trở về Lipince.

Trong khi đó, các thành phố và trang trại làng quê cứ lướt qua các ô cửa kính của toa tàu. Điều đó hoàn toàn khác với ở New York. Những cánh đồng và rừng rậm hiện ra ở phía đằng xa, và cả nhà cửa, cạnh đó là vườn cây um tùm; những cánh đồng lúa mì các loại hiện ra từng mảng lớn xanh bạt ngàn giống hệt như ở Ba Lan. Nhìn cảnh ấy, lão Wawrzon cảm thấy như có cái gì đó làm ngực mình nở ra khiến lão muốn hét lớn: “Ôi! Những cánh rừng và đồng xanh kia!” Trên các cánh đồng cỏ, những đàn bò và cừu được chăn thả; ở bìa rừng nhìn thấy cả người với rìu hái trên tay. Con tàu cứ thế lao đi và bay tiếp. Dần dần cảnh vật càng trở nên vắng vẻ. Các trang trại mất hút, và vùng đất mở ra thành thảo nguyên to rộng trống không. Gió trên đó thổi như sóng cỏ và lướt qua các bụi hoa. Đôi chỗ nổi lên những bờ vàng của các con đường phủ đầy hoa vàng rực rỡ, trên đó thỉnh thoảng có những cỗ xe ngựa chạy qua. Những lùm cây mọc trên thảo nguyên cao, hoa nhỏ và

mang hình chóp nón cứ gật gật đầu như chào đón khách lữ hành. Những con chim đại bàng sải rộng cánh bay lượn trên thảo nguyên, vừa bay vừa chăm chú nhìn xuống cỏ. Con tàu lao lên phía trước như muốn bay đến nơi mà thảo nguyên mất hút giữa tầm mắt và hòa lẫn vào bầu trời. Từ các cửa sổ toa tàu có thể nhìn thấy hàng đàn thỏ và chó rừng. Thịnh thoảng, những chiếc sừng hươu chập chờn trên đồng cỏ. Không ở đâu nhìn thấy đỉnh tháp nhà thờ, thành phố, làng mạc, nhà cửa, chỉ thấy các nhà ga; giữa các nhà ga và ở bên cạnh đường không có bất cứ người nào xuất hiện. Lão Wawrzon nhìn mọi thứ, lắc đầu và không thể hiểu nổi, rằng chừng ấy “thứ tốt đẹp”, như lão thường gọi đất đai, mà lại đứng trống không như vậy.

Một ngày và một đêm trôi qua. Buổi sáng, họ đi vào một cánh rừng rậm, nơi đó cây cối được những dây leo bao bọc, trông to như cánh tay người, điều đó làm cho cánh rừng trở nên rậm rạp đến mức có lẽ nếu bò rìu vào thì không khác gì bò vào tường. Những loài chim không quen biết hót líu lo trong các bụi cây xanh rờn. Có một lần, lão Wawrzon và Marysia có cảm giác như nhìn thấy giữa những khúc ngoặt và rẽ cây chẳng chịt đó những con chim có mào nhọn trên đầu và khuôn mặt đỏ au như mạt đồng. Nhìn thấy những rừng cây, thảo nguyên và những khu rừng rậm trống không ấy, nhìn thấy tất cả những thứ tuyệt diệu không được biết đến và những con người khác, lão Wawrzon cuối cùng không thể kìm giữ nổi liền lên tiếng:

- Marysia ơi!
- Cái gì thế, bố?
- Con có nhìn thấy không?
- Con nhìn thấy.
- Có ngạc nhiên không?
- Con có ngạc nhiên.

Cuối cùng, họ vượt qua một con sông rộng gấp hơn ba lần sông Warta, sau này họ được biết tên nó là Mississippi, và đêm khuya thì họ đến Little Rock.

Từ đây, họ phải hỏi đường đến Borowina.

Chúng ta hãy bỏ họ lại trong giây phút này. Giai đoạn phiêu bạt thứ hai vì miếng bánh mì của họ đã kết thúc. Giai đoạn thứ ba diễn ra trong rừng, giữa những tiếng rìu bổ và trong cảnh nặng nhọc vất vả của cuộc sống trại ập. Liệu giai đoạn đó có ít nước mắt hơn, ít đau khổ và rủi ro hơn không - chúng ta sẽ biết ngay sau đây.

III

CUỘC SỐNG TRẠI ẬP

Borowina là cái gì? Đó là một trại ập mới được lập ra. Rõ ràng là tên gọi dễ dẫn người ta tới sự nhầm lẫn, khi giả thiết rằng, nơi nào có tên gọi thì ở đó phải có đồ vật. Trước đây, các tờ báo Ba Lan, và thậm chí cả báo tiếng Anh, xuất bản ở New York, Chicago, Buffalo, Detroit, Milwaukee, Manitovok, Denver, Calumet, tóm lại là ở mọi địa phương, nơi có thể nghe thấy tiếng Ba Lan, đều quảng cáo cho *urbi et orbi** nói chung, và dành cho những người Ba Lan lập trang trại nói riêng rằng ai trong số họ muốn khỏe mạnh, giàu có, hạnh phúc, muốn ăn ngon, sống lâu, và sau khi chết chắc chắn sẽ được cứu rỗi, thì người đó hãy ghi tên để nhận mảnh đất ở vùng thiên đường, tức là ở Borowina. Các quảng cáo đó nói rằng Arkansas, nơi có Borowina tọa lạc hiện là vùng còn bỏ trống, nhưng là vùng đất tốt cho sức khỏe nhất trên thế giới này. Đúng ra thì thị trấn Memphis, nằm trên ranh giới, ở phía bên kia của Mississippi, là hang ổ của bệnh sốt rét da vàng, tuy vậy, theo các quảng cáo thì chẳng có bệnh sốt da vàng nào, cũng như chẳng có chứng sốt rét nào có thể bơi vượt qua con sông như sông Mississippi được. Ở thượng nguồn sông Arkansas vẫn chưa mắc bệnh, bởi lẽ những người láng giềng, dân da đỏ Choctaw, sẵn sàng lột da đầu nó chẳng cần thương tiếc. Bệnh sốt rét run rẩy trước màu da đỏ. Hậu quả của tình trạng đó là dân định cư ở Borowina sẽ phải sống giữa bệnh sốt rét da vàng ở phương đông và bọn người da đỏ ở phương tây, sống trong dải đất hoàn toàn trung lập, và có ở phía trước mình tương lai là một nghìn năm nữa,

Borowina chắc sẽ có khoảng hai triệu cư dân, còn đất đai, thứ mà hôm nay phải trả một đô la rưỡi cho một mẫu thì giá bán sẽ là khoảng một nghìn đô la cho diện tích mỗi chiều bằng một khuỷu tay.

Những lời hứa như vậy và viễn cảnh đó thực khó mà tin được. Đối với những người không thích làm láng giềng với Choctaw thì quảng cáo cam đoan rằng bộ lạc thiện chiến đó có cảm tình đặc biệt với người Ba Lan, vì vậy có thể tiên đoán những mối quan hệ vô cùng lịch thiệp. Hơn nữa, mọi người đều biết ở nơi mà xuyên qua các cánh rừng và thảo nguyên có đường sắt chạy qua và có các cột điện tín hình chữ thập, thì ở đó các cột chữ thập ấy nhanh chóng trở thành vật đặc biệt đứng trên các nghĩa trang da đỏ; còn đất đai ở Borowina được mua của đường sắt, vì vậy việc người da đỏ biến mất sẽ chỉ là vấn đề thời gian.

Đất đai đúng là được mua của đường sắt, điều đó đảm bảo cho dân lập ấp trại mối quan hệ với thế giới, đảm bảo tiêu thụ sản phẩm và sự phát triển tương lai. Các quảng cáo thực ra đã bỏ quên việc bổ sung rằng đường sắt này mới chỉ tồn tại trên thiết kế và rằng việc bán các phần đất được chính phủ phân chia cho đường sắt ở những vùng không có người ở nhằm đảm bảo, hay nói đúng hơn, nhằm bổ sung vào ngân quỹ cần cho việc xây dựng; việc quên đó dễ dàng được tha thứ khi thực hiện vụ làm ăn phức tạp như vậy. Hơn nữa, điều đó chỉ gây ra một sự khác biệt đối với Borowina là trại ấp lẽ ra tọa lạc trên tuyến đường sắt thì lại nằm trên vùng sa mạc hoang vắng, để đến được với nó phải dùng xe ngựa vượt qua các trở ngại hết sức lớn lao.

Do sự quên lãng ấy có thể sản sinh ra nhiều sự khó chịu khác nhau, song chỉ là những chuyện khó chịu tạm thời và sẽ biến mất khi tuyến đường sắt đi vào hoạt động. Hơn nữa, mọi người đều biết rằng các quảng cáo trên đất nước này không thể tin theo từng từ ngữ được, bởi lẽ mỗi loài thực vật gieo trồng trên đất Mỹ đều mọc lên cực kì um tùm, nhưng sẽ không có trái, cũng giống như vậy, quảng cáo trên báo chí Mỹ phình ra đến mức mà sự thật thì đôi khi thật khó tìm được qua những lời lẽ văn hoa đó. Bỏ qua toàn bộ chuyện trong các quảng cáo về

Borowina có thể coi là bịp bợm đó, có suy nghĩ cho rằng trại ập đó sẽ không tồi hơn hàng nghìn trại ập khác mà sự ra đời của chúng cũng được quảng cáo không kém phần rùm beng.

Về nhiều phương diện, các điều kiện thậm chí còn tỏ ra hết sức thuận lợi, từ đó vô số người, thậm chí cả những gia đình Ba Lan sinh sống tản mát khắp nơi trên Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, từ các vùng hồ lớn cho đến tận những cánh rừng cọ Florida, từ Đại Tây Dương đến tận vùng bờ biển California đều ghi tên vào danh sách cư dân trại ập sắp ra đời. Người Phổ ở vùng Mazury, người vùng Slask, Poznan, Galicjan, người Litva ở Augustow và người Mazury ở gần Warszawa, những kẻ đã làm việc ở các nhà máy tại Chicago và Milwaukee cùng những kẻ từ lâu đã thờ dài với cuộc sống mà người nông dân chính trực phải cam chịu, tất cả bọn họ đều nắm lấy vận may để thoát khỏi những thành phố ngột ngạt đầy khói bụi, sẵn sàng cầm cày cuốc và rìu hái làm việc trên các cánh đồng, rừng cây và thảo nguyên khoáng dãng của vùng đất Arkansas. Những người cảm thấy quá nóng bức ở Panna Maria tại Texas, hoặc quá lạnh ở Minnesota, hay quá ẩm ướt ở Detroit, hoặc quá đói ở Radom thuộc Illinois đều tham gia vào nhóm đầu tiên đến Arkansas, gồm vài trăm người, chủ yếu là đàn ông, nhưng cũng có khá nhiều các cô gái trẻ và trẻ em. Cái tên “Arkansas đỏ máu” có vẻ “đẫm máu” thật, tuy thế cũng không làm nhiều cư dân khiếp sợ. Nhưng nói đúng ra là vùng đất này từ trước đến nay chứa đầy dân da đỏ hung bạo, được gọi là những kẻ sống ngoài vòng pháp luật, tức là những tên tội phạm lẩn trốn trước pháp luật, sống trong các căn lều man rợ dựng bên dòng sông Đỏ, làm từ cây cối dẫn xuống bất chấp lệnh cấm của chính phủ, và những kẻ nổi loạn khác nhau hoặc các tội phạm trốn chạy trước án treo cổ; mặc dù từ trước tới nay, phần đất phía tây bang này vẫn nổi tiếng với những trận đụng độ dã man giữa thợ săn trâu người da đỏ và da trắng và vì điều luật khủng khiếp xử tội tại chỗ bởi dân chúng, rõ ràng là ai cũng có thể tự giải quyết mọi chuyện. Gã người Mazury, khi cảm thấy có cái gì đó ngứa ngáy trong tay, đặc biệt khi bên trái bên phải mình có một gã Mazury khác và đằng sau mình một gã Mazury

nữa, thì không chịu nhượng bộ bất cứ ai, còn kẻ nào dám đứng ra cản đường hắn ta thì hắn sẵn sàng đứng ra quát:

- Đừng có làm ra vẻ, đừng lên mặt, sôi máu lên tôi sẽ nện cho anh què cẳng!

Vả lại cũng vẫn biết rằng những người Mazury thường thích ở chung với nhau và làm nhà cửa theo cách sao cho anh Maciek này trong bất cứ giây phút nào cũng có thể cầm cây gậy trong tay đến trợ lực cho anh Maciek kia khi cần thiết.

Điểm gặp gỡ tập trung đối với phần đông là thành phố Little Rock, nhưng từ Little Rock đi đến Clarksville, trại ấp gần nhất có người ở, láng giềng của Borowina, cũng cách một khoảng xa hơn từ Warszawa đến Kraków, tồi tệ hơn nữa là phải đi qua sa mạc, vượt rừng cây và vùng ngập nước.

Có nhóm vài người, những kẻ không muốn chờ đợi toàn thể, đã đi một mình và mất tích biệt vô âm tín, nhưng đoàn chính đã may mắn đi đến đích và cắm trại giữa rừng như hiện nay.

Thực ra thì sau khi đến nơi, những người lập trại ấp đã tỏ ra vô cùng thất vọng. Họ nghĩ rằng sẽ được nhận tại chỗ các cánh đồng và rừng cây dành cho người lập trại, nhưng họ chỉ nhìn thấy toàn là rừng cây, nơi phải bắt đầu bằng việc phát quang. Những gốc sồi đen, những cây gỗ đỏ, gỗ bông, cây ngô đồng sáng sủa và cây hồ đào tối tăm đứng cạnh nhau tạo thành một khối. Rừng rậm ở đây không phải chuyện đùa, ở phía dưới đây rầy các loại cây chóp nhọn, còn bên trên là những dây leo chằng chịt nối từ cây này sang cây khác, tạo thành những cây cầu treo, như tấm màn che, như những dây tơ bám vào thân cây, dày đặc và chen chúc nhau kín mít đến mức mắt không nhìn được xa, không giống như trong rừng của chúng ta; ai đi sâu vào bên trong, kẻ đó không nhìn thấy bầu trời ở phía bên trên và buộc phải lạc lối trong bóng tối, và có thể sẽ không tìm thấy đường ra, và sẽ mất tích suốt đời. Những người Mazury hết kẻ này đến kẻ khác đã cảm nhận được điều đó lúc thì bằng nắm đấm của mình, lúc thì bằng cây rìu của mình, lúc thì thông qua

những cây sồi chu vi lớn cỡ mấy chục sải tay và khiến cho không phải chỉ một người cảm thấy buồn rầu. Có được gỗ đó để làm nhà và làm củi đốt thì thật may mắn, nhưng nếu phải chặt rừng ấy trên diện tích 160 mẫu, rồi nhổ rễ cây, rồi làm đất và sau đó mới tính đến chuyện cày bừa, thì một người phải làm hàng vài năm.

Nhưng không còn công việc nào khác, vì vậy ngay từ ngày thứ hai sau khi đoàn người đặt chân đến thì người nọ bảo người kia, nhổ nước bọt vào lòng bàn tay, cầm rìu lên, rên rì, phẩy tay, đấm ngực và từ giây phút đó mỗi ngày đều nghe thấy tiếng rìu bổ trong rừng Arkansas, đôi lúc cả tiếng hát vang vọng tới:

Jasienko đi đến,

Đi đến từ lâu đài:

“Oï Kasienka yêu mến,

Hãy cùng anh vào rừng,

Vào khu rừng tối tăm.”

Trại đặt dọc theo dòng suối trên khu rừng thưa khá rộng, các ngôi nhà đứng thành ô vuông bên rìa, còn ở giữa, dần dần người ta sẽ xây dựng nhà thờ và trường học. Tuy nhiên đến lúc đó thời gian còn dài; trước mắt ở đó đặt các cỗ xe dùng trong việc chuyên chở những gia đình lập ấp trại đến. Các cỗ xe đặt thành hình tam giác để đề phòng trường hợp bị tấn công có thể phòng thủ trong đó giống như các pháo đài. Phía sau các cỗ xe, trên diện tích còn lại của khu rừng thưa là chỗ để lũ la, ngựa, bò kéo xe, bò sữa và cừu đi lại, trông coi chúng là toán lính gác bao gồm những người trẻ tuổi được trang bị vũ khí. Mọi người ngủ trên các cỗ xe hoặc xung quanh các đồng lửa được đốt lên trong khu vực đó.

Ban ngày, đám phụ nữ và trẻ em ở lại trong trại, còn sự có mặt của đám đàn ông chỉ được biết đến thông qua tiếng rìu đốn cây vang lên trên khắp khu rừng. Ban đêm, từ trong các bụi rậm những loài dã thú gầm rú vang lừng, đó là những con báo, những con sói vùng Arkansas. Những con gấu xám khổng lồ khiếp, ít sợ ánh sáng của đồng lửa, đôi khi

mò đến khá gần các cỗ xe, vì thế nhiều lần giữa đêm đen vang lên tiếng nổ phát ra từ các khẩu súng trường và tiếng hô: “Hãy sẵn sàng chiến đấu với thú dữ!” Những người đến từ vùng hoang dã ở Texas phần đông thường là thợ săn có kinh nghiệm và họ dễ dàng săn bắn được cho mình và gia đình những con thú như sơn dương, hươu và trâu rừng; vì đó chính là thời điểm di chuyển mùa xuân của các con thú đi về phương bắc. Những kẻ còn lại của đám dân lập trại ấp sống nhờ vào lượng lương thực, thực phẩm dự trữ mua ở Little Rock hoặc Clarksville, bao gồm bột ngô và thịt ướp muối.

Ngoài ra, người ta còn giết cừu và một phần thịt đó được các gia đình mua lại để dùng.

Tối tối, dọc theo các cỗ xe, người ta đốt lên những đồng lửa lớn, thanh niên sau khi cầu kinh xong thay vì đi ngủ thường lao vào nhảy. Một người chơi nhạc đã mang theo mình cây vĩ cầm, anh ta chơi nhạc dân gian, còn khi tiếng đàn bị chìm chìm giữa tiếng ào ào của gió rừng và trong không gian rộng lớn ngoài trời thì những người khác giúp người chơi nhạc theo kiểu Mĩ, tức là gõ đập vào các chậu sắt tây. Cuộc sống trôi qua trong công việc nặng nhọc khá ồn ào và hỗn độn. Việc đầu tiên phải làm là dựng nhà cửa; vì vậy, trong khoảng thời gian khá ngắn, trên mảnh đất xanh của khu rừng thưa đã mọc lên những bức tường nhà, bề mặt của tường được phủ bằng phoi bào, mùn cưa, các mảnh vỏ cây và những thứ thải ra của cây. Những cây gỗ đỏ rất dễ gia công, nhưng thường phải đi tìm khá xa mới có được. Một số người dựng cho mình những chiếc lán tạm thời bằng các tấm vải lột ra từ các cỗ xe. Những kẻ khác, đặc biệt là người không vợ con, không cần kíp phải có mái lợp trên đầu, thích lê la ở các quán rượu hơn thì bắt đầu cày ở những địa điểm nơi rừng sâu không rậm rạp lắm và nơi các cây sồi, hồ đào, hay còn gọi là cây gỗ sắt, mọc tương đối thưa thớt. Lúc đó, vì rừng Arkansas vốn là rừng sâu, lần đầu tiên vang lên ở đó những tiếng gọi nhau:

- Hây, cái gì, làm được chứ!

Nhưng nói chung thì vì khối lượng công việc lớn như vậy đổ lên đầu đám người lập trại ấp, khiến nhiều người không biết phải bắt đầu từ đâu: liệu trước tiên xây dựng nhà, hay khai hoang, hay săn thú rừng? Ngay lúc ban đầu đã vỡ lẽ ra rằng người có thẩm quyền thay mặt những người lập trại ấp mua đất đai từ công ti đường sắt chỉ trên cơ sở lòng tin và trước đó chưa hề có mặt tại đây; bởi vì nếu ông ta đã đến nơi thì không đời nào lại đi mua toàn rừng rậm hoang sơ như thế, đặc biệt là lúc đó có thể dễ dàng mua những mảnh đất thảo nguyên chỉ có rừng bao phủ một phần. Thực ra, cả ông ta lẫn người thay mặt đường sắt đã đến địa điểm này để đo đạc phân chia và chỉ các phần đất cho từng người, nhưng sau khi nhìn thấy tình hình thực tế, họ đã sục sạo ở đó hai ngày, sau đó bực tức ra đi, lấy cớ là để tìm dụng cụ đo đạc ở Clarksville và không xuất hiện thêm lần nào ở trại ấp nữa.

Sau đó không lâu, mọi người mới biết là một số người lập trại ấp trả nhiều, những kẻ khác trả ít và điều tồi tệ hơn là không ai biết phần đất của mình nằm ở chỗ nào, làm thế nào đo đạc được phần đất thuộc quyền của hẳn. Đám người lập trại ấp bị bỏ rơi mà không có sự chỉ dẫn nào, không có bất cứ chính quyền nào có thể giải quyết các vấn đề của họ và những tranh chấp đã xảy ra. Người ta cũng không biết phải làm việc như thế nào. Nếu là người Đức thì chắc hẳn họ sẽ kết hợp cả quần thể lại cùng chặt rừng và dọn quang toàn bộ khu vực, cùng nhau xây dựng nhà cửa, sau đó mới bắt đầu đo đạc đất đai chia cho từng nhà. Nhưng mỗi người Mazury lại muốn ngay lập tức chiếm lĩnh phần của mình, dựng nhà cửa và sau đó mới tiến hành chặt rừng trên phần đất đai của mình. Ai cũng muốn lấy địa điểm nằm sát trung tâm khu rừng thưa, nơi rừng có ít cây cối nhất và có nguồn nước ở gần nhất. Chính vì thế đã xảy ra mâu thuẫn, và mâu thuẫn đó ngày càng lớn lên khi cỗ xe của một ông tên là Grunmanski xuất hiện như từ trên trời rơi xuống. Cái ông Grunmanski đó, nếu ở Cincinnati chẳng hạn, nơi người Đức sinh sống, có thể mang cái tên ngắn hơn, thí dụ như Grunman, song ở Borowina hẳn đã điền thêm chữ “ski” ở đuôi để buôn bán dễ dàng hơn. Cỗ xe của hẳn có mái che bằng vải rất cao, trên đó ở mỗi bên thành xe

hiện ra dòng chữ viết bằng chữ cái rất lớn: “Quầy rượu”, còn ở phía dưới là những chữ nhỏ hơn: “Brandy, whisky, džin”.

Bằng cách nào cỗ xe đó vượt qua một cách nguyên vẹn vùng sa mạc nguy hiểm nằm giữa Clarcsville và Borowina, bằng cách nào những tên kẻ cướp vùng thảo nguyên không phá nát nó, tại sao những người da đỏ, những kẻ thường đi lang thang thành từng nhóm nhỏ nhiều khi rất gần Clarcsville lại không dùng dao mổ chặt đầu ông Grunmanski, đó là bí mật của ông ta, chỉ biết là ông ta đã đến đây và ngay ngày hôm đó đã bắt tay vào công việc làm ăn tốt đẹp. Nhưng cũng chính ngày hôm đó những người lập trại ấp bắt đầu cãi nhau. Cùng với hàng ngàn chuyện mâu thuẫn về phân chia đất đai, công cụ, về đàn cừu, về vị trí bên cạnh đồng lửa, đã xảy ra những lí do thật sự vớ vẩn. Tự nhiên trong đám người lập trại ấp lại thức tỉnh một thứ tình cảm yêu nước hẹp hòi kiểu Mĩ. Những kẻ xuất thân từ các bang phía bắc bắt đầu ca tụng nơi ở trước đây của mình, coi thường những kẻ lập trang trại đến từ phương nam và ngược lại. Lúc bấy giờ có thể nghe thấy thứ tiếng Ba Lan kiểu Bắc Mĩ, pha trộn với những âm ngữ tiếng Anh, phát sinh ra do sự tách biệt lâu ngày với quê hương và sống giữa những người xa lạ.

- Chúng bay ca tụng mảnh đất phương nam của mình làm gì - người đến từ Chicago nói. - Ở chỗ chúng tao, ở Illinois, chỉ cần nhìn ra ngoài đã là cánh đồng lúa mì, còn đi xe lửa một dặm, thì gặp *city**. Mà về nông thôn, muốn dựng nhà chẳng cần phải chặt rừng, chỉ cần mua gỗ tròn là được, còn ở chỗ bọn bay thì sao?

- Ở chỗ chúng tao một hẻm núi còn có giá trị hơn cả cánh rừng gỗ của bọn bay.

- Mà, đồ thổ tả, sao gây sự với tao? Ở đó tao là ngài, ở đây tao cũng vẫn là ngài, còn mày là thằng nào?

- Câm miệng lại, tao sẽ cầm gậy nện, hoặc ấn đầu mày xuống suối, khi mày còn cái giận. Không biết mày đến gặp tao vì chuyện gì?

- Mày coi thường tao à? Tao coi mày chẳng ra gì đâu!

...

Trong đám dân cư đúng là đã xảy ra chuyện tồi tệ, vì cộng đồng đó giống như một bầy cừu không người chăn dắt. Những mâu thuẫn về phân chia đất đai ngày càng trở nên gay gắt. Đã xảy ra các cuộc đánh lộn, trong đó những người xuất phát từ thành phố hoặc làng xã này đứng lên chống những kẻ đến từ nơi khác. Những người giàu kinh nghiệm hơn, có tuổi và thông minh hơn, đứng ra là dần dần đã giành được sự nể trọng và quyền lực, nhưng không phải lúc nào họ cũng giữ vững được chúng trong tay. Chỉ trong những giây phút nguy hiểm thì bản năng tự vệ chung mới buộc người ta phải quên các mâu thuẫn. Một lần, vào buổi tối khi một toán giang hồ người da đỏ ăn trộm mười mấy con cừu thì những người nông dân cùng lao vào trận rượt đuổi, không cần giây phút đắn đo. Đàn cừu giành lại được, một gã mũi đỏ bị nện như tử đến mức sau đó không lâu đã chết và sự đồng thuận đẹp đẽ nhất đã diễn ra ngày hôm đó, nhưng đến sáng hôm sau người ta lại bắt đầu đánh đấm nhau khi vỡ hoang. Sự hòa thuận cũng đã hình thành, khi tối tối người chơi nhạc bắt đầu chơi điệu không phải nhạc nhảy, mà là các bài hát khác nhau mà mỗi người đều đã từng nghe từ thời xa xưa, từ những ngày còn sống dưới mái nhà tranh. Những cuộc chuyện trò lúc đó bỗng nhỏ hẳn lại. Những người nông dân đứng bao quanh người chơi nhạc, tiếng âm ào của rừng cây hòa đệm với người chơi, ngọn lửa trong các đồng lửa phun ra phì phì và bắn ra những tia lửa nhỏ, còn họ thì vừa đứng vừa cúi đầu buồn bã và tâm hồn họ bay về phía bên kia biển cả. Nhiều khi vầng trăng đã dâng lên cao bên trên rừng cây mà họ vẫn còn nghe. Nhưng ngoài những giây phút ngắn ngủi đó ra, trong đám dân lập ấp trại mọi sự càng ngày càng trở nên tồi tệ. Sự lộn xộn ngày càng lớn, sự thù hận dâng trào. Đó là một xã hội thu nhỏ, bị bỏ rơi giữa rừng, gần như tách biệt hẳn với những người còn lại và bị những kẻ dẫn đường bỏ mặc, đám người đó không thể và không biết cách xoay sở.

Giữa đám người lập trại ấp ấy chúng ta gặp lại những nhân vật quen thuộc của chúng ta: ông nông dân già tên là Wawrzon Toporek và con gái lão Marysia. Sau khi đến Arkansas, tại Borowina họ cùng chia sẻ số phận với những người khác. Có lẽ lúc đầu họ gặp may mắn hơn. Đã là rừng cây thì không giống như con đường đá lát ở New York, hơn nữa tại đó họ không có gì, còn ở đây họ có cỗ xe, có một số vật nuôi mua rẻ được ở Clarksville và một ít dụng cụ dùng để làm ruộng. Ở chỗ kia nỗi nhớ kinh hoàng hành hạ họ, ở đây công việc nặng nhọc không cho phép họ nghĩ đến gì khác ngoài chuyện ngày hôm nay. Người nông dân già từ sáng sớm đến tối mịt chặt rừng, lột vỏ cây và dẫn gỗ về làm nhà; cô con gái phải giặt ở suối, nhóm bếp, nấu ăn; nhưng mặc dù công việc cực nhọc, hoạt động và không khí rừng cây đã dần dần xóa sạch những dấu vết bệnh tật trên khuôn mặt mà cô mắc phải vì nghèo khổ ở New York. Làn gió nóng từ Texas đã làm da cô rám nắng và phủ một lớp lông lánh vàng lên khuôn mặt nhợt nhạt của cô. Các chàng trai đến từ Sant-Antonio và từ vùng hồ lớn, những kẻ thỉnh thoảng lại xoe năm đám nhảy đến đánh nhau, chỉ thống nhất được với nhau ở một điểm là đôi mắt Marysia ngược nhìn lên từ dưới hàng mi sáng long lanh trông giống như đóa hoa đồng nội từ ruộng lúa mạch đen và đó là cô gái đẹp nhất mà mắt con người thấy được trên thế gian, sắc đẹp của Marysia cũng làm cho cả lão Wawrzon gặp thuận lợi. Bản thân lão đã chọn cho mình mảnh rừng thưa nhất và không ai chống lại lão, bởi tất cả các chàng trai đều đứng về phía lão. Nhiều người còn chặt cây cho lão và dẫn gỗ về làm nhà hoặc giúp lão làm hàng rào, còn ông già, vì vốn thông minh, biết chuyện gì xảy ra và thỉnh thoảng lại lên tiếng:

- Con gái tôi đi lại trên đồng chẳng khác nào đóa hoa huệ trắng, chẳng khác nào bà chủ, chẳng khác nào nàng công chúa. Tôi thích ai thì tôi sẽ gả cho kẻ đó, nhưng không phải ai tôi cũng ưng, vì nó là con gái một ông chủ. Ai cúi đầu thấp hơn và ngoan ngoãn hơn thì tôi gả cho kẻ ấy, không phải cho bất cứ kẻ lang thang nào đâu nhé.

Vậy thì ai giúp lão đều nghĩ là giúp đỡ chính mình.

Vì vậy, lão Wawrzon gặp thuận lợi hơn hẳn những người khác, và nói chung là lẽ ra lão hoàn toàn cảm thấy tốt đẹp, giá như đám người lập trại ấp ấy có tương lai sáng sủa ở phía trước. Nhưng ở đó, càng ngày tình hình càng tỏ ra tồi tệ hơn. Tuần đầu rồi tuần thứ hai trôi qua. Xung quanh khu rừng thưa người ta đã dẫn cây, mặt đất đã phủ mùn cưa, đây đó đã dựng lên những mảnh tường vàng; song cái mà mọi người làm được không thấm vào đâu so với những điều phải làm. Bức tường xanh của rừng chỉ lùi bước một cách chậm chạp trước những cây rìu. Đám người dẫn sâu vào rừng rậm đã mang về những tin tức rất kì lạ, rằng khu rừng này hoàn toàn không có lối ra, rằng phía sau nó toàn là các bãi lầy kinh hoàng, là các hồ nước và mặt nước mơ màng dưới các hàng cây, rằng có những con quái vật sống ở đấy, những làn sương mù hình dáng như ma quỷ chuyển dịch giữa các bụi rậm, những con rắn phun phì phì, những tiếng nói nào đó vang lên: “Đừng có đến gần!”, những cây gai kì lạ cứ bám chặt vào quần áo không chịu buông ra. Một chàng trai đến từ Chicago còn nói là đã nhìn thấy quỷ hiện hình trước mắt, trông nó thật khủng khiếp, cái đầu lông lá ngẩng lên từ trong bùn và thổi phù phù vào hắt khiến hắt chỉ biết chạy trốn về đến trại. Đám người lập trại ấp đến từ Texas đã giải thích cho hắt rằng chắc hắt đó là một con trâu rừng, nhưng hắt không chịu tin. Lại có thêm một điều mê tín dị đoan làm tăng tình trạng đáng sợ ấy. Vài ngày sau khi nhìn thấy con quỷ lại có chuyện khác xảy ra, đó là việc hai người can đảm đi vào rừng và sau đó không ai nhìn thấy họ nữa. Vài người bị ốm do làm việc quá sức, còn sau đó thì bệnh sốt rét tấn công họ. Những cuộc cãi cọ về việc phân chia đất đai tăng lên đến mức đã xảy ra những trận chiến đổ máu và có người bị thương. Ai không đánh dấu bò của mình thì những người khác không đứng ra làm chứng về quyền sở hữu cho họ. Doanh trại rạn nứt, người ta đặt các cỗ xe ở mọi góc ngách của khu rừng thưa để tách biệt hắt với nhau càng xa càng tốt. Không biết ai đi canh gác trông nom đàn gia súc; đàn cừu bắt đầu bị mất. Trong khi đó, một vấn đề ngày càng trở nên rõ ràng hơn, đó là trước khi mặt trời mọc, sương mù tan; trước khi mầm gieo ở mép rừng bắt

đầu mọc lên xanh tốt và cho thu hoạch thì dự trữ lương thực dần cạn kiệt và có thể dẫn tới nạn đói.

Sự tuyệt vọng bao trùm lên mọi người. Tiếng vang của rìu bổ cây trong rừng yếu đi, họ bắt đầu thiếu sự kiên nhẫn và lòng can đảm. Mỗi người có lẽ đều sẽ làm việc tiếp, nếu như ai đó nói với hẳn ta rằng: “Đến đây là phần đất của anh.” Nhưng không ai biết chỗ nào của mình, chỗ nào không phải của mình. Những lời kêu ca oán trách bọn người dẫn đường tăng lên. Mọi người nói là đã bị đưa vào rừng sâu vút bỏ để chết một cách vô ích. Dần dần, những ai còn có đồng tiền cuối cùng đều đã lên xe đi về Clarcsville. Nhưng đa số mọi người đều đã bỏ đồng xu cuối cùng vào vụ này, không còn gì để trở về nơi ở cũ. Những kẻ đó buông tay bất lực, biết chắc rằng mình đã thất bại.

Cuối cùng rồi những chiếc rìu cũng thôi không chặt cây nữa, còn rừng vẫn âm ào, giống như đang nhạo báng trước sự bất lực của con người. “Hãy cứ chặt cây hai năm đi, để sau đó chết đói,” người này nói với người kia. Còn rừng thì vẫn rì rầm như đang nhạo báng.

Một buổi tối, lão Wawrzon đến chỗ Marysia và nói:

- Bố thấy rằng tất cả ở đây sẽ chết mòn mỏi và chúng ta cũng sẽ chết.
- Đó là ý Chúa, - cô gái đáp - nhưng Người đã từng nhân từ với bố con ta thì giờ đây Người cũng sẽ không bỏ rơi chúng ta.

Nói như vậy, cô ngược cặp mắt như đóa hoa đồng nội nhìn lên các vì sao và trong ánh sáng bập bùng của ngọn lửa trông cô như bức tranh thánh ở nhà thờ.

Còn các chàng trai đến từ Chicago và đám thợ săn vùng Texas khi nhìn cô đều nói:

- Và cả chúng tôi nữa sẽ không bỏ rơi em đâu, Marysia ơi, hơi tia nắng bình minh đỏ thắm.

Cô gái nghĩ thầm rằng chỉ có một người như vậy, một người mà cô sẵn sàng cùng đi đến tận cùng trời cuối đất, chỉ một mình Jasko ở Lipince mà thôi. Nhưng người đó, mặc dù đã từng thề nguyện biến thành con vịt bơi vượt biển theo cô, thành con chim bay trên không

trung, thành chiếc vòng vàng lặn trên đường làng, đã không bơi đến, không bay đến và chỉ một mình anh ta đã bỏ rơi cô, người con gái khốn khổ.

Marysia không thể không biết rằng trong trại ắp đang xảy ra những điều tồi tệ, nhưng cô đã từng rơi vào vực sâu như vậy, và Chúa đã cứu vớt cô từ vực sâu thăm ấy, trong rủi ro, tâm hồn cô trở nên trong sáng đến mức lòng tin vào sự trợ giúp của thiên thần không ai có thể tước đi của cô được.

Hơn nữa, cô cũng nhớ lại rằng ông già ở New York, người đã giúp đỡ bố con cô thoát cảnh đói nghèo và đến được tới đây, đã trao cho cô tờ giấy của mình và nói rằng, khi cô gặp rủi ro thì hãy đến nhờ vả ông, ông sẽ luôn luôn cứu giúp cô.

Trong khi đó, đối với cư dân trại ắp mỗi ngày mới lại mang đến tai họa lớn hơn. Người ta chạy trốn khỏi nó đêm đêm và điều xảy ra đối với họ thì thật khó nói ra. Xung quanh họ, rừng vẫn rì rầm và vẫn nhạo báng.

Ông già Wawrzon cuối cùng cũng ốm do làm việc quá sức. Sau mỗi lần tụng kinh, cái đau lại hành hạ lão. Hai ngày đầu, lão không để ý đến nó, ngày thứ ba lão không ngồi dậy nổi. Cô con gái đi vào rừng lượm rêu trát lên những bức tường nhà đã hoàn thành, đang để trên bãi cỏ, cô đặt ông bố nằm trên rêu và nấu thuốc pha với rượu vodka cho ông.

- Marysia ơi! - Người đàn ông thì thầm - Cái chết đang luồn qua rừng đến với bố; con ở lại một mình trên thế gian này, ời con gái mồ côi. Chúa bắt bố phải chịu tội vì những lỗi lầm của mình, vì bố đã dẫn con xuống biển và để mất con. Những phút giây hấp hối của bố thật nặng nề...

- Bố ơi! - Cô gái đáp - Chúa có lẽ sẽ trừng phạt con, nếu như con không cùng đi với bố.

- Bố không muốn để con lại một mình đâu, giá như được ban phúc lành cho con nhân ngày cưới thì bố chết cũng dễ dàng hơn. Marysia ơi,

con hãy lấy cậu Đại Bàng Đen làm chồng đi: hắn là một nông dân tốt, hắn sẽ không rời bỏ con đâu.

Đại Bàng Đen, chàng thợ săn nổi tiếng đến từ Texas, nghe đến đó ngay lập tức quỳ xuống.

- Bố ơi! Bố hãy ban phước lành đi. - Hắn nói - Con yêu thương cô gái này như số phận mình. Con biết về rừng cây và sẽ không để cô ấy phải chết đâu.

Nói xong, với đôi mắt đại bàng, hắn nhìn lên Marysia như nhìn vào vàng cầu vồng, song cô gái, sau khi cúi mình sát chân ông già liền lên tiếng:

- Đừng ép buộc con, bố ơi! Con đã thề nguyện với ai thì con sẽ là của người ấy hoặc sẽ chẳng của ai.

- Em thề nguyện với ai, thì sẽ không thuộc về người đó, vì ta sẽ giết chết hắn. Em phải là của ta hoặc sẽ không là của ai. - Đại Bàng Đen lên tiếng - Ở đây tất cả sẽ chết mòn mỏi, kể cả em cũng sẽ chết mòn mỏi, nếu như ta không cứu giúp em.

Đại Bàng Đen không lầm: trại ập đã chết dần chết mòn. Lại một tuần nữa, rồi tuần tiếp theo trôi qua. Dự trữ lương thực cạn kiệt. Người ta bắt đầu giết thịt đàn bò dùng làm sức kéo. Bệnh sốt rét cướp đi ngày càng nhiều nạn nhân mới, mọi người bắt đầu nguyện rửa rừng già, rồi lớn tiếng kêu trời đến cứu. Một ngày Chủ nhật, những người già cả, đám đàn ông, đàn bà và trẻ con, tất cả đều quỳ trên nền nhà và hát những lời khẩn nguyện. Hàng trăm giọng nói cùng lặp đi lặp lại: “Ôi Chúa trời, ời Đức thánh vạn năng, Đức thánh bất tử, hãy thương xót chúng con!” Rừng cây ngừng đung đưa, không rì rào nữa và lắng nghe. Khi bài hát chấm dứt, rừng lại lên tiếng ào ào, như nói một cách dữ tợn: “Ta ở đây là chúa tể, ta ở đây là chủ nhân, ta ở đây là mạnh nhất.”

Nhưng Đại Bàng Đen, kẻ am hiểu về rừng, lại ngược cặp mắt của mình nhìn chăm chú vào đó, nhìn với vẻ đặc biệt lạ lùng, sau đó lớn tiếng:

- Thế à, thế thì hãy giữ lấy xương vai.

Mọi người lần này đều nhìn vào Đại Bàng Đen và một sự khích lệ xuất hiện trong tim họ. Những kẻ đã biết hăn từ hồi còn ở Texas thì có lòng tin lớn đối với hăn, vì đó là thợ săn nổi tiếng gần như toàn xứ Texas. Đó là người đàn ông thực sự hoang dã trên thảo nguyên và mạnh mẽ như cây sồi. Hăn dám một mình đi săn gấu. Tại Sant-Antonio, nơi trước đây hăn sinh sống, người ta biết rất rõ rằng, khi cầm cây súng trên tay đi vào sa mạc, chỉ vài tháng trong nhà không thấy mặt hăn, nhưng khi về hăn luôn khỏe mạnh và nguyên vẹn. Người ta gọi hăn là Đen, do làn da cháy nắng. Người ta thậm chí còn nói về hăn rằng trên vùng biên giới Mexico hăn đã làm loạn, nhưng điều đó không đúng với sự thật. Hăn chỉ mang da thú về, và đôi khi cả các mảng da đầu của bọn người da đỏ, cho đến khi cha xứ quản hạt địa phương không đe dọa đuổi hăn ra khỏi Giáo hội vì chuyện đó. Bây giờ, ở Borowina chỉ có hăn là không quan tâm đến chuyện gì và không thêm chú ý đến điều gì. Rừng cung cấp cho hăn cái ăn thức uống, rừng cho hăn cái mặc. Vì vậy, khi mọi người bắt đầu chạy trốn và mất tinh thần thì hăn bắt đầu nắm mọi việc trong tay và cầm quyền cai trị, giống như con ngỗng xám trên bầu trời, khi có cả đám người từ Texas đứng sau mình. Khi mọi người khẩn cầu rừng già, người ta thầm nghĩ rằng: “Chắc chắn hăn sẽ nghĩ ra được điều gì đó.”

Mặt trời lặn. Từ trên cao, len lỏi qua những tán lá hồng đào đen ngòm một chút ánh vàng còn phản chiếu xuống đất, sau đó tối dần lại và tắt lịm. Gió thổi về phương nam, trời đen kịt lại. Đại Bàng Đen cầm súng trong tay và đi vào rừng.

Màn đêm đã buông xuống, ở phía rừng xa mọi người nhìn thấy như có ngôi sao cực lớn màu vàng, giống như ánh bình minh đang lên hoặc như mặt trời đang phình ra với tốc độ nhanh khủng khiếp, gieo thứ ánh sáng đỏ thắm như máu xuống khắp mọi nơi.

- Cháy rừng! Cháy rừng rồi! - Người ta bắt đầu hô hoán trong doanh trại.

Hàng đàn chim chóc bay lên với tiếng động âm âm từ khắp mọi phía của khu rừng, chúng vừa kêu, vừa rít, vừa hót. Đàn bò trong trại bắt đầu

rống lên thảm thiết, chó sủa ầm ỹ, mọi người hoảng sợ chạy tán loạn, chẳng biết liệu đám cháy có lan tới chỗ họ hay không, nhưng gió nam thổi mạnh chỉ có thể lửa ngọn lửa từ phía rừng thưa đi chỗ khác. Ở phía xa lại bùng lên ngôi sao đỏ thứ hai, sau đó là ngôi sao thứ ba. Rồi cả hai ngôi sao hòa nhập với ngôi sao thứ nhất và đám cháy gầm thét trên không gian mỗi lúc một lớn hơn. Ngọn lửa tràn ra như nước, cháy lan ra các nhánh dây leo khô héo và những cây nho dại, làm cành lá rung chuyển. Gió lốc bùng đám lá đang cháy, đưa chúng bay như những con chim lửa xa dần, xa dần.

Trong ngọn lửa, những cây hồ đào nứt toác ra với tiếng nổ như tiếng đại bác. Những con rắn lửa bò lượn khắp cánh rừng đầy cây cối. Tiếng phì phì, tiếng ồn ào, tiếng cành cây gãy, tiếng gầm thét của ngọn lửa cùng với tiếng kêu náo loạn của chim muông và tiếng rú gào của các con thú ngập đầy không trung. Những cây cao ngất ngưỡng run lên bần bật không khác gì cây cột gỗ hoặc cột nhà cháy. Các chùm dây leo chẳng chịt văng ra khỏi cây và vừa chòng chành khùng khiếp không khác gì bả vai quý dữ vừa truyền những tia lửa và ngọn lửa từ cây này sang cây kia.

Bầu trời trở nên đỏ thẫm, cứ như một đám cháy thứ hai xuất hiện trong đó. Trời trở nên sáng như ban ngày. Sau đó, mọi ngọn lửa đều hòa nhập với nhau tạo thành biển lửa và tràn qua khu rừng giống như hơi thở của Thần Chết hoặc sự nổi giận của Chúa.

Khói, sức nóng và mùi cháy khét lẹt tràn ngập khắp không trung. Mọi người trong doanh trại, mặc dù không gặp nguy hiểm, vẫn kêu to và gọi nhau í ới, bỗng nhiên từ phía đám cháy, trong cảnh hỗn loạn và ánh lửa xuất hiện gã Đại Bàng Đen.

Mặt hắc phủ đầy khói và trông rất dữ tợn. Khi mọi người đứng vây thành vòng tròn xung quanh hắn, hắn tựa người vào khẩu súng trường và nói:

- Các người không cần chặt cây nữa. Tôi đã đốt rừng. Ngày mai, các người sẽ có các cánh đồng từ phía bên này, muốn bao nhiêu thì lấy

chùng ấy.

Sau đó tiến đến sát Marysia, hắn nói:

- Em phải là của ta, ta chính là người đã đốt rừng. Ai ở đây mạnh hơn ta cơ chứ?

Cô gái bắt đầu run rẩy toàn thân, vì ánh hồng chiếu vào mắt Đại Bàng Đen và cả người hắn hiện lên thật dữ tợn đối với cô.

Lần đầu tiên kể từ giây phút đến đây, cô đã cảm ơn Chúa vì Jasko ở cách xa, tít tận Lipince.

Đám cháy đang rời đi mỗi lúc một xa; ngày hiện ra đầy mây và dự báo trời sẽ mưa. Buổi sáng, một số người đã đi xem chỗ cháy, nhưng không thể đến gần vì sức nóng.

Ngày thứ hai, những đám bụi khí hình hạt sương treo lơ lửng giữa không trung khiến người này không nhìn rõ người kia ở khoảng cách mười mấy bước chân. Ban đêm bắt đầu có mưa, rồi nhanh chóng biến thành cơn mưa tầm tã. Có lẽ vì đám cháy đã nung nóng bầu khí quyển dẫn đến việc xua đuổi những đám mây, nhưng ngoài lí do đó ra thì lúc bấy giờ đang là mùa xuân, trong thời gian này ở hạ lưu sông Mississippi, cũng như ở ngã ba sông Arkansas và sông Đỏ thường có những cơn mưa lớn đổ xuống. Dẫn đến tình trạng đó còn phải kể đến cả việc nước bốc hơi, mà ở Arkansas, do bao phủ đầy mặt đất dưới dạng đầm lầy, hồ nhỏ và các dòng suối, nước phình ra vào mùa xuân vì tuyết tan trên các ngọn núi xa. Khắp vùng rừng thưa, đất mềm nhũn hằn ra và dần dần tạo thành ao cá rộng mênh mông. Mọi người ướt lướt thướt nhiều ngày bắt đầu đổ bệnh. Một số người lại rời khỏi đám dân cư, muốn đi đến Clarcsville, nhưng sau đó không lâu lại quay trở về, mang theo tin là nước sông dâng cao và đường đi đã bị cản trở. Tình hình trở nên khủng khiếp, kể từ ngày những người mới quay trở lại đã một tháng trôi qua, lương thực dự trữ đã cạn, còn lượng hàng mới từ Clarcsville thì không thể đưa đến được.

Chỉ riêng lão Wawrzon và Marysia là ít bị cái đói đe dọa so với người khác, bởi đã có bàn tay mạnh mẽ của Đại Bàng Đen chăm sóc

họ. Hằng ngày, sáng sớm hắn mang đến cho họ thịt thú rừng do hắn săn bắn hoặc đánh bắt; bên tấm tường nhà, nơi lão Wawrzon nằm, Đại Bàng Đen đặt lều của mình để bảo vệ ông già và Marysia khỏi bị mưa gió. Cần phải tiếp nhận sự giúp đỡ của hắn, sự giúp đỡ gần như buộc phải nhận và chỉ phải tỏ lòng biết ơn, vì hắn không nhận tiền công, hắn chỉ muốn lấy Marysia làm vợ thôi.

- Tôi có phải là người con gái duy nhất trên thế gian này đâu cơ chứ?

- Cô gái từ chối - Anh hãy đi đi, hãy tìm người con gái khác, bởi vì tôi thương yêu người khác.

Nhưng Đại Bàng Đen trả lời:

- Dù ta có đi đến chân trời cuối đất cũng không tìm thấy người thứ hai như em. Với ta, em là người duy nhất trên thế gian này và em phải là của ta. Em sẽ làm gì nếu ông già chết đi? Em sẽ đến với ta, tự em sẽ đến với ta, còn ta sẽ vồ lấy em như con sói vồ cừu non, mang em vào rừng, nhưng ta sẽ không ăn thịt em ngẫu nhiên. Em là của ta! Em là người duy nhất! Ai phản đối ta điều đó? Ở đây ta sợ ai? Cứ để tên Jasko của em đến đây xem: ta muốn điều đó!

Với lão Wawrzon, Đại Bàng Đen tỏ ra ngoan ngoãn. Ông già bệnh mỗi ngày một nặng hơn, nhiều khi nóng hầm hập, lão thường nói về những tội lỗi của mình, về Lipince và về chuyện Chúa không cho phép lão về thăm lại nơi đó. Nước mắt Marysia tuôn chảy vì thương lão và thương cả mình. Việc Đại Bàng Đen hứa với cô là chỉ cần lấy hắn thì thậm chí hắn sẽ cùng cô quay về Lipince, đối với cô đó là nỗi đắng cay, không phải niềm vui. Trở về Lipince, nơi có Jasko và trở về là người đàn bà của người khác - không đời nào! Tốt hơn hết là chết ở đây, dưới bất cứ gốc cây nào cũng được. Cô nghĩ rằng mình sẽ chết như vậy.

Trong khi đó, điều bất hạnh mới lại đổ ập xuống ập trại.

Mưa càng ngày càng lớn. Một đêm thanh vắng, khi Đại Bàng Đen đã đi vào rừng như mọi bữa, trong doanh trại bỗng nổi lên tiếng thét thảng thốt:

- Nước! Nước!

Khi mọi người giụi mắt tỉnh ngủ thì đã nhìn thấy ngút tầm mắt trong màn đêm một mặt phẳng trắng phau sủi bọt dưới làn mưa và chòng chành trong gió. Ánh sáng mờ ảo giữa đêm đen chiếu chập chờn trên những đợt sóng lăn tăn. Từ phía bờ, nơi những thân cây nhô ra và từ phía rừng đã cháy trụi nghe thấy rõ tiếng ầm ào và tiếng sóng vỗ của những làn nước đang chảy đến với tốc độ kinh hoàng.

Tiếng kêu thét nổi lên khắp doanh trại. Đàn bà và trẻ con bắt đầu ẩn nấp sau các cỗ xe, đàn ông thì chạy thực mạng đến phía tây khu rừng thưa, nơi cây cối không bị đốt. Nước chỉ ngập đến đầu gối họ, nhưng dâng lên rất nhanh. Tiếng ầm ào từ phía rừng cây lớn dần lên và hòa lẫn với tiếng gào thét lo sợ, tiếng gọi nhau í ới và lời cầu xin cứu giúp. Sau đó không lâu, những gia súc lớn bắt đầu rút lui dần từ chỗ nọ sang chỗ kia trước sự tấn công của những con sóng lớn. Rõ ràng là độ mãnh liệt của dòng chảy mỗi lúc một tăng lên. Những con cừu trôi lênh bênh và kêu thảm thiết mong chờ cứu giúp cho đến khi mất hút vì bị cuốn trôi về phía rừng cây. Mưa đổ ào ạt từ trên trời xuống và càng lúc càng trở nên khủng khiếp. Tiếng rì rào từ xa vắng đến đã biến thành tiếng ồn ào lớn và tiếng gầm thét của những đợt sóng dữ tợn. Các cỗ xe bắt đầu run rẩy dưới làn mưa lớn. Rõ ràng đó không phải là một cơn mưa thông thường, mà là do con sông Arkansas cùng mọi nhánh của nó đang đổ nước ra. Đó là cơn đại hồng thủy lật tung cây cối cùng cả gốc rễ, phá tan rừng, gieo rắc sự khủng khiếp, tạo nên tai ương, màn đêm và chết chóc.

Một trong các cỗ xe đứng gần khu rừng cháy nhất đã bị lật nhào. Nghe tiếng thét: “Cứu tôi với!” của những người đàn bà bị kẹt trong đó, vài người đàn ông từ phía rừng cây bổ nhào đến, nhưng sóng nước đã cuốn trôi những người đi cứu, xoay tròn và đưa họ vào rừng mất hút. Trên các cỗ xe khác, người ta bám lấy lớp mái vải thô. Mưa càng lúc càng lớn, màn đêm đổ xuống cánh đồng ướt đầm càng lúc càng dày đặc. Đôi khi một thùng phi nào đó có người bám vào trôi lênh bênh, lúc dâng lên cao, lúc hạ xuống thấp, đôi khi bóng đen của một con vật hoặc

con người xuất hiện, thỉnh thoảng từ dưới nước một cánh tay giơ lên cao, rồi chìm ngấm trong đó mãi mãi.

Tiếng gầm thét của nước càng lúc càng hung hãn hơn đã đánh át mọi thứ, cả tiếng kêu của các con vật bị cuốn chìm, cả tiếng gọi: “Jesus! Jesus! Maria!” Trên đồng cỏ hình thành nên những chỗ nước xoáy và những vòng tròn, các cỗ xe biến mất...

Còn lão Wawrzon và Marysia thì sao? Tường nhà, trên đó ông già nằm, đặt phía dưới lều của Đại Bàng Đen đã tạm thời cứu thoát họ, vì nó trôi như một chiếc mảng. Sóng vẫn nó quay tròn quanh khu rừng thưa và đưa nó trôi về phía rừng, tại đó nó đập vào cây thứ nhất, rồi cây thứ hai và cuối cùng bị đẩy vào một dòng nước, trôi về phía xa và mất hút trong màn đêm.

Cô gái quỳ bên cạnh người cha, giơ đôi tay lên trời kêu cứu; nhưng chỉ có tiếng đập của những đợt sóng dưới làn mưa gió phũ phàng đáp lại cô...

Chiếc lều bị hất văng ra... và ngay cả chiếc mảng cũng có thể bị vỡ tan tành bất cứ giây phút nào, cả phía trước lẫn phía sau nó có những thân cây bị bứng ra từ các cây cối bật gốc trôi lênh bênh và chúng có thể đè bẹp hoặc làm mảng nát tan.

Cuối cùng, chiếc mảng trôi vào và mắc kẹt giữa các cành của một cái cây, mà cây đó chỉ còn nhìn thấy chỏm nổi lên trên mặt nước, nhưng chính trong giây phút ấy từ chỏm cây có tiếng người vọng đến:

- Hãy cầm lấy khẩu súng và di chuyển sang phía bên kia, để mảng khỏi bị lật nhào, tôi nhảy sang đó...

Ông già Wawrzon và cô gái vừa kịp làm theo lệnh đó thì một bóng người đã từ trên cành cây nhảy xuống mảng.

Đó là Đại Bàng Đen.

- Marysia ơi! - Hắn nói - Như ta đã nói với em, ta sẽ không rời bỏ em đâu. Thề có Chúa! Ta sẽ dẫn em thoát khỏi vực thẳm này.

Bằng chiếc rìu có sẵn ở bên mình, hắn dẫn từ trên cây một cành thẳng, vót nó trong chớp mắt, sau đó đẩy chiếc mảng thoát ra khỏi đám

cành cây và bắt đầu chèo lái.

Sau khi đã ra được làn nước thích hợp, họ bơi nhanh như tên bắn. Đi đâu? Không biết, nhưng cứ bơi. Thịnh thoảng, Đại Bàng Đen lại đẩy các thân cây, cành lá hoặc lái chiếc mảng để tránh cây đứng chắn. Sức khỏe siêu phàm của hắn như tăng lên gấp bội. Trong đêm tối, mắt hắn vẫn phát hiện ra từng mối hiểm nguy. Hết giờ này đến giờ khác trôi qua. Người khác có lẽ đã kiệt sức, song qua nét mặt hắn thậm chí không nhận thấy sự mệt mỏi. Trước khi trời sáng, họ đã vượt ra khỏi khu rừng, vì cho đến tận cuối đường chân trời không còn nhìn thấy bất kì ngọn cây nào cả. Thay vào đó là cả một vùng trũng như biển mênh mông. Những chỗ xoáy khủng khiếp của dòng nước đục ngầu và sỏi bọt réo lên vang rền khắp mặt đất trống không. Ánh sáng bắt đầu lộ diện càng lúc càng rõ nét. Đại Bàng Đen biết rằng không còn bất kì thân cây nào ở gần đó nữa, thôi không chèo mảng và quay lại phía Marysia lên tiếng:

- Giờ đây em là của ta, vì ta đã giăng em ra khỏi cái chết.

Đầu hắn để trần, còn khuôn mặt thì ướt nhèm và đỏ au vì mồ hôi, nóng rực bởi cuộc vật lộn với trận lũ, thể hiện một sức mạnh khiến cho Marysia lần đầu tiên không dám trả lời lại hắn là sẽ lấy người khác.

- Marysia ơi! - Chàng trai mềm mỏng lên tiếng - Marysia thân yêu ơi!

- Chúng ta sẽ bơi đi đâu? - Cô gái hỏi vì muốn chuyển đề tài câu chuyện.

- Đối với ta chuyện ấy có gì đâu! Miễn là được ở bên em... người yêu dấu...

- Hãy chèo lái khi cái chết vẫn rình rập chúng ta ở phía trước.

Đại Bàng Đen lại chèo lái. Trong khi đó, lão Wawrzon cảm thấy càng lúc càng thêm tồi tệ. Chốc chốc lão lại bị nóng, đôi lúc cơn sốt dừng, nhưng lão đã yếu lắm rồi. Đã xảy ra quá nhiều chuyện đau đớn đối với thân xác già nua, kiệt quệ của lão. Giờ phút tận số và an nghỉ

cuối cùng, nổi khuấy khóa vĩnh hằng đã đến. Giữa buổi trưa, lão tỉnh dậy và lên tiếng:

- Marysia ơi! Bố không thể chờ được ngày mai. Ôi, con gái, con gái nhỏ! Giá như ta không đi khỏi Lipince và không mang con theo cùng thì tốt biết bao. Nhưng Chúa có lòng từ bi! Ta đã chịu đựng nhiều rồi, vì thế Chúa đã tha tội cho ta. Hãy chôn ta nếu như các người có thể, còn con thì Đại Bàng Đen hãy dẫn đưa về chỗ ông già ở New York. Đó là một người tốt, ông ấy sẽ thương hại con và cho con tiền đi đường, con sẽ trở về Lipince. Ta không về được nữa. Ôi Chúa ơi, Chúa từ bi ơi, cho phép linh hồn con giống như cánh chim bay về nơi đó, dù chỉ để nhìn thấy nó thôi!

Đến đây cơn sốt nóng đã chiếm lĩnh toàn thân, lão bắt đầu nói: “Chúng con chạy khỏi sự bảo trợ của Người, hỡi Chúa kính yêu!” Rồi bỗng nhiên lão thét: “Đừng vớt ta xuống nước, bởi ta không phải là chó”; còn sau đó rõ ràng là lão đã nhớ lại mình định dìm chết Marysia vì đói nghèo như thế nào, vì lão lại hô hoán: “Con ơi, buông tay ra! Buông tay ra!”

Cô gái khốn khổ nằm ở đầu mảng, nước mắt đầm đìa... Đại Bàng Đen vẫn chèo lái và cố kìm nén nước mắt vào trong cuống họng...

Trời trở nên hiền hòa. Trong hoàng hôn, mặt trời đã xuất hiện phía bên trên vùng ngập nước và tạo thành một dải sáng vàng thẫm rất dài phản chiếu trên mặt nước. Ông già bắt đầu hấp hối. Nhưng Chúa đã thương tình lão và ban cho lão một cái chết êm dịu. Lúc đầu, lão thường nhắc lại bằng giọng ai oán: “Tôi đã rời khỏi Ba Lan, rời khỏi mảnh đất ấy”, nhưng sau đó trong lúc mê man vì cơn sốt nóng, lão tưởng như mình đã về lại quê hương. Thì đây, lão như nhìn thấy rằng ông già ở New York đã cho tiền lão về và mua lại đất đai, vì vậy cả lão và Marysia đang trên đường trở về. Họ đang có mặt trên đại dương, con tàu đang bơi ngày đêm, những người thủy thủ đang ca hát. Sau đó, lão nhìn thấy cảng ở Hamburg, từ đó lão ra đi, những thành phố khác nhau lần lượt lướt qua trong mắt lão, giọng nói tiếng Đức vang lên xung quanh, nhưng con tàu bay thẳng về phía trước, vì vậy lão Wawrzon cảm

thấy rằng mình càng lúc càng tiến về gần nhà hơn, một niềm vui cháy bùng lên trong lồng ngực lão, một luồng không khí khang khác, đáng yêu ập đến với lão từ phía trời quê... Cái gì đây? Biên giới. Trái tim nông dân khốn khổ đập như búa gỗ... Hãy đi tiếp đi! Chúa ơi, Chúa ơi! Đây đã là cánh đồng rồi, và cả những cây lê quê mình... mái nhà xám của họ và các nhà thờ. Ở đằng kia, một người nông dân trong chiếc mũ lông cừu đang cúi sau cây cà. Từ trên toa tàu, lão giơ tay ra phía ông kia vẫy vẫy. Ông chủ ơi, ông chủ ơi!... Không nói được thành lời. Họ đi tiếp. Kia là gì nhỉ? Thị trấn Przyreble, còn vượt qua Przyreble là Lipince. Lão và Marysia đi bộ trên đường và khóc. Đang là mùa xuân. Lúa mì đang trổ bông... những con bọ dừa kêu vo ve trong không trung... Ở Przyreble, chuông nhà thờ đang đổ gọi Thánh nhà trời... Jesus ơi! Jesus ơi! Vì sao một người tội lỗi như lão được hưởng chừng ấy hạnh phúc cơ chứ? Chỉ còn vượt ngọn đồi này nữa thôi, ở đằng kia là cây thánh giá và bảng chỉ đường, và ranh giới làng Lipince. Giờ thì họ thôi không đi nữa, mà họ... bay như cánh chim, đã ở trên đỉnh đồi, đã đến cây thánh giá, đến bảng chỉ đường. Người đàn ông quăng mình xuống đất và rống lên vì hạnh phúc, và lão hôn đất, và lão bò lồm cồm đến cây thánh giá, ôm nó bằng hai tay, thế là đã đến Lipince rồi. Đúng như vậy. Lão đã ở Lipince rồi, chỉ có thân xác đã chết của lão còn đang lạc lõng trên chiếc mảng giữa miền lũ lụt, còn linh hồn đã bay đến đó, nơi hạnh phúc và bình yên với nó.

Cô gái gọi một cách tuyệt vọng trên xác lão: “Bố ơi, bố ơi!” Cô Marysia khốn khổ, lão không quay về với cô nữa! Ở Lipince lão quá sung sướng.

Đêm buông xuống. Đại Bàng Đen đã để tuột cây sào khỏi tay vì chèo lái mệt mỏi và cái đói hành hạ. Marysia vừa quỳ trên xác bố vừa lầm rầm cầu kinh bằng giọng đứt quãng, xung quanh cho đến tận cuối đường chân trời chỉ nhìn thấy vực nước sâu thẳm.

Họ bơi vào lòng một con sông lớn, dòng chảy lại nhanh chóng nâng mảng lên cao. Không thể lái nó được nữa rồi. Nhưng có thể đó chỉ là chỗ nước xoáy phía bên trên chỗ eo lồm của thảo nguyên, vì họ thường

xuyên bị nâng lên theo vòng tròn. Đại Bàng Đen cảm thấy sức lực đã cạn kiệt, bỗng nhiên hần đứng bật dậy và hét lớn:

- Ôi Chúa ơi! Đằng kia có ánh sáng!

Marysia nhìn theo hướng tay hần chỉ. Quả là ở phía xa có cái gì nổi lên như ngọn lửa, từ đó phát ra tia sáng phản chiếu xuống mặt nước.

- Đó là thuyền đến từ Clarcsville! - Đại Bàng Đen nhanh nhẹn nói - Những người Mỹ đã gửi nó đến cứu giúp. Chỉ mong họ không vọt qua chúng ta thôi... Marysia ơi, ta sẽ cứu em. Ôi! Ôi!

Đồng thời, hần chèo lái với sự cố gắng lớn nhất. Ngọn lửa cũng lớn dần lên trong mắt họ, trong ánh sáng màu đỏ của nó đã nhìn thấy một cái gì đó hiện ra, giống như một chiếc thuyền cực lớn. Còn cách khá xa, nhưng mọi người đang tiến gần lại. Nhưng sau một lúc khá lâu, Đại Bàng Đen thấy rõ rằng chiếc thuyền không tiến lên phía trước.

Họ bơi vào một dòng nước rất rộng và cực lớn, đi ngược lại với chiếc tàu.

Bỗng nhiên, chiếc sào bị gãy do sức đẩy quá mạnh trong tay Đại Bàng Đen. Họ không còn cây sào chèo lái nữa. Dòng nước đưa họ đi mỗi lúc một xa, ngọn lửa nhỏ dần. May thay, sau mười lăm phút, chiếc mảng đã va vào một gốc cây đứng đơn độc trên thảo nguyên và bị kẹt vào giữa các cành cây đó.

Cả hai người bắt đầu la lên kêu cứu, nhưng tiếng âm ào của dòng chảy đã đánh át giọng họ.

- Ta sẽ bắn, - Đại Bàng Đen nói - người ta sẽ thấy ánh lửa, người ta sẽ nghe được tiếng súng.

Vừa nghĩ như vậy, hần liền nâng khẩu súng trường lên cao, nhưng thay cho tiếng nổ chỉ nghe thấy tiếng cát tút chạm vào ổ nạp đạn. Thuốc súng bị ướt.

Đại Bàng Đen nằm vật xuống mảng. Không còn cách nào cả. Trong giây lát, hần nằm như chết; cuối cùng nhồm dậy và nói:

- Marysia ơi... Với một cô gái khác thì dù có đồng ý hay không ta đã bắt và mang vào rừng rồi. Ta cũng từng nghĩ là sẽ làm như vậy đối với

em, nhưng ta không dám, vì ta yêu quý em. Ta đã lặn lội một mình trên thế gian này như một con sói và mọi người đều sợ hãi ta, còn ta thì ta lại ngại ngùng trước em, thế đấy, Marysia ơi, em hình như đã giao cho ta một cái gì... Nhưng em không chịu lấy ta, em thà chết còn hơn! Ta sẽ cứu được em hoặc ta sẽ chết; nếu như ta chết, thì em, ời người yêu dấu, em hãy thương đến ta và cầu kinh cho ta. Ta có nợ gì em không?... Ta không làm gì hại em! Ôi! Marysia ơi! Marysia ơi! Em hãy gắng giữ lấy sức khỏe, em yêu thương của ta, mặt trời của ta...

Và trước khi cô hiểu ra hẳn định làm gì thì hẳn đã lao đầu xuống nước và bắt đầu bơi. Trong tích tắc, cô nhìn thấy trong màn đêm đầu và bờ vai hẳn đang trườn trên mặt nước ngược với dòng chảy, người bơi tỏ ra rất can đảm. Nhưng sau đó không lâu, hẳn đã mất hút trong mắt cô. Hẳn bơi đến thuyền để gọi người đến cứu cô. Dòng nước chảy xiết cản đường hẳn, như có cái gì đó níu hẳn lại phía sau, hẳn cố vẫy vùng và tiến lên phía trước. Nếu như có thể bơi vượt qua được dòng chảy ấy, giá như gặp dòng chảy khác, chắc hẳn hẳn sẽ bơi được đến đích. Trong khi đó, mặc dù đã mang hết sức lực siêu phàm của mình ra, hẳn chỉ có thể chậm chạp tiến lên phía trước. Dòng nước vàng thẫm, đục ngầu thường hắt bọt vào mắt hẳn, vì vậy hẳn nhô cao đầu lên, lấy hơi và căng mắt ra nhìn trong đêm để biết con thuyền cùng ánh lửa ở chỗ nào. Đôi khi, một đợt sóng dữ dội hơn lại cuốn hẳn lùi lại, đôi khi nâng hẳn lên cao; hẳn thở mỗi lúc một khó khăn, hẳn cảm thấy đầu gối đã cứng lại. Hẳn nghĩ: “Ta không bơi đến được”, nhưng ngay lúc đó, một cái gì đó đã thì thầm vào tai hẳn, giống như giọng nói thân thương của Marysia: “Cứu em với!”, và hẳn lại vung cánh tay ra cắt nước một cách tuyệt vọng. Hai má hẳn nhô ra, miệng phun nước, mắt lồi ra ngoài... Giá như hẳn quay trở lại, chắc hẳn hẳn sẽ bơi đến được chiếc mảng, song hẳn thậm chí không nghĩ đến điều đó, do ánh sáng của chiếc thuyền đã càng lúc càng gần. Thực ra là cả chiếc thuyền cũng đang bơi về phía hẳn, vì bị cùng một dòng nước ấy cuốn, dòng nước mà hẳn đang vật lộn bơi ngược lại. Bỗng nhiên, hẳn cảm thấy đầu gối và chân hẳn cứng đờ lại. Chỉ vài cú nhích nữa thôi... chiếc thuyền càng

lúc càng gần... “Giúp tôi với! Cứu tôi với!...” Tiếng hét cuối cùng đã bị nước tràn qua cuống họng làm tắt ngấm. Hắn chìm xuống. Làn sóng trào qua đầu hắn rồi lại rút đi. Chiếc thuyền ngay sát đó. Đã nghe thấy tiếng ộp oạp và tiếng mái chèo vỗ vào mạn thuyền: lần cuối cùng hắn lên giọng thật to và gọi trợ giúp. Người ta đã nghe thấy tiếng hắn, bởi tiếng mái chèo đã khua nhanh hơn. Nhưng Đại Bàng Đen đã lại chìm xuống. Một dòng nước xoáy khủng khiếp đã cuốn hắn đi... Trong tích tắc, hắn còn hiện ra đen ngòm trên sóng, sau đó chỉ còn nhìn thấy một cánh tay giơ lên trên mặt nước, rồi thấy cánh tay thứ hai, còn sau đó mất hút trong vực thẳm...

Trong khi đó, Marysia ở một mình trên mảng, cùng với xác của người cha, cô nhìn như điên dại vào ánh sáng phía xa.

Nhưng dòng nước lại đưa cô đến với chiếc thuyền. Con thuyền hiện dần lên chỉ cách cô vài chục bơi chèo, trong ánh lửa đỏ ngầu trông nó di chuyển như cẳng chân của con sâu khổng lồ, Marysia bắt đầu kêu lên một cách tuyệt vọng.

- Này, Smith ơi! - Một giọng nói bằng tiếng Anh vang lên - Hãy treo cổ tôi lên, nếu như tôi không nghe thấy tiếng kêu cứu và nếu như tôi không nghe lại một lần nữa.

Giây lát sau, đôi tay khỏe mạnh của Marysia dang cao trên thuyền, nhưng Đại Bàng Đen không còn có mặt trên thuyền ấy nữa.

Hai tháng sau, Marysia rời khỏi bệnh viện ở Little Rock và nhờ khoản tiền quyên góp được của những người hảo tâm, cô đã đi đến New York.

Số tiền đó không nhiều. Một phần đường có lẽ cô phải đi bộ, nhưng cô đã nói được một ít tiếng Anh, biết xin với những người soát vé để họ cho cô đi không mất tiền. Rất nhiều người có lòng độ lượng với cô gái nghèo khổ, bệnh tật, đen đui đó, cô gái có đôi mắt cực lớn màu da trời, trông giống cái bóng hơn là người và cầu xin lòng thương xót bằng nước mắt. Cũng không phải con người hành hạ cô, mà là cuộc sống tồi tệ bạc đãi cô. Trong chỗ nước xoáy ở đất Mỹ này, trong những phi vụ

“làm ăn” lớn lao này, một bông hoa đồng nội vùng Lipince có thể làm được cái gì? Làm thế nào xoay sở được? Cổ xe ở đó buộc phải trườn bánh qua người cô và nghiền nát thân xác mỏng manh của cô, giống như bất kì cổ xe nào khác trườn qua các đóa hoa mọc trên đường đi của nó...

Bàn tay gầy gò, run rẩy vì yếu đuối bấm vào chiếc chuông trên phố Water ở New York. Đó là Marysia đi tìm sự trợ giúp ở chỗ ông già người vùng Poznan.

Mở cửa cho cô là một người lạ, không hề quen biết.

- Ngài Zlotopolski có nhà không ạ?
- Đây là ai nhỉ?
- Ông chủ có tuổi. - Đến đây cô chìa tờ giấy ra.
- Ông ấy đã chết.
- Ông ấy đã chết ư? Thế còn con trai?... Cậu William?
- Đã đi khỏi đây.
- Còn chị Jenny?
- Cũng đi rồi.

Cánh cửa đóng lại trước mặt cô. Cô ngồi lại bậc cửa và bắt đầu lau mặt. Cô lại có mặt ở New York, một mình, không ai giúp đỡ, không ai chăm sóc, không tiền, chỉ trông chờ vào ý Chúa.

Liệu cô có ở lại đó không? Không đời nào! Cô sẽ đi về bến cảng, đến bến tàu của người Đức, quỳ gối trước các thuyền trưởng và nài xin để họ cho cô lên, nếu họ thương tình thì xin mẫu bánh mì đi nhờ qua nước Đức và về lại Lipince. Ở đó có Jasko của cô. Ngoài người đó ra, cô không còn ai khác trên thế gian bao la này. Nếu như anh ấy không chấp nhận cô, nếu như anh ấy đã quên cô, nếu như anh ấy xưa đuổi cô, thì ít nhất cô cũng được chết gần anh ấy.

Cô đi đến cảng và bò lê dưới chân các thuyền trưởng người Đức... Họ có thể cho cô lên lắm chứ; nếu như trông cô có sức sống hơn một chút, có lẽ cô sẽ là một cô gái xinh đẹp. Có lẽ họ sẽ vui mừng, nhưng

nói gì đây nhỉ? Luật pháp không cho phép... hơn nữa cô xấu quá... Vì vậy hãy để họ được yên.

Cô gái đi ngủ trên chính cây cầu nổi mà tại đó một lần cô cùng ông bố đã nằm ngủ trong cái đêm đáng nhớ nọ, khi ông già muốn chìm chết cô. Cô được nuôi sống bằng thứ mà biển ném lên, giống như đã từng được nuôi sống cùng với ông bố ở New York trước đây. Cũng may đó là mùa hè... ấm áp...

Hằng ngày, trời chỉ vừa bừng sáng, cô đã có mặt trên những bến tàu của Đức để cầu xin lòng thương hại và ngày lại ngày đều vô ích. Nhưng cô có sự nhẫn nại của người nông dân. Trong khi đó thì sức cô đã hết. Cô cảm thấy nếu như ngay bây giờ không được lên tàu thì không lâu nữa sẽ chết, chết giống như tất cả những người mà số phận đã gắn bó cô với họ.

Một sáng nọ, cô gắng sức kéo lê thân xác với ý nghĩ rằng đó có thể là lần cuối cùng, vì ngày mai sẽ không còn sức nữa. Cô quyết định không cầu xin nữa, mà cố len được lên bất kì chiếc tàu nào đi châu Âu và sẽ ẩn nấp đâu đó trên đáy tàu một cách âm lặng. Khi người ta đã ra khơi và tìm thấy được cô, chắc họ sẽ không quăng cô xuống biển, và nếu có quăng thì điều đó cũng có sao đâu? Chẳng nào với cô cũng vậy, chết như thế nào, nếu như phải chết. Nhưng trên cây cầu dẫn lên tàu, người ta kiểm soát rất kĩ hành khách và người gác đã đẩy cô xuống khi cô thử lên lần đầu. Lúc đó, cô ngồi ở cây cọc cạnh mép nước và nghĩ có lẽ cô bị sốt. Cô bắt đầu cười sằng sặc và lên tiếng cầu nhàu:

- Em là bà chủ đây, anh Jasko ơi, nhưng em giữ vững niềm tin nơi anh. Cái gì thế, anh không biết em à?

Cô gái khốn khổ không phải bị sốt mà là bị điên. Từ đó trở đi, hằng ngày cô đều đi đến cảng để ngóng tìm Jasko. Mọi người đã quen với sự xuất hiện của cô và thỉnh thoảng còn bố thí cho cô. Cô cảm ơn một cách nhún nhường và cười như một đứa trẻ. Chuyện như vậy diễn ra khoảng hai tháng. Nhưng một lần nọ, cô không đến cảng nữa và từ bấy đến nay người ta không nhìn thấy cô lần nào. Ngày hôm sau, một tờ

báo cảnh sát đưa tin ở cuối bến cảng, người ta tìm thấy xác một người con gái không biết họ tên và lai lịch.

TỪ HỒI KÍ CỦA MỘT GIÁO VIÊN Ở POZNAN

Ánh sáng của ngọn đèn, mặc dù đã được che bớt lại vẫn làm tôi thức dậy và nhiều lần, vào lúc hai hoặc ba giờ sáng, tôi vẫn nhìn thấy Michas còn đang làm việc. Hình dáng nhỏ nhắn gầy guộc của nó trong bộ đồ lót cúi mình trên trang sách, trong màn đêm tĩnh mịch và cái giọng buồn ngủ, mệt mỏi lặp đi lặp lại một cách cứng nhắc cách chia động từ tiếng Latinh hoặc Hi Lạp với sự đồng điệu giống hệt như trong nhà thờ người ta hát kinh cầu nguyện. Giá như tôi lên tiếng giục đi ngủ, chắc cậu bé sẽ trả lời tôi: “Con vẫn còn chưa thuộc bài, thưa thầy Wawrzynkiewicz.” Dù rằng tôi đã cùng cậu bé ôn lại các bài học từ lúc bốn giờ đến tám giờ tối, rồi từ chín giờ đến mười hai giờ đêm và bản thân tôi cũng chưa lên giường ngủ trước khi chắc chắn là cậu biết hết mọi thứ; nhưng thực tình những thứ đó là quá nhiều. Sau khi học xong bài cuối cùng, cậu bé đã quên bài đầu, còn cách chia động từ tiếng Hi Lạp, Latinh, Đức và tên gọi các huyện khác nhau đã đưa cái đầu khốn khổ của cậu vào một sự hỗn độn đến mức không thể ngủ được. Lúc bảy giờ, cậu bé chui từ trong chăn ra, cầm lấy cây đèn và lại ngồi xuống cạnh bàn. Nếu như tôi la mắng cậu, cậu sẽ cầu xin và khóc lóc. Rồi tôi cũng quen với những buổi đêm như vậy, quen với ánh đèn và với việc nghe ngao cách chia động từ đến mức khi không thấy cảnh đó, tôi không thể ngủ được. Có lẽ tôi không nên cho phép đứa nhỏ hành hạ mình quá sức như vậy, nhưng tôi biết làm gì đây? Mỗi ngày, nó buộc phải học thuộc lòng như vậy, nếu khác đi thì người ta sẽ đuổi nó khỏi trường và chỉ có Chúa mới biết điều đó là đòn đau đớn như thế nào đối với bà Maria, người sau cái chết của chồng, ở lại với hai đứa trẻ mồ côi mà toàn bộ niềm hi vọng đặt cả vào cậu bé Michas. Tình cảnh gần như không có lối thoát, vì mặt khác tôi cũng biết rằng việc cố gắng quá sức về trí tuệ sẽ có hại cho sức khỏe của cậu bé và có thể gây nguy hiểm cho mạng sống của nó. Ít nhất cũng cần tăng cường thể lực cho nó, cần

tập thể dục, cần ra lệnh nó phải đi lại nhiều hoặc cưỡi ngựa, nhưng không có nhiều thời gian dành cho việc đó.

Cậu bé có chừng ấy công việc, chừng ấy bài học thuộc lòng, chừng ấy bài tập viết hằng ngày, khiến tôi buộc phải nói thật lòng là không có thời gian nào nữa. Mỗi giây phút dành cho vui chơi, sức khỏe và cuộc sống của cậu bé đều bị các môn tiếng Latinh, Hi Lạp và... tiếng Đức lấy mất. Buổi sáng, khi tôi sắp đặt các cuốn sách cho vào cặp cho cậu bé và khi tôi nhìn thấy đôi vai gầy guộc của nó phải oằn xuống dưới sức nặng của các tập sách đó, trái tim tôi thực tình đau nhói. Thỉnh thoảng, tôi cầu xin sự thông cảm và độ lượng đối với cậu bé, nhưng các giáo sư người Đức chỉ đáp lại với tôi là tôi làm hỏng và nuông chiều đứa bé, rằng Michas rõ ràng làm việc chưa đủ độ, rằng còn mang trọng âm Ba Lan và rằng cậu bé thường khóc lóc vì những chuyện vớ vẩn. Bản thân tôi cũng bị bệnh ở ngực, cô đơn và hay cáu bẳn, vì vậy những lời quở trách đó nhiều lúc làm tôi khó chịu. Tôi là người biết rõ nhất Michas làm việc như thế nào! Đó là một cậu bé năng lực trung bình, song nhẫn nại và có tính cách mạnh mẽ hết sức ngọt ngào mà tôi chưa bao giờ gặp ở bất cứ đứa trẻ nào khác. Cậu bé Michas khốn khổ gần bó cuồng nhiệt và mù quáng với người mẹ, khi người ta nói với cậu rằng mẹ cậu đang bất hạnh, đang ốm đau, và rằng nếu cậu còn tiếp tục học kém nữa thì có thể làm cho bà đau thêm - thế là cậu run rẩy trước ý nghĩ đó và hằng đêm cậu ngồi trước các cuốn sách chỉ để bà mẹ không lo lắng buồn phiền. Cậu bật khóc khi nhận được điểm kém, nhưng không một ai nghĩ rằng tại sao cậu khóc, cậu cảm thấy trách nhiệm của mình trong những giây phút đó kinh khủng như thế nào. Ôi dào! Ai nghĩ đến chuyện đó làm gì cơ chứ? Cậu bé nói giọng có trọng âm Ba Lan và thế là đủ! Tôi không làm hư hỏng cũng như nuông chiều cậu bé, chỉ có điều tôi hiểu cậu ta hơn những người khác; vì vậy thay cho quát mắng cậu vì những thất bại, tôi cố gắng động viên, đó là chuyện của tôi. Bản thân tôi trong cuộc sống cũng đã làm việc hết sức mình, đã chịu đựng đói khát khổ đau, tôi đã không hạnh phúc và sẽ không hạnh phúc và - thậm chí, tôi không thêm nghiến

rằng lại khi nghĩ về điều đó; tôi không tin là nên sống trên đời này, nhưng có lẽ cũng chính vì thế mà tôi có sự đồng cảm thực sự trước mỗi nỗi khổ đau.

Ít nhất là trong độ tuổi của Michas, khi tôi còn chạy nhảy đuổi theo lũ chim bồ câu dọc các đường phố hoặc chơi bóng trước tòa thị chính, tôi còn có thời gian của riêng mình dành cho bồi bổ sức khỏe và trò vui. Tôi không bị các trận ho hành hạ; khi bị động chạm đến da thịt thì tôi khóc cho đến lúc người ta ngưng đánh; hơn nữa, tôi được tự do như con chim và không quan tâm đến bất cứ điều gì. Còn Michas thì thậm chí điều đó cũng không có. Có thể sẽ có đầy sức sống, dù cho có bị đặt trên đe dưới búa; cậu sẽ giành được chiến thắng, nếu như được cười một cách thoải mái trước các trò mà trẻ em chơi, được tham gia vào các trò đùa nghịch và bay nhảy trong không gian khoáng đãng dưới tia nắng mặt trời. Nhưng tôi không được chấp thuận làm việc với cậu bé như vậy. Ngược lại, tôi đã nhìn thấy đứa trẻ đi đến trường và từ trường trở về ảm đạm, gù lưng dưới sức nặng của những cuốn sách, găng sức, với những nét nhăn trên khóe mắt, cố kìm hãm để khỏi bật ra tiếng khóc - vì vậy, tôi tỏ thái độ thương cảm đối với cậu và tôi muốn làm nơi trốn chạy của cậu bé.

Bản thân tôi là giáo viên, nhưng chỉ là giáo viên tư thực, và tôi không biết mình có thể làm gì trên thế giới này nếu như mất cả niềm tin vào giá trị của khoa học và tác dụng mà nó mang lại. Tôi chỉ nghĩ đơn giản là khoa học không nên biến thành thảm họa đối với trẻ em, rằng môn tiếng Latinh không thể thay thế cho không khí và sức khỏe, còn trọng âm tốt hoặc tồi không thể quyết định số phận và cuộc sống của những con người nhỏ bé.

Tôi cũng nghĩ rằng ngành sư phạm thực hiện tốt hơn nhiệm vụ của mình, khi trẻ em cảm nhận được bàn tay dịu dàng dẫn dắt nó, chứ không phải bàn chân đạp vào ngực nó và giẫm đạp lên mọi thứ, điều mà ở trong nhà người ta dạy nó phải tôn sùng và yêu thương... Tôi là kẻ theo chính sách “ngu dân” như vậy và chắc chắn sẽ không thay đổi chính kiến của mình về vấn đề này, vì tôi đã tự củng cố cho mình lòng

tin vào nó ngày càng vững chắc hơn, mỗi khi tôi nhớ về Michas của mình, đứa bé mà tôi yêu thương chân thành. Đã sáu năm nay, tôi là thầy giáo của cậu bé, đầu tiên với tư cách gia sư, sau đó, khi cậu học lên lớp Hai, tôi là người dạy thêm, vì vậy tôi có thời gian gần bó với cậu. Hơn nữa, tại sao tôi phải che đậy trước chính bản thân mình: cậu bé quý báu đối với tôi, bởi cậu là con trai của một người quý giá hơn hết thảy mọi thứ trên thế gian này đối với tôi... Nàng không bao giờ biết được điều đó và sẽ không bao giờ biết điều đó. Tôi nhớ rằng tôi là... mà thôi, nói làm gì, chỉ đơn giản là ông Wawrzynkiewicz, giáo viên tư thực, hơn nữa lại là một người đau bệnh, còn nàng là con gái một gia đình quý phái, đơn giản là một bà chủ, mà đứng trước người đó, tôi không dám ngước mắt lên nhìn. Nhưng vì trái tim cô đơn, bị cuộc đời hành hạ, cuối cùng buộc phải tìm một nơi móc nối, giống như vỏ ốc bị quăng quật gần với con sóng - vì vậy trái tim tôi đã gần bó vào nàng. Tôi biết làm cái gì trước tình cảnh đó? Và thực ra thì cuối cùng nàng có bị thiệt hại gì đâu cơ chứ? Tôi không muốn có từ nàng nhiều ánh sáng hơn vầng mặt trời, thứ mà mùa xuân sưởi ấm bộ ngực bệnh tật của tôi. Từ sáu năm nay, tôi sống trong nhà nàng, tôi có mặt khi chồng nàng chết, tôi nhìn thấy nàng bất hạnh, cô đơn, và luôn luôn tốt bụng như một thiên thần, yêu thương con trẻ, gần như là thần thánh trong cuộc đời góa bụa, vì vậy... điều đó buộc phải đến. Tuy nhiên, đó không phải là tình yêu trong tôi, đúng hơn đó là sự sùng bái của tôi.

Michas trông rất giống mẹ. Nhiều lần, khi cậu bé ngước mắt nhìn tôi, tôi có cảm giác rằng mình đang nhìn thấy nàng. Cũng vẫn những đường nét tinh tế ấy, cũng vẫn trán với bóng của những mớ tóc dày hắt lên ấy, cũng nét dịu dàng của cặp lông mày ấy, và đặc biệt là giọng nói gần như giống hệt nhau ấy. Trong tính khí của người mẹ và đứa trẻ cũng có một biểu hiện chung ở chỗ đều có khuynh hướng thích phô trương cả về tình cảm cũng như quan điểm. Cả hai mẹ con đều thuộc nhóm người nóng nảy, nhạy cảm, cao thượng và giàu lòng yêu thương, những người sẵn sàng chấp nhận những hi sinh to lớn nhất, song trong cuộc sống và khi đối mặt với thực tế của cuộc sống đó thì ít tìm được hạnh phúc, vì

họ cho đi nhiều hơn là nhận lại. Loại người ấy cũng sẽ sớm tuyệt chủng nay mai và tôi nghĩ rằng người theo chủ nghĩa tự nhiên ngày nay có thể nói về họ rằng những người loại đó buộc phải chết, vì họ đến với thế giới với nhược điểm của con tim - bệnh quá yêu thương.

Gia đình Michas trước đây rất giàu có, nhưng - họ quá yêu thương... vì vậy những cơn bão táp khác nhau đã phát tán của cải, thứ còn lại giờ đây, đúng ra không phải là sự bần hàn, thậm chí không phải là nghèo khổ, nhưng nếu so với thời xa xưa - thì đó là sự tầm thường. Michas là đứa bé cuối cùng của gia đình; vì vậy, bà Maria yêu thương không chỉ vì cậu là con đẻ của mình, mà đồng thời là toàn bộ niềm hi vọng của mình trong tương lai. Thật bất hạnh, với sự mù quáng thông thường của người mẹ, bà đã nhìn thấy trong cậu những khả năng khác thường. Đúng ra cậu bé không phải loại ngu dốt, nhưng cậu thuộc loại trẻ em mà khả năng ngay từ ban đầu chỉ là loại trung bình, sau này chỉ có thể phát triển cùng với thể lực và sức khỏe. Trong những điều kiện khác, có lẽ cậu có thể tốt nghiệp trường trung học, đại học và trở thành nhân viên có ích ở bất kì lĩnh vực nào. Trong điều kiện hiện hành, cậu chỉ mệt mỏi và vì biết về sự tưởng tượng quá cao mà mẹ cậu hình dung về khả năng của mình, cậu cố sức một cách vô ích.

Mắt tôi đã nhìn thấy nhiều điều trên thế giới này và tôi quyết định không để mình ngạc nhiên trước bất cứ điều gì, nhưng thú thật tôi khó mà tin được rằng có thể tồn tại tình trạng hỗn độn đến mức, trong đó đứa trẻ kiên nhẫn, có cá tính và chịu khó lại gặp chuyện tồi tệ. Ở đây có điều gì đó không lành mạnh và nếu như những lời nói có thể diễn tả được nỗi đau đớn và đắng cay thì đúng ra tôi nói cùng với Hamlet rằng trên thế giới đang diễn ra những thứ mà ngay các nhà triết học cũng không lường trước được...

Tôi làm việc với Michas cứ như tương lai của mình phụ thuộc vào những điểm số mà cậu bé đạt được vì những tiến bộ của cậu. Do cả tôi và cậu bé quý mến đó đều có chung mục tiêu, đó là: không để nàng lo lắng, trưng bày ra nhận xét tốt, làm cho nụ cười nàng nở trên môi.

Khi cậu bé nhận được điểm tốt, cậu ra khỏi lớp học với khuôn mặt rạng ngời và hạnh phúc. Tôi có cảm giác rằng trong những lần như vậy, cậu bỗng nhiên lớn hẳn lên, cứ như được nói lỏng ra; đôi mắt thông thường ảm đạm lúc bấy giờ cười tươi với niềm vui chân thành của tuổi thơ và sáng lên như hai cục than hồng. Ngay lập tức, cậu vứt bỏ chiếc cặp đầy sách từ đôi vai gầy guộc của mình xuống và vừa nhấp nháy mắt nhìn tôi vừa nói từ ngưỡng cửa:

- Thầy Wawrzynkiewicz ời, mẹ con sẽ hài lòng! Hôm nay môn Địa lí con được điểm... thầy thử đoán xem bao nhiêu?

Khi tôi giả vờ không đoán được, cậu chạy đến tôi với nét mặt kiêu căng và sau khi giơ hai tay lên quàng ngang cổ tôi, liền nói như thăm thò vào tai tôi nhưng lại rất to:

- Điểm 5*! Thực sự là điểm 5!

Đó là những giây phút hạnh phúc đối với hai chúng tôi. Tối tối trong những ngày như vậy, Michas mơ ước và tưởng tượng cảnh nếu như tất cả các môn cậu đều được điểm tuyệt đối, cậu nửa như nói với tôi, nửa như nói với bản thân mình:

- Đến ngày lễ Giáng sinh chúng ta sẽ đi về Zalesin: tuyết sẽ rơi - giống như nó vẫn rơi vào mùa đông - vì vậy chúng ta sẽ đi xe trượt tuyết. Đêm chúng ta đến nơi, nhưng, chao ôi, mẹ sẽ chờ con, sẽ ôm con vào lòng, hôn con, còn sau đó sẽ hỏi về số điểm. Con sẽ làm ra vẻ buồn rầu, còn mẹ thì đọc số: Môn Tín ngưỡng: điểm tuyệt đối; tiếng Đức: điểm tuyệt đối; tiếng Latinh: điểm tuyệt đối... toàn điểm tuyệt đối! Ôi, thầy Wawrzynkiewicz ời!

Và trong mắt cậu bé khốn khổ nước mắt ngấn đầy, còn tôi thay cho việc phanh bột cậu lại, tôi chạy ngay theo cậu bằng trí tưởng tượng mội mòi và hình dung lại căn nhà ở Zalesin, uy lực, sự bình yên của nó, con người cao cả, quý phái đang là bà chủ ở đó và niềm hạnh phúc mà sự trở về của cậu con trai mang lại cho nàng với những điểm tuyệt đối ghi trong sổ điểm.

Tôi đã tận dụng những giây phút như vậy và giảng cho Michas bài học, giải thích cho cậu bé hiểu rằng mẹ cậu vô cùng quan tâm đến kết quả học tập của cậu, song cũng quan tâm cả đến sức khỏe của cậu nữa, rằng vì vậy cậu không nên khóc khi tôi dẫn cậu đi dạo, cần ngủ đủ số thời gian mà tôi ra lệnh cho cậu và không ngoan cố ngồi thâu đêm nữa. Cậu bé mỉm cười liền ôm ngang cổ tôi và nhắc lại:

- Vâng, thưa thầy vàng ngọc, con sẽ khỏe mạnh đến mức thầy phải kinh ngạc và con sẽ trở thành con người to lớn đến mức cả mẹ con, lẫn bé Lola không nhận ra con nữa.

Tôi cũng thường nhận được các bức thư của bà Maria đề nghị tôi chăm nom sức khỏe của cậu bé, nhưng ngày lại ngày với sự thất vọng, tôi nhận thấy rằng việc kết hợp giữa chuyện học hành với sức khỏe là điều gần như không thể làm được. Giá như các môn học giảng dạy là quá khó thì tôi còn có thể giải quyết được bằng cách rút Michas từ lớp Hai xuống lớp Một; nhưng với những môn học đó, mặc dầu không dễ dàng gì, cậu bé vẫn hiểu nó một cách tuyệt vời, vì vậy không phải là chuyện khoa học, chỉ là chuyện thời gian và cái môn tiếng Đức khốn khổ kia làm hại sức cậu. Một lần, khi tôi dạy cậu môn Lịch sử, môn mà “Chú bác thường kể cho con cháu nghe”, điều mà bà Maria yêu cầu tôi phải thực hiện hằng ngày, Michas đứng bật dậy với cặp mắt phát ra những tia sáng long lanh, còn tôi gần như phát hoảng sau khi nhìn thấy biểu hiện dò xét và sự nghiêm khắc trên nét mặt cậu, khi cậu lên tiếng:

- Thưa thầy, vậy đúng ra đó không phải chuyện cổ tích? Bởi vì...

- Bởi vì sao, Michas? - Tôi ngạc nhiên hỏi.

Thay cho lời đáp, cậu ngiên chặt hai hàm răng lại; và cuối cùng bật khóc nức nở khiến tôi không cách gì làm cậu im lặng lại.

Tôi hỏi Owicki để tìm hiểu điều gì làm cậu bật khóc, cậu ta không biết hoặc không muốn nói, nhưng tôi cũng đoán được. Rõ ràng là cậu bé Ba Lan đã nghe trong trường học của Đức khá nhiều chuyện khiến những tình cảm sâu lắng nhất bị tổn thương và là những chuyện phản bác lại hoặc nói xấu và nhạo báng đất nước, ngôn ngữ, truyền thống

dân tộc, tóm lại là tất cả những gì mà ở trong nhà người ta dạy nó phải tôn thờ và yêu thương. Những ý kiến đó trượt ra khỏi các cậu bé khác không để lại cái gì ngoài lòng căm hận sâu sắc đối với các giáo viên và cả dòng giống của họ; song cậu bé lương thiện như Michas lại cảm nhận chuyện đó một cách đau đớn; cậu không dám phủ nhận, mặc dù nhiều lần định hét to lên vì nổi đau, nhưng cậu lại nổi loạn, nghiêng rãng lại, cắn rứt và buồn rầu. Và thế là cùng với những nỗi ưu phiền mà cậu phải nuốt vào mình do những thất bại và điểm xấu, sự bất mãn về đạo đức không thể nào diễn tả nổi đã đổ lên người cậu, khiến cậu liên tục phải chịu đựng. Hai thế lực, hai giọng nói mà đứa bé có trách nhiệm phải nghe, hai cái đó lẽ ra phải phù hợp với nhau, lại giằng xé đẩy Michas ra hai hướng ngược nhau. Cái mà một bên gọi là trắng, là đạo đức, là yêu thương thì bên kia lại đánh giá là sự ướp xác và khô hời; cái mà một bên gọi là đức hạnh, bên kia là lầm lỗi. Vì vậy trong sự chia đôi đó, cậu bé đi theo thế lực mà trái tim cậu hướng đến, tuy vậy cậu phải giả vờ lắng nghe và ghi nhận trong tim những lời nói ngược lại; phải sống giả vờ từ sáng đến tối trong sự bắt buộc mệt mỏi ấy mỗi ngày, mỗi tuần, mỗi tháng... Ôi, tình cảnh của đứa bé.... như vậy đấy!

Số phận của Michas thật kì lạ. Những tấn bi kịch cuộc đời thông thường bắt đầu sau này, khi những chiếc lá đầu tiên của cái cây tuổi trẻ rơi xuống; đối với cậu thì tất cả những gì tạo nên nỗi bất hạnh: sự cưỡng bức về đạo đức, nỗi ưu phiền bị giấu kín, sự bất an, những cố gắng vô ích, sự giãy giụa đấu tranh với những khó khăn, sự dần dần mất niềm hi vọng, tất cả những chuyện đó bắt đầu ở tuổi mười một của cậu bé. Cả hình dáng gầy còm của nó, cả sức lực còm cõi của nó không thể đương đầu được, đứa bé không đủ sức làm chủ được bản thân. Đối với điều đó thì tôi không thể làm gì được và tôi chỉ còn trông chờ vào dịp Tết đến, sự nghỉ ngơi sẽ làm lành những vết nứt trong sức khỏe của cậu bé do lao động quá sức tạo nên.

Giá như Michas là đứa trẻ lãnh đạm, tôi sẽ ít phải quan tâm đến cậu ta hơn; đằng này cậu bé gần như cảm thấy đau đớn trước mỗi thất bại

hơn là thành công. Những giây phút vui vẻ và những điểm 5 mà tôi nhắc đến kia thường xảy ra ít hơn nhiều so với nỗi bất hạnh.

Tôi đã học được cách đọc trên khuôn mặt cậu, chỉ cần cậu bước vào, bằng ánh mắt đầu tiên của cậu, tôi đã biết được cậu có thành công hay không.

- Con được điểm xấu phải không? - Tôi hỏi.

- Vâng!

- Con không biết bài à?

Đôi lúc cậu trả lời:

- Con không biết.

Nhưng thường thì cậu đáp:

- Con biết, nhưng không thể nói được.

Cậu bé Owicki, học sinh đứng đầu lớp Hai mà tôi cố tình dẫn đến để cùng học với Michas đã nói rằng Michas chủ yếu bị điểm kém là vì không biết... ứng phó.

Khi đưa bé càng cảm thấy mệt mỏi hơn về trí tuệ và thể lực thì những lần thất bại như vậy càng xảy ra thường xuyên hơn. Tôi nhận thấy rằng sau khi khóc xong, ngồi vào học bài tiếp theo, cậu thường im lặng và gần như bình thản, nhưng trong sự cố gắng căng người ra làm hai, thứ nghị lực mà cậu cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ ấy, có một cái gì đó bao gồm cả nỗi tuyệt vọng lẫn nhiệt tình nóng bỏng. Thình thoảng, cậu đi vào góc nhà, lấy hai tay vò đầu và im lặng: cậu bé bị kích động đó tưởng tượng rằng mình đang giẫm đạp lên mộ người mẹ thân yêu, nhưng không biết cách nào làm ngược lại được điều đó, và cậu cảm thấy mình đang ở trong vòng tròn lằm lỏi mà không có cách thoát ra khỏi đó.

Những cuộc ngồi đêm ngày càng trở nên thường xuyên hơn. Tôi rất sợ khi tôi thức dậy, ra lệnh cho cậu đi ngủ, cậu đứng dậy lặng lẽ, trong bóng đêm, mang đèn ra phòng ngoài, tại đó cậu thắp đèn và ngồi vào học tiếp. Trước khi tôi bắt được quả tang, đã vài đêm cậu ngồi như vậy giữa các bức tường lạnh lẽo. Tôi không còn cách nào khác, chỉ biết

ngồi dậy, gọi cậu quay về phòng và cùng với cậu chuẩn bị lại một lần nữa toàn bộ số bài học, nhằm làm cho cậu tin rằng đã biết làm bài và rằng không cần thiết phải bắt mình cảm lạnh như vậy. Thế nhưng bản thân cậu cuối cùng cũng không biết mình đã biết những gì, cái gì còn chưa biết. Cậu bé mất sức, gầy còm, vàng vọt và mỗi lúc một thêm cau có hơn. Thịnh thoảng xảy ra một chuyện khiến tôi tin rằng không phải chỉ công việc đè nặng lên người cậu. Ngày tháng qua đi, cậu bé khốn khổ cố căng sức ra làm hai, nhưng hiệu quả ngày càng teo lại, cậu càng hay khóc hơn. Những bức thư của bà Maria, mặc dù rất ngọt ngào, lại càng làm tăng thêm gánh nặng.

“Michas ơi, Chúa đã ban cho con những năng lực khác thường, - mẹ cậu viết - vì vậy mẹ tin rằng con sẽ không làm mất niềm hi vọng mà mẹ đặt vào con và con sẽ trở thành niềm an ủi của mẹ và của đất nước.”

Khi cậu bé lần đầu tiên nhận được bức thư như vậy, cậu vỗ lấy tay tôi như người bị chứng co giật và vừa sắp bật khóc vừa nhắc đi nhắc lại:

- Con biết làm gì đây, thưa thầy Wawrzynkiewicz, con biết làm gì đây?

Rõ ràng là cậu có thể làm được cái gì cơ chứ? Cậu có thể làm gì khi sinh ra trên đời này không phải với năng khiếu bẩm sinh về ngoại ngữ và không biết ứng phó thế nào với môn tiếng Đức?

Đã đến thời gian nghỉ Lễ Các Thánh*; việc đánh giá quý hoàn toàn không có gì đặc biệt: cậu đạt điểm trung bình kém ở cả ba môn học quan trọng nhất. Vì những đề nghị khẩn khoản và thề thốt của cậu, tôi không gửi bản đánh giá đó cho bà Maria.

- Thưa thầy quý mến! - Cậu lên tiếng sau khi chắp hai tay lại - Mẹ con không biết rằng người ta cho điểm nhân dịp Lễ Các Thánh đâu, đến Thiên Chúa giáng sinh biết đâu Chúa sẽ thương hại con.

Cậu bé khốn khổ nuôi hi vọng rằng còn có thể cải thiện được điểm số, và đúng ra cả tôi nữa cũng hi vọng như vậy. Tôi nghĩ rằng cậu sẽ có

kinh nghiệm học tập, rằng cậu sẽ quen với mọi chuyện, rằng cậu sẽ quen với ngoại ngữ và biết nói đúng trọng âm, và trước hết sẽ cần ít thời gian hơn để học bài. Nếu không như vậy thì từ lâu tôi đã viết thư cho bà Maria và trình bày thực tình hình cho bà rõ. Hình như nuôi niềm hi vọng không phải là vô ích. Ngay sau Lễ Các Thánh, Michas nhận được ba điểm tuyệt đối, trong đó một điểm là của môn tiếng Latinh. Trong tất cả các học sinh ở lớp chỉ mình cậu biết từ *gaudeo* là động từ thời quá khứ của *gavisus sum*, còn cậu biết là vì sau khi nhận được hai điểm tuyệt đối trước đó, cậu hỏi tôi, tiếng Latinh cụm từ “tôi vui sướng” nói thế nào. Tôi nghĩ rằng cậu bé phát điên lên vì hạnh phúc. Cậu viết thư cho mẹ bắt đầu bằng câu:

“Thưa mẹ yêu quý nhất! Liệu mẹ yêu của con có biết rằng từ *gaudeo* ở thể hoàn thành chia thế nào không? Chắc cả mẹ lẫn em Lola đều không biết, vì trong cả lớp chỉ một mình con biết điều đó.”

Đơn giản là Michas tôn sùng mẹ cậu. Kể từ lúc đó, cậu thường xuyên hỏi tôi về các động từ hoàn thành và các phân từ. Giữ được các điểm tuyệt đối đó bây giờ trở thành nhiệm vụ sống còn của cậu bé. Nhưng đó chỉ là những luồng sáng ngắn ngủi của hạnh phúc. Ngay sau đó, trọng âm Ba Lan tồi tệ của cậu đã phá vỡ mọi cố gắng của cậu, và số lượng môn học quá lớn không cho phép cậu bé dành cho mỗi môn một thời lượng cần thiết mà trí nhớ đã căng ra của cậu đòi hỏi. Chuyện không may cũng góp phần làm tăng thêm nỗi bất hạnh của cậu. Cả Michas lẫn Owicki đều quên không nói cho tôi biết về một bài tập viết và chúng đã không làm bài đó. Owicki thoát vì với tư cách là học sinh đứng đầu lớp, cậu ta thậm chí không bị hỏi về bài tập ấy, tuy nhiên Michas thì nhận được lời quở trách công khai trước toàn trường cùng với lời cảnh cáo có thể bị đuổi học.

Người ta cho rằng cậu đã cố tình giấu tôi về bài tập đó để khỏi phải làm, còn cậu bé, kẻ không có khả năng nói dối bất cứ điều gì thì không còn cách nào làm cho mọi người tin vào sự vô tội của mình. Để bảo vệ mình, cậu có thể nói rằng cả Owicki cũng quên giống như cậu, nhưng danh dự của nhà trường không cho phép làm điều đó. Trước sự bảo

lãnh của tôi, những người Đức trả lời bằng sự nhắc nhở rằng tôi khuyến khích học sinh lười biếng. Chuyện đó làm tôi khá lo lắng, song hình ảnh của Michas còn làm tôi bất an hơn. Buổi tối hôm ấy, tôi nhìn thấy cậu ta lấy hai tay vò đầu, vừa thăm thì, vừa nghĩ rằng tôi không nghe thấy: “Đau quá! Đau quá! Đau quá!” Bức thư của người mẹ, đến vào sáng ngày hôm sau, trong đó bà Maria đổ lên đầu Michas những lời vuốt ve âu yếm vì những điểm tuyệt đối nọ lại là đòn mới giáng thêm vào cậu ta.

- Ôi, con mang lại cho mẹ niềm an ủi đẹp quá! - Cậu lớn tiếng sau khi lấy bàn tay che mặt.

Ngày hôm sau, khi tôi khoác lên vai cậu cặp sách, cậu lão đảo và suýt nữa thì ngã. Tôi định không cho cậu đến trường, tuy vậy, cậu nói rằng không có gì xảy ra đối với cậu; chỉ đề nghị tôi dẫn đến trường, do cậu sợ bị chóng mặt. Buổi chiều, cậu về với một điểm kém mới. Cậu nhận được điểm đó vì bài học mà cậu biết hết sức thuần thục, nhưng theo lời kể của Owicki, cậu đã lắp bắp và không nói ra được. Một dự luận quả quyết về cậu được củng cố, rằng đó là cậu bé bị bão hòa “với các cơ sở và bản năng thụt lùi”, ngu ngốc và lười biếng.

Với hai lời buộc tội cuối cùng mà cậu biết được, cậu đã chiến đấu như một kẻ đang bị đánh chìm vật lộn với sóng - chiến đấu một cách tuyệt vọng, vô ích.

Cuối cùng, cậu mất toàn bộ niềm tin vào bản thân, toàn bộ sự tin nhiệm vào sức lực của mình; cậu tin rằng mọi cố gắng và lao động đều vô ích, rằng cậu không bao giờ có được trọng âm và buộc phải học kém, đồng thời cậu cũng hình dung được mẹ sẽ nói gì, đau đớn như thế nào, việc đó có thể ảnh hưởng thế nào đối với sức khỏe bạc nhược của bà.

Cha đạo ở Zalesin, người thỉnh thoảng viết thư cho cậu, một người rất thiện ý, nhưng không thận trọng, mỗi bức thư thường kết thúc bằng những lời sau:

“Michas hãy nhớ rằng không chỉ niềm vui, mà cả sức khỏe của mẹ đều phụ thuộc vào sự tiến bộ trong học tập và đạo đức của con.” Cậu nhớ, cậu quá nhớ điều đó, vì ngay cả trong mơ cậu thường gọi bằng giọng ai oán: “Mẹ ơi! Mẹ ơi!” - cứ như cầu xin bà tha lỗi.

Nhưng trong thực tế, cậu đang nhận được các điểm số ngày càng tồi tệ hơn. Lễ Giáng sinh đã sắp đến và về sổ nhận xét thì không thể nuôi ảo tưởng được nữa, tôi đã viết thư cho bà Maria để báo trước cho bà biết về điều đó. Tôi nói thẳng và dứt khoát, rằng cậu bé đang khá yếu và chịu áp lực, rằng mặc dầu đã vô cùng cố gắng, nhưng không thể giải quyết được vấn đề và có lẽ sau Lễ cần đưa cậu về nhà, giữ lại ở quê và trước hết là bồi bổ sức khỏe cho cậu. Mặc dù từ bức thư trả lời, tôi cảm nhận được rằng tình yêu của người mẹ đẻ đã bị tổn thương ở mức độ nào đó, nhưng bà trả lời lại giống như một người đàn bà hiểu biết và yêu thương con cái. Tôi không nói cho Michas bất cứ điều gì về bức thư đó và về dự định không tiếp tục cho nó đi học nữa, bởi tôi sợ bất cứ một sự xúc động mạnh nào của cậu; tôi chỉ nhắc một điều là dù có xảy ra chuyện gì thì mẹ đều biết rằng cậu đã làm việc và sẽ thông cảm trước sự thất bại của cậu. Chuyện đó làm cậu giảm bớt lo ngại, vì cậu khóc rất lâu và thực lòng, điều mà lâu nay không xảy ra với cậu. Vừa khóc cậu vừa nhắc lại: “Con đã gây ra cho mẹ biết bao nỗi lo lắng!” Nhưng trước ý nghĩ rằng không lâu nữa sẽ về làng, sẽ gặp mẹ và em Lola, nhìn thấy cả Zalesin, cả cha Maszynski, cậu cười ra nước mắt. Tôi cũng rất mong được về Zalesin, vì gần như không thể nhìn vào tình trạng đứa bé. Ở đó, trái tim người mẹ và lòng tốt của con người chờ đợi nó, và sự tĩnh lặng, và cả sự tiện nghi nữa. Ở đó, việc học hành mang dáng vẻ gia đình, chân thực, không xa lạ và không ghê tởm; ở đó, cả bầu không khí cũng quen thuộc và sạch sẽ, bầu không khí mà bộ ngực trẻ thơ có thể hít thở.

Vì vậy, tôi trông đợi ngày lễ đến như một sự cứu giúp đối với nó và tính từng phút từng giây khoảng thời gian gần cách đó, còn đối với Michas thời gian đó càng lúc càng mang lại những ưu phiền mới. Có cảm giác rằng mọi thứ đều liên kết với nhau chống lại nó. Để rèn luyện

thói quen lớn hơn trong ngôn ngữ giảng dạy, trẻ em được lệnh không sử dụng thứ tiếng nào khác khi nói chuyện với nhau.

Một lần, Michas quên và bị quở trách trước toàn thể vì đã phá hoại đạo đức các học trò khác. Chuyện đó xảy ra ngay trước ngày lễ, vì vậy càng có ý nghĩa lớn hơn. Trường hợp ấy một đứa trẻ có lòng tự trọng và nhạy cảm cảm thấy như thế nào - tôi không thể diễn tả nổi: tình trạng hỗn loạn ra sao diễn ra trong đầu óc nó! Mọi thứ đều nổ tung ra trong bộ ngực trẻ em của nó và trước mắt nó nhìn thấy không phải là ánh sáng mà là bóng tối. Nó cúi gằm xuống như nhánh lúa trước ngọn gió. Cuối cùng thì khuôn mặt đứa trẻ mười một tuổi ấy mang dáng vẻ vô cùng thảm hại; trông nó giống như vừa bị một trận khóc bóp nghẹt và đang cố kìm giữ nỗi tức tưởi; nhiều lúc mắt nó nhìn như mắt một con chim đau đớn; sau đó một sự trầm ngâm và buồn ngủ kì lạ chế ngự nó; những cử động của nó trở nên giống như vô thức, còn giọng nói thì chậm rãi đến kì lạ. Cậu bé trở nên đặc biệt lặng lẽ, bình thản và nghe lời như một cái máy. Khi tôi nói với cậu rằng đã đến thời điểm đi dạo, cậu không ngoan cố phản ứng lại như trước, mà đội ngay mũ lên đầu và đi theo tôi trong im lặng. Thậm chí, tôi có thể hài lòng nếu như điều đó phản ánh sự dừng dừng, song tôi biết rằng vẻ dừng dừng đó ẩn giấu một sự kích động, sự chối bỏ đau đớn. Cậu vẫn ngồi vào bàn học và làm các bài tập giống như trước đây, nhưng có lẽ là do thói quen mà thôi. Rõ ràng là vừa nhắc lại máy móc cách chia động từ cậu vừa nghĩ đến một điều gì khác, hoặc có lẽ chẳng nghĩ về điều gì thì đúng hơn. Một lần, tôi hỏi cậu liệu cậu đã học xong hết chưa, cậu trả lời bằng giọng từ tốn của mình và gần như buồn ngủ: “Thưa thầy, con nghĩ rằng, chuyện này sẽ không mang lại kết quả gì.” Tôi thậm chí sợ không dám nhắc về mẹ với cậu, để khỏi làm tràn ly đắng cay mà đôi môi trẻ thơ của cậu phải uống.

Tôi cũng lo lắng càng lúc càng nhiều hơn về sức khỏe của cậu, trông cậu rất tiêu tụy và cuối cùng trở nên gần như trong suốt. Mạng mạch máu nhỏ của cậu trước đây hằn rõ trên thái dương khi cậu tỏ ra cực kì sôi động, bây giờ nhìn thấy thường xuyên. Cậu đẹp ra đến mức trông

gần giống một bức tranh. Thật buồn khi phải nhìn lên cái đầu nhỏ nhắn của đứa trẻ nửa thiên thần, cái đầu gây cho ta cảm giác một bông hoa tàn úa. Thoáng nhìn thì hình như cậu chẳng bị làm sao cả, nhưng cậu đã tàn lụi và kiệt sức. Cậu không thể nâng được tất cả sách trong cặp lên nổi, vì vậy tôi chỉ đặt vào đó một số cuốn, số còn lại tôi mang, vì bây giờ hằng ngày tôi dẫn cậu tới trường và đưa cậu về.

Cuối cùng thì ngày lễ cũng đã đến. Lũ ngựa từ Zalesin tới chờ đã hai ngày rồi, còn thư của bà Maria đến cùng với chúng kể rằng mọi người đều vô cùng sốt ruột mong ngóng chúng tôi. “Mẹ nghe nói rằng con, Michas, đang gặp khó khăn - bà Maria kết thúc - mẹ không mong chờ những điểm tuyệt đối nữa, mà mẹ chỉ muốn các thầy giáo của con cũng nghĩ giống như mẹ, rằng con đã làm mọi việc hết sức mình và đã cố gắng thực hiện tốt nhiệm vụ để bù đắp lại những bước tiến chưa đúng mực của mình.”

Nhưng ở bất cứ phương diện nào, các giáo viên cũng đều nghĩ khác, vì vậy kết quả đánh giá đã đi ngược lại với điều mong đợi đó. Lần quở trách công khai cuối cùng liên quan trực tiếp đến việc thực hành nhiệm vụ của cậu bé, mà về điều đó bà Maria cũng có một quan điểm khác. Trong cách nhìn của các giáo sư người Đức thì đứa bé chỉ làm tốt được công việc gây cười vì những lời chế nhạo sự lạc hậu của Ba Lan, môn ngôn ngữ và truyền thống. Vì hậu quả của những khái niệm luân lý đó mà Michas, như một đứa bé không có triển vọng, trong tương lai không thể tiếp tục nghe giảng được, và chiếm chỗ của người khác một cách vô ích, nên buộc phải thôi học ở trường. Buổi tối cậu mang bản án đó về. Trong căn nhà gần như đã tối đen, tuyết rơi dày đặc ngoài trời, nên tôi không thể nhìn rõ mặt đứa bé. Tôi chỉ thấy là nó đi đến chỗ cửa sổ, đứng ở đó và không nghĩ ngợi gì, im lặng, nhìn vào những cánh tuyết rơi đang bay lượn trong không trung. Tôi không ghen tị với ý nghĩ của cậu bé khốn khổ, những ý nghĩ giống như bông tuyết kia đang bay lượn trong đầu óc, song tôi thích nói với nó về những chuyện khác hơn là kết quả đánh giá và bản án nọ. Cứ như thế mười lăm phút đã trôi qua và chúng tôi chìm trong sự im lặng khó chịu, trong khi ngoài trời đã gần

như tối hẳn. Tôi bắt tay vào việc sắp xếp đồ đạc trong hòm và biết rằng Michas vẫn còn đứng bên cửa sổ, cuối cùng tôi lên tiếng:

- Con đang làm gì thế, Michas ới?

- Đúng là, - cậu bé đáp bằng giọng run rẩy và ngập ngừng ở mỗi âm tiết - mẹ con bây giờ đang ngồi với em Lola trong phòng làm việc màu xanh lá cây trước ngọn lửa và nghĩ về con chứ?

- Có thể như vậy. Tại sao giọng con lại run rẩy như vậy? Liệu con có bị ốm không đấy?

- Con không bị làm sao, thưa thầy, con chỉ thấy rất lạnh thôi.

Tôi vừa cởi quần áo cậu bé và lập tức đặt cậu nằm lên giường, vừa nhìn với lòng thương hại lên đầu gối gầy còm và cẳng tay mỏng manh đến mức trông như cây sậy của cậu. Tôi ra lệnh cho cậu uống cốc nước chè và đắp lên người cậu những gì có thể.

- Bây giờ con đã thấy ấm hơn chưa?

- Ồ, vâng! Đầu con hơi đau.

Cái đầu khốn khổ có cái gậy đau đớn. Đứa bé mệt mỏi liền ngủ thiếp đi và thở nặng nề trong giấc mơ bằng bộ ngực còm cõi của mình, còn tôi cũng làm xong việc đóng gói đồ đạc của cậu và đồ đạc của mình; vì cảm thấy không được khỏe, tôi đi nằm. Sau khi thổi tắt nến, tôi ngủ gần như ngay lập tức.

Khoảng ba giờ đêm, ánh sáng và giọng lầm bầm đều đều quen thuộc đánh thức tôi dậy. Tôi mở mắt ra và tìm tôi đau thắt lại một cách đầy lo ngại. Trên bàn thấp sáng đèn, bên cạnh là cậu bé Michas trong chiếc sơ mi mỏng đang ngồi trước quyển sách: hai gò má cậu cháy sáng, đôi mắt nhắm nghiền như để tăng cường trí nhớ, đầu hơi ngửa về phía sau, còn giọng nói buồn ngủ thì lặp đi lặp lại:

- Chia động từ: *Amem, ames, amet, amemus, ametis...*

- Michas ới!

- Chia động từ: *Amem, ames...*

Tôi lay vai cậu:

- Michas ới!

Cậu tỉnh dậy và vừa bắt đầu nháy nháy mắt với sự ngạc nhiên, vừa nhìn tôi cứ như không nhận ra tôi là ai.

- Con làm cái gì vậy? Con bị làm sao thế, bé ơi?

- Thưa thầy, - cậu vừa đáp vừa cười - con học lại tất cả từ đầu; ngày mai con phải được điểm tuyệt đối...

Tôi cầm lấy tay nó và bế lên giường; thân thể nó làm tay tôi bỏng rát như chạm lửa. Cũng may là bác sĩ ở cùng ngôi nhà của tôi, vì vậy ngay tức khắc tôi dẫn ông đến. Ông không phải nghĩ ngợi gì lâu. Trong giây lát, ông đo mạch đập của đứa bé, rồi đặt tay lên trán nó: Michas bị viêm não.

Ồi! Quá nhiều chuyện rõ ràng là không thể chất hết lên đầu nó được.

Căn bệnh nhanh chóng chuyển biến đến mức độ đáng sợ. Tôi gửi điện tín đến cho bà Maria và ngay ngày hôm sau, tiếng chuông vang lên dữ dội ở phòng ngoài báo cho tôi biết sự có mặt của bà. Sau khi mở cửa, tôi nhìn thấy bà nhợt nhạt dưới tấm vải che mặt màu đen giống như tấm vải đay; những ngón tay bà tì lên vai tôi với sức mạnh khác thường và cả tâm hồn bà dồn vào đôi mắt nhìn lên tôi, bà chỉ hỏi ngắn gọn:

- Nó còn sống?

- Còn sống. Bác sĩ nói bây giờ đã khá hơn.

Tháo bỏ tấm vải che mặt, trên đó còn đọng những hạt sương do hơi thở để lại, bà chạy vào phòng đứa bé. Tôi đã nói dối. Đúng là Michas còn sống, nhưng tình trạng của nó không khá hơn. Nó thậm chí không nhận được ra mẹ, khi bà ngồi bên cạnh và cầm lấy hai bàn tay nó. Mãi đến khi tôi đặt lên đầu nó tấm khăn nước đá mới thay, cậu bé mới nheo nheo mi mắt và cố gắng nhìn vào khuôn mặt đang cúi gằm trên người nó. Ý nghĩ của nó rõ ràng đang cố căng ra vừa để chiến đấu với cơn nóng và chứng điên, miệng run run, vừa mỉm cười lần thứ nhất rồi lần thứ hai, cuối cùng môi cậu bật lên tiếng thầm thì:

- Mẹ ơi!...

Bà nắm cả hai bàn tay nó và ngồi như vậy bên cạnh nó suốt mấy tiếng đồng hồ, thậm chí không cởi quần áo đi đường ra. Mãi đến khi tôi nhắc bà về điều đó, bà mới nói:

- Đúng rồi. Tôi quên không bỏ mũ xuống.

Khi bà bỏ mũ ra, tim tôi co lại vì một cảm giác kì lạ: thì đây giữa mái tóc vàng trang điểm cho một cái đầu trẻ đẹp bỗng thấy long lanh phát sáng những sợi tóc bạc trắng. Ba ngày trước đây có lẽ nó còn chưa xuất hiện tại đó.

Tự tay bà thay khăn chườm cho đứa bé và cho nó uống thuốc. Michas ngược mắt theo mỗi cử động của mẹ, nhưng bây giờ nó lại không nhận ra bà nữa. Buổi tối, cơn sốt nóng tăng cường. Trong cơn mê sảng, nó đọc thơ nói lên lòng tự hào về người anh hùng Zolkiewski trích từ bài *Tiếng hát* của Niemcewicz, đôi lúc nó nói bằng thứ tiếng dùng để giảng bài, rồi lại nhắc đến cách biến đổi các từ Latinh khác nhau. Chốc chốc tôi lại đi ra khỏi phòng, vì tôi không thể nghe tiếp được điều đó. Khi nó còn khỏe, nó đã lén học bài hầu lễ với ý định gây ra cho mẹ sự ngạc nhiên khi về quê - và bây giờ tôi bỗng rùng mình khi giữa đêm khuya tĩnh lặng nghe thấy đứa trẻ mười một tuổi nhắc đi nhắc lại trước khi chết bằng giọng đều đều, lịm dần: - Deus meus, Deus meus, quare me repulisti et quare tristis incedo, dum affligit me inimicus!*

Tôi không biết diễn tả những lời nói đó đã gây ra ấn tượng khủng khiếp như thế nào. Đó là Đêm Thiên Chúa giáng sinh. Từ ngoài phố, tiếng người nói ồn ào và tiếng chuông gắn trên các cỗ xe trượt tuyết vang đến. Thành phố mang bộ mặt bên ngoài đầy vẻ lễ hội và vui tươi. Khi bên ngoài hoàn toàn tối thẫm, qua cửa sổ ở phía đối diện bên kia phố có thể nhìn thấy cây thông Noel sáng lung linh bởi những ngọn nến, trên đó treo những quả thông màu vàng và bạc sáng lấp lánh, còn xung quanh cây thông là những chỏm đầu trẻ con với những mớ tóc màu vàng và đen quần tít đung đưa trong không trung và nhún nhảy như lò xo. Các cửa sổ cháy bùng lên bởi ánh sáng, còn từ bên trong

phát ra những tiếng hét hò vui vẻ và đầy ngạc nhiên. Giữa những giọng nói từ ngoài phố vọng vào không có gì khác hơn là tiếng cười vui vẻ và niềm hân hoan chung; chỉ có duy nhất cậu bé của chúng tôi là lặp đi lặp lại với nỗi bi ai khủng khiếp:

- *Deus meus, Deus meus, quare me repulisti?*

Trước cánh cổng, những cậu bé khênkhều cỏ khô đang dừng bước và ngay sau đó vẳng đến chỗ chúng tôi giọng hát của chúng: “Đang nằm trong nôi là Chúa hài đồng.” Đêm Giáng sinh đang đến gần, còn chúng tôi thì run rẩy, sợ rằng đó sẽ là đêm chết chóc.

Trong giây lát, chúng tôi có cảm tưởng rằng cậu bé đã tỉnh lại, vì cậu lên tiếng gọi Lola và mẹ, nhưng điều đó chỉ diễn ra rất ngắn. Nhịp thở nhanh của cậu đôi khi hoàn toàn ngừng lại. Không có gì để hi vọng nữa! Linh hồn bé bỏng kia chỉ còn ở lại một nửa với chúng tôi. Trí tuệ của nó đã lìa xa, và giờ đây bản thân cậu cũng đã đi vào nơi xa xôi vô tận đầy tăm tối và không nhìn thấy ai nữa, và không cảm thấy gì nữa, thậm chí cả mái đầu của người mẹ, mái đầu đang nằm như chết trên đôi chân cậu. Cậu trở nên trơ cứng và không nhìn lên chúng tôi nữa. Từng hơi thở của bộ ngực đều làm cậu lìa xa thêm và như nhấn chìm cậu vào khoảng tối tăm. Bệnh tật đã dập tắt dần hết tia lửa này đến tia lửa khác của cuộc sống. Đôi tay của đứa bé đặt trên gối đã nằm yên trên đó không động đậy giống như một đồ vật chết; mũi cậu nhọn ra, còn khuôn mặt thì mang dáng vẻ trầm tư lạnh lùng. Hơi thở mỗi lúc một thêm gấp gáp, và cuối cùng thì giống với tiếng tích tắc của đồng hồ. Một giây phút nữa thôi, một hơi thở nữa thôi và hạt cát cuối cùng phải rơi xuống từ chiếc đồng hồ cát: đã đến hồi kết.

Khoảng nửa đêm, chúng tôi cảm thấy chắc chắn rằng cậu đang hấp hối, vì cậu bắt đầu thở khò khè và rên lên như một người bị nước tràn đầy mồm, và sau đó bỗng nhiên câm lặng. Nhưng chiếc gương nhỏ mà bác sĩ đặt vào miệng cậu vẫn bị màn sương hơi thở bao phủ. Một tiếng đồng hồ sau, cơn sốt nóng đột ngột giảm: tất cả chúng tôi đều nghĩ rằng cậu đã được cứu thoát. Chính bác sĩ cũng nuôi một niềm hi vọng mong manh. Bà Maria khốn khổ cảm thấy mệt yếu.

Trong vòng hai tiếng đồng hồ, tình hình cậu bé càng lúc càng tốt lên. Trước khi trời sáng, vì lúc đó đã là giờ thứ tư tôi không chợp mắt ngồi bên cậu bé và vì chứng ho làm tôi nghẹt thở mỗi lúc một nặng hơn, tôi bước ra phòng ngoài và sau khi đặt mình nằm xuống chiếc đệm cỏ khô, tôi thiếp đi. Giọng nói của bà Maria đánh thức tôi. Tôi nghĩ rằng bà đang gọi tôi, nhưng giữa cảnh tĩnh lặng đêm khuya tôi nghe rõ tiếng gọi:

- Michas ơi! Michas ơi!

Tóc trên đầu tôi dựng đứng, khi tôi hiểu giọng nói kinh khủng đó bà đang dùng để gọi đứa bé; nhưng trước khi tôi bật người ngồi dậy được, thì chính bà chạy ra phòng ngoài với ngọn nến trong tay và với đôi môi run rẩy, bà thì thầm:

- Michas... đã chết!

Tôi chạy không kịp thở đến bên giường cậu bé. Đúng như vậy. Đầu đặt trên chiếc gối, miệng há hốc, đôi mắt không động đậy găm vào một điểm và sự đông cứng của tất cả các đường nét không để lại sự hoài nghi nhỏ nhất nào: Michas đã chết.

Tôi phủ tấm chăn lên cậu, tấm chăn mà bà mẹ khi bật dậy khỏi giường đã làm hờ thi thể gầy còm của cậu và tôi vuốt mắt cho cậu, còn sau đó, tôi phải mất khá nhiều thời gian làm bà Maria tỉnh lại. Ngày lễ đầu tiên tôi dùng để chuẩn bị cho đám tang. Đám tang thật khủng khiếp đối với tôi, bà mẹ không muốn rời khỏi thi hài, mà sức lực của bà luôn luôn thiếu ỏi. Bà ngất đi khi mọi người đến đo đạc để làm quan tài, sau đó, khi bắt đầu thay quần áo cho thi thể, cuối cùng, khi mang nhà táng đến đặt. Nỗi tuyệt vọng của bà đôi lúc lại tiếp xúc với vẻ dửng dưng của những người làm dịch vụ chôn cất đã quá quen với cảnh tượng như vậy và bà gần như trở thành điên dại. Chính tay bà bỏ phoi bào vào quan tài dưới tấm vải sa tanh, vừa bỏ vừa không ngớt mê sảng nói rằng đầu đứa bé sẽ bị đặt quá thấp. Còn trong khi đó, Michas đã mặc quần áo đồng phục mới và đi găng tay trắng, nằm trên giường, trông khô cứng, thờ ơ và dịu dàng. Cuối cùng, chúng tôi cũng đặt thi

thế vào quan tài và xếp trong nhà táng, còn xung quanh đặt hai hàng nến. Căn phòng, trong đó cậu bé khốn khổ đã phải ngồi để đổi cách các từ tiếng Latinh và làm bài tập giờ đây đã biến thành ngôi nhà thờ nhỏ, các ô cửa sổ đóng kín không để ánh mặt trời lọt qua, còn ánh nến vàng lấp lánh đã làm cho các bức tường có vẻ bề ngoài giống như một nhà thờ nào đó và không khí rất long trọng. Kể từ lúc cậu nhận được những điểm tuyệt đối cuối cùng cho đến nay, chưa bao giờ tôi nhìn thấy khuôn mặt Michas sáng tươi đến như vậy. Khuôn mặt thanh tú của cậu hướng lên trần nhà mỉm cười dịu dàng, giống như trong cuộc nghỉ ngơi vĩnh cửu của cái chết, cậu bé rất thích thú và cảm thấy hạnh phúc. Ánh nến lung linh làm cho gương mặt cậu bé và nụ cười kia mang dáng vẻ của sự sống và giấc ngủ. Đám trẻ, các bạn bè của cậu, những người không về nhà nhân dịp lễ đã dần dần tụ họp lại.

Cặp mắt bọn trẻ mở rộng ra với sự ngạc nhiên trước cảnh tượng các ngọn nến, ngôi nhà táng và cỗ quan tài. Có lẽ những bộ đồng phục bé nhỏ kia bị uy thế và vai trò của bạn mình làm ngạc nhiên. Thì mới cách đó không lâu, cậu bé còn có mặt giữa chúng, còn còng lưng giống như chúng dưới sức nặng của cặp sách chứa đầy các cuốn sách tiếng Đức, cậu nhận được điểm kém, bị quở mắng và phê bình trước toàn trường, có trọng âm tồi; mỗi đứa trong số đó có thể nắm tóc cậu kéo lên hoặc véo tai cậu; còn giờ đây cậu đang nằm cao hơn chúng, rất trọng thể, bình thản, giữa ánh sáng bao bọc; tất cả mọi người nhích dần tới gần cậu với sự kính trọng và nỗi lo lắng, và thậm chí Owicki, mặc dù là học sinh đầu lớp, cũng chẳng có giá trị nhiều nhận gì so với cậu. Đám trẻ huých khuỷu tay vào nhau, thầm thì nói với nhau, rằng bây giờ đây cậu chẳng quan tâm đến điều gì nữa, rằng thậm chí giá như ngài Thanh tra có đến đây chẳng nữa, thì cậu cũng không đứng bật dậy, không sợ hãi, mà vẫn mỉm cười bình thản như thế; rằng cậu ở nơi đó hoàn toàn có thể làm điều mà mình thích, gây ồn ào nếu như cậu muốn và có thể nói dù bằng tiếng Ba Lan với những thiên thần bé nhỏ có đôi cánh mọc dưới cổ.

Vừa thăm thì như vậy, chúng vừa tiến gần tới chỗ dây nện và đọc kinh cầu nguyện cho sự yên nghỉ cuối cùng của Michas...

Ngày hôm sau, người ta đẩy nắp quan tài, đóng đinh và đưa ra nghĩa trang, nơi những nắm đất cát trộn lẫn cùng với tuyết được rắc, ngay sau đó, người ta che khuất cổ quan tài trước mắt tôi... vĩnh viễn...

Hôm nay, khi tôi viết điều này, đã gần một năm trôi qua kể từ thời gian đó, nhưng tôi nhớ con và thương con vô cùng, Michas bé nhỏ của tôi, đóa hoa sớm héo tàn của tôi! Con có trọng âm tôi, nhưng có trái tim chính trực. Tôi không biết bây giờ con đang ở đâu, có nghe thấy tôi không, tôi chỉ biết rằng người thầy giáo xưa kia của con đang bị chứng ho ngày càng nặng hành hạ, rằng hẳn sống ngày càng khó khăn, ngày càng cô đơn và sắp tới có thể sẽ ra đi, giống như con đã ra đi...

HẾT

DỊCH TỪ NGUYÊN TÁC TIẾNG BA LAN

Nowele Polskie

1. Eliza Orzeszkowa (1841 - 1910)

A... B... C...

Dobra pani

2. Bolesław Prus (1847 - 1912)

Antek

Grzechy dzieciństwa

Kamizelka

Katarynka

Z legend dawnego Egiptu

3. Stefan Żeromski (1864 - 1925)

Silaczka

4. Maria Konopnicka (1842 - 1910)

Dym

Mendel Gdański

Nasza szkapa

5. Henryk Sienkiewicz (1846 -1916)

Latarnik

Janko Muzykant

Sachem

Wspomnienie z Maripozy

Za chlebem

Z pamiętnika poznańskiego nauczyciela

MỤC LỤC

1. [ELIZA ORZESZKOWA](#)
 1. [A... B... C...](#)
 2. [BÀ CHỦ TỐT BỤNG](#)
2. [BOLESŁAW PRUS](#)
 1. [GIẤC MƠ CỐI XAY GIÓ](#)
 2. [NHỮNG TỘI LỖI TUỔI ẤU THƠ](#)
 3. [CHIẾC ÁO GHI LÊ](#)
 4. [ĐÀN QUAY](#)
 5. [TỪ NHỮNG HUYỀN THOẠI AI CẬP CỔ ĐẠI](#)
3. [STEFAN ZEROMSKI](#)
 1. [NGƯỜI PHỤ NỮ MẠNH MẼ](#)
4. [MARIA KONOPNICKA](#)
 1. [KHÓI](#)
 2. [ÔNG MƯỜI LĂM GDANSK](#)
 3. [CON NGỰA GIÀ CỦA CHÚNG TÔI](#)
5. [HENRYK SIENKIEWICZ](#)
 1. [NGƯỜI GÁC ĐÈN BIỂN](#)
 1. [1](#)
 2. [2](#)
 3. [3](#)
 2. [JANKO NGƯỜI CHƠI NHẠC](#)
 3. [TÙ TRƯỞNG](#)
 4. [HỒI ỨC TỪ MARIPOZA](#)
 5. [VÌ MIẾNG BÁNH MÌ](#)
 1. [I](#)
 2. [II](#)
 3. [III](#)

6. TỪ HỒI KÍ CỦA MỘT GIÁO VIÊN Ở POZNAN

Table of Contents

ELIZA ORZESZKOWA

A... B... C...

BÀ CHỦ TỐT BỤNG

BOLESŁAW PRUS

GIẤC MƠ CỐI XAY GIÓ

NHỮNG TỘI LỖI TUỔI ẤU THƠ

CHIẾC ÁO GHI LÊ

ĐÀN QUAY

TỪ NHỮNG HUYỀN THOẠI AI CẬP CỔ ĐẠI

STEFAN ZEROMSKI

NGƯỜI PHỤ NỮ MẠNH MẼ

MARIA KONOPNICKA

KHÓI

ÔNG MƯỜI LĂM GDANSK

CON NGỰA GIÀ CỦA CHÚNG TÔI

HENRYK SIENKIEWICZ

NGƯỜI GÁC ĐÈN BIỂN

1

2

3

JANKO NGƯỜI CHƠI NHẠC

TÙ TRƯỞNG

HỒI ỨC TỪ MARIPOZA

VÌ MIẾNG BÁNH MÌ

I

II

III

TỪ HỒI KÍ CỦA MỘT GIÁO VIÊN Ở POZNAN